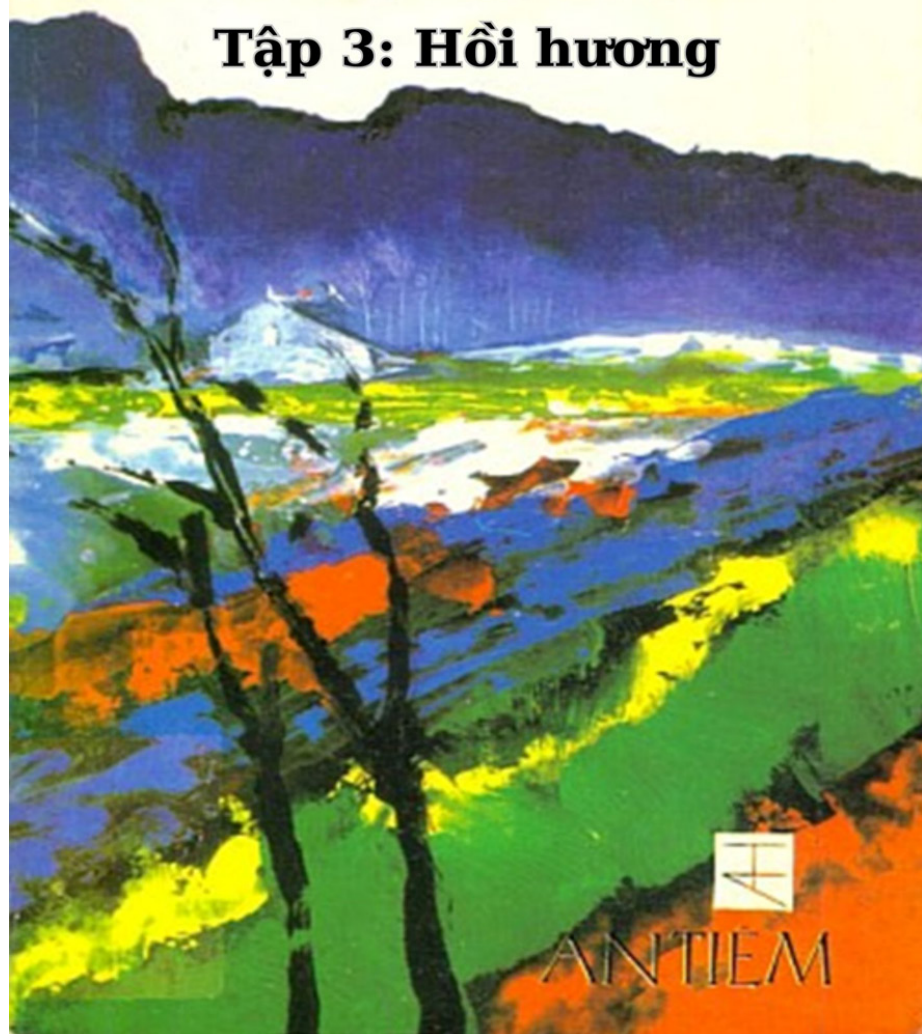


NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

Tập 3: Hồi hương

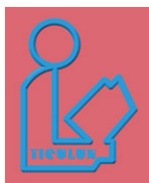


ANTIEM

sông Côn mùa lũ

Tập 3: Hồi hương

Nguyễn Mộng Giác



sông Côn mùa lũ

Nguyễn Mộng Giác

Bìa: *NXB An Tiêm*

Nguồn: *nguyenmonggiac.com*

sông Côn mùa lũ

NGUYỄN MỘNG GIÁC

AN TIÊM

xuất bản - USA 1990-1991

TẬP 3: HỒI HƯƠNG

TÓM LƯỢC

Chương 18: Tình hình Nam Hà năm Quý Tị (1773) theo nhận định của sử quán triều Nguyễn. Phê phán lối nhận định thiên cận này. Giáo Hiến say sưa với giải pháp hoàng tôn. Nhạc quyết định đánh xuống Kiên thành. Sau khi thành công, xếp đặt lại bản doanh cho có đủ nghi vệ cần thiết. Cuộc hội kiến hợp tác giữa các nhóm lẻ tẻ để hợp nhất lực lượng: biện Nhạc, Nguyễn Thung, Huyền Khê, Tập Đình Lý Tài.

Chương 19: Huệ vượt lệnh anh, dẫn quân chiếm sâu xuống An Thái bị Nhạc quả trách. Huệ ghi nhận sự thay đổi thái độ của anh. Cảnh An Thái sau ngày được giải phóng. Niềm vui mới của Huệ. Mắm gặp lại được anh ruột. Gia Đình Hai Nhiều về An Thái. Hành động tham lam và sốc nổi của vợ chồng Hai Nhiều.

Chương 20: Lợi về Xuân huê, trả thù nhà. Huyền Khê can thiệp, Lợi bị Nhạc trừng phạt. Cái thế cái răng lược giữa lực lượng Tây Sơn thượng và Nguyễn Thung, Tập Đình Lý Tài.

Chương 21: An và Lãng xuống thăm cha ở trại Kiên Thành, rồi về An Thái. An chứng kiến sự tham lam hống hách của vợ chồng Hai Nhiều. An và Lãng tìm lại dấu tích kỷ niệm cũ. Huệ đến thăm, bàn luận với hai chị em về các triển vọng

mới. An thao thức đau khổ vì tưởng Huệ đã thay đổi.

Chương 22: Ban tham mưu của Nhạc chuẩn bị kế hoạch đánh phủ Qui Nhơn.

Chương 23: Nghĩa quân đánh phủ Qui Nhơn. Chiếm hai kho Càn dương và Nước ngọt. Khâm sai Lạng bị anh ruột của Mắm giết. Cảnh hỗn loạn ở phủ Qui Nhơn. Tiệc khao quân.

Chương 24: Lâu nay Kiên bị giam trong ngục tối tại phủ Qui Nhơn, nay được quân khởi nghĩa giải thoát. Cảm thức tự do đầu tiên. Kiên mạnh dạn đứng ra lo liệu tang ma cho viên cai cơ, ân nhân của mình, sau đó bảo bọc cho vợ con viên cai cơ.

Chương 25: Ông giáo giúp Nhạc ổn định trị an sau chiến thắng. Các ý kiến

khác nhau về những việc phải làm, trong đó có việc phân chia các chức vụ. Giáo Hiến ngỡ ngàng thấy cả Kiên lẫn Huệ đều thay đổi. Ông cảm thấy Nguyễn Huệ càng lớn lao hơn, và xa lạ hơn trước.

Chương 26: Kiên đưa vợ con viên cai cơ về An Thái. Cảnh đoàn tụ buồn hiu, ngượng ngập. Hai Nhiều bị ám sát. Không khí khủng bố sau đó tại An Thái. An, Lãng lại hoang mang trước không khí sợ hãi ấy. Họ bàn luận với nhau. An nhắc trộm các ý kiến của Huệ. Lãng theo Huệ xuống sung quân ở đèo Cù Mông.

Chương 27: Các cuộc giao tranh giữa quân Tây Sơn và quân triều sau khi phủ Qui Nhơn mất.

Chương 28: An rời An Thái xuống ở phủ Qui Nhơn. An được các gia đình “quí phái mới” mời dạy nữ công, trang

điểm cho con gái họ. An dạy chữ cho Thọ Hương, con gái Nhạc. Kiên về ở hẳn với vợ viên cai cơ tại cái quán gần bến tắm ngựa. Chinh sống buông lung khi dự trận với toán quân Hòa nghĩa ngoài Quảng Nam. Lợi giữ kho nên đủ phương tiện giúp đỡ cho An để gây cảm tình.

Chương 29: Nhạc cho “rước” đông cung Dương về Qui Nhơn. Cuộc nghinh giá long trọng. Cảm giác hụt hẫng của giáo Hiến khi gặp đông cung. Xúc động ban đầu của Thọ Hương. Tình thế gay go của Qui Nhơn: quân Trịnh đã lấn sâu vào Quảng Nam. Quân Gia Định đã chiếm Phú Yên. Giải pháp hoãn binh của Nhạc.

Chương 30: Nguyễn Huệ gửi biểu An tập thơ Đỗ Phủ. Tâm trạng dao động của giáo Hiến trước tình thế khó khăn. Huệ nói với thầy về sự đào thải tất nhiên của

lịch sử. Huệ ghé thăm An ở Qui Nhơn. Thọ Hương lo âu khi nghe tin cha sắp gả mình cho đông cung Dương.

Chương 31: Các biện pháp của Nhạc để trấn an dân chúng Qui Nhơn. Đám cưới Thọ Hương và nỗi thất vọng ê chề của Thọ Hương sau ngày cưới. Giải pháp hoàng tôn không giải quyết được tình hình cô lập. Nhạc chọn giải pháp hợp tác với Trịnh. Ông giáo bị ngờ là kẻ phản bội, bắt đầu bị đào thải.

Chương 32: Huệ ở doanh trại đóng trên đỉnh Cù Mông. Niềm tin tưởng lạc quan khác thường của Huệ giữa giai đoạn đen tối. Lợi dụng việc tiếp tế cho quân lính để tìm lợi riêng. Tình cảm ông giáo và An trong cảnh thất sủng và bị cô lập.

Chương 33: Chinh theo đạo quân Hòa nghĩa rút về Qui Nhơn. Cuộc sống phóng đảng của Chinh. Lợi bị Chinh buộc phải chu cấp cho các cuộc rượu thịt của bọn lính vong mạng.

Chương 34: Chiến thắng đầu tiên của Nguyễn Huệ ở Phú Yên. Khắp Qui Nhơn dân chúng rộn rã đón tin chiến thắng. Nhạc đứng ra làm mối để ông giáo gả An cho Lợi, vì nhu cầu chính trị. Tâm trạng tuyệt vọng của An trước cuộc hôn nhân bất đắc dĩ.

Chương 35: Đám cưới An tổ chức cùng một lúc với lễ tiếp sắc của chúa Trịnh. Tâm trạng Nguyễn Huệ khi nghe tin An đi lấy chồng. Cuộc đối thoại giữa hai anh em Nhạc Huệ. Tâm sự giữa An và Thọ Hương.

Chương 36: Nguyễn Hữu Chỉnh vào Qui Nhơn lần đầu. Chỉnh giải bày quan niệm thực tiễn về nhân sinh. Giáo Hiến và Huệ tâm sự với nhau sau lễ cưới của An.

Chương 37: Cảm tưởng xót xa bề bàng của An sau đêm tân hôn. Giáo Hiến khám phá ra sự lầm lẫn của mình khi thuận gả An cho Lợi. Vị thế ông giáo ở Qui Nhơn bấp bênh nguy hiểm hơn. Nguyễn Huệ can thiệp với Nhạc để ông giáo được sống yên thân tại Bằng Châu. Nguyễn Nhạc xưng vương ở Qui Nhơn.

Chương 18

Về tình hình Nam Hà năm Quý Tỵ (1773), cuốn sử triều Nguyễn “Liệt truyện tiền biên” chép: “Năm Quý Tỵ mùa xuân, Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc mở cờ làm loạn. Có tin ở biên thù cấp báo. Nhưng vì bình yên đã lâu không phải đánh trận nào nên tướng sĩ ươn ể, kẻ kiếm cơ này người tìm cơ nọ để thoái thác. Loan lại giở thói ăn hối lộ để chỉ định người khác ra trận thay” (quyển 6, 35b). Các sử quan triều Nguyễn về sau đã vo tròn lịch sử lại, làm hạt minh châu giả dính lên chiếc miệng giấy của bọn

vua quan ươn hèn. Họ giải thích sự rệu rã bất lực của triều đình trước cuộc khởi nghĩa ở Tây Sơn bằng cách nêu ra hai lý do: một là vì hưởng thái bình đã lâu nên tướng sĩ đâm lười nhác, hai là do sự tham ô của Trương Phúc Loan. Lập luận hết sức mâu thuẫn, vì họ tránh né không dám nhìn thẳng vào sự thực lịch sử thời bấy giờ.

Thử hỏi thứ “bình yên” lâu dài của Nam Hà do sự quan nhà Nguyễn nhắc đến như thế nào? Thứ bình yên của một thiếu số con vua cháu chúa và bọn công thần nối nhau đòi đòi hưởng mọi tiện nghi xa hoa, mặc gấm đoạn, đồ dùng toàn mâm đồng, thau bạc, chén đĩa sứ Tàu, hay thứ “bình yên” của đám đông chịu đủ thứ sưu dịch thuế khóa? Sự tham tàn của tầng lớp thống trị đã lên đến cực độ, mà nơi dân chúng bị bóc lột nặng

nề nhất là ở mấy phủ Quảng Nam, Quy Nhơn. So với đất cũ Thuận Hóa, dân các phủ phía nam đèo Hải Vân phải chịu thuế khóa nặng hơn. Lê Quý Đôn viết trong Phủ Biên Tạp Lục như sau: “Lệ phí thuế ở xứ Quảng Nam khác với xứ Thuận Hóa. Sự trưng thu so với Thuận Hóa hơi nặng, cho nên kho tàng thu vào rất nhiều, bổng lộc quan lại rất nhiều, mà dân địa phương ấy nổi loạn trước hơn ai cả cũng vì có ấy”. Ông Quế Đường có thấy rõ vấn đề hơn bọn sử quan nhà Nguyễn sau này, khi cho rằng nguyên nhân cuộc nổi loạn là tình trạng bất công nặng nề lộ liễu ở các phủ thuộc xứ Quảng Nam.

Nhưng giả sử thời đại bình yên kéo dài của nhà Nguyễn được dựng trên cái nền công bằng hơn, trên có vua sáng, quan lại thanh liêm, chính sách thuế khóa hai bên đèo Hải Vân không có sự

chênh lệch, vương phủ và các dinh trấn không sống xa hoa đến nỗi đặt đủ thứ mảnh khoe bóp hâu bóp họng dân nghèo, thì liệu có cuộc khởi nghĩa ở Tây Sơn thượng hay không? Nếu Trương Phúc Loan không thích phơi vàng ở lầu Phấn Dương, nếu chúa Nguyễn chịu tha cho dân một vài món thuế vật như tiền tết, tiền cơm mới, hạ bớt thuế ruộng đất, chê các loại gấm đoạn và sơn hào hải vị đem từ bên Tàu sang, thì tình thế lúc bấy giờ sẽ thế nào? Những chữ nếu làm rắc rối thêm chiều hướng lịch sử vốn đã phức tạp, nhưng chúng ta không thể nào hiểu được cơn bão đã làm lay động dữ dội xã hội Việt Nam thế kỷ thứ 18 nếu – lại chữ nếu – sợ hãi né tránh như các sử quan nhà Nguyễn, hoặc nếu tự dắt vào mê lộ của những hiện tượng bên ngoài.

Nguyên nhân sự rệu rã của guồng máy chính quyền Nam Hà thời bấy giờ phải có căn bản sâu xa hơn, thuộc vào một thứ qui luật khách quan chi phối tất cả mọi biến cố, mọi hiện tượng. Xứ Thuận Hóa thời bấy giờ đã là một vùng đất nghèo, nguồn lợi kinh tế ít ỏi không đủ cho các chi phí lớn lao cho việc quốc phòng bên bờ nam sông Gianh. Các chúa Nguyễn có thể buộc bọn sử quan dưới tay ca tụng công khai phá bờ cõi của mình, dựa vào đó đòi hỏi được công nhận như một dòng họ thống trị chính thống, hợp ý trời và lòng người. Nhưng ai cũng biết công cuộc mở rộng bờ cõi về phương nam không phải chỉ khởi đầu từ Nguyễn Hoàng, mà bất cứ một dòng họ nào ở vào vị trí của họ Nguyễn Gia Miêu cũng đều phải nghĩ đến nam tiến.

Những người tiên phong đi khai phá đất mới mở rộng bờ cõi phần lớn ra đi trong hoàn cảnh bất đắc dĩ. Họ là dân phiêu bạt bị cưỡng ép di cư. Là những tội đồ bị gửi đến chỗ thâm sơn cùng cốc, khí hậu độc địa để chịu khổ sai. Là những lính thú yếu thế vì nghèo khổ. Nói chung họ là thành phần bị bạc đãi của xã hội, bị ép buộc là bỏ quê hương để đến sống cam go cực khổ trên những vùng đất xa lạ, hoang dã, dân cư thưa thớt. Trên những địa bàn này, dân bản địa còn thưa thớt nên tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác nhiều như các vùng đất có nền văn minh lâu dài. Nhờ thế, những người tiên phong luôn luôn tìm được một vùng đất màu mỡ để sống còn.

Từng đời, từng đời họ dần dà lấn sâu hơn về phía nam. Tương truyền núi

Thạch Bi là dấu vết cuộc trường chinh của Lê Thánh Tôn, thì chắc chắn thời đó, vùng Quy Nhơn là vùng địa đầu của dân tộc Việt. Qua ba bốn đời, dân khai phá ở đó có đời sống kinh tế ổn định, tổ chức xã hội đã có nề nếp, việc khai phá tài nguyên làm giàu cho đất nước trở nên hữu hiệu.

Về cuối thế kỷ 18, xứ Quảng Nam kéo dài từ ngọn Ngải Lĩnh đến đèo Cù Mông đã trở thành một vùng đất trù phú, bỏ xa về tiềm lực kinh tế và mật độ dân cư nếu so với vùng Thuận Hóa cằn cỗi và vùng đất từ Phú Yên đến Gia Định dân cư thưa thớt. Đám dân lao động của xứ Quảng Nam tự nhiên giữ địa vị nòng cốt về kinh tế cho cả Nam Hà, gánh chịu trách nhiệm chính về mọi mặt. Mồ hôi và nước mắt của họ đã đổ ra quá nhiều,

nên có quyền đòi hỏi một tổ chức xã hội phù hợp với công lao và ước nguyện hạnh phúc của họ.

Qua ba, bốn đời, cái dấu chân ô nhục bọn thống trị trở lên mặt tổ tiên họ không còn khiến cho họ nem nép sợ hãi nữa. Họ đã dám ngừng lên, để mạnh dạn đòi hỏi quyền lợi chính đáng của mình, nếu cần đạp phăng những chướng ngại trên đường họ đi. Guồng máy công quyền với các luật lệ trói buộc gay gắt, tàn nhẫn đã không còn thích hợp với những người dám ngừng mặt, quắt mắt nhìn lên. Cho nên không có vùng đất nào thích hợp hơn xứ Quảng Nam, để những người lao động chân đất, hay nói như Nguyễn Huệ, để những “người dân núi” đứng lên đòi hỏi thiết lập một trật tự mới, không gì có thể ngăn cản được xu thế lịch sử khách quan này.

Ở vào hoàn cảnh kinh tế và xã hội Nam Hà hậu bán thế kỷ 18, so với miền Thuận Hóa già cỗi và vùng Gia Định thưa thớt, rõ ràng trung tâm của lịch sử đã chuyển về xứ Quảng Nam, và quyền làm lịch sử đã thuộc về những người chân đất. Trương Phúc Loan, Duệ Tôn, bọn tham quan ô lại đông như ruồi nhặng thời bấy giờ ở Đàng Trong chỉ là các hiện tượng tất nhiên của một thế lực chính trị đang xuống dốc, và Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ là những cá nhân ở đúng vào vị trí vươn lên của một thế lực mới. Dĩ nhiên anh em Nhạc, Huệ và những người thân cận thuở dấy nghiệp có tài trí đủ để lãnh nhận vai trò lịch sử, nhưng họ không hoàn toàn chủ động.

Tình thế đẩy họ tiến lên, đám đông thúc họ đứng dậy. Và khi họ đã đứng lên, tiến tới thì hào quang trí tuệ và tài thao

lược của họ đã lôi cuốn đám đông, góp gió thành bão để quật ngã tất cả mọi trở lực. Bước đầu họ có lúng túng với vai trò mới, họ cảm thấy bị đưa đẩy nên phải quyết định vội, nhưng dần dần quen với vai trò lịch sử, họ tự tin hơn, chính lúc đó khả năng trí tuệ của họ mới biểu lộ toàn diện để đối phó với các biến cố dồn dập, các thử thách lớn lao mà từ trước đến nay họ chưa từng gặp phải.

Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ trở thành nhân vật vĩ đại của lịch sử trong biến chuyển khách quan của xã hội Nam Hà hậu bán thế kỷ 18 theo từng bước một, từng bước một, với sự quả cảm, trầm tĩnh và thông minh thiên phú. Bước đầu tiên của họ vào vùng hào quang, là bước tiến xuống Kiên Thành mùa thu năm Quý Tỵ (1773).

✱

Về sau ôn lại đời mình, ông giáo nhận thấy chưa có thời kỳ nào có nhiều hứng khởi cho bằng mùa thu năm Tỵ. Có thể nói chỉ trong một tháng ngắn ngủi, những ước vọng thầm kín của ông đều được thực hiện, những khắc khoải được giải tỏa, những mâu thuẫn từng khiến ông thao thức trăn trở được hóa giải, những câu hỏi hoang mang tìm ra câu trả lời thích đáng. Những nguyên tắc của đức lý thỏa hiệp với thực tại uyển chuyển. Điều quan trọng nhất là ông vừa tìm được chỗ đứng của nhà nho, vừa thực hiện được những ý niệm về công bằng, nhân đạo (mà trong các thời kỳ nho giáo thoái hóa như thời ông sống, không dễ gì chấp nhận bên này mà không phải nghi ngờ hoặc phủ nhận bên kia).

Giải pháp tôn phù hoàng tôn Dương đã được Nhạc và những người chống đối ông giáo lâu nay chấp thuận. Như vậy là ông đã tìm ra một lẽ sống: diệt trừ bọn Trương Phúc Loan. Ông đứng về phía những người bị áp bức khốn khổ đói rách vì sưu cao thuế nặng, nhưng ông không làm loạn. Chũ trung trên trái tim ông không mảy may nghiêng lệch, vì những người cùng khổ quanh ông diệt loạn thần để tôn một ông hoàng dòng chính lên ngôi. Trương Văn Hạnh bạn ông ở dưới tuổi vàng cũng không mơ ước gì hơn là được sống để làm những việc ông đang làm. Một dạ trung trinh với vua, đáp được nghĩa cả với bạn, trả được ân sâu báo bọc của những người đi chân đất từng cưu mang ông bao năm trong thời lánh nạn, thực hiện được hoài bão ôm ấp từ lúc hiểu được nghĩa sách. Không phải dễ dàng gặp được cơ hội để

cùng một lúc làm được bấy nhiêu điều.

Cho nên thời đó nhiều người ở trạm đèo An Khê kinh ngạc thấy ông giáo trẻ hản ra. Ông tươi cười, hoạt bát, làm việc ngày đêm không mệt mỏi. Ông leo núi, băng rừng mà không cảm gậy. Da hồng hào. Đôi mắt rạng rỡ. Nhất là cách ông nói. Ông nói say sưa, nói liên miên. Nhạc yêu cầu ông gặp các nghĩa quân để giải thích cho họ hiểu, vì sao phải tôn phù hoàng tôn, ông giáo vui vẻ chấp thuận, gần như biết ơn. Nhạc không yêu cầu ông cũng tự đi tìm người để nói chuyện. Năm ba người đang bu quanh bếp lửa chờ khoai chín, ông sà đến bắt chuyện. Gặp một thanh niên đang mài giáo ven suối, ông cũng tìm cơ thăm hỏi rồi giảng giải, khuyến khích, khuyên răn cho một thôi một hồi, đến nỗi người lính trẻ mặt mệng há hốc lắng nghe những lời

lạ tai và lôi cuốn, quên cả phận sự.

Hai nơi ông giáo thích đến nhất là sân tập võ và trại rèn. Đó là những nơi tụ tập đông đảo, và không khí chuẩn bị chiến đấu hào hứng sôi động nhất trạm. Tiếng hò hét xông trận, tiếng vỗ tay tán thưởng các chiến sĩ xuất sắc, tiếng lửa reo ở lò rèn, tiếng búa đập vào thanh thép đỏ khích động ông dữ dội. Hễ tìm được lúc thuận tiện, là ông chen vào để nói. Mà đối với ông, lúc nào cũng thuận tiện cả. Cho nên, nhiều hôm ông gân cổ gào thi với tiếng búa, tiếng la hét, đến nỗi tối về, cổ họng ông rát, giọng nói khao khao. Ông mệt thiếp đi, quên cả cơm nước. Rồi sáng hôm sau, ông lại tìm đủ sinh lực và hứng khởi để bắt đầu lại, y như hôm trước. Ông quên cả thói quen nghề nghiệp là vừa giảng giải vừa thăm dò phản ứng của người nghe để đo lường

hiệu quả, chấn chỉnh cách nói cho phù hợp với đối tượng. Gần như ông nói cho ông hơn là cho kẻ khác, nên đúng như Huệ kể với Lãng, ông giáo không nghe những lời giễu cợt – đôi lúc hỗn xược – của nhiều nghĩa quân. Họ thắc mắc về những điều ông giáo vững tin là chân lý, hoặc bông đùa đối với những gì ông cho là thiêng liêng, thế nhưng ông giáo không nhận ra. Ông nói, nói, nói.

Cuối cùng sự hăng say của ông lôi cuốn được nhiều người, và tuy chưa biết hoàng tôn là cái thứ gì, họ cũng chấp nhận dễ dãi là nên tôn phù hoàng tôn. Một ông đồ hay chữ, khả kính, tuổi tác cao, lại đã từng ở kinh đô lâu năm hiểu hết mọi sự, hăng hái đề cao một người, thì người đó tất nhiên có gì xứng đáng. Nhờ thế ông giáo đã thành công! Không đợi Nhạc yêu cầu, ông còn soạn sẵn một

bài hịch. Lúc đầu ông định dùng lại bài hịch cũ soạn ở Tây Sơn thượng trước khi Nhạc đưa quân xuống núi. Nhưng đọc lại, ông thấy bài ấy còn nhiều khuyết điểm. Diễn cố nặng nề, khó hiểu quá. Điều này chính Huệ thuật lại với ông. Ý nghĩa dùng dằng. Lời kêu mà rỗng. Lại thêm cái tật dài dòng. Nhất là toàn bài không có một chút lửa mê. Đó là ánh đóm leo lét trên bàn đọc của một nhà nho lỡ thời. Ông viết xong bài hịch trong một đêm, không xóa một chữ. Viết đến chữ cuối thì chim rừng bắt đầu xôn xao thức dậy. Ông đọc lại, và lòng cũng xôn xao theo với chim chóc, cây cỏ. Đầu óc ông ngây ngất, đạt được một cảm giác mê mê khoái lạc y như sự mê mê của tình dục thời trai trẻ.

✱

Nhạc đưa Thận ra cửa với nét mặt dầu dầu. Trại rèn đã quá cố sức mình nhưng số giáo mác cần thiết vẫn chưa đủ. Nhạc giữ Thận lại trước hiên lợp lá, căn dặn:

– Tôi cho chú được toàn quyền. Muốn gì cũng được, miễn là rèn gấp cho đủ vũ khí. Thiếu ngựa chở thép ư? Nếu cần chú lấy cả con ngựa cưỡi của tôi đi chở hàng về. Thiếu bao nhiêu người thợ bễ tôi đưa thêm, ngay sáng nay. Còn cái thứ vũ khí gì mới... cái gì? hỏa hổ, à phải rồi, hỏa hổ, cái thứ đó chú tạm thời gác lại. Sau này xuống đồng bằng nhiều phương tiện và thì giờ hơn, ta sẽ bàn lại. Bây giờ chú rán rèn đủ số giáo mác cho tôi đã. Tình thế gấp rút lắm rồi. Chậm một ngày là hại một ngày. Chú nhớ chưa?

Nếu không có Bùi Văn Nhật đến thì chắc Nhạc còn giữ Thận lại căn dặn lâu

hơn nữa. Nhật mang thêm cho ông cả một cái tin không vui. Nhắc nửa tin nửa nghi, hỏi lại:

– Ông có tin chắc chắn không?

Nhật đáp:

– Không thể lắm được. Chính bọn chèo ghe muối nói cho tôi nghe.

– Nhưng lâu nay hãn cộng tác chặt chẽ với mình, hai bên đi lại cùng nhau, có lợi cùng chia, hại cùng chịu, lẽ nào, hãn làm mà không lên bàn trước với tôi?

– Tôi nghĩ chính vì không muốn chia lợi ra làm hai phần nữa, mà hãn định ra tay trước.

Nhắc bần khoản nghĩ ngợi một lát, rồi bảo Nhật:

– Ông cho gọi anh em lên đây. Mời luôn cả thầy giáo nữa. Việc này không thể chậm trễ được!

Nhật mang tin Nguyễn Thung đã cho tay chân quen đường buôn bán lâu nay rảo khắp các chợ vùng Tuy Viễn hào khởi loạn. Thanh thế của Thung ở các làng ven biển và hai bên hạ lưu sông Côn tăng lên nhanh chóng. Nhiều toán cướp như toán của Nhưng Huy, Tứ Linh, cùng đám giặc biển Tập Đình, Lý Tài bằng lòng theo về với Thung. Trong lúc đó, sự tiếp tế hàng hóa lương thực cần thiết cho nghĩa quân Tây Sơn thượng suy giảm đột ngột, kho muối vơi nhanh chóng một cách đáng sợ.

Nguyễn Thung toan tính gì đây? Phải làm gì đây? Nhạc họp ban tham mưu ngay buổi sáng, và nhờ sự quyết đoán nhạy bén, ngay buổi trưa, ông

đã tìm được biện pháp thích ứng. Ông quyết định tiến quân chiếm Kiên Thành ngay hôm sau để làm căn cứ ở vùng xuôi. Đồng thời để bao vây, cô lập lực lượng của Thung, Nhạc cho người theo đường rừng đến liên lạc với nữ chúa Thị Hỏa và Châu Văn Tiếp ở Phú Yên. Ở mạn bắc, ông tiên liệu nếu về được Kiên Thành, qua ngã Thuận Truyền ông có thể khống chế cả hai phủ Phù Ly và Bồng Sơn. Ông không thể chậm chân hơn Nguyễn Thung người bạn buôn đáng sợ của ông, người đã từng dòm ngó nguồn lợi rừng, cạnh tranh ráo riết với Nhạc từ lúc anh em chưa phải trốn lên Tây Sơn thượng. Vậy là một lần nữa, Nhạc bị đưa đẩy đến chỗ phải quyết định mạnh bạo, và một lần nữa, ông đã nhanh chóng lựa chọn một giải pháp đúng.

✱

Từ trạm dưới chân đèo An Khê, nghĩa quân ủa xuống đồng bằng theo hai cánh. Một cánh do Nhạc đích thân chỉ huy theo hữu ngạn sông Côn, chia với cánh kia ở núi Một, tiến qua Kiên thành, rồi thọc sâu chếch ra phía bắc đến Thuận Truyền chuẩn bị kiểm soát mạn bắc nếu cần. Một cánh theo tả ngạn xuống thẳng Xuân Huê để kiểm soát đường rừng vào Phú Yên qua Đồng Sim. Toán phía bắc đóng ở Gò Quánh do Tuyết chỉ huy. Toán xuống Xuân Huê do Huệ chỉ huy. Nhạc và ban tham mưu dừng lại ở Kiên thành.

Họ tiến nhanh quá, đến nỗi bọn hào lý vừa choàng thức dậy đã thấy nghĩa quân kéo đến đông chật cả sân trước. Những kẻ yếu bóng vía không kịp sợ hãi. Bọn cơ hội không có thì giờ để điều chỉnh thái độ và toan tính trục lợi. Gần

như ở các làng nghĩa quân kéo qua, mọi sự giữ y nguyên trạng, trừ số phận bọn chức sắc.

Riêng ngôi nhà tổ phụ của anh em Tây Sơn tại Kiên thành không còn như trước. Bọn lính phủ đã phóng hỏa đốt rụi ngôi nhà khá khang trang đó. Lúc Nhạc trở về, ông chỉ thấy mấy cây cột cháy chổng chơ trên một cái nền vương vãi nào tro, than, rui mè cháy dở, cỏ dại và cứt.

Tên thầy cúng khuyên Nhạc nên đặt bản doanh tại Kiên thành cho tiện lợi và uy nghiêm, nhưng Nhạc nhất định không chịu. Vườn nhà ông cả hẹp, cây cối phần chết cháy, phần bị hàng xóm phá phách trông thật xơ xác, tiêu điều. Địa thế cũng không được tiện lợi, xa bờ sông quá. Đường cái nhỏ và lầy lội. Tuy vậy, không ai có thể lay chuyển được ý

định của Nhạc. Trong vòng hai ngày, ông cho người dọn dẹp hết các tàn tích đổ nát, rồi dựng ngay trên nền đất tổ một nhà trại lớn ba gian hai chái, mái lợp tranh vách đất. Đặc biệt mái trại cao và dốc đứng như mái nhà làng trên các buôn Thượng. Tòa trại dựng xong, ông đứng lặng hồi lâu ngắm nghía, tận hưởng sự thành công uy nghi ban đầu của mình trên chính mảnh đất quê hương. Sau đó, Nhạc mới chịu nghe theo các lời cố vấn của Chỉ.

Ban đầu, Nhạc nghe lời bàn của Chỉ như nghe một mẩu chuyện vui của trẻ con. Cái trò thao diễn nghi lễ tiến lên mấy bước lùi lại mấy bước, chấp xá thế nào, thân nghiêng về phía trước thế nào, quần áo mũ mào, gươm giáo cờ phướng, ôi thôi bao nhiêu điều phiền phức vô bổ đó để làm cái gì chứ? Thật tội nghiệp

cho những nông dân đứng tuổi, chân tay vụng về bị buộc phải làm trò múa rối trước những đôi mắt giễu cợt của bọn trẻ con. Chính Nhạc cũng không muốn nhìn cái cảnh tập dợt chường mắt đó. Nhưng Chỉ đã tỏ ra kiên nhẫn vô cùng, chịu khó chờ cơ hội để chứng minh cái đúng của mình. Cơ hội ấy đến liền: Vừa về Kiên Thành, Nhạc đã cho người đến liên lạc với Nguyễn Thung và Huyền Khê để đề nghị hợp tác. Họ hẹn nhau sẽ gặp tại Kiên Thành vào rằm tháng 8.

Bấm đốt ngón tay, chỉ còn không đầy mười ngày để chuẩn bị cho cuộc hội ngộ quan trọng. Nhạc không muốn Thung và Huyền Khê đến đây mà chỉ thấy một toán quân ô hợp, hàng ngũ lộn xộn, kỷ luật lỏng lẻo, thấy một bản doanh nghèo nàn, tồi tàn và sơ sài. Đến lúc đó, Nhạc mới công nhận cái trò nghi lễ nhiều khê

của Chỉ cũng có công dụng riêng của nó, đôi lúc còn cần thiết hơn cả những phát súng, những đường quyền.

Vì thế, Nhạc bằng lòng để mặc cho Chỉ lựa chọn xếp đặt lại đám người hầu cận của Nhạc. Những người đã từng theo Nhạc từ thời buôn nguồn, một hạt muối cắn làm hai, gian khổ vinh nhục có nhau, nhưng nếu thân thể ốm yếu, mặt mũi khắc khổ đen điu quá, thì khó thích hợp với vai trò mới. Chỉ bàn với Nhạc nên đổi hầu hết số người hầu cận cũ, một là vì họ không được vạm vỡ, đẹp đẽ, hai là vì thái độ thân mật buông tuồng đối với Nhạc. Số hầu cận mới nên tuyển chọn trong đám thanh niên, càng xa lạ với gia đình Nhạc càng tốt, vì họ nem nếp thủ lễ với chủ tướng, không bao giờ dám cư xử suồng sã. Nhạc ngồi nghe Chỉ nói, tuy ngầm công nhận Chỉ nói đúng

nhưng chưa dám chấp thuận đề nghị của ông thầy cúng. Phải qua một vài lần, những người thân cận vỗ vai, vỗ lưng Nhạc trước đám đông, hoặc bông đùa quá đáng làm mất cả uy nghi, Nhạc mới hoàn toàn chấp thuận ý kiến của Chỉ.

Ông thầy cúng chỉ chờ có thế: trong vòng một ngày, Chỉ thay luôn toán lính hầu ở bản doanh và đội gác cửa. Gươm giáo bọn này dùng phải một kiểu, cùng một kích thước. Hiệu lệnh nghiêm minh, một tiếng hô hàng chục tiếng ứng rập ràng oai hùng. Nhạc đến có người báo, Nhạc đi có người hầu, chỉ cần đưa mắt một cái là lệnh được truyền đi đông đặc. Khoái cảm mới mẻ này khiến Nhạc càng thấy sự quan trọng của hình thức, và tất nhiên sự quan trọng của chính mình. Những cải cách ấy tạo nhiều phản ứng sôi sục trong các người thân. Một hôm

Năm Ngạn tức tối gạt phăng hai cây giáo cán gỗ thai bài của bọn gác cổng, hùng hổ vào tòa trại chính tìm gặp cho được Nhạc mà hỏi:

– Này ông cả, tôi xuống An Vinh bấy lâu, nay về đây thấy có nhiều cái lạ quá. Ai bày ra cái trò thẻ bài vậy? Đến cả tôi mà bọn gác còn hậm hộc hỏi thẻ bài mới cho vào. Thẻ bài là cái gì?

Nhạc gỡ tay Năm Ngạn, không cho nắm ống tay áo của mình, sửa lại xuống áo cho ngay ngắn, rồi mới hỏi:

– Ông mới về à? Công việc thế nào?

Năm Ngạn vẫn còn giận dữ:

– Phải, tôi mới về. Và vì mới về cho nên không kịp làm thẻ bài để trình cho hai cậu gác cổng.

Nhạc nghiêm mặt lại, giọng chậm rãi nhưng cương quyết:

– Chính tôi ra lệnh đấy. Ông chưa làm thì nên làm ngay đi, cho việc ra vào khỏi trở ngại.

Phạm Ngạn trố mắt nhìn Nhạc, không tin những điều vừa nghe là có thực, Ngạn lắp bắp hỏi:

– Thế.. thế chuyện thẻ bài là do ông, chứ không phải như người ta đồn, do lão thầy cúng bày vẽ ra. Mà thôi, thế cũng phải. Để ra vào tự do, làm sao phân biệt được ai bạn ai thù. Nhưng... nhưng bọn gác cũ đâu cả rồi? Có chúng nó nhận diện được ai lạ ai quen, tiện biết mấy!

Nhạc không trả lời Năm Ngạn, nét mặt dàu dàu. Năm Ngạn lúng túng chưa biết phải làm gì, nên xin ra hay tiếp tục ở

lại trình bày kết quả công việc được giao. Nhạc cũng hơi hổ thẹn vì sự thay đổi, tìm cách hỏi qua chuyện khác:

– Ông có gặp được họ không?

– Có. Họ đến đúng hẹn. Tôi giả làm khách buôn trâu như trước, họ thì lên theo một ghe mằm. Trong hai người, Lý Tài có vẻ lanh lẹ giáo quyết hơn. Tên kia ăn nói thô lỗ, chỉ ngồi uống rượu nghe chuyện. Lâu lâu nói một câu chẳng ăn nhập vào đâu cả!

Nhưng sự thực họ có quyết tâm theo lão Thung không? Lực lượng họ thế nào?

Năm Ngạn tươi cười nói:

– Về chuyện này thì ông yên lòng. Tôi chỉ nói khích vài câu, cái tên cục súc say rượu đó đã phun ra hết, bạn hấn ngăn không kịp nữa. Hấn nói cái thân

danh hấn thế này (Ngạn vỗ vào ngực mình) mà chịu nép mình làm đầy tớ cho Thung hay sao! Chẳng qua vì nể tình qua lại buôn bán với nhau mà đứng chung với nhau thôi. Còn lực lượng của họ? Họ được bao nhiêu người?

– Về chuyện này thì họ giấu. Tên lém chỉ nói mơ hồ là đông lắm. Tôi thì tôi cho người đi lân la dò hỏi bọn theo hộ vệ, mới biết họ chỉ có một nhóm. Vài ba chục người thôi. Nhưng phải nhận là họ dũng mãnh. Người nào cũng cao lớn, nước da đen cháy, cả bọn đều ở trần, đầu chít một băng vải đỏ.

– Họ đến đúng hẹn chứ?

– Họ sẽ đến. Lý Tài, tức là cái tên lém đó, bảo sẽ lên đây vào sáng rằm. Hấn còn cao hứng dặn phải đặt trước một mâm rượu thưởng trăng mới được. Về sau

nghĩ ngợi thế nào, hắn lại bảo giờ giấc còn tùy thuộc vào Nguyễn Thung. Thung đến lúc nào, hắn sẽ đến theo đoàn của Thung cho tiện.

– Nghĩa là hắn còn nể sợ lão Thung chứ gì?

– Không hắn thế. Chắc chắn là họ còn do dự, chưa biết ý ta như thế nào, không muốn bỏ Thung trước.

Nhạc gặt gù, rồi suy nghĩ lung lắm. Một lúc sau, ông nói:

– Thế cũng được. À, tôi quên hỏi điều nữa: Hai người đó nói tiếng ta có rõ không?

– Không được rõ lắm. Giọng lơ lơ khó nghe. Lý Tài thì ăn nói sành hơn, lâu lâu còn biết pha tiểu lâm nữa. Còn Tập

Đình thì kém lắm. Đôi lúc phải nhờ Lý Tài dịch hộ mới hiểu.

– Tốt lắm. Ông về nghỉ nhé. À, còn chuyện thẻ bài, thế buộc phải vậy. Ông đừng giận. Ta có nhiều kẻ thù, phải có cách để đề phòng, ông ạ!

✱

Cuộc hội kiến lịch sử diễn ra ở gian chính của trại Kiên Thành đúng vào sáng rằm. Nguyễn Thung và bộ hạ giả dạng lái buôn lên trại theo đường sông. Tập Đình, Lý Tài và bốn người hộ vệ cùng đi một lượt với Thung, nhưng để chúng tỏ tư thế độc lập, đã cố ý đi chậm hơn, đến bến trầu lại cầm sào cách nghe của Thung vài con sào. Nhạc cho người mang rượu thịt đến thết đãi cả hai đoàn,

hẹn giờ tiếp kiến vào sáng hôm sau. Con đường từ bến trâu vào trại được sửa sang cấp tốc nên đỡ lầy lội hơn, hai bên đường nghĩa quân đứng thành hàng ngay ngắn, quần áo khá chỉnh tề, mỗi người tay trái cầm một cây cờ đỏ. Vì phương tiện eo hẹp, không đủ thì giờ và tiền bạc để mua nhuộm đủ vải nên màu sắc các lá cờ không được đồng nhất, có lá màu hồng nhạt, có lá lại ngả sang màu nâu già. Tuy nhiên, sắc đỏ truyền được sự kích thích phấn khởi cho mọi người, cho nên ngay Nhạc và Chỉ là những người trực tiếp dàn cảnh, cũng xúc động trước uy thế do mình tạo ra, ngậy ngất ngăm hàng cờ đào phát phới trong gió mai.

Trên mặt đường, không có lấy một cọng rác, một xác lá khô. Nghĩa quân đứng nghiêm như pho tượng, tay phải nắm chặt lấy cán giáo và theo sáng kiến

của Chỉ, chân giáo cắm ngay vào gót chân phải, tay cầm giáo đưa ngang nên độ nghiêng của thân giáo đều nhau trông rất đẹp mắt. Đặc biệt, toán dàn chào từ cổng trại vào nơi hội kiến mặc đồng phục màu đen, đầu chít khăn đỏ, lưng thắt một dải vải vàng, giáo có cán bằng gỗ thai bài màu trắng.

Quan khách và chủ nhân đều thực sự xúc động vì sự trang nghiêm của cuộc tiếp rước, nên nét mặt họ đều nghiêm nghị, mắt nhìn thẳng, ngực ưỡn ra trước, chân vô tình bước đều theo tiếng trống, tiếng chuông. Thung và đám bộ hạ đến chỗ cổng thì Nhạc mời họ dừng lại để xem đội dàn chào biểu diễn. Chỉ ra lệnh cho đội đánh trống khua chiêng chuyển điệu. Ông cũng chít khăn đỏ thắt lưng vàng như toán dàn chào, chỉ khác là mặc đồ trắng. Sau khi cúi gập người

chào Nhạc và quan khách, Chỉ bắt đầu chỉ huy cuộc biểu diễn. Theo nhịp trống, hai mươi người lính vạm vỡ, trẻ trung ăn mặc đẹp mắt, lần lượt biểu diễn các đội hình, chuyển qua giao đấu bằng giáo, côn, quyền cước. Cử động uyển chuyển, tới lui nhịp nhàng, đội ngũ tề chỉnh đều đặn là nhờ công phu luyện tập ngày đêm suốt nửa tháng trường.

Nhạc mỉm cười cố giấu sự thỏa mãn, đám bộ hạ của Thung thích thú quay lại bàn chuyện với nhau, nhưng nét mặt của Thung không thể đoán được điều gì. Nhạc liếc nhìn Thung nhiều lần, chỉ thấy ông ta nhìn thẳng về phía trại mình, đôi hàng lông mày nhíu lại chăm chú suy nghĩ. Hơi thất vọng, Nhạc không chú ý các lời tán thưởng xôn xao chung quanh mình sau cuộc biểu diễn, chỉ đưa tay mời

Thung tiến vào giữa hàng quân dàn chào để vào gian họp.

Nhạc đã cho khuôn sáu bộ trường kỷ chạm trổ công phu ở các nhà giàu về xếp dọc theo hai hàng dành cho chủ và khách, ở giữa đặt hai cái bàn chân nai trên có bày khay trà và chơi trầu. Một lư hương lớn bằng sứ lấy ở chùa về đặt sát tấm bình phong bằng trúc có vẽ hình con lân, hương trầm tỏa ra thơm ngát cả phòng họp. Bàn ghế từ nhiều nguồn gốc khác nhau nên không có cái nào giống kiểu cái nào, có cái phải kê thêm để cao cho bằng cái kia. Dĩ nhiên, bộ trường kỷ quý, đẹp nhất dành cho nhân vật quan trọng nhất của cả chủ lẫn khách. Đám bộ hạ ngồi ở hàng sau, trên những chiếc ghế có lưng dựa đan bằng mây.

Ở ba cái trường kỷ phía chủ nhà có

Nhạc, giáo Hiến, Diệm, Bạc, Chỉ, Nhật và Năm Ngạn. Phía khách có Nguyễn Thung, Huyền Khê, Nhưng Huy, Tú Linh, Tập Đình và Lý Tài.

Chủ khách vừa yên vị xong, Nhạc đã nói với Thung:

– Chúng tôi mới về đây nhà cửa còn lồi thối quá, chưa có thì giờ sửa sang lại cho coi được một chút. Ngay cả mấy đứa nhỏ làm đội dàn chào cũng chỉ mới học võ vẽ vài ba phép tắc đấy thôi. Ông thấy thế nào? Có điều gì không phải, xin lấy tình cũ mà bỏ qua cho nhé!

Thung đáp:

– Ông đừng khách sáo! Trại thì kể cũng còn sơ sài thật, nhưng không đến nỗi nào. Làm sao được! Ông mới dọn về dưới này có bao lâu đâu! Còn cuộc biểu diễn thì đẹp mắt đấy chứ. Hình như ông

có mời được một người chủ lễ thành thạo lắm. Chắc phải là một người thật am tường nghi thức, như một ông thầy cúng chẳng hạn.

Nhạc nghiêm mặt lại, môi mím chặt, nhưng ông tươi cười ngay sau đó. Nhạc nói:

– Quả có thể. Ông thật tinh mắt. Khi hôm trời trở nên không có trăng. Gió lạnh quá, các ông ngủ được không?

Thung đáp:

– Được chứ! Chúng tôi bàn chuyện đến khuya, nhờ rượu ngon ông biếu, chúng tôi chè chén say sưa rồi ngủ lúc nào không hay.

Nhạc không muốn dài dòng vô ích vì những lời thăm hỏi quanh co, nên vào đề ngay:

– Các ông có bàn trước rồi à? Thế thì hay lắm. Các ông nghĩ thế nào về đề nghị của chúng tôi?

Thung liếc nhìn Huyền Khê. Khê định nói, nhưng do dự lại liếc nhìn Thung ngấm ý nhường lời cho người cầm đầu. Thung nói:

– Chúng tôi cất công lên tận đây, đúng y như lời hẹn, điều đó cũng đủ chứng tỏ chúng tôi sẵn sàng cộng tác với các ông rồi. Có một điều cần phải bàn cho sáng tỏ, là cộng tác như thế nào mà thôi.

Huyền Khê đã lấy đủ sự tự tin hơn, tiếp lời Thung:

– Chẳng hạn nếu đã cộng tác, thì vai vế chúng ta sẽ ra sao? Quân chúng tôi sẽ đóng ở đâu? Quân Tây Sơn thượng

sẽ đóng ở đâu? Hai đội quân liên lạc với nhau như thế nào? Khi có việc cần kíp, thì chỉ huy của hai bên liên lạc nhau ra sao? Còn nào chuyện nuôi quân, chuyện kiểm soát dân chúng ở hai vùng, chuyện giao thương đường sông, đường bộ. Biết bao nhiêu chuyện đặt ra, liệu cuộc gặp gỡ hôm nay ta có đủ thì giờ bàn hết được không?

Nhạc cười nhỏ một tiếng, gật gù bảo:

– Vâng, vâng. Các ông chỉ nói sơ qua là tôi đã hiểu. Ý các ông như thế này, để tôi nói gọn xem có đúng không nào. Nôm na ra là “giang sơn nào anh hùng nấy”. Chúng tôi ở trên này, các ông ở dưới Tuy Viễn. Đường ai nấy đi, đất ai nấy ở. Chỉ khi nào có biến thì bên này gọi bên kia một tiếng để tiếp ứng.

Thung vôi nói:

– Không hẳn như thế đâu. Ông biện chó hiểu lắm!

Nhạc bực tức:

– Đừng gọi tôi là biện Nhạc như hồi buôn nguồn nữa. Nếu tôi ham cái chức thu thuế Vân Đồn, tôi đã không ngồi đây với các ông.

Thung thấy tình thế căng thẳng, vội cười giả lả:

– Ấy tôi quen miệng làm phật lòng ông, thật có lỗi. Đúng, chúng ta không chịu cúi đầu làm trâu ngựa cho bọn quan phủ nên mới tụ họp nhau ở đây, mới tính đến cái thể cộng tác nhau mà sống còn. Xin đừng chấp nhất những điều vụn vặt mà hư việc lớn.

Ông giáo chen vào cuộc tranh luận:

– Đúng là chúng ta không nên chú ý những điều tầm mủn, nhưng có những cái nhỏ chứa đựng cái lớn, như người ta thường nói ở đầu sợi tóc có cả một tòa sen. Chẳng hạn hai tiếng “cộng tác” mà ông vừa thốt ra, thật có nhiều ý nghĩa sâu sắc. Quý ông chỉ muốn cộng tác với chúng tôi, chứ không phải là hợp tác. Có lúc chúng ta cùng nhau làm một việc nào đó, nhưng ngay cả những lúc ấy, chúng ta vẫn là hai chứ không phải là một. Mỗi bên một lực lượng, một địa bàn. Mỗi bên có cách tổ chức, lối tiếp tế riêng biệt, tuy cả hai bên đều không chịu khom lưng làm thằng dân ngoan ngoãn của quan phủ. Hy vọng là chúng tôi không hiểu lầm các ông chứ!

Huyền Khê chờ cho Nguyễn Thung gật đầu cho phép, mới trả lời ông giáo:

– Nói chung thì các ông hiểu đúng ý chúng tôi. Vâng, chúng ta có nhiều điều khác biệt nhau, do ở gốc gác, nghề nghiệp, tính tình, cả do thói quen nữa. Anh em chúng tôi là dân sông dân biển, nếu có bỏ sào bỏ lưới đi buôn thì cũng đi đường nước. Sống trên đầu sóng riết rồi chúng tôi quen với chuyện bấp bênh. Lộc nước bạc béo lắm, nay có đó rồi mai chỉ một buổi động trời là mất hết, không được bền dai chắc chắn như lộc đất, lộc núi. Lưới được con cá ngon, chúng tôi ăn một bữa no nê cái đã, không ăn hết ngày mai ngày mốt biển có còn cho sống nữa không. Chúng tôi không biết để dành, kể cả việc để dành sự kiên nhẫn, và lòng tin. Cho nên anh em chúng tôi đây ít ham tính chuyện lâu dài, không đủ nhẫn nại ngồi nghe phân biệt thế nào là hợp tác thế nào là cộng tác. Sự việc chúng tôi nghĩ đến đơn giản thôi. Nó như thế này

này: Chúng tôi có một lực lượng, chúng tôi đã làm được khá nhiều chuyện, chiếm được nhiều vùng ở Tuy Viễn. Các ông mời lên đây bàn chuyện dựa lưng nhau để sống. Chúng tôi muốn biết điều kiện các ông định đưa ra như thế nào? Lợi lộc chia chác ra sao?

Nhạc nói:

– Nếu chỉ có thế thì còn gì để bàn luận đâu! Hiện nay lực lượng của chúng ta chưa gặp được nhau. Quân phủ còn mạnh. Trong thành Quy Nhơn, Nguyễn Khắc Tuyên còn sờ sờ ra đó. Các ông nghĩ mà xem, chúng ta đã kiếm được bao nhiêu lợi lộc mà tính trước chuyện chia chác? Ngay cả vùng đất mà các ông tưởng là đã chiếm được của triều đình, chắc gì vĩnh viễn thuộc quyền các ông? Không san phẳng được thành Quy Nhơn, các ông nghĩ mà xem, liệu vài tuần, vài

tháng nữa, chúng ta có còn đất để chôn bà con, bạn bè hay không?

Nhạc dừng lại, chờ đợi câu trả lời của Nguyễn Thung. Phòng họp im phăng phắc. Những câu hỏi của Nhạc thực sự đã khiến mấy ông khách quý hoang mang. Tập Đình không thạo tiếng Việt, ngơ ngác không hiểu vì sao đột nhiên mọi người im lặng, quay sang hỏi Lý Tài bằng tiếng tàu, giọng nói ồ ề, rồn rảng. Lý Tài cùng trả lời bạn bằng tiếng Tàu, nhưng cách nói nhỏ nhẹ, chậm rãi dè dặt hơn. Nhận thấy đây là cơ hội tốt để trình bày lý tưởng của mình, ông giáo nói:

– Vì sao chúng ta bằng lòng gặp nhau hôm nay, dù như các ông vừa bảo, chúng ta có quá nhiều khác biệt? Tôi xin trả lời thế này: Vì chúng ta có một kẻ thù chung. Không diệt kẻ thù đó thì các ông lẫn chúng tôi đều không còn đất sống.

Phải hợp nhau mà diệt mối nguy hiểm đó. Nhưng kẻ thù chung của chúng ta là ai? Tôi xin mạn phép trả lời lần nữa: kẻ thù gần trước mắt là bọn quan quân dưới phủ Quy Nhơn. Diệt được chúng, chúng ta vẫn chưa được yên thân đâu. Quân phủ Quảng Ngãi sẽ kéo vào, quân phủ Bình Khang, Phú Yên kéo ra, theo lệnh cứu nguy của tên quốc phó Trương phúc Loan. Đúng, kẻ thù chính nhưng ở xa chúng ta là bè lũ tên quốc phó đó. Đất nước này còn vua, chúng ta là con dân của triều đình. Nhưng tên loạn thần họ Trương đang lộng hành ở kinh đô, thao túng quyền bính ở vương phủ. Chúng ta vì việc nghĩa mà đứng lên diệt loạn thần, tôn phù một bậc anh tài, đạo đức thuộc dòng chính lên ngôi. Người đó là Hoàng Tôn Dương, chắc các ông đã nghe tiếng. Xưa nay bậc anh hùng hảo hán diệt loạn thần tôn minh chúa để danh thơm cho

đời sau không phải là hiếm! Chúng ta ngồi với nhau ở đây vì nghĩa cả, chứ không phải để chia chác của cải thâu tóm được của dân. Ý chúng tôi như vậy, xin các ông nghĩ xem!

Tập Đình lại lớn tiếng hỏi Lý Tài. Lý Tài dịch những lời ông giáo vừa nói cho bạn nghe, vừa dịch vừa nhìn về phía ông giáo, sợ những điều mình nói không đúng với nguyên văn. Tập Đình nghe xong, nét mặt tức giận, vung tay nói lớn một thôi dài nữa. Lý Tài đưa tay ngăn bạn nhưng Tập Đình vẫn la lối như trước, tay đập mạnh xuống mặt trường kỷ. Thung nghe hiểu lời đối đáp của hai người, nét mặt rạng rỡ. Thung bảo Lý Tài:

– Ông cứ dịch những lời của Tập Đình cho các ông đây nghe. Cứ nói y nguyên như lời bạn ông, đừng ngại!

Lý Tài do dự một lúc, rồi nói:

– Bạn tôi nổi giận vì nghe thầy giáo bảo nên tôn phù một ông vua khác. Bạn tôi bảo vua quan toàn là một tụi chó đẻ. Ở bên Tàu cũng vậy mà ở bên này cũng vậy, vua quan ở đâu cũng đều là bọn chó đẻ cả. Bạn tôi nói chúng nó chuyên đi ăn cướp. lại còn tham lam đến nỗi không muốn cho ai được chia chác, nên sai bộ quân lính ruồi nhặng chặt tay, chặt chân, đánh roi, thích chửi vào mặt những đứa ăn trộm, ăn cướp nhỏ hơn. Thật đúng như câu tục ngữ bên nước chúng tôi, là “chỉ có quan huyện mới có quyền thấp đèn”. Bạn tôi nói giận quá rồi, chỉ có một việc giết quách chúng nó đi. Giết cho sạch sành sanh bọn giả nhân giả nghĩa!

Lời Lý Tài khiến cho cả phòng họp xôn xao. Nét phần đông người có mặt trong phòng đều rạng rỡ. Nhưng Huy và

Tứ Linh từ đầu đến giờ nét mặt hiu hiu chán nghe những lời rắc rối dài dòng, giờ đây quên cả mọi sự câu thúc, cùng lớn tiếng khen:

– Khá lắm. Tập Đình nói được lắm. Cùng cá mè một lứa cả. Chỉ có việc làm cỏ của chúng nó mà thôi.

Không khí sôi sục hẳn lên. Mạnh ai nấy nói, hươ tay múa chân tự do như trong cuộc chè chén ở góc chợ. Mọi người đổ dồn về chờ đợi phản ứng của Nhạc và ông giáo. Nhạc mỉm cười khó hiểu, còn ông giáo thì mím môi để cố nén giận. Một lúc sau, phòng họp tự lấy lại trật tự sau phút nông nổi tự phát. Nhạc vẫn điềm tĩnh mỉm cười, nhìn về phía Nguyễn Thung hỏi:

– Có phải đó là ý chung của các ông không?

Thung vội đáp:

– Không hẳn thế. Nhưng...

Thung loay hoay không tìm được lời giải đáp thích hợp, lúng túng giữa phủ nhận và xác định. Nhạc không chờ đợi thêm, quay hỏi ông giáo:

– Ý thầy thế nào?

Ông giáo đã lấy lại được bình tĩnh, chậm rãi nói:

– Giết quách cho sạch bọn cướp lớn giả nhân giả nghĩa, điều đó nên làm, nhưng không phải là để cho bọn cướp nhỏ, bọn thảo khấu tự do hoành hành khắp chợ, khắp làng. Làm như thế, các ông nghĩ mà xem, cuối cùng thế nào cũng có một tên cướp nhỏ nhờ mưu chước và độc ác hơn giết hết bọn đồng nghiệp để một mình xưng hùng, trở thành tên cướp

lớn khác. Có thể, hay chắc chắn là tên này còn tệ hại hơn cả tên cướp lớn vừa bị họ hạ trước đó. Như vậy, thì phỏng có ích gì cho dân đen? Cho những người cùng khổ?

Cả phòng lại rơi vào hoang mang nặng nề. Sức nặng của lý thuyết, sự ràng buộc chặt chẽ của hệ thống, đè lên đỉnh đầu, trói chặt chân tay những người lâu nay quen sống theo bản năng và trực giác. Họ hàng phục mà lòng ấm ức. Kể cả Nhạc! Vì vậy Nhạc bảo:

– Thôi hãy gác những chuyện xa tít tận Phú Xuân lại! Hãy dè chừng, đối phó kẻ thù trước mắt của chúng ta ở dưới phủ Quy Nhơn trước đã. Các ông có bằng lòng như thế không? Bằng lòng chứ? Được rồi. Nội trong mùa thu này, ta phải hạ cho được thành Quy Nhơn. Khó đấy. Phải tính cho kỹ trước khi ra

tay mới được. Phải thêm bạn và bớt thù. Ý tôi như thế này nhé: Để thêm bạn, hôm nay chúng ta liên kết với nhau, trên này nghĩa là một hai phủ cận sơn Phù Ly, Bồng Sơn đã có chúng tôi. Dưới vùng đồng ven biển ở Tuy Viễn đã có các ông. Trong Phú Yên tôi đã cho người liên lạc được với Châu Văn Tiếp và nữ chúa Thị Hỏa của người Chăm. Như vậy là chúng ta đã có đủ bạn để bao vây Quy Nhơn lại. Để bớt thù, việc này khó hơn. Tay trong thì ta chưa có nhiều, nhưng nhờ thầy giáo đây mà tôi biết chắc rằng trong đám quan quân dưới phủ có nhiều kẻ ghét cay ghét đắng Trương quốc phó và mong ước tôn phù hoàng tôn. Tại sao ta không tiếp tục loan truyền mọi nơi là ta tôn phù hoàng tôn để chia bớt lực lượng kẻ địch ra, cho chúng bị xé làm đôi làm ba? Tôn phù hoàng tôn thì đã sao nào? Không có hại mà còn có nhiều cái lợi

trước mắt. Ta thêm đông, trong khi kẻ dưới phủ thêm yếu. Chỉ cần ta khéo tổ chức, rồi hện ngày giờ, hô lên một tiếng, đông tây nam bắc vùng lên, là xong!

Rõ ràng lời giải thích của Nhạc thuyết phục được tất cả mọi người, kể cả Tập Đình. Vì sau khi nghe Lý Tài dịch lại lời Nhạc, Tập Đình tiu nghỉu, ngồi im không nói năng, Lý Tài e dè hỏi Nhạc:

– Hai chúng tôi người Trung Hoa không sống được ở đất mẹ lánh qua đây, lâu nay kết được một nhóm “sống tạm” trên sông biển cho qua ngày, thế thôi. Tính chuyện lâu dài như các ông, anh em chúng tôi sợ không theo được. Nhiều cái ràng buộc quá!

Nhạc nói:

– Sao lại phân biệt người nam với

người bắc? Anh em có mặt tại đây chẳng phải là những trang hảo hớn nghĩa hiệp hay sao? Chúng ta tụ họp nhau dưới cờ NGHĨA, nên nam bắc xa nhau, ngôn ngữ khác nhau mà đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, nội một buổi sáng đã thành ruột thị rồi! Có thầy giáo đây giỏi chữ Nho, tôi xin hỏi thầy: Tôi có ý tặng hai người anh ruột thị khác chủng tộc hôm nay hai mỹ danh, một người là Trung Nghĩa một người là Hòa Nghĩa. Thầy thấy có chĩnh không?

Cuộc họp mặt lên đến tuyệt đỉnh của thành công, hoàn toàn nhờ sự khéo léo của Nhạc. Về sau, lịch sử chép rằng trong cuộc hội kiến quan trọng ấy ở Kiên Thành “Nhạc tự xưng là đệ nhất trại chủ, cai quản hai huyện Phù Ly, Bồng Sơn; Nguyễn Thung làm đệ nhị trại chủ, cai quản huyện Tuy Viễn; Huyền Khê làm

đệ tam trại chủ, coi việc quân lương”
(Chính biên liệt truyện, q.30, 2b, 3a).

Đêm trung thu năm ấy trăng sáng quắc, và họ kết ba chiếc ghe lớn chèo ra neo ngay giữa dòng sông Côn mở bữa tiệc mừng có chích máu hòa rượu để uống thề “đồng sanh đồng tử”. Kiên Thành bâng bạc cái không khí rộn rã hào khí của thời Lương Sơn Bạc!

Chương 19

Từ An Thái, Huệ được lệnh anh gọi về Kiên Thành có việc gấp. Huệ giao binh quyền lại cho Mắm, vội vàng lấy ngựa phóng đi ngay giữa khu-ya. Anh chạy dọc theo sông Côn, lòng bồn chồn không hiểu vì đâu Nhạc gọi mình về khẩn cấp như vậy. Mặc dù trời đêm mát dịu và gió có nhẹ, đến trại Kiên Thành thì cả người lẫn ngựa đều đầm mồ hôi. Quảng dấy cương cho người lính gác dẫn ngựa đi ăn thóc và uống nước, Huệ lên thẳng phòng anh cả.

Trong phòng đèn sáng, đó là triệu chứng bất thường. Cửa lớn đóng, bên trong có tiếng nói chuyện mặc dù lúc đó đã gần sáng. Người lính hầu vội vã vào trong báo cho Nhạc tin Huệ đã về. Trong khi chờ đợi dưới mái hiên, Huệ không đứng yên một chỗ được, cứ đi qua đi lại cho vơi bớt nỗi bồn khoăn. Cửa lớn xịch mở, Bùi Văn Nhật từ phòng Nhạc đi ra. Thấy Huệ, Nhật có vẻ bối rối, muốn dừng lại nói với Huệ vài câu xã giao nhưng không biết nghĩ sao lại rẽ sang trái đi thẳng ra cổng.

Huệ càng hoang mang hơn, vội bước vào phòng anh cả. Anh thấy Nhạc đang ngồi trên chiếc trường kỷ gỗ, mệt nhọc dựa người lên lưng tựa, hai chân gác cả lên cái bàn thấp. Nét mặt Nhạc mỗi mệt và ngái ngủ. Thấy em về, Nhạc vẫn không sửa lại tư thế ngồi bải hoải, hỏi Huệ:

– Chú vừa về đấy à?

Huệ lo sợ đáp:

– Dạ. Em mới về.

Tiếng Nhạc nhua nhụa, trề nải và cay đắng:

– Đường xa đi mệt nhỉ!

Huệ lại dạ nhỏ, lòng hồi hộp, không hiểu nổi thái độ của anh.

Đột nhiên, Nhạc lớn tiếng, gần như quát tháo:

– Ai cho phép chú đưa quân xuống An Thái?

Bấy giờ thì Huệ hiểu hết. Lúc khởi quân, Nhạc chỉ giao cho Huệ nhiệm vụ đem một cánh quân xuống chiếm Xuân Huê, án ngữ và nút chặn của hai ngả

đường quan trọng: một ngã xuống An Thái theo đường quan qua phủ Qui Nhơn rồi về Tuy Viễn, một ngã hướng về phía nam theo đường rừng về Phú Yên qua Đồng Sim. Huệ đã hoàn tất nhiệm vụ dễ dàng. Sau đó, không chờ anh cả đồng ý, Huệ cho quân thọc sâu xuống phía đông, chiếm An Thái. Anh tự nghĩ vị trí chiến lược của An Thái quan trọng hơn Xuân Huê, và không nên bỏ lỡ cơ hội quân triều đang tán loạn rệu rã chiếm ngay lấy trục giao lưu đường bộ lẫn đường thủy quan yếu này. Không ngờ... không ngờ anh cả đã nghĩ khác Huệ.

Biết mình có lỗi, Huệ không dám nói gì, chỉ cúi đầu đứng chờ những lời quở trách của anh. Giọng Nhạc đay nghiến, rít giữa hai kẽ răng:

– Chú làm tài khôn phải không? Chú có biết như vậy là đại đột không? Chiếm

được An Thái thì được cái gì? Chú kể cho tôi nghe coi!

Thấy em vẫn giữ im lặng, Nhạc càng nổi giận. Ông choàng dậy, ngồi ngay ngắn trên trường kỷ, hai tay chống lên hai đầu gối chồm tới phía Huệ:

– Ông Nhật lại vừa đánh thức tôi dậy để báo thêm một tin dữ nữa. Chung qui cũng tại sự ngu si của chú. Tại chú dẫn xác xuống tận An Thái đấy. Lợi đâu không thấy, còn cái hại thì đồn dập tới. Nguyễn Thung vội cho người lên đây hỏi có phải chúng ta xé bỏ thỏa ước hôm rằm, lấn sâu vào vùng đất của họ không. Ông Nhật có gài tay trong ở dưới phủ, nên vừa được biết phủ nghe tin An Thái mất, rục rịch chuẩn bị giáo mác, quân lính, voi ngựa để ứng chiến. An Thái chỉ cách họ không đầy một buổi đường. Nếu dưới phủ chúng nó đánh bạo tiến lên tấn

công ta trước thì chú tính sao?

Huệ nghe anh cả nói, sợ toát mồ hôi. Có thể đây là lần đầu tiên Huệ biết thế nào là sự sợ hãi. Anh không có bất cứ lý lẽ nào để tự biện hộ, nên đành đứng trăn một chỗ gánh chịu cơn giận dữ của Nhạc:

– Chú vẫn quen thói rần mắt, liều lĩnh. Nhưng chú phải nhớ trước kia khác, bây giờ khác. Trước kia chú rần mắt muốn làm gì thì làm, cái hại quá lắm là mất vốn một chuyến trâu. Bây giờ không phải là mất trâu, mà mất cái này này, mất cái đầu của chú và của cả gia đình, bà con, bạn bè nữa. Chú đã hiểu chưa?

Huệ không thể giữ mãi im lặng, đáp nhỏ:

– Em đã hiểu.

Nhạc quát:

– Đã hiểu sao còn mang quân xuống An Thái? Chú nghĩ sao mà làm chuyện động trời vậy?

Huệ cố gắng lấy giọng bình tĩnh đáp:

– Em nghĩ việc binh, cần nhất là biết nắm lấy thời cơ. Bọn quân phủ rã hàng chạy tán loạn, tàn quân từ Xuân Huế đến Lai Nghi thì quân ở Lai Nghi rã, quân Lai Nghi chạy đến An Thái thì An Thái đã bỏ trống. Giữ được An Thái thì ta chặn được đường sông, không cho chúng tập kích Kiên Thành. Đường bộ từ phủ Qui Nhơn lên phía tây cũng bị cắt đứt.

Nhạc lắng nghe em trình bày, dần dần lấy lại được sự điềm tĩnh. Giọng Nhạc đã hơi dịu lại:

– Chú tưởng quân phủ bao nhiêu voi ngựa khí giới đó mà chịu mất bấy nhiêu tiền nghi một cách dễ dàng thế sao? So quân số, lương thực, trang bị, hiện giờ họ là trái bí ta chỉ mới bằng hạt đậu.

Huệ lấy bạo đáp lời anh:

– Nhưng trái bí đó đã thú rửa trong ruột, còn hạt đậu chắc đang nảy mầm.

Nhạc cười khinh mạn, chế giễu:

– Chú vẫn có tài miệng lưỡi, tôi biết:

Rồi đột nhiên, Nhạc đổi sang giọng tâm sự:

– Anh nuôi chú từ nhỏ, còn lạ gì tính chú. Lâu nay anh vẫn lo, biết thế nào chuyện đó cũng xảy ra, không sớm thì muộn. Thôi, thà nó xảy ra sớm để anh còn thì giờ khuyên răn chú. Anh chừng

này tuổi đầu, tóc đã có sợi bạc rồi. Mỗi sợi tóc bạc là một bài học khôn cay đắng và đắt giá. Chú biết không? Anh cũng đã từng trải qua thời thanh niên đam mê như chú, anh hiểu hết. Những người trẻ tuổi cứ tưởng mình là kẻ đầu tiên biết chuyện thương yêu. Lớp già trước kia không hiểu gì hết. Lớp sau cũng không thể đủ khôn ngoan để hiểu. Nhưng chú nghĩ mà xem, trên đời này có điều gì hoàn toàn mới lạ đâu. Đến một lúc khôn ngoan trầm tĩnh hơn, chú sẽ thấy tất cả đều phù phiếm như nhau mà thôi! Nhan sắc tàn còn mau hơn danh vị ở đời nhiều lắm. Đừng lụy vì nó. Chú nhớ không, cái lần chú cản năn với anh về chuyện lấy thêm một nàng hầu người Bana trên Tây Sơn thượng, làm buồn lòng mẹ con Thọ Hương. Bây giờ chắc chú đã hiểu suy tính của anh rồi. Ít lâu nữa, ta kéo hết xuống đồng bằng, căn cứ trên đó giao lại

cho ai giữ, để làm chỗ rút an toàn? Chú thấy chưa?

Nhạc nói một thôi dài, ý tứ cứ lượn lờ, vờn quanh những điều mà hai anh em cùng không muốn nói thẳng. Nhạc tin là em đã hiểu mình, còn Huệ thì hoang mang, Huệ lơ mờ hiểu ý nghĩa lời khuyên của anh, nhưng Huệ sợ chính cái nghĩa đó.

Bên ngoài đã có tiếng gà gáy, rồi tiếng công báo giờ đổi gác. Dĩa đèn trên cái bàn thấp kê ở góc phòng hết dầu, tìm đèn lụn. Nhạc nhìn em lạc thần vì trầm tư, tự nhiên thấy lòng thương hại, ông bảo Huệ:

– Thôi chú về ngủ một giấc, rồi chiều xuống lại An Thái. À, thẻ bài của chú đâu?

Huệ ngạc nhiên hỏi:

– Em mà cũng cần thẻ bài à?

Nhạc nghiêm mặt hỏi:

– Thế ai cho chú vào?

– Lính gác. Chẳng lẽ chúng không biết mặt em?

– Ai không biết chú là em ruột tôi. Nhưng luật là luật. Chú ra gọi tên gác vào đây!

Huệ vâng lời anh, vừa đi ra vừa ngoái nhìn Nhạc với đôi mắt ngỡ ngàng.

✱

Trại Kiên Thành dựng ngay trên nền đất tổ tiên của gia đình Huệ, dĩ nhiên qui mô rộng hơn trước nhiều. Đại gia

đình của anh em Nhạc vẫn còn ở Tây Sơn thượng, nên phần lớn các phòng trong trại đều là chỗ làm việc và nơi tạm trú cho khách khứa, quân lính. Huệ về nghỉ ở một gian hẹp, gần chái tây, cửa sổ trông ra cây me tàn lá đang chuyển sang màu xanh nõn. Dưới gốc me, một lớp lá vàng trải dày, làm tấm khăn liệm chờ hứng những chiếc lá sắp úa của mùa cũ. Lấy gốc me và bụi chuối đã cháy héo định hướng, Huệ hân hoan nhận ra rằng chỗ hiện giờ mình đang đứng cũng là chỗ ngày xưa mẹ đặt cái phản cho Huệ ngủ. Phải rồi. Đúng chỗ này đây. Còn chỗ kia là cửa thông xuống nhà lẫm. Chỗ xó này, Huệ vẫn giấu cái cần câu, và dưới mái tranh chếch bên phải cái cửa sổ là nơi Huệ giấu cây kiếm để đêm đêm lén cha đi tập võ. Từ gốc me hướng thẳng về phía mặt trời lặn, khoảng cách một con sào, là cây cột gỗ sao láng bóng, trên đó

Huệ từng lấy mũi dao vạch lấy chiều cao của mình hằng năm.

Huệ bồi hồi nhớ lại những ngày thơ ấu, lan man nghĩ từ chuyện nọ sang chuyện kia nên không có hình ảnh nào trọn vẹn và rõ nét. Rồi không biết từ lúc nào, do đâu, anh nghĩ đến sự thay đổi của anh cả. Anh ấy trông lạ hẵn đi. Tuy nhìn phớt qua anh ấy vẫn y như thời còn ở Tây Sơn thượng với cử chỉ linh hoạt, khuôn mặt xương xương, nước da tái, đôi mắt hơi xéch sặc sảo đến nỗi không ai có thể giấu gì được khi bị Nhạc soi bói, quan sát, nhưng khuya hôm nay, Huệ ngờ ngợ cảm thấy anh mình có vài thay đổi. Cử chỉ có chậm lại, như cân nhắc tính toán trước lúc đưa tay lên cao, cất chân bước tới. Không còn thói quen ngồi chồm tới trước vô vập chờ đón một cách cởi mở rộng lượng lời nói của kẻ

khác. Nhạc ngồi thẳng trên ghế, vững chãi hơn, nghiêm túc và khinh bạc hơn. Nhất là cách nói, gần như chậm hơn trước nhiều. Nhạc đã bỏ thói quen nói từng câu ngắn rồi dừng lại để đo lường độ thấm thấu của lời mình trên gương mặt người nghe, do dự tìm một cách thích hợp hữu hiệu hơn để nói câu sau. Bây giờ Nhạc cất cao giọng như quá tự tin những lời nói ra đều đúng, kẻ khác không còn phải bàn cãi gì nữa, chỉ việc vâng lời mà thôi.

Chỉ có những câu tâm sự ở cuối cuộc nói chuyện hôm trước còn giữ được lối nói của Nhạc. Nhưng thực ra anh ấy muốn nói gì? Muốn khuyên ta thế nào? Tình yêu? Đam mê của tuổi trẻ? Nhan sắc? Kinh nghiệm? Sự tính toán trầm tĩnh? Anh ấy không tin ta đem quân xuống chiếm An Thái vì điều

lợi về chiến thuật? Nhưng sự thực vì sao ta hăng hái dẫn sâu vào cuộc phiêu lưu kỳ thú đó? Vì đâu? Ta có dối lòng ta hay không? Những gì ta nói với anh ấy chỉ là cái lý đến sau. Thế thì cái gì đã thúc đẩy ta trước? Chái nhà học? Ngôi nhà quay mặt về hướng tây mái thấp lòa xòa trên hai khuôn cửa sổ có tấm phên chống nửa vời, dưới nắng chiều trông thật giống với một khuôn mặt ngái ngủ? Cây gạo “thơm tho” ở bến sông? Cái miếu cô độc ở giữa đồng trống? Ánh đuốc canh lúa lập lờ? Cái bếp thấp nơi một người con gái mắt sáng, cổ cao và trắng, mặc chiếc áo có vết rách ở cùi chỏ? Bao nhiêu công phu cho một cuộc chuyển quân nguy hiểm chỉ vì bao nhiêu hình ảnh mờ nhạt, tầm thường ấy sao? Thực sự ta đã nghĩ gì? Ta muốn gì?

Huệ đứng bên cửa sổ nhìn những giọt lá me vàng rơi đều rơi đều, lòng bập bênh bồi hồi. Buổi sáng qua mau trong cảm giác băng lạnh đó của tâm hồn Huệ.

✱

An Thái được giải phóng vào một ngày mưa. Bầu trời màu chì sa xuống thấp, mưa rả rích lê thê trên một xóm làng hoang vắng. Thấy bọn lính phủ hốt hải chạy trốn, dân chúng trong làng cuống cuống kéo nhau lánh nạn, xuống miệt sông Cạn, hoặc lội sông qua An Vinh. Toán quân của Huệ lùng khắp làng, chợ chỉ gặp được có gã khùng và một ông lão mù lòa.

Hai ba ngày sau mới có lác đác vài bà lão dắt cháu bé liều lĩnh về dò đường, nếu

ở được thì cho trẻ con qua sông báo cho những người đàn ông còn lại trong gia đình, bằng không thì cũng lên vợ vào vài cái áo, chăn chiếu, gạo khoai để tiếp tục sống tạm cuộc đời tản cư. Họ gặp được những “tên cướp hiền lành” và nhân từ đến nỗi chẳng những họ được quyền thu vén giữ gìn số của cải lương thực vương vãi bừa bộn lúc chạy loạn, mà còn được cấp phát thêm vô số gạo, mắm tích thu từ kho lẫm của nhà giàu. Tin mừng bay nhanh qua bên kia sông Côn, lan xuống phía đông nên không bao lâu số dân lục tục bỗng bễ mang xách kéo về càng nhiều.

Huệ, Mắm bận bịu suốt ngày mà không giải quyết hết những công việc cứ từng ngày tăng lên bề bộn.

Trước hết là vấn đề quân sự. Đúng như lời Nhạc, việc tiến quân sâu xuống

An Thái đã khiến phủ Qui Nhơn hoảng loạn, vội vã tìm mọi cách tăng cường phòng thủ. Quân lính được rút bớt từ núi Bích Khê về, từ chợ Giã lên, đóng ken dày bên kia cầu Phụng Ngọc và Thiết Trụ. Một toán nhỏ bộ hạ của Nguyễn Thung không hiểu luôn lách cách nào, lên được tận Phú Thiện để cắm mốc phân ranh. Phải đối đầu cùng một lúc với hai lực lượng mạnh và đông đảo, toán quân của Huệ hóa ra nhỏ yếu. Huệ không cho quân đóng trong làng, một phần vì nhu cầu phòng vệ, một phần sợ các nghĩa quân nổi lòng tham lấy của cải của dân. Huệ phân quân làm hai toán, một nửa đóng trên bãi cát nhìn qua An Vinh kiểm soát đường sông, một nửa đóng trên Gò Miếu. Mầm được giao nhiệm vụ điều khiển mặt sông.

Khổ một nỗi là phần lớn dân nghèo

trong làng không chạy theo đám quan quân và bọn chức sắc theo ngả Phụng Ngọc để xuống phủ, mà lội sông qua trú ở An Vinh. Cho nên công việc của Mắm nặng nề, nhất là vừa kiểm soát vừa giúp đỡ cho làn sóng người hồi cư này. Việc cứ sinh sôi nhanh chóng lên, rắc rối bề bộn đến nỗi Huệ chỉ vắng mặt có một ngày mà Mắm lo âu đến phờ phạc cả người, già đi trông thấy.

Nghĩa quân phải làm tất cả công việc của một chính quyền mới, một trách vụ mà từ trước đến nay chưa có ai trong toán quân trẻ trung hăng hái này có chút kinh nghiệm. Kể cả Huệ và Mắm. Đốt đồng sở thuế, phá cửa kho thóc và lăm nhà giàu phân phát cho dân nghèo, rồi rút ra khỏi làng như họ từng làm trước đây không quá khó khăn. Công việc hiện nay khác hẳn. Nghĩa quân phải ở lại, tổ

chức đời sống, ổn định trật tự mới. Dân chúng ùn ùn kéo về, làm sao phân biệt được những người dân lương thiện với bọn lưu manh tứ xứ nhân cơ hội hỗn loạn trà trộn vào đoàn người hồi cư, đến cái chợ nổi tiếng giàu có tiền bạc và hàng hóa này để kiếm chác? Lục sổ đình để kiểm tra ư? Sổ sách cũ đã bị thất lạc hoặc bị đốt cháy tiêu cả rồi!

Khuyến khích, thúc giục dân làng vạch mặt bọn vô lại chẳng? Gươm giáo của nghĩa quân ở xa, còn mũi dao liễu lĩnh và độc ác của bọn vô lại kẻ sát ngay bên hông họ!

Đó là chưa kể những vụ tranh tụng nhau về sổ đồ đạc bỏ vương vãi chông chơ trên lối đi, dấu tích cuộc chạy trốn hỗn loạn. Ai mới thực sự là chủ của cái bàn đã gãy mất một chân đó? Con heo nái vú viếc bèo nhèo này là của ai? Cái bình

trà sứt vôi lẫn lóc nơi gốc gạo là của ông Ất hay của bà Giáp? Lại thêm việc cứu đói cần kíp trong lúc tiếng trống quân phủ bên kia cầu Phụng Ngọc cứ đổ từng hồi nhắc nhở hoặc dậm dọa! Khối lượng công việc chồng chất cả lên vai hai thanh niên chủ chốt của toán nghĩa quân tiền phương là Mắm và Huệ.

Tuy nhiên, hình như luật tạo hóa cũng khá công bằng, nên cả hai đã được bù đắp cho những may mắn và niềm vui xứng đáng. Mắm dồn hết tâm trí vào việc giúp đỡ những người hồi cư, nên mãi lâu về sau, anh mới để ý đến một công dân đặc biệt gắn bó với An Thái là gã khờ. Đó là điều bất thường không thể hiểu nổi, như hai người thân yêu gặp nhau hằng ngày trên một con đường hẹp mà hàng tháng, hàng năm vẫn chưa tìm ra nhau. Đâu phải gã khờ sợ hãi cảnh biến

đổi trốn biệt vào cái xó chợ nào đó! Cả An Thái dáo dác chạy trốn, chỉ có gã và ông lão mù lòa bị bỏ lại. Gã không đủ trí khôn để sợ, còn ông lão, thì thiếu một lòng nhân từ nào đó nơi kẻ khác, nên bị bỏ lại. Ông lão nằm chờ chết đói. Gã khờ thì không. Gã chạy khắp làng, tìm đến bất cứ cái gì còn cử động. Chính gã là người đại diện duy nhất An Thái đón chào nghĩa quân vào làng, chính gã hứng chịu những ngược đãi xốc nổi đầu tiên của những nghĩa quân hăng say tỏ vẻ uy quyền và giàu nghi ngờ.

Làng hoàn toàn hoang vắng, kẻ độc nhất ở lại trở thành kẻ đáng ngờ. Gã chịu hai cái tát nổ đom đóm mắt, ba cái đá đít. Thay vì khóc lóc, van xin, gã cười. Nhờ thế, người ta hiểu ngay gã thuộc loại người nào, và cái tát thứ ba, cái đá đít thứ tư không xảy đến. Gã thành trò

vui của bọn nghĩa quân trẻ tuổi. Họ cho gã ăn uống no nê, gã còn được đãi rượu nữa. Hơi men bốc lên, gã múa may, hát hồng. Rồi chính gã ôm cò đào đi cắm khắp nơi trên từng lều chợ, ở tiệm tạp hóa của người Tàu, ở chuồng ngựa, cả trên nhánh cây gạo cao ngất nữa. Nhờ gã mà từ bên kia sông Côn, dưới cầu Phụng Ngọc, từ gò Miếu, mọi người có thể thấy được lá cò đỏ phấp phới ở chợ An Thái, tăng thêm thanh thế cho lực lượng nghĩa quân và khiến cho quân phủ nơm nớp khiếp sợ.

Mắt của Mắm để ở đâu mà không trông thấy gã! Thật khó hiểu, nhưng sự thực vẫn thường xảy ra như vậy. Đến một buổi sáng, hình như buổi sáng sau hôm Huệ từ Kiên Thành trở về, Mắm “thấy” gã khờ nhờ sắc cò đào. Trời hôm ấy trong xanh, nắng thủy tinh nhảy múa

rải hoa lên các lối đi dưới những tàn cây. Gã cầm một cây cờ đào – về sau Mắm biết gã đã gỡ lá cờ này từ một lều chợ – đi về phía nhà Hai Nhiều, vừa đi vừa hát một điệu khách, Mắm thì vừa gập Huệ ở gò Miếu và đang trở ra bến sông. Họ gặp nhau chỗ bụi tre gần chái nhà cháy của ông giáo. Hai người cùng dừng lại, nhìn nhau ngỡ ngàng. Ánh mắt hoang dại và rạng rỡ nhờ phản chiếu màu cờ, trở nên xao xuyến, dò hỏi, lúng túng, lo âu. Chính lúc đó chính Mắm nhận ra được anh mình! Và kỳ diệu thay, cũng chính lúc đó, do sự kích động đột ngột và cực độ, gã khờ tìm lại được trí nhớ. Gã bập bẹ, run run hỏi:

– Mắm... có phải Mắm không?

Mắm chỉ chờ có thế. Hai anh em ôm chầm lấy nhau, nghẹn lời không nói được câu nào, hết khóc lại cười, hết cười

lại rời nhau ra mà nhìn nhau. Vẫn chưa dám tin ở mắt và tai mình, gã khùng hỏi:

– Có phải em không hở Mắm?

Mắm nuốt nước mắt nói:

– Phải, em đây. Sao anh ra nông nổi này!

Gã khờ nhìn xuống quần áo, thân thể mình, và lần đầu tiên sau bao năm, gã thấy mình xơ xác, dơ dáy. Gã xấu hổ đưa tay kéo cái quần lên cho che bớt cái rún bần, cùng lúc đó gã cảm thấy lạnh lạnh nơi háng. Quần gã mặc đã rách đay từ bao lâu rồi! Gã tủi thân, òa lên khóc như một đứa con nít vừa bị giành mất cái bong bóng lợn ngay giữa đêm ba mươi.

✱

Niềm vui của Huệ trầm lắng và phức tạp hơn. Sau khi đưa Mầm đến chỗ gốc mít trên gò Miếu, căn dặn Mầm kỹ càng những điều phải làm, Huệ đứng một mình nhìn mãi mấy đám ruộng hoang quanh gò. Từ lâu bị bỏ giá, đất ở đây trở lại cần cỗi, cỏ dại mọc lơ thơ không che nổi mặt ruộng khô nứt. Huệ thấy lòng lâng lâng, buồn vui lẫn lộn. Từ bao lâu nay, anh ao ước được một mình tận hưởng cảm giác hạnh phúc của giờ phút này, ở tại đây, nhưng đạt được buổi sáng mơ ước đó, anh thấy chưa vui trọn. Cảm giác khoái lạc, hương vị của hạnh phúc không rõ ràng như anh tưởng, mà hình như bị nhòe đi, như một trang sách gặp mưa. Có cái gì thiếu thiếu, dang dở, cái gì vương vấn, lơ lửng! Kỷ niệm lẫn quất làm nhạt cả ánh nắng. Phải rồi! Chỗ kia, nơi cỏ mọc dày sắc xanh hơn, là con mương nhỏ thoát úng mà ông giáo, Chinh và

Huệ đã hợp sức nhau đào suốt hai buổi chiều mới xong. Mò đất cao kia là nơi mà anh và ông giáo ngồi bên con cúi leo lét bàn chuyện ông Tử Trường, quanh co không lối thoát giữa hai nẻo chính tà, lúng túng chưa biết lẽ phải thuộc về kẻ ăn trộm lười câu hay thuộc kẻ ăn trộm nước. “Căn nhà ngái ngủ” quay về phía mặt trời lặn đã bị thiêu rụi, dĩ nhiên chái nhà học cũng không còn! Dấu tích của một thời chỉ là tro bụi! Huệ nhớ lại những mơ ước thầm kín của mình, nhớ lời quở trách nghiêm khắc và những câu khuyên răn dè dặt mơ hồ của anh cả. Lòng Huệ chùng xuống, ngùi ngùi!

Anh ngạc nhiên thấy Mắm trở lại gò Miếu với một người nữa. Họ tới gần hơn, Huệ nhận ra gã khùng. Điều lạ là họ nói chuyện rôm rả với nhau, anh đoán thế nhờ cử chỉ và gương mặt của họ. Tay

Mắm cầm một lá cờ đỏ. Đến chỗ mô đất cao, Mắm giơ cán cờ cao lên phất mạnh, lá cờ phấp phật reo vui trong gió. Mắm la lớn cho Huệ nghe:

– Anh có biết ai đây không?

Huệ không dám nói hai tiếng “gã khờ”, vì đoán trước phải có điều gì bất thường và quan trọng lắm Mắm mới quay lại. Mắm chạy đến chỗ Huệ đứng, trở gã khùng phía sau và nói:

– Thật bất ngờ! Anh ruột của tôi đó!

Huệ quay ngoắt lại, hỏi bạn:

– Anh ruột? Đừng nói đùa!

– Thật mà! Hai anh em lưu lạc xa nhau bao năm không tìm ra, ai ngờ... Vui hơn hết là đột nhiên anh ấy hết dở người... hết điên rồi! Chuyện khó tin nhưng có thật đấy!

Người anh của Mắm đã đến nơi hai người đứng. Ông ta lúng túng kéo quần lên, chợt nhớ chỗ rách đáy xấu hổ, vội thả lưng quần trượt xuống, kéo hai vạt áo bần che cái bụng lại. Mắm quá vui, không chú ý đến vẻ bối rối của anh, bảo Huệ:

– Chuyện anh ấy ly kỳ lắm. Để tối, à quên, tối nay tôi phải đi tuần dọc sông, không được, để mai tôi kể cho anh nghe. Anh ấy đau đớn, u uất quá phát điên lên, bỏ mất cả trí nhớ bao năm nay. Bây giờ... à quên..., anh ấy vừa hỏi tôi cái cô bé trước đây ở cái nhà này, ý anh ấy bảo nhà thầy giáo đó mà, anh ấy hỏi cô bé đó bây giờ ở đâu rồi! Anh thấy lạ không. Chuyện đời quanh quẩn lung tung, cuối cùng mọi sự lại xoay về thành cái vòng tròn. Mà anh có biết vì sao anh tôi hỏi cô An chưa?

Huệ đưa mắt ngăm hỏi “gã khờ”. Hai tay vẫn giữ chặt lấy vạt áo để che cho kín bụng, ông ta buồn rầu đáp:

– Khuôn mặt cô bé đó giống y khuôn mặt vợ tôi. Phải, giống nhau như hai giọt nước. Nhờ ơn trời, bây giờ tôi nhớ rõ cả mọi sự. Nhưng giá tôi quên hết được mọi sự thì hay hơn nhiều!

Huệ tế nhị không muốn tò mò tìm hiểu những khúc mắc chắc là đau buồn của anh em Mẫn, tìm chuyện khác vui hơn, Huệ nói:

– Người mà bác tìm không còn là cô bé nữa. Đã lớn lên, cao đến bằng chừng này rồi.

Người anh Mẫn hỏi:

– Thực à! Nhưng cô ấy ở đâu?

Mẫn đáp thay Huệ:

– Ở trên Tây Sơn thượng. Cũng sắp về đây thôi.

– Chùng nào mới về?

Huệ nhìn về phía Phụng Ngọc đáp:

– Còn tùy. Phải chờ xem chúng nó động tĩnh thế nào!

✱

Lá cờ đào dài hai ba thước phất phới trên ngọn cây gạo của một kẻ vừa tìm lại được trí nhớ và phẩm chất làm người, càng ngày càng trở nên nổi ám ảnh khủng khiếp đối với đám quan quân bạc nhược dao động cực độ bên kia cầu Phụng Ngọc. Đúng như lời Huệ nói, guồng máy triều đình ở phủ Qui Nhơn thời bấy giờ vẫn còn lớn như một quả bí,

nhưng là một quả bí thúi ruột. Kinh đô dùng dằng, quan phủ hoang mang, quân đội rệu rã, bàn tay cầm gươm của tướng lẫn bàn tay cầm giáo của quân đều rịn mồ hôi sợ. Chưa cần đến tiếng ó xông trận đâu! Chỉ cần một lá cờ đỏ tung bay trên ngọn cây gạo cũng đủ cho chúng bủn rủn chân tay. Không cần chờ lâu, Huệ đã hiểu rõ sức mạnh của phía mình. Các tin tức Bùi Văn Nhật thu lượm được thêm bằng chứng mới để Nhạc yên tâm, bớt ái ngại lo âu vì sự xốc nổi thuần cảm tính của Huệ.

Nhờ thế, Tây Sơn mạnh dạn ổn định tổ chức chính quyền ở các vùng chiếm được. Dân An Thái bớt thái độ chân trong chân ngoài, bắt đầu tuân phục các “mệnh lệnh” của “mấy cậu trẻ con”. Đối với các bô lão đã từng chứng kiến bao nhiêu đổi thay, phế hưng trong đời, thì

tuổi tác của Huệ và Mẫn còn quá trẻ để họ tin tưởng. Họ chờ xem thời thế biến chuyển ra sao đã! Nhưng chờ mãi họ không thấy quân phủ dám vượt qua cầu Phụng Ngọc. Tiếng trống dội từ hướng đông rời rã, yếu ớt dần từng ngày. Dân làng tự thấy phải mau mau thích nghi với đổi thay mới. Công việc của Mẫn trở nên dễ dàng hơn. Các vụ kiện tụng, trộm cướp, ẩu đả ít đi. Bọn vô lại lần trốn qua bên kia sông, rơi vào tay toán quân của Tuyết. Nhưng các thuận lợi khách quan ấy không khiến cho Huệ có ảo tưởng về khả năng mình. Anh biết mình còn quá trẻ để đảm đương công việc hành chánh. Cho nên, hai tuần sau khi chiếm được An Thái, Huệ yêu cầu anh cả tìm người về tổ chức guồng máy cai trị cái làng quan yếu về chiến lược này. Nhắc suy nghĩ một đêm, và không tìm được ai thích hợp hơn Hai Nhiều.

Hai Nhiều vô lấy đề nghị của Nhạc giống y cách một chú mèo đỏi vô con chuột béo. Trong cơn say mê quyền hành, ông ta trở nên liều lĩnh khác thường. Nhận được thư của Nhạc lúc tờ mờ tối, Hai Nhiều bỏ cả bữa ăn dở, hối thúc vợ con thu dọn quần áo đồ đạc, để khởi hành ngay đêm ấy. Báo hại bà Hai lính quỳnh không biết nên đem về thứ gì bỏ lại thứ gì! Hai Nhiều quát mắng vợ và Kiến âm ỉ. Hai người đàn bà vừa lo thu xếp hành lý vừa khóc âm ức, không dám nói lên sự sợ hãi nguy hiểm trên đường rừng. Những nhà lân cận tưởng chỉ là chuyện cãi vã thông thường giữa hai vợ chồng, không ai buồn đến tìm hiểu nữa. Họ “về quê” đột ngột, gần như lén lút, không ai hay biết gì.

Huệ biết trước Hai Nhiều sẽ về An Thái, nhưng không ngờ ông ta dám dẫn

luôn cả gia đình về chỗ tranh chấp nguy hiểm ấy. Từ chỗ đóng quân của Huệ trên gò Miếu, ông băng đồng chạy thẳng về nhà. Vợ con ông ôm xách đủ thứ đồ đạc lĩnh kỉnh mếu máo chạy theo không kịp ông. Chạy một hồi, ông chợt nhớ đến họ, quay lại thấy bà Hai và Kiến còn ở tít phía sau. Bà Hai đánh vỡ cái bình sứ, Kiến để tuột tay bọc quần áo rơi cả xuống vũng lợ. Ông lại quát tháo, chửi mắng, nhưng nhất định không chịu trở lui giúp vợ con. Ông để mặc họ, tiếp tục chạy trước về nhà cũ.

Những lời đồn đãi lâu nay Hai Nhiều đã nghe đều sai sự thực. Quân phủ chỉ đốt rụi nhà ông giáo, còn nhà Hai Nhiều không hề hấn gì. Nó vẫn còn đó. Nó vẫn còn đó. Nó vẫn còn đó. Hai Nhiều vừa chạy vừa nhắc đi nhắc lại cho mình nghe lời mừng rỡ khôn xiết ấy, tuy thở hỗn

hển nhưng ông không thấy mệt nhọc chút nào. Vâng, nó vẫn còn đó, mái nhà thân yêu của ông. Của ông! Của ông! Của ông!

Cửa cổng bị trật ngàm nghiêng ngả. Ai đó cột tạm hai cánh cổng chắc chắn dính đầy phân trâu bằng một sợi mây. Không đủ bình tĩnh tháo nuốt dây ra, Hai Nhiều lóng ngóng leo đại qua cổng. Ông suýt té chúi vào phía trong. Ông gượng lấy được thăng bằng, đứng thẳng người nhìn căn nhà. Và lòng ông đau buốt, như có ai đâm kim vào ngực ông. Những khuôn cửa lớn, cửa sổ, bằng gỗ lim chắc chắn và láng bóng trau chuốt từ thời Tư Thới đến thời Hai Nhiều, niềm hãnh diện thâm kín nhưng lớn lao của ông, đã bị gỡ tháo đi mất! Căn nhà trống toang hoác như một khuôn mặt người mù trúng phong. Chân ông bủn rủn.

Ông khuyu xuống, trước mắt mái nhà biến thành một bệt khói điên đảo quay cuồng!

*

Hai Nhiều bận đi truy tầm những kẻ dám tháo gỡ mấy khuôn cửa quý của mình nên dành cho vợ cái quyền tự do lựa chọn một căn nhà để ở. Bà Hai chỉ chờ có thế. Căn nhà cũ đối với bà là một dấu tích của một đời làm dâu làm vợ nhọc nhằn, tủi cực, cay đắng. Mấy khuôn cửa trời đánh ấy bị mất ư? Càng tốt. Biết bao buổi trưa trong đời bà, trong khi mọi người được quyền ngả lưng đầu đó để tạm nghỉ, bà phải lấy giẻ đánh bóng từng khuôn cửa một, nhiều hôm mồ hôi và nước mắt nhỏ giọt trên tấm vải cũ!

Gia đình bọn hào lý trong làng chạy theo đám quan quân xuống trốn dưới phủ, nên An Thái còn nhiều nhà vô chủ. Hai mẹ con chạy đến nhà tên tri áp. Sự sang trọng vượt quá sức tưởng tượng của họ. Đây rồi, căn nhà mơ ước! Nhưng hôm sau, ra chợ bà Hai lại nghe tin bọn trộm đêm qua cạy cửa vào khiêng cái tủ chè khảm xa cừ ở nhà chánh tổng. Tủ xa cừ? Trời hỡi! Sao hửn không khiêng theo mà bỏ lại! Hoài của! Có mất gì thêm không? Chắc còn nhiều đồ đặc quí giá hơn chứ!

Hai mẹ con chạy đến nhà tên chánh tổng. Lại đây rồi, ước mơ của đời mình! Mâm thau có chạm nổi, sập chén bát toàn sứ Tàu, chuồng ngựa, bàn chân nai, trường kỷ gỗ trắc có khắc đủ mai lan cúc trúc, liễn đối thêu sặc sỡ! Lại dọn nhà. Hai Nhiều tức tối vì tra chưa ra bọn ăn

cấp khuôn cửa nên không có thì giờ nghe những lời khoe khoang của vợ, nhìn bao nhiêu xa hoa quý giá với đôi mắt dửng dưng. Vả lại, trong thâm tâm, ông cho rằng đây là phần thưởng xứng đáng với chức vị và trách nhiệm to tát của mình, không có điều gì mà phải nói thêm.

Công việc của Hai Nhiều tuy không còn nặng nhọc như công việc của Mắm và Huệ trước đây, nhưng phải nhận là khá vất vả. Gần như toàn bộ những gì liên quan đến việc hành chánh đều là trách vụ của ông. Nhờ thuộc lòng gia cảnh từng nhà ở An Thái, biết tường tận nét mặt, nghề nghiệp, quá khứ tính tốt và nét xấu của từng người (kể cả những đứa trẻ lên bảy) Hai Nhiều thanh lọc dễ dàng những kẻ vô lại trà trộn trong dân chúng để thừa cơ hời của. Nghe tin Hai Nhiều về hôm trước, hôm sau chúng đã

chuồn đi sạch. Hai Nhiều nở mặt nở mày, tự ngẫm nghĩa cái uy của mình. Giọng ông nói cao lên một bậc, mắt nhìn chếch lên trên đỉnh đầu kẻ khác. Ở đình làng, chỗ làm việc chính thức của ông, Hai Nhiều đã bỏ cái tạt ngồi ghé vào một góc ghế, cùng một lúc bỏ luôn cái đức nhún nhường lắng nghe kẻ khác nói từ câu đầu tiên. Gặp ông bất cứ lúc nào ở đình cũng thấy ông đang bận. Nhắc nhở cho ông nhớ rằng dân họ đã ngồi chờ ông rảnh một chút để giải quyết giùm công việc cho họ là một xúc phạm lớn lao, nặng nề đến danh dự, thế giá, uy quyền của ông.

Mà ông có nhiều uy quyền thực! Quân phủ vẫn án binh bất động bên kia cầu Phụng Ngọc, nhưng ai hiểu được chúng đang toan tính những gì? Chúng có dám vượt cầu tấn công An Thái không? Chắc chắn chúng đã tung vào làng

nhiều tên do thám để nắm rõ tình hình An Thái. Đó là chưa kể những vụ cạy cửa trộm cắp vẫn chưa dứt tuyệt. Nhu cầu an ninh ở vùng đất tranh chấp đã khiến quyền uy của Hai Nhiều trở nên tuyệt đối. Vì lợi ích của chính “bà con”, vì sự an toàn sinh sống làm ăn của từng người, vì giấc ngủ, miếng cơm của từng cháu bé, vì... vì đủ mọi thứ thiêng liêng trên đời, đặc biệt đối với quê hương Hai Nhiều, ông buộc lòng chứng tỏ quyền uy của mình. Buộc lòng phải áp dụng một thứ kỷ luật sắt. Phải trừ cho hết bọn do thám và bọn trộm cắp, trước mắt là tìm cho ra và trừng phạt gắt gao bọn dám gõ mấy khung cửa nhà ông! Ở vào hoàn cảnh ấy, bọn xu nịnh và bọn lẻo mép muốn tăng công nhờ vả hoặc thanh toán hiềm khích oán cừu tích lũy từ lâu đời thật không thiếu! Hai Nhiều nhận được nhiều nguồn tin sai, trừng phạt oan một

vài người quen biết. Ông dè dặt được một lúc, lại gặp những kẻ xu nịnh lẻo mép khôn khéo linh lợi hơn. Cái trò lẩn quẩn đó làm rối đầu Hai Nhiều, cuối cùng ông phải bỏ ý định tìm cho ra thủ phạm vụ trộm dơ dáy! Ông cảm thấy uy tín bị sút giảm, uy quyền bị sút mẻ. Chưa biết làm cách nào phục hồi thể giá của mình, Hai Nhiều may mắn được Bùi Văn Nhật khuyên nên cấp thẻ bài cho dân An Thái để dễ kiểm soát họ hơn.

Ông vô vập chụp lấy cơ hội quý giá đó như đã vô vập nhận lời đề nghị của Nhạc. Hai Nhiều ra nghiêm lệnh bất cứ ai đến tuổi vào sổ đình khi ra khỏi nhà đều phải đeo thẻ bài. Mỗi thẻ lớn bằng ba ngón tay, có đề tên họ và dấu điểm chỉ của từng người. Để đề phòng bọn lưu manh làm thẻ giả, Hai Nhiều ký một chữ nhỏ vào góc phải mép trên

thẻ bài. Đây là sáng kiến riêng của ông. Hai Nhiều quên nghĩ là mình ít học, mỗi lần cầm cây bút lông ông cứ lúng ta lúng túng. Tay ông run, mắt ông lại kém, vợ con ông nhìn ông đêm đêm phải nhúu mày méo miệng, đổ mồ hôi gò cho được một chữ ký vào góc thẻ, thương hại ông mà không dám nói. Cuối cùng ông tìm ra được một sáng kiến chín chắn. Thay vì ký trọn chữ Nhiều quá nhiều nét, ông chỉ khuyên lấy một cái vòng méo, cho nó xong nợ!

Chương 20

Xuân Huê được giải phóng đột ngột nên bọn hào lý không kịp đem gia đình chạy theo đám quân phủ như ở An Thái. Huê dẫn quân theo đường rừng, từ núi Chóp Vàng men theo núi Đồng Sim chặn hết đường rút xuống phía đông. Hơn một nửa quân phủ bị kẹt lại, phải cởi quần áo trà trộn trong dân chúng, hoặc lội sông qua phía bên kia. Cho nên không giống như Hai Nhiều vô vọng tìm kiếm kẻ dám gõ máy khuôn cửa quý của nhà mình, Lợi về Huê gặp được gần đủ những kẻ liên quan xa gần đến

cuộc tàn sát gia đình anh. Chỉ cần một buổi tối lân la trò chuyện với láng giềng cũ, Lợi đã biết hết: Người nào dẫn quân phủ đến chỉ nhà mẹ Lợi, người nào chỉ chỗ Phúc trốn, người nào sốt sắng tháo sợi dây xích nước cho quân phủ mượn trói các nạn nhân, người nào được bọn lính canh cho phép khiêng bộ phận gỗ về trước khi phóng hỏa. Kể cả những người vài hôm sau vào vườn nhà Lợi mót máy những rui mè cột kèo cháy dở về làm củi đun, Lợi cũng biết tất. Một thứ không khí nơm nớp lo sợ bao phủ khắp Huế. Người người chờ bão, run rẩy vì khủng khiếp hoặc tò mò.

Nhưng Lợi không làm gì cả. Công việc của Lợi buộc anh phải đi khắp nơi lo vận chuyển tiếp tế quân lương, tiếp thu số thóc tịch biên được nhập kho rồi phân phối đến các nơi. Kiểm soát thanh

lộc, quản lý Huê là việc của người khác. Dân Huê chỉ thấy Lợi đi đi về về, mỗi lần Lợi về cả làng xôn xao, thấy Lợi đi họ kinh ngạc. Cứ như vậy mấy lần, cuối cùng sự chờ đợi cũng bớt căng thẳng. Kể tự cảm thấy có tội hoàn hồn, còn những bọn tộc mạch hiếu kỳ thì thất vọng.

Cho đến hôm Lợi đem vôi, cát về làm mả cho mẹ và anh chị. Nhữn nhận, cẩn thận trong cách xử thế như một người đứng tuổi từng trải, Lợi đem quà cáp đến biếu cho những người thợ vôi trước khi ngỏ ý nhờ họ xây mộ cho thân nhân với một giá công quá cao. Đừng nói chuyện trả công! Lợi không trả gì cả, không biếu xén gì cả, họ cũng vui vẻ làm giúp cho Lợi mà! Cái chết thảm khốc của toàn gia đình đã gây xúc động mạnh cho dân Huê, họ quên ngay cái tính keo kiệt bủn xỉn của mẹ Lợi, xem đó là đức tính táo

tần đáng làm gương cho hết thảy những bà nội trợ.

Chỉ trong hai ngày, ba ngôi mộ trên khu đất cao gần bờ sông đã xây xong. Lợi đến nhà người đã khuân tấm phản gỗ nhà mình, bằng một giọng lễ phép gần như e dè, xin cho Lợi được mượn nhà bày một mâm cơm cúng mẹ và anh chị. Giọng Lợi buồn buồn:

– Hai bác tính, bây giờ cháu tứ cố vô thân, không nhà không cửa. Đến mâm cơm giỗ mẹ cũng không biết đâu mà đặt. Hai bác thương cháu, cho cháu được nhờ hai bác chút việc...

Chủ nhà sợ đến lú lỏi nhưng cũng cố nói:

– Không có gì, không có gì đâu cháu. Không có gì đâu cậu. Bà con hàng xóm

với nhau, thấy tình cảnh cậu chúng tôi ái ngại lắm. Đừng nói chuyện nhỏ nhặt như cho mượn nhà! Chuyện gì lớn hơn, chúng tôi giúp được thì dù tốn kém đến đâu chúng tôi cũng không ngại! Thôi, chúng tôi thừa với cậu thế này, cậu đừng giận thì chúng tôi mới dám nói.

– Hai bác quá lời. Cháu phận nhỏ đâu dám giận hai bác.

– Đây là chúng tôi sợ quần thể thôi. Bây giờ cậu đã lớn rồi, đã là ông này ông nọ, đâu phải như trước. Chúng tôi có ý sắm sửa giúp cậu mâm cơm cúng. Cậu đừng từ chối. Chúng tôi buồn lắm. Không tốn kém gì lắm đâu. Gà vịt hoa quả có sẵn trong nhà cả. Cậu một thân một mình, bà con láng giềng không nấu nướng giúp cậu thì ai lo! Chẳng lẽ nhờ mấy cậu lính. Bằng lòng nhé, bằng lòng đi cho chúng tôi vui lòng nhé!

– Cháu sợ làm phiền bác gái và mấy em quá. Hai bác đã có lòng tốt thế, làm sao cháu dám từ chối. Nhưng cháu chỉ dám nhờ công nấu nướng thôi. Tiền mua gà vịt, rau ráy, cháu xin gửi trước để...

– Không, không. Ai lại làm thế. Cậu chỉ bày vẽ. Chúng tôi đã nói toàn cây nhà lá vườn cả, không hao tốn đồng nào đâu. Cậu đi định cúng vào giờ nào? Khách khứa bao nhiêu vị?

Lợi ngồi trên cái phản đặt ở hiên trước, gương mặt bồn thần vì mãi lo lắng. Chủ nhà bồn chồn. Lợi e dè nói:

– Cháu cúng vào buổi chiều. Còn khách khứa thì... cháu sợ ồn ào quá. Thôi, cháu chẳng mời ai cả.

Chủ nhà dấy nẩy:

– Đâu được! Chúng tôi đã bảo cậu không nên khách sáo. Ông nội mấy cháu có khó tính thực, nhưng chúng tôi sẽ thừa trước. Cậu muốn mời ai cứ mời đi. Đừng ngại.

Lợi lại suy nghĩ, hai bàn tay hết bóp vào nhau lại di di trên mặt phản bóng. Lợi nói:

– Cháu định mời một số anh em quen biết, ớn nghĩa từ trên Tây Sơn thượng.

– Thì cậu cứ mời đi. Mấy thuở họ đến làng mình!

Lợi đành phải vâng ý chủ nhà. Số “anh em quen biết ớn nghĩa” của Lợi là tất cả nghĩa quân trong toán hiện đóng tại Huế, nghĩa là gần năm mươi người trai tráng ăn khỏe, nói năng rồn rảng, cười đùa âm ỉ.

Nghe tin Lợi về làng lo giỗ mẹ và anh chị, nhiều nhà có tai mắt rủ nhau đếm “phúng điếu”, gọi là tỏ lòng thương tiếc những người quá cố oan uổng. Lợi mặc đồ tang trắng, đội mũ rơm, mắt rơm rớm đỏ, lâu lâu đưa vạt áo giơ lên quệt nước mũi, thân hình tiều tụy xơ xác như vừa mới mất mẹ và anh chị hôm qua hôm kia. Lợi đứng nghiêm trang bên bàn thờ, lay trả những người đến phúng viếng. Anh còn nhờ một nghĩa quân lanh lẹ ghi sổ một cách tỉ mỉ các đồ phúng điếu. Ghi cả đến một nén nhang, một đèn sáp, một đĩa cam. Trong khi người bạn Lợi cầm cúi ghi chép, Lợi bồi rối giải thích với người đến viếng:

– Ấy cháu nhờ ghi chép cẩn thận để sau này trả ơn. Hiện giờ thì cháu khổ sở, côi cút, nhưng biết đâu sau này cháu lập gia đình, làm ăn khấm khá, thế nào con

cháu của cháu cũng lo đèn đáp lòng tốt của bà con cô bác. Em ghi đi, bác Tám Thầu một nải chuối và hai bao nhang. Thiểm Trục một đĩa trầu... Chú Bảy Thìn một hộp... hộp gì đây, thưa chú. Hộp bánh. em ghi đi, chú Bảy thìn một hộp bánh...

Bảy Thìn là người có lòng tốt tháo dây gàu cho quân phủ mượn để trói mẹ Lợi. Hộp bánh chú Bảy đem phúng điệu nặng khác thường. Những người có liên quan xa gần, nhiều ít đến cuộc thăm sát trước đây, không ai dám không đếm lạy bàn thờ mẹ Lợi mấy lạy. Họ cũng không đến tay không. phần lớn đều bắt chước lối xử thế khôn ngoan của chú Bảy!

*

Từ đó, mỗi lần về Huế, Lợi thường ghé nhà chú Bảy. Số “anh em biết ơn nghĩa” của Lợi lại được dịp chè chén no say. Thím Bảy Thìn, một người đàn bà nhỏ thó, quần áo lôi thôi, nét mặt già nua khắc khổ đến nỗi mới gặp ai cũng tưởng đó là chị hai của chú Bảy, từ lâu quá chán ngán cho cái tính tham danh trái chứng của chồng, lần này mới có đủ lý do dẫn vật, rần rục chồng mà không bị la mắng chửi rủa.

Ngoài mặt thì lúc nào thím cũng đơn đả, ân cần với đám bạn trẻ trung của Lợi. Nhưng ở chỗ khuất kín, sau khi tiệc tàn mâm bát bẽ bộn, thím vừa dọn dẹp vừa gạt nước mắt thầm. Ước vọng được chen chân vào hàng chức sắc, khỏi bị xem là thứ dân ngụ cư mặt hạng, cái ước vọng thầm kín đó thuở mới lấy nhau thím có chia sẻ với chồng, cùng chồng túi cực

trước sự khinh khi của làng xóm. Càng có tuổi, thím càng khác chồng. trong khi chú Bảy vẫn hăm hở dáo dác đi tìm một cơ hội nào đó thực hiện ước vọng của mình, thì thím Bảy cảm thấy tất cả mọi sự ở đời đều như cơn gió thoảng. Thím chín chắn trước chồng, già cỗi trước chồng. cho nên thím âm thầm chịu đựng hậu quả của các hành động vụng tính hời hợt của chú Bảy, với niềm cay đắng pha lẫn khoan dung. Đủ thứ hạng lưu manh dưới phủ Qui Nhơn đã tiêu phí khá nhiều tiền của của chú Bảy, mà lời hứa hẹn chỉ là lời hứa hão qua quít. Bây giờ thời thế chuyển xoay, lại thêm một lần trả nợ cho chồng. Một món nợ nặng nề không biết bao giờ mới trả hết, vì Lợi cứ ghé nhà vợ chồng thím hoài.

Một hôm giữa hai cuộc rượu, thím thấy chồng xì xầm gì đó với một người

“anh em” của Lợi. Hai người có vẻ tương đắc với nhau lắm, kéo riêng ra một góc vườn kín đáo nói chuyện với nhau. Lâu lâu “người anh em” nói giọng Phù Mỹ hơi chát của Lợi liếc nhìn về phía sân tiệc như sợ bạn bè khám phá thấy mình lén lút nói chuyện riêng với chủ nhà. Thím Bảy lòng như lửa đốt, sợ chồng lại phạm một sai lầm nữa do không bỏ được cái tính bông bột xốc nổi, chộp vội chộp vàng cơ hội kiểm chút công danh. Không thể chờ đợi lâu được, thím tìm cớ để đi ra phía vườn. Người lạ vội lảng đi chỗ khác. Thím Bảy thấy chồng hân hoan ra mặt, như vừa được chính thức nhận một danh phận. Không chờ vợ hỏi, chú Bảy nói:

– Cao nhân tất hữu cao nhân trị. Để coi thử nó có dám vác mặt đến đây ăn cho hết nhà hết cửa người ta không!

Thím Bảy nói trong nước mắt:

– Tôi van ông. Làm cái gì cũng nhớ giùm đến vợ con. Chúng nó sắp chết đói, ông biết không. Hay gì mà gây thù chuốc oán với người ta!

Chú Bảy giận dữ gạt lời vợ:

– Bà biết gì! Cậu người Phù Mỹ hồi này, bà biết ai không?

Thím Bảy thở dài ngao ngán:

– Cá mè một lứa thôi, ông ơi.

Giọng chú Bảy đặc thẳng:

– Em ruột ông Huyền Khê đấy.

– Huyền Khê à? Làm gì có quan huyện tên Khê ở đây?

– Không, tôi nói Huyền Khê. Cái bà này, mới chừng đó tuổi mà đã lỉnh lỉnh.

Ông ta là đệ tam trại chủ bên Kiên thành, lo việc quân lương, tức là người có quyền cho thằng Lợi sống thì sống, muốn nó chết thì không còn đường thoát.

Hà, hà! Mày tưởng có thể bám tao mà còn bòn rút đến thiên thu hay sao! Cao nhân tất hữu cao nhân trị. Ngoài vòm trời này còn có một vòm trời khác. Tao đâu có ngán gì mày!

Thím Bảy sợ đến tháo mồ hôi hột, mếu máo can:

– Mấy lâu nay ông không nghe mọi chuyện đảo điên hay sao mà còn tính ăn thua với người có thế! Gươm giáo thời này không có mắt đâu ông ơi! Mượn mũi giáo đầu này thọc đầu kia, nhiều khi thiên hạ không hề hấn gì mà mình chảy máu trước. Tôi lạy ông, cho mẹ con tôi được sống yên cái đời thừa này!

Chú Bảy giận lây đến vợ:

– Hứ, bà tưởng phải năn nỉ nó tha cho mẹ con bà sống hay sao! Sống như thế này thà chết quách đi cho mát thân! Bà cứ để mặc tôi. Mình cố thu vén lo cho một lần này nữa, chỉ một lần tốn kém đúng chỗ mà về sau khỏi phải bấm bụng cung phụng chè rượu cho tụi lâu la này. Chỉ một lần nữa, lần cuối cùng, bà nghe chưa. Xong việc này tôi thể không ham gì nữa. Bà bảo sao tôi nghe vậy.

– Ông thể như vậy biết bao lần rồi!

– Lần này tôi thể thật. Thấy mẹ con bà héo hắt, của cải dành dụm đổ ra hết, tôi phải biết nghĩ chứ. Không biết nghĩ tôi còn là người nữa không. Cậu ấy đã hứa chắc rồi. Không nhiều lắm đâu.

Bảy Thìn do dự trước khi cho vợ biết

số tiền định lo lót cho Huyền Khê. Đàng nào thì cũng phải nói thôi! Chú bậm môi, nói nhỏ cho vợ hay con số. Thím Bảy tưởng đất trời đột nhiên điên đảo, cây cối trong vườn gốc ngọn ngược ngạo. Bảy Thìn phải dìu vợ vào nhà, trong khi tiếng cười ngoài sân tiệc vẫn âm ỉ.

*

Nếu không có cái tật lảm lời và tính tham lam bon chen gần như bệnh hoạn của Bảy Thìn, thì có lẽ Lợi không thể biết những gì xảy ra sau lưng mình. Từ khi Huyền Khê nắm giữ việc quân lương theo thỏa ước hôm rằm tháng Tám, vì hiểu rõ mình chỉ là một tên tướng không có quân, lạc lõng giữa một tập thể xa lạ đáng ngờ, nên Huyền Khê giao hết mọi việc rắc rối nào nhập kho, ghi chú, phân

phát, vận chuyển, kiểm soát, kết toán... cho Lợi. Huyền Khê kiên nhẫn chịu đựng thân phận một thứ con tin, vì hy vọng rằng với tài tháo vát của Nguyễn Thung, cộng thêm sự dũng mạnh liêu lĩnh của Tập Đình, Lý Tài, thế nào phe mình cũng thắng thế. Phải biết tùy thời mà xuất xử! Đến như Lã Vọng mà còn có thời ngồi nghe tóc bạc bên bờ sông Vị nữa là!

Vốn khéo léo đối xử với người chỉ huy trực tiếp, không bao giờ Lợi tỏ ra dám vượt quyền Huyền Khê. Như mọi khi, Lợi chuyên đứng ở hậu trường, nhường cho hình nộm trước sân khấu sự hãnh diện phù phiếm. Lòng tự ái của Huyền Khê không bị động chạm. Mọi việc đều do Lợi xếp đặt, nhưng trước khi thi hành, bao giờ Lợi cũng nói qua Huyền Khê một tiếng. Cho là phải phép rồi, Huyền Khê gật. Nhưng dù sao Lợi

vẫn còn ít tuổi hơn Huyền Khê nhiều. Lúc nào đưa ra đề nghị gì Lợi đều thấy Huyền Khê chấp thuận không đắn đo, do dự. Thế mà phải thật lâu về sau, Lợi mới thấy mình trở thành thuộc hạ ngoan ngoãn của Huyền Khê. Lợi bận quá nhiều việc, chuyển lương liên miên cho các toán quân phía bắc sông Côn. Còn mặt nam, như Du Thái, Xuân Huê thì có những người ít khả năng hơn phụ trách, vì công việc đơn giản hơn. Bẵng đi gần nửa tháng Lợi không có dịp về Xuân Huê vui vẻ với “anh em” nữa. Chỉ có một lần phải xuống Du Thái gọi Năm Nhiều lên Kiên thành gặp Nhạc gấp, trên đường đi ghé tạt Xuân Huê thăm mộ mẹ, Lợi lỡ đường ngủ tạm đó một đêm. “Các anh em” trách Lợi bỏ rơi họ, nhắc lại những đêm vui bên bàn rượu. Một người thuật cho Lợi nghe lời huênh hoang của Bảy Thìn. Thế là mọi sự sáng tỏ. Lợi biết hết

những gì đã xảy ra, vì sao mình ít có dịp trở lại Xuân Huê.

Quá lắm rồi! Mình cho chúng nó lấy của đổi mạng mà chúng nó không biết ơn! Quá lắm rồi! Giờ lại quyển sổ ghi danh sách những người đi điếu, dò tên từng người. Kiểm lại giá trị từng món, Lợi tức giận. Khám phá ra rằng chúng nó mua sự yên ổn của cả gia đình đông đúc với những giá quá rẻ. Bọn vô ơn bạc nghĩa! Quân sâu bọ! Quá lắm rồi!

Về đến Kiên Thành, Lợi tìm gặp ngay Huyền Khê. Huyền Khê bảo:

– Chú về thật đúng lúc. Dưới Thuận Tuyên họ vừa cho người lên bảo sắp cạn lương. Chú xem lại thử kho An Vinh còn đủ không?

Lợi đáp:

– Vâng.

– Hay chú lấy ngựa đến tận nơi xem sao.

– Để xem đã.

Huyền Khê bắt đầu nhận thấy thái độ của Lợi có gì khác. Ông quan sát Lợi kỹ hơn, thấy đôi mắt oán giận và đôi môi mỏng mím lại. Huyền Khê hỏi:

– Chú mệt à?

– Vâng.

– Thế thì để tôi cho người khác thay chú cũng được. Chú về nghỉ cho khỏe. Có thuốc thang gì chưa?

Lợi nói:

– Cảm ơn bác. Chỉ xâm xoàng sơ sơ thôi. Nếu có người thay thế thì cháu xin

phép bác được tạt qua Xuân Huê một hôm. Lâu quá không thăm chú Bảy Thìn được.

Lợi vừa nói vừa cố dò xem phản ứng của Huyền Khê. Quả nhiên nét mặt ông ta đanh lại. Sau một lúc im lặng đôi bên cùng dò dẫm, Huyền Khê hỏi:

– Chú bà con với lão Bảy Thìn thế nào?

Lợi quyết tâm nói thẳng vào vấn đề, không e dè quanh co nữa:

– Chẳng bà con gần xa gì cả.

– Thế thì cần gì phải thăm nom!

– Nói thế cho đẹp một chút thôi. Cháu xin nói thật, lão ta là kẻ thù của cháu. Chính lão giúp đỡ cho quân phủ trói mẹ cháu lại, đem đi hành hình.

Huyền Khê làm vẻ kinh ngạc:

– Thật thế à? Sao lâu nay không nghe chú nói gì cả?

Lợi chua chát:

– Làm sao cháu dám nói. Lão ta có nhiều thế lực. Có nhiều người bao che cho lão.

– Bọn chánh tổng ư? Hay là quan huyện? Chú còn sợ gì chúng nó nữa! Chúng nó cao chạy xa bay cả rồi mà!

Lợi giận quá nói lớn:

– Không. Chính lão dựa vào thế lực ở đây, ở tại Kiên Thành này này, để tiếp tục huênh hoang không kiêng dè ai cả.

– Lão ta khoác lác, chú tin làm gì!

– Thế bác biết lão ta à?

Huyền Khê vội chữa:

– Không. Tôi mới lên đây lạ nước lạ người, ngoài chú với ông Nhạc có quen biết ai đâu. Nghe chú thuật, tôi đoán thế!

Lợi mạnh bạo tiến thêm một bước nữa:

– Bác có nghe lão huênh hoang gì không?

– Làm sao tôi biết được. Chú hỏi như vậy là có ý gì?

– Cũng có chút ý nghĩa chứ. Vì có liên quan đến bác.

Sợ Huyền Khê cắt lời mình, Lợi vội nói luôn một mạch:

– Lão ta khoe là người thân thuộc với bác. Lão thách đứa nào lớn gan thử động đến sợi lông chân của lão xem, thử

có sút đầu mẻ trán hay không. Đặc biệt lão thù ghét cháu. Lão nói: Mở mắt cho to, xem tao trị thằng Lợi. Nó biết thân thì lánh mặt đi. Vác mặt về Xuân Hề, có chuyện đả. Bà con cô bác xem lâu nay nó có dám thò đầu về đây đâu! Nó về, một gáo nước lạnh tao cũng không cho, chứ đừng nói rượu thịt.

Huyền Khê nóng cả mặt, trừng trừng nhìn Lợi, lớn tiếng hỏi:

– Thế ra chú về đây để vấn tội phải không? Chú muốn bảo tôi bao che cho kẻ thù của chú lộng hành phải không? Chú trả lời đi! Có hay không? Việc này không phải nhỏ. Nếu ông Nhạc không chịu giải quyết, tức là đã ngầm sai chú đến đây làm nhục tôi. tôi chịu lên đây lãnh cái chức giấy bồi thọt mã này, không phải để người ta muốn làm gì thì làm. Chú trả lời ngay cho tôi. Chú muốn gì?

Ai sai chú đến đây?

Lợi bắt đầu thấy việc làm của mình có nhiều nguy hiểm. Lợi biết cái thế liên minh giữa Nhạc và Nguyễn Thung có nhiều lỏng lẻo, nghi ngờ, và chỉ cần một hiểu lầm nhỏ mọn cũng đủ cơ để xé lời thỏa ước tạm bợ hôm rằm. Càng nghĩ Lợi càng sợ, gai ốc nổi trên sống lưng Lợi. Lưỡi anh lú lại, tay chân run. Huyền Khê thấy hết vẻ sợ hãi của Lợi, càng làm tới:

– Chú không nói. Được. Tôi phải gặp ông Nhạc để hỏi cho ra lẽ. Nếu ông Nhạc không sai chú, thì chính chú là kẻ phá hoại, đâm bị thóc chọc bị gạo cho anh em ông Nhạc với anh em dưới Tuy Viễn gây gỗ nhau, xích mích hiểu lầm nhau. Chuyện này quan trọng lắm, không thể bỏ qua được.

Nói xong, Huyền Khê vội vã lên trại chính gặp Nhạc.

✱

Chưa bao giờ Nhạc giận dữ như buổi trưa hôm ấy. Mắt ông đỏ lửa. Giọng nói cà lăm vì khắp người ông run lên. Mép môi trên co giật, dấu hiệu sự xúc động đã lên đến tột độ. Gần như một hội đồng kỷ luật được triệu tập khẩn cấp, gồm có Nhạc, Huyền Khê, Bùi Văn Nhật và Chi.

Nhạc cho xếp hai bộ tràng kỷ thành một hàng dài, bàn phía trước đặt một đĩa trầu và một khay trà. Chỉ sai lính hầu nhen thêm một lư trầm, mang lên đặt giữa khay trà và đĩa trầu. Cửa lớn cửa sổ phòng họp đóng kín, bên trong thắp hai cây đèn bạch lập lớn. Không khí

phòng xử trang nghiêm đến lạnh lùng, khiến Huyền Khê cũng phải e ngại. Ông hối hận vì quá nóng giận mà xé to một chuyện không ra gì. Huyền Khê muốn bỏ qua, nhưng Nhạc cương quyết phản đối. Nhạc nói:

– Đây không còn là chuyện riêng giữa bác với thằng Lợi, mà trở thành chuyện lớn của tất cả chúng ta. Không nghiêm trị nó, tất sẽ có nhiều lời xuyên tạc, gây bất hòa giữa anh em với nhau. Chúng tôi cảm ơn lòng khoan dung của bác đối với bọn trẻ con, nhưng xin bác nghĩ đến đại cuộc, cho phép chúng tôi trị nó. Tội bay đâu, dẫn nó về đây!

Hai người lính dẫn Lợi vào. Nét mặt Lợi còn nguyên sự hãi hùng, chân chùn lại không dám bước đến trước hai bộ trang kỳ. Cách bày biện bàn ghế khác thường, ánh nến lung linh, khói trầm tỏa lên, bao

nhiều sự xếp đặt cố ý của Nhạc và Chỉ rõ ràng đã tác động lên cân não mọi người, kể cả những nhà dàn cảnh. Không ai dám thở mạnh. Khuôn mặt người nào cũng bất động, mắt nhìn thẳng, hai bàn tay xếp ngay ngắn trên hai đầu gối. Thế ngồi thiếu thoải mái ấy một lần nữa tăng thêm vẻ cau có nghiêm khắc trên mặt các quan án. Lợi chịu đựng sao nổi cái không khí đầy đe dọa ghê gớm ấy. Anh mất cả tài miện lưỡi, và linh động quyền biến. Anh như cái xác chỉ biết vâng dạ, gật đầu chấp nhận hết. Mọi tội lỗi đều do anh. Mọi lời phao truyền cũng do anh. Các quan án cao lời buộc tội theo thói quen suy nghĩ của mình, gán cho Lợi những điều mình cho là không thể dung thứ trên đời. Chẳng hạn Nhật khếp cho Lợi cái tội xem thường phép tắc. Chỉ thì bảo Lợi bài biếm lễ nghi, bất kính đối với tôn trưởng. Huyền Khê không dám nói

gì thêm, chỉ e dè bảo tuy Lợi rất nhanh nhẹn tháo vát trong công việc, nhưng đôi lúc do sơ ý, cũng có vài trường hợp qua quyền. Kết quả phiên xử gần giống như mọi người đoán: Lợi phải chịu một bản án khá nặng nề. Vì dám xúc phạm đến vị chỉ huy khả kính của mình, vì lơ là trong công tác, Lợi bị truất hết mọi quyền hành, không được phụ trách quân lương nữa. Trong thời hạn một tháng, Lợi phải về trại Kiên thành làm một người bình thường, làm tạp dịch và giúp việc lật vật không quan trọng để có thì giờ ăn năn suy gẫm về lỗi lầm của mình. Sau một tháng, nếu Lợi phục thiện, biết tự sửa đổi tính nết, bấy giờ ban tham mưu sẽ họp để xét ân giảm cho Lợi, giao những trách vụ xứng đáng hơn.

Huyền Khê không dám ước mình được trọng vọng đến bậc đó. Ông bót

hối hận, tự thấy mình đáng kính. Vâng, nếu ông có giận dữ mách chuyện đó với Nhạc, chẳng qua chỉ vì đại cuộc. Xưa nay ông vẫn được tiếng đại lượng khoan dung, nhất định không bao giờ có tâm địa nhỏ nhen. Phải chờ đến lúc men chiến thắng và tự mãn tan đi, Huyền Khê mới bắt đầu thấy lúng túng. Lâu nay việc quân lương do Lợi lo liệu cả, từ việc xuất nhập, sổ sách, cho đến điều động phương tiện chuyên chở. Quen biết rộng, giao thiệp giỏi, ăn nói khéo léo vừa ràng buộc vừa ve vuốt, lại luôn luôn kèm theo những món quà nhỏ gửi đúng lúc đúng nơi, Lợi giải quyết các khó khăn một cách dễ dàng, như một trò đùa. Đột nhiên Huyền Khê phải một mình lo lắng tất. Ông lúng túng, sợ không làm xong việc, sau đó sợ vì không làm được việc mà mất hết thể diện. Các trở ngại không biết từ đâu ùn ùn kéo đến phá quấy ông:

đảng này kêu thiếu lương, đảng kia báo động lương sắp cạn. Kho thóc tịch thu được không đưa kịp về nơi an toàn, ngựa thồ chở quá sức con bị ốm con bỏ ăn. Lính dưới quyền kiếm có lính nặng. Mới toàn quyền bao liệu hết mấy ngày, ông đã nghe những tiếng kêu ca, than phiền. Theo cái đà đó, rồi sẽ đi đến đâu? Ông loay hoay, lúng túng như một tay chèo ngược dòng mà không có bánh lái, không có cả mái dầm. Tệ hơn nữa, ông không dám mở miệng cầu cứu Nhạc. Là đệ tam trại chủ, đặc trách quân lương, mà không lo xong được những cái việc vặt vãnh lâu nay một thằng con nít vẫn làm, thì còn thể thống gì nữa!

Cho nên không lấy gì đo được niềm hân hoan biết ơn của Huyền Khê, khi Nhạc gửi Lữ qua giúp ông giải quyết các khó khăn nan giải về vận chuyển. Các

đoàn ngựa tho khỏe hơn. Cần người gánh thêm gạo, có ngay. Kẹt kho ư? Nội một đêm Lữ truyền tất cả già trẻ lớn bé trong làng phải gánh, vác, bưng, đội, kh-iêng, xách...làm gì thì làm miễn phải dời số thóc từ chỗ này sang chỗ kia trước lúc hừng sáng. Lệnh của Kiên thành đấy. Nghe hay không tùy ý!

Nhạc đã gài Lữ làm việc bên cạnh Huyền Khê đệ tam trại chủ phụ trách quân lương như vậy! Nhạc cũng gửi Chinh xuống làm tùy viên liên lạc cho Tập Đình, Lý Tài, trong một trường hợp khác.

✱

Được tin Nguyễn Nhạc gửi thêm quân tăng cường cho lực lượng đóng ở

An Thái, Nguyễn Thung càng thêm lo âu. Toán thuộc hạ cắm mốc ở Thủ Thiện chỉ là cái chuông báo động, chẳng bỏ bèn gì nếu Nhạc thay lòng, xé thỏa ước đêm rằm, sai Huệ thúc quân sâu xuống phía Tuy Viễn. Bằng nhiều hứa hẹn và kích thích hiếu thắng, Thung đưa được toán quân của Tập Đình, Lý Tài lên phía tây. Đám bạn bè bộ hạ của Tập Đình, Lý Tài quá ít ỏi, họ lại quen đánh nhau trên biển hơn là trên đất liền.

Nguyễn Thung chọn trong số thuộc hạ của mình những kẻ to lớn khỏe mạnh, bắt cạo đầu gióc tóc cho giống người Tàu trước khi gửi họ tăng cường cho toán quân vốn đã hung hãn liều lĩnh ấy. Để phô trương thanh thế, nhất là để vuốt ve lòng tự cao tự đại của Tập Đình, Lý Tài, Nguyễn Thung gọi hai toán quân đó là Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa

quân. Không phải Thung không đủ chữ nghĩa để tìm những danh xưng kêu to hơn Nhạc. Thung có thừa sức thổi căng những cái bong bóng. Nhưng sau nhiều đêm suy nghĩ, Thung quyết giữ y nguyên những cái tên Nhạc đã dùng, vì hai lý do: thứ nhất, là vì Tập Đình, Lý Tài đều thỏa mãn ra mặt, mũi phồng to lên vì hai cái tên đó; thứ nhì, Thung chưa muốn công khai đối đầu với Nhạc, nhất là khi cán cân lực lượng còn chông chênh, chưa biết được lực đã nghiêng về phía nào.

Lấy cớ để phòng quân tiếp viện của chúa Nguyễn từ Phú Yên kéo ra, Thung đưa Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân tiến lên gần giáp với An Thái. Như vậy đầu tháng Chín năm Tỵ ở vùng giáp ranh Phù Ly. Tuy Viễn hai bên sông Côn, có tất cả ba lực lượng lạng lẽ gồm nhau chờ cơ hội giờ vuốt ra vô lấy đối phương:

toán nghĩa quân của Huệ, đám quân phủ bên kia cầu Phụng Ngọc, và đám quân ở trần trọc đầu của Tập Đình, Lý Tài.

Quân phủ vẫn án binh bất động vì khiếp nhược. Đối với Huệ, hướng cần đề phòng là đám Tàu ô của Thung. Họ gây náo loạn và gieo sợ hãi trong các vùng họ kéo qua. Thích rượu và sự náo động, họ buộc dân chúng phải cung phụng đủ thứ. Bọn con buôn người Tàu được dịp kiếm những món lợi khổng lồ, nhờ bán rao chức tước và độc quyền chuyên chở hàng hóa từ Tuy Viễn sang Phù Ly.

Dân nghèo không chịu đựng được khốn khổ bắt đầu bỏ nhà chạy lên miệt trên. Các va chạm giữa hai lực lượng sinh sôi mau chóng. Mâu thuẫn ngày càng trở nên gay gắt, chỉ cần một mồi lửa là mọi sự bùng nổ. Trong khi Huệ cố tránh các va chạm, kiên nhẫn chịu đựng các khiêu

khích thì Tập Đình và Lý Tài lại kiếm cớ gây sự. Chúng truy đuổi những người dân khốn khổ lên tận An Thái. Chúng còn đòi Huyền Khê phải tiếp lương cho Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân, lấy cớ đệ tam trại chủ có trách nhiệm về quân lương cho cả hai phía.

Nhạc tiếp nhận các đòi hỏi xác xược ấy với nụ cười trên môi. Ông bảo tất cả ý kiến đó đều hợp lý, đều đúng với tinh thần của thỏa ước. Đáng lẽ Nhạc phải thấy trước, phải tiên liệu những khó khăn của Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân để vận lương cho họ trước khi họ lên tiếng đòi hỏi. Nhưng chậm còn hơn không. Huyền Khê sẽ đích thân về Tuy Viễn gặp Thung để biết rõ nhu cầu cần thiết là bao nhiêu, quân số dưới Tuy Viễn đã lên đến đâu rồi. Về phần Nhạc,

phải liên lạc chặt chẽ hơn với Tập Đình, Lý Tài.

Trước mắt, Kiên Thành phải gửi ngay một người xuống bản doanh của Trung và Hòa nghĩa để đảm nhiệm trách vụ tùy viên liên lạc. Không chờ hỏi ý kiến ông giáo (lúc đó có việc gấp về Tây Sơn thượng). Nguyễn Nhạc chỉ định Chinh giữ vai trò khó khăn và nguy hiểm ấy. Chinh nhận lệnh không chút sợ sệt hay do dự, ngược lại, anh còn có cảm giác ngây ngất say sưa vì sắp được tham dự vào một cuộc phiêu lưu mới.

*

Chinh như một cô gái không chịu đựng nổi các lời dẫn xóc của bà gì ghẻ, sẵn sàng gặt đầu làm vợ bất cứ người đàn

ông nào đến trước. Từ khi về đồng bằng, chiến đấu trong đội quân của Tuyết, anh chưa bao giờ cảm thấy hoàn toàn thoải mái, tự do. Lúc nào đôi mắt vô hình của cha cũng theo dõi anh, nghiêm khắc soi mói cái tính ngang tàng liều lĩnh của anh. Chính không bao giờ quên trận đòn ở Tây Sơn thượng. Dù muốn quên, anh vẫn cứ nhớ từng lời của ông giáo đêm hôm ấy.

Sau khi nhận lệnh của Nhạc, Chinh thấp thỏm sợ cha về Kiên Thành trước ngày mình ra đi. Anh không muốn nghe thêm những lời răn đe của ông giáo. Anh đoán trước cha sẽ nói những gì, ánh nhìn của cha ra sao. Có thể ông giáo lại yêu cầu Nhạc tìm chọn một người khác, và nếu như vậy, thế nào ông Nhạc cũng chiều lòng ông giáo. Chinh muốn mọi sự đã rồi trước khi cha về.

Khốn nỗi đám của Tập Đình, Lý Tài lên chậm. Ông giáo lại xuống sớm. Ông giáo không yêu cầu trại chủ xét lại sự chọn lựa, nhưng y như Chinh đoán trước, ông giáo không vui. Lại nói xa nói gần đến điều nhân nghĩa, đến sự bất đắc dĩ của bạo lực, đến chỗ ranh giới của thiện ác... Chinh cúi đầu nghe lời cha, lòng ngán ngẩm, tự hỏi tại sao cha có thể bỏ cả cuộc đời nhai đi nhai lại những tiếng rỗng tuếch nhạt nhẽo như vậy.

Hình như ông giáo đọc được ý nghĩ thâm kín của con. Ông hỏi:

– Cha lắm cảm quá rồi phải không?

Chinh giật mình vội chối:

– Thưa cha, không. Con vẫn lắng nghe cha dạy.

Giọng ông giáo chua chát nhiều hơn là mỉa mai.

– Cha hiểu con rõ hơn mấy đứa khác nữa. Đừng giấu cha. Trí óc con đơn giản quá, bụng nghĩ thế nào, hiện cả ra cử chỉ nét mặt. Cha không biết phải chờ đến lúc nào con mới hiểu hết những điều cha vừa nói. Cha cũng biết hiện giờ, lời cha như nước đổ lá khoai mà thôi. Nhưng không nói, cha không yên tâm. Tình thế mỗi ngày thêm gay go. Mỗi người, ngay cả những người luống tuổi yếu ớt như cha đây, phải quyết định những điều liên quan đến sống chết của kẻ khác. Một mạng người. Cha nghĩ mà sợ, tay chưa đụng tới chuôi kiếm đã chùn lại. Miệng định nói đã ghen. Huống chi con lúc nào cũng lăm lăm gươm giáo nhọn hoắt. Con phải dè dặt. Nhất là chuyện này, sống giữa bầy hùm sói...

Ông giáo run giọng, lắp bắp không tiếp được nữa. Chình xúc động, thấy lòng man mác, ngùi ngùi. Anh hiểu tuy đối xử với anh cha có nghiêm khắc xa cách nhưng ông giáo vẫn thương con, lo lắng cho con trước một khúc quanh nguy hiểm. Sau một lúc cố trấn tĩnh, ông giáo nói:

– An nó tưởng con còn ở Kiên Thành, nên nhờ con đón hai chị em nó.

Chình kinh ngạc vội hỏi:

– Chúng nó sắp xuống đây sao, cha?

Ông giáo đáp:

– Cha ngăn cản, bảo hãy chờ ít lâu nữa. Nhưng cả hai chị em đều nằng nặc đòi về. Chúng nó bảo cậu mợ Hai Nhiều về được thì mình cũng về được. An Thái quá gần phủ thì ở Kiên thành để sẵn sóc

cha. Con biết không, cả Tây Sơn thượng thấp thỏm như ngồi trên lửa. Ai cũng ngong ngóng chờ ngày về xuôi.

Hai cha con im lặng, tránh nhìn nhau. Ông giáo nói:

– Lúc chúng nó về đây, con đã đi rồi. Thật tiếc.

Không hiểu sao khi nghe cha nói vậy, lòng Chinh đau nhói. Anh mừng tượng cái gì sắp đổ vỡ mà không thể tránh được, cái gì đã rồi. Anh lo âu, khác với bản chất vô tâm lâu nay. Anh muốn diễn tả xúc động bất chợt đối với cha mà không đủ khả năng, chỉ cúi đầu im lặng.

Hai hôm sau, Lý Tài viết thư cho Nhạc, chấp nhận Chinh về Tuy Viễn.

Chương 21

An và Lãng về Kiên Thành được hai ngày đã nằng nặc xin cha cho xuống An Thái. Ông giáo và Lợi tìm đủ lời dọa dẫm mà hai chị em vẫn không đổi ý. Cuối cùng, ông giáo đành phải viết vôi lá thư gửi gắm cho Huệ và tiễn con ra đến bến sông.

Hai chị em đến An Thái vào buổi chiều. Người lính gác loay hoay xoay ngược xoay xuôi lá thư viết bằng chữ Hán. Không hiểu trong tờ giấy gấp tư đó nói gì, nên do dự chưa muốn cho An

và Lãng vào gặp Huệ. May có một người lính già biết mặt An. Huệ đi vắng. Lòng nôn nao, cả hai không thể ngồi chờ Huệ được. Họ băng đồng vào làng khi trời sắp tối.

Tuy biết trước là ngôi nhà cũ đã bị cháy tiêu không còn gì nhưng hai chị em không khỏi xót xa khi nhìn cái nền trống trơ trống trọi gần bụi tre đã cháy héo mất một nửa. Họ đứng chết lặng hồi lâu không ai nói với ai lời nào. Mắt An cay cay. Giọng nói của cô rạn đi. An bảo em:

– Có còn gì nữa đâu!

Lãng hỏi:

– Làm sao bây giờ chị?

An quay nhìn về phía nhà cậu mợ, nói với em:

– Cha đã dặn rồi. Cậu đã hứa sẽ thu xếp chỗ ở cho. Dưới này thiếu gì nhà vô chủ. Nhưng...

– Nhưng thế nào?

– Lã biết nhà ông chánh tổng không?

– Chi vậy?

– Cái thằng! Thì cha đã nói rồi. Cậu mợ dời nhà lên ở trên nhà ông chánh tổng. Phải tìm gấp cậu ngay!

– Sắp tối rồi. Không. Không phải em lười đâu. Mọi việc ngày mai thu xếp cũng xong. Tối nay ta qua ở tạm nhà cậu mợ đi!

An thấy Lã có lý. Cô gật đầu.

Hai chị em đi vòng qua bụi tre cháy, theo con đường hẹp kề bên mấy đám

ruộng thấp tiến về phía cổng nhà Hai Nhiều. Đúng ra họ có thể băng qua khoảng nền vương vãi tro than để qua sân nhà cậu mợ, nhưng cả hai chị em đều ái ngại. Không dám dẫm lên xác của những lưu niệm.

Cánh cổng lệch dính đầy phân trâu đã được Hai Nhiều sửa ngàm lại. Lãng phải thò tay vào phía trong, cố hết sức mới kéo bật cái then gỗ ra. Sân rêu trơn trượt, họ phải dè dặt từng bước. Nhà trống toang hoác. Mùi ẩm mốc lạnh lẽo, mùi cứt dơi bàng bạc khắp nơi. Lãng mệt nhoài, đặt gói đồ đạc trên vai xuống thêm, dựa lưng vào đó nghỉ. An có cái óc thực tiễn nhạy bén của người nội trợ, lần theo vách ẩm tìm xuống chỗ đặt bếp. Cô vấp phải một cái ghế gãy, đầu va vào một cây kèo thấp. Mạng nhện dính đầy trên mái tóc cô. Đi ngang qua chỗ nhà

ngang dẫn ra phía lẫm, An nhớ cái thời mẹ mất, nhớ buổi tối người ta dẫn An qua đây ngủ tạm một đêm để khỏi trông thấy cảnh tằm liệm và nhập quan. An qua khỏi lối hẹp đầy bóng tối và ẩm mốc, xuống đến cái sân cát, cuối cùng tới chỗ xưa kia đặt táo bếp. Không còn gì, ngoài một viên gạch cháy sém vỡ làm đôi trên một nhúm tro ướt!

Tuy nhiên An cảm thấy tuyệt vọng cùng cực. Cô mệt mỏi đến nỗi đôi chân run, phải ngồi dựa vào thành giếng. Bao nhiêu xúc động và khó nhọc từ hôm ra đi ở Tây Sơn thượng đã khiến cô có kinh sớm hơn thường lệ. Cảm giác bứt rứt nhộp nhộp giúp An nhớ lại cái đêm hôm ấy, đêm tang tóc, đêm đầu tiên An hỡi hừng khám phá máu kinh nguyệt rịn thành dòng từ trên cơ thể mình, báo hiệu những ngày trưởng thành đầy âu

lo và xao động. Từ lần có kinh nguyệt ấy đến lần này, bao nhiêu tháng đã qua! Bao nhiêu khổ sở, mất mát; bao nhiêu lần băn khoăn tự hỏi về những chuyển động thầm kín những khao khát vu vơ mà không tìm được lời đáp rõ; bao nhiêu đêm xấu hổ vì những mơ ước kỳ cục...!

Huệ tìm thấy An ngồi thừ trong khoảng sân ngả tối nên không nhận ra vẻ bối rối xấu hổ của cô, cái bối rối của người bị bắt gặp đang nghĩ đến những điều phải giấu. Huệ đến, mọi sự trở nên đơn giản, dễ dàng. Huệ hớn hờ bảo An:

– Thật giống như một phép lạ. An biết không. Thường ngày đi kiểm tra quân gác ở mặt sông về, tôi đi ngả kia, ngả tắt qua vườn bà Hội đó An nhớ không. Hôm nay vừa đến chỗ ngã ba, tự nhiên tôi nghĩ: Lâu nay không ghé qua chỗ cũ. Không biết chiều nay, đúng lúc

chạng vạng tối này, những người đã sống quây quần trong “cái nhà ngái ngủ” đó có ai nghĩ nhớ về đây như ta không. Mãi suy nghĩ vu vơ như vậy, tôi không để ý, chân cứ bước về hướng này. Qua chỗ bụi tre, tôi hồi hộp nhìn vào chỗ nhà cháy. Tôi thấy gì kia? Có người ngồi trước nhà Hai Nhiều. Một người đàn ông. Tưởng kẻ địch nào lén đến đây, hóa ra chú Lăng. Vòng ra bếp lại gặp thêm một người nữa.

An quên hết mệt mỏi, thích thú hỏi Huệ:

– Anh không nghĩ em là ma, cũng may! Anh đọc thư chưa?

Huệ ngạc nhiên hỏi:

– Thư nào?

– Thư của cha em gửi cho anh. Trách nhiệm nặng nề đấy nhé. Cha em gửi gắm,

nhờ anh giúp đỡ tụi em trong những ngày đầu.

– Thư đâu rồi?

– Em đưa cho bác lính gác rồi!

– Thôi, chắc đại khái như An vừa nói chứ gì. Ông cụ bày vẽ, dĩ nhiên là tôi phải lo. Bây giờ An cần gì nào? Ăn uống gì chưa? Tối nay nghỉ đêm ở đâu? Huệ sai lính mang đến hai chị em An nào chiếu chăn, gạo mẩm, nồi niêu, Huệ trở lại ăn cơm với hai chị em, và nếu không bận đi gặp Mắm có việc gấp, chắc anh đã ngồi nói chuyện với An tới khuya.

★

Nghe tin hai chị em An về, bà Hai Nhiều tất tả xách nón đi tìm. Bà có quá

nhiều điều đáng khoe với các cháu. Ra tới cổng, bà chợt nhớ đến địa vị của mình. Hai Nhiều chưa được Kiên thành giao cho chức gì rõ rệt, danh vị cũng chưa minh bạch. Thật đáng tiếc. Giá trại chủ giữ nguyên tên gọi các hào lý cũ, như tri áp, chánh tổng, duệ lại, xã trưởng thì hay biết mấy. Chồng bà sẽ được gọi là ông chánh tổng, hoặc nói gọn hơn là ông chánh. Không còn gọi xách mé là lão Hai Nhiều như xưa! Tuy vậy bà Hai đọc được quyền uy mệnh mông của chồng trên gương mặt sợ hãi, thái độ khúm núm nem nép của những người đồng hương quá quen biết. Chưa được đích danh gọi là bà Chánh, nhưng bà Hai biết lắm, mọi người đã xét nét nhìn bà như một bà Chánh. Không thể ăn mặc lôi thôi, cư xử buông tuồng dễ dãi như ngày trước được.

Nghĩ như vậy, nên chân bà Hai chùn lại. Bà do dự, nửa muốn gặp ngay An để khoe khoang đủ việc, nửa muốn trở về ngồi trên cái sập gụ nhai trầu. Cuối cùng, bà trở về nhà. Bà gọi một tên đầy tớ vốn là đầy tớ của chánh tổng, sai nó đến nhà cũ của mình bảo An lại gấp.

An vội vã theo tên đầy tớ đến nhà mợ. Do bản năng làm mẹ mà An mau mắn nghĩ ngay đến những chi tiết vụn vặt nhưng tối cần cho cuộc sống mới: chợ búa hiện giờ họp ở đâu, lúc nào, giá cả thực phẩm ra sao, có thể mượn tạm được những đồ dùng lặt vặt như cái mâm, đôi đũa, ống thổi lửa, cái sòng chén, cái gối mây, dây cột gàu xách nước được không. An giao cho Lãng nhiệm vụ dọn dẹp căn nhà hoang cho sạch sẽ, chờ Huệ gửi lính tới sửa sang lại cửa ngõ như đã hứa đêm qua, còn mình thì phải gặp mợ gấp. Bà

Hai Nhiều cố dẫn sự nôn nóng hân hoan của mình, ngồi yên trên sập gụ chờ An vào. Vừa trông thấy An, bà Hai cười hỉ hả nói:

– Quá lắm nghe cháu! Về hôm qua mà đến nay mới qua thăm cậu mợ. Mợ không gọi chắc phải tháng sau.

Biết mợ chỉ nói đùa chứ không có ý trách. An ngồi sà đến gần bà Hai riu rít hỏi:

– Mợ. Sao hôm trước cậu mợ về thành linh vậy! Sao không cho con hay?

Bà Hai làm ra vẻ nghiêm trọng, nói nhỏ đủ một mình An nghe:

– Suyt. Tại việc quan trọng, khẩn cấp quá, “ở trên” không muốn cho mọi người biết. Mình vừa lấy lại được An Thái, công chuyện rối tung lên. “Ở trên” phải mời

cho được cậu mày về đây, không thì vỡ lở hết. Lệnh gấp và quan trọng như vậy, làm sao tin cho cháu hay được.

Khi nói đến hai chữ “ở trên”, bà Hai nghiêm sắc mặt, mắt nhìn thẳng, sửa lại thế ngồi cho thêm kính cẩn. An buồn cười nhưng không dám tỏ vẻ điều cợt trước mặt mợ, giả bộ lo lắng hỏi:

– Thế lâu nay “ở trên” có thường xuống đây không mợ?

– Sao lại không. Đây là mặt trận chính mà. An Thái mà thiếu một người như cậu mày, thì bọn dưới Phụng Ngọc đã tràn lên từ lâu rồi. Ôi thôi ổng bận suốt ngày. Cháu thấy đó, giờ này mà cậu mày có được ở nhà uống chén trà sớm đầu! Đã thế đêm còn phải mang giấy tờ về tra xét cho đến tận khuya. Mợ thấy cậu mày vất vả, cũng muốn giúp một

tay. Nhưng mình đàn bà con gái, làm gì được. Chỉ khi nào bà con láng giềng có nhờ nhờ điều gì, thấy có thể giúp được, mợ mới nói góp cho họ một tiếng.

Rồi không chờ An hỏi, bà Hai Nhiều cả kê kể những trường hợp khó khăn bà đã nói giúp với chồng để giải quyết cho “bà con”. An nghe, thấy phần lớn trường hợp đều liên quan đến việc cấp thẻ bài và tranh tụng số đồ đạc bị mất mát lúc chạy loạn.

– Bà Hai nhổ bã trầu vào một cái ống nhổ bằng thau, đưa tay áo quệt mấy giọt mồ hôi rịn trên trán sau cuộc huyền thuyên hào hứng, cười nói với cháu:

– Mợ tiếc cái thời an nhàn trên Tây Sơn thượng. Về đây trăm công nghìn việc, mệt ơ là mệt. À quên, khi hôm cháu với thằng Lữ ngủ đâu?

An trả lời. Bà Hai không tin hỏi lại:

– Thật không? Cái nhà trống hoác đó, chỗ đâu mà ngủ. Giường chiếu đâu còn nữa!

Nghe An nhắc đến tên Huệ, nét mặt bà Hai sa sầm lại. Vẻ hào hứng biến mất. Bà lúng túng, chưa biết xoay trở thế nào y như một người làm trò ảo thuật bị kẻ chơi khăm mách trước cho khán giả cách lạnh tay lẹ mắt để lừa dối kẻ khác. Bà lo lắng hỏi:

– Sao cậu Huệ biết cháu về?

An thành thật đáp:

– Cha cháu có gửi cho anh ấy lá thư. Tội cháu nhớ An Thái quá, không chịu ở lại Kiên Thành. Cha cháu cản không được, lại quá lo cho tội cháu, nên nhờ

cậu mợ với lại... với lại nhờ anh Huệ để mắt giúp đỡ cho.

Cách nói dè dặt và khéo léo của An phần nào khiến bà Hai thỏa mãn tự ái. Và để chứng tỏ mình còn ân cần giúp đỡ cháu hơn cả người khác, bà lôi An đi hết nhà này đến nhà nọ, quyết tìm cho cháu một ngôi nhà vô chủ đầy đủ tiện nghi nhất, cao sang nhất, mát mẻ nhất, bàn ghế giường tủ chắc chắn quý giá nhất. An mất cả buổi sáng để theo mợ, kiên nhẫn nghe mợ khoe khoang lòng độ lượng nhân từ của mình đối với gia đình bọn hào lý còn kẹt lại. Đi hết một vòng bảy, tám ngôi nhà vô chủ, bà Hai hỏi An chọn cái nào. Bà kinh ngạc đến sững sờ khi nghe An xin cho ở ngôi nhà cũ của Hai Nhiều!

✱

An trở về nhà đã thấy Huệ cho người đến sửa sang cửa ngõ cho hai chị em. Họ gồm ba người: một thanh niên tóc hơi quăn, mặc cái áo đã rách ở vai trái và một cái quần đen dài gần tới đầu gối; một người đã đứng tuổi để râu cằm, cử chỉ đĩnh đạc ăn nói kẻ cả, hình như xuất thân thợ mộc nên luôn miệng sai bảo hai người kia với giọng chắc nịch tự tin. Người thứ ba ở trần, da hơi tái, trên lưng phía dưới vai độ một gang tay có cái bớt màu xanh hình giống y như một hạt đậu phộng. Vì mãi lo mài đục và quay lưng về phía An, nên An không nhận ra được người thợ này già hay trẻ. Bác thợ cả hỏi An:

– Chúng tôi chờ cô về. Từ sáng đến giờ tôi mới cho phá các chỗ vách rữa để lắp khuôn cửa cho dễ thôi. Ý cô thế nào?

– Bác bảo gì ạ?

Người thợ cả nói:

– Cô muốn chúng tôi tháo cửa mấy nhà hoang gần đây lắp vào nhà này, hay làm tạm khuôn cửa tre?

An vội đáp:

– Nhà của người ta mình phá sao được, lúc họ về làm sao ở?

Người thợ ở trần đang mài đục quay lại phía An. Cô không tin mắt mình. Gã khùng còn đây à? Sao tóc tai ông ta gọn ghẽ ngay ngắn thế! Nhất là đôi mắt. Vẻ lạc lõng, hoang dại biến mất. An đọc thấy ở cái nhìn ấy vẻ mừng rỡ gói ghém vừa phải bằng sự tự chế và trầm tĩnh của một người bình thường. Không chờ An lên tiếng trước, “gã khùng” nói:

– Lâu quá phải không cô bé. Giờ cô đã lớn hẳn ra rồi!

An xúc động lấp bắp hỏi:

– Chú... chú còn sống à?

– Tôi đã nhớ lại tên mình rồi. Tôi tên Mịch, anh ruột thằng Mắm.

An thắc mắc hỏi:

– Nhưng sao chú... chú Mịch hết...

An không dám nói tiếp. Mịch cười:

– Hết khùng chứ gì! Phép lạ đó. Chính tôi cũng chưa hiểu tại sao. Gặp lại thằng Mắm em tôi, ban đầu tôi ngỡ ngợ. Rồi tự nhiên, tôi nhớ hết. Thế mới khổ! Tôi còn nhớ như in cả cái thời tôi gánh gạo giúp cô ngoài chợ An Thái nữa. Kỳ lạ không.

Lãng thấy chuyện lạ, bỏ chổi xán lại gần. Cả hai người thợ kia, đã nghe biết chuyện gã khùng, vẫn còn tò mò đến gần chỗ An và chú Mịch đứng để nghe chuyện. Lãng cười hỏi:

– Thế chú còn nhớ mấy câu hát không?

Mịch cười đáp:

– Nhớ chú. Nghề nghiệp của tôi mà!

An thấy lạ vội hỏi:

– Nghề nghiệp! Chẳng lẽ chú là kép hát?

– Vâng. Trước kia tôi là kép chính của một đoàn hát bộ.

Bác thợ cả chen vào:

– Anh ta hát hay ra phết. Lâu lâu đi

gác chung, bọn tôi xúm lại nghe hát, quên cả giáo mác. Sau phải cắt anh ta làm việc khác, để khỏi làm rối các phiên canh.

An nổi tình nghịch hỏi:

– Chú hát hay thế, chắc lúc trước các cô đào hát chung với chú mê chú lắm. Chú còn nhớ họ không?

Tự nhiên nét mặt chú Mịch biến đổi. Da tái hơn. Ánh nhìn trở lại hoang dại và hung dữ. An sợ hãi, chưa hiểu mình vô tình xúc phạm đến điều thiêng liêng thâm kín nào đó của chú. Mịch lấy lại được bình tĩnh, cố gượng cười bảo An:

– Tính tôi vụng về với đàn bà nên không có ai mê đâu. Chỉ có nhà tôi đại dột...

Mịch nghẹn lời không nói tiếp được. Lãng tò mò hỏi:

– Chú có vợ à? Thím ấy đâu?

Mịch buồn rầu đáp:

– Tôi cũng không biết nữa.

Lãng hỏi:

– Chú quên rồi sao?

– Quên sao được.

Mịch quay về phía An. Cô ngượng đến đỏ mặt vì cái nhìn ngưỡng mộ say dại mà từ thời trước, thời An làm hàng sáo ở chợ An Thái, An đã thắc mắc ái ngại không hiểu tại sao. Chú Mịch cố dần xúc động, bảo An:

– Nhà tôi có khuôn mặt giống y như cô. Giống như hai giọt nước. Sáng nay chính tôi đã bảo Mắm cho tôi đến đây sửa nhà để gặp lại cô. Thế mà lúc cô về, tôi sợ, không dám quay lại nhìn nữa. Tôi

cứ tưởng nhà tôi đã biết tôi ở đây nên bỏ hết, tìm về.

An vội hỏi:

– Nhưng hiện giờ thím ấy ở đâu?

Giọng Mịch ngậm ngùi:

– Trước, thì chắc chắn ở nhà thằng khốn nạn đó. Bây giờ không hiểu ở đâu. Kể đã lâu lắm rồi!

Mọi người đoán: “lại thêm một vụ phụ tình”, ái ngại nhìn chú Mịch, không dám hỏi thêm nữa.

✱

Suốt mấy ngày lo dọn dẹp, xếp đặt chỗ ăn chỗ ở, hai chị em ít có thì giờ rồi để ngồi nói chuyện lâu với nhau. Thế mà,

lạ một điều là dường như lúc nào, cả An lẫn Lãng đều nghĩ: mình phải tâm sự với chị, với em điều này, không thể giữ riêng canh cánh bên lòng được. Cả hai đều muốn nói, và đều sợ nói ra. Đôi lúc họ nói quanh, mới mon men chạm đến điểm chính lại e ngại, lảng qua chuyện khác.

Đêm hôm ấy trăng non, không có gió. An nôn nao không ngủ được, ngồi dậy nhìn ánh trăng mờ bên kia cửa sổ song tre. Cô ngồi lặng yên trong bóng tối một lúc, lòng thêm xao xuyến. Có cái gì vô hình cuốn hút An bên kia vườn. Không thể dẫn được nữa, quên cả sợ hãi, An đi ra phía cửa lớn, qua vườn nhà cũ.

Cửa lớn chỉ khép hờ. An trách thầm em lơ đãng quên cài then trước khi đi ngủ, liếc mắt nhìn vào góc tối nơi Lãng ngủ, rón rén bước ra thêm. Theo lối

đường mòn quen thuộc ngày xưa An vẫn qua lại xách nước, An lần dưới trăng mờ tìm đến chỗ có lẽ là nhà bếp. Mấy mảnh vỡ của cái ang chứa nước vẫn còn đó. Cái gáo đã mất cán, sọ dừa khô cửa đôi cũng đã bể. An đang búi ngùi đưa mắt tìm dấu chu vi chái bếp, thì nghe phía bụi tre cháy có tiếng chân người. Cô sợ đến nổi gai ốc, chân rú lại không bước được nữa. Chính lúc đó, Lãng cũng vừa nhận ra chị. Lãng thì thào hỏi:

– Chị An phải không?

An mừng rỡ, cũng hỏi:

– Chị đây. Em phải không?

Bao nhiêu dè dặt, giấu diếm nhau chỉ trong một thoáng cởi mở ra hết. Hai chị em muốn tìm dấu vết những kỷ niệm. Những dấu vết cháy sém hoặc đã thành

tro than, bụi bặm, nhưng hai chị em cứ nghĩ thứ tình cảm hoài cổ ấy yếu đuối, vụn vặt quá, không đáng thổ lộ với người kia. Thương làm gì một mảnh gáo vỡ trong khi chung quanh đây cuộc chuẩn bị giao chiến đang rộn rã, hào hứng, gươm giáo chất đống, quân lính rầm rập tập luyện. Rồi sẽ còn biết bao nhiêu đồ vỡ mất mát khác. Thương làm gì những xác quá khứ lặng lẽ và vô nghĩa! Ý nghĩ ấy ngăn hai chị em qua bên kia vườn, nên đêm nay họ lén một mình qua đây, giấu sự yếu đuối dưới trăng mờ. Không còn gì để dè dặt nữa, An hỏi Lãng:

– Em có biết chỗ mình đang đứng là đâu không?

Lãng hiểu ngay câu hỏi mơ hồ của chị. Suy nghĩ một lúc, nhìn quanh để định hướng, rồi nói:

– Hình như là chỗ kê cái tủ.

– Chắc không?

– Có lẽ đúng. Chị cứ lấy cái ngõ phía bên kia làm chuẩn. Đây là cửa chính. Cửa sổ nhà trên ở đây. Cái bàn nước ở chỗ này. Chỗ cha nằm. Còn đây, chết, em lầm rồi. Đây phải là chỗ đặt cái bàn đọc sách của cha. Còn chỗ kê tủ ở chỗ kia.

– Buồng của mẹ chỗ nào?

– Chỗ này. Cửa thông xuống bếp đây. Chị có thấy dấu tro ở đấy không?

– Không. Vả lại nhà cháy, đâu đâu cũng sém đen, đâu đâu cũng vương vãi tro than. Làm sao tìm dấu tro bếp được.

– Chị căn cứ vào cái ang nước mà đoán. Từ ang nước vào bếp, chị nhớ không, hơi xa đấy. Em nhớ mỗi lần chị

sai em đi múc nước, em ì ạch thở dốc vì đường xa. Chắc chái bếp phải ở kia.

Không đúng đâu. Chị khám phá điều này, Lãng ạ: Từ hôm mới về, chị thấy khu vườn cũ hẹp quá. Cả cái nhà lá mới của cậu mợ cũng vậy. Thấp lè tè, chật chội. Hoặc mọi sự vẫn vậy nhưng ta đã lớn. Hoặc tuổi nhỏ tầm nhìn ta hẹp, ta sai lầm. Từ ang nước vào bếp không đầy ba bốn bước. Làm gì em phải thở dốc vì mệt nhọc!

– Chị nói đúng. Em cũng vậy. Em ngỡ, không ngờ mọi cảnh cũ đơn sơ, nhỏ nhắn quá. Vâng, bếp ngày xưa phải ở đây. Tức cười thật, chỉ cách chỗ ang nước có mấy bước.

– Chị hiểu rồi. Lúc nhỏ em còn suyển nặng. Xách cái ấm nước lớn đi có bấy nhiêu bước đã quá sức em rồi. Hồi đó

em làm khổ mẹ không ít.

An nhớ rõ mẹ đã bị mất trí từ hồi về An Thái, và Lãng chỉ làm khổ chị mà thôi. Vì khiêm nhường, An nói tránh đi. Lãng không nhận ra điểm nhũn nhận tế nhị, hỏi An:

– Mẹ bây giờ ở đâu chị nhỉ?

An cảm động thều thào đáp:

– Làm sao chị biết được. Chị tin mẹ luôn luôn ở gần chúng ta, phù hộ gia đình của mẹ.

Tuy nói thế nhưng cả hai chị em đều bắt đầu sợ bóng tối. Tim họ đập mạnh. Dọc xương sống họ, cảm giác lạnh lạnh cứ lan dần lên phía trên, càng ngày càng đậm thành cảm giác tê dại. Và dễ hiểu là trong các trường hợp ấy, họ không lẩn tránh mà cứ dấn sâu vào sợ hãi như một

kẻ sa lầy, không còn cách nào khác, Lăng hỏi chị:

– Hình như cái giường mẹ nằm đặt đúng chỗ này. Chị còn nhớ hôm mẹ mất không?

– Nhớ. Chính em khám phá ra mẹ đã tắt thở, trước ai hết.

– Mai mình đi thăm mộ mẹ.

– Ừ, mai.

Gió tự nhiên thổi mạnh, bụi tre xơ xác kêu lao xao. Thân tre cọ vào nhau kẽo kẹt. Bấy giờ hai chị em đều sợ thật sự. An hỏi em:

– Ta vào nhé?

– Chị lạnh không?

– Lạnh. Vả lại quá khuya rồi. Mai ta phải lên thăm mộ.

Băng đi khoảng bốn năm ngày, An không thấy Huệ tới thăm. Cô sợ sùng với chính mình, nhất là những lúc nghĩ đến động cơ thâm kín từng thúc đẩy mình về phía An Thái, bất chấp lời hơn thiệt của cha. An đâm ra cau có với Lãng, một cái có nhỏ cũng đủ cho hai chị em hờn dỗi, dằng xé lẫn nhau. Chưa bao giờ Lãng thấy chị khó tính như vậy. Bỏ nhà đi lang thang chỗ này chỗ khác xem quân lính tập luyện bị mắng là đồ vô tích sự. (Lại “vô tích sự”. Lãng ghét cay ghét đắng ba cái tiếng ấy). Nằm nhà cả ngày lo cơm nước, cho An lên giúp cậu làm thẻ bài, lại bị gọi là đồ dán ngày, quân chết nhất. Lấy cuộc đẩy bót cỏ ngoài sân, bị bắt bẻ làm dỗi. Lãng chịu không nổi, gần muốn quát lên:

– Chị vừa vừa thôi chứ. Ai hành hạ chị, mà chị về hành hạ lại tôi!

An cứ để cho em hiểu lắm rằng cậu Hai Nhiều không bằng lòng về cách làm việc của An. Cô bồi hồi tự hỏi: Ai hành hạ ta? Ai? Chỉ có mình tự hành hạ mình thôi! Cô hối hận, tìm cách giảng hòa với Lãng. Được một buổi rồi đâu lại hoàn đấy!

Buổi chiều Huệ đến thăm, hai chị em vừa làm lành với nhau sau một cuộc cãi cọ gay go. Mặt Lãng còn đỏ vì chưa nguôi giận. An còn mím môi, mắt nhìn đăm đăm. Huệ chưa hiểu vì sao hai người đều ủ dột cau có, hỏi An:

– Có chuyện gì vậy?

An chối:

– Không có gì đâu anh.

Cổ tươi cười. An hỏi:

– Chắc anh quên mất tội này rồi?

Biết An trách khéo, Huệ vội nói:

– Tôi vừa mới từ An Vinh về.

Trong một chớp mắt, mọi nghi ngờ hờn oán tiêu tan hết. An hớn hở hỏi:

– Bên đó có gì lạ không anh? Có rộn ràng như bên này không?

Huệ do dự một chút rồi đáp chung chung:

– Ông Tuyên (Bùi Đắc Tuyên) chịu khó lắm. So với toán ông Tuyết ngoài Thuận Truyền, bên An Vinh có qui củ hơn nhiều.

Rồi Huệ hướng câu chuyện sang ngã khác. Huệ thân mật hỏi:

– Hai chị em vừa giận nhau?

An không chối nữa. Cô gật đầu nhẹ, mắt liếc dò thái độ của Lãng. Cô yên tâm khi Lãng hết vẻ giận. Huệ đem sự đầm ấm chân tình cho cả hai chị em, vì cả hai người đều thương và phục Huệ. An thú thật:

– Vâng. Chỉ tại em. Không hiểu sao mấy hôm nay trong người em không được khỏe. Lãng nó ghét cái tính bẳn gắt của em quá rồi!

Huệ nói lấy lòng An:

– Tại thay đổi khí hậu đấy. Thời tiết mùa thu ở đây trái chứng lắm. Nắng đó rồi lạnh đó. Ủa sao mấy cái cửa họ chữa bôi bác thế kia? Tôi đã dặn họ rồi mà!

Lãng hiểu ý Huệ, vội đáp thay chị:

– Không phải lỗi họ đâu anh. Tụi này không muốn gỡ cửa nhà người ta về làm đẹp nhà mình. Em nghe cậu Hai tức càngh hông khi về đây thấy mấy khuôn cửa đã bị gỡ mất. Mình thế nào, người ta cũng thế. Tưởng tượng lúc họ trở về biết được hai chị em đã ăn cắp cửa nhà họ...

Huệ phì cười:

– Khéo vẽ chuyện. Làm gì có chuyện trở ngược được thời thế. Một là chúng nó trốn luôn không dám vác mặt về đây nữa. Hai là chúng nó về, nhưng nem nếp, lổm thổm như thằng ăn vụng. Gan to bao lớn mà dám hoạnh họe đòi của!

Lãng được dịp tìm đúng người có thể giải đáp các thắc mắc của mình, vội hỏi Huệ:

– Anh tin chắc như vậy sao?

Huệ ngạc nhiên nhìn Lãng, hỏi lại:

- Lãng không tin như vậy sao?
- Không phải vậy. Em tin chứ.

Huệ cười to, hỏi với giọng kẻ cả:

- Lãng tin điều gì nào?

Lãng tức, nói một mạch:

– Em tin là cuối cùng ta phải thắng. Nhưng trước hết phải hỏi: “Ta là ai” đã. Là bọn đầu trộm đuôi cướp còn ở trong hàng ngũ chúng ta, mà thắng hay bại được đo lường bằng số của cái cướp bóc trong cảnh hỗn loạn ư? Là những kẻ hiếu sát thắng bại căn cứ vào số xác chết ư? Là những kẻ hám danh thích ngấm kẻ yếu lấm lét quì lụy trước mặt mình ư? Những bọn đó thắng, có nghĩa là cái ác, cái xấu, cái dơ dáy thô bỉ thắng. Có nghĩa là... nghĩa là...

Bị xúc động quá, như mọi lần, lưỡi của Lãng lú lại, lời nói lắp bắp. Lãng tìm mãi chưa ra ý để nói tiếp. Huệ mỉm cười, kiên nhẫn chờ đợi. An cứu viện em:

– Lãng nó có cái tật mỗi lần hăng hái, thường nói quá mức thường. Nhưng em thấy nó cũng có phần đúng. Như chuyện mấy khuôn cửa lúc này. Em cương quyết không cho mấy bác đi gỡ nhà người ta, vì dù họ có trở về hay không, đã gỡ đồ kẻ khác tức là mình đi ăn trộm rồi. Bàn tay có lật ngược hay vẫn nằm xuôi, thì ăn trộm vẫn là ăn trộm. Vẫn là điều đáng xấu hổ. Em cũng tin nhất định ta sẽ thắng. Ta, là những kẻ tốt. Là những người tin vào công bằng, lòng thương người, vào lẽ thiện. Những người có nhân nghĩa, có cương thường.

Huệ hết nhìn An lại nhìn Lãng, ánh mắt nghiêm nghị nhưng pha lẫn giễu cợt

nhẹ nhàng. Chờ cho cả hai chị em nói xong, Huệ chậm rãi bảo:

– Những gì An và Lãng nói lý thú lắm. Thông thường nhiều người chỉ biết cử động, hò hét, múa may như cái máy, không soi gương để tự hỏi ta hò hét múa may như thế để làm gì. Nhưng cũng có nhiều người cứ thắc mắc hỏi vì sao phải thế? Tại sao phải làm thế này mà không làm thế kia? Làm xong rồi sẽ đi đến đâu? Tự mình cắt hết gân cốt, trở nên bạc nhược, không góp được gì cho đời cả. Ở đây ta chỉ bàn về những chuyện vừa phải, ai cũng thấy được, trong tầm tay của số đông. Như câu hỏi của Lãng. Lãng hỏi: Ta sẽ thắng, nhưng ta là ai, có phải cái bọn chuyên đón cơ hội hỗn loạn giở trò trộm cắp, hiếu sát, hiếu danh hay không. An thì bảo không thể được. Nhân nghĩa, cương thường phải thắng. Nếu bây giờ

tôi đi xa hơn một chút, hỏi lại hai chị em:
Thế nào mới đúng là nhân nghĩa? Thế
nào mới hợp cương thường?

Lã đáp nhanh:

– Sách nho đã giải nghĩa cặn kẽ rồi.
Cả anh nữa, anh đã từng thuộc lầu từng
câu, từng chữ từ thời... từ thời cha em
mở trường học trên cái nền này này. Anh
nhớ không?

Huệ không muốn cho những kỷ
niệm yêu dấu lôi cuốn mình lạc hướng,
vội vã nói:

– Dĩ nhiên tôi nhớ rõ, nhớ đủ. Nhưng
sách nho càng về sau càng trở thành cái
thốt cho bọn vua chúa tham bạo kê đầu
dân đen lên đó mà chặt. Bọn phủ huyện
không thuộc lầu sách nho hay sao? Thực
ra họ đã làm gì. Lã biết rồi. Nhân nghĩa
là những tiếng khô khan, là những cái

sườn, ai có thể có lực thì mặc sức phủ lên đó thứ gì cũng được. Quan phủ hiểu nhân nghĩa không giống như dân đen. An đã biết rồi, chúng rêu rao khắp nơi, gọi chúng ta là giặc, là bọn vô lại, là quân vong mạng do căn cứ ở nhân nghĩa, dựa vào nhân nghĩa. Ta phải mạnh dạn vững vàng tin rằng nhân nghĩa của ta là nhân nghĩa thực, còn nhân nghĩa chúng rêu rao là đồ giả, thì mới hăng hái được chứ. Thời thế đã lật ngược, sức mạnh về tay dân nghèo. An, Lãng không thấy ta hô lên một tiếng, bốn phương đã rầm rập hưởng ứng hay sao. Dĩ nhiên phải có hỗn loạn. Dĩ nhiên cũng có kẻ xấu nương vào hỗn loạn để kiếm của. Đổi đời rồi mà! Trật tự, êm thấm sao được. Trật tự cũ đã đổ nát, rệu rã. Ta lại lập nên một trật tự mới. Ta định nghĩa lại mấy chữ nhân nghĩa, cương thường, thiện ác trong sách nho theo cách của ta.

An bị lời Huệ cuốn hút, quên mất đường về. Huệ đã dừng mà cô còn ngẩn ngơ, chưa biết mình đang ở đâu. Lãng thì e dè hỏi:

– Nếu thực có một thứ trật tự mới, thì những người như cha, như em, có chỗ nào đặt chân không? Anh biết chưa: Cậu Hai Nhiều dọa sẽ không cấp thẻ bài cho em đấy!

Huệ hỏi Lãng:

– Nhưng trước hết Lãng cho tôi biết Lãng định làm gì đã! Chẳng lẽ Lãng về tận đây, chỗ đầu tên mũi đạn nguy hiểm này, để cả ngày chờ nấu cơm giúp An. Nếu thế thì cần gì phải đeo thẻ bài.

Lãng bị chạm tự ái, giận dữ đáp:

– Tôi chẳng cần đeo thứ gì hết. Chẳng cần xin xỏ ai hết!

Huệ biết mình vụng lòi, nhưng đồng thời cũng thấy phải chờ dịp khác mới nói cặn kẽ cho Lãng hiểu. Lãng không thể đứng ngoài, trong khi tất cả trai tráng đều vào đội ngũ, ngày đêm luyện tập để chuẩn bị đối đầu với quân triều. Huệ đến thăm hai chị em với ý định khuyên dụ Lãng về với mình, vừa che chở vừa thúc đẩy Lãng nhập cuộc. Huệ biết rõ tính Lãng. Lãng sẽ vấp ngã nếu đi với kẻ khác. Anh thất bại, nhưng nhờ lá thư gửi gắm của thầy, Huệ tự hứa sẽ kiên nhẫn đợi dịp thuận tiện hơn.

✱

Đêm ấy An không tài nào chợp mắt. Cô cứ trăn trở hoài. Đêm không cùng. Đầu cô nặng. Cảm giác tê dại căng thẳng từ hai bên thái dương loang dần ra sau

ót, rồi truyền xuống xương sống. Da trở nên mẩn cảm hơn, vạc giường làm đau từng thớ thịt.

An nhắm mắt lại, cố giỗ giấc ngủ bằng cách đếm, từ một lên một nghìn, đếm thật nhanh để trí óc không kịp nghĩ đến những chuyện nhọc lòng. Cô đếm đến một nghìn, nghỉ một chút, chưa thấy hiệu quả gì, vội vã bắt đầu lại từ số một. Mấy lần đếm đi đếm lại như vậy mà mắt An vẫn ráo hoảnh.

Đã như thế thì thôi, cứ nhìn thẳng vào nỗi khổ tâm của mình. Đừng nhắm mắt nữa! An mở to hai mắt, nhìn lên bóng đêm. Trăng đã sáng hơn đêm trước, gió lâu lâu nổi lên từng cơn, lá chuối đập vào nhau xao xác.

Trí An hoang mang chưa hiểu rõ mình. Cô nói thầm để buộc ý tưởng vào

khuôn khổ, xếp đặt cho có mạch lạc trước sau. An nhắm mắt lại nói một mình:

– Ta không ngủ được. Không tài nào ngủ được. Tại sao vậy? Đêm hôm trước lòng ta cũng ngổn ngang lo âu nhưng cuối giờ hơi ta thiếp đi, ngủ ngon một giấc đến gà gáy. Đêm nay đã qua giờ tý rồi. Cái gì quấy rầy ta? Cái gì khiến ta thao thức? Nếu thực sự có cái gì đó thì nhất định phải xảy ra trong ngày hôm nay. Buổi sáng Lãng không chịu dậy sớm nấu cơm. Hai chị em gây nhau, nhưng điều đó xảy ra như cơm bữa ta có để tâm đâu. Gây nhau rồi làm lành với nhau, lòng hai chị em không chút bận tâm. Nhất định không phải do Lãng. Cậu Hai Nhiều lại kênh kiệu phách lối quá đáng đối với bà cụ mẹ ông ký lục. Bà cụ van xin hết lời mà cậu nhất định không chấp thuận. Mình thấy bất nhẫn, muốn giúp

cho bà cụ, nhưng làm thế thì còn ra thể thống gì nữa. Cậu Hai muốn ra uy cho dễ làm việc, hoặc cho bớt những vụ tranh tụng vụn vặt. Giá mình ở vào địa vị cậu, không biết mình phải làm thế nào. Trường hợp bà cụ cũng khó xử. Buổi trưa mình nuốt cơm không nổi, chỉ vì hình ảnh một bà lão tóc bạc phơ ngồi khóc lặng lẽ ở chái đình. Nước mắt không đủ thấm ướt đôi hốc mắt sâu. Ta không ngủ được vì bà lão chẳng? Không. Mấy hôm trước ta cũng gặp cảnh ấy. Thế thì cái gì hở trời!

Đêm nay chỉ có một mình ta thức, một mình ta lắng bầm cho ta nghe, tại sao ta còn tự dối lòng. Ta còn sợ ai chế diễu nữa đâu mà loanh quanh tìm kiếm. Cái gì khiến ta thao thức? Can đảm lên An! Mày phải nói rõ với mày điều mày giấu diếm và cả thẹn, vì tự ái, vì đủ thứ

lý do. Mà phải nhận đi! Mà không ngủ được là vì anh ấy.

An muốn ngộp thở vì sự can đảm phi thường của chính mình, diện đối diện với cái sự thực nồng nàn nhưng hứa hẹn bao nhiêu khốn khổ xao động này. Cô ngồi hằn dầy, dựa lưng vào vách để cố trấn tĩnh. Một lúc sau, An cảm thấy dễ thở hơn. Cô tiếp tục cuộc độc thoại trong bóng tối:

– Phải. Ta thao thức trăn trở chỉ vì anh ấy. Chỉ có anh ấy mới khiến ta khốn khổ như vậy. Nhất định vì anh ấy. Nhưng kìa, anh ấy đã làm gì lầm lỗi với ta? Anh ấy vẫn tế nhị, hòa nhã, khéo léo từng lời từng tiếng. Không có thể bắt bẻ anh ấy điều gì được. Anh ấy thông minh, giỏi lý luận. Mình tưởng hai chị em có thể dồn anh ấy vào ngõ bí, nhưng cuối cùng chính Lãng phải nổi nóng vì thất thế.

Lãng muốn đặt câu hỏi từ nguồn gốc của mọi sự, muốn xét lại toàn bộ cái nền của tất cả hình ảnh, biến cố, sự kiện, tưởng bằng cách đó có thể làm lung lay toàn thể cuộc sống quanh mình. Nhưng anh ấy lại dùng chính phương pháp của Lãng để xét lại toàn bộ lý luận của Lãng.

Bất giác, An mỉm cười. Trăng non ngoài vườn sáng hơn, bóng song cửa sổ đổ trên đầu giường. Gió không đủ mạnh để lay mấy tàu lá chuối, nên An nghe được tiếng côn trùng thủ thủ. Lòng An vui vui. Cô lại nằm xuống, tự nhủ chắc chắn thế nào mình cũng chợp mắt được. Nhưng thật lâu, thật lâu, lòng An cứ bập bênh. Nỗi hoang mang còn đó. Câu hỏi “Ví sao ta thao thức” chưa tìm ra lời đáp. An lại nói thầm:

– Nhất định tại anh ấy. Mình nhớ rõ sau khi anh ấy ra về, lòng ta bùi ngùi,

như vừa có điều gì ê chề, thất vọng. Ta không nhận được những gì ta mong chờ, ta chờ gì nào? Làm sao ta quên được buổi sáng hôm ấy, buổi sáng có gió rừng báo bão anh ấy đến thăm hai chị em trước khi về xuôi. Anh ấy bảo chuyến này sắp được về quê rồi. Ta bảo anh ấy em làm gì có quê mà về. Thành thực mà nói, thì mình cũng nói quá cho ra vẻ bi thương, chớ lúc nào mình cũng nghĩ An Thái là quê hương. Quả nhiên anh ấy cảm động. Anh ấy bảo nơi nào có những kỷ niệm đẹp nhất nơi đó là quê hương. Còn kỷ niệm nào đẹp cho bằng những ngày cũ ở khu vườn này, ở ngôi nhà đã cháy cách chỗ ta nằm không bao xa. Anh ấy nhắc đến ngôi nhà quay mặt về hướng tây, đến nhà học, đến chuyện cấy gạo “thơm tho”, đến mấy đám ruộng miếu... ta liêu lĩnh về đây để cùng anh ấy ôn lại những kỷ niệm, chỉ cho anh ấy đây là chỗ anh ngôi

nghe cha giảng sách, đây là chỗ anh bắt gặp em đang thổi lửa nấu cháo cho Lãng, đây là chỗ em ngại ngừng bảo “Đừng, anh Huệ ạ”, đây là chỗ chúng mình đứng cãi nhau ỏm tỏi để tìm cho ra thủ phạm thay thế cây gạo. Đây là chỗ... Đây là chỗ... Đã đứng với nhau ngay trên cái nền của bao nhiêu kỷ niệm yêu dấu, đã liều lĩnh bất chấp mọi can ngăn để có cái dịp nghìn năm một thuở chiều nay, thế mà anh ấy đã làm gì nào? Đã nói gì nào? Chỉ toàn chuyện tầm phào, viễn vông. Hóa ra buổi sáng hôm ấy trên Tây Sơn thượng, cũng như ta, anh ấy chỉ thơ mộng hóa cho vui mà thôi. Mất công ta mơ ước, liều lĩnh, trông ngóng. Mất, mất hết rồi!

An tấm tức khóc. Nước mắt ứa ra, chảy xuống tai, lạnh lạnh. Cô thấy lòng cay đắng, ngao ngán.

– Tại sao lại có thể lầm lẫn tai hại như vậy! Anh ấy đam mê, nhưng đam mê cái gì khác kia. Mắt anh ấy sáng lên, gần như hung bạo, khi anh ấy bảo ta phải lập nên một trật tự mới. Trong tia mắt đó ta rờn rợn thấy có lửa cháy, có gươm giáo quyết đấu, có máu đổ. Anh ấy không còn thấy mình trong cái trật tự mới ấy. Mình không cao hơn tầm giáo, không sáng hơn ánh đuốc. Mình chỉ là một thứ vật vờ, chẳng những không quan trọng mà còn cản trở cho bước chân của anh ấy. Ôi! Ta lầm lẫn biết bao! Mà cũng tầm thường biết bao! Phải, ta chỉ muốn được sống tầm thường. Muốn được anh ấy nhìn ngắm như một người con gái tầm thường, biết hờn dỗi, ganh ghét, thích chiều chuộng, ưa hào nhoáng, tham của cải và danh vọng. Thích được

nhìn ngắm một cách sỗ sàng, thích được ôm ấp, mơn trớn, vuốt ve. Được sống với cảm giác say dại ta từng đêm tưởng tượng trong giấc ngủ. Giá anh ấy nhìn ta như Lợi! Phải, ta thích được anh ấy nhìn ta như cách nhìn của Lợi. Mấy ngày ở Kiên thành. Lợi cứ quần quít bên ta, pha trò, nịnh nọt ta. Nhìn chăm chăm vào ngực ta, đến nỗi quên cả liến thoắng. Lại còn áp mặt vào cái áo ta vừa thay nữa! Ta lạnh cả xương sống khi chứng kiến cảnh tượng khác thường như vậy, nhưng đồng thời ta sung sướng vì hạnh diện. Vì được ao ước, thèm thuồng. Trời hỡi! Ta tầm thường biết bao! Anh ấy xa cách với ta biết bao! Làm sao bây giờ? Làm sao?

Càng nghĩ An càng khổ tâm, tuyệt vọng. Nước mắt cô tuôn trào. Sợ Lãng nghe mình khóc, cô lấy cánh tay che

miệng lại. Khó thở, cô càng tấmtức, khóc to hơn. May cho An là đêm đó Lãng say ngủ, không biết chị đã thức suốt đêm để thì thầm, khóc lóc một mình.

Chương 22

Cuộc họp dự định bắt đầu vào giờ thìn. Để mặc cho Chỉ lảng xảng bày biện phòng họp thế nào cho trang trọng uy nghi, Nhạc kéo Nhật về phòng mình để nói chuyện. Không muốn mất thì giờ dài dòng, Nhạc hỏi:

– Tình hình chung thế nào?

Dù đã chuẩn bị kỹ khi được Nhạc gọi, Nhật vẫn lúng túng chưa biết phải nói cái nào trước cái nào sau. Ông trả lời một cách mơ hồ:

– Nói chung không có gì ghê gớm.
Dưới phủ vẫn thế.

Giọng Nhạc hơi gắt:

– Vẫn thế là thế nào?

Nhật hắng giọng, cố nói chậm để
dần dần lại bình tĩnh:

– Nguyễn Khắc Tuyên gọi bọn đóng
ở cầu Phụng Ngọc về mắng cho một trận,
có đứa bị giam lại chờ xét xử vì tội hèn
nhát. Hấn hỏi tại sao cần bao nhiêu quân
cũng giữ đủ, cần bao nhiêu khí giới, xe
ngựa, không thiếu món gì hết, mà suốt
một tháng trời không nên cơm cháo gì.
Phần lớn đều cúi đầu không dám cãi.
Có đứa bạo gan, bảo tội lính phủ như
gà phải cáo, mới nghe sắp đánh lên An
Thái đã lén bỏ trốn, thì làm sao tiến qua
cầu được. Tuyên nó nổi giận, sai đảng cổ

tên bạo mồm quát cho đúng một trăm hèo. Hấn cử bọn khác lên thay, nhưng bọn này vừa mới biết tin sắp lên Phụng Ngọc đã cho vợ con đến lo lót mụ Tuyên. Cuối cùng chỉ có lèo tèo vài ba thằng yếu thế, thiếu tiền. Chúng án binh bất động không dám tiến lên An Thái là vì vậy.

– Chúng nó biết tình hình bên ta không?

– Tay trong của ta gài dưới phủ không biết rõ điều này. Nhưng ta có thể tin được một nguồn khác.

– Nguồn nào thế?

Nhật hân diện đáp:

– Nguồn các tù binh. Tôi phụ trách bọn lính phủ đầu hàng và bọn con buôn bị tình nghi. Ở trại giam, chúng khai rõ tất cả những gì chúng biết. Chúng thú

thật là chúng sợ hãi. Ngoài phố phủ, vào các buổi họp chợ, thiên hạ lao xao bàn tán về chúng ta. Tức cười là họ thổi phồng lên, biến chúng ta thành những kiếm khách, hiệp sĩ thần thông biến hóa, xuất quỷ nhập thần. Về quân số, chúng tin là ta có hàng vạn quân. Dĩ nhất là các toán quân Bana và Tà u ô. Họ còn kháo nhau sở dĩ ta chỉ để một toán nhỏ ở An Thái mà quân phủ không dám tiến lên vì đây là một cái bẫy giăng sẵn. Toán quân anh Huệ chỉ là cái mối nhử, cốt “điều hổ ly sơn”.

Nhạc cười ha hả, trong cơn khoái trá quên cả phép tắc, ông vỗ đét vào vế Nhật nhiều lần. Nhật e dè cười góp, về sau thấy Nhạc thoải mái, Nhật quên dè dặt cũng cười to như trại chủ. Nhạc vỗ vai Nhật hỏi:

– Này, ông có nắm được số phận hiện canh giữ phủ Qui Nhơn không?

Nhật lo lắng, bối rối đáp:

– Cái đó...cái đó thì tôi chưa nắm được chắc. Nhưng đại khái thì...

Nhạc cắt lời Nhật:

– Đại khái thế nào được. Đây là điểm quan trọng nhất. Không biết họ có bao nhiêu quân, chút nữa họ làm sao phân công lực lượng được?

Nhật cố vớt vát:

– Tuyên nó đồn hết lực lượng phòng thủ lên Phụng Ngọc, nên quân giữ thành không còn được một phần ba số cũ. Không hơn một trăm tên đâu. Lại thêm bọn này đều nhờ lo lót hoặc có thần thế mới ở lại thành, nên chúng nó có sợ ai đâu. Phép tắc chẳng ai coi ra gì. Canh tác trễ

tràng. Người của tôi bỏ đội mấy ngày lên tận An Vinh mà chúng không hay biết gì. Lúc về vào cửa thành cũng không ai xét hỏi.

Nhạc cố giảm bớt sự mừng rỡ:

– Biết đâu thằng đó nói khoác cho vừa lòng ông!

Nhật cương quyết đáp:

– Không đâu. Tên này rất thành thực. Bao nhiêu tin tức hắn cung cấp lâu nay đều đúng cả.

Rồi, để chứng minh rõ thêm khả năng điều tra tình hình phía địch của mình, Nhật rút trong thắt lưng ra một tờ giấy bản gấp lại bằng ba ngón tay. Cẩn thận mở rộng tờ giấy nhàu nhò ra vì sợ làm rách, Nhật trải lên tràng kỷ, mặt hờn hờ. Nhạc ngạc nhiên hỏi:

– Cái gì thế?

– Bản đồ phủ Qui Nhơn. Có ghi chú đầy đủ vị trí các đồn canh, kho lúa, kho khí giới, tàu ngựa, nơi Tuyên làm việc, nhà giam...

Nhạc mừng rỡ cầm tấm bản đồ lên xem, quên mất mắt mình yếu không thể nhìn gần được. Ông sờ soạng tìm cái kính nơi bọc áo, tay run run. Ông không tìm thấy kính. Nhạc đành phải đưa bản đồ ra thật xa, nhú mắt cổ nhìn cho kỹ bảo vật quý giá. Đúng như Nhật nói, trên bản đồ có ghi thật tỉ mỉ những gì Nhạc cần biết. Ông hớn hở quay sang phía Nhật hỏi:

– Ông khá thật. Đứa nào mang đến thế?

Nhật cố chậm trả lời tăng sự quan trọng của mình:

– Một con buôn khả nghi. Hấn khai là người của ông Thung, mang thư riêng lên cho ông Huyền Khê để chuyển lại cho đệ nhất trại chủ. Tôi không tin, đánh cho mấy bạt tai. Hấn tức tối lôi tấm bản đồ này ra làm chứng.

Nhạc vội hỏi:

– Ông bắt được nó khi nào?

– Tối hôm qua. Tôi còn giam nó đó, chưa cho ông Khê biết.

– Ngoài tấm bản đồ này còn thư từ gì khác không?

– Không.

– Có khám xét kỹ quần áo, búi tóc nó không?

– Kỹ lắm nhưng không thấy gì khác. Nó một mực bảo chỉ có tấm bản đồ này.

Nó khai ông Thung chỉ nhấn miệng với Huyền Khê là ông ấy bận không lên họp được, nhờ ông Khê chuyển bản đồ này cho trại chủ. Cuộc họp quyết định thế nào, xin truyền gấp xuống cho ông ấy.

Nhạc im lặng thật lâu, vẻ mặt lo lắng. Nhật không dám nói gì thêm. Sau đó, Nhạc hỏi:

– Còn tình hình nội bộ ta như thế nào? Có thể tin cậy được bọn Tuy Viễn không?

Nhật do dự một lúc, rồi đáp:

– Dĩ nhiên ta đã chia vùng thì khó lòng hiểu nhau, phối hợp với nhau được. Dưới An Thái cứ lộn xộn hoài vì tội con buôn em út của Tập Đình, Lý Tài. Lính anh Huệ lỗ đi sâu một chút xuống phía đông là nhất định có chuyện. Đến tối qua,

những người ta mời đều cho người đến họp cả, trừ ông Thung, và bọn Nhưng Huy, Tú Linh. Không hiểu họ không chịu đi họp, mà còn cho người mang bản đồ phủ thành Qui Nhơn lên đây làm gì?

Nhạc tức giận nói:

– Có thể mà ông lấy làm lạ sao! Họ sợ mình nghi ngờ, nên đưa tấm bản đồ lên góp công. Có điều tôi còn thắc mắc, là hắn còn định nhấn Huyền Khê điều gì nữa!

Nhật nhỏ nhẹ nhắc:

– Ông cứ hỏi anh Lữ thì rõ.

Nhạc gật đầu chậm chậm, vì còn mãi suy nghĩ. Có lẽ câu chuyện Nhật vừa kể quấy rầy ông quá nhiều, nên Nhạc quay qua chuyện khác. Ông hỏi:

– Các toán quân của ta vẫn thường chứ?

– Vẫn thường. Toán ông Tuyết hơi rắc rối vì bọn du thủ du thực bất trị, nhưng có đỡ hơn tuần trước. Phía An Vinh từ khi Tuyên (Bùi Đắc Tuyên) về mọi sự đều vào đó cả. An Thái cũng vậy. À, lại có mấy lá đơn thưa Hai Nhiều.

– Lại Hai Nhiều. Tôi đã gọi lên cảnh cáo rồi mà!

– Lần này hơi khác. Tôi đoán bên trong có chuyện tranh chấp buôn bán sao đó.

– Phiền quá. Thế nào sau vụ này ta cũng phải tìm người thay lão già quá quắt. Nhưng tìm ai bây giờ! Ông tìm cho tôi một người đi. An Thái quan trọng lắm, không để sơ hở được. Ông xem trong sổ

anh em bà con có ai được việc không?

Nhật cảm động vì sự ưu ái tin cậy của trại chủ, giọng nói run run:

– Tiếc thật. Ngoài hai anh em tôi, gia đình còn lại toàn đàn bà con gái. Đứa lớn nhất mới lên mười ba.

– Tiếc nhỉ. À này, mấy đứa em gái có giống ông không?

Biết Nhạc muốn chế giễu thân mật vẻ cục mịch của mình, Nhật cười đáp:

– Không đâu! Chúng nó đẹp ra phết. Nhất là con bé lớn.

Thấy đã đến giờ họp, Nhạc đứng dậy, bông đùa lần cuối với người thuộc hạ thân tín:

– Chà ít năm nữa, tôi sẽ đứng ra làm mai giúp tìm cho nó một tấm chồng xứng

đáng. Làm công không thôi. Nếu muốn trả ơn, thì được, một coi trâu nguồn. Được chứ!

*

Bên phòng họp, Lý Tài và Chinh đến sớm nhất. Chinh muốn gặp Nhạc trước để báo cáo cho Nhạc rõ tình hình hai toán Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân theo lời dặn của trại chủ, nhưng người lính gác ngăn lại, bảo Bùi Văn Nhật đang ở phòng Nhạc. Anh đi đi lại lại, nóng ruột chờ. Hai người nói chuyện lâu quá, mà Chinh lại không muốn trở lại phòng họp để chạm mặt Chỉ. Anh ghét cay ghét đắng điệu bộ lễ mễ, trân trọng từng bước do thói quen nghề nghiệp của Chỉ. Sự ràng buộc, nếu đôi lúc con người ta phải thu mình tuân theo, đâu phải là

một điều đáng hãnh diện đến như vậy! Nó hoàn toàn trái với tự nhiên như lá xi xào khi gió thổi, nước lụt tràn bờ sông, mồ hôi ướt rịn khi trời nóng. Chỉnh nhớ có lần cha nhắc đến một câu của Lão Đan: “Nóng thì cứ đổ mồ hôi, lạnh thì cứ run lên”. Anh khoái được sống thoải mái tự nhiên như vậy nên thù ghét sự gò bó. Còn đối với những kẻ xem sự gò bó là một nghi thức, một nghệ thuật, thậm chí là một cách xử lý tiếp vật cao siêu và khôn ngoan, thì phải nói là Chỉnh khinh bỉ. Đôi lúc anh nghĩ có lẽ vì thế mà có hố ngăn cách giữa mình và cha.

Khi hôm cùng lên Kiên thành với Lý Tài, Chỉnh chưa kịp thăm cha. Sáng nay anh có thể nhân cơ hội này tìm gặp ông giáo, nhưng anh cứ ngại ngùng. Anh có một cố chấp đáng để yên tâm: anh phải chờ gặp cho được trại chủ trước

cuộc họp. Chờ lâu quá, Chinh đành trở ra phòng họp. Chỉ đang nói chuyện với Lý Tài. Chỉ quen nói thật chậm, như cân nhắc từng chữ trước khi mở môi, nên Lý Tài nghe hiểu hết lời Chỉ. Họ có vẻ tương đắc, vừa uống trà vừa bàn tán một cách trang trọng, dễ dàng những điều Chinh không hiểu. Anh đến chỗ cửa phòng, đứng ngắm hình mấy con rồng màu vàng cuốn quanh bốn cây cột sơn đỏ. Nước sơn còn mới, nét vẽ vụng về của một tay chuyên trang trí các chùa miếu ở thôn quê. Chinh nghĩ: lại thêm một sáng kiến của lão thầy cúng. Thà cứ để nguyên bốn cây cột gỗ kiền kiền màu nâu lại hay hơn!

Bùi Đắc Tuyên bước vào phòng họp. Chinh gật đầu chào, không muốn đến bắt chuyện vì hai người khác tính nhau, mà Chinh lại không ưa cách nói chuyện

đãi bơi, dùng dằng nào sức khỏe, gia cảnh, thời tiết, mùa màng. Tuyên có nét mặt giống Nhật, nhưng nhìn chung có vẻ thanh tú hơn. Mày Tuyên rậm, hai hàm bạch, giống Nhật, còn cái mũi nhô và cao hơn, môi dưới mỏng mím lấy môi trên, không trệ xuống cằm như môi Nhật.

Vì Tuyên cũng không ưa Chinh nên vừa chào hỏi lấy lệ Chỉ và Lý Tài xong, ông lảng ra phía cửa sổ phòng họp. Hết đứng ôm song cửa sổ nhìn ra ngoài trời, Tuyên lại nhìn mấy con rồng. Chưa tin ở mắt mình, ông lấy tay di di lên lớp sơn. Dấu chỉ đầu ngón trỏ in trên lớp sơn ướt. Tuyên nghĩ y như Chinh: lại một trò mới của lão thầy cúng! Tuyên nhìn qua chỗ Chinh đang đứng, định tìm một người để nói điều mình vừa nghĩ. Nhưng thấy vẻ mặt lạnh lùng, cách ăn vận lạ mắt của Chinh, Tuyên do dự.

Tuyết, Lộc và Năm Ngạn cùng đến. Chinh mừng rỡ chạy đến chào hỏi Tuyết và Lộc, còn Năm Ngạn xán lại phía Chỉ.

Tuyết thân mật vỗ lưng Chinh cười ha hả. Tuyết to tiếng hỏi:

– Thế nào, khách hảo hớn?

Chinh vỗ vai Tuyết, hỏi lại:

– Mạnh giỏi, đại huynh?

Rồi cả hai cùng cười rồn rảng, làm cho Chỉ nhăn mặt khó chịu. “Khách hảo hớn” và “đại huynh” là cách hai người quen gọi đùa nhau, khi còn cùng ở chung một đội. Tuyết chỉ Lộc (Nguyễn Văn Lộc) nói:

– Mà đi hai đứa tao lẻ đạn, đâu còn đủ như Lưu – Quang – Trương kết nghĩa vườn đào nữa!

Tuyết liếc về phía Lý Tài, ghé sát
Chinh hỏi đùa:

– Hậu cần cho “xénh xáng” có mệt
không?

Chinh cười gạt đi:

– Nói bậy. Hai ông ấy khá lắm. Nhất
là Lý xénh xáng.

Lộc chen vào hỏi:

– Đã học được mấy câu tiếng Tàu
rồi?

Chinh thú thật:

– Mới lắm bẩm thôi. Ông Lý thạo
tiếng Nam, mình nói gì ông đều hiểu
miễn là nói chậm chậm. Còn ông kia
thì... mỗi lần có việc cần nói phải mỗi cả
tay.

Tuyết cười to, nói:

– Càng tốt. Mà vừa nói vừa tập quyền, còn đòi gì nữa. Ủa, lão quạu đâu rồi?

Chinh không hiểu hỏi:

– Lão quạu nào?

– Thì xénh xáng của mày chứ ai! Lão Tập Đình mặt lúc nào cũng hằm hằm, quạu quọ đó.

Chinh định nói, nhưng giật mình, ngưng lại kịp. Anh nhớ đến điều quan trọng cần báo ngay với Nhạc, đưa mắt nhìn về phía cửa phòng trại chủ. Cánh cửa vẫn đóng im ỉm. Chinh nói:

– Họ bạn bè thân thiết với nhau từ lâu, đi một người đủ rồi.

Lúc ấy Lộc mới đưa ra nhận xét:

– Anh mặc áo kiểu gì thế?

Chinh đỏ mặt, lắp bắp biện hộ:

– Ấy, đi với ma phải mặc áo giấy. Sống giữa người Tàu, ăn mặc khác đi, khó lắm.

Lộc thắc mắc hỏi:

– Tôi nghe Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân chỉ ở trần, đầu bịt khăn đỏ, cổ đeo giấy vàng bạc. Trước khi ra trận họ uống rượu thật say. Có đúng thế không?

Chinh đáp:

– Đúng.

Tuyết hỏi:

– Thế sao mày lại mặc áo này. Khăn đỏ đâu?

Chinh hơi bất bình vì Tuyết nắm cổ áo mình hơi chặt, đưa tay gỡ tay bạn ra, trước khi nói:

– Chỉ bọn lính mới ở trần. Cấp chỉ huy phải khác chứ. Vả lại họ chỉ ở trần uống rượu khi xông trận thôi. Do thói quen của thời làm cướp biển đấy mà!

Vừa lúc đó ông giáo và Huyền Khê tới. Chinh bỏ đám bạn cũ, chạy đến chào cha. Ông giáo mừng rỡ thấy con vẫn khỏe mạnh. Bao nhiêu lo lắng lâu nay thoát một cái đã tan hết. Ông mừng nhất là thấy Chinh khỏe và tươi tắn hơn trước (Ông quên trước đây mỗi lần bắt đắc dĩ phải gặp cha, Chinh vẫn mạnh khỏe nhưng bộ mặt cứ dàu dàu). Ông giáo hỏi:

– Sao khi hôm không lên?

Chinh liếc về phía Lý Tài, hạ thấp giọng nói với ông giáo:

– Trường dặn con không nên để ông ấy một mình. Con trông cha hơi ốm!

Ông giáo đưa tay bẹo má mình, buồn rầu đáp:

– Độ này cha không ngủ được. Ăn uống thất thường. À, con biết chưa, con An với thằng Lãng đã về An Thái rồi.

Chinh ngạc nhiên, nói:

– Con tưởng chúng nó xuống đây để lo cơm nước cho cha chú! Xuống chỗ tên đạn đó làm gì!

Ông giáo ngậm ngùi nói:

– Cha có ngăn, nhưng lạ lắm, chúng nó cứ nằng nặc đòi về cho được. Nhất

là con An. Ở đây nhiều bữa cha nằm cả ngày, không thiết đi đâu nữa.

Chinh ái ngại thương cha, ngược nhìn mái tóc đã bạc trắng của ông giáo. Không muốn kẻ khác thấy xúc động yếu đuối của mình, ông giáo hỏi con:

– Ông Nhạc chưa đến à?

Chinh đáp:

– Dạ còn nói chuyện với ông Nhật trong kia. Hình như chuyện quan trọng lắm, lính gác đã được dặn không cho ai vào.

Ông giáo hơi thất vọng, nhớ lại trước đây không có việc quan trọng nào mà Nhạc không hỏi ý kiến ông trước.

✱

Lúc cuộc họp sắp bắt đầu, ông giáo ngồi quay hướng về phía Chinh. Vì là tùy viên của Lý Tài, Chinh ngồi ở cái ghế kê sát sau lưng vị chỉ huy trực tiếp. Nhờ khoảng cách không gian, và tình cha con dạt dào đã lắng, ông giáo mới bình tĩnh, khách quan nhìn kỹ Chinh hơn. Ông ngờ ngợ thấy Chinh có gì thay đổi.

Đúng là Chinh có vẻ mạnh khỏe, vạm vỡ hơn. Khuôn mặt như tròn lại. Phải, tròn trĩnh, đầy đặn hơn trước nhiều. Trí ông lơ mơ về hình ảnh tròn đầy. Hình như Chinh đối khác ở chỗ này. Trước kia khuôn mặt nó đâu có tròn thế! Với mái tóc cứng và dày... thôi phải rồi, sao tóc nó ngắn vậy? Tuy nó có đội khăn cho thêm chững chạc, nhưng rõ ràng mái tóc dài của nó không còn. Hai bên thái dương tóc mai nhạt, chứng tỏ Chinh đã hớt cụt đầu tóc của mình. Cái răng cái

tóc là vóc con người. Nó không hiểu như thế sao?

Ông giáo tò mò quan sát Chinh kỹ hơn, tìm thấy cái áo may theo kiểu Tàu. Lý Tài che mất phần dưới thân thể Chinh, nên ông giáo quay lên nhìn kỹ khuôn mặt con lần nữa. Ông tìm thấy dấu xanh xanh của một hàm râu mới cạo. Đúng là nó thay đổi quá nhiều. Râu, tóc, quần áo, cả cái bộ ngời dựa ngựa ra lưng ghế, mặt ghếch lên cao, bất chấp sự đời! Càng quan sát con, ông giáo càng lo lắng.

Cửa phòng Nhạc xịch mở. Nhặt bước ra trước, nét mặt cố làm ra vẻ nghiêm trọng khi thấy mọi người quay nhìn về phía mình. Ông giáo nghe tiếng Nhạc cười, và câu bông đùa “Nếu muốn trả ơn, thì được, một coi trâu. Được chứ”.

Chỉ đứng bật dậy. Mọi người trong

phòng ngõ ngang chưa hiểu, nhưng ngay sau đó, họ hiểu liền. Kẽ trước người sau loạc choạc, cuối cùng tất cả đều đứng nghiêm trang vái chào Nhạc. Nhật khựng đứng lại, không dám tiến, chờ Nhạc. Lần đầu tiên Nhạc thấy những người thân thuộc đón tiếp mình long trọng như vậy. Ông lặng người vì sung sướng, cười ha hả nói lớn:

– Chào tất cả anh em...Chào tất cả quý vị. Đông đủ cả rồi chứ! Vâng, ông Nhật báo cho tôi biết trước là thiếu ông Thung. Lý tiên sinh, mạnh giỏi? Mời quý vị an tọa. Lợi ơi, cho mang nước và trầu lên nhé. Các vị cứ tự nhiên, dịch lại đây cho nó rộng. Tôi ốm o thế này mà quý vị chùa cho cả một nửa tràng kỷ, phí đi. Rồi nhìn quanh một lượt xem mọi người đã ngồi đúng vị trí chưa, Nhạc xoa tay bảo: Chúng ta bắt đầu thôi!

Nhạc hất hàm bảo Nhật:

– Ông nói qua cho quý vị biết tình hình dưới phủ ta đi!

Nhật đứng dậy, cúi chào Nhạc để xin phép nói. Nhạc chỉ cười chứ không gật đầu đáp lại. Nhật tóm tắt gọn ghẽ, rõ ràng những điều ông vừa trình bày với Nhạc. Riêng về quân số hiện canh giữ phủ, để đề phòng bất trắc, ông tăng con số dự đoán lên tới ba trăm. Nhạc chờ Nhật nói xong, mới hỏi:

– Quý vị nghĩ thế nào? Chúng nó quân đông, khí giới nhiều hơn ta, nhưng tinh thần bạc nhược. Tình thế đã chín mùi, tôi tính đánh rốc một trận chiếm phủ Qui Nhơn. Quý vị nghĩ sao?

Tuy đã đoán trước được lý do cuộc họp, nhưng khi nghe Nhạc hỏi người

này nhìn người kia không ai dám trả lời trước. Nhạc chờ một lúc, tưởng nhiều người còn sợ, rút tấm bản đồ trải lên bàn nói:

– Ta đã nắm rõ cách bố trí đồn trại, kho tàng, cơ quan trong phủ. Bây giờ gặp lúc thuận tiện ta không chiếm phủ ngay, sau này chúng được Thuận Hóa và Gia Định tăng cường, ta khó lòng có cơ hội tốt như thế nữa. Ông Huyền Khê có thấy thế không?

Huyền Khê bối rối đáp theo kiểu lơ lửng:

– Vâng, nếu quả dưới phủ chúng bạc nhược, canh gác trễ tràng lỏng lẻo như ông Nhật nói, thì...

Nhạc cắt lời Huyền Khê:

– Ông nghĩ chúng mạnh lắm sao!

Tấm bản đồ này, chắc ông đã xem rồi. Ông thấy đây, đồn canh như thế ăn thua gì. Ông có nhớ chỗ vẽ nhà giam không. Đáng lý chỗ đó phải canh gác cẩn mật lắm. Nhưng chúng chỉ đặt có một trạm gác ở cửa. Trại giam lại nằm sát sau lưng tòa phủ.

Khê ngơ ngác, không hiểu Nhạc đang nói gì. Nhạc thấy Huyền Khê hoang mang ngỡ ngàng như người đi lạc, mừng rỡ hiểu rằng tên con buôn chưa kịp gặp Huyền Khê đã bị Nhật bắt. Nhạc cười, quay sang hỏi ông giáo:

– Trước khi hỏi Lý tiên sinh, xin hỏi thầy:

Ông giáo đáp:

– Bên địch yếu, tôi cũng tin chắc như vậy như ông Nhật. Nhưng đồng thời ta

phải nhận là bên ta chưa mạnh. Cho nên quyết định đánh lấy phủ Qui Nhơn hay không, còn tùy thuộc vào cách đánh nữa. Xin cho bàn cách đánh phủ trước.

Nhạc quay về phía Lý Tài:

– Bây giờ đến lượt Lý tiên sinh.

Lý Tài nhanh nhẩu đáp:

– Tôi cũng nghĩ như thầy giáo. Nếu ta chọn được cách đánh thích hợp, nâng sức mạnh ta lên áp đảo được địch, thì mới nên nghĩ đến chuyện đánh.

Nhạc hơi thất vọng vì thấy ba ý kiến đầu tiên của những người đứng tuổi đều khôn khéo và né tránh trả lời thẳng vào câu hỏi. Nhạc đành phải giải thích kế hoạch đánh phủ:

– Ý quý vị như vậy, tôi xin vâng. Tôi

tính thế này. Hiện quân phủ đồn hết sức chống đỡ hai mặt: mặt bắc nhằm bảo vệ hai kho lương lớn là Càn Dương và Nước Ngọt và con đường thông thương ra Quảng Nam, mặt tây án ngữ Phụng Ngọc ngăn ta tấn công xuống. Bên ta hiện nay phía Thuận Truyền có Tuyết và Lộc, An Vinh có ông Tuyên, An Thái có chú Huệ, mặt nam Tuy Viễn có ông Thung và Lý tiên sinh đây. Đối mặt đánh nhau, chưa chắc ta làm gì được chúng. Quân không đông hơn. Vũ khí lại kém. Cho nên tôi tính đến đòn dùng mẹo và liêu. Tôi cho chú Huệ rục rịch khuai chiêm giống trồng dưới An Thái làm như ta sắp tấn công xuống. Chúng tưởng ta sắp vượt cầu Phụng Ngọc, đồn hết sức phòng ngự, quân phía bắc và nam sẽ bị trải mỏng ra. Nhờ thế, ông Thung dưới Tuy Viễn và Trung, Hòa nghĩa quân sẽ kín đáo chia từng toán nhỏ luôn lách rồi

tập hợp chờ sẵn ở phía nam phủ. Tuyết, Tuyên, Lộc thì lo mặt bắc. Phần tôi sẽ chọn một số nhỏ anh em dũng mãnh, gan góc, liều lĩnh, dùng kế trở thành nội tuyến từ trong phủ đánh ra.

Nhạc dừng lại, nhìn quanh khắp phòng. Mọi người lắng nghe kế hoạch quan hệ đến lẽ sống chết của tất cả mọi người. Căn phòng im phăng phắc. Nhạc thỏa mãn vì đã gây được sự chờ đợi náo nức cho mọi người, bắt đầu trình bày kế liều lĩnh của mình:

– Những tên ông Nhật gài được vào trong phủ phần lớn đều chậm chạp, kém ứng biến, thiếu liều lĩnh. Mà không có nội tuyến mở cửa thành, ta đánh đến bao giờ mới vượt được hào lũy! Việc này thiên nan vạn nan. Làm sao ta ém sẵn được một số quân tinh nhuệ ngay trong phủ, chờ giờ thuận tiện, vùng dậy bắn

hỏa pháo làm hiệu, mở cửa thành cho quân các ông ập vào? Làm sao? Các ông nghĩ giùm tôi đi!

Không ai dám thờ mặt, sợ Nhạc chỉ định mình hiến kế. Nhạc chờ thật lâu không thấy ai trả lời, mới cười nhạt nói:

– Tôi biết trước là khó tìm người dám liều lĩnh và đủ tài trí để làm việc đó. Thôi, không ai làm thì tôi lãnh. Tôi tính thế này nhé; Tôi sẽ cho đóng một cái cũi chắc chắn. Không phải để khiêng heo đi biểu Nguyễn Khắc Tuyên đâu. Tôi sẽ cho người trói chân tay, đóng gông rồi nhốt tôi vào cái cũi đó. Toán anh em đờm lược sẽ giả dân quê khiêng tôi xuống nộp cho quan phủ để lãnh thưởng. Dĩ nhiên chúng sẽ mở rộng cửa thành đón tôi vào. Nhà giam, như các ông thấy trên bản đồ, nằm sát sau lưng tòa phủ. Tuyên sẽ giam tôi ở đó. Chờ đêm đến, anh em sẽ tháo

cũi cho tôi ra. Thế là chỉ cần hú lên một tiếng, bên trong bên ngoài hưởng ứng, Tuyên có chạy chắc không kịp mặc quần đâu!

Cả phòng ồ lên thán phục và mừng rỡ. Tiếng cười tiếng nói huyền náo đột ngột vỡ bùng sau thời gian im lặng căng thẳng. Nhạc cũng cười hể hả. chỉ có Nhật và ông giáo giữ được sự trầm tĩnh dè dặt. Nhạc ngạc nhiên hỏi Nhật:

– Ông sao thế? Có gì không ổn à?

Nhật liếc nhanh về phía Huyền Khê, nói:

– Cái kế liều lĩnh như vậy không thể nói cho nhiều người biết được. Chỉ cần một tên phản bội lén báo trước cho phủ Tuyên là tính mệnh của trại chủ...

Nhật không dám nói tiếp. Ông giáo vội nói:

– Ý ông Nhật hợp ý tôi. Một kẻ nào khác có thể đem mạng sống của mình liều lĩnh đặt lên chiếu bạc, phó mặc may rủi, được thì được cả, mất thì mất hết. Tôi mà làm như vậy, nếu rủi ro, thì đời bớt phải nhọc lòng vì một lão già gàn. Mấy cậu thanh niên như cậu Tuyên cậu Lộc ở đây cũng thế. Quá lắm ta đành cử người thay đội trưởng mới. Nhưng ông cả là đệ nhất trại chủ! Vâng, xin nhớ cho ông là đệ nhất trại chủ. Vận mạng tất cả anh em tùy thuộc rất nhiều ở ông. Ông không được quyền liều lĩnh. Nếu có đưa xấu phản bội báo trước cho Nguyễn Khắc Tuyên biết, như ông Nhật vừa nói, hoặc nếu phủ Tuyên giam kỹ trại chủ vào ngục sâu, thì tình thế sẽ thế nào. Bắt được một người như trại chủ, Tuyên mừng còn

hơn bắt được vàng khối. Danh vọng, địa vị, cả tính mệnh của hắn tùy thuộc vào trại chủ. Đời nào hắn lơ lỏng đến nỗi để cho trại chủ tự tháo cũi thoát ra được. Xin ông nghĩ lại xem!

Những lời giải bày của ông giáo khiến Nhạc sợ đổ mồ hôi trán. Nhưng vừa sợ, ông vừa tức. Ông giáo hoàn toàn có lý, thật đáng phục. Mà cũng đáng ghét vì ông gián tiếp chứng tỏ cho mọi người thấy Nhạc chưa chín chắn khi vạch kế hoạch tấn công phủ. Nhạc ở vào thế khó xử, chưa biết phải nói gì.

Lý Tài nói:

– Các việc khó khăn nguy hiểm đã có anh em chúng tôi lo. Trại chủ hãy tin ở chúng tôi. Khỏi phải nhọc lòng dấn vào chỗ bất trắc. Tôi thấy địch đã quá yếu. Chỉ cần nhử cho chúng dồn lực lượng

đối phó với An Thái, rồi phía nam có ông Thung và chúng tôi, phía bắc có các cậu trẻ tuổi đây, ta hẹn giờ cùng một lúc ép vào. Thế nào cũng lấy được phủ.

Nhạc cổ vót vát thể diện:

– Nhưng chúng tôi có thể tin chắc sức tấn công ở mặt nam không. Lý tiên sinh có mặt ở đây. Nhưng ông Thung lại vắng. Vạn nhất nếu Tuy Viễn bỏ trống thì chúng tôi ở mặt bắc có mạnh bao nhiêu cũng không ép được quân phủ thúc thủ.

Chinh đứng bật dậy nói lớn:

– Không thể tin ở ông Thung được. Có Lý tiên sinh đây làm chứng. Trước đây hai ngày, Nguyễn Thung cho người lên gặp Trung và Hòa nghĩa quân để nghị hợp tác để đánh thành Qui Nhơn. Lý tiên sinh từ chối, bảo một việc quan

hệ như thế phải do đệ nhất trại chủ quyết định.

Có nhiều tiếng xôn xao trong phòng họp. Tiếng bàn tán mỗi lúc mỗi lớn hơn, trở thành ồn ào. Nhạc hét lớn cho át tiếng ồn, hỏi Lý Tài:

– Có đúng như vậy không, Lý tiên sinh?

Lý Tài điềm tĩnh đáp:

– Vâng. Cậu Chinh nói đúng sự thực.

Nhạc lặng người vì hoang mang, và tức giận. Nhưng bao nhiêu năm quen với những bất ngờ sinh tử, Nhạc không để lộ tình cảm ra nét mặt. Trong lúc mọi người nín thở chờ đợi cơn phẫn nộ ồa vỡ, Nhạc đột ngột phá lên cười ha hả. Ông cười xong, hoan hỉ nói:

– Thế mới biết ông Thung đệ nhị trại chủ của chúng ta sâu sắc đến dường nào. Vừa nhận được thư mời, ông ấy đã biết tôi muốn gì. Ông ấy bận không đi họp được, nhưng lặng lẽ lo xong cho trước phần việc mình. Một mặt ông Thung liên lạc trước với Lý tiên sinh để chuẩn bị mặt nam. Một mặt ông ấy cho người đem... đem cái gì lên cho chúng ta, các ông biết không? Chính ông Thung đã gửi cho chúng ta tấm bản đồ quý giá này. Tất cả những điều chúng ta bàn suốt buổi sáng, thì ông Thung đã lo liệu đến hơn phân nửa công việc. Thế mới xứng là đệ nhị trại chủ.

Lại có nhiều tiếng lao xao, cười nói hoan hỉ!

Lúc ấy, một người lính hầu bước vào phòng, đến đưa cho Nhật một mảnh giấy nhỏ. Nhật tiếp tục bàn tán cười vui với

mọi người, nhét nhanh mảnh giấy vào thắt lưng. Chờ lúc mọi người không chú ý đến mình, Nhật lén ra ngoài hiên xem nội dung nguồn tin vừa gửi tới. Ông lạnh người, mắt hoa đi. Cố đọc kỹ một lần nữa, ông không còn hoài nghi mắt mình kém nữa. Mồ hôi rịn ướt cả hai bàn tay ông. Chờ cho mình trấn tĩnh lại, Nhật mới bước vào phòng họp. Mọi người còn cười nói rôm rả. Nhạc đang rót nước ra cái chén sứ ở bàn nước. Bên cạnh Nhạc không có ai. Nhật đến bên Nhạc, vờ cúi xuống xin trại chủ một chén nước trà, thì thầm vài câu với Nhạc. Cái nắp bình trà rơi xuống đất vỡ tan thành nhiều mảnh nhỏ. Mọi người quay lại nhìn trại chủ. Nhạc đặt bình nước xuống bàn, đưa chén lên uống cạn, rồi hớn hở loan báo:

– Anh em! Vừa có tin vui đây! Ông Thung vừa cho người lên báo là đã chuẩn

bị sẵn sàng để cùng chúng ta tấn công chiếm phủ Qui Nhơn. Như vậy là ta khỏi lo mặt nam bị trống nữa. Tôi quyết định bắt đầu tiến quân ngay bây giờ. Bằng cách nào nhanh nhất, các ông về ngay với quân của mình. Tập hợp gấp quân lính, khí giới sẵn sàng. Tôi sẽ cho đem lệnh đến cho từng người. Các ông cứ y theo lệnh mà làm, không được tự ý thay đổi. Tình thế gấp lắm. Khỏi cần nói với tôi lời từ biệt. Các ông chạy ra cổng, lên yên ngay cho.

Chương 23

Cờ cho Lý Tài và Chinh đi xong, Nhạc bảo Tuyết, Lộc, Tuyên hãy nán lại một chút chờ nhận lệnh. Ba người trẻ tuổi hoang mang không hiểu vì đâu Nhạc ra lệnh tiến công bất ngờ như vậy, nhưng không ai dám lên tiếng hỏi. Họ đi đi lại lại trong phòng họp, cúi gằm mặt đếm bước.

Nhạc kéo Nhật và ông giáo vào phòng mình. Khi cả ba đã vào hẳn phía trong, đích thân Nhạc đến cài then cửa lại. Ông loay hoay thế nào mà mãi một

lúc lâu vẫn chưa cài xong. Ông giáo đến giúp Nhạc, thấy tay trại chủ run run, nước da Nhạc tái thêm. Cài xong then cửa, Nhạc quay lại hỏi Nhật:

– Chúng nó bắt đầu lúc nào?

– Khoảng canh ba. Đến gần sáng thì chiếm xong!

Ông giáo sợ toát mồ hôi, vội hỏi:

– Chúng dám chiếm An Thái à?

Nhạc đang tức giận cũng phải bật cười.

– Không. Chúng đánh chiếm phủ Qui Nhơn rồi!

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

– Ai? Chúng là ai?

Nhật đáp:

– Nguyễn Thung và bọn Nhưng Huy, Tú Linh.

Nhạc hỏi:

– Người đưa tin có nói gì thêm không?

– Nó bảo chúng chia làm hai cánh bao vây phủ từ canh ba. Bên trong tán loạn, lính phủ mạnh ai nấy chạy nên tờ mờ sáng chúng đã lọt được vào thành.

– Còn Nguyễn Khắc Tuyên?

– Nó không hiểu rõ. Có lẽ tên tuần vũ đã trốn mất, vì không nghe ai nhắc nhở gì đến cả. Nếu bắt được Tuyên, tất nhiên mọi người đều biết.

Nhạc trầm ngâm một lúc, rồi nói băng quơ một mình:

– Gớm thật. Hắn thấy dễ ăn, liền ra

tay trước. Hắn vốn quen cái thói đó như hồi tranh nhau buôn nguồn.

Nhạc bóp trán suy nghĩ rồi hỏi ông giáo:

– Nguyễn Thung vây chiếm phủ, tức là chuyện lớn rồi. Thuận Hóa phải phản ứng. Thầy am hiểu nội bộ ngoài kinh, xin thầy cho biết ý kiến. Ta phải làm gì bây giờ?

Ông giáo đáp ngay:

– Không thể chậm trễ được nữa. Phải tìm cách chiếm lại phủ Qui Nhơn, nhưng cũng phải cố hết sức đừng gây đổ vỡ ngay từ lúc này. Phải khéo léo.

Nhạc mừng rỡ nói:

– Thầy thật hợp ý tôi. Lúc nãy, khi ông Nhật cho biết tin, tôi giận đến nổi

muốn hét lên một tiếng cho đa tức. Tuy tôi bây giờ vẫn còn run. Nhưng cũng may tôi kịp nghĩ lại. Không nên để cho anh em biết chuyện này. Ta làm thế nào để cho mọi người tưởng ta đã phân công cho Thung đánh chiếm phủ. Hai người đáng để phòng nhất là Huyền Khê và Lý Tài. Ông Nhật nhớ nhé. Về phần chúng ta, tôi tính thế này: Hiện số quân tinh nhuệ của ta dồn phần lớn về An Thái. Tôi sẽ để lại đó một nửa cho thằng Huệ, nửa kia mang sang sông phối hợp với toán ông Tuyết và Tuyết làm quả đấm tổng thẳng ra Càn Dương và Nước Ngọt. Ta phải chiếm ngay hai kho thóc lớn nhất phủ, đồng thời án ngữ mặt bắc. Thu được lương thực xong, phía bắc ta áp vào, Huệ dẫn quân xuống, Tập Đình, Lý Tài từ phía đông thúc lên. Thung bị vây chặt. Rồi các ông coi, nó có dám đóng cửa thành cố thủ không?

Ông giáo khâm phục sự nhạy bén của Nhạc, vội nói:

– Kế hoạch thật tuyệt. Tôi tin giữa cảnh hỗn loạn tan tác này, việc chiếm hai kho Càn Dương, Nước Ngọt không khó gì. Tuần vũ bỏ trốn, bọn quan quân như rắn mất đầu không có tinh thần chiến đấu đâu. Vấn đề khó khăn hiện nay, là phải làm sao cấp tốc phối hợp cho ba cánh quân áp vây Nguyễn Thung một lượt, càng sớm càng tốt. Chậm một ngày, tôi ngại Tập Đình, Lý Tài tướng Nguyễn Thung mạnh hơn ta, kéo quân vào phủ tiếp viện.

Nhạc gật đầu, đẩy ghế đứng dậy nói:

– Ta phải hành động ngay. Ông Nhật viết lệnh đem cho Lý Tài liền. Ngay bây giờ, tôi xuống An thái. Việc ở Kiên Thành thầy giáo quán xuyến giúp. Tôi tin không

lâu đâu, chừng ngày mốt, ta phải dời bản doanh về dưới phủ thôi!

*

Buổi trưa hay tin phủ Qui Nhơn đã mất, Phụng Ngọc bàng hoàng, xao xác rồi chìm trong hỗn loạn. Không có thì giờ nghỉ ngơi, bọn lính phủ cởi quần áo quăng giảo mác ngổn ngang khắp đồng, lội sông chạy lên An Thái, vừa chạy vừa nhìn lại phía sau. Chúng chỉ mặc cái quần đùi ướt, thân thể đầm mồ hôi. Gặp ai, chúng cũng lấm lét sợ hãi, chưa hỏi đã nói trước:

– Ấy, chúng tôi là dân dưới Phụng Ngọc, chạy loạn lên đây, khiếp quá bà con ơi, chết như rạ. Nhất là bọn quân Quốc phó.

Có người ranh mãnh trên:

– Quân quốc phó là các ông chứ còn ai nữa!

Chúng vội chối:

– Đừng nghi oan chúng tôi, tội nghiệp. Chúng tôi toàn là dân làm ruộng nghèo khổ. Cô bác coi, chạy giặc trên mình chỉ còn độc cái quần rách. Xin bà con cô bác thương tình. Nhà có còn sót cơm cháy không ạ?

Bực vì thấy chúng bẻm mép, họ càng trên:

– Hừ, các ông cởi hết quần áo lính vứt xuống sông rồi, còn cái quần che của quý là may.

Trêu chọc cho vui thôi, cuối cùng dân làng hai bên sông cũng cho chúng

ăn. Bớt lo sợ, chúng mới thu thực mình là lính phủ.

Dân làng hỏi:

– Bây giờ các bác đi đâu?

Chúng bần thần chẳng biết trả lời thế nào. Dân lại hỏi:

– Các bác chạy lên trên này liệu có yên không? Các ông ấy đóng đèn nghịt trên An Thái, sao lại chạy lên đây?

– Nhưng phủ đã mất rồi, trước sau họ cũng đánh lên Phụng Ngọc.

– Sao không theo các quan chạy ra Quảng Nam?

Chúng giận dữ đáp:

– Các quan! Bọn chó má! Đéo mẹ chúng nó. Bà con cô bác nghĩ coi có tức

không. Chúng đã biết tin phủ mất, nhưng không hé răng cho chúng tôi biết. Chúng tập hợp chúng tôi lại, truyền phải hàng ngũ chỉnh tề ra bãi tập luyện. Chờ cho chúng tôi đi xong, chúng thắng ngựa đưa vợ con chạy trốn. Đéo mẹ, quân khốn nạn. Trời tru đất diệt cho sạch quân lưu manh ấy đi!

Một người lính già cười khẩy nói:

– Ăn nhằm gì! Lão cai cơ của tôi còn lưu manh gấp nghìn lần. Một chú lính tính lắm lời không biết nghe tin ở đâu, nói vung cho cả đội hay. Lão cai cơ sai trời nó lại, bẻ rằng trước mặt chúng tôi để trừng trị làm gương những kẻ dám loan tin thất thiệt. Chúng tôi sợ đến xanh mặt, nhưng tin là thất thiệt thật. Không thất thiệt lẽ nào ông cai cơ bẻ rằng chú lính trẻ. Sau đó, lão sai chúng tôi đi kéo

gỗ. Chưa đi khỏi một thôi đường, đã thấy lão dùng ngựa chạy trốn rồi.

Một người khác khôi hài:

– Kẻ lớn chạy bằng bốn chân, lũ trẻ như mình giá trị không bằng nửa người ta, được chạy hai chân, bác còn than phiền gì nữa.

Mỗi người góp một câu, bọn lính phủ tạm quên trong chốc lát tương lai mờ mịt của mình. Dân làng tò mò hỏi hết chuyện này đến chuyện khác, cho đến lúc một đứa bé chạy đến báo có tin “quân ô” trên An Thái đang chuẩn bị đánh xuống. Bọn lính phủ xanh mặt, dợm đứng dậy tìm chỗ trốn. Nhưng trốn đi đâu? Trước mặt, sau lưng đều có địch. Chúng đưa mắt hỏi nhau và không tìm ra lối thoát. cuối cùng, chúng ủa ra bờ sông, lội qua phía sông Cạn.

Bình thường thì binh giữ các kho ở phủ Qui Nhơn không nhiều. Kho Thời Phú có thuyền Tân Nhất. Kho Nước Ngọt có thuyền Mỹ Nhất. Kho Càn Dương có thuyền An Nhất. Mỗi thuyền không quá năm mươi quân. Từ lúc nạn đói lan tràn ở hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn, số dân phiêu tán ngày càng liêu lĩnh, táo tợn, quan tuần vũ phải gửi thêm quân đến giữ kho. Riêng Càn Dương và Nước Ngọt mỗi kho tăng cường thêm một thuyền, quân số lên đến trăm người. Chung quanh kho, trong tầm tên bay, cây cối bị phát quang, hai người chỉ huy trực tiếp là Đốc trưng Đăng và Khâm sai Lạng đều ra nghiêm lệnh không cho phép bất cứ người dân nào được lại gần.

Vì biết rõ như thế, nên Nhạc phải lấy một nửa số quân của Huệ qua tăng cường cho các đội của Tuyên và Tuyết. Huệ giao trách nhiệm điều khiển số quân này cho Mẫn. Ngay buổi tối cùng Nhạc họp ban tham mưu, Mẫn đã cho quân vượt sông tiến ra phía bắc.

Mịch (gã khờ chợ An Thái) trở thành thuộc hạ của Mẫn em ruột mình.

Sau một thời gian dài mất trí nhớ, dần dần trí óc của Mịch làm quen với thực tại, rồi do các kích động, các gặp gỡ, các khó khăn, lần lượt những kỷ niệm cay đắng của quá khứ tái hiện. Anh trở nên sầu muộn, chán nản. Sự mất mát trở nên trầm trọng quá. Mịch muốn vớt vát, hoặc nếu số mệnh không cho phép, thì ít ra cũng muốn tận mắt nhìn lại quê hương đã mất dấu, tìm tông tích người vợ bị chiếm đoạt. Anh muốn đi ngay ra

mạn bắc, tới huyện lỵ nơi Mịch phải gạt nước mắt bỏ đoàn hát và mất vợ. Cho nên khi nghe toán của mình sẽ vượt sông tiến ra Phù Ly, Mịch mừng rỡ vô cùng.

Họ đi suốt đêm. Đầu canh tư, họ mới tới Càn Dương. Mọi người mệt nhoài, hai đầu gối và bắp chân mỗi rần. Toán của Tuyên mai phục ở phía bắc để phòng chặn đường rút của quân phủ. Toán của Mẫn nằm ở phía nam. Nhạc cho quân nằm nghỉ cho đến giữa canh tư, hèn trước là khi nghe pháo lệnh, tất cả hai cánh đều la ó cho thật dữ để uy hiếp tinh thần quân giữ kho, tiếng pháo lệnh thứ hai là lệnh xung trận.

Toán của Tuyên giữ vai trò cường kích, bằng bất cứ giá nào phải chiếm cho được kho trước khi mặt trời mọc. Không muốn hãm hàng trăm tên lính phủ đáng thương hại ấy vào đường cùng, Nhạc để

ngỏ mặt phía nam, chỉ xếp cho toán của Mầm phục kích hai bên đường rút về phủ Qui Nhơn cách kho nửa dặm đường đất.

Mọi tính toán của Nhạc đều chính xác. Vừa nghe quân Tây Sơn la ó vang trời, lính giữ kho hoảng hốt choàng thức dậy. Khâm sai Lạng không kịp mặc quần áo trận, cầm giáo la hét, đe dọa đốc thúc quân lính cầm lấy vũ khí. Nhưng dù có gào khản cả cổ, hấn cũng không ngăn được cảnh hỗn loạn hãi hùng. Gươm giáo vất ngổn ngang, chiêng trống lẫn lóc. Thấy quân Tây Sơn chỉ la ó có một phía, không có thì giờ suy nghĩ dè dặt nữa, bọn lính ùa cả ra cửa nam. Khâm sai Lạng mặc độc một bộ quần áo lót nhẵn nhó, tóc rối bù chưa kịp búi, cầm gươm lăm lăm chặn cửa. Hấn hét:

– Trở vào, quân hèn nhát. Đứa nào bỏ chạy tao chém chết.

Giọng hân khăn khăn nên tan mau trong tiếng gió hú và tiếng quân Tây Sơn la ó. Tuy thế, bọn lính phía trước cũng sợ hãi chùn chân không dám bước. Bọn phía sau chưa hiểu gì cứ lần tới. Nhiều câu chửi thề tục tĩu. Nhiều tiếng đàn bà con nít khóc. Đám đông xô đẩy nhau, bọn đứng trước ban đầu còn dặng chân ngả người ra sau cưỡng lại, càng về sau sức xô tới càng mạnh. Dù không muốn, họ bị đẩy dần tới gần Khâm sai Lạng hơn. Lạng vẫn lăm lăm lưỡi gươm trên tay, mắt lườm hung dữ. Đầu mũi gươm run rẩy, không khí phía trước thật căng thẳng, trong khi phía sau cảnh chen lấn hỗn loạn gia tăng. Tên lính già bị đẩy gần mũi gươm của Khâm sai Lạng nhất, mặt xanh mét, chân tay bủn rủn, lú lỏi

không thốt được lời nào. Thấy tình thế nguy hiểm, bọn đứng trước la to:

– Đứng đây tới. Có quan khâm sai.

Phía sau tiếp tục văng tục, hét to:

– Sao không đi? Phá cửa mau. Đéo mẹ đứa nào đạp lên chân tao vậy. Đứng xô đây. Bà con làng xóm ơi, con nhỏ này ngộp thở, xỉu rồi. Đã bảo đừng có đây. Ông cho mày một giáo bây giờ!

Khâm sai Lạng hoang mang, lạnh cả xương sống và biết tình thế thật nguy hiểm lắm. Hắn muốn bỏ gươm xuống để mặc cho bọn lính chạy thoát. Nhưng làm như thế thì còn mặt mũi nào nữa! Chúng nó chỉ hoảng hốt trong chốc lát, ta ráng giữ chúng nó lại thêm một chút thôi, đủ thời gian cho chúng hoàn hồn, thì mọi sự đâu sẽ vào đó! Quan trọng cho cả uy

tín của đời ta là lúc này! Hấn nghĩ thế, và nhất định cầm chặt lấy chuôi gương. Người lính già đáng thương bị đẩy tới thêm một bước, khoảng cách thu hẹp dần. Còn ba bước. Còn hai bước. Không thể do dự được nữa rồi. Phải ra uy thôi! Lạng lấy hơi, hét lớn:

– Đứng lại. Không tao đâm chết.

Đó là giọt nước cuối cùng làm tràn cái ly đầy. Đám đông tự nhiên rùng rùng xấn tới. Khâm sai Lạng chỉ vừa kịp thu gương về đã bị xô dạt sang một bên, ngã ngửa, đầu va vào vách vụng canh. Bọn lính đạp nhầu lên chân Lạng mà chạy. Đến lúc đó, tên Khâm sai mới thấy hết tầm nguy hiểm của tình thế. Không còn cách nào khác. Phải trốn thôi! Hấn dợm đứng dậy. Hai ống chân đau điếng. Hấn mím môi nén cơn đau, cà nhắc đi về phía tàu ngựa.

Ra khỏi cửa nam Lạng mới thấy mình đại đột. Chạy trốn bằng ngựa! Trời hỡi! Có khác nào lạy ông tôi ở bụi này! Lại còn ăn mặc thế này, với một thanh gươm cán chạm trổ và cần xà cừ! Tên Khâm sai vội xuống ngựa, do dự một chút trước khi quăng thanh gươm xuống một vũng lầy. Bọn lính cởi quần áo vứt bừa bãi hai bên đường. Lạng vợ đại một bộ lấm bùn mặc vào người. Cái áo quá chật không bọc kín được thân hình phì nộn. Hắn lấy bấy gài mãi không được mấy cái cúc áo, cuối cùng để mặc, chạy theo đám tàn quân.

Toán nghĩa binh của Mẫn đã giăng sẵn lưới để bắt gọn tất cả đám lính phủ.

Khâm sai Lạng lạch bạch hỗn hển tới sau, bị Mịch giữ lại cùng một chỗ với ba bốn tên lính nữa. Chúng ăn mặc xốc xếch như nhau, nhưng có hai điều khiến Mịch chú ý đến tên lính giả mạo: một là hăn mập quá cúc áo để hở giơ cả cái bụng trắng núng nính mỡ, hai là thái độ khép nép của bọn kia đối với hăn. Không thể làm lẫn được! Lão mập này thuộc vào hàng cao cấp đây! Lạng cố thu người lại nhưng đôi vai ú và cái bụng phệ kênh càng quá! Nó lồ lộ, choáng cả không gian. Mịch gọi Lạng đến chỗ gốc xoài. Hăn run lên bần bật. Mịch mỉm cười chờ hăn đến gần. Và chính lúc đó, khi Lạng vấp phải mô đất, suýt ngã, phải đưa cao hai tay để lấy thăng bằng, Mịch nhớ lại hết.

Mịch run lên, cổ nghẹn lại. Chính hăn đây mà! Cám ơn Trời Đất! Tao tưởng

không bao giờ được gập lại mây. Quả là Trời cao có mắt mới dẫn mây đến đây cho tao. Cỗ dẫn cơn nóng giận, Mịch nhỏ nhẹ hỏi:

– Ngài còn nhớ cháu không ạ?

Tên Khâm sai vội ngược lên, đôi mắt vừa ngõ ngang vừa hải hùng. Hắn muốn chối, nhưng hai hàm tê cứng, lưỡi lúu không nói được. Mịch lại hỏi:

– Cháu là kếp Mịch đây mà! Tên kếp chuyên đóng vai Lữ Bố, ngài còn nhớ không? Trước kia mỗi lần vợ chồng cháu được hát hầu ngài, chúng cháu được ngài thưởng biết bao nhiêu thê! Ngài nhớ không?

Đầu gối Lạng tự nhiên nhũn ra, và dù hắn không muốn, không bao giờ muốn, hắn quỵ xuống, hai tay chống trên mặt

cổ cũng như một người sụp lạy. Mịch hả hê, lấy lại giọng bình thường:

– A ha! Bây giờ mày lạy lục tao. Muộn rồi, ông duyên lại! Lúc mày lấy tiền bạc, quyền hành đoạt vợ của tao, vu oan khép tội tao, đến nỗi tao phải phản uất trở thành điên dại, mày có nghĩ đến lúc phải trả nợ như bây giờ không?

Lạng đã lấy lại đôi chút bình tĩnh, bắt đầu kêu rên:

– Xin ông thương vợ con tôi mà nường tay cho. Tôi không bao giờ dám quên ơn! Lúc trước thời còn trẻ ham mê thanh sắc, tôi dại dột. Bây giờ hối cũng không kịp nữa. Tôi đáng tội chết. Chỉ xin ông mở lượng châm chế cho. Tôi còn mẹ già, con dại. Vợ con tôi sẽ bơ vơ không nơi nương tựa...

Mịch vội hỏi:

– Vợ mày hiện ở đâu?

Lạng mừng rỡ, tưởng Mịch đã cảm động, ngược lên đáp:

– Dạ ở trong phủ.

– Nàng còn hát không?

Lạng không hiểu Mịch hỏi gì, nói:

– Ông hỏi sao ạ?

Mịch nôn nao cả dạ, lắp bắp hỏi:

– Nàng có còn đóng vai Diêu Thuyền không?

Tên Khâm sai chợt hiểu. Hấn sợ quá, không dám ngược lên nữa. Cũng không dám mở miệng trả lời. Mịch thấy lạ, hấp tấp hỏi:

– Sao mà không đáp? Vợ mà đố trời ơi, tao nói đến hai tiếng này mà lòng sôi lên muốn cho mà một nhát cho rảnh mắt, người vợ mà đoạt của tao đó, nàng ở đâu?

Lạng không có lối thoát, phải lấp bấp trả lời:

– Nàng đi đâu tôi không biết nữa!

Mịch giật mình, lo lắng hỏi:

– Đi đâu? Tại sao nàng bỏ đi? Mà chán chê nên đuổi người ta phải không?

Lạng cúi gằm mặt xuống không dám xác nhận. Mịch hiểu hết. Mắt đỏ ngầu. Bàn tay cầm kiếm run rẩy. Anh nắm chặt chuôi kiếm để dằn cơn giận, giọng đau đớn uất ức:

– Tao tưởng mà khá. Mà còn có

con mắt tinh đời, biết mê thanh sắc. Mà y tiên bạc danh vọng cướp vợ người khác, nhưng mà còn có điểm đáng khen là có con mắt biết ngắm sắc đẹp, có đôi ta biết lời hát hay. Bây giờ tao hiểu hết. Tao lầm. Mà chỉ là con heo mập dâm dục mà thôi. Mà là thằng mù, thằng điếc. Cho mà sống cũng uống cơm trời.

Tên Khâm sai vừa ngược lên nhìn Mịch định van xin, thì lưỡi kiếm đã cắm sâu vào ngực hắn. Hình ảnh cuối cùng hắn còn thấy được trước khi vạn vật nhòe nhoẹt quay đảo, là đôi mắt đỏ ngầu, nụ cười tê tái của người kép hát.

✱

Sáng hôm sau, tất cả các anh em đã tiến về vây chặt phủ Qui Nhơn. Trung ng-

hĩa quân của Tập Đình từ phía Tuy Viễn tiến lên sớm nhất vì đã nhổ trại ngay từ khi Lý Tài đi họp ở Kiên Thành chưa về. Tập Đình vẫn có thiện cảm với Nguyễn Thung hơn với Nhạc, nên khi nghe tin Thung đã chiếm phủ, hấn muốn đem Trung nghĩa quân đến giúp để lập công. Đến nửa đường, hấn nghe tin Kiên Thành đã động binh. Nhờ do dự, hấn khỏi phạm sai lầm đáng tiếc, và còn có cơ để biện bạch với Lý Tài. Phía nam quân Lý Tài và Tập Đình áp sát bên kia bờ sông Đập Đá. Phía bắc Nhạc đã dẫn các toán quân vừa chiến thắng ở Càn Dương và Nước Ngọt tiến vô. Mặt trận Phụng Ngọc vỡ, không đầy nửa ngày đường, Huệ đã đưa quân từ An Thái xuống đóng ở gò Vân Sơn. Nguyễn Thung ở trong phủ kinh hãi, bồn chồn, nghe tiếng trống thúc quân từ xa vọng lại như nghe bước đi của Diêm Vương. Điều Thung lo sợ đã thành sự

thực. Chiếm được phủ, hấn còn lo phản ứng của Kiên Thành nên suốt hai ngày làm chủ, hấn chưa dám hành động như một người chiến thắng. Hấn không dám chạm đến nhà kho, không dám thả tù. Không dám phá cửa vào trong dinh phủ. Dù hết sức thêm thuồng, Thung vẫn chưa dám ngồi lên cái ghế bọc gấm của Nguyễn Khắc Tuyên trong văn phòng tuần vũ tráng lệ.

Bị khốn khổ dần vật trong bốn chôn suốt hai ngày căng thẳng, giữa những hồi trống đe dọa, Thung gầy xẹp, xơ xác như vừa qua một cơn bệnh dữ. Cho nên khi thấy Nhạc dẫn quân tiến vào sát thành, Thung vừa sợ vừa mừng. Cái gì phải đến đã đến. Phải quyết định nhanh trước khi quá trễ. Và Thung đã quyết định.

Hấn truyền cho quân lính đốt pháo mừng, gióng trống khua chiêng cho hoan

hỉ, mở rộng cửa thành để đón Nhạc vào. Bọn tay chân của Tập Đình, Lý Tài chỉ chờ có vậy. Chúng ủa ra phố phủ, chen nhau vào các quán ăn và tiệm rượu, say sưa, hò hét, đập phá. Phố xá náo động, đàn bà con gái trốn biệt trong phòng kín. Toán của Tuyết và Lộc thì ủa vào dinh phủ, gập gù đập phá nấy trước vẻ ngần ngơ tiếc rẻ của những người đứng tuổi. Trong khi Nhạc bận họp khẩn với những người chỉ huy gồm có Nguyễn Thung, Tập Đình, Lý Tài, Tuyên, Tuyết, Lộc, Huệ, Mắm, một nhóm nghĩa quân phá cửa vào phòng của Nguyễn Khắc Tuyên. Họ khựng lại, gần như sợ hãi trước vẻ xa hoa lộng lẫy của căn phòng. Trước mắt họ là bộ tràng kỷ gỗ gụ đen bóng, lưng dựa gắn đá xám có vân, màu xà cừ óng ánh sắc tím và bạc. Một nghĩa quân cúi thề:

– Đéo mẹ, nó ở sương quá.

Một người khác nói thêm:

– Còn tui mình thì cả đời không có lấy một cái chòi tranh che mưa.

Thoắt một cái, họ quên hết sợ hãi. Cơn giận kéo đến. Chỉ cần một người nào đó hô lên:

– Phá cho tan mẹ nó đi. Giận quá rồi!

Thế là cả bọn xông vào phòng say sưa đập phá. Hai người nắm bốn chân bàn xáng mạnh vào lưng trường kỷ. Mặt đá vân vỡ toang. Cái sập kê gần cửa sổ bị lật ngược. Màn trướng bị kéo xuống, xé rách bươm. Một cậu trẻ tuổi chạy đến ngồi lên cái ghế bọc gấm nhún nhún, cười khoái trá. Bạn anh ta lôi dây, ngồi lên nhún thử. Lần lượt như vậy đến

người cuối cùng. Sau khi tận hưởng sự êm ái của giàu sang, anh ta đứng dậy, nắm lưng ghế, dùng hết sức lực dơ lên cao, ném mạnh vào vách. Hai chân ghế gãy lìa. Những người khác hô hoán:

– Ô hay! Sao lại phá đi.

Người vừa phá chiếc ghế quý bảo:

– Không thằng này ngồi thì thằng khác ngồi. Phá đi cho rảnh!

✱

Tiếng đổ vỡ la ó hỗn loạn làm rung động cuộc họp khẩn của ban tham mưu. Nhạc ra lệnh cho các đội trưởng cấp tốc thu quân về, tập hợp đầy đủ, chỉnh tề hàng lối trong sân phủ. Nghiêm lệnh loan đi. Ai vắng mặt coi như đào ngũ,

bị chém ngay tại chỗ. Nhờ lời đe dọa gắt gao ấy mà đúng trưa cảnh hỗn loạn chấm dứt hẳn. Quân áo nghĩa quân còn xốc xếch, mặt mũi dơ dáy, đôi người thở còn nồng hơi rượu, nhưng không ai dám ho một tiếng khi Nhạc nói. Từ trên thêm dinh phủ, Nhạc đưa mắt lườm quanh một vòng xem có ai còn nói chuyện nữa không, rồi mới cất cao giọng:

– Hỡi anh em. Như vậy là sau bao năm ăn đói, mặc rách ở Tây Sơn thượng, hột muối củ khoai chia nhau, chúng ta đã thanh công. Chúng ta đã đứng ngay đây, chỗ mà ngày trước anh em không được bén mảng đến gần. Nếu có đến thì cũng phải nín thở khom lưng sợ hãi, hoặc bị gông cùm, xiềng xích. Ta đã thanh công. Rõ ràng như ban ngày là ta đã thanh công. Chúng ta đứng ở đây mà không phải sợ quan Tuần vũ, chân tay không

bị trói, cổ không đeo gông. Đâu anh em
giơ tay cả lên xem mình còn bị xiềng trói
không nào?

Tất cả nghĩa quân đồng loạt giơ hai
tay lên trời, tiếng hò hét vui sướng nổi
lên khắp sân. Nhạc chờ cơn phấn kích hạ
bớt, mới đưa tay ra dấu bảo im, rồi tiếp:

– Tôi hỏi anh em: Nhờ đâu mà chúng
ta có ngày hôm nay. Nhờ đâu? Một mình
tôi không làm nổi. Thêm những vị đội
trưởng chỉ huy anh em, cũng chưa làm gì
nổi. Quá lắm là chúng tôi xoi thúng được
một lỗ ở chân thành, đủ cho một con
chó chun ra chun vào (cả sân cười). Có
ngày hôm nay, là nhờ tất cả anh em (có
nhiều tiếng ào ào bàn tán vui sướng).
Đúng không nào? Đúng, mà chưa đúng
hẳn (có tiếng cười). Quân phủ hơn một
vạn rưỡi người, tinh binh trên năm mươi

thuyền, mà tất cả anh em ta kể cả những người đã chết được bao nhiêu? Chúng nó đông hơn anh em ta gấp bội. Thế thì số đông chưa chắc đã thành sức mạnh chiến thắng. Đông mà không có tổ chức chỉ là một đám ăn cướp ô hợp, khi vui tụ lại phá làng phá xóm, khi buồn rã đám thành bèo dạt. Chúng ta ít hơn quân phủ mà thắng là nhờ có đội ngũ chỉnh tề, kỷ luật nghiêm minh, mưu kế chặt chẽ liệu trước được mọi sự. Muốn lấy phủ ư? Việc đó dễ mà khó. Dễ vì quân phủ đã bạc nhược, dân chúng ghét bọn quan lại như ghét ôn dịch. Khó vì chúng nó không đứng một mình, phía bắc còn có dinh Quảng Ngãi, phía nam còn có dinh Phú Yên. Ngoài kinh còn cả một triều đình. Chúng ta phải cẩn thận tính toán mới được. Cho nên quân đệ nhị trại chủ Nguyễn Thung đứng ra lĩnh phần khó

nhất là liêu lĩnh chiếm cho được phủ. Quân Kiên Thành mau chóng đoạt cho được hai kho lương Càn Dương, Nước Ngọt để cắt cuống họng chúng nó. Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa quân cùng quân An Thái chờ sẵn bên ngoài làm lực lượng hậu bị, khi cần áp sát lũy phủ để càn quét tàn quân và dư đảng. Chúng ta đã đặt kế hoạch như vậy, và mọi sự diễn ra đúng như vậy. Ai có công? Tất cả chúng ta từ trại chủ cho đến người già yếu theo quân nấu bếp đều có công. Nhưng ai có công nhiều nhất, vì lãnh phần nguy hiểm nhất? Ai? Anh em khỏi cần hỏi nhau làm gì. Điều đó đã rõ ràng. Đệ nhị trại chủ Nguyễn Thung và tất cả anh em Tuy Viễn là những người chiến công đầu. Hoan hô anh em Tuy Viễn.

Cả sân ban đầu còn dè dặt, nhưng ngay sau đó, bị tiếng hô reo của nghĩa

binh Tuy Viễn lôi cuốn, tất cả mọi người đều reo hò cười nói, tiếng ồn dội đi dội lại bốn mặt thành.

Chờ cho mọi người cười nói xong, Nhạc quay lại trở cảnh dinh phủ bị đổ nát, phá phách, bảo mọi người:

– Bây giờ ta có nhiều việc để làm. Trước hết ta phá ngục cứu những người lâu nay bị cảnh xiềng xích gông cùm như chúng ta. Trại giam gần đây thôi, sát phía sau dinh phủ. Tôi sẽ cử người lo phần việc đó, khỏi phải nhọc lòng nhiều người. Còn cái dinh này, nơi bọn quan tham lam ác độc phè phỡn bao đời nay, nơi mà từng cánh cửa, từng viên gạch đều có dính nhơ nhớp, ta phải làm gì nào? Anh em không dám trả lời hả? Đừng ngần ngại. Một số anh em vì giận dữ xông vào phá tan hoang dinh phủ là

phải. Tòa nhà ô nhục đó, ta đốt quách nó đi. Để chứng mắt lăm. Phải thế không?

Toàn thể nghĩa quân bị kích động tột độ, hò reo vang lừng. Nhạc ôm lấy vai Thung cười hớn hở. Thung lúng túng, cố cười gượng với Nhạc. Sau khi giao cho Bùi Văn Nhật đọc các nghiêm lệnh để tái lập trật tự, Nhạc kéo Nguyễn Thung ra một chỗ gần bờ thành sát nhà kho bảo:

– Ông đi lại buôn bán lâu ngày, chắc hiểu rõ tính tôi. Không ai qua mặt được tôi đâu. Lần này tôi nghĩ đến nghĩa cũ, nên cứu ông. Lần sau ông còn dở trò, chơi trội, tôi không... tôi không...

Nhạc cười, không muốn nói tiếp, Nguyễn Thung sợ quá, đến thở cũng không dám thở mạnh. Mồ hôi toát ra ướt đầm lưng áo. Nhạc vỗ vai Thung bảo:

– Thôi, tôi chỉ nói đùa tí chút thôi. Đừng để tâm nhé. Bây giờ ông giúp tôi việc này: Ông sai chúng nó mở nhà kho, đem chia cho anh em để làm tiệc khao quân. Ráng lo cho tôi nhé. Nào, vui lên nào, đừng giữ bộ mặt dăm chiêu đó, người ta hiểu lắm, phiền lắm!

Tối hôm ấy. Nhạc sai đốt dinh phủ để làm đuốc soi sáng cho bữa tiệc chiến thắng. Lửa khói bốc lên rạng rỡ cả một góc trời, gỗ quý nổ lách tách giòn dã hơn bất cứ loại pháo vui nào!

Chương 24

Hai năm trước đây, khi chánh tổng An Thái bắt được Kiên giải về phủ, tiếp theo đó cả gia đình ông giáo trốn lên Tây Sơn thượng với Nhạc, Tuấn vũ Nguyễn Khắc Tuyên xem Kiên là một loại con tin đáng giá. Hẳn hy vọng bằng cách khơi động tình cha con, hẳn có thể chiêu hàng giáo Hiến. Vì vậy, thay vì giam giữ tra khảo như bọn tù khác, Tuyên giao Kiên cho một ông cai đội quản thúc. Gần hai năm, Kiên không được bước ra khỏi ngạch cửa nhà viên cai đội, nhưng anh được đối xử tử

tế. Ăn uống chung với vợ con ông cai đội, quần áo là quần áo tù nhưng lành lặn. Kiên không biết chút gì về tình hình bên ngoài, nên ban đầu cứ lóng ngóng trông đợi cha và các em đến thăm nuôi. Càng đợi, anh càng tuyệt vọng, tủi thân. Anh nghĩ có lẽ những người thân thuộc đã quên mất anh rồi. Sau bao nhiêu rủi ro trên đời, anh cay đắng nghĩ rằng đây là cái rủi ro đau đớn bất ngờ nhất. Và cũng như các lần trước, anh lẳng lặng gặm nhấm sự đau khổ một mình, không chia sẻ cho ai cả. Gia đình viên cai đội chưa hiểu Kiên, khó chịu, ác cảm là đằng khác, với cái vẻ lấm lì rất giống với sự khinh bạc của người cao ngạo thất thế. Dần dần họ hiểu ra. Họ thương hại anh, chăm sóc miếng cơm, giấc ngủ cho anh. Nhờ thế cơn đau có nguôi đi.

Đột nhiên, một đêm mùa thu năm

Giáp Tý (về sau Kiên mới biết đêm đó Tuần vũ nhận được tin Nhạc đã đánh chiếm Kiên Thành), Kiên bị chính viên cai đội dẫn thêm bốn người lính nữa xông vào phòng đánh thức dậy, và trước khi Kiên hết ngẩn ngơ, họ đã trói ké Kiên lại y như lần trước. Anh không nổi giận chống cự nên không bị đánh đập. Quá chán ngán cho sự rủi may thất thường, anh lẳng lặng chịu đựng. Vợ viên cai đội kêu khóc, oán trách chồng, tưởng chồng có quyền tha Kiên. Hắn lườm vợ, quát lớn cho lũ con thôi khóc vang như một tổ bồ chao. Hắn ra dấu cho bọn lính dẫn Kiên đi, rồi bảo vợ:

– “Nhà” tưởng tôi ghét cậu ấy à. Tôi thương cậu ấy còn hơn cả thằng em phá gia của tôi nữa. Nhưng đây là lệnh quan tuần, “nhà” biết không. Có tin gì quan trọng lắm, quan tuần mới hốt hoảng

thức dậy, lên văn phòng, ra lệnh giam cậu Kiên thật kỹ. này “nhà” chùi nước mắt đi. “Nhà” đừng nói cho ai biết nhé! Nói với ai thì phạm, tôi không còn chỗ đội nón đấy nhé! Tôi nghe tên phu trạm báo giặc sắp tới nơi rồi. Cậu Kiên có bà con làm lớn lắm, không, bên phía giặc đó chứ!... Đã bảo, chùi nước mắt đi nào, trông kìa, mặt mũi tèm nhem!... Thôi, “nhà” dẫn các con vào ngủ đi nhé, không sáng mai mày châu ử dột mất đẹp đi. Tôi ấy hả? Đâu được, tôi còn phải lên hầu quan. Ngoan nào, lại thút thít!

Hai người lính trẻ một trước một sau dẫn Kiên về nhà giam lúc gần sáng. Họ đang đi trong một hành lang hẹp nóng nực mùi hôi thối, ẩm mốc, hai bên là những cánh cửa tù lăm lăm, con mắt độc nhất ở cao tầm người trên cửa, chỗ cửa không thể để chuyển cơm nước cho tù nhân bị

giam kín, đã nhắm lại. Dù tự dặn mình nên phó mặc cho số phận đưa đẩy, Kiên vẫn cảm thấy ớn lạnh nơi xương sống. Người lính đi trước dừng lại ở phía cửa số 7. Hắn tìm chìa khóa, mở cửa. Người lính đi sau đẩy Kiên vào. Tiếng khóa cửa lách cách. Ngọn đuốc ngoài hành lang tắt. Chung quanh Kiên là bóng tối, bóng tối. Anh đứng khựng lại giữa phòng giam một lúc, rồi mới quờ quạng tìm một góc tường, dựa lưng vào đó. Đầu óc anh vẫn ở trong trạng thái chập chờn mông lung. Anh biết anh đang nghĩ, nhưng lại không thể định được là đang nghĩ gì. Toàn một mớ bùng nhùng, một đám chập choạng, những mảng hình ảnh mờ rõ lẫn lộn. Anh nhớ đến nét mặt hốt hoảng đầm nước mắt của vợ viên cai đội nghe thoang thoáng lúc được lúc mất tiếng kêu khóc tỉ tê của đứa con út, con bé lên năm thường quấn quít bên Kiên nhiều nhất.

Đầu Kiên nóng bừng, không khí trở nên ngột ngạt hơn.

Đưa tay cởi hai nút cổ áo xong, anh thấy mỗi chân. Kiên nhìn nền phòng giam. À, bây giờ anh mới quen với bóng tối. vả lại, đến lúc này, Kiên mới nhận ra hai nguồn ánh sáng chiếu vào phòng giam hẹp. Một cửa tò vò sắt trần, bên ngoài hình như có một cành cây phủ, nên khi gió lên, ánh sáng mờ bên ngoài thấp thoáng. Một nguồn sáng khác từ cửa phòng giam chiếu vào, qua khung chữ nhật nhỏ vừa đủ rộng để chuyển rá cơm. Anh ngần ngại nhìn nền đất ẩm nhơm nhớp trước khi ngồi bệt xuống, dựa lưng vào tường.

Kiên ngồi thừ một lúc, không biết nên làm gì. Một con muỗi vo ve. Hai tay anh chống xuống nền đất để đẩy người lên, sửa lại thế ngồi. Anh cảm thấy lòng

bàn tay nhờn nhờn bắn thối. Mồ hôi rịn khắp người. Anh nghĩ: Giá được rửa mặt hoặc tắm một chút. Kiên nhìn quanh, và kinh ngạc không hiểu vì sao mãi đến lúc này anh mới thấy thùng phân để ở góc tường đối diện cửa ngục. Anh cảm thấy râm ran ở bụng, lại mót tiểu. Anh đến gần thùng phân. Sau một lúc do dự, anh chỉ dám đi tiểu.

Phòng giam ngập mùi khai nồng. Hơi nước dơ lưu cữu bị khuấy động, bốc thêm mùi tanh hôi. Kiên trở lại ngồi chỗ cũ, lòng bứt rứt nôn nao. Nỗi bức dọc ngày càng tăng. Kiên muốn tìm một công việc nào đó. Nhưng việc gì đây? Trước mặt anh là không khí hôi hám, bóng tối lờ mờ. Vách ngục loang lổ. Những mảng vôi trắng long ra, để lộ màu dơ của lớp cũ.

✱

Trưa hôm đó Kiên mới khám phá ra những dòng chữ khắc bằng vật nhọn trên các mảng tường loang lổ, sát chỗ anh ngồi. Sự tò mò thúc đẩy, Kiên khom người xuống, nheo mắt tìm đọc các dòng chữ ghi khắp đây đó. Nhiều nhất là các dòng ghi ngày tháng. Lớp vôi trắng mỏng, nên chỉ cần lấy móng tay nhọn vạch nhẹ, những chữ màu nâu đã hiện ra rõ rệt. Dưới hình một lưỡi gươm, có khắc mấy chữ ‘Oán giả oán báo’ và ngày rằm tháng sáu, kèm theo hai mươi bốn dấu vạch. Chỗ khác là một câu cầu nguyện “Lạy Đức Quan Thế Âm Cứu Khổ Cứu Nạn”. Vài bức hình tục tĩu. Một mốc ngày tháng: 10- 4 năm Tý và mười bốn dấu vạch...

Kiên thần thờ nghĩ đến những người đã bị dày vào đây trước anh, đã ngồi một

mình như anh ngồi, đã ôn lại cả đời dài trước kia. Một cuộc đời buồn hiu, quanh quẽ, chịu đựng tất cả bất trắc mà lòng vẫn cứ phải lảo liên lo âu. Nhớ thương, oán hận, ăn năn, bơ vơ, và giờ đây quờ quạng tìm dấu những người xa lạ cùng số phận trong bóng tối. Trời hỡi! Ước gì có được tâm hồn thanh thản để ngồi yên một chỗ, không làm gì hết, nhờ bóng tối ru giúp giấc ngủ ngày. Nhưng hơi nóng càng gắt hơn. Mùi tanh nồng tăng thêm. Ước gì có được một gàu nước đầy, đủ để lau qua mình mấy! Mồ hôi trên người anh rít róng hơn, lưng và cổ trở nên ngứa ngáy, khó chịu nhất, vẫn là mùi hôi thối.

Có tiếng chân người ngoài hành lang. Tiếng chìa khóa va chạm nhau kêu lèng kèng. Tự nhiên Kiên thấy vui, như từ lâu lắm anh không còn nghe, còn cảm nhận được dấu vết con người. Tiếng chân

dùng bật ngay bên kia tấm cửa ngục. Tiếng chìa mở ổ khóa. Kiên hồi hộp, chờ đợi vu vơ. Cửa ngục mở. Người cai ngục đứng xa nhìn vào phòng kiểm soát một lượt, mũi khịt khịt vì hơi thối bay theo đường cửa sổ. Kiên vừa định lên tiếng xin nước, thì cửa ngục đã đóng ập lại. Anh chạy vội đến chỗ đưa cơm, hy vọng có thể kêu nài với cai ngục. Hắn đã đi khỏi hành lang. Lòng Kiên ray rứt, bực bội, muốn đập mạnh vào tấm cửa nặng vô tri mà còn do dự, vì thấy trước hành động vô ích. Anh áp mặt vào khuôn chữ nhật nhìn ra hành lang. Vệt sáng chiếu nghiêng trên bức vách bẩn. Ba vết lõm trên tường hành lang đối diện, vết lõm to nhất giống giống một người đang chạy. Cái vỏ chuối đã khô trên lối đi. Tất cả chỉ có bấy nhiêu. Lâu lâu, từ cuối hành lang ó tiếng ai ho, hoặc một tiếng rên trầm và nghẹn.

Kiên thất vọng quay vào. Mùi hôi thối trong phòng trở nên nồng nặc hơn, vì buổi sáng theo thói quen, Kiên không thể nhịn được đi cầu. Anh hắt hơi hai ba lần. Mặt trời có lẽ đã lên cao ngoài kia, nên ánh sáng chiếu từ cửa tò vò, gần trần ngực tràn ngập căn phòng hẹp. Những hàng chữ ghi ngày tháng hiện rõ hơn hôm qua. Kiên chợt nghĩ: Tại sao ta không ghi lịch như họ. Bằng móng tay nhọn, anh có thể ghi ngày đầu bị đẩy vào ngục, rồi vạch thêm một dấu cho hôm nay, công việc ấy giúp Kiên tạm quên được mùi hôi thối. Anh nhận rá cơm hẩm đầu tiên của cảnh tù ngục hiu quạnh buổi trưa hôm ấy, và điều đáng ngạc nhiên là anh ăn thấy ngon. Anh có khả năng chịu đựng tất cả đau khổ nên về sau cũng làm quen rất nhanh với mùi hôi thối, chỉ tiếc là anh không tìm ra tằm để xía răng.

Thú vui của anh là tìm đọc hết các dòng chữ trên vách ngực, đoán những hình vẽ, và tìm ý nghĩa cho các vết lờ trên vách. Một thú vui khác là áp mặt vào khuôn chữ nhật nhìn ra hành lang, chờ tiếng động của con người. Anh quen thuộc với tiếng ho quen thuộc, lòng xót xa thay cho con người có tiếng rên trầm, hân hoan rộn rã với tiếng chìa khóa lách tách. Những dấu vạch ghi ngày tháng của anh dày hơn. Việc đếm dấu vạch để biết ngày hôm nay đã khá khó khăn. Đến rằm tháng chín. Rồi qua rằm.

Cho đến hôm đột nhiên anh nghe nhiều tiếng chân chạy ở hành lang, lẫn với tiếng la ó, reo cười. Anh ngỡ ngàng tưởng đã xảy ra một vụ phá ngục. Áp mặt sát cửa, anh nghe thêm tiếng quát tháo, và cả tiếng chìa khóa lách tách. Nhiều người đang đi về phía phòng Kiên. Anh

vội thụt vào, ngồi nép sát góc vách. Người ta đang mở cửa ngục của anh. Họ định làm gì anh đây? Sao không cho tôi được sống yên trong cái xó tối này? Tội nghiệp thân tôi, hành hạ thêm thì phỏng có ích gì?

Cửa ngục mở. Không thể dẫn được tò mò, anh nheo mắt nhìn ra ngoài, tay che lấy đầu. Không phải cai ngục! Mà là một người Tàu ở trần, cổ đeo lá vàng bạc, bụng thắt dải vải đỏ. Lạ hơn nữa, người Tàu đó dùng tiếng nam thông thạo và mừng rỡ gọi:

– Anh Kiên đâu, chúng ta chiếm được phủ rồi. Ra đây với em!

✱

Phải mất một lúc lâu làm quen với ánh sáng và tiếng nói con người hơn nữa, Kiên mới nhận ra Chinh!

Hai anh em ôm chầm lấy nhau, cả hai đều nghẹn lời, nước mắt chảy ròng ròng xuống má. Chinh dần xúc động trước anh, tíu tíu hỏi:

– Trời ơi! Chúng nó giam anh trong cái ngục hôi thúi này suốt mấy năm sao? Quân chó má! Đồ sâu bọ! Làm cở hết chúng nó cũng chưa đáng tội! Nếu trại chủ không ngăn, em đã lấy huyết hết ráo! Chỉ đồn ngã được mấy thằng không đáng công! Anh sao thế, có đau yếu gì không?

Kiên nhìn cái đầu trọc và cách ăn vận khác thường của em, gương mặt ngơ ngẩn thất thần. Nghe Chinh hỏi, Kiên vội nói:

– Không sao. Anh chỉ mới bị nhốt vào ngục tối chưa đầy tháng rưỡi. Em ăn mặc kiểu gì kỳ cục vậy?

Chỉnh bỏ tay khỏi vai anh, đứng ra xa một chút, uốn ngực kiêu hãnh:

– Em thuộc Hòa nghĩa quân, phải mặc thế cho giống bọn họ. Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy mà anh!

Kiên hỏi:

– Hòa nghĩa quân? Ai thế?

– A ha! Anh chưa biết gì à? Chuyện còn nhiều lắm. Anh đi xa cái xó hôi thúi này đã! Tội bay, sao còn đứng đực người ra vậy! Mở cửa ngục giải thoát cho các anh em khác đi.

Khu biệt giam này chỉ có năm phòng

tối có người. Kiên muốn tìm kẻ đồng số phận có tiếng ho quen thuộc, và kẻ từng đêm hay rên trầm và nghẹn. Anh không biết ai, cũng không có thì giờ hỏi thăm. Kiên chỉ đoán tiếng ho là của người tù ốm yếu ngực mỏng và lưng còng xuống, còn tiếng rên của ông lão tóc bạc mắt gần như lòa, ra khỏi hành lang phải có người dắt.

Sau khi giao việc phá cửa giải thoát tù ở các khu biệt giam khác cho bọn thuộc hạ, Chinh dìu Kiên ra phía dinh phủ. Họ đi ngang qua chỗ gia đình viên cai cơ ở, Kiên gỡ tay em bảo:

– Để anh ghé đây chút!

Chinh hỏi:

– Có việc gì thế anh? Mọi người đang nóng ruột không biết anh sống chết thế

nào. Ra gấp cho họ mừng. Có cả Huệ, Mầm và thằng Lợi ngoài đó.

Kiên lo lắng hỏi:

– Thế cha đâu rồi? Còn tụi con An, thằng Lãng?

– Còn ở trên Kiên Thành. Chắc mai cha xuống. Trại chủ đã cho người mời cha xuống gấp để lục đồng giấy tờ tên Tuấn vũ bỏ lại, xem cái gì nên giữ cái gì đem đốt. An với Lãng cũng đã về An Thái. Nhà mình bị chúng đốt rồi, anh biết chưa?

– Chưa! Từ ngày bị bắt, anh không biết tin tức gì cả. Họ quản thúc anh chặt chẽ, tuyệt đối không được liên lạc với bên ngoài. từ đó đến nay gia đình mình thế nào?

Chinh mất kiên nhẫn, cười đáp:

– Em đã nói chuyện dài lắm. Để lúc khác hãy hay. Bây giờ ra ngay với em!

– Để anh thăm gia đình này đã. Không biết trong cơn hỗn loạn họ thế nào?

– Ai vậy?

– Ân nhân của anh. Anh sống được cho đến ngày nay là nhờ họ.

Nghe Kiên nói thế, Chinh phải nhượng bộ. Hai anh em cùng tiến về phía nhà viên cai cơ. Chinh e dè hỏi anh:

– Anh quen với họ thế nào?

Kiên không trả lời em, vì thấy cửa nhà viên cai cơ đóng kín, nhưng bên trong có tiếng khóc. Anh nôn nao, vội chạy đến đập mạnh cánh cửa lớn. Bên trong hoàn toàn im lặng, Kiên gọi to:

– Mở cửa. Có ai trong đó không?

Vẫn không ai lên tiếng, Kiên hỏi em:

– Chỉnh có nghe thấy tiếng khóc không?

Chỉnh e ngại đáp:

– Có. Thôi, ta đi quách. Cửa đóng mà anh.

Kiên không nghe lời em, gọi lớn lần nữa:

– Mở cửa Út ơi. Chú Kiên đây!

Bên trong có nhiều tiếng thì thầm, rồi lại có tiếng khóc tỉ tê. Kiên đoán có gì thất thường, đập cửa mạnh hơn nữa. Chỉnh bức dọc đưa chân đập mạnh lên tấm cửa gỗ. Cửa bật tung. Hai anh em sững người khi thấy vợ con viên cai đội đang ngồi quanh một xác chết đã đắp

chiếu, nét mặt người nào cũng xơ xác và ngược nhìn hai anh em với đôi mắt hãi hùng.

*

Cả Kiên lẫn những anh em bạn bè đều ngỡ ngàng về nhau. Kiên như một người lạc vào xứ lạ. Không được tham dự ngay từ đầu cuộc khởi nghĩa, không từng lo âu hồi hộp hoặc mừng rỡ, vui sướng trước khó khăn và thành công, Kiên không thể hiểu được vì sao mọi người quanh anh vung chân múa tay, cười nói hô hô, vỗ vập, reo hò vì những chuyện vặt vãnh không đáng vỗ vập, reo hò. Họ bắt anh uống rượu, họ công kênh anh lên, chạy một vòng khắp phủ. Họ bắt anh kể các nỗi thống khổ, đày đoạ suốt mấy năm qua. Anh kể gì bây giờ?

Chẳng lẽ kể rằng anh được ăn cơm trắng, cá kho với vợ con viên cai đội, tối được ngủ giường có trải chiếu, lâu lâu được cho thuốc hút hoặc đọc sách. Chẳng lẽ anh kể cho những người hăng hái kể vai công kênh anh lên cao như một người anh hùng rằng kẻ vừa bị họ đâm cho một kiếm xuyên suốt ngực đang nằm giữa vợ con trong kia gọi anh bằng “cậu”, lũ nhỏ quần quít bên anh lắng nghe kể chuyện Tấm Cám. Kể gì bây giờ? Kiên chỉ ậm ờ cho qua chuyện. Bạn bè anh thấy anh bối rối, cười hô hố, bảo nhau:

– Nó chưa hoàn hồn. Thôi để lúc khác. Bây giờ uống rượu mừng đã. Nào, Kiên. Vô, vô. Không được để sót một giọt. Tụi này tưởng mày đã chết rục trong cái xó ngục rồi. Phải uống để mừng cuộc đời mới. Hãy quên tất cả nỗi khổ nhục cũ đi.

Một người từng làm chung với Kiên từ thời buôn nguồn nhắc:

– Còn nhớ mụ Năm Ngãng không? Hồi đó tụi này điên thật. Về sau mỗi lần nhắc lại, càng thương cho mày! Thôi, nhờ Trời mọi sự qua rồi. Uống chén nữa để rửa sạch bụi bặm đi nào. Có đồ ướt cả áo cũng không sao. Chúng ta tắm rượu mà!

Câu nói vô tình ấy càng khiến Kiên khổ sở. Anh nhớ lại nổi cay đắng ở Tây Sơn thượng, nhớ hôm anh phải rời nơi ấy như một kẻ có tội, như một người chạy trốn. Vết thương cũ lại hành hạ anh. Kiên nhìn quanh tiệc rượu, nhận diện được những người từng nổi cơn say máu ủa nhau bao vây anh, muốn xé anh ra từng mảnh cho hả giận. Ngụm rượu trong miệng anh đắng nghét. Anh lợm, nôn thốc tháo cả ra. Để mặc cho mọi

người hiểu lầm anh say, Kiên bỏ trốn vào một phòng trống ở trại lính. Từ đó, lấm lét nhìn trước nhìn sau như một kẻ trộm mới vào nghề, Kiên lồm thồm lần về nhà viên cai đội. Anh không đi cửa trước vì có nhiều nghĩa quân qua lại. Anh luôn ra lối sau, đẩy nhẹ tấm phen che bếp lách mình vào phía trong. Mẹ con vẫn còn than khóc vật vã nho nhỏ, sợ làm cho nghĩa quân nổi giận. Người vợ viên cai đội tóc rối nằm sắp ôm lấy xác chồng. Đứa con gái lớn lên mười thút thít, lâu lâu lay nhắc mẹ không nên khóc lớn. Tiếng chân Kiên làm họ giật mình ngơ ngác, và họ hãi hùng khi nhận ra anh. Đứa gái lớn tưởng Kiên đến đây dọa mẹ và các em vì cái hận bị nhốt vào ngục tối, chạy đến sụp xuống lạy Kiên:

– Con trăm lạy chú, ngàn lạy chú.
Chú tha cho mẹ con cháu. Chú cho mẹ

cháu chôn cha cháu xong rồi mẹ con cháu sẽ đi ngay. Tội nghiệp chúng con, cháu van chú, đừng giết mẹ cháu. Trăm lạy chú. Ngàn lạy chú!

Kiên không thể chịu đựng được nữa. Anh khóc òa.

Sau đó anh có những quyết định táo bạo làm cho anh em bạn bè anh kinh ngạc. Anh chạy lại mở toang cửa sổ cửa lớn, cho mọi người thấy anh có mặt tại đây, ngay trong nhà tên ác ôn vừa bị giết chết. Đích thân Kiên đứng ra lo việc ma chay. Thấy việc lạ, những người vợ lính còn kẹt trong phủ xì xào bàn tán, thêu dệt rằng Kiên đã có tình ý với bà cai đội ngay từ thời ông chồng còn sống. Câu chuyện đến tai nghĩa quân, khiến họ càng tò mò kéo đến xem Kiên quán xuyến chuyện tống táng khâm liệm. Kiên biết hết, hiểu vị trí khó xử và nguy hiểm của mình,

nhưng anh không thể chịu đựng được cảnh tượng những người yếu đuối góa bụa, cô cút khóc thầm trong căn nhà bị cô lập hẳn với đời sống chung quanh. Anh sợ hình ảnh một người khóc thầm như sợ ôn lại cuộc đời quanh quẽ của mình. Cho riêng anh, thì Kiên chưa chắc dám làm điều gì khác thường, Nhưng cho một người đàn bà góa và mấy đứa bé đáng thương, anh dám làm điều ngoạn mục, trở thành cái bia cho thiên hạ đàm tiếu.

*

Ông giáo xuống phủ Qui Nhơn đúng vào lúc Kiên ở vào tình thế phức tạp, tế nhị đó! Ông gặp con, mừng mừng tủi tủi. Từ lâu ông vẫn có ý nghĩ đau xót là Kiên phải gánh chịu tất cả hẩm hiu,

rủi ro thay cho toàn gia đình, nên trước mặt con, ông thấy mình có lỗi. Như tất cả mọi người, ông thấy Kiên vừa lạc lõng yếu đuối vừa liều lĩnh cố chấp một cách khác thường. Ông ngờ ngợ rằng bên trong chắc còn nhiều điều bí ẩn. Cho nên sau khi an ủi vỗ về con, ông để mặc cho Kiên tiếp tục lo việc ma chay. Lòng ông ngùi ngùi, như vừa mất một cái gì!

Ông chúí đầu vào công việc để cố xua cảm giác nặng nề đó. May thay cả đồng tài liệu hồ sơ trong kho lưu trữ công văn của dinh phủ đang chờ ông! Nhạc muốn ông lục đồng hồ sơ đó để trả lời ngay cho trại chủ hai điều: tình hình quân sự của triều đình ở ba phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn và Phú Yên; và tình hình thuế khóa, kho đụn. Ngoài ông giáo ra, không ai đủ khả năng và kinh nghiệm để trả lời hai câu hỏi cấp bách ấy. Ông giáo lục tìm

các sổ binh. Không phải là việc dễ như lấy đồ vật trong túi, vì khi tấn công vào, nghĩa quân đã định đem hết sổ sách giấy má ra đốt như đã làm trước đây ở các làng cận sơn. Ông phải mất cả một ngày dài mới thu góp được tài liệu, làm một bản tóm tắt tình hình dân số và quân sự trong phủ. Chưa kịp ăn cơm tối, ông vội đem bản tình hình lên cho Nhạc.

Nhạc mừng rỡ, vội lấy kính ra nhắm đọc một cách chậm chạp:

“Số dân phủ Qui Nhơn là 26.769 người (không kể các xã thuộc nội phủ không phải là lính là 12.542 người).

Số dân nội vi tử là 10.904 người.

Dân nhiều phu 2033 người.

Hai loại này chịu lính một nửa, vị chi 6468 người phải lính.

Dân bản phủ 11.287 người chịu lính tất cả.

Như vậy dân phủ Qui Nhơn thực chịu lính là 17.756 người cấp cho 7 cơ đội và các thuyền Thuộc Kiên và Phụ Thủy.

4 cơ Nhuệ Thủy 24 thuyền.

Phụ Thủy 16 thuyền

Thuộc Kiên 12 thuyền

Mỗi thuyền 120 người, vị chi 6240 người” (1)

Nhạc bỏ kính xuống, hấp háy mắt quay nhìn ông giáo, nụ cười tự đắc trên môi:

– Không ngờ quân chúng nó đông thế. Ai cũng phải lính cả. Thế mà thầy thấy không, ta chỉ ó lên một tiếng là cái

đội quân đông đảo ấy đã tan. Toàn lũ chết nhát!

Ông giáo nói:

– Ông có chú ý thể thức trưng binh của triều đình không? Dân nội phủ thì được miễn lính. Dân nội vi tử và nhiều phu đi phân nửa. Dân đen còn lại phải chịu lính tất cả. Như vậy số lính phủ phần lớn là dân thấp cổ bé miệng, không tiền bạc, không thân thế. họ không phải là kẻ thù của chúng ta, gốc gác họ gần gũi với anh em nghĩa quân. Họ tan rã không phải vì nhát, mà vì không thể chống lại người cùng cảnh ngộ.

Nhạc trầm ngâm suy nghĩ, rồi gật gật đầu:

– Thầy nói có lý. Cho nên ta phải xem lại cách đối xử với bọn lính phủ. Tôi đang

phân vân không biết tính sao đây. Ngay vợ con tên tuần vũ, tôi vẫn còn giam đây, bảo bọn nó cho cơm nước tử tế. Thầy có nghe thêm tin gì về tên tuần vũ không?

Ông giáo đáp:

– Hình như hần đã chạy trốn ra Tam Quan rồi. Thế nào hần cũng cầu cứu phủ Quảng Ngãi, và cấp báo cho thuận Hóa.

Nhạc vội hỏi:

– Thầy đã tìm được số binh phòng thủ các phủ chưa?

Ông giáo đưa một tờ giấy nữa cho Nhạc. Nhạc đọc:

“Binh thủ ngự các phủ:

– Phủ Quảng Ngãi: có đội Hữu Ngự, thuộc về đây là các thuyền Xung nhất, Xung nhị, Xung tam, Xung tứ, Xung

ngũ, Xung lục, Xung thất, Xung bát, tám thuyền.

– Phủ Qui Nhơn: có đội Tả Ngũ, thuộc về đây là các thuyền Tiệp nhất, Tiệp nhị, Tiệp tam, Tiệp tứ, Tiệp ngũ, năm thuyền.

– Phủ Phú Yên có đội Tiền Ngũ, thuộc về đây là các thuyền An bình, Đột nhất, Đột nhị, Đột tam, Đột tứ, năm thuyền. (2)

Ta đã hợp lực với Châu Văn Tiếp lấy phủ Phú Yên rồi. Như vậy mặt đáng sợ vẫn là phía bắc. Những tám thuyền cơ đấy! Lại thêm viện binh ở kinh vào, ở Quảng Nam qua! Phải, nặng nhất luôn luôn là mặt phía bắc. Ta phải dồn lực lượng phòng ngự ra đó. Mặt nam chỉ cần toán của thằng Huệ chờ tiếp ứng cho Châu Văn Tiếp thôi. Ngay tối nay,

tôi phải bàn gấp việc này với ông Nhật. Chưa kịp cơm nước gì cả! Ừa, thầy dùng cơm chưa?

Ông giáo đáp:

– Chưa. Tôi ghi chép xong lên ngay đây!

– Mời thầy dùng cơm với tôi rồi hãy về nghỉ. Tôi không dám làm phiền thầy tối nay. Cha con lâu ngày đoàn tụ, chắc có nhiều chuyện nói.

Với giọng e dè, Nhạc tiếp:

– Thầy đã nói chuyện nhiều với cậu Kiên chưa?

Ông giáo đáp:

– Chưa.

– Cậu ấy lạ lắm. Khó hiểu lắm. Đáng lẽ phải vui mừng mới phải chứ! Hay vì bị tù đầy lâu ngày, mù người đi!

Ông giáo buồn rầu nói:

– Tôi cũng nghĩ thế. Trong các con, nó là đứa chịu nhiều rủi ro. Chừng ấy tuổi đầu...

Nhạc sốt sáng nói:

– Nhưng tính Kiên chịu khó và tỉ mỉ, cẩn thận. Để tôi xếp đặt cho cậu ấy lo việc quân lương, hay là thuế khóa. Một mình thằng Lữ không xuể. Tôi đã cho gọi Lợi xuống. Nay có thêm Kiên, càng tốt. Vào đi. Đã có cơm rồi? Xin mời thầy qua bên này.

Chương 25

Vì dinh tuần vũ đã bị đốt cháy, nên Nhạc ăn ở và làm việc tại dãy nhà ngói cánh tả nơi xưa kia là chỗ làm việc của bọn ký phủ duyên lại chuyên lo thuế khóa. Mái lợp ngói thẻ, tường vôi, nhưng vì thấp nên không tránh được không khí ử dột, ẩm ướt. Mùi giấy mực ngai ngái khiến lâu lâu, cả Nhạc lẫn ông giáo phải hắt hơi. Nhạc và xong một miếng cơm, nói với ông giáo:

– Việc quân lương ngày nay nặng nhọc đấy. Thầy đã biết rồi, tôi không thể

đem cái bao tử của chúng ta giao cho lão Huyền Khê được. Còn thằng Lữ thì chậm chạp quá. Lợi rất nhanh nhẹn, nhưng tôi còn lạ gì nó nữa. Có tài thì phải có tật. Hồi còn trạm buôn nguồn trên Tây Sơn thượng, tôi vẫn nhờ Kiên kèm chế bớt, không thì Lợi nó trở trời mà đi. Tôi phải nhờ Kiên lần nữa. Trên danh nghĩa, cứ để cho đệ tam trại chủ tiếp tục cai quản quân lương. Thay đổi chức vụ bây giờ, bất tiện lắm. Đến những cái động trời như vụ lão Thung, tôi còn phải bấm bụng làm lành nữa là! Ách...xì! Gớm, cái mùi khó chịu quá. Lỡ đốt mất dinh phủ, tiếc thật. Phòng này âm u như nhà mồ! Vụ lão Thung và Huyền Khê, tôi đồng ý với thầy là phải nhin. Tiếc là thầy không có mặt ở đây hôm ta chiếm phủ. Tôi tuyên dương lão, mà chẳng khác từng xẻo lão trước mặt ba quân. Ách... ách xì... Tiếc

quá. Nhưng không đốt không được. Đốt là phải!

Ông giáo nói:

– Cũng may là chưa đốt hết sổ sách, giấy tờ. Đốt hết, tôi chỉ có nước giơ tay lên hàng thôi!

Nhạc cười ha hả:

– Tụi nó đã chất đống, định cho một mối lửa rồi. May chú Huệ ngăn kịp.

Thấy Nhạc đang vui, ông giáo hỏi:

– Còn đối với những người thu thuế, ông tính sao?

Nhạc kinh ngạc hỏi:

– Chúng nó đã bỏ trốn cả. Mấy tên còn kẹt trong phủ này, tôi đã đuổi ra. Thầy chưa biết sao?

– Tôi biết chứ. Nhưng đây là chuyện về lâu về dài. Ý tôi hỏi ta có nên dùng họ không?

– Trời ơi! Dùng làm gì bọn bóp hầu bóp họng dân nghèo. Tôi xuất thân làm biện lại, tôi hiểu dân chúng thù ghét lũ thu thuế đến mức nào. Tha cho chúng là nường tay lắm rồi.

– Nhưng rồi đây ai đi thu thuế? Giả sử ta giao việc đó cho anh em chia nhau gánh. Nhưng ở từng làng, từng tổng, ai thiếu ai đủ, ai nợ ai không, làm sao biết?

Nhạc càng kinh ngạc hơn, hấp tấp hỏi lại:

– Thầy nói gì vậy? Thầy tính giữ y cái sắc thuế như cũ à? Giáo Hiến cũng ngạc nhiên không kém:

– Không có thuế lấy gì nuôi quân?

Không giữ các sắc thuế, thì làm gì? Xưa nay qua bao việc phế hưng, có ai không thu thuế đâu!

Giọng Nhạc đầy kiêu hãnh:

– Họ khác, tôi khác. Điều này lòng tôi càng quyết. Không thu thuế. Vâng, tôi không lầm lẫn đâu. Nhất định không thu một đồng kẽm thuế của dân. Thuế đình, thuế muối, thuế đầu nguồn, thuế chợ, thuế đò, tiền siêu tét, tiền cơm nước, trăm thứ lằng nhằng từng làm khổ dân đen, bỏ hết. Chỉ giữ độc cái thuế điền thổ quan năm mà thôi.

Thấy Nhạc hăng hái quá, ông giáo không giám cản. Nhưng ông lo ngại. Vừa lúc đó, Chỉ xông xộc vào phòng. Ông ta tưởng chỉ có một mình Nhạc. Gặp ông giáo, Chỉ khựng lại, đưa mắt hỏi trại chủ. Nhạc hỏi:

– Ông tới sớm thế? Ngồi chờ cho chúng tôi xong bữa cơm đã.

Chỉ đáp:

– Thế mà anh Nhật bảo tôi đến ngay. Tôi đang ngắm dở mấy cây cột cháy. Đẹp tuyệt. Thợ khéo tay thật. Có xem mấy con rồng ở đây mới thấy cái lão tôi thuê ở Kiên thành kém quá. Vẽ rồng chẳng khác nào vẽ rắn, tẻ thật!

Ông giáo bỏ đĩa xuống cái mâm đồng ba chân, lắc đầu từ chối khi Nhạc mời ăn thêm chén nữa. Thấy Nhạc sắp ăn xong, Chỉ tráng cái chén xứ mỏng, rót một chén trà thơm, bưng đem đến đặt sẵn trước mặt Nhạc. Ông giáo khó chịu, bảo Chỉ:

– Bác chưa được xem vẽ rồng nhiều nên tưởng thế. Thật ra ở đâu cũng thế

thôi. Vẽ con heo, con bò thì khó. Chứ vẽ rồng phượng, ma quỷ, dễ thôi. Có ai được trông thấy con rồng thật đâu mà trách thợ vẽ giống hay không giống. Cũng như ma quỷ, có nói được đâu, có ăn được đâu. Người ta nói thay ăn thay cả đấy!

Chỉ trợn mắt nhìn ông giáo hồi lâu, rồi cười nhạt đáp:

– Thầy nói đúng, nhưng còn thiếu. Ma quỷ, và cả thánh thần nữa, đều do con người bịa ra hết. Cho nên có bọn nói thay ăn thay cho ma quỷ, thì cũng có lũ đạo đức giả nói thay ăn thay thánh thần. Cùng một duộc với nhau thôi.

Thấy tình thế quá căng thẳng, Nhạc cười giải hòa:

– Gớm, tôi xin chịu cả hai thầy. Một bên quen sống với ma quỷ, một bên quen

sống với thánh thần. Thảo nào hai thầy hơn tôi ở tài nhìn xa thấy rộng. Không có hai thầy giúp đỡ, tôi không ngồi ăn cơm được trong cái nhà này buổi tối hôm nay đâu. Thế nào tôi cũng nhờ vào hai thầy nhiều việc nữa. Trước mắt thầy Chỉ đã nghĩ hộ cho tôi chuyện ấy chưa?

Chỉ hãnh diện đáp:

– Xong rồi. Chờ anh Nhật với bác Ngạn tới đã chứ?

Vừa hỏi Chỉ vừa liếc xéo về phía ông giáo. Ông giáo hiểu buổi họp tối nay Nhạc không muốn ông có mặt, nên vội nói:

– Tôi có việc cần gấp thẳng Kiên một chút. Xin phép hai ông!

★

Ông giáo vừa đi khỏi, Chỉ đã nói với Nhạc:

– Tôi ghét cay ghét đắng bọn đồ gàn. Ông xem, tôi...

Nhạc đưa coi trầu ra mời để cắt lời Chỉ. Nhân lúc Chỉ bận đưa miếng trầu vào miệng và lí nhí cảm ơn. Nhạc bảo:

– Không nên nói sau lưng người khác. Ta bàn ngay chuyện tôi nhờ thầy trước khi anh Nhật và ông Ngạn đến đi.

Chỉ nhai dập dập miếng trầu cho phải phép, quay lại phía tối lên nhả trầu ra để nói cho dễ:

– Tổ chức duyệt binh thật long trọng như trên Kiên thành cũng dễ thôi. Ta đã đặt năm đồn tung tiền hậu tả hữu để

phòng bị. Lấy số quân đó diễn binh, tập luyện thuần thục chừng mười ngày là được. Nhưng tôi thấy có hai điều bất lợi: một là nghĩa binh của ta lâu nay quen ở chốn rừng rú, tuổi tác chênh lệch, quần áo lòi thối, chắc chắn không có đủ uy nghi như toán dàn chào tôi tuyển lựa và huấn luyện kỹ trên Kiên thành. So với lính phủ, cũng không thể được. Hai là phần lớn binh tinh nhuệ ta đã gửi ra Bích Khê và xuống Chợ Giã, năm đội ở đây cũng còn ít quá. Quân đã ít, đi đứng chuệch choạc, quần áo xốc xếch, diễn binh nhiều khi không lợi mà còn có hại. Biểu diễn quần áo, cờ phướn, khoe võ khí là nghề của bọn lính phủ. Ta biểu diễn làm sao cho bằng họ được. Cho nên tôi nghĩ phải tìm cách khác.

Nhạc nồn nóng hỏi:

– Cách nào? Ngoài cái cách đó!

Chỉ hạ thấp giọng, ghé sát vào tai Nhạc cho thêm vẻ thân tín:

– Con người ta ai cũng hiếu kỳ. Kinh nghiệm một đời đi đây đi đó, giao thiệp với đủ hạng người giúp tôi hiểu điều đó. Nhiều trường hợp sự đơn giản chơn chất làm hại cho đại cuộc. Cũng như cái nghề thầy cúng của tôi đấy ông. Không có phù chú, hương hoa, không cờ phướn sắc sỡ thì không ai tin đâu. Cho nên tôi nghĩ đến cách này, ông xem thế nào.

Chỉ tự bốc một miếng trầu bỏ vào miệng nhai chậm chậm. Quả nhiên Nhạc nóng ruột. Nhạc giục:

– Thầy nghĩ ra cách gì thế? Có nên nhờ anh Nhật và ông Ngạn tới để bàn không?

Chỉ vội nhả miếng trầu ra, đáp:

– Ấy, để tôi trình bày trước cho ông nghe xem sao đã. Ông có nhớ hôm ta họp ở Kiên thành để bàn cách đánh phủ hay không? Hôm đó ông đưa kế tự nhốt mình vào cũi nộp cho Tuần Vũ Tuyên để vào thành. Ta không thực hiện diệu kế ấy được, nhưng bây giờ ta đã chiếm được thành rồi, thì ai cấm ta loan truyền câu chuyện ly kỳ ấy ra dân gian? Dân họ hiếu kỳ, nghe được chuyện lạ chạy đi thuật cho mười người, mười người tin cho trăm người... Đến lúc cả phủ đều biết chuyện. Họ sẽ nghĩ thế nào về ông? Lợi hay hại? Không cần diễn võ lập oai, dân phủ này phải phục ông là người xứng mặt dẫn dắt họ.

Nhạc thích chí mắt sáng lên. Nhưng vẫn còn một điểm e ngại. Ông hỏi:

– Nhưng nhiều người trong anh em ta biết tôi ở Kiên thành khi phủ mất. Họ

sẽ nghĩ ta đối trá.

Chỉ cười tự tin, đáp lại:

– Một số nhỏ biết, nhưng số lớn còn lại chưa biết. Vả lại, ngay số nhỏ đó cũng chưa biết đích xác. Họ có thể nghi ngờ, cho đến lúc mọi người đều tin chuyện nộp mình là thật. Lúc đó họ sẽ bắn khoản, và nghĩ ra mọi cách để tin rằng họ đã lầm. Chẳng hạn họ nghĩ: Biết đâu một người đã mưu túc trí như trại chủ không tìm một người giống mình để giả làm tù nhân, còn chính trại chủ thì làm người khiêng cũi. Hoặc biết đâu vừa chiếm được phủ, trại chủ đã giao lại cho đệ nhị trại chủ để về Kiên thành họp bàn đánh hai kho Càn Dương, Nước ngọt. Vả lại, nghĩ như mọi người có lợi hơn. Số nhỏ đó không dại gì mà nói, hoặc nghĩ khác đi. Nguy hiểm cho họ lắm!

Nhạc gật gù khen:

– Thầy vẽ bùa quen tay có khác. Đến tôi mà cũng chưa nghĩ xa đến như thầy. Được lắm. Việc này cũng quan hệ đấy, vì lòng người lúc này còn hoang mang. Họ tin ta là “quân hoàng hôn”, nhưng chưa tin hẳn. Nhiều anh em còn nói huých toẹt cho dân họ nghe, bảo “thờ làm gì cái thằng không có cu”. Dân cũng chưa rõ tôi thế nào, có đáng tin không. Phải cho họ cái gì đó cho họ yên tâm. Ý thầy được lắm!

★

Hình như có hẹn trước nên Năm Ngạn và Nhật cùng tới một lượt. Thấy hai người thân tín bước vào phòng, tự nhiên Nhạc bối rối, da mặt đỏ đến tận

chân tóc. Ông sợ hai người nghe được câu chuyện Chỉ vừa bàn với mình, hoặc tên thầy cúng quá hăng hái đem câu chuyện ra kể lại với bọn Nhật, Ngạn.

May cho Nhạc là ánh đèn sáp không đủ sáng để chiếu rõ nét gương ngáp. Tuy thế, Nhạc vẫn lo. Ông nói mau, gần như cướp lời Chỉ:

– Chúng tôi đang chờ hai ông. Không, không trễ đâu. Tôi vừa dùng cơm tối xong, và nói chuyện tầm phào cho vui với thầy Chỉ. Tình hình thế nào, anh Nhật?

Bùi Văn Nhật đáp:

– Tôi đã cho lòng bắt tất cả bọn quan lại lớn nhỏ ở khắp huyện. Bọn độc ác thì trừng trị ngay tại chỗ. Ta cũng đã phá các nhà tù, giải thoát tất cả tù nhân. Trong

Phú Yên ông Tiếp cũng làm y như vậy.

– Còn Tuần Vũ Tuyên?

– Người ta đồn đúng đấy. Hấn đã trốn được ra Tam Quan. Vợ hấn khai hấn không kịp mang theo vàng bạc gì cả. Chỉ kịp vợ lấy chiếc ấn.

Nhật đưa tay nắn nắn túi áo, ngược nhìn Nhạc cười tủm tỉm. Nhạc lấy làm lạ hỏi:

– Cái gì thế?

Nhật sung sướng nói:

– Trại chủ đoán xem!

Nhạc mất kiên nhẫn, trách:

– Anh nói ngay cho xong. Ta còn nhiều việc cần bàn.

Lúc ấy, Nhật mới lấy một cái bọc giấy gói buộc cẩn thận đưa cho Nhạc. Nhạc

đưa tay nhận, chưa dám mở. Nhạc hỏi:

– Cái gì đây? Của ai?

– Xin trại chủ mở ra sẽ rõ.

Nhạc mở cái bọc, tay hơi run nên gỡ mãi không ra cái nút buộc. Hơi bực bội, Nhạc lòn ngón tay trở vào một dây gai bứt tung. Một vật sáng chói dưới ánh đèn sáp. Ông ngập ngừng hỏi:

– Cái ấn à? Của ai vậy?

Giọng Nhật đầy kiêu hãnh:

– Của Tuần Vũ đấy. Hắn vội quá, đánh rơi ấn giữa đường. Một người dân Phù Ly nhặt được đem nộp. Tôi đã thưởng cho cụ ấy mười quan.

Nhạc không còn nghe gì. Ông đưa cái ấn lại sát đèn, mân mê ngắm nghía. Nhạc khen:

– Đẹp thực. Chữ triện mà khắc như thế này không dễ đâu. Thầy Chỉ, ông Ngạn, lại đây. Ta đoạt được ấn, chỉ còn thiếu kiếm là trở thành quan phủ hợp thức rồi! Ha ha! Tiếc quá. Ta lỡ đốt mất dinh rồi. Nếu không...

Năm Ngạn tìm được lúc thích hợp, chen lời:

– Nếu còn dinh, ta bắt bọn quan lại hào lý lớn bé đến hầu, y như trước đây chúng hầu Tuần Vũ Tuyên. Chắc vui lắm! Vâng, tiếc quá!

Chỉ thắc mắc:

– Bây giờ ta xưng hô thế nào nhỉ? Chẳng lẽ đã chiếm được cả phủ mà còn gọi là trại chủ, sao được. Chẳng những ta làm chủ trại Kiên thành, mà làm chủ cả một dải đất từ Bồng Sơn cho đến Phú

Yên, bao gồm hai phủ. Trại chủ? Không còn thích hợp nữa!

Bùi Văn Nhật cũng hỏi:

– Còn ông Thung và ông Huyền Khê vị trí thế nào? Họ còn đệ nhị trại chủ, đệ tam trại chủ nữa không? Còn Châu Văn Tiếp trong Phú Yên?

Nhạc chợt nhớ đến mục đích quan trọng cuộc họp tối nay, vội bỏ chiếc ấn vào túi, quay sang bảo ba người:

– Thôi danh xưng là chuyện phụ, ta sẽ tính sau. Không khéo giữ, đến ba thước đất vùi thầy cũng không có, chứ đừng nói danh này danh nọ. Nào, ta bắt đầu đi. Anh Nhật, anh cứ nói hết các điều cần làm, rồi ta sẽ bàn từng điểm.

Đêm đó, họ bàn cãi đến khuya biện pháp phân chia lại các toán nghĩa quân

để chấm dứt tình trạng cát cứ, đặc biệt là đối với đám bộ hạ của Nguyễn Thung và Nhung Huy, Tứ Linh. Nguyễn Thung đã lãnh trách nhiệm trấn giữ núi Bích Khê để khỏi phải gặp Nhạc, nên việc bàn bạc khá dễ dàng.

Trước lúc tan họp, Nhạc kéo riêng Chỉ ra dặn:

– Việc thầy nói với tôi lúc nãy, thầy cứ làm đi nhé! Liều liệu sao cho khéo. Tôi tin ở thầy!

✱

Ông giáo xuống nhà viên cai đội thăm Kiên, đã gặp Huệ ở đấy. Ông ngạc nhiên vì cả Huệ lẫn Kiên đã thay đổi hẳn, gần như hai người xa lạ trước mắt ông.

Ông còn lạ gì Huệ! Cậu học trò thông minh ưa xét lại mọi vấn đề ngay từ gốc rễ, hay hoài nghi vì tự tin, có lối nhìn vừa thân mật vừa giấu cợt đối với kẻ cơ hội lẫn bọn cố chấp, ông quen thuộc biết bao với cái tính độc đáo ấy. Ông hiểu Huệ hơn cả con ông, hơn cả hiểu chính mình. Có nhiều điều ông không thể đem ra bàn luận với con cái, hoặc với một người cùng tuổi tác, nhưng ông giáo lại bàn luận thẳng thắn, rõ ràng với Huệ. Ông tưởng đọc được tâm hồn Huệ như đọc chữ trong sách. Tối hôm ấy, ông giáo bắt đầu thấy mình lảo đảo. Ông ngỡ ngỡ cảm thấy Huệ có thay đổi. Những gì nào? Vẫn lối nhìn ấy. Vẫn khuôn mặt ấy. Vẫn cái thói quen lâu lâu đưa tay hất chéo tóc quăn ở góc trán, rồi vuốt nhẹ mái tóc từ trước ra sau ót. Nhưng trong từng chi tiết dường như bất biến, mức độ, động tác, màu sắc, hình như có nhanh, đậm hơn

một chút. Có thể nói Huệ lấy thêm được một sinh lực mới, tìm thấy khoảng rộng cần thiết để bộc lộ thêm cá tính, xác lập bản ngã. Những suy luận ấy hoàn toàn trừu tượng, gần như siêu hình, không lấy gì làm chuẩn để đo lường. Tuy nhiên, ông giáo biết chắc là cậu học trò ngày nay đã khác hẳn ngày xưa. Đối với Kiên, sự thay đổi rõ nét hơn!

Giống như Huệ, Kiên cũng “đậm” lại. Ông giáo thấy con sớm trở thành một người bình thường, từ đây cho đến cuối đời. Không thể chờ đợi Kiên đổi khác, dù lịch sử có giông bão quay cuồng đến mức nào. Thật vậy, sau khi lo việc ma chay cho mẹ con góa phụ, Kiên ở luôn nhà viên cai cơ. Không biết Kiên tìm đâu ra một bộ quần áo tứ thân màu xám tro, và một đôi guốc gỗ. Anh ngồi ghé ở mép phản để tiếp chuyện với Huệ, con bé Út

viên cai đội sà vào lòng Kiên. Anh gãi lưng cho con bé, tay kia phe phẩy quạt như một người cha bằng lòng với số phận và chăm chút đến những việc bình thường một cách say sưa.

Ông giáo không hiểu hai người có thể nói được chuyện gì với nhau trước khi ông đến. Họ không có điểm nào chung để hâm nóng cuộc giao thiệp, cũng không đủ kiên nhẫn khách sáo về những chuyện mưa nắng. Họ đổ kỵ những điều giả dối, ông biết. Thế thì họ đã nói gì? Ông chịu thua, không hiểu được!

Huệ và Kiên đều lúng túng ngượng ngập khi đứng dậy chào ông. Huệ nhường chỗ ngồi thuận lợi nhất cho thầy. Kiên đứng dậy một chút, lại ngồi ghé ở mép phản. Con bé vẫn không chịu rời Kiên. Ông giáo hỏi:

– Có phải con ông cai đội không?

Kiên đáp, giọng hơi bức bối vì tưởng cha sắp phiên trách mình:

– Thừa vâng. Con đã nhận làm con nuôi rồi!

Ông giáo không ngờ Kiên đi xa như vậy, hỏi:

– Con đã suy nghĩ chín chắn chưa?

Kiên mím môi một lúc, rồi đáp:

– Con đã gần ba mươi tuổi đầu!

Ông giáo không muốn bàn chuyện riêng của gia đình trước mặt Huệ, nhất là trong nhà một góa phụ xa lạ, nên nói sang chuyện khác:

– Được. Cái đó tùy con. Cha vừa gặp ông cả. Ông ấy định sắp xếp cho con làm

việc chung với anh Lũ. Việc quân lương ấy mà. Cha thấy như vậy cũng tiện, vì con đã quen với công việc này từ thời ở trạm buôn nguồn. Nhưng trước hết con về An Thái cho các em gặp mặt đã. Chúng nó mong đợi con từng ngày. Chùng nào con đi?

Kiên có vẻ lo lắng, do dự. Anh rụt rè hỏi lại:

– Con An với thằng Lãng không định xuống đây sao cha?

Ông giáo ngạc nhiên:

– Xuống đây làm gì? Tại sao con hỏi thế?

Kiên đáp:

– Con đã hứa đưa mấy mẹ con về quê. Tình cảnh họ thế này...

Ông giáo nóng nảy cắt lời con, hạ thấp giọng cho buồn trong khối nghe thấy:

– Đưa về tận quê? Nhưng quê họ ở đâu?

Giọng Kiên gãy gọn, bình tĩnh như muốn thách đố:

– Ở Điện Bàn. Con định ngày mốt sẽ khởi hành.

Ông giáo tròn xoe mắt nhìn con:

– Con nói sao? Điện Bàn à? Con có biết quân triều đã kéo vào chặn đường ở Bến Đá không? Ai cho con đi? Mà đi bằng cái gì? Đường bộ không đi qua được Tam Quan. Đường thủy không vượt được Sa Huỳnh. Con có nói đùa không đấy?

Kiên đáp rành rẽ, cương quyết:

– Có chết con cũng phải đưa người ta về Điện Bàn. Con không phải là hạng vong ân?

Ông tức giận hỏi:

– Ân gì? Mà nói như người đi lạc, tao không hiểu gì cả.

Kiên không trả lời, ôm chặt con Út vào lòng. Đứa bé sợ hãi hết nhìn ông giáo lại ngược lên nhìn Kiên, rồi khóc òa. Kiên tìm thấy được cơ hội, vội dừng dậy, dẫn con bé vào phía trong, vừa đi vừa dỗ dành:

– Út ngoan, đừng sợ. Ông không đánh Út đâu. Đã có chú đây. Ngoan nào, đã bảo đừng khóc nữa. Mẹ đâu rồi? Thôi lại với chị. Dỗ em giùm chú nhé. Tìm khăn chùi mặt mũi rồi cho nó ngủ. Nhớ đắp chăn cẩn thận, không lại cảm.

Ông giáo chờ, nhưng Kiên không trở ra nữa. Ông ngượng với Huệ, giận con mà không biết làm sao thoát khỏi tình trạng khó xử. Huệ rụt rè hỏi:

– Lâu nay thầy vẫn khỏe ạ?

Ông giáo hiểu thiện chí của học trò, cảm động đáp lại:

– Vẫn thường. Về xuôi sức khỏe tôi có khá hơn. Hôm qua tôi nghe anh sắp vào Cù Mông. Chừng nào đi?

– Còn tùy anh cả con. Có lẽ khoảng vài hôm nữa.

Ông giáo chắc lưỡi, buồn rầu hỏi:

– Không kịp. Như vậy là không được rồi!

Huệ vội hỏi:

– Thầy nói gì ạ?

– Tôi định gửi thằng Lãng cho anh. Tính của nó, anh biết rồi. Chỉ có thể gửi nó đi với anh mà thôi. Trong hoàn cảnh này, để nó đứng ngoài làm những chuyện vặt của đàn bà, sao được.

– Chỉ sợ Lãng nó không thích cầm gươm giáo. Vâng, con biết tính Lãng. Nhưng nếu cần, con sẽ gửi người về An Thái đón Lãng xuống Cù Mông.

Ông giáo vui mừng nói:

– Nếu thế thì tốt quá. Tôi khổ vì mấy đứa con trai. Vừa rầy la thằng Chinh vì cách ăn mặc quái dị, thì... anh thấy đấy...

Ông giáo liếc nhìn vào buồng trong, lắc đầu. Sau một lúc im lặng, ông nói:

– Thế mà tôi định cả chúng nó về An Thái làm tiệc mừng đoàn viên trước khi mỗi đứa đi mỗi ngả!

Rồi muốn tránh nhắc thêm chuyện buồn của gia đình, ông lại chuyển câu chuyện. Ông giáo hỏi Huệ:

– Anh về Cù Mông chuyến này chắc công việc nhọc nhằn lắm? Trong Phú Yên đã có ông Tiếp (Châu Văn Tiếp). Lâu nay mình chỉ liên lạc qua lại bằng thư từ, qua trung gian đệ nhị trại chủ. Thực sự ông ấy muốn gì, nhận định tình thế ra sao, ta khó biết được. Hiện nay tình thế hỗn loạn, lòng người càng khó lường. Ai có quân trong tay cũng nghĩ đến chuyện cát cứ. Hơn nữa, ta khuyến dụ được ông ấy là nhờ mục đích tôn phù hoàng tôn. Bây giờ lòng ta đã khác, biết ông ấy sẽ thế nào!

Huệ vội hỏi:

– Thầy bảo lòng mình thay đổi, là thế nào ạ?

Ông giáo buồn rầu đáp:

– Tôi có cảm tưởng như vậy. Hôm qua trong tiệc rượu chung vui với anh em nghĩa quân, ông cả đem chuyện “cái thằng không có cu” ra làm chuyện đùa, khiến mọi người cười nói ầm ĩ! Hồi trước ai đùa cợt như vậy bị ông cả phạt năm mươi hèo, anh nhớ không?

Huệ mỉm cười, trả lời:

– Vâng, con nhớ! Nhưng con cũng nhớ là trước khi về Kiên thành, thầy đã tốn bao nhiêu tâm sức mà anh em vẫn chưa rõ hoàng tôn là ai, đối với họ có quan hệ gì. Việc tôn phù ông hoàng này hay ông hoàng kia, đối với đa số anh

em, cũng xa lạ như chuyện trên trăng. Họ chịu im lặng nghe thầy, nhưng không cả tin. Được dịp họ lại đem chuyện hoàng tôn ra pha trò, nhất là khi không có thầy...

Ông giáo nóng nảy cướp lời Huệ:

– Họ khác ta khác. Anh em nghĩa quân phần lớn chân lấm tay bùn chưa có dịp được nhìn xa quá cái niêu cơm. Cái gì làm cho họ thích thú nhất? Một niêu cơm đầy. Cái gì làm cho họ phẫn nộ? Kẻ đập vỡ cái niêu cơm của họ, trước mắt là bọn thu thuế, bọn chức sắc chuyên nạt nộ dọa đóng gông những ai không chịu nộp thóc nộp tiền cho quan phủ! Đem bọn đó ra giễu cợt, họ vui đùa thỏa thích ngay! Nhưng ta may mắn nhìn được xa hơn đám đông, ta phải tính trước cái lợi hại. Ta đập đổ hết, có khác nào dúm lửa đốt quách cái nhà cũ để xây hẳn cái

nhà mới. Tôi nhớ có lần đã nói với anh chuyện này rồi! Huệ cũng không vừa:

– Và con nhớ lần đó đã thưa với thầy rằng chỉ có những ai đủ tiền dựng nhà mới bản khoán không biết nên đốt quách cái cũ xây cái mới hoặc nên xem xét dùng lại mấy cây cột, cây kèo, rui mè, cửa ngõ. Còn đối với những kẻ vô gia cư, bị đẩy đi lang bạt nơi đầu đường xó chợ như đa số anh em nghĩa quân, thì đốt hay không đốt không cần bận tâm. Họ sẽ tìm một chỗ đất trống, và xây hẳn một cái nhà mới.

Ông giáo ngạc nhiên đăm đăm nhìn Huệ, thẳng thốt hỏi:

– Anh mà cũng nghĩ thế sao?

Huệ thấy thầy giận, vội đáp:

– Ấy là con thấy tâm lý chung của anh em như vậy.

Ông giáo thở dài, nói :

– Tôi già rồi. Có lẽ không còn theo kịp các anh nữa. Đến nỗi lúc này tôi không nhận ngay ra anh.

Huệ xúc động vì giọng chua chát trách móc của thầy, vội nói:

– Con xin lỗi đã làm thầy buồn. Tuổi trẻ nhiều lúc nông nổi. Chắc thế nào có chút từng trải, con sẽ chín chắn hơn. Về việc em Lãng, thầy yên tâm. Con sẽ cho người lên đón. Kỳ trước nhận được thư thầy, con cố nói mãi mà Lãng vẫn không chịu. Bây giờ đã có lệnh tất cả trai tráng phải sung quân. Lãng nên về với con.

Giọng ông giáo vẫn còn băng khuâng:

– Cảm ơn anh. Mọi sự đã ra ngoài tầm tay tôi rồi. Tôi có lo cũng không xuể nữa. Ngay như việc thằng Kiên, anh thấy đấy!

Chợt nhớ đến con, ông gọi:

– Kiên ơi!

Kiên không có cách nào khác, phải ra phòng trước gặp cha. Ông giáo bảo:

– Thôi cha tính thế này: Con tạm đưa bà ấy và các cháu bé lên An Thái với con An, chờ khi nào thông đường hãy đưa về Điện Bàn. Sẵn dịp cho anh em gặp nhau. Cha cũng sẽ xin về ít hôm với con. Khuya rồi, cha về thôi!

Huệ mau mắn nói:

– Xin thầy chờ con đi lấy thuốc đã. Lối qua trại có quá nhiều ổ gà!

Hai thầy trò đi bên nhau, không ai nói với ai lời nào. Huệ thấy trong hoàn cảnh mới, sự khác biệt giữa mình với thầy càng nhiều, và chỉ có thể bàn luận đến một giới hạn đó. Anh không có tham vọng san bằng các dị biệt, vì không thể được. Anh hiểu thầy không thể phủ nhận cái lâu nay đã trở thành nền móng của nếp suy nghĩ, cách xử thế, lối xét đoán. Xét lại tự căn, để tức là xét lại cả bản chất cuộc đời mình. Từ các bậc thánh trí, không ai dám làm một công việc phiêu lưu và đầy xót xa như vậy.

Về phần ông giáo, hình ảnh Huệ giờ nghiêng cây đuốc dẫn lối cho ông về trại đã tạo cho ông những xúc động mạnh. Ông nhớ lại những đêm hai thầy trò ngồi canh lúa bên con cúi rơm leo lét giữa khuya, chung quanh là đồng mênh

mông và gió se lạnh. Ông tiếc biết bao nhiêu, những đêm tâm sự ấy. Hai thầy trò cùng ngồi trong bóng tối, run cầm cập trước gió lạnh, ngửi mùi khói rơm pha lẫn mùi bùn, mùi rạ mới. Ánh đèn con cúi heo hút, leo lét như chính tâm hồn họ. Họ cũng mon men đi tìm chân lý lịch sử, dìu nhau, dắt nhau qua khỏi khói mù hoài nghi. Họ khác biệt quá xa về tuổi tác, nhưng gần nhau ở sự thao thức, ở nỗi băn khoăn muốn làm một cái. Lúc đó lòng ông giáo ấm áp, vì chẳng những ông còn cảm thấy an toàn về vị trí nhà nho của mình, mà còn tìm được một tâm hồn bè bạn, thân ái. Hai thầy trò thông cảm nhau, ngồi với nhau giữa đồng vắng để nói chuyện cho nhau nghe về những điều tâm tư sâu kín nhất. Cả đời người chưa chắc gặp được những cơ hội như vậy.

Bây giờ, cũng vẫn hai thầy trò, đêm còn tối, gió có lẽ mạnh hơn, nhưng vị trí của họ đổi thay biết bao nhiêu! Họ không thể ngồi yên một chỗ được nữa. Họ đã đứng dậy. Họ đang đi tới. Điều oái ăm là trong cuộc đăng trình này, chân ông giáo đã mỏi. Người cầm đuốc soi giùm đường cho ông tối nay lại là chính đứa học trò thân yêu. Lòng ông buồn man mác, vị đắng tự nhiên lan man nơi đầu lưỡi.

Huệ thấy thầy dậm bước vào một chỗ lầy trên đường cái vì cơn mưa bất chợt khuya hôm qua, vội nói:

– Thầy tránh chỗ ổ gà. Không lại dơ cả quần.

Ông giáo khựng lại, bối rối và buồn rầu. Ánh đuốc không soi rõ nổi bức dọc của ông. Huệ không thể thấy được nụ

cười gượng chua chát của thầy, vì ông giáo xoay về hướng tối khi bảo:

– Cảm ơn anh. Mắt tôi hoa, không phân biệt đâu là chỗ đáng đặt chân nữa.

Huệ tưởng ông giáo nói thật, sốt sắng đưa tay ra:

– Thầy để con dắt cho.

Khi nắm bàn tay thầy, Huệ cảm thấy bàn tay ông giáo xương xẩu và lạnh ngắt. Hình như ông giáo run lên vì rét. Anh thương thầy vô hạn, cảm động nói:

– Thầy đi nhanh theo con, không lại nhiễm sương!

Chương 26

Nếu để cho Kiên toàn quyền quyết định, thì anh đã lựa chọn giải pháp liều lĩnh: mặc kệ cảnh tên đạn rơi tới, sự hỗn loạn ở các vùng giáp ranh sắp xảy ra các cuộc đụng độ đẫm máu, Kiên muốn theo đường quan đưa vợ con ông cai đội về Điện Bàn. Đường càng nguy hiểm, anh càng khó nhọc bao nhiêu, thì cái ơn canh cánh bên lòng anh càng vơi đi. Hơn nữa, anh sợ phải sống lại cuộc đời nhàm chán bình thường. Đã nửa đời người, anh chưa làm được điều gì ngoạn mục. Chưa một mình quyết định được

cái gì đủ làm xao động kẻ khác, gây nên bàn tán sôi nổi. Tại sao không nhân lúc này bước vào một cuộc phiêu lưu xa lạ, nếu có mất thì chỉ mất cảnh sống hiu quạnh vô nghĩa lâu nay!

Nhưng đàn bà bao giờ cũng nhạy bén hơn đối với những điều thực tế. Nghe Kiên đề nghị, vợ viên cai đội không cảm động, mà ngơ ngác, rồi hốt hoảng. Kiên đành vâng lời cha vậy!

Mấy hôm sau, ông giáo và Kiên đưa gia đình người xấu số về An Thái. Hành lý của họ nghèo nàn, vốn vẹn có mấy bọc quần áo vì bao nhiêu tiền bạc đã bị người chồng đem đốt hết trong các sòng xóc đĩa và tan thành hơi rượu. Ông giáo nhìn cảnh mẹ con bồng bế lếch thếch, tóc tai dã dượi, ăn mặc rách rưới, nghĩ đến trách nhiệm phải cứu mang họ không biết đến bao giờ mới thôi, tự nhiên

hai tay ông rướm mồ hôi. Lòng ông chán ngán, quay nhìn Kiên xem con ông có nghĩ như ông không. Nét mặt Kiên không nói được điều gì!

Chỉ tới lúc con bé Út rấm rứt khóc vì không được mang theo con mèo tam thể, và con bé lớn lăm lét nhìn ông giáo, chạy tới đỡ dành, lòng ông giáo mới chấn động Tự nhiên ông nhớ cảnh gia đình ông chạy nạn giữa đêm khuya và hình ảnh con bé lớn đỡ em giống y hình ảnh An cố vỗ về cho thằng Lãng khỏi khóc. Ông giáo tỏ ra ân cần đối với họ hơn. Trẻ con bao giờ cũng có trực giác bén nhạy hơn người lớn. Con Út đến sà vào lòng ông giáo trước, phụng phịu than không biết rồi đây ai cho con mèo ăn. Con chị đầu sợ em làm bẩn chiếc áo trắng của ông giáo, chạy đến bông em lên. Ông giáo cười vuốt tóc nó, hỏi mấy tuổi. Mấy đứa

trẻ tự nhiên gọi ông và xưng cháu. Thế là mọi e dè ngại ngùng biến mất. Nhờ vậy họ quên đường xa, và bớt lo cho tương lai.

Ông giáo được cấp cho một con ngựa, nhưng ông không cưỡi, dùng ngựa thờ đồ đạc của gia đình viên cai đội. Mấy gói quà khá nặng Lợi gửi về cho An gồm đủ thứ nào vải vóc, kim chỉ, đường trắng, tiêu sọ, bún tàu, nước mắm nhĩ... thì đã có người lính hầu gánh hộ. Ông giáo, Kiên và mấy người đàn bà con nít được đi tay không. Họ vừa đi vừa nói chuyện. Ông giáo muốn nhân cơ hội này tìm hiểu mối quan hệ giữa con và gia đình này. Ông bỗng bé Út lên hỏi:

– Cháu thương chú Kiên không?

Con bé đáp:

– “Xương” chú lắm. Chú không bao giờ đánh Út cả.

– Chú có cho cháu kẹo không?

– Không. Chú không có tiền.

– Chú không cho kẹo mà Út vẫn thương chú à?

– Tại chú gãi lưng cho cháu.

– Thế trong nhà không ai gãi lưng cho Út sao? Mẹ cháu này! Chị hai cháu này! Cha cháu này!

– Mẹ với chị hai à? Không đời nào. Út mới vén áo lên, chị hai đã phát vào lưng cháu, mắng “đồ quỉ”. Út khóc, mẹ cháu lại bênh chị hai. Chỉ có chú Kiên bênh cháu.

Ông giáo nổi tò mò hỏi:

– Sao cháu không bảo cha gái cho?

– Cha à? (Út cười). Bữa nào cha về cũng đi ngả nghiêng như thế này này (Út bắt chước lối ngả nghiêng của người say). Nhiều bữa cha rên hừ hừ, như thế này này, rồi mưa đầy cả nhà.

– Mẹ cháu không nói gì à?

Con bé lớn chen vào:

– Út, không được làm phiền ông. Bước xuống đi đi. Bắt ông bồng mãi sao được.

Con Út sợ chị, định trụt xuống. Ông giáo ôm nó lại, quay nói với con bé lớn:

– Cháu đừng lo. Ông bế cho nó một đoạn, đỡ mỗi chân. Nó có vẻ sợ cháu hơn sợ mẹ, nhỉ?

Con bé lớn đáp:

– Nó làm nũng, lại hay vòi vĩnh. Có cái tật ngủ lúc nào cũng đòi phải gãi lưng mới chịu.

– Thế buổi tối nó ngủ với ai?

Con bé lớn đáp:

– Đáng lẽ nó ngủ với cháu, nhưng chú Kiên cưng nó, bảo ra với chú. Vả lại bữa nào cha cháu cũng...

Con bé chợt nhớ điều gì, khựng lại không dám tiếp. Nó lúng túng một lúc, rồi quay hỏi ông giáo:

– Sao trước đây ông không đến thăm chú Kiên. Ông ở xa lắm phải không?

– Ừ, ở xa lắm.

Con Út xen vào:

– Chú Kiên bảo ông ở tận trên núi

kia kia. Trên núi có cạp không ông? Có khỉ không ông?

– Có, có nhiều lắm. Đôi khi nó xuống chỗ người ta ở vô người mà ăn thịt.

Con Út sợ hãi một cách thích thú:

– Dễ sợ quá. Bây giờ mình có lên núi không hở ông?

– Không. Ta chỉ về An Thái, gần tới rồi. An Thái xa núi, không có cạp đâu, cháu đừng lo. Này, lúc trước, lúc cha cháu chưa chết đó, chú Kiên có nhắc tới ông không?

Con bé lớn reo lên:

– Dạ có. Hôm đám giỗ ông nội, chú đang ăn thì nghẹn lại, chú giấu nhưng cháu biết chú khóc. Cháu chạy theo hỏi có phải vì chuyên hôm qua mà chú giận

cha cháu không. Chú bảo không phải đâu. Chú lo không biết ông sống chết thế nào, có bị bắt như chú không.

Ông giáo vội hỏi:

– Hôm trước chú Kiên với cha cháu có cãi nhau à?

Con bé lớn ngáp ngừng, rồi đáp:

– Chỉ gắt sơ sơ thôi, ông! Cha cháu cũng thương chú vừa đau dậy.

– Ủa, chú có đau nữa à? Nặng không?

– Nặng lắm, ông! Chú mê sảng, hai tay cứ cào lên chiếu. Sau đó, chú rụng cả tóc. Cha cháu thấy mẹ cháu lo cho chú quá, cha cháu bức. Thế thôi!

Ông giáo nhìn trở lại phía sau, thấy Kiên đang nghe vợ viên cai đội nói gì

đó có vẻ quan trọng lắm, vì nét mặt hai người đều nghiêm nghị, buồn rầu. Ông giáo thấy bà ta già quá, xơ xác quá, so với Kiên có lẽ phải hơn Kiên sáu, bảy tuổi là ít. Không biết họ nói với nhau điều gì, mà lâu lâu, Kiên lắc đầu không nhận.

Ông giáo hơi hối hận, vì chưa hiểu hết những nỗi khổ tâm, cô đơn, lo âu phức tạp và lặng lẽ của Kiên. Thế nào rồi ông cũng phải hỏi Kiên cho rõ. Phía sau, có tiếng khóc nghẹn! Ông giáo không dám quay lại. Con chị nói nhỏ với ông giáo:

– Mẹ cháu lại khóc. Khổ quá. Không biết mẹ con cháu sẽ ra sao đây!

✱

– Không hiểu nếu không có gia đình

viên cai đội thì cảnh đoàn tụ ở nhà ông giáo sẽ như thế nào?

Ông giáo thăm hỏi như vậy, và An cũng thăm hỏi như vậy!

An tự trả lời: Chưa chắc đã vui như mình mơ ước đâu! Vì xét riêng từng người trong gia đình, ai cũng có một nỗi lo riêng.

Lệnh trưng binh toàn thể trai tráng đã khiến Lãng ray rút suốt mấy hôm nay. Một người cạn nghĩ có thể tưởng Lãng sợ. Không phải. Lãng không sợ gì, ngay cả cái chết. Điều Lãng lo nhất là tham dự trọn mình vào một vận hội mà Lãng chưa hiểu hết. Lãng tự hỏi tại sao thiên hạ có thể mừng rỡ vui sướng một cách đơn giản như vậy được? Sự thay đổi chỉ mới là chuyển dịch, chưa phải là biến thái. Thay thế lão chánh tổng, lão tri áp

hách dịch bằng một Hai Nhiều hách dịch chẳng kém.

Sự hỗn loạn thay cho trật tự cưỡng đặt bằng áp bức. Bọn cơ hội và bọn lưu manh được thời, thế chỗ lũ xu phụ nịnh bợ mua chức sắc bằng tiền và phẩm giá con người. Còn đám đông lam lũ chưa từng bị đưa đẩy đến hoàn cảnh cùng cực phải liều lĩnh thì xưa sao nay vẫn vậy. Hai bữa cơm hẩm không vơi đi, mà cũng chưa đầy thêm. Cuộc đời họ đã thoát được cái ách hào lý, nhưng tai họ phải thính hơn để nghe ngóng dè chừng mọi bất trắc, thay đổi.

Vui mừng thế nào được trước cuộc đổi thay giả tạo đó, đến nỗi vung tay múa chân, hò reo ầm ĩ? Ông giáo có những nỗi ê chề, bức dọc phức tạp hơn. Thành công bước đầu của cuộc khởi nghĩa mở chân trời mới cho những người như

Nhạc, Huệ, còn với ông giáo, biến động lịch sử mới này giống như một cơn gió lạnh lẽo, phủ phàng cuốn hết ảo tưởng của đời ông. Ông thấy mình bị bỏ rơi, không phải vì những bạn đồng hành không có cảm tình hoặc bất đồng sâu xa với ông, mà chính vì chân ông đã mỏi. Ông không còn theo kịp được họ nữa. Đến nỗi người học trò vẫn quyến luyến ân cần với ông mà cũng không thể dừng lại để chờ thầy được.

Hình ảnh Huệ cầm đuốc soi giùm đường cho ông về trại đêm ấy cứ ám ảnh ông, đày đọa ông. Không có gì rõ rệt hơn, cụ thể hơn để diễn tả sự thất bại vô vọng của ông giáo trước vận hội mới. Lại thêm những lo âu gia đình do cuộc giải phóng đem tới, thay thế và lấn áp những lo âu cũ. Với Kiên, ông giáo phải lo thêm, gia đình ông cai đội, và dù ông chưa biết tường

tận đến chi tiết, ông cũng hiểu Kiên chịu ơn gia đình này sâu nặng lắm. Không cứu mang mẹ con góa phụ cho đến ngày đưa họ về tận Điện Bàn, gia đình ông sẽ bị chê cười là hạng bất nghĩa, bất nhân. Với Chinh, ông đã thấy con biến đổi hẳn, và quan trọng nữa, là con ông không còn sợ hãi giấu diếm sự biến đổi ấy. Cách nói của Chinh trước mặt ông, kể cả cách vơ cái áo định khoác lên vai để che cái hình xăm trên ngực nhưng sau đó Chinh cứ ở trần thản nhiên thưa chuyện với cha, đã gần thành sự thách đố. Ông giáo đọc được ý Chinh muốn nói với ông trong ánh mắt ấy: “Con như thế đó, không có cách nào khác được. Cha không bằng lòng, con buồn lắm, nhưng biết làm sao hờ cha. Con đã lớn rồi, dưới tay con có nhiều thuộc hạ. Con không còn nhỏ bé như thời xưa nữa”.

Với An, ông giáo buồn lây khi thấy con thất vọng. An mừng đến bật khóc khi Kiên bước vào cổng, nhưng cô chưa hiểu vì sao anh thắng thốt, lo lắng. An quay lại, và ngạc nhiên khi thấy vợ con người cai đội xấu số. Cô còn ngỡ ngàng hơn khi thấy người lính hầu đem mấy gói quà cổng kênh vào nhà. Cô vui mừng hỏi cha:

– Của anh Huệ gửi cho con hở cha?

Ông giáo không trả lời ngay, chỉ ái ngại nhìn con, Kiên đáp cộc lốc:

– Của cái thằng lắm miệng lắm mồm. Chỉ chỗ cho anh ta đem vào. Khá nặng đấy.

Ông giáo thấy An biến sắc mặt, mắt chớp chớp., môi mím lại. Ngay sau đó, cô nói cười luôn miệng. Cô chạy lại bẹo

má con Út, vuốt tóc con bé lớn, thăm hỏi vợ viên cai đội. Cô đùa vui với Kiên, hí hửng như trọn vẹn hạnh phúc vì cảnh đoàn viên. An lăng xăng xếp dọn chỗ ăn chỗ ngủ cho những người mới về, việc chưa xong đã lo vào bếp sửa soạn bữa cơm đoàn tụ cho thật thịnh soạn.

Củi bếp khô. Bếp lò tốt. Nhưng An đỏ hoe cả mắt, nước mũi chảy ròng ròng ướt đầm cánh tay áo. Thấy con Út nhìn mình tò mò, An ôm nó vào lòng, nói với nó:

– Cháu ra ngoài chơi đi. Trong này khòis quá. Cháu thấy cô chảy cả nước mắt nước mũi đây không?

✱

Bữa cơm đoàn viên có vẻ rã rời, lặng

lẽ,nặng nề. Mọi người cầm đũa ăn gần nửa bữa mà chưa ai nói với ai lời nào. Mọi sự bắt đầu do con bé Út. Trời chạng vạng tối. Ánh sáng u ám hiu hắt khiến nó buồn ngủ, và đúng lúc đó, nó chợt nhớ tới con mèo. Nó khóc, đòi về để cho mèo ăn. Dễ dàng, năn nỉ, hứa hẹn thế nào nó cũng không chịu. Nó không khóc to, cứ rỉ rỉ lê thê mãi. Mẹ nó sợ phiền chủ nhà, ẵm con ra gốc chuối đỡ, dọa, cuối cùng bực quá phát một cái thật mạnh vào mông nó. Con bé khóc thét lên.

Nhà ông giáo lâu ngày không có con nít nên tiếng khóc chát chúa làm mọi người khó chịu. Mặt mày ai cũng đăm đăm. Mấy mẹ con nhanh chóng hiểu rằng mình đã làm phiền người ta quá nhiều. Thái độ của họ trở nên dè dặt quá đáng. Vợ viên cai đội kêu con bé lớn ra bụi chuối thì thầm những gì không rõ,

mà con bé tuyệt không dám héo lánh lên nhà trên. Đến bữa cơm, bụng đói cồn cào nó cũng không dám mon men đến gần bếp. An sai gì nó làm ngay, làm xong lại ra bụi chuối ngồi với mẹ. Kiên, rồi An ra mời mấy mẹ con vào ăn cơm tối. Người mẹ viện đủ cớ để từ chối ngồi ăn chung, chỉ xin ba bát cơm cháy và một chút nước mắm. An không biết phải nói thế nào để họ bỏ thái độ giữ kẽ, Kiên thì gần như muốn nổi giận. Anh bực bội bảo:

– Thì chị vào nhà đi đã. Nó khóc một chút rồi nín. Con nít lạ nhà chướng là chuyện thường. Vào lo cơm nước cho chúng nó đi ngủ. Cha đang đợi chị đấy! Cả nhà ông giáo cầm đũa lên lại gác đũa xuống để chờ. Nhưng Kiên vào một mình. Anh cúi kính, nói cộc lốc:

– Thôi ta ăn đi.

Thế là họ bắt đầu bữa cơm đoàn tụ, bữa cơm tất cả mọi người từng mơ ước sau khi từng người vượt qua được những chặng đường trắc trở và đầy cam go riêng. Trừ Kiên nhất định không muốn nói gì hết, những người khác đều cố moi óc tìm chuyện nói cho không khí đỡ buồn tẻ, căng thẳng. Thế mà những tiếng người ngoài nghe được chỉ là vài lời trao đổi tối cần và vô nghĩa. Chẳng hạn “Cha đưa cơm xối”, “Thêm tí muối”, “Để con lấy chiếc đĩa khác”, “Chị xối ít thôi, em đã no”. Gần cuối bữa, nhân lúc ông giáo bị sạn phải nhả cả miếng cơm đang nhai, An xin lỗi cha, biện hộ:

– Con lòng khắp chợ không mua được đủ mười bát gạo. Mà gạo có ra gì đâu. Thiên hạ sợ lại chạy loạn, không ai dám bán lương thực cả. Bao nhiêu lúa đem xay ra, làm gạo rang sấp sắn đó.

Thức ăn thức uống cũng khan hiếm. Cái mướp già này con phải mua những 6 tiền. Bình thường thách một tiền không ai thềm dừng đầu. Chợ vắng hoe, nên họ muốn bán giá thế nào thì bán không biết đến bao giờ giá cả mới như cũ. Chú cứ ở trên trời mãi thế này làm sao sống nổi.

Kiên vọt miệng nói:

– Cả nhà khỏi lo xa. Họ ở đây vài bữa, thông đường là đi ngay. Ông giáo, An, và cả Lãng nữa, đều ngờ ngác, ban đầu chưa hiểu ngay chủ ý của Kiên. Khi họ hiểu, lòng họ chán ngán. Tại sao Kiên lại hiểu lầm An tai hại như vậy. An sượng sùng khó chịu, liếc mắt nhìn anh, thấy Kiên cảm cúi ăn không muốn tỏ thân thiện với bất cứ ai. An nói như muốn khóc:

– Em không có ý đó đâu. Có Trời

làm chứng, nếu em nghĩ xấu xa như vậy, thì...

Ông giáo cắt lời An:

– Thôi, đừng thể thốt nữa. Chuyện không có gì nói qua nói lại ngày càng lở thêm ra.

An thút thít, bỏ đĩa đi xuống bếp. Đến nhà ngang, cô thấy ba mẹ con đang xúm xít quanh bếp lửa, nên An đành phải quay trở lên. An cố cười với Lãng:

– Khiếp. Trời lạnh lạnh khó chịu, ai cũng muốn cảm.

Trước khi đưa khăn lên chùi nước mắt và mũi. Lãng muốn hướng câu chuyện sang một đề tài chung để khỏi ai chú ý đến chị, nên nói:

– Chợ vắng, giá cao không phải vì

không ai dám bán lương thực, mà vì không thể chịu đựng cậu Hai nổi.

Ông giáo kinh ngạc hỏi:

– Con nói gì thế? Cậu Hai nào?

– Cậu Hai Nhiều nhà mình đó. Cha ít về nên không nghe lời than van của dân An Thái. Đến nỗi họ bảo thà như ngày trước còn đỡ hơn!

– Cha chỉ nghe nói chung chung. Cậu ấy làm gì nào?

– Tất cả mọi quyền hành ở trong tay cậu thì làm gì chẳng được. Tùy ý phát ân phát uy. Không ai dám cãi. Mà hình như lúc nào cậu cũng có dịp để ra oai với thiên hạ cả. Đầu tiên là chuyện phát thẻ bài. Cha biết không, đến con mà cậu cũng dọa không phát thẻ cho con nữa. Cậu ấy dám làm như vậy lắm, nếu chị

An không viết giúp thẻ cho cậu. Sau đó đến chuyện nhà của những người chạy nạn. Phủ mất, gia đình bọn hào lý phải trở về, cậu lại được dịp quát tháo, dọa nạt. Bây giờ đến chuyện trưng binh. Cậu ấy gặp nhiều cơ may quá!

– Bọn hào lý của quyền lộng hành thời nào chẳng vậy. Đời xưa đã như thế rồi. Chắc chắn tình thế càng ổn định, nạn đó sẽ bớt đi. Nhưng vì sao chớ vắng vì cậu Hai?

Lãng đáp:

– Vẫn do chuyện thẻ bài. Cậu Hai ra lệnh chỉ những người đeo thẻ bài mới được tụ họp chỗ đông người. Thẻ bài làm chậm. Tức cười, cha thấy chữ ký của cậu Hai chưa?

An đang thút thít mà cũng phải bật

cười. Kiên ngược lên dò hỏi. Lãng được mọi người lắng nghe, hăng hái tiếp:

– Cậu ấy run tay ký chữ Nhiều rắc rối quá, tấm thẻ bài tìm lem không ra gì hết. Mà biết đến bao giờ mới ký xong. Cho nên cuối cùng cậu chỉ khuyên một vòng ở chéo thẻ. Mà khuyên cái vòng không được tròn lắm với nét bút run run thì ai chả khuyên được. Do đó mới có nhiều thẻ giả. Cậu Hai biết, tức giận đặt ra luật lệ mới. Cuối cùng người mang thẻ thật cũng bị họa lây. Chợ vắng là vì vậy.

Ông giáo trầm ngâm suy nghĩ, rồi nói với các con:

– Chuyện đời vẫn thế. Có nhiều ý tưởng mới nghe tưởng là đơn giản, hợp lý. Nhưng khi đem áp dụng mới cảm thấy hết các thiếu sót và phức tạp của nó. Chẳng hạn chuyện cấp thẻ bài là đúng.

Không làm như vậy làm sao kiểm soát trị an ở các xóm làng, trên trục giao thông. Nhưng khi đem áp dụng, thì gặp những trở ngại bất ngờ. Đóng triện ư? Triện viết gì, ai được quyền khắc triện? Tạm ký làm bằng ư? Lại gặp trường hợp những người không ký được, chỉ đủ sức khuyên một cái vòng méo.

An cười to, hoàn toàn vui vẻ khi nói với ông giáo:

– Cha không tận mắt chứng kiến cảnh cậu Hai ký giấy tờ! Vui không chịu được. Tay cậu gò thật vững cái quản bút, mày nhúu, miệng méo xệch như người trúng kinh. Như thế này này!

An dùng chiếc đĩa giả làm cây bút lông để thay Hai Nhiều ký vào mặt bàn ăn. Đến Kiên cũng phải bật cười, phun cả cơm ra bàn. Nhờ thế, bữa tiệc đoàn

viên có được phút cuối đúng nghĩa thông thường.

✱

Thông thường khi người ta gặp tai ương rủi ro, cảm giác đau xót thường không đến ngay, và sau khi đã đến, lại không hoàn toàn là niềm xót xa bất hạnh. Ban đầu, trong khi đang sống lơ lửng dật dờ theo nhịp điệu hòa buồn tẻ thì biến cố bất hạnh đột ngột đến. Nhịp sống cũ bị xáo trộn. Người ta ngẩn ngơ, chưa kịp ý thức trọn vẹn tầm sâu của nỗi đau xót.

Giống như một chất lỏng, đau khổ cũng cần một thời gian mới thấm vào hồn con người. Đến lúc cảm giác cay đắng khốn khổ lên đến cao độ, thì do luật bù trừ đầy khoan dung của tạo hóa,

con người bất hạnh cũng bắt đầu hưởng niềm khoái lạc nghịch lý là được làm kẻ hy sinh, được làm người chịu tội giùm cho kẻ khác, được hưởng đầy đủ ý vị của cuộc sống, được cơ hội dày dạn trên đường đời... Ai không sợ những vị cay, đắng, tanh, chất. Nhưng không thiếu những người nuốt không nổi cơm khi không nhai nguyên cả nửa trái ớt.

Người vợ viên cai đội ở vào trường hợp ấy. Mấy mẹ con bơ vơ không biết nương tựa vào đâu, lên sống nhờ ở nhà Kiên. Họ sống lấm lũi, lổm thổm trong dáng đi, lấm lét trong cách nhìn. Một tiếng khóc nhỏ, một tiếng ho cũng không dám vì sợ làm phiền gia đình ông giáo. Ăn thì mấy mẹ con chan húp xì xụp ở một góc bếp hay ngoài gốc chuối như một người ăn vụng. Lối cư xử đó làm cho An, Kiên và Lãng khó chịu. Tuy vậy,

người mẹ hình như có cố ý bi thảm hóa tình cảnh bơ vơ vất vưởng của mình, tìm thấy ở hình ảnh đau xót tự tạo ấy một niềm khoái lạc bệnh hoạn, một điều đáng hãnh diện nữa!

Cho nên vợ viên cai đội cứ buộc hai đứa bé phải sống trái với tính vô tư hiếu động của tuổi thơ. Bà cấm không cho các con lên nhà trên, cấm không được đòi ăn khi đến bữa, cấm ngồi ăn chỗ sáng sủa, cấm lân la tỉ tê hoặc đùa giỡn với các “cô chú”. Một lần con bé lớn vô ý đánh bể cái chén sành, cơm canh vương vãi khắp nền bếp. An dặn nó:

– Lần sau cháu cẩn thận nhé. Đi lên đi xuống phải chú ý cái ngạch cửa.

Con bé chỉ bối rối vâng dạ, rồi lo thu dọn chỗ cơm đổ. Nhưng khi nghe tiếng mẹ gọi, nó xanh mặt vì sợ hãi. Người mẹ

bảo con nằm sấp ngay dưới gốc, bình tĩnh lạnh lùng đi kiếm một nhánh táo nhọn thật dài, bẻ hết lá đi. Con bé chết điếng, phập phồng lo sợ những ngọn roi sắp quất xuống mông. Vợ viên cai đội như người nổi cơn điên. Bà quất như mưa vào lưng con bé, gãy roi này bà tìm cái khác. An can thế nào bà cũng không chịu ngưng. Cuối cùng không thể bất nhẫn nhìn con bé bị đày đoạ, An lôi nó dậy, kéo nó chạy vào nhà. Con bé trì lại không dám trốn. An khóc vì thương vì giận, cả buổi trưa chườm nước muối lên lưng con bé khốn khổ. Cô không thể chịu đựng được cảnh ngược đãi trẻ con. Cuộc cãi vã đầu tiên giữa hai người xảy ra sau đó. An lớn tiếng nói với người mẹ:

– Chị đánh nó chẳng khác nào chị đánh tôi. Quý giá gì cái chén sành. Tôi có tiếc của đâu. Tôi dặn nó cẩn thận, vì sợ

nó có ngày vấp cái ngạch cửa, mẻ chén găm vào đầu.

Người mẹ đáp:

– Tôi đâu dám oán giận cô. Phận tôi thế này, làm sao dám oán giận ai!

An tức tối nói:

– Chị đừng nói thế. Anh Kiên mang ơn chị, thì tôi cũng mang ơn chị. Mấy bữa nay chị cứ tránh né, khép nép. Chúng tôi đã lầm lỗi gì với chị đâu mà chị cư xử thế?

– Cô đừng hiểu lầm tội nghiệp mẹ con tôi. Tại lũ nhỏ nó ồn ào quá, sợ làm phiền ông. Chúng nó chỉ làm bộ ngoan ngoãn thế thôi. Cô mà cho chúng giỡn hớt, chúng nó đâm hỗn láo ngay. Tôi đánh con, xót từng khúc ruột đấy chứ. Nhưng không đánh không được. Nay nó

làm bể cái chén. Mai nó đập cả sàng bát.

An không có cách nào nói chuyện thành thật và thân ái với người mẹ được. Hai đứa con chỉ dám len lén trao đổi vài câu với An khi mẹ ngủ, không khí trong nhà ngày càng nặng nề. Kiên lại tưởng An khinh thị đối với kẻ thất thế, nói xa nói gần để trách móc em. An giận quá nói:

– Cái gì anh cũng đổ lỗi cho em cả. Em nói thế nào anh cũng hiểu là em khi dễ người ta. Như hôm mới về...

Kiên gạt đi:

– Thôi, đừng nhắc nữa.

– Sao anh cản em? Anh sợ sự thực ư? Thì đây, em nói hết sự thực cho anh nghe. Từ ngày anh về, anh làm khổ hết mọi người. Thằng Lãng cũng nói nó không

nhận ra anh nữa. Anh cau có, nhìn tụi em như kẻ thù. Suốt ngày anh lăm lì. Anh xét lại xem, tụi em có lỗi gì mà anh cư xử như vậy? Họ nhất định không chịu ăn chung, em làm sao bây giờ? Chẳng lẽ em lạy lục họ, năn nỉ họ hay sao?

Kiên lăm bầm:

– Mày có thể người ta mới vậy chứ?

An kêu lên:

– Trời ơi! Lại do lỗi của em! Nước này thì em phải đi khỏi nhà cho anh khỏi bức bối.

– Mày khỏi đi đâu cả, Nay mai người ta không làm phiền mày nữa đâu!

– Anh lại nói như cũ! Làm sao cho anh hiểu lòng em đây!

– Mày cũng dễ hiểu thôi! Người ta chỉ cần nhìn mắt mày, là hiểu hết. An tuyệt vọng, biết không thể nào nói chuyện với Kiên nữa. Cô cũng thất vọng về anh. An đâm liều. Cô nói:

– Anh nghĩ về em thế nào cũng được. Vâng, thì em nhỏ nhen, ti tiện, ích kỷ, kiêu căng. Cái gì xấu nhất em có đủ!

Kiên lườm em, định nói gì đó nhưng về sau nghĩ lại, không muốn nói nữa. Kiên quay lên nhà trên.

✱

Hôm sau vợ viên cai đội mua cái om đất về nhóm bếp riêng, gần gốc chuối. Ông giáo thấy chuyện lạ kêu Kiên hỏi:

– Bà ấy làm cái gì kỳ cục vậy?

Kiên cúi đầu không đáp. Ông giáo hỏi lần nữa. Kiên bất đắc dĩ phải nói:

– Thế cũng tiện. Cho phân minh gạo mắm!

Ông giáo quắc mắt nhìn Kiên, hỏi:

– Thế ra ý của mày đấy hả?

Kiên im lặng, tránh nhìn cha. Ông giáo nổi giận quát lên:

– Nếu chính mày xúi ra chuyện này, thì mày là đồ bỏ đi! Đàn ông con trai không xen vào những chuyện như vậy. Phải ngừng đầu cao lên một chút, nhìn lên trên những điều bếp núc muối mắm. Để những cái vật vãnh đó cho đàn bà.

Kiên run run đáp:

– Vâng. Con biết từ mấy năm nay gia đình xem con như không có trên đời

này. Con là hạng đáng vất đi! Nếu người dùng nước lũ không thương hại đút cơm đút cháo cho con, thì hôm nay cha khỏi phải tốn hơi mắng mỏ con. Biết thế này, thà con chết đi trong xô ngực còn hơn!

Ông giáo kinh ngạc vì cái giọng oán trách của con, vội hỏi:

– Mày nói gì vậy? Ai bỏ mày? Trước đây mày không biết tin tức bên ngoài, nghĩ quẩn như thế còn hiểu được. Mày đã biết sau khi mày bị bắt, gia đình chạy nạn thế nào rồi. Ngay sinh mệnh tao còn bị treo giá, làm sao tao vào thăm nom mày được. Vả lại, mày tưởng lão cai đội nuôi mày vì thương yêu mày phải không? Mày lầm! Chúng nó nuôi mày để toan tính dụ hàng tao đấy. Mày chết thì lấy gì thương lượng mua chuộc tao! Mày đã sáng mắt chưa? Kiên xúc động, khóc hức hức, vừa khóc vừa nói:

– Con đã hiểu. Con hiểu trên đời này con chẳng đáng gì hết. Không nhờ có cha, thì con chết hay sống không quan trọng cho bất cứ ai! Bất quá như một con chó chết. Chỉ có một người thực sự lo lắng cho con, đổ củt đổ đá cho con mà không nhăn mặt. Con mê man, người ta khóc, sợ con chết. Con húp thêm được một muống nước cháo cũng đủ cho người ta vui cả ngày. Đối với người ta, con không phải là con chó ghẻ đáng tởm, hay con chó hoang.

Ông giáo lạnh người khi nghe cái giọng bi phẫn của con. Ông ghen lời, dăm dăm nhìn Kiên. Ông thương hại đứa con bất hạnh, cơn giận tiêu tan hết. Ông nhớ cái tính cần mẫn của con, nhớ đến nỗi cô đơn qua bao năm tù đầy, nhớ đến vụ Năm Ngãng. Làm sao giải thích cho con hiểu rằng đời không bỏ Kiên?

Bằng cách nào Kiên lấy lại được niềm tin vào cuộc sống, vào lòng người? Giọng bi phần đó còn nguy hiểm hơn cả liều thuốc độc. Nó khiến Kiên thù ghét mọi người kể cả anh em, cha mẹ. Anh quẩn trí, tự cách ly với mọi người, để rồi chán nản vì tưởng mọi người khinh bỉ, ghét bỏ, xa lánh mình. Phải dẫn Kiên trở về với cuộc sống thực, sống với kẻ khác và chấp nhận những ràng buộc, vui buồn, hy vọng lẫn tuyệt vọng của tập thể. Không thể bỏ mặc Kiên chìm đắm trong cơn bệnh bi phần! Ông giáo nói:

– Có nhiều điều con chưa hiểu hết, hoặc chỉ biết có một phía. Cha giận vì chưa hiểu con. Bây giờ cha đã hiểu. Con cũng phải ráng hiểu cha, hiểu các em. Không ai ghét bỏ con đâu. Nhất là con An. Con chưa thấy nó thắc thỏm bốn chồn chờ gặp lại con như thế nào. Hãy

ngừng đầu lên, vui sống với đời, con ạ!

✱

Ông giáo và Kiên xuống phủ hai ngày thì xảy ra vụ Hai Nhiều bị ám sát. Bà Hai thuật rằng lúc đó cả nhà đang ăn cơm. Người đẩy tờ giấy vào báo có hai ông khách lạ ăn mặc sang trọng tay bưng một mâm đồng phủ giấy bóng đỏ xin vào gặp ông chánh (Tuy chức tước chưa rõ ràng, Hai Nhiều vẫn thích người ta gọi mình là ông Chánh. Giá được gọi là chánh tổng vẫn hơn, nhưng ông còn ngại. Gọi ông chánh, đủ rồi).

Hai Nhiều vội bỏ đĩa, vợ cái áo chúc bầu mặc vào. Bà Năm can ngăn một cách yếu ớt:

– Thì ông hãy ăn cho xong bữa đã.

Chuyện đâu còn có đó, vội gì!

Hai Nhiều không thèm trả lời vợ, tiếp tục mặc quần áo, vội vã lên nhà khách. Một lúc sau, đứa tớ gái bung xuống cho bà Năm một mâm heo quay, đồng thời chuyển lại lời ông Hai dặn pha ngay một bình trà hảo hạng để đãi khách quý. Tuy làm lớn, tiền của nhiều, ông Hai vẫn giữ thói quen uống chè Huế bằng bát lớn. Mỗi lần có khách phải nấu nước pha trà tàu. Bà Năm và đứa ở gái lui cui nhen bếp nấu nước khá lâu. Đáng lẽ đứa ở gái bung khay trà lên. Nhưng bà Hai muốn nhìn mặt hai người khách “biết cách xử thế” như thế nào. Bà sững sờ hãi hùng đánh rơi cả khay ấm chén bằng sứ Tàu, khi thấy chồng gục sấp xuống bàn, con dao quắm đâm vào lưng lút cán!

Cái chết của Hai Nhiều làm cho An Thái rung động. Dân chúng mừng khắp

khởi, nhưng lo lắng phản ứng của phủ Qui Nhơn. Họ lo là phải, vì vụ ám sát đầu tiên một người đại diện của chính quyền mới đặt ra cho bộ tham mưu của Nhạc một thử thách khác. Tuy bận túi bụi suốt ngày cho vấn đề phòng thủ, điều quân, ổn định trị an ở các vùng vừa giải phóng, Nhạc vẫn gác hết mọi việc triệu tập ngay một cuộc họp khẩn. Mọi người đều biết các hành động quá quắt của Hai Nhiều, và từ lâu, họ vẫn lấy làm lạ về sự ngoan ngoãn an phận khác thường của dân An Thái. Họ đoán trước sau Hai Nhiều cũng gặp một tai nạn nào đó. Tai nạn đã đến, họ không ngạc nhiên. Nhưng các dây chuyền biến cố buộc họ phải giải quyết vấn nạn do cái chết của Hai Nhiều đặt ra. Hai Nhiều không còn là một cá nhân, một trường hợp cá biệt nữa. Hai Nhiều là đại diện của trật tự mới. Hai Nhiều bị ám sát tức là cái trật tự mới họ vừa khó

nhọc dựng nên bị thử thách. Tùy theo cách phản ứng của phủ Qui Nhơn mà những vụ Hai Nhiều khác sẽ xảy ra hay chấm dứt.

Bị mắc kẹt trong hệ thống lập luận như vậy nên cả ban tham mưu đều đồng ý phải dùng biện pháp mạnh để chặn đứng lập tức các vụ ám sát. Máu đòi máu. Đích thân Bùi Văn Nhật về An Thái để toàn quyền điều tra thủ phạm và trừng trị nghiêm khắc những mầm mống phản nghịch.

Trong vòng một đêm, Nhật cho bắt tất cả những phần tử bất mãn có thể là thủ phạm vụ ám sát. Ai bất mãn với chế độ nào? Gia đình bọn hào lý. Những người Hai Nhiều từ chối không cấp thẻ bài. Những kẻ ba hoa hay lên tiếng chế giễu sự dốt nát và hách dịch của Hai Nhiều. Những người ganh tị với Hai Nhiều vì tự

ái hay lợi lộc riêng tư. Những người buôn mắm muối bị Hai Nhiều tìm đủ cớ để vùi vĩnh tiền bạc. Cả đến những người bị tình nghi đã gỡ khuôn cửa nhà Hai Nhiều đem bán cho ghe buôn. Con số người bị bắt lên đến trăm. Đứa ở gái được gọi tới nhận diện hai tên giết người. Chị ta có trí nhớ kém cỏi, nên nhìn ai cũng thấy “có lẽ” người này là thủ phạm. Chị gật đầu, rồi lắc đầu. Hỏi lại lần nữa, chị do dự, lại gật đầu. Bùi Văn Nhật phát cáu, xếp luôn chị ở vào loại khả nghi. Tình thế dây dưa bế tắc thật nguy hiểm cho uy tín của Bùi Văn Nhật. Bấy giờ nạn nhân không còn là Hai Nhiều nữa, mà chính là Bùi Văn Nhật. Cái chuyện vặt này còn không làm xong, thì còn mặt mũi nào về phủ?

Nhật như người ngồi trên lửa. Không phải một ngón chân của trật tự mới bị thử thách, mà chính đầu não của trật tự

đó lâm nguy. Làm thế nào bây giờ? Nhật mất bình tĩnh, cuống cuống đi tìm thủ phạm, nên An Thái chìm đắm trong một cuộc khủng bố trắng. Ban đêm chớ không dám ngủ. Ban ngày không ai dám ra khỏi nhà. Cửa đóng im ỉm, trẻ con đứng phía trong song cửa xì xào, lăm lét nhìn đám lính của Nhật đi lại ngoài đường hoang vắng.

Một ngày, rồi hai, ba ngày qua. Nhật chưa tìm ra thủ phạm. Ông ra lệnh thả bớt số đàn bà con nít, chỉ giữ lại đám đàn ông. Số roi vọt đổ dồn lên lưng họ, nhưng dấu tích thủ phạm vẫn mất tăm. Qua ngày thứ tư, Nhật quả quyết thủ phạm chính là hai người em trai chánh tổng, vốn là tay sai trung thành của Tuần Vũ Tuyên. Hai người này ban đầu còn ngờ ngác vì chưa hiểu gì, khi hiểu thì lú lẫm vì kinh ngạc và hãi hùng. Lại thêm

bằng chứng cụ thể tỏ rằng chúng là thủ phạm. Nếu không, vì sao chúng run rẩy, lắp bắp không nói được lời nào? Người vô tội nhất định không bao giờ có thái độ như vậy!

Nhật ra lệnh hành quyết hai kẻ xấu số vào buổi sáng thứ năm. Ngay chiều hôm ấy, ông về phủ Qui Nhơn.

*

Những ngày hãi hùng đó, vợ viên cai đội và hai đứa bé không dám ở ngoài bụi chuối. Nếu không biết An, Lãng là con ông giáo, nhất định người của Nhật đã liệt ba mẹ con họ vào loại khả nghi rồi. Người mẹ dẫn con vào nhà bếp, dằn dả sự sợ hãi đẩy đưa họ tìm người che chở. Họ mon men lên nhà trên. Thế là chấm

dứt thái độ ngại ngùng xa cách giữa chủ và khách. An bắt chuyện với hai đứa bé, rồi câu chuyện đưa đẩy, cô bắt chuyện với mẹ chúng. Bức tường ngăn cách đã mất. Vợ viên cai đội kể tỉ mỉ cuộc đời Kiên trong bao năm tù đầy, An và Lãng lắng nghe càng hiểu và thương anh hơn. Họ cười thoải mái với nhau khi nhắc đến cái tật ưa xỉa răng của Kiên, cái tính ưa trật tự và sạch sẽ thái quá. Vợ viên cai đội kể:

– Hồi chú ấy bị thương, đang nằm mê man đột nhiên chú ấy giơ hai bàn tay lên quờ quạng, sờ soạng khắp mình. Tôi tưởng chú ấy lên cơn mê sảng, sợ quá phát khóc. Tôi nghe người ta bảo khi người bệnh sắp chết thường hai bàn tay quờ quạng, mấy ngón tay co quắp uốn éo như bắt chuồn chuồn. Mấy đứa nhỏ đây thương chú cũng khóc rưng rức. Tôi nghe chú ấy thều thào, hai mắt lơ lảo nhìn

quanh như muốn tìm ai đó. Tôi nghĩ: Thôi đúng rồi. Chú ấy tỉnh lại lần cuối để tìm người trần trời đây mà! Tôi vừa khóc vừa kể sát tai xuống mặt chú ấy, hỏi chú ấy muốn trần trời điều gì. Chú ấy thôi bắt chuồn chuồn, nhưng bàn tay vẫn lần tìm cái gì trên người. Tôi đưa tay cho chú nắm, vừa khóc vừa bảo chú ấy: “Chị đây. Đúng là chị đây. Chú muốn nắm điều gì, cứ nói cho chị biết”. Cô chú có biết chú ấy thêu thào cái gì không? Chú ấy hỏi:

– Mấy cây tăm trong túi áo đâu rồi?

Cả nhà cười ầm lên quên cả không khí sợ hãi bên ngoài. Con bé lớn nhắc:

– Mẹ kể chuyện xâu tiền đi.

Vợ viên cai cơ chớp chớp mắt cảm động, rồi kể:

– Chú ấy cẩn thận còn hơn đàn bà nữa. Mấy con bé này đựng đầu vắt đấy, quần áo đồ đạc bừa bãi. Chú ấy gặt cả ngày, gặt xong xếp mọi thứ đầu vào đó. vật nào ở chỗ nấy, lấy dùng xong đem trả lại sai chỗ cũ, phải biết! Nhờ thế mà tụi này khá lên, biết giữ gìn đồ đạc. Tiền bạc cũng biết tiết kiệm hơn. Một lần, hình như năm kia phải không con? Phải, năm kia, lúc con Út mới lên ba, hồi đó nhà tôi quá lắm. Bao nhiêu tiền dốc cả vào rượu chè. Mẹ con tôi khổn khổ, nhiều bữa phải chạy đi khắp trại mượn gạo. Tuy vậy, nhà tôi không bao giờ dám tiêu thêm mấy tiền kẽm quan phủ vẫn gửi riêng cho chú ấy, gọi là tiền trâu thuốc. Hồi đó đến kỳ đám giỗ. Giỗ ai con nhớ không? Ông nội à? Phải, giỗ ông nội tụi nhỏ này. Đến kỳ giỗ trọng mà trong nhà không còn lấy một đồng kẽm. Nhà tôi lại đang đi việc quan xa. Mấy mẹ con

đang lo không biết làm sao có tiền mua đồ cúng. Con nhỏ này bảo nên đi mượn hoặc vay chỗ này, chỗ khác. Tôi lắc đầu, vì quá biết họ. Không bao giờ mấy con mụ keo kiệt đó cho vay đâu. Giữa lúc mẹ con loay hoay bàn tính, chú ấy lẳng lặng đến chỗ mái nhà rút ra một cái bọc nhỏ, và vừa đủ tiền làm một mâm cơm cúng nhỏ.

Cả nhà lại cười, lòng ai nấy lâng lâng cảm động. An và Lãng nhìn nét mặt rạng rỡ linh hoạt của vợ viên cai đội khi chị kể chuyện Kiên, cùng kinh ngạc thấy chị trẻ hẳn lại. Mắt chị sáng, da mặt ửng hồng. Hai đứa bé ngược lên hứng lấy từng lời mẹ kể, lâu lâu nhắc rõ một chi tiết. An hiểu vị trí quan trọng của Kiên trong gia đình bất hạnh, hiểu lý do nổi bực dọc chua chát của Kiên trong những ngày qua. Cô nắm lấy bàn tay ốm và nhăn da

của góa phụ. Chị cười với An. Chỉ cần bấy nhiêu, họ đã hiểu rõ nhau.

✱

Cũng trong những ngày hãi hùng đó hai chị em được dịp nói với nhau đầy đủ về cách họ nhìn cuộc biến chuyển diễn ra quanh họ. Lãng bị kích động tột độ, bồn chồn, dao động không thể đứng yên một chỗ. Cậu nói với chị:

– Chị có hiểu những gì đang diễn ra ngoài kia không? Đó là cái gì? Có phải là những điều chị và Lãng từng mơ ước không? Chị nhớ chú, một lần trên Tây Sơn thượng chị kể những đêm hồi hộp lo lắng sau ngày anh Kiên bị bắt. Một tiếng chân bước rào rào ngoài ngõ hẹp cũng đủ khiến cả nhà lạnh gáy vì sợ hãi. Chúng ta

không thể sống nơm nớp suốt đời như một kẻ phạm tội được. Chúng ta sinh ra để được tự do thở bầu không khí trong lành, lưng không phải khom, đầu ngừng cao, được cười vang khi vui và khóc lóc lúc khổ. Đó là quyền tối thượng của mỗi người. Sợ hãi là cái gì không đúng tự nhiên. Đó là sản phẩm xấu xa của xã hội, là rác rưởi của bao nhiêu bất công và bạo lực tàn nhẫn để duy trì sự bất công. Bao nhiêu con người không chịu sống chui rúc trong sợ hãi mới tụ họp nhau trên Tây Sơn thượng để khởi nghĩa, để mãi mãi mai sau không còn có cảnh cúi đầu nếm nép trước bạo quyền nữa. Khổ thế nào họ cũng chịu đựng được tất: bệnh ngã nước, đói khát, lam sơn chướng khí, thú dữ, nổi khao khát được trở về, mong ước trông lại biển và đồng bằng... Những điều đó cả chị lẫn em đều trải qua cả. Chị nhớ không, dù khổ cực như vậy nhưng

cuộc sống chúng ta phong phú biết bao. Chúng ta tự hào đang hy sinh cho một điều cao cả. Những chú bác nông dân chơn chất ít nói không thể diễn tả rõ ràng điều cao cả ấy là gì, vì sao họ hăm hở. Nhưng chúng ta thì hiểu. Chúng ta đang hy sinh cho cuộc giải phóng con người. Chúng ta khởi nghĩa cho con người được thở, được cười, được ngẩng mặt lên nhìn mọi người, được tùy ý chọn nếp sống cho mình và mơ ước một tương lai. Không phải sợ hãi ai nữa.

“Chúng ta” đã xuống núi, và đã thành công. Chị đừng cười. Em biết chị cười em, một thằng vô tích sự chẳng làm được việc gì đến nơi đến chốn, chẳng ở yên vị một chỗ nào cho khá lâu, dùng dằng không ra kẻ đứng ngoài mà cũng không phải kẻ dự buộc, thế mà bây giờ thấy anh em cô bác làm nên việc, cũng đứng lẫn

vào hàng ngũ xưng xưng “chúng ta” chứ gì?

An cười to hơn, đập nhẹ vai Lãng nói:

– Không phải thế đâu. Tại sao Lãng nghĩ vậy! Nhưng em cứ nói tiếp đi, chút nữa chị sẽ nói rõ vì sao chị cười.

Lãng dò nét mặt chị thấy An thành thực, vững lòng nói tiếp:

– Vâng, em nói chúng ta là nói chung cả một tập thể những kẻ có ý thức hay không ý thức nhưng đều không thể chịu đựng nổi sống nơm nớp, bỏ nhà lên Tây Sơn thượng. Những kẻ muốn lập nên một kiểu sống mới dĩ nhiên phải đẹp hơn, thoải mái hơn, hạnh phúc hơn đời cũ. Nhưng bao lâu nay chúng ta về được đồng bằng, chúng ta nắm được quyền

bính, chị thấy gì? Thay cho lão chánh tổng là cậu Hai Nhiều. Con người vẫn tiếp tục thu nhỏ mình lại, vai thun, lưng khom, chân lú rú bước, mắt lăm lét nhìn trước nhìn sau. Cổ lại phải mang thêm cái thẻ bài. Chị thấy đấy, mấy hôm nay con nít có dám khóc, chó có dám sủa không? Nụ cười hiếm hoi biết bao nhiêu! Lãng có cảm tưởng như thiếu không khí dễ thở. Nhưng nhu cầu đơn giản mà còn phải thế, thì nói chi đến những điều cao xa như hạnh phúc, công bằng, tương lai, quyền sống... Tất cả chúng ta, lại chúng ta, em cứ nói chung như thế cho dễ. Tất cả chúng ta hy sinh, khổ cực bao lâu nay để mang thứ quà chua đắng đó cho dân An Thái hay sao? Nếu phải dùng máu để tránh đổ máu, thì thứ máu nào đáng nên đổ, và thứ máu nào không nên đổ? Chúng ta, em lú lẫn quá lắm, lại chúng ta...

An ngắt lời em:

– Sao em cứ thắc mắc hoài về chuyện đó. Có ai thắc mắc về em đâu? Đừng tự làm cho rắc rối. Mọi sự vốn đơn giản. Em cứ mạnh dạn dùng chữ “chúng ta”, vì chị nói thực, em xứng đáng ở vào đội ngũ. Kể cả những thắc mắc rắc rối và quá khích của em. Những gì em nói cũng cần thiết cho việc chung như là sự hăng hái, cuồng nhiệt không cần suy nghĩ, như là sự tuân hành tuyệt đối lệnh trên. Còn chị cười là cười chuyện khác kia! Em đừng hiểu lầm.

Lãng hoài nghi, hỏi:

– Chị cười chuyện gì nào?

– Chị cười vì ít khi nghe em thao thao bất tuyệt như vậy. Bao nhiêu gan ruột em kéo ra phơi nắng hết. Chị thích

cái tính quá khích đó. Có gì buồn khổ, thắc mắc mà cứ giữ kín trong lòng như anh Kiên, chỉ làm khổ mình khổ người. Có điều thú vị là chị đọc được ý em nghĩ, ngay trước khi em nói ra. Dài dòng rắc rối nhưng nếu muốn tóm lại cho gọn, thì đơn giản thôi. Để chị nói thử có đúng ý em không nhé?

Lãng tò mò muốn tự nhìn mình qua phản chiếu của chị, vội giục:

– Chị nói đi!

An chậm rãi nói:

– Lãng muốn cái gì cũng rõ ràng, phân minh. Cái xấu đã bị sụp đổ thì cái tốt phải tới. Ông ác bị diệt, thì cái ghế uy quyền phải dành cho bậc hiền triết. Dứt khoát không thể có chỗ dung thân cho bọn đạo tặc, bọn lưu manh, bọn

khao khát quyền hành, bọn biển lận đội lốt hào hiệp. Thế nhưng trước mắt, Lãng thấy mọi sự, mọi giá trị lẫn lộn, vàng thau không phân biệt được. Chẳng những thế, thay cho thứ trật tự giả tạo dựng bằng chèn ép áp bức là một cảnh hỗn loạn thực sự làm cho tất cả mọi người quay cuồng điên đảo, kể cả những kẻ yếu đuối từng bị áp bức. Lãng không thể chấp nhận được ván cờ thế vô lý đó, Lãng bàng hoàng, tự hỏi rồi mọi sự sẽ dẫn đến đâu? Sự cực nhọc hy sinh trước đây còn có ý nghĩa gì? Phải thế không?

Lãng nói:

– Đại khái như thế! Nhưng có gì đáng cho chị cười đâu! Chị không bàng hoàng như em sao?

– Có chứ. Nhưng chị bình tĩnh được là nhờ nghe một tiếng nói khác, một lối

nhìn khác. Chị cười vì cùng một lúc nghe được câu hỏi lẫn câu trả lời.

– Em chẳng hiểu gì cả! Ai trả lời? Trả lời thế nào?

An mỉm cười, nét mặt hồng lên vì xúc động. Cô nói:

– Anh ấy bảo nhìn chung thì lòng ai không mơ ước được sống trong một xã hội công bằng, hạnh phúc, trẻ con được no ấm nô đùa, người già được an dưỡng. Chiều chiều được tắm ở sông Nghi rồi lên hóng mát trên đền Vũ Vu, nghe ngao hát trên đường về như trong sách cổ. Được mặc áo đẹp ra đường, rảnh rỗi họp nhau lại nghe ngâm thơ và đàn hát. Người có tuổi và đạo đức cầm quyền bính. Pháp quan và chúa ngục thất nghiệp, ngày ngày tiêu khiển bằng cách câu cá và nuôi chim. Khóa ở cửa tù rỉ sét,

tìm kẻ gian ác và trộm cướp khó như là tìm tuyết trong lò cừ. Ai cũng mơ ước đời thịnh trị hòa bình như vậy. Nhưng thực thế trước mắt trái ngược với mơ ước, quá lắm là chưa được như mơ ước. Pháp quan và chúa ngục vẫn đông như kiến. Trẻ nhỏ bị đẩy dọa quên mấy nụ cười. Người già chết không yên chứ chưa nói đến chuyện sống. Làm thế nào đây? Chính câu hỏi này là khởi điểm của biết bao nhiêu rắc rối, phân tranh, thù nghịch. Anh ấy nói tâm lý chung của những người mơ mộng, có học thức là muốn thực hiện mơ ước muôn thuở của mình một cách êm ái, đẹp mắt. Nghĩa là làm thế nào để kẻ gian ác sau khi đọc một bài thơ đột nhiên hối hận, len lén chùi bàn tay vấy máu vào vạc máu rồi cắt tóc đi tu. Chúa ngục bẻ chìa khóa vất xuống sông nhất định không hành nghề nữa sau khi đọc phú Xích bích. Lãng thấy không, làm

gì có phép lạ đó! Nếu nói như Lãng lúc này, thì cái thiện phải thay thế triệt để cho cái ác. Như thế mới hợp lý. Nhưng cái thiện không phải đột nhiên mà có. Thực tế xưa nay chưa hề có một loại cờ thể phân minh tốt xấu, sau trước. Cái xấu phải sụp đổ do tích lũy của bao nhiêu uất ức, bất mãn, nhưng khi nó đột ngột sụp đổ, thì cái mới còn đang hình thành. Những người dân đen phải bỏ làng xóm vợ con xiêu giạt đây đó, về sau tụ họp ở Tây Sơn thượng làm loạn chưa bao giờ được học cách trị nước, cách ăn nói với đám đông, cách viết cách ký. Họ vụng về, có khi hoảng sợ với cái quyền mới. Tất nhiên trong cảnh hỗn loạn bát nháo thế nào cũng có nhiều kẻ lưu manh lợi dụng. Cũng không thiếu những người lâu nay bị đè đầu cưỡi cổ bây giờ chỉ lo mỗi một việc đè đầu cưỡi cổ lại thiên hạ cho thỏa tức. Tuy nhiên đừng nên vội tưởng rằng

cuộc sống không có gì khác trước. Khác lắm chứ. Rõ ràng, như Lãng vừa nói, là hỗn loạn hơn. Nhưng có một điều quan trọng gấp bội, là có một cuộc thanh lọc tự nhiên để cái mới dần dần lộ rõ, ổn định. Bấy nhiêu cái phức tạp ấy không thể nào tránh khỏi, dù những nhà thơ và những nhà hiền triết có ngõ ngàng bao nhiêu đi nữa. Không thể êm thấm, dần dà phá đổ cái xấu. Muốn vậy, thì chỉ nên cắt tóc đi tu, hay khoanh tay không làm gì cả.

Lãng dăm dăm nhìn chị, ngạc nhiên vì vẻ phấn khởi khác thường trên gương mặt An. Lãng nói:

– Em biết ai nói với chị những điều đó rồi! Nói như vậy thì cái gì cũng biện minh được hết.

Hôm sau, Huệ cho người về An Thái

đưa Lãng xuống Cù Mông như đã hứa với ông giáo. Lãng nhận thấy không còn có thể nán lại An Thái ngày nào được nữa. Ở đây không có chỗ cho anh. An cũng mừng, hy vọng em đã tìm được một chỗ đứng. Hai chị em bịn rịn, nhưng cũng nghĩ cuộc chia tay đến đúng lúc!

Chương 27

Tin Qui Nhơn thất thủ khiến quan bố chính Quảng Ngãi hoảng hốt. Sau khi cho người phi báo kinh đô, quan bố đích thân cầm quân tiếp cứu Nguyễn Khắc Tuyên lúc đó đang ở Tam Quan. Sợ không đủ sức trấn áp quân khởi nghĩa, hắn đem theo cả năm voi để dự chiến.

Hai bên thực sự giao chiến mặt đối mặt lần đầu tiên ở phía trong Tam Quan. Quân Quảng Ngãi bị thiệt hại nặng, quan bố bỏ mặc quân sĩ tan tác nhảy lên ngựa

tẩu thoát. Tây Sơn thu được nhiều vũ khí, người, và bắt trọn cả năm con voi. Thừa thắng, Nhạc ra lệnh phải đuổi quân triều ra đến Sa Huỳnh, ngay chỗ giáp ranh hai phủ Qui Nhơn và Quảng Ngãi.

Như vậy Nhạc đã thực sự kiểm soát toàn lãnh thổ hai phủ Qui Nhơn và Phú Yên vào khoảng cuối tháng Mười năm Quý Tỵ (1773). Triều đình Phú Xuân bấy giờ mới giật mình, thấy tầm nguy hiểm của cuộc nổi dậy. Trương Phúc Loan quyết định phải đối phó với bất cứ giá nào. Lần này, quân dẹp loạn có cả thủy binh lẫn bộ binh. Quân thủy chia làm ba đạo với ba chiến thuyền do ba quan chỉ huy. Nhưng bão biển đã đánh đắm các đạo thủy binh đó, chỉ có một chiến thuyền may mắn thoát nạn. Quân bộ chia làm bốn đạo do bốn quan chỉ huy, là các Chưởng cơ Nguyễn Cửu Thống, Nguyễn

Văn Sách, Tổng nhung Tống Sùng và Tán lý Đậu Văn Quang. Quân Tây Sơn chỉ có ba đạo quân, một đạo Trung nghĩa và Hòa nghĩa quân của Tập Đình, Lý Tài, một đạo gồm phần lớn là người Thượng, quen đánh đường rừng, một đạo nghĩa quân người nam gồm phần lớn các toán đã dự trận đánh chiếm hai kho Càn Dương và Nước Ngọt hơn tháng trước. Hai bên gặp nhau ngày 2 tháng Mười Một ở ranh giới hai phủ Qui Nhơn và Quảng Ngãi.

Họ quần nhau ba ngày không phân thắng bại, đến chiều ngày thứ ba Tập Đình và Lý Tài ở cánh phải đánh thốc vào hông quân triều, khiến quân triều hoảng loạn tan rã. Tống nhung Sùng và Tán lý Quang tử trận. Quân Tây Sơn lại thừa thắng đánh chiếm phủ Quảng Ngãi. Quân triều phải rút về giữ dinh Chàm.

Tinh thần quan quân sa sút đến nỗi chỉ cần một tin đồn là cả dinh đã xao xác dợm chạy về Hội An để kiếm đường tháo thân. Triều đình Phú Xuân cuống cuống cả lên. Nội bộ lục đục đổ lỗi cho nhau. Kẻ hèn nhát thì láo liên tìm đường trốn trách nhiệm. Bọn thất phu rụt cổ như gà gặp cáo. Bọn xu nịnh tìm cách hãm hại những kẻ dám nói thẳng để diệt cả họa gần. Nguyễn Phúc Dục và Nguyễn Phúc Văn bị hãm hại. Việc phòng thủ kinh đô cấp thiết nhưng trong tình trạng tinh thần rệu rã như vậy, Trương Phúc Loan không làm được gì khác hơn là đặt quân canh phòng đèo Hải Vân và nghiêm cấm mọi thông thương giữa Thuận Hóa và Quảng Nam. Việc quan trọng hơn là gửi một đạo quân đông đảo vào nam dẹp loạn giao hảo cho Tiết chế Nguyễn Phúc Hương. Phải vất vả lắm, Tiết chế Xương mới tập trung đủ số quân cần thiết, và

sau nhiều lần trì hoãn vì đủ thứ lý do, đạo quân này xuống thuyền vào trung tuần tháng Mười Hai năm Quý Tỵ (1773). Quân của Tiết chế Xương nghỉ ở Hội An vài ngày để lấy thêm lương thực và bổ sung số lính trốn, đến 21 tháng Mười Hai mới xuất trận. Giáo sĩ Diego de Jumilla, một giáo sĩ đương thời viết trong một lá thư tả trận đánh như sau:

“Ngày lễ Thánh Tôma ngày 21 tháng Mười Hai xem ra là ngày Thiên ý đã định cho chúng tôi sa vào tay quân khởi nghĩa. May sao, hôm đó đạo quân hùng hậu của Chúa ở Hải Phố xuất hành. Đạo quân này có đến năm nghìn người và do một quan anh hùng nhất trong trấn chỉ huy. Hai bên gặp nhau ở phía trong Tiên Đảo vào ngày 22 tháng Mười Hai. Chiều ngày 23, quân Chúa đã chiếm được lũy ngoài. Chiến tranh tiếp diễn qua ngày

24, một lũy nữa bị phá, và quân khởi nghĩa phải lùi. Nhưng ở cánh trái, các quan của Chúa chống với người Thượng bị thua phải lừa cả voi mà chạy. Vị tướng anh hùng kia quay về phía này và ngăn được quân Thượng. Hai bên còn đánh nhau dữ dội suốt cả ngày 25. Quân khởi nghĩa phải rút vào căn cứ cuối cùng rất vững chắc của họ. Họ cầm cự với sức tấn công ba đạo quân của Chúa suốt một ngày rưỡi. Quân Chúa thì một đạo dùng chiến thuyền đánh theo đường thủy, một đạo theo đường bộ đánh về phía núi, đạo thứ ba ở giữa do vị tướng anh hùng kia chỉ huy. Tiếng súng kéo dài đến chiều ngày 26, và ở đây (Tiên Đảo), chúng tôi nghe tiếng súng rất rõ. Vào chập tối 26, một loạt súng từ chiến thuyền bắn vào xuyên qua lũy làm cho viên chỉ huy giỏi nhất của quân khởi nghĩa bị thương ở hông. Quân Chúa không biết việc đó

vì lũy cao, nhưng hôm sau tức ngày 27 tháng Mười Hai, khi quân khởi nghĩa đã rút khỏi lũy, họ tìm thấy hai xác nghĩa quân cạnh xác viên chỉ huy danh tiếng nọ, tức là một trong mười tám tướng của phe khởi nghĩa. Quân Chúa thắng, phe nổi dậy phải rút vào Quảng Ngãi. Quân Chúa đuổi theo”.

Sau trận thất bại đó, quân Tây Sơn phải rút lui dần về phía nam, còn quân triều thì thừa thắng mau chóng lấy lại được những vùng đất rộng đã mất ở hai phủ Quảng Nam và Quảng Ngãi. Chẳng những thế, mùa xuân năm Giáp Ngọ (1774), Tiết chế Nguyễn Phúc Xương còn mạnh dạn thúc quân vượt Sa Huỳnh vào Tam Quan đưa quân chiếm lấy một vị trí chiến lược quan trọng án ngữ con đường độc đạo qua cái đèo nhỏ thông thương nam bắc là núi Bích Khê. Đích thân Tiết

chế Xương, Tổng nhung Thành, Tán lý Thiện và một số lớn tướng sĩ khác trấn giữ ngọn núi hiểm yếu quan trọng này, lập trạm tiền tiêu để chuẩn bị tiến công vào tận sào huyệt của nghĩa quân.

✱

Sào huyệt ấy cách núi Bích Khê không xa.

Nhạc đặt bộ chỉ huy tiền phương trong một cánh rừng thưa, ở phía tây nam núi Bích Khê, khoảng cách không đầy nửa ngày đường. Chỗ Nhạc làm việc, ăn, ngủ, tiếp khách là một cái chòi thấp lợp lá, cột và sườn mái đều dùng những cây rừng khẳm khiu không đẽo gọt. Giường là một tấm liếp đan bằng nửa gác trên bốn cây cọc thấp. Bàn ghế là những thân cây cửa ngang cho vừa tầm tay và tầm

ngồi. Đồ đạc không có gì ngoài một cái mâm gỗ đặt bốn bát nước không cái nào giống cỡ giống kiểu cái nào, và một cái ấm đất nung chứa nước trà.

Trước chòi lá, hai nghĩa quân cầm giáo đứng gác. Mới hơn ba tháng từ ngày về Kiên Thành mà trông Nhạc đã gầy hẳn đi. Mắt hóp sâu, râu mọc xanh. Cái búi tóc trễ xuống tận vai. Nếu không có đôi mắt sáng quả quyết và tin tưởng thì người ta dễ lầm Nhạc với một bại tướng nào đó.

Buổi sáng hôm ấy, Nhạc đang tiếp Thận.

Anh thợ rèn chuyên trách chế tạo khí giới này hằng hái giải thích các điểm lợi hại của hỏa hổ. Thận đem cây hỏa hổ mẫu cho trại chủ xem xét, vừa chỉ dẫn từng bộ phận vừa nói:

– Dĩ nhiên phải đem theo bụi nhùi. Trước khi xông trận, phải đốt cháy lớp lá trộn dầu rái bên ngoài để sẵn sàng rải lửa vào địch, chứ chờ đến lúc hỗn loạn ấy mới đốt thì sợ lúng túng không đốt kịp. Còn...

Nhạc ngắt lời Thận hỏi:

– Phải môi lửa sẵn ư? Như vậy nếu đánh vào ban đêm, nhất là trong trường hợp phải đánh lén hoặc phục kích, e lộ mất. Giữa đêm tối mà đốt đuốc lên, chẳng khác nào làm bia thịt cho chúng bắn.

Thận đáp:

– Vâng. Đó là một điểm yếu của hỏa hổ. Nhưng nếu ta sửa soạn sẵn bụi nhùi cho thật nhay, thì khỏi cần đốt trước. Hai ba người mang theo một cái bụi nhùi

cũng đủ. Tôi quên mất, việc gì phải cần nhiều bụi nhùi. Đốt được một cây rồi, ta mới các cây hỏa hổ khác không mấy khó. Chỗ tôi lo nhất là cái lấy này đây. Khi cần đánh địch ở xa, ta bật cái lấy cò này lên cho nút buộc đoạn côn gắn lưỡi câu bung ra, côn theo đà lao vào địch, còn những giọt dầu rái thì bắn vào đốt cháy da thịt, quần áo chúng. Nếu cái lấy cò này nhạy, thì mọi việc êm đẹp. Như cái này thì nhạy lắm. Chỉ cần đưa ngón trở ẩy nhẹ một chút, như vậy thôi, cái nút buộc đã mở rồi. Nhưng có thể gặp trường hợp do sợi dây nối cái nút và lấy cò không được trơn, hoặc bị chùng, thì sẽ gặp khó khăn đấy. Tôi sợ nhất trường hợp ấy. Người dùng hỏa hổ thấy trở ngại đâm ra lúng túng, cán hỏa hổ lại dài khó xoay xở. Nhạc hỏi:

– Anh rèn được bao nhiêu cây rồi?

– Dạ được hơn hai mươi cây. Trận này có thể đem ra dùng thử. Có khuyết điểm thì đợt sau ta biến chế lại.

– Nhưng cán nó dài quá. Dùng đánh gần đâu được.

– Vâng, nếu đánh gần thì chỉ cần côn và đoản kiếm. Vũ khí này chỉ dùng khi địch còn ở xa, nhất là khi hai bên dàn trận để xáp chiến với nhau. Có lẽ với voi vũ khí này cũng lợi hại. Voi sợ lửa bắn vào.

– Anh đã thử chưa?

– Mấy con voi chiến mà ta bắt được dữ quá. Bọn quân tượng sợ nó nổi hung, không dám cho thử.

– Anh về bảo lệnh của tôi là chọn voi dữ nhất đem ra thử hỏa hổ. Được chưa?

– Dạ nếu được như vậy thì tốt quá.

– Tôi sẽ gửi ngay cho anh hai mươi quân để anh dạy cho họ cách dùng hỏa hổ. Phải luyện gấp cho thành thạo. Tôi định dùng thử loại vũ khí này để đột kích vào cạnh sườn chúng nó xem sao. Cảm ơn anh nhé. Gắng cải tiến cho gọn và chắc hơn đi!

Vì chưa quen với thuật tiếp khách của người quyền thế là khéo léo thu gọn hoặc cắt ngang câu chuyện lúc nào cần, Nhạc cứ liếc nhìn ra số người đang đứng chờ mình bên ngoài, lúng túng chưa biết phải làm sao cho Thận ra về. Dù Nhạc đã nói “Cảm ơn anh nhé!”, Thận cứ chần chờ, hình như có điều gì muốn nói mà chưa lấy đủ can đảm. Nhạc chợt nhớ vụ Hai Nhiều, lấy vẻ buồn rầu bảo Thận:

– À quên, xin chia buồn với anh.

Ông Nhật vừa cho tôi hay là đã trùng trị đích đáng hai tên khốn nạn. Bà già đã định thế nào chưa? Về ở với anh chứ?

Chính đó là điều Thận muốn thừa chuyện với trại chủ. Thận do dự một lúc, rồi nói:

– Tội nghiệp con Nhõi nhà tôi. Mất em rồi đến mất cha. Vâng, tôi có biết chuyện đã tìm ra hai tên giết người. Nhưng hình như...

Nhạc mất kiên nhẫn khi thấy Năm Ngạn lấp ló ở cửa chòi muốn vào. Nhạc vỗ vai Thận cương quyết cắt đứt câu chuyện:

– Thôi, anh về nhé. Nội ngày mai, anh cho người lên phủ nhận của ông Vịnh (sau này làm bộ binh) hai mươi quân. Mời ông Năm vào. Ngồi đấy chờ tôi một

chút xíu thôi. Nhớ găng cái tiến cho gọn, nhẹ, và chắc chắn hơn. Có gì gấp không ông Năm?

Năm Ngạn chờ cho Thận ra khỏi, mới bê khúc gỗ dùng làm ghế lại sát Nhạc nói:

– Ôi thôi! Tôi hết kham nổi rồi ông Cả. Ông tìm người khác dùng cho, chứ cái đà này có ngày tôi phát điên lên mất. Nhạc cười, vì quá quen tính Ngạn, thông thả rót nước ra cái bát đã mẻ một góc đẩy về phía khách:

– Ông uống nước đã. Chuyện gì khó thùng thẳng ta tính rồi cũng xong thôi. Nhà tôi có nhẵn gì không?

Năm Ngạn cười:

– Có gì đâu mà nhẵn! Bả sấm soi tối ngày cái cối trầu chạp nổi ông đem từ

phủ Quảng Ngãi về. Bả quên ông rồi. Hà hà! Này, nói đùa vậy chứ coi chừng đấy. Tối hôm qua bả hỏi: “Chỗ thân tình lâu ngày, chú đừng giấu tôi nhé. Chú có biết ông có đèo bông bậy bạ gì không?”

Hai người cười vang. Nhạc vỗ vai Ngạn hỏi:

– Rồi ông trả lời thế nào?

Năm Ngạn nói:

– Trả lời thế nào ông biết rồi. Lắc đầu thì không được vì sai sự thực, chết với quỷ thần. Mà gật đầu thì hôm nay chết với ông. Tôi chơi hàng hai.

Nhạc tò mò hỏi:

– Nghĩa là sao? Ông làm tôi sốt ruột quá lắm!

Năm Ngạn đáp:

– Tôi nói: Bà đã đầu gối tay ấp với ông bao nhiêu năm, chắc hẳn hiểu ông rõ hơn tôi. Tính ông xưa thế nào thì nay cũng vậy. Không thay đổi.

Nhạc giả vờ giơ tay lên trời hô hoán:

– Ông nói thế có khác nào đem con vô nội. Chết tôi rồi! Nhưng thôi, gác chuyện đàn bà lại, tôi xoay xở với bà sau. Mấy hôm nay tình hình trong phủ thế nào?

Năm Ngạn ngồi ngay ngắn trở lại, nghiêm mặt đáp:

– Càng ngày càng rối rắm. Chung quy chỉ do cái lão đồ gàn. Hết cãi nhau với ông Chỉ lại xích mích với ông Diệm (sau này 1776 làm Sĩ sư). Vừa làm hòa với ông Diệm xong, là quay ra lên giọng thầy đời với ông Bạc (sau này làm Hộ

bộ), ông Tần (sau này làm Lại bộ), ông Vịnh (sau này làm Binh bộ).

– Chuyện ông Chỉ với ông Diệm thì tôi đã biết. Còn chuyện xích mích với thằng Vịnh là do đâu?

– Do chuyện bắt lính. Phần đánh nhau ông đã lo hết, Vịnh chỉ lo mỗi cái việc bắt lính mà thôi. Nó phải lo cho xong phần việc của nó, khỏi cần ai phải nhắc. Lo không nổi thì sau này ai dám giao việc. Nó nhỏ tuổi nhưng ai không có lòng tự ái! Thế mà lão đồ gàn cứ ỷ cái bụng chữ nho, nay nhắc việc này, mai nhắc việc nọ. Nó nổi sùng cãi lại. Lão đồ gàn vút cái đồng đơn kiện thưa của bọn lăm chuyện vào phòng thằng Vịnh, hăm hăm bỏ về.

Nhạc lo âu hỏi:

– Họ thưa kiện chuyện gì vậy?

– Thì cũng vẫn cái bọn to mồm thiếu mặt. Chúng nó sợ bắt lính, đâm đơn khiếu nại bừa để cầu may.

Nhạc lấy giọng nghiêm trang hỏi:

– Bên trong chắc có nhiều điều phức tạp chứ? Ông thuật rõ xem sao. Ông giữ việc cai quản chuyện điều hành nội bộ trong phủ, giấy tờ gì không qua tay ông! Ông là “Nội hầu” mà! Có đúng người ta gọi chức đó là Nội hầu không?

Năm Ngạn sung sướng ra mặt, nên trả lời một cách trang trọng mạch lạc hơn cho xứng đáng với chức vụ:

– Vâng, cũng có nhiều điều phức tạp trong chuyện trưng binh. Ban đầu Vĩnh nó ra lệnh tất cả những ai có tên trong sổ đinh đều phải sung quân. Sự thực là từ lâu do đói kém và cái nạn cường hào,

ở nhiều làng số dân xiêu dạt đã lên quá ba phần tư. Chưa kể bọn du thủ du thực nay làm ăn ở chợ này, mai kiếm chác ở bến sông kia, cái tên nhất định còn chưa có hướng hồ là sổ đinh. Thành ra người lương thiện thì phải lính, bọn trộm cắp được miễn. VỊnh sửa lại lệnh, truyền tất cả những người có thẻ bài từ mười tám đến năm mươi phải vào lính. Nhưng đâu phải ở đâu cũng làm xong thẻ bài. VỊnh cứ tưởng làng nào cũng đều ổn định xong xuôi như là Kiên Thành. Anh em ở các tổng vội vã xuống phủ than phiền không thể thi hành lệnh được, trong khi ngày nộp lính đã gần kề. Lão đồ gàn bấy giờ xen vào, bày vẽ thêm đủ thứ luật lệ, qui tắc, phân biệt nào những là dân nội phủ với lại dân ngoại phủ... cái gì tử tử (nội phủ vi tử), rồi nào dân chính hộ với dân khách hộ. Cả bọn chúng tôi điên đầu không hiểu lão nói gì.

Nhạc hiểu mấu chốt của vấn đề, nghiêm mặt bảo Ngạn:

– Ông nói như vậy, tôi hiểu. Các ông phải coi chừng. Không, ông hiểu lầm tôi rồi. Không phải coi chừng thầy giáo Hiến, mà coi chừng chính các ông đấy. Bây giờ ta cai quản suốt một giải đất rộng gồm hai phủ Qui Nhơn, Phú Yên, ít lâu nữa, ta cai quản luôn cả hai xứ Quảng và đàng trong. Nhất định phải như vậy, để ông xem. Vừa rồi ta đánh thối ra Quảng Nam, tôi biết thực lực của chúng không ra gì. Chỉ được cái vỏ mà thôi. Thằng Huệ em tôi nó nói đúng, khi so quân triều với quả bí lớn thúi ruột. Vừa rồi trận Quảng Nam ta thua vì anh em người Thượng quen voi mà chưa quen với súng lớn bắn từ biển vào. Họ sợ quá, tưởng ông Giàng nổi giận sai sấm sét phạt họ. Tội nghiệp thằng Mắm. Tôi ân hận nhất là không

đem được xác nó về. Ông đã cấp tiền cho ông Mịch làm lễ tế nó rồi chưa?

– Rồi ạ. Chú Huệ có xin về để dự lễ tế. Chú ấy buồn quá, Thọ Hương (con gái Nhạc) dọn cơm lên chú ấy không cầm nổi đĩa. Ông Mịch thì như người mất hồn.

Nhạc nói:

– À, tôi có ý này nói ngay cho ông, để lâu quên đi. Tôi thấy anh em buồn quá, đánh nhau xong chè chén say sưa mất cả tư cách. Tôi định bảo ông Mịch lập một gánh hát cho anh em tiêu khiển. Nhân tiện cho ông bầu gánh Nhưng Huy và ông kép Tứ Linh trở lại nghề ca xướng. Một công mà được cả đôi việc. Ông hiểu ý tôi chứ?

– Vâng. Phải làm thế, để ông Thung...

Nhạc không muốn đem chuyện này ra bàn luận công khai dù là với Năm Ngạn, sợ cái tính xốc nổi của viên “Nội hầu”. Nhạc nói:

– Mãi nói chuyện Quảng Nam quên mất việc chính. Lúc này tôi nói đến đâu rồi nhỉ. À, tôi nhớ ra rồi. Tôi vừa bảo ông rằng bây giờ ta sắp cai quản gần khắp xứ Đảng Trong, không còn như hồi ở Kiên Thành nữa. Công việc lớn thêm, phức tạp thêm. Không phải chỉ cần muốn là làm gì cũng được. Thiện chí không thôi chưa đủ. Phải có hiểu biết, khả năng. Các ông có thể rành việc trong một xóm, mà không thể biết hết chuyện tổng. Một người từng trải, có học, đã dự vào việc trị nước ở kinh đô như thầy giáo Hiến thật quý giá cho chúng ta. Trời đã dẫn thầy đến chờ sẵn để giúp chúng ta đấy. Các ông đừng tự đại. Cái gì chưa hiểu, cứ

tìm thầy mà hỏi. Tôi không biết rõ thầy giáo chỉ bảo thằng Vịnh điều gì, nhưng tôi chắc chắn rằng ý kiến của thầy hợp lý, cẩn thận hơn ý thằng Vịnh. Ông về dặn các ông ấy như vậy. Đó là lệnh, không được cãi.

✱

Năm Ngạn vừa tiu nghỉu bước ra khỏi chòi, thì Nhật đến. Nhạc chờ Nhật từ sáng sớm nên vỗ vập kéo Nhật vào chòi quên đưa Năm Ngạn đến tận chỗ cột ngựa như mọi lần. Nhật chưa kịp ngồi Nhạc đã hỏi:

– Việc đó ổn chưa?

– Xong rồi. Gạo mằm đã chở đến từng cánh quân. Tôi lo quá, suốt đêm hôm qua không chợp được mắt. Lần này

cũng nhờ có thằng Lợi. Nó giỏi xoay xở thật.

Nhạc gặt gù, mỉm cười bảo Nhật:

– Phải. Nó là con dao sắc đấy. Người không cao tay thì sợ không dám dùng. Ông với tôi, ha ha, chúng ta khác chứ! Ông nhớ cái chuyến hai kho Càn Dương và Nước ngọt không? Ông Huyền Khê còn lúng ta lúng túng chưa biết tính sao, than ôi là than. Nào thiếu ngựa. Nào thiếu bao. Tôi cho thằng Lợi đến. Chỉ hai ngày là xong xuôi tất. Vụ chuyển kho Quảng Ngãi vừa rồi cũng do Lợi nó thu xếp cả. Đến ông mà cũng quên mất đám tù binh. Chúng nó nem nép, sai gì không làm. Trói chúng nó làm gì cho thiếu dây mà còn phải tốn lính canh. Lợi nó còn ở dưới chỗ ông không?

– Nó vào rồi. Có gì cần kíp không ạ?

– Cũng không gấp lắm. Tôi định bảo nó lấy tất cả quần áo mũ măng hát bội ta tịch thu được ngoài phủ Quảng Ngãi giao cho ông Mịch. Lập ngay một gánh hát bội cho anh em tiêu khiển. Gần đây tinh thần họ có vẻ sa sút, phải không?

Nhật e dè đáp:

– Vâng. Có sa sút đôi chút. Bọn yếu bóng vía đã nghĩ tới chuyện phải trốn lên Tây Sơn thượng. Đạo người Thượng thì vẫn còn tin là Ông Giàng nổi giận. Tôi phải cho ông Tuyết lấy khẩu thần công tịch thu được bắn thử một phát cho họ xem, họ vẫn nửa tin nửa ngờ. Chuyển này theo ý tôi, nên bố trí cho họ đánh chỗ có núi rừng, đạn pháo không bắn tới được. Chỗ đất bằng thì giao cho đạo các ông Tập Đình, Lý Tài vì họ quen đường biển.

Nhạc vội hỏi:

– Ông có mang bản đồ vùng núi Bích Khê đến không?

Nhật rút tờ giấy xếp gọn từ trong bọc áo ra, trải lên cái bàn tạm. Nhật trở vào bản đồ giải thích:

– Hiện chúng nó đang đóng ở sườn núi này. Đây là sông Lại Giang. Đường chỉ nhỏ này là đường mòn qua Đồng Dài để lên núi, chỗ này có một ngã rẽ có thể xuống Vĩnh Thạnh nhưng đường đi gai góc hiểm trở lắm. Đèo Phú Cũ ở đây, ngay sát chỗ sườn núi chúng nó đóng quân. Tên tiết chế này dày dạn chiến trận nên cho đóng quân sát cạnh đèo, quyết chặn đường độc đạo thông thương nam bắc. Có điều tôi chưa hiểu, là tại sao hãn chọn một hiểm địa như vậy để đóng quân. Phía sau là sườn núi dốc

đứng, phía trong hắn biết chắc có ta rồi. Nếu muốn rút lui, chỉ có con đường đèo nhỏ và hẹp. Hay hắn biết tinh thần binh sĩ của mình xuống thấp quá, phải dùng cái kế qua sông chặt cầu để quân lính chỉ còn con đường phải liều chết tiến tới.

Nhạc hỏi:

– Có thể hắn còn cho quân mai phục ở nơi khác?

– Không có. Bao nhiêu tướng sĩ dồn cả vào chỗ sườn núi này thôi, hắn quyết làm cái nút chặn. Hắn quên chúng ta là dân rừng rú, vô ra đâu cần đường quan!

– Doanh trại của chúng ta thế nào?

– Những dấu chấm này là chỗ chúng ta đóng quân. Chỗ có vòng tròn này là bản doanh của tên Tiết Chế.

Nhạc suy nghĩ một lúc, rồi hỏi Nhật:

– Nếu ta dẫn quân đi vòng theo đường núi đỏ xuống Đồng Dài, rồi tiến cho giáp sông Lại Giang ở chỗ này này, thì cần bao nhiêu ngày?

Nhật nhắm tính một lúc lâu mới dám trả lời:

– Khoảng ba ngày.

– Được rồi. Anh đã báo cho ông Thung biết chiều nay ta họp các đội trưởng chưa?

– Dạ có.

– Chính ông Thung đi dự họp chứ?

– Vâng, tôi có căn dặn kỹ lắm.

– Tốt. Ta cứ theo kế đó mà bàn. Ông nhắn thằng Lợi chuẩn bị sẵn đồ khao quân đi.

Nhật chợt nhớ một điều quan trọng chưa báo cáo, rụt rè nói:

– Lần này chúng nó mạnh hơn lần trước nhiều lắm. Tên Tiết Chế quen việc binh, chứ không như tên Bồ Chánh Quảng Ngãi. Vả lại, hắn đem những trên bốn mươi con voi chiến vào giữ đèo.

Nhạc hỏi:

– Ông có bao nhiêu voi?

– Khoảng trên bốn mươi con.

Nhạc cười ha hả, chế giễu vẻ lo âu của Nhật:

– Chưa gì đã sợ voi chà rồi à? Chúng càng có nhiều voi càng tai hại. Ông thử tưởng tượng xem. Cái truông hẹp đó, bốn mươi con voi xếp hàng ngay ngắn đi qua mất bao nhiêu thì giờ? Còn lối

cho bọn lính chen chân không? Huống chi trong cảnh hỗn loạn, nào voi, ngựa, quân, tướng chen nhau thoát thân qua cái lối hẹp! Tiếc nhĩ, nếu chúng đem thêm vài chục con voi nữa cho đủ trăm thì ta một nửa quân số về Qui Nhơn lo tiệc khao trước. Tiếc quá đi mất!

*

Nguyễn Thung được Nhạc cho toàn quyền lựa chọn các toán quân tinh nhuệ nhất để tấn công đạo quân triều đình ở núi Bích Khê, và được trọn quyền chỉ huy. Kể cả cái quyền tiền trạm hậu tẩu. Nhạc nói với các đội trưởng:

– Một lần nữa đệ nhị trại chủ sẽ chúng tỏ cho các anh thấy tài ba của ông. lần trước các anh đến chậm nên chưa tận

mắt chứng kiến đệ nhị trại chủ lấy thành Qui Nhơn dễ dàng kỳ diệu như lấy đồ chơi trong túi. Tôi thấy làm tiếc cho các anh. Đánh trận dưới quyền một vị chỉ huy giỏi khác hẳn với cảnh cực khổ vất vả vì phải nghe những hiệu lệnh rồi. Đây là cơ hội tốt cho các anh học hỏi. Đừng bỏ qua dịp may đó.

Nguyễn Thung vừa hãnh diện vừa lo âu trước quyền hạn và trách nhiệm vượt quá mong ước bấy lâu. Ông được quyền lựa chọn tướng sĩ ư? Chọn ai đây? Chọn toán nào? Các toán quân Tuy Viễn thân tín đã bị phân tán đi khắp các đội. Tập Đình và Lý Tài không tin được nữa, dù sau bốn tháng thử thách, chưa có đội nào xông xáo và hữu hiệu cho bằng đội quân ở trần gióc tóc ấy. Thung chưa quên Lý Tài đã về dự họp ở Kiên Thành, còn Tập Đình thì án binh bất động ở ngoài phủ

Qui Nhơn chứ không chịu vào thành phối hợp với quân Tuy Viễn. Đạo quân người Thượng chắc chắn chỉ nghe lời Nhạc vì có mối quan hệ mua bán ân nghĩa từ thời buôn nguồn. Cuối cùng chỉ còn lại các toán người nam của Tuyết, Lộc, Tuyên, Dũng (Võ Văn Dũng), Diệu (Trần Quang Diệu) và Sở (Ngô Văn Sở). Nguyễn Thung chỉ tin được Dũng, Diệu và Sở vì ba đội trưởng này mới gia nhập vào nghĩa quân gần đây, sau khi Nhạc đã về Kiên Thành.

Qua một đêm suy tính, Nguyễn Thung xin Nhạc cho dùng các đội của Tuyết, Dũng, Diệu và Sở. Đề nghị trại chủ ghét cái mặt đăm chiêu lạnh lẽo của Lộc, và ngại người em ruột thịt của Bùi Văn Nhật (Bùi Đắc Tuyên). Thung biết mình ở vào thế cưỡi cọp, nên quyết định một ăn cả ngã về không. Ông chọn những

nghĩa quân mạnh khỏe gan góc nhất sung vào đội xung kích chỉ dùng dao găm và mã tấu đánh xáp lá cà. Toán thứ hai dùng voi ngựa và phô trương đầy đủ cờ phướn để nghi binh. Toán thứ ba là toán hậu bị chờ tiếp ứng và vận lương. Thung cho mở trận tấn công từ tờ mờ sáng. Quân lính hai bên dàn thế trận hai bên truông đánh nhau suốt ngày vẫn chưa phân thắng bại. Thanh thế toán nghi binh không đủ để đánh lừa viên Tiết Chế nhiều kinh nghiệm chiến trường. Thung nóng ruột đích thân cầm dùi gióng trống thúc quân, nhưng đàn voi trận của quân triều dã tợn quá, các toán xung kích không thể mon men đến gần được. Từ trên sườn núi, quân triều bắn tên qua như mưa, nếu không nhờ những gốc cây và lá chắn đan bằng nứa thì số thiệt hại của quân Tây Sơn còn cao hơn nữa.

Chiều tối, Thung cho lệnh thu quân, sáng hôm sau kéo dài cuộc chiến đấu vô vọng thêm một buổi nữa mà vị trí quân triều trên núi Bích Khê vẫn không hề hấn gì. Thung đành truyền lệnh rút quân, sau khi cho toán hậu bị đào hầm hố chờ cản đường địch truy kích.

Nhạc gặp Nguyễn Thung vỗ về, an ủi:

– Chúng không dám truy kích tức là còn nể mặt ông. Còn tôi đấy hả? Chính tên Tiết Chế Nguyễn Phúc Xương này đuổi tôi chạy dài một mạch từ dinh Chàm về Bích Khê. Bao nhiêu công lao khó nhọc đổ xuống sông xuống bể hết. Tôi sẽ gặp anh em khuyên họ đừng nản chí. Thua keo này ta bày keo khác. Nói cho đúng thì chưa thua keo này ta đã chuẩn bị bày keo khác rồi. Tôi vừa tiễn hai đạo Trung nghĩa quân và Hòa nghĩa

quân đi tối hôm qua. Sáng nay đến lượt đạo quân người Thượng của Y Dút (?). Keo này ông lo giùm cho tôi mặt nam, chuẩn bị tiếp ứng. Nhận nhé!

Nguyễn Thung không thể làm gì khác hơn là buồn bã gật đầu.

*

Trong khi quân triều còn say men chiến thắng, Tập Đình, Lý Tài đã theo đường rừng qua Đồng Dài, xuống sông Lại Giang, mai phục để chặn đường về của quân triều ở Bồng Sơn. Nguyễn Thung thì phục binh ở phía nam núi Bích Khê để chờ tiếp ứng như đã hứa với Nhạc. Phần trại chủ dẫn hai toán của Bùi Đắc Tuyên và Nguyễn Văn Lộc men theo rừng phối hợp với toán người Thượng của Y Dút làm mũi chủ công.

Rút kinh nghiệm xương máu ở Quảng Nam, Nhạc tận dụng khả năng di chuyển mau lẹ và quen thuộc với địa thế gập ghềnh cây cối chằng chịt của toán quân Thượng. Hai toán người nam của Tuyên và Lộc trang bị tên lửa, hỏa hổ và giáo mác chờ sẵn ở phía bắc đèo Phú Cũ (?).

Chờ đến giờ Tuất (9 giờ tối), Nhạc ra lệnh toán quân Thượng đột kích quân triều trên sườn núi Bích Khê. Bị đánh bất ngờ, quan quân hoảng hốt ừa nhau chạy toán loạn. Voi, ngựa, tướng, sĩ chen nhau vào cái truông hẹp để chạy về phía Tam Quan, voi dẫm lên người, người chém người để tranh đường sống. Số thoát được ra khỏi truông chưa kịp mừng đã bị hỏa hổ và tên lửa đốt cháy, tiếng kêu khóc la hoảng vang xa qua mấy sườn núi. Về phần Tiết Chế Nguyễn Phúc Hương

chạy bộ suốt đêm mới tới được Bồng Sơn vào sáng hôm sau. Quan Tiết Chế vào nhà một thường dân xin cho ăn uống.

Chưa ăn xong bát cơm, toán Trung nghĩa quân chừng hai mươi người đã xông vào nhà dùng giáo đâm quan Tiết Chế suốt từ ngực ra sau lưng. Đạo quân của Tiết Chế Nguyễn Phúc Hương ở núi Bích Khê coi như đã bị hoàn toàn tiêu diệt, trong vòng có một đêm! Đêm đầu tháng Hai năm Giáp Tý (1774).

Tin đạo quân đông đảo tinh nhuệ hơn một nghìn sáu trăm người của quan Tiết Chế bị tiêu diệt hoàn toàn bay nhanh ra bắc vào nam. Cả một hệ thống chính quyền và bộ máy phòng thủ lung lay, tự nó rệu rã trước khi quân Tây Sơn đến. Mà nghĩa quân thì thiếu ngựa khỏe, đa số phải đi chân đất để giải phóng các vùng phía bắc Sa Huỳnh và phía nam

vịnh Xuân Đài. Cho nên phải bảy ngày sau đạo quân chân đất ấy mới đủ thì giờ trở lại Quảng Nam lần thứ hai, và lần sâu vào nam đến Bình Thuận. Sau trận Bích Khê lịch sử, thanh thế Tây Sơn lấy lòng khắp đảng trong từ nam ra đến bắc.

Chương 28

Người được Nhật cử thay thế Hai Nhiều ở vào tình cảnh khó xử. Lấy lại nhà viên chánh tổng ư? Làm thế thì nhần tâm quá! Cứ để mặc cho mẹ con bà Hai Nhiều ở lại ư? Ở An Thái có ngôi nhà nào khang trang đẹp để cho bằng nhà đó! Vấn đề không đơn giản là ở chỗ này hay chỗ khác. Với một người vợ và hai đứa con còn bé, lâu nay chui đụt trong một túp lều thấp hẹp, mùa hè nắng nóng mùa đông hứng mưa, ở đâu mà chẳng được. Nhà rộng càng thêm mất công quét nhà. Nhưng đây là vấn

đề danh dự. Dân An Thái sẽ nhìn vào, xì xầm với nhau. Thấy chưa, lão Hai Nhiều chết mà cái uy thừa vẫn còn làm cho người thay thế lão run sợ. Bộ dạng vạm vỡ oai nghi thế nhưng có dám đuổi con mẹ Hai Nhiều đi ở chỗ khác đâu. Coi hăn chui rúc trong cái xó đình kia! Lấn tha lấn thấn như ông tù giữ đền. Mất gì thì mất, nhưng không thể mất danh dự! Dân họ còn coi mình ra gì nữa! Họ khinh nhờn, làm sao làm việc?

Nghĩ như vậy, nên anh ta cương quyết đòi bà Hai tìm nhà nào thanh tịnh hơn cho hợp với tình cảnh góa bụa. “Tôi ở đây kẻ ra người vào ồn ào quá, thím không chịu nổi”. Anh ta nói với bà Hai như vậy.

Bà Hai dư hiểu người ta muốn gì. Tuy là cay đắng, tủi thân, nhưng bà cũng thấy đó là quy luật tự nhiên của đời sống.

Chồng bà đến ở đây thay thế cho lão chánh tổng hiện bị cầm tù, thì đến lượt người khác đến thay thế chồng bà. Không còn cách nào khác thì phải vớt vát phần nào hay phần nấy những gì có thể vớt vát được. Chưa tới ngày hẹn, hai mẹ con đã dọn về ở nhà cũ, không quên khuân theo cái phản gỗ, bộ tràng kỷ khảm xà cừ, sập chén bát toàn đồ sứ mỏng và cái mâm thau chạm nổi có ba chân nai.

An và gia đình viên cai cơ vừa mới làm quen với cuộc sống chung, chưa kịp hưởng sự thoải mái tin cẩn được bao lâu đã xót xa thấy mọi sự bị đảo lộn dữ dội. Bà Hai Nhiều cư xử đúng phép tắc của một người chủ nhà, hơn thế nữa, một kẻ từng có quyền thế. Bà không cần phải kiêng nể ai. An và vợ con viên cai cơ kẻ trước người sau chỉ là những kẻ vô gia cư đến ở nhờ nhà bà. So tuổi tác thì họ

chỉ đứng vào hàng con cháu thôi. Bà có toàn quyền muốn làm gì thì làm.

Không cần hỏi ý kiến trước, bà sai Kiên dọn dẹp tất cả đồ đạc của An xuống nhà ngang, dành chỗ nhà trên cho bộ trường kỷ và cái phản gỗ. Bà trách An sửa đổi mấy khuôn cửa sổ và cái cửa lớn, vôi vữa lem nhem làm hư cả vách nhà cũ. Sửa như thế thà để trống toang hoác như cũ còn dễ coi hơn. Bà trách đồ đạc bề bộn không có chỗ bà đặt cái sập bà đựng đồ sứ Tàu, nhà bếp dơ dáy hôi hám như cái chuồng heo.

An không chịu nổi nữa, trả lời bà Hai:

– Thưa mợ, đúng là chúng con ở bẩn thật. Làm sao sạch sẽ cho bằng nhà tên chánh tổng. Cứ trông cái phản gỗ và bộ

trường kỷ cũng đủ biết hẩn sạch sẽ đến mức nào!

Bà Hai Nhiều biết cháu ăn nói xỏ xiên, giận tím mặt mà không biết phải trả lời thế nào. Đồ đạc này chẳng phải của nhà chánh tổng hay sao? Bà chối thì ai tin? Phân bua làm sao đây? Bà bức bối, tìm mọi có để gây gổ. Một cái rác cũng đủ sinh chuyện. Sáu người vừa đàn bà vừa con nít thuộc ba gia đình khác nhau, mỗi thân thuộc lỏng lẻo nhưng bị ràng buộc chịu đựng lẫn nhau trong cái nhà chật! Đúng là một thứ địa ngục nhỏ!

Lại thêm sau cái chết của Hai Nhiều, bà Hai và Kiên gần như bị cô lập với hàng xóm. Trong thời đương quyền, cả hai vợ chồng tận hưởng lạc thú được vênh mặt lên cho kẻ khác khép nép, nên bây giờ không ai thềm thăm viếng, chào hỏi góa

phụ và đứa con côi cút cả. Hai mẹ con quanh quẩn trong nhà, quẩn chân quẩn trí, lấy chuyện gây gỗ làm lối giải tỏa. Với An, bà Hai còn dè dặt vì biết vai vế quan trọng của ông giáo dưới phủ. Còn đối với vợ con viên cai đội thì... không có tiếng sĩ nhục nặng nề nào bà Hai không dùng.

Con người chịu đựng sự đau khổ dễ dàng hơn sự sỉ nhục. Cho nên bà Hai Nhiều dọn về nhà cũ chưa đầy mười ngày, vợ con viên cai đội đã quyết định xuống phủ Qui Nhơn để tìm đường về quê. Người mẹ bàn việc đó với An. An cũng nhận thấy mình hoàn toàn cô độc ở An Thái. Không còn gì vương vấn ở đây nữa, ngoài những kỷ niệm. Họ đồng ý với nhau sẽ xuống phủ vào rằm tháng hai, và lẳng lặng, kín đáo chuẩn bị hành trang.

Không hiểu sao An có tiên cảm lần này ra đi, không bao giờ cô trở lại An Thái nữa. Lần cuối cùng trong đời! Ý nghĩ đó khiến mọi vật mọi cảnh quen thuộc trở nên thi vị, huyền diệu.

Cả buổi chiều An thơ thẩn quanh vườn, ngùi ngùi bước từ cái giếng nhà cậu mợ ngược về phía nền nhà cũ, dừng lại ở chỗ đặt ang nước, lấy ngón chân cái di di lên chỗ đất cứng vì bếp lửa, đưa mắt dõi theo những vệt tường cháy, tái dựng căn buồng kín gió của mẹ, phòng trước, bậc thêm, chái nhà học. An rơm rớm nước mắt, lòng nặng trĩu kỷ niệm.

Cô cảm thấy cô độc, nhỏ bé, yếu đuối. Cuộc đời mênh mông và hiu quạnh biết mấy! Không có phương nào chờ đợi cô! Cô không sống cho ai cả, không biết

sống để làm gì, những ngày sắp tới chắc cũng vô vị tầm thường như những ngày đã qua. Cô muốn ngộp thở vì thất vọng. Vườn chuối xơ xác, bụi tre ngả nghiêng, cỏ dại mọc đầy trên lối đi, đất đai ở đây như đã cạn sức sống nên cây cỏ hoang sơ, héo úa. An không thể chịu đựng thêm nữa cảm giác bị tù hãm trong vùng đất chết!

Không tự chủ, An bước ra đồng. Qua mấy tháng nhiều nướng, nhiều vùng ruộng bị bỏ hoang, lúa tháng ba ở vài đám ruộng ở gần mường nước bắt đầu oằn đầu vì những gié xanh ngậm sữa. Mùi lúa thơm mơn man khiến An cảm thấy lâng lâng, lòng cô đỡ nặng. An quyết định đi thăm mộ mẹ. Trước ngày đi Cù Mông, Lãng có đem cuộc vun quén lại mộ, nhưng nước mưa đã xói lở một góc, dấu chân bò còn in sâu trên vồng đất nâu

lún phún cổ đại. An cảm thấy đau nhói như có ai vừa đâm lên ngực mình. Cô lấy tay lấp dấu chân bò, nước mắt ràn rụa. Cô nói:

– Con khổ quá mẹ ơi! Mẹ bỏ con bơ vơ một mình trên đời, rồi mọi người lần lượt bỏ con, xa lánh con. Không ai đoái hoài tới con. Không hiểu họ mê cái gì hở mẹ! Một ngôi nhà ấm cúng, một đôi vợ chồng thương yêu nhau, vườn cải hoa vàng có bướm bay, khói tỏa lên ở bếp đúng ngày hai bữa, trẻ con oe oe trong nôi, tiếng cười đùa trước ngõ, những điều đơn giản ấy đối với con đẹp đẽ và quyến rũ biết bao! Nhưng tại sao không có ai cùng mơ ước đơn giản như con hở mẹ! Họ chạy theo cái gì? Họ mê mãi cái gì để đến nỗi không ai nhớ tưởng đến con, xem như con không có trên cõi đời vậy? Con còn sống hay đã chết, con khổ

cực hay sung sướng, mạnh khỏe hay đau yếu, không là gì cả đối với họ. Mẹ ơi, hóa ra bao lâu nay con chỉ nghĩ quẩn, con tưởng tượng ra những điều không có thực, nâng niu những điều vơ vẩn. Con tự làm khổ con. Mẹ có nghe con than vãn không? Mẹ có hiểu lòng con không? Có lẽ đây là lần cuối cùng con ra thăm mẹ. Con có dự cảm như vậy, nhiều khi chỉ là ý nghĩ vẩn vơ nhưng nếu đó là sự thực, thì xót xa quá mẹ ơi! Trâu bò dẫm lên thân thể mẹ, nước xói vào thân thể mẹ, mẹ có đau không? Xin mẹ phù hộ cho cha con. Hình như độ này cha con có vẻ buồn bực, cô quạnh. Cha lơ lảo giữa những gì xa lạ, nhiều lúc con có cảm tưởng cha không còn chỗ nào để đặt chân bước tới. Mẹ nên thương hại cha. Bao nhiêu năm nay cha lo âu cho các con, và càng ngày cha càng lo âu thêm lên. Chắc mẹ biết rồi. Anh Kiên như vậy, anh Chinh như

vậy. Phần Lãng chắc đã nhiều lần ra đây than thở với mẹ. Còn con, con gái độc nhất của mẹ, mẹ ơi, sao con khổ sở thế này?

An khóc rầm rức một hồi mới thấy lòng dịu lại. Cô được tâm sự với mẹ, bao nhiêu cay đắng, thất vọng hòa vào nước mắt và khô trước gió! Tuy vậy trên đường trở về, lòng An vẫn cứ ngùi ngùi. Mặt trời đã sắp lặn. An theo lối tắt về gấp trước khi chạng vạng. Lối mà suốt cả thời thơ ấu An sợ không dám qua, vì cái miếu hoang đầy chim và rắn.

Bây giờ cây cối um tùm quanh miếu đã bị phát quang, cái miếu nhỏ bé trở trọi và xấu xí hơn An tưởng. Cô mới chợt nhớ mấy tháng trước Huệ đóng quân ở đây, ngay trên gò đất này. Lòng cô hồi hộp nhìn quanh tìm dấu vết của doanh trại cũ. Không còn gì, ngoài một vài lỗ

cột lở loét trên thảm cỏ ấy! Và một lần nữa, An đau xót nhức nhối vì hình ảnh những vết thương không bao giờ lành!

*

An và vợ con viên cai đội xuống phủ đúng vào lúc Nhạc đưa toàn bộ lực lượng ra chiếm Quảng Nam sau trận chiến thắng Bích Khê. Gần như hầu hết những người đàn ông khỏe mạnh đều ra đi, thế giới trong phủ thành là thế giới của những chinh phụ và bọn chức việc da mết chuyên nghề cạo giấy.

Họ tìm ông giáo và Kiên không khó khăn. Ông giáo được Nhạc ủy thác việc tổ chức hành chính và quản lý thuế khóa trong toàn phủ, còn Kiên thì giúp lũ cai quản quân lương.

Kiên bần thần cả người khi nghe vợ viên cai đội nói rõ vì sao phải bỏ An Thái. Anh lúng túng hỏi:

– Bây giờ chị tính sao?

Vợ viên cai đội nói với giọng nóng nảy, hờn dỗi:

– Còn tính sao nữa! Nay đường đã thông rồi, mẹ con tôi chỉ còn một lối là dắt díu nhau về quê nhờ vả bà con qua ngày!

Kiên không tin tai mình, thảng thốt hỏi:

– Chị nói thật à?

– Chú chú tính tôi ở đây với ai, làm gì mà sống. Giá hai đứa nhỏ đi ăn mày được, thì ba mẹ con tôi dắt díu lê lết ở đầu đường xó chợ nào đó, đỡ phải về quê trong cảnh rách rưới đói khát...

Vợ viên cai đội còn tả oán nhiều hơn nữa, càng nghe nói ruột Kiên càng rối lên. Có một điều Kiên hơi mừng, là chị ta không muốn về Điện Bàn. Quê hương không dung thứ cho những đứa con thất thế. Một là chết rấp ở chân trời góc biển nào đó, hai là trở về mũ áo xanh xang. Đã bỏ xứ ra đi mà không mang được gì về là làm nhục bà con láng giềng. Lúc đó quê hương trở nên đánh ác, tàn nhẫn. Vợ viên cai đội biết rõ điều ấy lắm. Cho nên khi Kiên đề nghị tạm ở lại phủ một thời gian để anh tìm cách xếp đặt cho kế sinh nhai, chị ta bằng lòng ngay. Kiên năn nỉ xin Lữ cho phép ba mẹ con ở tạm một ngôi nhà vô chủ sát phía nam thành, gần bến bốn mã phu thường dẫn ngựa ra tắm. Chị ta lập một cái quán nhỏ bán kẹo bánh lật vặt và nước trà nóng, rượu. Trong khi chờ cho nắng hong khô bộ lông ngựa hoặc chờ chúng ăn cho xong

giỏ cỏ, bọn mã phu ghé lại quán ực một ly rượu gạo, hay cắn một miếng kẹo đậu phộng. Thêm chút ít gạo, tiền do Kiên giúp, ba mẹ con sống được qua ngày. Họ bỏ hẳn ý định về quê!

Phần An, cô không hề nghĩ có nhiều công việc đã chờ sẵn cô dưới phủ. An tưởng mình xuống đây chỉ để lo cơm nước cho cha và anh, chờ già giữa bếp núc khói ám. Cô không còn gì khác để hy vọng. An đã lầm. Gia đình những nhân vật quan trọng chung quanh Nhạc, và cả gia đình Nhạc từ Tây Sơn thượng đã dời về Kiên Thành, rồi từ Kiên Thành dời xuống phủ. Vốn xuất thân từ những anh buôn trâu, chị đàn bà giữ con, kếp hát, thầy cúng, tá điền, thợ mộc, thậm chí đến kẻ trộm cướp và dân xiêu dạt vô gia cư, những người mới có quyền thế phải học hỏi để ăn mặc, nói năng, đi đứng,

cư xử cho đúng với vị trí mới. Nhất là các bà các cô. Vì tự ái họ không thể hạ mình nhờ vả bọn vợ con hào lý còn nán lại để chờ chồng con mãn hạn tù, hoặc bọn trưởng giả cũ. An trở thành người được săn đón mời mọc vì là con gái ông giáo, lại đã từng lớn lên ở kinh đô, và nhất là cách ăn mặc đi đứng của An có một vẻ khoan thai ung dung hết sức quý phái và tự nhiên. Cô được vợ Nhạc nhờ dạy thêm chữ, dạy thêu thùa, trang điểm, dạy cả đến cách giao thiệp ăn nói cho cô con gái Thọ Hương. Gia đình Bùi Văn Nhật cũng gửi gắm người em gái lên 14 tuổi cho An dạy chữ. Nhờ thế, An quên được phần nào những đau khổ riêng.

✱

Thọ Hương giống cha hơn giống mẹ.

Cũng như Nhạc, cô có một đôi mắt hơi xếch và đôi lông mày nhạt. Khuôn mặt cũng hình lưỡi cày. May mắn là cô thừa hưởng từ phía mẹ cái mũi dọc dừa, nước da bánh mật thật mịn và cặp môi đỏ. Phần riêng của Thọ Hương là mái tóc dày và mượt, tuổi trẻ, và cái tật ưa cắn lấy môi dưới mỗi lúc e lệ hoặc bối rối.

Thọ Hương mang đến cho An một cái tráp hình hộp sơn đen, nắp tráp vẽ hình một đôi chim loan đang rủa lông cho nhau. Cô cắn môi dưới, da hồng thành mầu trái mãng quân, rụt rè hỏi An:

– Hôm nay chị rảnh không? Bày giùm cho em nhé!

An nhìn cái hộp, đoán là đồ thêu thùa, hỏi lại:

– Cái khăn hôm qua em thêu xong chưa?

– Khó quá, chị. Em kéo chỉ thật căng, nhưng mấy cánh hoa cứ nổi cộm lên. Tháo đi tháo lại hai ba lần, đến khu-ya mẹ bảo phải đi ngủ.

– Em có đem cái khăn theo không. Trong này hả? Mở cho chị xem!

Thọ Hương lại cắn môi dưới, dằn ngăn ngừa. Một lúc lâu cô mới thú thật:

– Không phải hộp đồ thêu, chị An ạ. Cha em mới nhờ anh Lợi đem về cho em đấy.

An tò mò hỏi:

– Thế à! Nhưng đựng thứ gì trong đó? Chị mở được không?

Thọ Hương đỏ mặt gật đầu. An đưa ngón tay bật cái chốt khóa, gỡ nắp hộp lên. Mùi son phấn tỏa ra thơm nức. Trong

cái hộp lót nhiều màu hồng, có một hộp phấn và một thỏi son. Phía dưới nắp hộp gắn một cái gương nhỏ hình chữ nhật, và một bọc vải cũng bằng nhiều đựng một cái lược bằng ngà, và một cái trâm bằng thứ ngọc màu xám có vân.

An trâm trồ khen:

– Đẹp quá. Mua được ở đâu thế?
Chắc đắt lắm!

Thọ Hương thực thà đáp:

– Cha em lấy được trong dinh tuần vũ Quảng Ngãi đấy. Dùng thế nào hở chị?

An cũng chân thật đáp:

– Đồ trang sức sang trọng quá chị chưa từng thấy, nên không biết trả lời em ra sao. Lúc nhỏ chị có thấy các cô con gái

con quan nội hữu thoa son đánh phấn, nhưng thứ son phấn khác kia. Son cũng dùng thỏi, nhưng phấn thì từng cục hình như hình con ốc. Phấn nọ đầy mà. Còn ở đây... chị giở ra được không?

Thọ Hương vội nói:

– Được chứ chị. Cha đã cho em rồi mà. Em mở mãi không ra. Lấy mũi dao cạy cũng không được. Bị sòn ở cái nắp chị thấy không?

An cố gắng lấy nắp hộp phấn nhưng không được. Chợt cô đoán:

– Phải rồi, ta xoay ngược từ trái sang phải. A, được rồi. Phấn yên chi Hương ơi!

– Yên chi, là thứ gì chị?

– Là một loài cây bên Tàu có hoa màu

đỏ tím, trong hột có phần trắng dùng để trang điểm.

– Thế hộp phấn này đem từ bên Tàu qua hờ chị?

– Nhất định rồi. Em xem cái hộp này đủ biết. Có điều hơi lạ là phấn màu hồng nhạt, không phải, màu nâu nhạt. Tại sao không phải màu trắng Hương nhỉ? Này, em ngửi xem, thơm dịu chứ không nồng. Thọ Hương kể mũi xuống sát hộp phấn, cười hãnh diện. Rồi cô cầm cái thỏi son bọc giấy hoa hởi An:

– Chị thấy loại son này chưa? Em không dám mở, sợ làm hư như lúc nọ cái nắp phấn.

– Chị mở nhé?

– Vâng. Coi chừng rách lớp giấy hoa, uống chị. Em xin lỗi. Chị mở tiếp

đi. Đẳng nào rồi cũng phải mở mà dùng chứ. Để mà ngắm à. Giống như sáp chì nhĩ.

– Loại này thì chị đã trông thấy rồi. Mầu hồng ngả tím. Loại tốt, còn có vị the như bạc hà. Em đưa chị tô môi xem có đúng vị bạc hà không?

Thọ Hương cười xấu hổ, vội đưa cả hai tay lên che mặt:

– Không, không, kỳ chết! Chị nểm thử đi.

An cười nói:

– Kia, sao lại kỳ? Đàn bà con gái trang điểm son phấn là chuyện thường. Nếu không cha em cho em làm gì.

– Nhưng chưa bao giờ em thoa son cả. Cũng chưa bao giờ đánh phấn. Trang

điểm thế này, người ta cười cho. Chịu thôi!

An hỏi các cô:

– Thế em đem sang đây làm gì?

Thọ Hương lúng túng, rồi đáp bừa:

– Đem sang cho chị dùng thử xem sao. Nếu chị dùng được, em sẽ...

– Á à, vậy Hương muốn chị dùng thử xem có bị bỏng da tái môi hay không rồi mới dám dùng phải không?

– Không phải thế. Em xin thề là...

– Chị nói đùa mà, thề thốt làm gì. Thôi được. Để chị đánh thử thứ phấn này xem sao. Em có đem gương theo không? À quên, cái hộp này có gắn gương kia mà. Em đóng dùm cánh cửa cho chị. Lỡ ai trông thấy, ngượng chết! Tối quá Hương

oi! Em mở hé thêm chút nữa. Như vậy, khép bớt lại không ở ngoài trông thấy. Được đấy. Em lại đây chị vẽ cho cách dời phần.

Hai người cười nói rúc rích một lúc, vừa trang điểm vừa chòng ghẹo nhau. An tự dời phần, thoa son xong, ngượng ngùng quay mặt về phía Thọ Hương hồi hộp hỏi:

– Em thấy thế nào?

Thấy Thọ Hương mở to mắt nhìn An không nói, An lo âu, che dấu sự xấu hổ bằng cách bảo:

– Đúng là có vị bạc hà Hương ạ. Tối quá, chị bôi bác chắc trông kỳ cục lắm. Tìm cho chị cái khăn chùi mau đi.

Thọ Hương vội nói:

– Chị điên sao! Để em mở rộng cửa sổ cho chị soi gương. Chị đẹp quá chị An ơi! Không tin chị nhìn vào gương đi.

Thọ Hương chạy đến chỗ cửa sổ xô mạnh cánh gỗ khép hờ. Ánh sáng ủa vào phòng, An liếc nhìn vào gương, và đột nhiên tim cô đập nhanh vì hân hoan. Thọ Hương tíu tít nói:

– Hèn gì chú Tám cứ một điều cô An hai điều cô An. Đến nỗi cha em phải gắt lên.

An ngơ ngác hỏi:

– Chú Tám nào?

– Chú Tám Thơm đó. Chú Huệ đó. Chị còn giả vờ mãi. Tập thơ bìa bọc nhung chị cất vào đâu em không thấy?

– Tập thơ gì?

– Thôi chị ơi. Chị tưởng em mù hay sao?

– Chị hỏi thật mà!

– Lại thật! Tập thơ chú Tám lấy được trong phủ Bình Khang gửi biếu chị đấy! Của nhà thơ lớn nào tận bên Tàu, cha em nói thế. Chị biết không, cha em đọc mấy chữ chú Tám viết kèm theo gói sách gửi chị, bật cười ha hả rồi bĩu môi như thế này này, cha em nói: Cái thằng! Lo chuyện đánh đấm chưa hết hơi hay sao mà còn bày đặt thơ với thần! Chị biết tính cha em rồi, chúa ghét văn chương thơ phú viễn vông!

Càng nghe Thọ Hương nói, An càng hồi hộp, choáng váng. Hóa ra anh ấy có gửi sách và thư cho mình sao? Quà gửi lúc nào? Sao không tới tay mình? An cầm lấy hai tay Thọ Hương lắc lắc, khẩn

khoản, van nài:

– Chị nói thật đó Hương. Chị không nhận được sách vở thư từ gì của chú Tám Hương hết! Chị không giấu đâu. Ở đây chỉ có hai chị em mình, chị giấu làm gì. “Chú Tám” gửi sách cho chị lúc nào? Cha em sai ai chuyển cho chị?

Đến lượt Thọ Hương kinh ngạc:

– Lâu rồi mà chị! Cách đây cả tháng trời, hồi chú Huệ đem quân vào lấy phủ Phú Yên và Bình Khang. Cha em chưa đưa quà cho chị thật à?

– Chưa. Chị nói thật mà Hương!

– Thế thì lạ quá! Có lẽ sau đó cha em bận chuẩn bị đánh đồn ra Quảng Nam nên quên khuấy đi. Để em chạy về lục lại xem còn bên đó không. Chị chờ em chút nhé. Sao mặt chị tái mét thế?

An vội nói:

– Không đâu. Có lẽ chị dời phần nhiều quá đấy. Em chạy gấp về bên nhà xem mẹ có sai bảo gì không. Tối giờ cơm chưa?

An nôn nao chờ Thọ Hương trở lại, nhưng chờ mãi chờ hoài không thấy bóng Thọ Hương đâu. Buổi chiều người em gái Bùi Văn Nhật cấp sách đến học viết, An không còn thiết dạy dỗ gì nữa, cho cô bé nghỉ một hôm. Cô bé lo lắng hỏi:

– Cô bị bệnh phải không? Em về lấy dầu khuynh diệp cho nhé?

An muốn yên tĩnh để suy nghĩ, vội gạt đi:

– Không sao! Chị chỉ xâm xoàng sơ sơ thôi. Em về chép lại trang này nhé.

Bắt đầu từ câu: Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhi¹”. Rán viết kỹ hơn hôm qua nhé!

*

Buổi tối An sửa soạn cơm nước trễ. Ông giáo gặp nhiều chuyện buồn phiền trong phủ nên hai cha con lặng lẽ và cơm dưới ánh đèn dầu. Lâu lâu, ông giáo lại hỏi An:

– Nó không dặn con gì cả à?

An trả lời cụt lủn:

– Dạ không.

1 Tử Hân 30 – Luận ngữ: Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhi, khởi bất nhĩ, tu, thất thị viễn nhi. Tử viết: Vị chi tư dã. Phủ hà viễn chi hữu?

Dịch nghĩa: Đọc bốn câu này trong kinh thi: Hoa đường lệ kia, lay động trước gió, tôi nhớ ai lắm, nhưng xa không tới được. Khổng tử bảo: Như vậy là chưa thật nhớ. Thật nhớ thì đâu ngại xa?

Rồi tiếp tục cắm cúi ăn. Ông giáo bớt mệt thì nổi bồn chồn càng tăng. Ông hỏi:

– Mấy ngày nay con thấy nó có gì lạ không?

An chú ý hơn đến nỗi lo của cha, vội đáp:

– Dạ có. Ảnh như người đang ngồi trên lửa. Hết đi ra lại đi vào. Con hỏi, ảnh không nói.

Ông giáo buồn rầu, thở dài rồi bảo:

– Cha đoán thế nào rồi cũng phải đến. Nhưng lâu nay cha hy vọng nó nghĩ lại, khi mấy mẹ con đã có nơi ăn chốn ở. Ai ngờ...

Ông giáo không nói tiếp. An cũng dùng lối nói mơ hồ như cha, sợ động

đến nỗi đau đớn chung của gia đình:

– Hôm kia em gái ông Nhật bảo bọn mã phu kháo với nhau rằng... ôi toàn những câu đùa bốn độc địa. Cô ấy hỏi con có đúng như vậy không. Con bảo miệng lưỡi thiên hạ độc địa quá, anh ấy có bốn phen phải trả cái ơn sâu ngày trước. Cô ấy nói chính mắt cô trông thấy ảnh xoay trần ra, cặm cùi đục đẽo sửa lại cái quẩy rượu cho người ta, y như một người chủ gia đình. Cô ấy còn nghe ảnh gọi người ta là “nhà ơi”...

Ông giáo nóng nảy cắt lời An:

– Thôi đừng kể nữa. Coi như không có nó trong nhà này.

An mạnh dạn nói:

– Dù sao chẳng nữa cũng phải chờ mãn tang. Và có cưới xin đằng hoàng.

Thiên hạ chỉ chờ có thể để nói bóng nói gió về cái nghiệp nho của cha.

Ông giáo cay đắng nhắc đi nhắc lại lời con:

– Nghiệp nho! Nghiệp nho! Đúng là một cái nghiệp!

Hai cha con không nói gì thêm, trệu trạo cho xong bữa. An vừa dọn mâm chén xuống bếp thì Lợi đến. Như mọi lần, hai tay anh ôm một quà lớn. Ông giáo cũng quá quen với chuyện biếu xén của Lợi, thân nhiên chờ Lợi đem đặt hộp quà chỗ kệ gỗ, không chút áy náy hay khách sáo. Ông hỏi:

– Anh mới về à?

Lợi tự nhiên đến ngồi trước mặt ông giáo, tươi cười đáp:

– Dạ. Đáng lẽ con về sớm hơn, nhưng trưng dụng không đủ ghe. Ra khơi lại bão. Xuống bến chợ Giã con phải nằm suốt hai ngày đầu óc mới hết choáng váng. Thế mà đến giờ mỗi lần đi đâu, con đường trước mắt cứ nhấp nhô như sóng. Không biết đến bao giờ toán kia mới về tới đây. Thầy có tin gì không ạ?

– Anh bảo toán nào?

– Dạ toán dẫn voi. Chuyển đánh Quảng Nam lần này ta thu được nhiều chiến lợi phẩm hơn kỳ ra Quảng Ngãi năm trước. Riêng voi không thôi đã được bốn mươi lăm thớt. Ngoài ra còn vô số vũ khí, trống chiêng, cờ xí, lương thực. Phủ Quảng Nam giàu thật. Con quên kể với thầy là vũ khí lớn bây giờ của ta dồi cát lợi tặng triều đình để phòng thủ dinh chàm đều bị ta đoạt.

Ông giáo không tò mò việc quân, nên hỏi Lợi:

– Kỳ này ông cả giải quyết số của cải, lương thực thu được thế nào, anh có biết không? Hay lại rắc rối sinh chuyện như lần trước?

Lợi mắt sáng lên. Ông giáo vừa hỏi đến điều anh quan tâm nhất. Lợi mau mắn nói:

– Nếu không kịp thời báo cho trại chủ thì rầy rà to. Người nào cũng cho thuộc hạ tom góp chiến lợi phẩm trong vùng của mình đem xuống ghe, định chở về đây làm của riêng. Có người chở đến trên mười chiếc ghe vẫn chưa hết đồ đạc. Con không thể nói rõ cho thầy người nào bao nhiêu ghe, ai ít ai nhiều, nhưng lòng tham thực không có đáy. May ông cả biết kịp, ra nghiêm lệnh sẽ chém tại

chỗ những ai dấn lên xương máu anh em cướp đoạt tài sản dân chúng làm của riêng. Nhiều người bắt mẫn ra mặt. Có người hỏi thẳng con rằng đã theo ông cả khó nhọc bao lâu mà không được tự do tom góp của cải đem về cho vợ con, thì chịu khó nhọc nguy hiểm làm gì. Con nói điều này xin thầy đừng lộ cho ai biết, bọn bắt mẫn nhất không ai khác hơn đạo Trung nghĩa và Hòa nghĩa. Thủ hạ của họ phần lớn xuất thân dân cướp biển.

An từ dưới bếp lên ngồi lắng lắng nghe hai người nói chuyện, đến lúc đó mới chen vào hỏi:

– Anh có gặp anh Chinh không?

Tự nhiên nét mặt Lợi không vui.
Anh ta đáp:

– Có. Nhưng lúc xuống ghe về chợ Giã thì đạo quân của hai ông Tập Đình, Lý Tài đã chuyển lên phía Trà Kiệu.

Ông giáo vội hỏi:

– Nó có nhả gì không?

Lợi không dám kể hôm đó Chinh uống rượu say sưa, đến lúc Lợi chia tay Chinh vẫn chưa tỉnh lại, nên nói dối:

– Chinh định gửi cho con lá thư. Nhưng lúc ghe nhổ neo con chờ mãi không thấy Chinh đâu. Về sau mới biết có lệnh chuyển quân của ông cả.

Ông giáo nghiêm mặt hỏi:

– Tóc nó đã mọc dài ra chưa?

Lợi muốn cười mà không dám cười, liếc nhìn về phía An trước khi đáp:

– Dạ đã khá dài. Nhưng chưa búi được.

Ông giáo hỏi tiếp:

– Nó còn ở trần không?

Lần này Lợi đáp đúng sự thực:

– Dạ chỉ khi nào ra trần thôi.

Ông giáo gằn giọng nói:

– Lần này khi ông cả về, tôi sẽ xin rút không cho nó theo Lý Tài nữa.

Không ai biết rõ con bằng cha mẹ. Nó đi với họ như chim sổ lồng, sợ ít lâu nữa quên mất tiếng nam. Nó còn dám say sưa nữa không?

Lợi lúng túng trước khi đáp:

– Lúc gặp con thì Chinh tỉnh táo.

Ông giáo hiểu lối tránh né khéo léo của Lợi, buồn phiền không nói thêm điều gì. Nhân cơ hội tốt, Lợi đến chỗ đặt hộp quà tháo dây buộc, đưa từng thứ ra nói với An:

– Phải nhận là cửa Hội đông vui hơn dưới chợ Giã nhiều. Lúc ta đến một số thuyền bè đã trốn ra khơi nhưng trên bến vẫn còn đậu san sát. Chuyến này có nhiều thì giờ nên tôi tìm đủ thứ cho An. Ngoài đó đường phèn và quế rẻ mạt. Loại quế này thịt dày, thơm và cay hơn các thứ thường bán ở đây. Gói đường phèn này An tìm chỗ khô ráo mà cất, sợ ẩm chảy nước. Hôm nào lạnh, An lấy đường phèn chung với chanh cho thầy ăn, trị trước bệnh ho. Vi cá thì phải có thêm ngũ vị nấu mới ngon. An hỏi ở tiệm thuốc bắc ngoài phố. Hồng, lê, táo ở Hội An ê hề, tôi lựa mãi mới được mấy chục quả có

thể đem về đến đây mà không hư. Đây gói kim châm và nấm hương. Còn đây là “dầu – thái”. Không phải là một loại dầu đậu. Bắp cải làm theo lối Tàu đấy. Đại khái cũng như cách làm của ta, nhưng để An ăn thử xem, nó có vị lạ hơn.

Soạn bao nhiêu gói nhỏ gói lớn trong hộp, Lợi mới rút trong bọc áo một gói giấy khác đưa cho An, nhỏ giọng bảo:

– Còn đây là quà riêng cho An.

An cảm động, chớp chớp mắt hỏi:

– Anh chỉ vẽ! Đã biết bao nhiêu thứ rồi!

Lợi liếc về phía ông giáo, nói nhỏ hơn:

– Nhưng An phải có phần riêng chứ. An mở ra đi.

An cởi sợi chỉ điều buộc gói giấy. Bên trong có một cái khăn nhiều màu xanh lá mạ. Lợi nói:

– Màu này hợp với nước da của An lắm. Nhất là những hôm trời trong có nắng. Nước da hồng choàng thêm cái khăn lá mạ! Mong ngày mai trời có nắng!

*

Hôm sau xuống kho lương tìm Kiên để chuyển lời cha gọi (đêm hôm trước, Kiên không về) An gặp nhiều người cùng về một chuyến với Lợi. Nhờ vậy An được nhìn Lợi từ một góc độ khác.

Cô biết thêm những điều Lợi giấu không nói với ông giáo. Chẳng hạn lý do vì đâu Nhạc vội vã ra lệnh chuyển gấp hai đạo Trung nghĩa quân và Hòa ng-

hĩa quân lên Trà Kiệu. Một phần không nhỏ số của cải Lợi chở về Qui Nhơn, chất khảm gần hai mươi chiếc ghe bầu là “chiến lợi phẩm” của hai đạo quân này. Luôn luôn giữ vai trò xung kích mở đường trong các trận đánh nên đám thuộc hạ Tập Đình, Lý Tài thu góp được vô số của cải quý giá. Lại xuất thân từ nghề cướp biển nên họ biết lo xa, luôn luôn dành sẵn một số ghe thuyền ở các bến sông bãi biển thuận lợi để chuyên chở số hàng thu được đến nơi an toàn, “lo trước cái lo của mọi người” như lời dạy của Khổng phu tử. Sự “khôn ngoan” của họ tác hại ghê gớm đến tinh thần nghĩa quân. Các toán đến sau chịu đựng sự căm thù, ác cảm của dân chúng, hoặc lảng lạng giả vờ không nghe thấy những lời chửi rủa bóng gió của họ, hoặc nổi giận vờ vết sạch sẽ những gì còn thừa lại, từ con gà đang ấp cho đến một trái dừa

non. Nhạc mau chóng thấy rõ nguy cơ, nên khi nghe Lợi báo cho biết chỗ các ghe tàu của Tập Đình, Lý Tài chất hàng, ông quyết định phải có biện pháp mạnh mẽ, dứt khoát. Một mặt ông sai Bùi Đắc Tuyên đem một toán quân đến bao vây bến ghe, một mặt ông tập trung tức khắc hai đạo quân của Tập Đình, Lý Tài và chuyển gấp lên miền tây. Lợi đã thuật đúng sự bất mãn của bọn thuộc hạ Tập Đình, Lý Tài, nhưng anh đã giấu không cho ông giáo biết họ căm thù Lợi đến mức nào. Đối với Lợi, những người cầm quân xông pha đây đó, gặp bao nhiêu nguy hiểm gian khổ giữa tên đạn, tro bụi, họ có một lối cư xử phức tạp, mâu thuẫn với anh. Một đằng họ xem thường Lợi như một thứ bạc nhược vì không đủ sức múa gươm giương cung nên phải đánh võ mồm, dùng ba tắc lưỡi che dấu sự bất túc. Đằng khác vì cần đến sự tiếp tế của

Lợi, thậm chí cần đến sự thông cảm làm ngơ của Lợi đối với vài trường hợp buông thả, dễ dãi cho quân lính phần khởi, họ phải nể nang Lợi. Làm thân với Lợi, chỉ có lợi chứ không có hại. Ít ra là lợi trước mắt, như có rượu thịt ê hề cho một cuộc say, có chút quà gửi về cho vợ con. Lợi trở nên một người có uy thế, tuy là uy thế giả tạo. Khi Lợi quay lưng đi, những người vừa anh anh em em với Lợi liền cười nhạo bĩu môi.

An không sống trong không khí sôi động của chiến trường gian khổ nên ngỡ ngàng không hiểu vì đâu những người An gặp ở kho lương mĩa mai Lợi cay độc như vậy. Cô đỏ mặt, tưởng ai ai cũng biết cái khăn quàng màu lá mạ trên đầu cô do đâu mà có. Cô cảm thấy bị sỉ nhục, nên không chờ được Kiên, bỏ về nhà.

Ra đến cổng kho, một nghĩa quân trạc 30 tuổi khuôn mặt lạnh lợi chạy theo An hỏi:

– Cô ơi! Cô có phải là con gái thầy giáo không?

An tưởng người ta sắp xô xiên về cái khăn nhiễu của mình, dừng lại sừng sộ:

– Ông muốn gì?

Người lính ngơ ngác, lúng túng hỏi:

– Xin lỗi có phải cô là cô An không?

An thấy mình giận dữ vô lý, vội dịu giọng đáp:

– Vâng.

Người lính lật đật rút ra một tờ giấy gấp tư trong túi đưa cho An, e dè bảo:

– Có thư của cậu Chinh gửi về. Hai hôm nay tôi tìm mãi không biết cô ở đâu. Lên An Thái người ta bảo cô đã dời nhà rồi!

An không muốn tỏ sự vui mừng trước người lạ, cảm ơn anh ta rồi dậm bước đi. Người lính vội nói:

– Xin cô đọc ngay cho. Cậu Chinh viết riêng cho cô, và dặn cô đọc ngay để trả lời.

An không có cách nào khác là giờ thư anh ra đọc. Lá thư viết bằng nét chữ cầu thả nhưng dài khác thường. Chinh viết: (dịch nôm)

– An ơi. Có chuyện gấp cầu cứu đến em đây. Em giấu đừng cho cha biết chuyện này. Anh mắc nợ bạn bè mỗi người một ít. Chỉ riêng với anh bạn mang thư này,

anh mắc nợ nhiều nhất, tất cả là hai mươi quan. Em tới gặp Lợi, hỏi mượn tạm một trăm quan đưa trả cho anh bạn này. Anh biết Lợi có nhiều tiền, Lợi không dám từ chối đâu. Có dịp về thăm nhà, anh sẽ đem tiền trả lại cho Lợi. An đừng giận anh, ráng giúp đỡ ngay cho anh việc đó.

Cha vẫn khỏe mạnh chứ? An Thái có gì lạ không. Thằng “mủ mít” còn nằm khoèo ngâm thơ hay làm gì khác? Anh Kiên chắc vẫn ở lì dưới phủ chứ? Cho anh gửi lời thăm cả nhà, và những thâm quyến xa gần. Nhớ lo gấp việc anh nhờ.

Chinh

An đọc xong lá thư, vừa thương vừa giận anh. Cô không biết trả lời với người mang thư thế nào! Chinh chưa biết An đã bỏ An Thái, và Lãng đã nhập ngũ. Nhưng Chinh biết rõ tình cảm của Lợi

đối với cô, và đặt An trước một việc nan giải. Đã đành đối với Lợi, An luôn luôn cảm thấy thoải mái vì được sống trong sự dung thường, khỏi phải phí sức cố gắng hay khổ sở vì mặc cảm như đối với Huệ. Đôi lúc An còn cảm thấy mình cao hơn Lợi, do đó mỗi lần Lợi đến thăm, cô được tự nhiên muốn ngồi thế nào cho dễ chịu thì ngồi, muốn nói gì thì nói, khoan khoái tận hưởng sự dễ dãi buông thả của mình và sự chiều chuộng đến cái vụn vặt nhất của Lợi. Nhưng giữa tay mượn Lợi đến hai mươi quan, trời đất hồi! Có bao giờ An nghĩ đến lúc nhục nhã này! Phải làm sao đây? Người mang thư vẫn kiên nhẫn đợi An. Cô phải hứa liều:

– Gấp quá tôi không thể lo ngay được. Sáng mai có được không anh?

Người lính mừng rỡ nói:

– Dạ được. Mốt tôi mới xuống chợ Giã. Mai tôi gặp cô ở đâu?

An nói trong hoang mang:

– Ở đây. Cũng khoảng giờ này.

Rồi vội bước gấp ra đường cái.

✱

An lóng ngóng chờ Thọ Hương gần đến trưa không được, phải vội đi tìm Lợi. Cô gặp Lợi đang đứng nói chuyện với Huyền Khê ngay trước cổng kho quân lương nên e ngại, hồ thẹn định bỏ về. Lợi thấy An, vẻ mặt mừng rỡ nhưng giọng nói có vẻ kẻ cả:

– An chờ tôi một chút.

Khiến An càng hồ thẹn hơn. Cô có

cảm tưởng Lợi đã biết trước là An đến mượn tiền. Không thể tại sao lại có cái giọng kẻ cả như truyền lệnh cho kẻ dưới? An đành phải đứng chờ hai người nói chuyện xong. Nghe cô Huyền Khê hỏi Lợi:

– Trại chủ có nhận được thư khiếu nại của tôi không?

Lợi lễ phép đáp:

– Dạ có. Cháu nghe nói chuyện của bác được đem ra bàn bạc suốt cả đêm. Cuối cùng mọi người đều thấy phủ Phú Yên cần có bác hơn. Nghe nói quân ngũ dinh sắp sửa kéo ra. Để nhất trại chủ bận ngoài Quảng Nam. Bác Thung hiện ở Quảng Ngãi. Bác không lo giùm cho mặt nam, sợ rằng...

Huyền Khê cắt lời Lợi, bảo:

– Nhưng trong đó đã có ông Tiếp rồi. Công việc ở đây còn bề bộn, đi sao được.

– Đã có anh Lữ thay thế bác. Trại chủ nhả bác về Phú Yên càng sớm càng tốt. Mọi điều có dặn kỹ trong thư, chắc bác đã xem qua.

– Tôi đọc kỹ lắm. Ông ấy bảo phải vào chấn chỉnh tạm quân lương gần đèo cả. Làm gì có trạm đó.

– Có lẽ ông Tiếp mới lập cũng nên. Bác đi, cháu cũng lo không biết có cáng đáng nổi việc ở đây hay không. Anh Lữ lo nhiều việc khác, cháu thì tính bộp chộp. Gì thế Ngạnh? Được, cứ phát cho họ đi, anh sẽ xem danh sách sau. Gạo loại nhì hết rồi à? Không, loại nhất dành riêng đó. Lấy gạo đỏ phát cho họ. Nhớ đừng cân già, hụi kho không biết lấy gì mà bù.

Nhắc ông ấy lần sau mua giúp cho thứ anh đã dặn, tiền nong tính sau. À, giờ luôn đồ hát bội cho ông Mịch. Bác thấy không, bác đi chắc cháu không có thì giờ để ăn nữa. Đầu tắt mặt tối, quần áo lấm lem hết. Có dịp về đây liên lạc công việc, bác nhắn tin trước cho cháu đi đón, bác nhé!

Huyền Khê không nói gì, cũng không chào Lợi, lẳng lặng bỏ đi. Một người lính trạc năm mươi tuổi hốt hải chạy tìm Lợi. Lợi mau mắn hỏi:

– Chưa đi sao bác Bảy?

Người lính già hấp tấp hỏi:

– Sao lại thiếu hai chục bao muối?

Lợi cười, đáp:

– Bác cứ chờ bấy nhiêu, về ông ấy hiểu liền.

– Nhưng trong giấy ghi là tám mươi bao. Tôi ký nhận mà!

Lợi bức bội gắt:

– Bác chỉ biết chuyện lãnh hàng này, còn kỳ trước bác có đi không? Ông ấy đã mượn trước hai mươi bao rồi. Chuyển này tôi trừ nợ. Người ta chịu hết trách nhiệm, bác lo làm gì.

Bác lính già nửa tin nửa ngờ, dùng dằng một lúc rồi bỏ đi. An phải chờ một người nữa kéo Lợi ra xa nói nhỏ điều gì đó, cười đùa vỗ vai, vỗ lưng nhau một hồi. Cuối cùng Lợi mới đến nói chuyện với An. An nói với giọng hờn dỗi:

– Anh bận việc quá nhỉ?

Lợi xem đó là một lời khen, cười thỏa mãn, nói:

– Bữa nay ít việc đó. Nhiều hôm người ta xúm lại làm tội tôi, ai cũng muốn được phát trước. Làm việc này mà không kiên nhẫn, dễ tính, chắc phát điên lên mất. Điều an ủi là anh em ở xa về luôn luôn nhớ đến mình, ai cũng tay bắt mặt mừng. Nhiều hôm họ ép rượu, phải trốn! An có cần gì không?

An lại thấy khó chịu với cái giọng kẻ cả. Cô muốn đáp “không” rồi bỏ về. Nhưng nghĩ tới anh, An thu hết can đảm nói:

– Anh Lợi có tiền cho em mượn hai mươi quan.

Lợi trố mắt nhìn An, hỏi:

– Bao nhiêu quan?

An đã lỗ phóng lao phải theo lao, đáp thật rõ:

– Hai mươi quan.

– Cần việc gì mà nhiều thế?

– Dĩ nhiên cần lắm mới mượn anh. Anh có không? Em phải về lo cơm nước cho cha.

Lợi vội nói:

– Có, có chứ. Nhưng hai mươi quan nhiều quá. Không biết có đủ không. An mím môi, rồi nói:

– Cảm ơn anh vậy!

Lợi sợ An bỏ đi, vội bảo:

– Chừng nào An lấy tiền?

An làm ra vẻ kẻ cả y như Lợi:

– Ngay bây giờ.

Lợi suy nghĩ một lúc, rồi lớn tiếng gọi:

– Ngạnh ơi! Em gọi thằng thủ kho lại cho anh. Hay thôi, để anh đi gặp nó vậy. An chờ anh chút nhé!

Chương 29

Sau sáu tháng xây dựng ròng rã cả ngày lẫn đêm, dinh mới đã xong, qui mô và cấu trúc y như cái dinh phủ Qui Nhơn đã bị đốt. Dĩ nhiên là không chạm trở tở mĩ và vững chãi bằng dinh cũ. Qui Nhơn thiếu thợ khéo, việc xây cất lại vội vã nên tường tô bị dợn sóng, cửa không ăn khít vào khuôn, nền lát gạch hơi gập ghềnh. Màn trướng, bàn ghế, đồ đạc đều là những thứ quý giá đắt tiền, nhưng vì tịch thu từ nhiều nguồn gốc khác biệt nên thiếu cân đối, màu sắc chõn nhau. Tấm màn che ở cửa sổ quay về

hướng tây quá dài mà lại thiếu bề ngang. Còn tấm trướng giăng ngay phía sau chỗ làm việc của Nhạc lại rộng quá vì lấy từ dinh chàm về.

Chỉ vừa cúng “tân gia” xong, Nhạc đã cho tổ chức cuộc họp quan trọng ngay tại chính dinh. Những tin tức sôi động dồn dập bay về khiến mọi người bần khoản lo âu, không ai có thì giờ khen chê khu dinh mới như những lúc bình thường. Kể cả Nhạc. Sau khi phải cho lệnh rút khỏi Quảng Nam để về cố thủ Bến Văn, Nhạc về thẳng đây để tìm cách đối phó với tình hình mới. Trông Nhạc gầy hẳn đi, hai mắt sâu vì thiếu ngủ. Nước da tái hơn, dáng điệu, cử chỉ bớt chững chạc tự tin.

Ông giáo nghe phong thanh có cuộc họp khẩn, nhưng chờ mãi không thấy ai đến mời. Ông đã quen với tâm trạng kẻ

bị ruồng rẫy lơ là từ bao tháng nay, tuy nhiên vẫn cảm thấy chua chát.

Vào giờ chót Nhạc sai lính hầu xuống mời ông giáo lên họp ngay. Ông bị chạm tự ái muốn cáo ốm. Sự tò mò muốn biết tầm xác thực của các tin đồn còn mạnh hơn lòng tự trọng. Cảm giác chua chát vẫn đậm, nhưng ông giáo vội ăn mặc quần áo chỉnh tề, đội khăn ngay ngắn để đi dự họp.

Không khí trong phòng căng thẳng vì nét mặt dăm chiêu của Nhạc. Mọi người không ai nói với ai lời nào. Dường như cả phòng đang nôn nao chờ ông giáo tới, vì ông vừa ngồi xuống ghế xong Nhạc đã bắt đầu bảo Bùi Văn Nhật:

– Ta bắt đầu đi thôi!

Nhật đằng hắng lấy giọng rồi nói:

– Gần đây chắc quý vị đã nghe đồn đãi nhiều về tình hình trong nam ngoài bắc rồi. Tôi xin nói ngay là phần lớn các tin đồn ấy đúng. Vâng, rất đúng, chỉ thiếu sót hoặc sai lạc một vài chi tiết thôi. Suốt nửa năm nay chúng ta phải luôn luôn đối phó với hai lực lượng thù nghịch, một từ phía Gia Định đánh ra, hai từ Phú Xuân đánh vào. Mùa đông năm ngoái, quân ngũ dinh đã lần mò ra đến tận hòn Khôi, và hiện nay Tổng Phúc Hợp lần dần ra đến gần vịnh Xuân Đài. Nhưng đáng ngại hơn là mặt trận phía bắc. Tháng Mười năm Giáp Tý, Hoàng Ngũ Phúc cho quân vượt sông Gianh. Tháng Mười Một đã chiếm được dinh Quảng Bình, và mặc dù triều đình có bắt tên Trương Quốc Phó đem nộp cho quân Trịnh, quân bắc vẫn tiếp tục nam tiến. Kinh đô bị chiếm vào đêm 29 rạng 30 Tết, nhà Chúa phải chạy vào Quảng Nam lánh nạn. Vâng, tôi

hiếu thầy giáo định hỏi gì! Cả hoàng tôn Dương cũng thoát khỏi tay quân Trịnh vì đã vào Quảng Nam trước Duệ Tôn. Như vậy mặt bắc chúng ta phải đối đầu cùng một lúc với hai kẻ thù: Kẻ thù xa là đại quân của Hoàng Ngũ Phúc đóng phía bên kia ngọn Ngải Lĩnh, kẻ thù gần yếu đuối hơn là quân triều do Nguyễn Cửu Dật chỉ huy.

Nhạc ra hiệu cho Bùi Văn Nhật dừng lại, quay hỏi ông giáo:

– Thầy biết gốc gác tên này không? Hẳn khá lắm. Quân ta phải rút về cố thủ ở ranh giới Quảng Nam Quảng Ngãi do không chống lại nổi hấn. Gốc gác hấn thế nào?

Ông giáo đáp:

– Nguyễn Cửu Dật là cháu năm đời

của Cửu Kiều, người dũng lược, có tài điều quân. Khởi đầu làm Hữu thiệp đội trưởng. Năm Quý Tỵ (1773) nếu tôi nhớ không lầm thì chính nhờ Dật mà quân triều giành lại được Quảng Nam từ trong tay chúng ta. Hãn được thăng Tả quân Đại đô đốc Du quận công.

Nhật không muốn thua kém ông giáo, chen vào nói:

– Hãn có thói quen đem một ít quân tinh nhuệ dõm lược thọc sâu đánh thẳng vào bản doanh của phía địch, nhờ thế lấy ít đánh được nhiều, trận nào cũng thắng cả, ở Phú Xuân người ta thường so sánh hãn với Hàn Kỳ và Phạm Trọng Yên.

Nhạc suy nghĩ một lúc, rồi hỏi Nhật:

– Cái tin hãn bị đắm thuyền, ông đã cho xác minh chưa?

Nhật hớn hở đáp:

– Chắc chắn tin ấy đúng. Cùng chết chìm với hân có Nguyễn Phúc Kính.

Nhạc mừng rỡ nói:

– Thật là trời giúp ta.

Rồi thấy nhiều người trong phòng họp ngơ ngác chưa hiểu, Nhạc bảo Bùi Văn Nhật:

– Ông kể lại những gì xảy ra tại Quảng Nam từ sau Tết cho các ông nghe đi! Phần quan trọng nhất là ở đó.

Bùi Văn Nhật quay nhìn một lượt khắp mọi người để đọc trên gương mặt họ sự thán phục khả năng hiểu biết của mình, rồi chậm rãi nói:

– Ngay sau khi kinh đô thất thủ, Duệ Tôn trốn vào Quảng Nam vào mừng một

Tết, đóng quân ở Cà Đê. Hoàng tôn Dương cũng đã ở đó, như tôi đã thưa với thầy giáo lúc nãy. Chúa gọi Nguyễn Cửu Dật cùng các quan hộ giá đến hội họp để tìm cách chống cự với chúng ta lẫn quân đảng ngoài. Không ngờ cuộc họp biến chuyển ra ngoài dự tính của Duệ Tôn. Theo tôi lý do như thế này: dù vừa bị quân Trịnh đuổi ra khỏi kinh đô, nhưng trước mắt bọn tàn quân lếch thếch theo sau Duệ Tôn vẫn gườm chúng ta hơn là quân Trịnh. Chúng tưởng nếu đưa cao hoàng tôn lên thì chúng ta sẽ khựng lại, không dám tiến công gắt gao như trước nữa. Chúng nó đã kinh hồn hoảng vía khi mới vào Quảng Nam được có mấy ngày, nên nghĩ muốn sống thì phải ép buộc Duệ Tôn đưa hoàng tôn Dương ra làm cái mộc che tên, vì quân chúng ta sẽ không dám tiến công nữa. Vì vậy Nguyễn Cửu Dật cùng các quan hộ giá

như Ngoại tả Nguyễn Phúc Tĩnh, Chưởng dinh Nguyễn Phúc Kính, Chưởng cơ Nguyễn Phúc Chất, cùng các quan Nội đội Nguyễn Cửu Thận, Đỗ Thành Nhân, đội trưởng Trương Phúc Dĩnh đã tâu với Duệ Tôn rằng “Hoàng Tôn Dương là người hiền đức, người ta trong ngoài ai cũng ngưỡng mộ, xin sớm lập làm phó để lo liệu khôi phục”. Duệ Tôn đành phải nghe theo, đặt hoàng tôn Dương làm Thế tử, gọi là Đông cung, giữ chức Trấn phủ Quảng Nam, tổng lý nội ngoại binh dân chủ sự vụ.

Nhạc cười ha hả, nói lớn cho cả phòng nghe:

– Các ông thấy chưa, chúng nó cũng lém lẩn. Biết quyền biến ghê lắm! Chúng nó muốn cây cờ hiệu của chúng ta không trương lên được nữa, rồi ba quân ngơ ngác không biết đánh ai, cho ai! Ta đấy

binh vì giận Quốc phó và muốn tôn phù hoàng tôn. Bây giờ Quốc phó đã làm tù quân Trịnh, hoàng tôn thành Trấn phủ Quảng Nam rồi. Mục đích của ta đã đạt, xếp cờ quì gối đi thôi! Lém thật! “Tổng lý nội ngoại binh dân chủ sự vụ”, hoàng tôn ôm hết quyền hành trong ngoài, dân, lính, oai gồm! Nhưng các ông chớ lầm. Duệ Tôn không phải tay vừa đâu nhé. Hắn thành thật giao quyền cho Đông cung Dương thì ta vất vả đấy. Sự thực ngược hẳn. Ông Nhật, hãy kể tiếp đi!

Bùi Văn Nhật nói:

– Vâng. Duệ Tôn chỉ giả vờ nhường hết quyền hành cho Đông cung Dương, giao cho Đông cung chức trấn phủ Quảng Nam chẳng khác nào giao một cục xương khó nhai. Sau trận trại chủ từ sông Thu Bồn đánh xuống, Trung nghĩa và Hòa nghĩa quân từ dưới biển đánh

lên bao vây Câu Đê vừa rồi như các ông đã biết. Duệ Tôn thấy khó lòng tìm ra đất dung thân ở Quảng Nam. Bắt không được thì tha làm phúc, thế thôi. Hẳn giao cho Đông cung giữ lũy Câu Đê để cùng với Nguyễn Phúc Tĩnh, Nguyễn Phúc Chất, Tống Phước Đàm, còn hẳn thì đem Nguyễn Cửu Dật, Nguyễn Phúc Kính vào Gia Định.

Nhạc cắt lời Nhật, bảo mọi người:

– Các ông thấy chưa? Duệ Tôn hẳn thâm lắm. Quảng Nam còn sót lại một chút rẻo quanh lũy Càn Đê là nhờ ai? Nhờ một tay Nguyễn Cửu Dật. Nay đem Nguyễn Cửu Dật đi, có khác nào chặt hết chân tay của Đông cung đem giao cho cọp Tây Sơn. Nhưng hẳn còn thâm hiểm hơn nữa đối với Nguyễn Cửu Dật. Lúc này ông Nhật bảo có tin chắc chắn là thuyền của Dật và Kính đã bị

đắm, trong khi Duệ Tôn đến Gia Định an toàn khoảng trung tuần tháng hai. Dật thân cận có công như vậy mà không vào Gia Định cùng một ngày, trên cùng một chuyến với Duệ Tôn sao? Duệ Tôn đến Gia Định thì Dật, Kính bị bão chết chìm. Lạ chưa? Không còn nghi ngờ gì nữa, chính Duệ Tôn vì hận Nguyễn Cửu Dật ỷ công đứng ra ép buộc hãn nhường bớt quyền cho Đông cung, nên ngầm sai người sát hại Dật. Hãn quên rằng giết Dật tức là chặt lìa hai chân mình. Đấy, tình hình nam bắc hiện nay như vậy đấy. Tôi vội về đây gặp các ông là để hỏi ý các ông, cân nhắc hơn thiệt thật chín chắn trước khi quyết định. Đông cung Dương hiện bơ vơ lúng túng ở Câu Đề. Phía nam ta, có quân Tống Phúc Hợp trung thành với Duệ Tôn. Phía bắc có Hoàng Ngũ Phúc. Ta làm gì đây? Các ông nghĩ hộ cho tôi đi!

Câu hỏi quá lớn, không ai trong phòng họp dám trả lời. Nhạc thấy ngay điều sơ sót ấy, vội hỏi rõ hơn:

– Ta có nên nhân cơ hội này đem quân ra rước hoàng tôn về Qui Nhơn không?

Vẫn chưa có ai trả lời. Nhạc thu hẹp câu trả lời lần nữa:

– Câu Đề không phải là đất tốt để cố thủ. Đất hẹp, phía sau là núi phía trước là biển. Lũy cũng chỉ sơ sài thôi. Tôi có đánh ở đó, tôi biết. Lại thêm Nguyễn Cửu Dật đã chết. Chiếm Câu Đề để rước Đông cung về đây không phải khó lắm. Cái khó là sau khi đưa được Đông cung về ngôi đây, quân Trịnh ở bắc và quân ngũ dinh ở phía nam sẽ phản ứng thế nào? Ta sẽ thoát lối bí hay là vớ nhầm

một cái phao lép sắp chìm? Các ông nghĩ và giải đáp cho tôi đi!

Như các cuộc họp quan trọng trước, mọi người lại nhìn về phía ông giáo ngầm thúc ông lên tiếng. Ông giáo không giấu sự mừng rỡ, đứng dậy nói:

– Rõ ràng là Trời không phụ chúng ta. Đây là cơ hội nghìn năm một thuở để chúng ta thành công, các ông có thấy không? Xưa nay thắng hay bại là do được lòng người, thuận lòng trời hay không mà thôi. Lòng người hiện nay thế nào? Trước hết hãy xét việc Bắc Hà cho quân vượt sông Gianh vào chiếm Thuận Hóa. Từ thời Gia Dũ thái vương (Nguyễn Hoàng) đến nay trên hai trăm năm, công lao khai phá của họ Nguyễn Gia Miêu đã nhiều, bắc nam coi như cách biệt. Một tắc đất, một ngọn rau ở nam sông Gianh

cũng thuộc về họ Nguyễn. Cho nên dù Bắc Hà có lấy danh nghĩa gì cũng không thể thu phục được lòng người Đàng-Trong. Không có chính nghĩa, thì không thể ở lâu trên đất Thuận Quảng này được. Bao nhiêu năm nay tên quốc phó họ Trương chuyên quyền tham bạo, lòng dân oán ghét nên chúng ta chỉ phất cờ là mọi nơi đều đứng dậy hưởng ứng. Dân ghét quốc phó thì ghét lây đến người lên ngôi nhờ mưu kế mờ ám của quốc phó tức là Duệ Tôn. Cho nên Tống Phúc Hợp có mệnh hạn đến đâu cũng là nhờ công lao hai trăm năm của nhà Chúa, nhưng nếu hấn khăng khăng làm tôi cho Duệ Tôn thì cuối cùng dân sẽ xa hấn. Như vậy kẻ được Trời lựa chọn để chống lại quân xâm lược phương bắc, dẹp tan dư đảng tên quốc phó tham bạo, không ai khác hơn là Đông cung. Trước đây lòng người chưa thực tin ta chân thành tôn

phò hoàng tôn Dương vì Duệ Tôn còn đó, mà hoàng tôn cũng còn ở kinh thành. Bây giờ chính Duệ Tôn phong cho hoàng tôn làm thế tử. Hơn nữa thế tử đã thấy rõ dã tâm của Duệ Tôn, lại đang bơ vơ không nơi nương tựa. Nếu chúng ta thành tâm tôn phù, rước hoàng tôn về đây, thì vạn người ở Nam Hà đều hướng về Qui Nhơn, chúng ta trở nên những bậc anh hùng thời loạn dẹp tan nghịch đảng bảo vệ mình quân. Chúng ta sẽ có đầy đủ chính nghĩa để đẩy lùi quân Bắc Hà về bên kia sông Gianh, và dẹp hết dư đảng quốc phó ở Gia Định. Đây ý của tôi như vậy. Xin các ông xét cho.

Ông giáo hăng hái cuống nhiệt quá, nói một mạch không biết mệt. Đến lúc dừng lại, ông mới thấy chân mỏi ê, cổ họng rát. Cả phòng lao xao vì lời ông giáo, phần lớn có vẻ bất bình. Nhạc thấy

phản ứng chung, vội trấn áp:

– Các ông không được bàn chuyện riêng. Ý của thầy giáo như vậy, ý các ông thế nào, lần lượt trình bày cho mọi người rõ. Bàn riêng phỏng có ích gì!

Đúng như Nhạc dự đoán, ngoài ông giáo ra, không ai có ý kiến gì quan trọng. Nói cho đúng thì họ đều có ý kiến cả: họ ghét sự trung quân cố chấp của lão đồ gàn, lúc nào mở miệng là một điều hoàng tôn, hai điều hoàng tôn. Nhưng từ Chỉ, Năm Ngạn, Nguyễn Thung, Diệm, Bạc cho đến phải trẻ như Nhật, Vĩnh đều đủ nhạy bén cảm thấy rằng ý Nhạc là muốn rước hoàng tôn Dương về. Họ nói xuôi cho vừa lòng Nhạc. Cuộc họp thành công do sự nhất trí giả tạo đó!

★

Thật ra không phải nhờ có ý kiến ông giáo mà Nhạc quyết định dốc toàn lực đi “rước” Đông cung về. Sau trận Câu Đê, biết được tin Duệ Tôn bỏ Đông cung ở lại Quảng Nam để vào Gia Định, Nhạc đã có ý phải dùng trở lại chiêu bài hoàng tôn. Nhưng ông chưa dám bạo tay. Không phải ông do dự vì chưa tìm được một giải pháp. Nhạc tìm ra giải pháp rồi. Nếu tình hình không phức tạp lắm, ông đã một mình quyết định lấy. Trước mắt ông, có nhiều biến cố trọng đại dồn dập đến, trong đó thực lực và ý định của quân Bắc Hà thế nào thì ông không dám tin ở khả năng xét đoán của mình. Ông cần được nhiều người tán thành để đỡ bớt gánh nặng của trách nhiệm. Do đó, dù việc quân đa đoan, Nhạc cũng tạm giao công việc cho các tướng, về gấp Qui Nhơn gấp

những người thân cận trong ban tham mưu.

Ban đầu Nhạc định không mời ông giáo dự họp. Nhạc không muốn thấy ông giáo hí hửng nhìn mình bối rối trong khi bụng nghĩ thầm “đó, ông thấy chưa. Chạy loanh quanh một hồi cuối cùng cũng phải đem kiệu đi rước “cái thằng không có cu” về thờ mà thôi. Ông chịu nghe tôi từ đầu thì đâu đến nông nổi này”. Cuộc họp bắt đầu khá lâu mà những người Nhạc tin tưởng không nói được điều gì đáng giá. Hoặc họ bị ngợp trước lịch sử không mở miệng nổi, hoặc họ ngại, nghĩ đến số phận những con vật tế thần. Người miệng lưỡi chậm thì ậm ớ. Người lẻo mép như Chỉ thì nâng Nhạc lên thấu trời xanh, cho rằng những gì Nhạc đã nghĩ tất nhiên phải đúng; ý kiến nhỏ mọn vụng dại của mình không

đáng nghe nữa. Nhạc bực, mới cho lính đi mời ông giáo!

Lời trình bày của ông giáo đáp đúng những gì Nhạc chờ đợi, không quá sớm để trở thành một chuyện đùa bỡn, cũng không quá muộn để thành lời trách móc, hối tiếc. Hệ thống lý luận bao trùm cả trong nam ngoài bắc, và điều quý hơn hết, là mở ra một niềm hy vọng có cơ sở vững chắc.

Vì vậy, sau khi nhắc nhở Huệ và Châu Văn Tiếp luôn luôn cảnh giác đề phòng mặt nam, Nhạc kéo gần như toàn bộ quân chủ lực ra phía bắc. Bằng bất cứ giá nào, ông cũng phải “rước” cho được Đông cung về Qui Nhơn.

Ông chia quân làm ba đạo: thống suất Diệu, tiền phong Chính, thống bộ Tường chỉ huy hai nghìn quân ở Túy

Loan bổ bạn làm thượng đạo, Tập Đình, Lý Tài với hai nghìn quân ở Ba Độ làm trung đạo; Đốc chiến Phong, hổ tướng Hãn với hai nghìn quân ở Hà Thân làm hạ đạo. Để kích thích tinh thần tướng sĩ, Nhạc hện ai “rước” được Đông cung sẽ trọng thưởng.

Đông cung thấy mình ở thế nguy khốn, sai một mưu sĩ tên Quý lên thượng đạo liên lạc với Thống Suất Diệu và Thống bộ Tường. Mưu sĩ bảo họ:

– Tuy Tây Sơn hiện nay thắng thế, nhưng các ông nghĩ lại coi: phía bắc có quân họ Trịnh, phía nam có đại binh Gia Định sắp kéo ra, trước mặt sau lưng đều có địch, liệu các ông có giữ được Qui Nhơn không? Nếu các ông không sớm liệu đường, sau này thế nào cũng mang tiếng là quân trộm cướp. Chi bằng nhân cơ hội may mắn này, các ông hãy theo

chúng tôi vào nam, liên kết với quân Gia Định để cùng lo việc khôi phục, để tiếng thơm lại cho sử sách. Như thế không phải là bậc quân tử thức thời hay sao?

Cả bọn đều nghe theo. Đông cung vui mừng theo đường thượng đạo bỏ Câu Đê vào nam. Các tướng Tàu Tập Đình, Lý Tài nghe tin cho quân đuổi theo, diệt được bọn phản bội và bắt Đông cung ở Ô Nha. Tập Đình vốn không ưa tất cả những ai liên hệ xa gần với bọn vua chúa, đòi đem Đông cung ra chém ngay. Lý Tài can gián mãi mới cứu được Đông cung. Nhờ thế, Nhạc mới chuẩn bị đầy đủ cờ xí võng lọng đến Hội An “rước” Đông cung về Qui Nhơn.

✱

Dân phủ Qui Nhơn được tận mắt trông thấy một ông hoàng bằng xương bằng thịt vào một sáng tháng Tư. Cuộc tiếp đón diễn ra hết sức long trọng. Cờ đỏ phấp phới, rục cả một góc trời. Quân sĩ ăn mặc tề chỉnh, xếp hai hàng ngay ngắn làm hàng rào danh dự từ cửa thành ra đến chùa Thập Tháp. Mũi giáo sáng quắc phản chiếu ánh mặt trời chói chang. Mặt đường được quét dọn từ đêm hôm trước, quân sĩ dàn chào có trách nhiệm lượm hết những lá tre rụng trước mặt mình nên dù ông thầy cúng Chỉ có đi đi lại lại xoi mói kiểm soát nhiều lần cũng không tìm đâu ra một cái rác.

Từ dân cho đến lính bốn chôn, nơm nớp chờ đợi trong im lặng. Không ai dám xì xào một tiếng nhỏ. Sắc cờ đỏ che bớt vẻ sợ hãi trên các khuôn mặt xanh tái, do ám ảnh cuộc hành quyết hôm

trước. Chỉ đã cho diễn tập nhiều lần để các nghĩa quân lâu nay quen sống tự do thoải mái chịu đựng được sự câu thúc của nghi lễ. Nhất là những người được lựa chọn sung vào toán dàn chào. Ông buộc họ tập đứng thẳng lưng, mắt nhìn tới trước không được chớp. Tay cầm giáo đưa ngang song song với mặt đất. Môi trên hơi mím xuống môi dưới, vừa để che bớt những hàm răng hô cẩu bản, vừa để phòng những nụ cười vô lễ. Cuộc tập luyện căng thẳng quá nên trong lúc tạm nghỉ, một anh lính trẻ tuổi lí lắc đã đại dột nghĩ ra một trò đùa. Lợi dụng lúc các bạn bè còn đứng xếp hàng hai bên đường chưa kịp giải tán, anh quẹt bùn lên mép giả làm râu, choàng lá cờ đỏ lên vai làm áo bào (anh chẳng biết các ông hoàng bà chúa ăn mặc thế nào, chỉ biết một điều là họ không thể mặc quần áo vải xấu màu đen mốc đôi chỗ đã rách mục như anh),

đi khệnh khạng trên đường như một thể tử hống hách. Cả đám quân sĩ sau bao ngày dồn nén ồ lên cười đùa như ong vỡ. Anh lính trẻ thích chí, mặt ngếch cao hơn, bộ đi khệnh khạng hơn. Ông thầy cúng Chỉ cười ngựa đến đúng vào lúc anh dùng tay trái che lấy hạ bộ, tay phải đưa lên cao làm dấu phủ nhận, miệng la bai bai: “Không. Không. Ta có cu mà. Ta có cu mà”. Chung quanh anh không còn tiếng cười nói ồn ào! Anh kinh ngạc ngược lên, bắt gặp cái nhìn rần lục của Chỉ. Anh hãi hùng, miệng há hốc đôi mắt giống y đôi mắt con bò trước khi bị cắt tiết. Chỉ không cần chờ lệnh Nhạc, ra lệnh chém anh lính trẻ ngay tại chỗ để răn chúng. Ông bạo tay như vậy vì hai lý do: thứ nhất, ông không bao giờ cho phép bất cứ ai dám đem chuyện nghi lễ, chỗ dựa êm ái vững chắc của cả cuộc đời ông, ra làm trò đùa trước đám đông; thứ

hai, ông có đủ thông minh nhọn bén để biết rằng Nhạc đã dốc hết túi để đặt vào con bài Đông cung, hành quyết tên lính vô phép láo xược sẽ hợp ý Nhạc. Tiếng khóc, tiếng van xin, tiếng rú đau đớn của nạn nhân làm cho mọi người nổi gai ốc. Cảm giác bàng hoàng hãi hùng loang rộng ra, vất vưởng ám ảnh tâm trí từ dân đến lính. Do đó cuộc tiếp đón Đông cung long trọng nghiêm chỉnh quá sức tưởng tượng của Nhạc.

Hai bên đường, tất cả mọi người tò mò mà không vô vạ, tuyệt đối trật tự trong lặng lẽ. Nhạc cưỡi ngựa vào thành trước để chuẩn bị đón rước Đông cung, không tiếc lời ca ngợi Chỉ.

Ông kiểm soát lần chót cách trang hoàng ở chính dinh, lưu ý đám hầu cận một vài lá cờ bị gió quấn vào cột tre, thân ái sửa khăn bịt đầu và cổ áo cho một tên

lính gác, vỗ vai chào hỏi một cô lão, rồi cùng với thầy giáo Hiến, Châu Văn Tiếp, Chỉ, Năm Ngạn đi bộ ra cổng thành chờ đón Đông cung Dương.

Đám rước Đông cung đến trước chùa Thập Tháp vào đầu giờ tỵ. Đi đầu là tên lính cầm lá cờ đỏ. Đến hai tên lính khiêng trống, người đi sau theo nhịp bước lâu lâu gõ dùi đánh mạnh vào mặt da. Tiếp theo là bốn viên tướng Tây Sơn cưỡi bốn con ngựa ô cao lớn, lưng đeo gươm hông thắt khăn đỏ. Chiếc võng cán chạm trổ phủ màu điều của Đông cung đi sau bốn viên tướng cưỡi ngựa, và đi trước bốn viên tướng khác cũng cưỡi ngựa ô hộ tống. Cuối cùng là toán Hòa nghĩa quân oai vệ cao lớn của Lý Tài.

Đoàn rước vừa bước vào hai hàng quân dàn chào, trống chiêng đua nhau nổi dậy. Cờ đỏ phất cao như đột nhiên

có bão nổi. Đặc biệt ngoài tiếng chiêng trống và tiếng cờ phất hoàn toàn không có tiếng cười nói ồn ào hoặc tiếng tung hô tỏ mở. Đó là điểm thiếu sót duy nhất của cuộc lễ rước, vì do sợ hãi và tò mò, mọi người đã quên lời căn dặn của Chỉ.

Nhưng toán lính dàn chào ngay chỗ cửa thành thì nhớ. Khi chiếc võng của Đông cung dừng lại, tiếng hô “Vạn vạn tuế” vang lên từng đợt. Chiêng trống đồn dập dội đi dội lại quanh mấy lớp thành. Nhạc đến đón Đông cung tận võng. Đông cung xốc lại quần áo, đội lại khăn cho ngay ngắn, dáo dác nhìn quanh như muốn tìm ai đó. Bước chân do dự chưa dám tiến về phía Nhạc. Đông cung tươi ngay nét mặt khi thấy Lý Tài đến gần. Hai người nói với nhau vài câu ngắn, từ xa không ai biết họ nói gì, chỉ thấy Đông cung có vẻ lo âu, còn Lý Tài

thì lắng nghe rồi gật gật đầu. Lý Tài dậm bước về phía Nhạc, nhưng kịp ngừng lại, nghiêng người chờ Đông cung đi trước. Nhạc tươi cười nhìn Đông cung tới gần, nụ cười bao dung và thỏa mãn. Sau khi hạ thấp người vái lạy Đông cung, Nhạc lần lượt giới thiệu ông giáo, Năm Ngạn, Chỉ và Châu Văn Tiếp với vị khách quý. Đông cung bẽn lẽn vái chào trả từng người. Châu Văn Tiếp định sụp xuống lạy. Đông cung ngõ ngàng, nhưng cũng kịp đưa tay ngăn Châu Văn Tiếp, miệng lí nhí cảm ơn. Cuối cùng, Nhạc đưa Đông cung duyệt đoàn lính hầu, rồi vào chính dinh.

✱

Sau khi đoàn rước Đông cung đã vào hết trong dinh phủ, tiếng bàn tán cười

nói tự nhiên mới òa vỡ ồn ào. Mạnh ai nấy nói, nhất là đám đàn bà con nít. Hầu như đa số gia đình các chức việc cùng lính tráng ở trong phủ được xem mặt một ông hoàng lần này là lần đầu. Cảm tưởng chung của họ là thất vọng. Họ chờ đợi nhiều hơn nữa cơ! Trí tưởng tượng của họ phong phú hơn thực tế nhiều lắm. Những chuyện đời xưa ươm mơ cho họ, vẽ trước cho họ hình dáng một ông hoàng đẹp đẽ mắt phượng mày ngài, hào hoa phong nhã, mặc cái áo bào đỏ cưỡi con ngựa trắng thơ thẩn đi tìm một cô Tấm người Qui Nhơn. Những tin đồn kinh đô thất thủ gần đây điểm thêm cho ông hoàng tưởng tượng ấy nét lạc loài cô độc để làm mũi lòng những tâm hồn phụ nữ đa cảm.

Buổi sáng tháng Tư hôm ấy, sau khi đám rước giải tán, An và Thọ Hương

thất thểu ra về, lòng hối tiếc vu vơ. Họ hệt hững lâng lâng buồn, như vừa đánh mất một cái gì. Hai người đi bên nhau, chưa ai nói với ai lời nào. Một lúc sau, Thọ Hương mới rụt rè hỏi:

– Chị có mệt không? Trời nắng quá đi mất. Em lại quên đem nón. Biết thế hai chị em mình ở nhà quách!

An thở dài đáp:

– Ủ nhĩ! Đã nóng chết người còn cố chen nhau đến nổi mồ hôi mồ kê ướt đầm. Thiên hạ tưởng một ông hoàng phải khác thường lắm hay sao ấy!

Thọ Hương cười, rồi cắn nhẹ vào môi dưới, liếc nhìn An. An bắt gặp nụ cười ranh mãnh của Thọ Hương, đột nhiên cả hai cùng cười xòa, Thọ Hương nói:

– Chị làm như chúng ta không tò mò như thiên hạ. Quần áo chị bèo nhèo thế kia! Có khác ai đâu?

An cãi lại:

– Còn Thọ Hương tóc tai đã dượt, lưng áo ướt cả, cũng như chị mà thôi.

Thọ Hương cười to hơn, rồi bảo An:

– Nghĩa là hai đứa mình cũng là chúa tò mò. Chị An này!

Nói xong, cô do dự, hình như suy nghĩ chưa biết nên nói hay không nên nói. An hỏi:

– Hương định nói gì vậy?

– Em thấy Đông cung sao sao ấy! An cắc có hỏi:

– Sao sao là sao?

– Là... là... em cảm thấy, nhưng không diễn tả được. Nghĩa là... nghĩa là không giống như em nghĩ.

– Thế thì dễ. Hương cứ nói em nghĩ gì, rồi đảo ngược lại, tức nhiên thành cái “sao sao” của Hương. Nào, em nói đi.

– Khi rủ chị đi xem rước, em nghĩ Đông cung phải oai vệ rần rỏi một chút. Sắp làm vua một nước, yếu đuối ai người ta sợ. Phải rần rỏi như ... như... em chịu, không tìm ra người nào để so sánh cả!

– Như cha em được không?

Thọ Hương lắc đầu:

– Không. Cha em lớn tuổi quá rồi, đóng vai thái thượng hoàng hay vai đại thần thì được, chứ vai thế tử phải trẻ hơn kia. Trẻ như chú Tám Thơm chẳng hạn. À, phải rồi, em nghĩ ít ra Đông cung phải

rắn rỏi như chú Huệ vậy, nhưng không được. Da chú Huệ hơi ngăm ngăm. Em tưởng tượng Đông cung trắng hơn, vì ở lầu rồng gác phượng, nhưng mạnh bạo cương quyết như chú Tám vậy.

An vội hỏi:

– Sao hôm trước Hương chạy về tìm cuốn thơ cho chị mà không trở lại. Báo hại chị chờ mãi. Mấy hôm sau chị ngại, không dám hỏi. Mà Hương cũng quên luôn!

– Em về lục tìm mãi không thấy đâu. Em chạy hỏi mẹ. Mẹ em nói nhiều điều kỳ lắm kia. Em giận dỗi bỏ không ăn cơm.

An lo lắng hỏi:

– Mẹ em nói gì thế?

Thọ Hương biết mình nói hớ, nên tìm cách trả lời sai sự thực cho khỏi xúc phạm An:

– Mẹ em... mẹ em rầy bảo không được lục lạo đồ đạc của cha. Mẹ em còn bảo quý gì ba quyển giấy cũ mà ồn ào cả lên!

An thấy đau nhói trong lòng, mắt cay cay vì hối tiếc. Cô muốn tránh chuyện đau lòng, cố mỉm cười thật lớn hỏi Thọ Hương:

– Nhưng em đi lạc rồi. Lúc này ta đang nói chuyện Đông cung cơ mà! Hương nghĩ Đông cung phải rắc rối oai vệ, nghĩa là Hương thấy Đông cung yếu ớt bạc nhược quá. Phải thế không?

Thọ Hương ngần ngừ:

– Không hẳn thế. Ông ta cũng có vẻ chững chạc đấy chứ! Nhưng lúc bước xuống võng, ông ta háy háy cặp mắt thế này này, rồi lơ lảo nhìn quanh như người vừa ngủ dậy. Ông ta không mạnh bạo bước về phía cha em ngay, mà phải chờ đi với Lý tiên sinh. Cách đi lại hơi... hơi thế nào nhỉ?

– Hơi giống như đàn bà đi chợ, đánh hàng xa như thế này này, chân bước xiêu xiêu khi ngả phía này khi ngả phía kia như thế này này, đúng không?

Thọ Hương thích chí vỗ tay khen:

– Đúng lắm. Chị có tài bắt chước thật.

– Em nhận xét cũng đúng. Nhất là em bảo Đông cung hấp háy mắt dáo dác nhìn quanh như người vừa thức dậy.

Về phần ông giáo, ông cũng hơi thất vọng khi gặp hoàng tôn như An và Thọ Hương, nhưng tính chất của thất vọng khác đi. Gần mười năm ông mới gặp lại hoàng tôn Dương. Lúc còn là bạn của quan nội hữu Trương Văn Hạnh ở kinh đô, hoàng tôn Dương chỉ mới là một đứa bé chưa có cá tính riêng, chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ tư chất đặc biệt của một nhân tài. Có thể nếu chú ý quan sát, ông đã thấy Phúc Dương khác với những ông hoàng bé trong cung. Nhưng hồi đó ông và Y đức hầu dồn hết sức xây dựng cho Chương Võ, đặt hết hy vọng cải cách triều chính vào ông hoàng trên hai mươi tuổi ấy. Bạn ông bị tên Trương quốc phó hãm hại, gia đình ông lánh nạn vào Qui Nhơn, thì những lời đồn đãi tán tụng về đức thuần hậu của hoàng tôn mới được lưu truyền trong giới kẻ sĩ. Sự bất mãn đối với tên gian thần càng tăng, thì hình ảnh

hoàng tôn càng được tô vẽ, trau chuốt đẹp đẽ. Lâu ngày lời đồn trở nên huyền thoại, trở nên một niềm mơ ước vô vọng và một lần nữa thêm đẹp đẽ nhờ sự vô vọng ấy. Trường hợp ông giáo cũng đặc biệt: giới sĩ phu thù ghét Trương Phúc Loan do những ý niệm trừu tượng như nhân nghĩa, trung quân, thành tín, liêm khiết v.v... còn ông thì ghét sâu cay vì là nạn nhân trực tiếp của Quốc phó. Căn rễ của lòng căm thù không là ý niệm mơ hồ, mà là sự đe dọa đến chính mạng sống, cuộc đời lánh nạn cay cực lưu lạc, cái chết của vợ, số phận chìm nổi của các con. Ông nuôi huyền thoại hoàng tôn thành ý nghĩa của đời ông, mục đích tối thượng của sự sống. Hằng đêm ông thấy hoàng tôn lớn lên, trưởng thành trong đau khổ như ông, rắn rỏi mạnh mẽ nhờ dày dạn trường đời. Ông cho hoàng tôn nói, cười, đi đứng, suy nghĩ y như cái

hình mẫu đáng minh quân trong sách nhỏ, đầy đủ các đức độ tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Lo trước cái lo của mọi người, vui sau cái vui của mọi người... ngày đêm chăm chăm lo âu làm sao cho sáng cái đức sáng, thương yêu dân và biết dừng ở nơi toàn thiện...

Mười năm lưu lạc và mơ ước trôi qua, giờ đây ông gặp lại mẫu người lý tưởng của đời ông, thấy huyền thoại sống động đầy đủ mặt mũi da thịt. ông giáo đã thấy gì vào sáng tháng Tư? Ông đã thấy một con người bình thường!

Vâng, rất bình thường. Trắng trẻo như bao nhiêu người quen sống ở nơi nhung lụa, dáng điệu chậm rãi kiểu cách theo lối các ông hoàng, ngơ ngác trước hoàn cảnh xa lạ bất trắc; uể oải sau một chặng đường vất vả! Một người lâu nay giới sĩ phu đặt hết niềm tin tưởng hy

vọng, bây giờ ông giáo đã thấy vẫn là một người bình thường. Nhưng cái khác thường chỉ do ông tô vẽ trong tâm tưởng mà thôi!

Ông giáo được Nhạc giới thiệu một cách hết sức trân trọng với Đông cung. Nhạc trở ông giáo, tươi cười nói:

– Đây là thầy giáo Hiến, bạn thân của quan nội hữu Ý đức hầu, kẻ thù của Trương Tần Cối, vị cố vấn tài ba của chúng tôi. Chính thầy giáo là người đã dùng cả mạng sống của mình để thuyết phục tôi, kiên nhẫn ca tụng các đức độ của Ngài với bất cứ ai, ở bất cứ chỗ nào. Chưa có ai say mê Ngài cho bằng thầy giáo. Và bây giờ, tôi mới thấy thầy giáo có lý.

Ông giáo rùng mình vì những lời ca tụng đó, vì thấy trong nhận định của

Nhạc, số phận của ông cột chặt với số phận của Đông cung. Nhưng rồi đây cuộc đời Đông cung sẽ đi về đâu? Đông cung có vượt lên khỏi được cơn bão đang và sắp làm rung chuyển cả đất nước này không? Khoảng thời gian ngắn quan sát Đông cung từ lúc bước xuống vồng đến lúc đứng trước mặt ông, đã quá đủ để thấy giáo đo lường chiều cao nhân vật lịch sử này. Một người bình thường. Như mọi người. Đông cung nghe Nhạc nói mà nét mặt không xúc động, cười cảm ơn tri ngộ mà không vui, đôi mắt lơ lảo ngõ ngàng lâu lâu lại nhìn về phía Lý Tài để lấy thêm tự tin. Ông giáo ghi nhận thêm nước da tái xanh, và cái tật hay chớp chớp con mắt phải. Không hẳn là con người bình thường. Ai chẳng là người bình thường! Ông giáo cảm thấy ngao ngán lòng khi tìm đúng được thuộc từ cần thiết: “tầm thường”. Phải, chỉ là

một người tầm thường mà thôi!

✱

Sau buổi lễ long trọng tổ chức tại sân tập trong vòng thành phủ để Đông cung chính thức ra mắt trước công chúng, Nhạc mời Đông cung về chính dinh để bàn về một “quốc sự” khẩn cấp.

Một lần nữa, ông giáo thất vọng vì Đông cung!

Trong cuộc hội kiến, Nhạc dùng giọng đanh thép giận dữ bảo Dương:

– Xin báo cho Ngài một tin quan trọng, đáng mừng hay đáng buồn là tùy ở Ngài: Chúng tôi vừa nhận được tin Tổng Phúc Hợp đã chiếm Xuân Đài.

Nhạc dừng lại, nhìn chăm chăm vào

Dương để dò phản ứng, Dương bối rối tránh nhìn Nhạc, từ đó đến cuối cuộc hội kiến cứ ngược nhìn lên trần dinh, nét mặt chán chường bất động.

Nhạc tăng hắng rồi nói tiếp:

– Tôi nghĩ Ngài có đủ chín chắn để không vội mừng. Ngược lại, đây là một tin buồn cho Ngài. Duệ Tôn đối với Ngài thế nào, Ngài đã rõ. Không phải vô cớ mà Duệ Tôn nổi lòng hào hiệp nâng Ngài lên làm thế tử, và giao hết binh quyền, trách nhiệm phủ Quảng Nam cho Ngài. Tôi biết rõ, và Ngài cũng biết rõ, là cây cột đủ sức chống đỡ cho dinh Chàm khỏi đổ không ai khác ngoài Nguyễn Cửu Dật. Hắn có nhiều kinh nghiệm chiến trận, lại quen địa thế Quảng Nam. Không biết Duệ Tôn đã giải thích với Ngài thế nào để đem Nguyễn Cửu Dật vào Gia Định, thay vào đó là tên bại tướng Nguyễn

Cửu Chấn. Dật vào đó để đem quân ngũ dinh ra tấn công Qui Nhơn ư? Gia Định thiếu gì tướng tá. Vả lại đại quân của Tổng Phúc Hợp đã đóng ở Hòn Khói rồi. Chẳng lẽ giạt chức của Hợp để giao cho Dật! Chọn một viên tướng tài theo hộ giá ư? Tạm cho như vậy đi. Nhưng tại sao Nguyễn Cửu Dật và Nguyễn Phúc Kính lại không vào nam trên cùng một thuyền với Chúa, hoặc thuyền trước thuyền sau khởi hành cùng một ngày? Chắc Ngài chưa biết điều quan trọng này? Đó là Nguyễn Cửu Dật và Nguyễn Phúc Kính đã bị bão vùi thây trong bụng cá hôm 18 tháng Hai, lúc đó Duệ Tôn đang ghé Hòn Khói để phong cho Tổng Phúc Hợp làm Tiết chế Kinh quận công, Nguyễn Khoa Toản làm tham chính. Giao cho Ngài và cái dinh Chàm sắp nát sau khi đã chặt lìa cây cột chống Nguyễn Cửu Dật đi, ghé Hòn Khói phong Tiết chế cho Tổng Phúc

Hợp đồng thời dìm Dật và Kính xuống biển đông, Ngài xem, Trương Phúc Loan lập Duệ Tôn làm chúa ít ra cũng biết chắc Chúa là người đồng tâm đồng khí. Tôi không hiểu thái độ của Chúa lúc Dật và đám quần thần lưu vong ép Chúa phong cho Ngài làm Đông cung ra sao? Chắc chắn Ngài còn nhớ. Tôi cũng đủ trí khôn để đoán được! Tổng Phúc Hợp đã từ Hòn Khói kéo ra Xuân Đài. Ngài nên vui hay nên buồn là tùy Ngài. Không ai cho không chúc Tiết chế mà chẳng đòi hỏi thứ gì! Với Dật thì đích thân Chúa ra tay, nhưng với Ngài thì...

Nhạc cười nhỏ, không nói tiếp:

Đông cung không thể giả vờ thản nhiên được nữa. Dương sợ hãi nhìn quanh, giống y vẻ mặt một kẻ phạm tội trước giờ hành hình muốn tìm chỗ trốn. Nhạc thỏa mãn ngắm Dương lo sợ. Ông

cười lần nữa, hỏi Dương:

– Ngài muốn tìm Lý tiên sinh ư? Tiếc quá, ông ấy đã được lệnh về gấp Quảng Nam. Quân Trịnh đã rục rịch vượt qua đèo Hải Vân. Chỗ của ông ấy không phải ở đây. Nghề của Lý tiên sinh là đánh giặc chứ không phải làm vú em.

Đông cung xanh xám nét mặt, không hiểu do giận dữ hay sợ hãi. Ông giáo bắt nhãn không dám nhìn khuôn mặt bạc nhược thất thần như mặt tử thi ấy!

✱

Nửa tháng sau lại có tin quân Tống Phúc Hợp bắt đầu rời Xuân Đài tiến ra phủ Phú Yên (bấy giờ đóng tại sông Cầu). Nhạc vừa lo âu vừa tức giận, hỏi ông giáo:

– Sao lạ thế? Ông Tiếp với thằng Huệ làm ăn cái gì mà cứ lùì, lùì, lùì. Ông Huyền Khê coi như mất tích, không biết sống chết thế nào. Trăm đèo Cả vỡ tôi không ngạc nhiên. Nhưng phía ngoài này có ông Tiếp và Huệ án ngữ. Tại sao thế?

Ông giáo lo cho Lãng và Huệ, vội vã hỏi:

– Có tin gì của anh Huệ không?

Nhạc ray rút bọc dọc, đưa ngón tay lên quệt mũi, trả lời:

– Không. Tôi chắc bên trong có trục trặc gì đó mà ta chưa hiểu. Cũng do mình không cương quyết ngay từ đầu. Mình không có lực lượng ở Phú Yên, giao hết trong đó cho ông Tiếp. Chuyện trên trời dưới biển gì ông Nhật cũng biết cả, ngoài

chuyện nội bộ của căn cứ Trà Lạng (căn cứ của Châu Văn Tiếp). Nếu ta mạnh tay ngay từ đầu như đối với Nguyễn Thung, chắc bây giờ đỡ phải rắc rối.

Ông giáo nhớ đến thái độ Châu Văn Tiếp hôm hội kiến căng thẳng, nói với Nhạc:

– Hôm trước ông hơi nặng lời với Đông cung. Đã đành phải nói như vậy để Đông cung dứt khoát về phe mình, nhưng cách nói có vẻ... có vẻ.

Nhạc cắt lời ông giáo:

– Có vẻ đốp chát chứ gì. Tôi cố ý như vậy. Không thể để cho anh ta ôm mộng trông chờ quân ngũ dinh được.

Ông giáo nói tiếp:

– Nhưng thang thuốc công phạt

thường tạo các dị ứng. Tôi chú ý đến nét mặt Châu Văn Tiếp hôm ấy, thấy ông ta hăm hăm giận dữ. Ông có thấy Tiếp định sụp xuống lạy Đông cung hôm đám rước không?

Nhạc ngạc nhiên hỏi:

– Thật thế à?

– Đúng thế. Sở dĩ Tiếp thuận đưa quân trà Lạng ra tăng cường cho Quảng Nam chỉ vì nghe trại chủ bảo cần lực lượng lớn để đi rước Đông cung. Sau cuộc hội kiến hôm trước, ông Tiếp lặng lẽ về Phú Yên không chào ai cả. Có thể vì vậy mà quân Tổng Phúc Hợp cứ tiến, tiến, tiến, gặp rất ít trở ngại.

– Còn đạo quân của thằng Huệ đó làm gì?

– Một mình anh Huệ không thể cự nổi Tổng Phúc Hợp. Địa thế Phú Yên, nhất là đường thượng đạo, Châu Văn Tiếp còn đám bộ hạ người Đồng Xuân của ông thuộc lòng như kẻ bàn tay. Thiếu phối hợp giữa ông Tiếp với anh Huệ, thì tuyến phòng vệ trở nên lỏng lẻo.

Nhạc đột nhiên nổi giận. Mặt ông xám thêm. Nhạc nói:

– Thấy quanh co một hồi, cuối cùng cũng đổ trách nhiệm mất Phú Yên lên đầu tôi. Thấy bảo chỉ vì tôi không tôn kính Đông cung thành thật nên Châu Văn Tiếp bất mãn, từ đó phối hợp mặt trận phía nam lỏng lẻo, đưa hết thất bại này đến thất bại khác. Tôi hiểu thầy chăm chăm đến sự tôn phò. Thấy là nhà nho đầu óc lúc nào cũng lo lắng chữ trung. Nhưng thầy nghĩ lại coi, cả Duệ Tôn lẫn Đông cung ngoài mặt thân thuộc nhưng

bên trong thù hận nhau đến mức nào! Mà cả hai có đáng gì đâu! Tôi nhún mình vái lạy mà xương sống nhất định không thềm cong, đầu gối không chịu quì, là vì anh ta chẳng đáng gì. Chẳng lẽ đến phút này mà tôi còn dẫu sự thực với thầy! Cái thằng lính lí lắc bị ông Chỉ chém oan đó, ta nên lập miếu thờ cho nó. Nó trẻ tuổi thấy sự thật, không quen nói ngược nói dối. Phải, nó giấu cột ‘cái thằng không có cu’ là có lý!

Ông giáo vội thanh minh:

– Ông cả, xin lỗi tôi không gọi trại chủ mà gọi ông cả là vì hai ta thân tình với nhau từ lâu rồi, không nên khách sáo e ngại lẫn nhau. Ông hiểu lầm tôi rồi. Tôi không mù quáng như Châu Văn Tiếp đâu. Tôi cũng hiểu giá trị bọn vương hầu, ai xứng đáng, ai không xứng đáng. Ông thấy đấy, tuy lúc nào tôi cũng nhắc nhở

ông chuyện tôn phù, nhưng hôm đám rước, tôi không định sụp lạy như Tiếp. Đông cung Dương là một người hiền đức lời đồn đãi có lẽ đúng. Nhưng muốn lái con thuyền vượt qua cơn sóng gió dữ dội này thì hiền đức chưa đủ. Phải có tài năng quyền biến, chí khí cao, nhẫn nại lớn. Những cái đó ông có thừa. Hiện nay Đông cung không thể thiếu ông, mà ông cũng phải cần đến Đông cung. Đã cần, thì phải đối xử như khách quý chứ đừng đối xử như thằng tù. Ít được cơ hội nói thẳng nói hết với ông như hôm nay, nên chắc tôi có quá lời. Xin đừng giận tôi, ông cả!

Nhạc hơi nguôi giận, nhưng nét mặt vẫn giữ vẻ đăm chiêu. Ông giáo yên lặng chờ lời giải hòa của Nhạc, để xóa tan nỗi nghi ngại nguy hiểm trong các cuộc giao tiếp sau này. Nhạc suy nghĩ lung lắm,

cuối cùng ngược nhìn ông giáo, nói nhỏ nhẹ:

– Tôi xin lỗi thầy. Chỉ vì tôi lo cho thằng Huệ quá, mất cả bình tĩnh. Lâu nay tôi dồn hết lực lượng ra mặt bắc, phía nam chỉ có một mình nó cáng đáng. Trách nhiệm lớn, nó lại không được toàn quyền quyết định vì là đất của ông Tiếp. Không hiểu có việc gì không?

Nỗi lo lắng cho Huệ khiến ông giáo và nhạc gần gũi nhau hơn. Ông giáo cảm động, nói với Nhạc:

– Ông đừng quá lo. Tôi dạy anh Huệ bao năm, tôi biết. Anh ấy không phải là kẻ dễ dàng chịu thua cuộc. Trí thông minh và ý chí anh ấy thật khác thường. Rồi ông cả xem, mặt trận phía nam còn yên tĩnh hơn cả phía bắc là nhờ anh Huệ. Tôi đoán người ít khi lầm!

Nhạc chợt nhớ đến Lãng, hỏi ông giáo:

– À, tôi quên khuấy đi mất. Lãng nó ở chung với Huệ mà! Tôi vô ý chỉ lo cho thằng Huệ mà không nhắc đến thằng Lãng. Lâu nay nó có viết thư về không, thầy?

– Ít lắm. Viết vài dòng cho biết vẫn thường, thế thôi!

✱

Tình thế ở phía nam càng ngày càng xấu. Quân bộ của Hợp ở Xuân Đài, quân thủy ở vùng Lắm cứ lần dần ra phía Qui Nhơn, uy hiếp phủ Phú Yên tại sông Cầu. Có lẽ để uy hiếp tinh thần phe địch nên tháng Năm Ất Tỵ, Tổng Phúc Hợp sai viên tri huyện Đồng Xuân là Bạch Doãn

Triều và cai đội Thạc ra hỏi tội Nhạc, đòi Nhạc phải trả lại Đông cung.

Sứ giả đến vào lúc Nhạc chuẩn bị đem thêm quân ra Quảng Nam tiếp ứng cho Tập Đình, Lý Tài chống lại quân Trịnh. Nhạc bối rối chưa biết phải xử trí thế nào. Ông biết đây chỉ là cớ để Hợp khiêu chiến. Hắn muốn đánh nhau hả? Ta đã sẵn đây! Việc gì phải tìm cớ! Muốn tìm hả? ta chém quách tên tri huyện và gửi trả đầu cho Xuân Đài! Nhưng cái khó ở đây là Đông cung. Hợp đòi Đông cung, ở chỗ thiên hạ bốn phương chăm chăm nhìn vào, một cái gậy đầu lắc đầu của Đông cung cũng đủ tạo ra nhiều hậu quả lớn. Nhạc vội sai lính mời ông Chỉ lên căn dặn cách bố trí dinh tiếp sứ, rồi mời ông giáo lên hỏi:

– Những điều chúng ta đoán trước đều đúng cả. Hợp vừa cho người ra đòi

trả Đông cung. Ta phải làm gì đây?

Ông giáo hỏi lại:

– Trại chủ có định trả không?

Nhạc cười gằn, đáp:

– Sao thầy hỏi thế! Trả sao được!

Ông giáo lại hỏi:

– Theo ông thì Đông cung có muốn về với Hợp không? Nhạc do dự, rồi đáp:

– Cái đó tôi không biết chắc. Hôm trước nghe tôi nói, anh ta có vẻ sợ. Nhưng những người ba chìm bảy nổi thường kín đáo, dè dặt, khó lường trước hành động của họ lắm.

– Như vậy ngay tối nay, phải làm thế nào để Đông cung sợ không dám công khai đòi về với Tổng Phúc Hợp.

– Việc này khó khăn và tế nhị. Tôi xin nhờ thầy giúp cho. Tôi nói không tiện.

Ông giáo vui lòng đến gặp Đông cung. Cùng dùng một lập luận với Nhạc hôm hội kiến, nhưng ông giáo nói khéo hơn, dẫn dụ cho Dương tự mình thấy được thế nguy hiểm của mình. Ông thêm thất sự hống hách láo xược của viên tri huyện, không chút do dự, vì biết trước thế nào ngày mai hẳn cũng tỏ ra hống hách láo xược. Ông lưu ý vai vế thấp kém của sứ giả, điều đó chứng tỏ trước mắt Hợp, ông hoàng bị cầm tù chỉ đáng tương xứng với viên tri huyện của một vùng đất thừa dân, nghèo của. Ông nhắc lại nhiều lần thâm ý của Duệ Tôn, giao phủ Quảng Nam bị vây khốn tứ phía cho Đông cung, sau khi đã đem đi viên tướng giỏi nhất. Nhắc lại cuộc hội kiến đáng

ngờ giữa Duệ Tôn và Tống Phúc Hợp ở Hòn Khói.

Ông giáo đã hoàn thành công việc Nhạc giao phó.

Sáng hôm sau Nhạc tiếp sứ giả ngay tại chính dinh. Chỉ đã vâng ý Nhạc đặt ngay giữa phòng một cái bệ cao dành riêng cho Đông cung, mặt quay về hướng nam. Nhạc và Chỉ, Năm Ngạn, Nhật, ông giáo đứng hầu bên trái; Nguyễn Phúc Chất, Nguyễn Phúc Tịnh theo hầu Đông cung từ hồi ở Câu Đê đến nay thì đứng bên phải. Sau vài lời xã giao nhạt nhẽo, tri huyện Bạch Doãn Triều lớn tiếng nói:

– Hai chúng tôi vâng lệnh quan Tiết chế ra đây có nhiều việc phải bàn với các ông. Không có thì giờ dãi bôi chuyện mưa nắng nữa. Quan Tiết chế truyền...

Nhạc giơ tay cắt lời viên tri huyện lảo xược, dần cơn giận, chậm rãi đỉnh đạc nói:

– Tướng sĩ ngũ dinh ngàn dặm đến lo việc cần vương, thật là trung nghĩa lắm. Nay chúng ta đã trừ được tên Quốc phó Trương Phúc Loan. Việc lớn còn lại là rước lập hoàng tôn, công việc này quá trọng đại, một mình chúng tôi sức yếu, hiểu biết ít, chắc chắn không thể kham nổi. Sẵn có quý vị cất công ra đây, chúng tôi xin bàn với tướng sĩ.

Bạch Doãn Triều thấy Đông cung ngồi chễm chệ trên bệ cao, Nhạc và bộ hạ đứng thấp khếp nép bên trái, hai quan lớn thân cận hộ vệ bên phải, hoang mang chưa biết phải xử trí thế nào. Chợt nhớ lời căn dặn của Tiết chế, viên tri huyện bạo dạn hơn, mỉm cười hỏi Nhạc:

– Minh công có lòng lo lắng như vậy, nghe rồi mới đến đây, sao lại không vâng. Nhưng nếu quân của ngũ dinh kéo ra, minh công sẽ cho trốn ở đâu?

Nhạc mím môi suy nghĩ, rồi quay về phía bệ Đông cung lễ phép thưa:

– Lệnh trên ban xuống thế nào, chúng tôi xin răm rắp tuân theo. Bấy giờ Đông cung mới hết hoảng, hai đầu gối khép lại, thu nhỏ người vào một góc bệ. Dương chồm ra phía trước, hết nhìn Bạch Doãn Triều lại nhìn Nhạc, như trách móc tại sao hai bên đôi co sinh chuyện làm gì để buộc Đông cung phải phân xử. Mà phân xử thế nào đây? Đông cung nhìn Nguyễn Phúc Tịnh cầu cứu. Rồi đến Nguyễn Phúc Chất. Hai viên đại thần quá quen với cách xử trí khôn ngoan vào những lúc phế hưng bất trắc, nên làm ngơ như không hiểu Đông cung

muốn gì. Vô vọng, bức dọc, cuối cùng
Đông cung nói:

– Các khanh tùy đó mà liệu với nhau!

Màn kịch bất đắc dĩ kết cuộc. Nhạc
lại phải đi ngay ra Quảng Nam cho kịp
đúng đường trạm.

Chương 30

Thọ Hương hí hửng tìm An, đưa một gói giấy ra, nói:

– Đồ chị thứ gì trong này?

An định chụp cái gói giấy nhưng Thọ Hương cười to, chạy ra xa, gói giấy đưa lên quá tầm cao của An. An thấy lòng vui vui, hy vọng vu vơ e dè. Cô làm mặt tỉnh, nói với Thọ Hương:

– Thứ gì thì mở ra khắc biết ngay. Chị có nói đúng cũng chỉ do may rủi, chứ được gì đâu!

Thọ Hương nghiêm nét mặt, đưa gói giấy cho An:

– Của chị đấy!

Bấy giờ lòng An mới nổi lên rộn rã. Có lẽ mình đoán đúng. Nhưng biết đâu! Nếu đoán sai có phải tẽn tò với con bé không! An làm ra vẻ thờ ơ, lãnh đạm bảo Hương:

– Thọ Hương đừng đùa tội nghiệp chị. Có ai gửi quà cho chị đâu!

Thọ Hương thất vọng vì vẻ lãnh đạm bất ngờ của An, giận dỗi nói:

– Của chị em mới đưa chứ! Của chú Tám gửi chị mà!

An ghen lời, muốn ngộp thờ. Cô không ngờ tuy đã đoán trước được một lần, lúc biết chắc sự thực, cô có thể xúc

động đến độ ấy. Vẫn còn chưa dám tin trước một hạnh phúc quá lớn. An hỏi:

– Có thật của chú Tám Hương không? Ai đem về đây!

Hương đáp:

– Quyển sách hôm trước chú gửi cho chị đấy. Hôm qua em chờ cha lên ngựa xong, lấy bạo vào phòng cha lục một lần nữa. tìm kiếm cả buổi không thấy gì. Chị biết không, em áy náy chưa tìm ra cho chị thì mỗi lần gặp chị, em có cảm tưởng mình còn mắc nợ chị. Cho nên em quyết tìm cho ra. Cuối cùng, chị biết em tìm thấy nó ở đâu không? Trên đầu tủ chè. Cha em vắt trên đó. Í, em quên, có cha em cất trên đó để lại cho thầy nhưng quên đi. Em tìm lá thư ngắn kèm theo cuốn sách mà không thấy. Kia, chị mở dây ra đi. Làm gì như người mất hồn thế!

An suy nghĩ về mấy lời nói hớ của Thọ Hương “Cha em vất trên đó”, lo âu đau xót cho những trở ngại, những dang dở, những tuyệt vọng có thể đến sau này. Thọ Hương nhắc, An mới giật mình nhớ đến gói quà. Cô mở sợi dây chỉ điều. Bên trong, là một tập thơ Đỗ Phủ in trên giấy hồng đào, bìa bọc gấm. Trên trang đầu có in tên một thư các bên Trung Hoa, và triện của Trần Vũ Bình Khang đóng đỏ chói.

Thọ Hương líu tíu hỏi:

– Đẹp quá hả chị! Chắc là quý lắm hả chị. Coi thứ giấy họ dùng kia! Mịn và dai quá đi mất! Họ có đề giá tiền không chị.

An xem kỹ hai bìa, rồi đáp:

– Không. Vì đây là ấn bản cho thư các một dòng họ quý tộc bên Trung Hoa,

nên không để giá bán. Họ cần gì tiền mà bán sách. Không hiểu vì sao tên tuần phủ Bình Khang kiếm được quyển sách này!

Thọ Hương có vẻ thất vọng:

– Thế thì trị giá của nó là bao nhiêu?

An thương hại nhìn Hương, chậm rãi đáp:

– Khó mà nói cho trị giá của nó. Những dòng thơ này là máu, là nước mắt, suốt cả đời chìm nổi của Đỗ Thiếu Lăng. Đối với một người hiểu thơ thì cuốn sách không lấy gì định giá được, vì nó còn quý hơn cả một đời người. Đỗ Thiếu Lăng chết lạnh trong một chiếc thuyền rách trên quãng đường từ Đàm Châu đến Nhạc Dương, thân xác rữa nát mà đời vẫn còn biết tên là nhờ cuốn thơ này. Nhưng đối với những kẻ ngu

phu thì không đáng một thanh gỗ thông nhen lửa. Thật vậy, vì đem nhen lửa loại giấy này cháy không tốt bằng gỗ thông.

– Chị nói em chẳng hiểu gì cả. Nào “thiếu lăng” với lại “đủ lăng”. Chị nói gọn cho em biết đi. Nếu gặp lúc túng đói, đem cuốn sách này ra đổi được mấy bát gạo?

An cả quyết đáp:

– Không đổi được bát gạo nào đâu!

– Trời ơi! Vậy thì chú Tám lần thần quá. Để vài bữa chú về, em phải trách chú mới được!

An hồi hộp đáp:

– Vài bữa nữa chú về? Ai bảo em thế?

Thọ Hương ngạc nhiên hỏi lại:

– Thế chị chưa biết sao?

– Biết cái gì?

– Chú Tám Thơm với cậu Lãng sắp về đây. Lính trạm chạy về báo trước tối hôm qua..

An sung sướng đến nóng ran cả mặt. Cô thắc mắc tự hỏi tại sao những việc tối quan trọng như vậy mà không ai cho An biết cả, An chỉ biết qua những dịp vô tình. An quên rằng so với tin tức quân Trịnh đã vượt qua đèo Hải Vân và quân Tống Phúc Hợp đã ra quá Xuân Đài, thì cái tin Huệ về hay không về chỉ là hạt bụi. Thọ Hương mãi suy nghĩ chuyện riêng, không chú ý đến nét xúc động của An. Chờ không thấy An nói gì, Hương tưởng cái tin Huệ về không có gì đáng nói, bèn quay sang chuyện khác. Hương căn lấy môi dưới, cắn lên liếc An, định nói điều gì nhưng còn xấu hổ do dự. An ngược lên hỏi:

– Em định nói gì mà ấp a ấp úng thế?

Thọ Hương chối:

– Có gì đâu!

– Thế tại sao em lại đỏ mặt?

– Em đỏ mặt hồi nào. Em chỉ tức cười thôi. Chị An này!

– Cái gì?

– Chiều hôm qua em thấy Đông Cung đi rửa mặt.

An bật cười:

– Tưởng chuyện gì lạ. Đông Cung đi rửa mặt mà em kể như chuyện trời sập.

Thọ Hương cãi lại:

– Em thấy là lạ sao đấy. Đầu tiên em nghe Đông Cung gọi thẳng lính hầu,

giọng trọ trẹ như giọng của cha chị vậy. Dĩ nhiên là thanh và mạnh hơn. Gọi hai ba lần không thấy ai thừa cả. Có lẽ thằng lính hầu bận việc gì đó. Em lên nhìn, thấy cửa sau xích mở, rồi Đông Cung cầm cái thau ra phía chỗ ang nước. Lúc rửa mặt, Đông Cung vừa dùng cả hai tay vốc nước lên vuốt vào mặt vừa thở phì phò. Trông lạ lắm. Em cứ ngỡ các ông hoàng bà chúa phải có gì khác thường chứ!

An tỉnh nghịch nói:

– Sao lại không khác thường. Thọ Hương không nghe người ta gọi Đông Cung là chị Dương sao? Hai cô gái cùng đỏ mặt, bụm miệng cười ngật nghẻo. Thọ Hương dấm thùm thụp vào lưng An, nói:

– Chị này quỉ quái lắm! Em không nói chuyện với chị nữa.

✱

Huệ và Lãng về Qui Nhơn đúng vào lúc tin thất bại ở Cẩm Sa đồn dập bay về. Cả phủ xao động, đảo đảo. Những người vợ lính chạy đi hỏi tin tức thân nhân, mặt mày ai nấy đều hốt ha hốt hải. Những tin đồn thường bi thảm hóa tình hình thực tế, và những người mẹ người vợ tin những lời đồn đại đó hơn các lời trấn tĩnh của ông Vĩnh, phụ trách việc quân của Tây Sơn. Một tin đồn nguy hiểm suýt làm náo động cả phủ là ông Vĩnh vừa nhận được một danh sách ghi đầy đủ những người tử trận hoặc mất tích trong trận Cẩm Sa để báo tin cho gia đình, nhưng không biết vì cớ gì,

Vịnh giấu đi. Tin ấy lan nhanh như lửa gặp gió. Ban đầu chỉ có vài người thân thuộc của Vịnh đến hỏi. Vịnh, và cả vợ nữa, giải thích, cải chính, trấn an, vỗ về, an ủi... Đưa tất cả cái gì thiêng liêng nhất đời ra thể rằng không nhận được bản danh sách đó. Họ đưa được người này ra khỏi cửa, thì người khác đến. Dần dần số người tụ tập quanh nhà mình đông thêm, Sau đó bọn tò mò hiếu kỳ, bọn ngồi lê đôi mách cũng nhập bọn. Góc phủ náo loạn. Không khí xáo xáo kích động dễ dàng những tâm hồn dao động hốt hải. Những bà cụ già bắt đầu thút thít, kể lể. Vài bà vợ lính bù lu bù loa, bứt tai bứt tóc. Cơn điên loạn truyền nhiễm đám đông. Người ta xô ngã vào nhà ông Vịnh. Người ta la ó, chửi rủa, than khóc... Nếu Bùi Văn Nhật không đem đội cấm quân đến giải tán một cách cương quyết thẳng thừng, không kiên

nể ai, thì chắc “cuộc dấy loạn” nhỏ nhỏ ấy còn lan rộng nữa. Huệ tìm gặp ông giáo giữa lúc xao xác hỗn loạn đó!

Ông giáo tìm được người tri âm, giữ Huệ lại nói hết những ray rút lo âu của mình:

– Anh thấy không! Tại sao lại phải đến nông nổi này! Tất cả đều hỗn loạn, quay cuồng điên đảo. Tất cả đều là tiếng khóc, đều là tang thương, cô cút, góa bụa. Ta phá tan tành cái cũ mà chưa biết làm nên cái mới ra sao, nên mọi người trở thành dân xiêu dạt, trên đầu không có mái che. Dường như đất ở dưới chân ta bắt đầu lay động. Những người dân đen khổ, vì họ mà ta khởi dậy, vì họ mà cực nhọc vào sinh ra tử, anh thấy đó, họ vẫn cứ khổ, mắt họ còn chan hòa nước mắt. Da họ nhăn, những đứa bé còn lơ lảo đói khát. Cuộc hỗn loạn này không phải là

điều vô tình. Nó là tiếng chuông cảnh tỉnh, sự nhắc nhở muộn màng nhưng nếu ta chịu khó lắng nghe, tiếng chuông đó vẫn còn có ích. Giữa anh và tôi, chắc anh không nỡ giấu làm gì. Phía bắc mặt trận Cẩm Sa đã vỡ. Tôi nghe ông Vịnh bảo dù đạo quân Tàu Ô của Tập Đình, Lý Tài có ở trận trùng trục, gióc tóc, quần khăn đỏ, đeo giấy vàng bạc, tay cầm khiên mây, đại đao xông vào liều chết đánh nhau, cũng không ăn thua gì. Hoàng Ngũ Phúc, Hoàng Đình Thế, Hoàng Phùng Cơ không phải là những tên lính bạc nhược như Nguyễn Cửu Chấn. Đã đành được thua trong chiến trận là việc thường. Nhưng lần này trầm trọng hơn các lần trước. Tôi được tin tức chắc chắn là Tập Đình đã trốn đi, đem theo đám bộ hạ Trung nghĩa quân và chiến thuyền. Bấy lâu nay ta mạnh là nhờ bọn vong mạng. Chúng có cướp bóc đấy, có

phá làng phá xóm đấy, nhưng đánh trận, lúc nào chúng cũng xông lên hàng đầu. Tập Đình bỏ đi! Ta có thể cầm chân Lý Tài được không? Một nửa thuyền chiến đã mất, làm sao ta giữ được biển đông, trong khi quân ngũ dinh lại thạo về thủy chiến. Tôi nghe Tổng Phúc Hợp đã cho thủy binh ra trận Ô Nha. Phủ Phú Yên lâm nguy! Mặt trận phía nam sao chịu thất thế hoài vậy?

Huệ cảm động nhìn nét mặt hốt hải của thầy. Sau một thời gian dài cách biệt, anh thấy ông giáo già hẳn đi. Tóc rụng nhiều. Da nhăn. Đôi mắt chuyển sang màu đục, tuy ông giáo nói hăng hái cuồn nhiệt nhưng ánh mắt dường như vô hồn, lạc lõng. Anh cũng chú ý đến giọng nói run run và lâu lâu ông giáo đưa tay lên che miệng, húng hắng ho. Huệ bình tĩnh trả lời thầy:

– Vâng. Tổng Phúc Hợp sắp đưa quân chiếm phủ Phú Yên. Con vội về đây cũng vì chuyện đó.

– Nhưng tại sao các anh cứ lùi mãi? Từ đèo Cả về Xuân Đài, rồi từ Xuân Đài còn rút về đâu nữa!

Huệ mỉm cười, chậm rãi trả lời:

– Có lẽ phải rút về đèo Cù Mông thôi, thầy ạ!

Ông giáo giật nảy người, hỏi dồn:

– Anh nói thật hay nói đùa?

Huệ đáp:

– Thưa thầy con nói thật.

– Tại sao vậy?

Huệ sửa lại thế ngồi, chuẩn bị một cuộc nói chuyện dài dòng:

– Bao nhiêu năm nay, từ lúc con tạm bỏ sách vở của thầy để cầm kiếm, con nhận thấy nhiều lúc phải kiên nhẫn chờ đợi thôi. Nôn nóng không được. Thầy nhớ không, ngay từ thời đầu ở Tây Sơn thượng, thầy bực dọc biết bao với lời lẽ lỗ mãng, cử xử tục tằn, hành động thô bạo của bọn đầu đầu trộm đuôi cướp trốn gông cùm lên nường nấu trên Tây Sơn thượng. Thầy không muốn chung chạ với bọn vong mạng đó. Sau khi xuống núi, thầy lại thấy thêm bọn cướp biển, bọn con buôn gian xảo gia nhập. Thầy thở ra thở vô. Thời đó con cũng bực dọc như thầy, nên mới xin anh con cùng với Mẫn lập riêng một toán gồm toàn những trai tráng có lý tưởng, có đức độ, hiểu rõ mình chiến đấu vì cái gì. Từ đó đến nay, chắc thầy đã thấy như con, đâu phải bọn vong mạng ấy hoàn toàn vô dụng. Chúng lập công thật nhiều, tuy phần phá

phách không phải là ít. Không có chúng thì những người trầm tĩnh, những người quen tuân luật pháp, những người học rộng biết nhiều nên không thấy điều gì đáng kinh ngạc đến nỗi phải giận dữ xốc áo đứng dậy, những người cha hiền con hiếu, nói chung là những phần tử đáng tôn kính trong thời bình, không có chúng thì những người vừa kể có dám đột nhiên xắn tay, vác giáo xăm xăm phá thành hay không? Con nghĩ là thời nào cũng vậy, vào giai đoạn đầu, bọn vong mạng thật cần thiết. Điều quan trọng là chiều hướng sau đó của cuộc khởi loạn. Nếu như bọn vong mạng tiếp tục đi hàng đầu, chiếm lĩnh tất cả quyền điều khiển, thì cuộc khởi nghĩa dấy trước sau chỉ là một vụ cướp lớn. Ngược lại nếu ta vững tay lái, đến một lúc bọn vong mạng ngỡ ngàng nhận thấy rằng đây không phải là một đám cướp, và chúng phải buộc phải

bỏ đi, thì rõ ràng hàng ngũ chúng ta được thanh lọc. Tập Đình trốn đi mang theo bọn trộm cướp dưới tay, con nghĩ đó là tin mừng. Ta được lần lần thanh lọc, loại bớt những rác rưởi.

Ông giáo vội hỏi:

– Sau bọn trộm cắp, đến lượt bọn nào đào thải?

Huệ ngần ngừ không muốn nói. Ánh nhìn cầu khẩn của ông giáo khiến anh bối rối, thấy không thể giữ im lặng được. Anh nói, với một giọng dè dặt:

– Con chưa lấy làm gì chắc. Sau bọn vong mạng, có lẽ đến bọn cố chấp, rồi đến bọn cơ hội. Bọn cố chấp bị đào thải vì không theo kịp các biến động quá nhanh xảy ra trước mắt. Điều đó dễ hiểu. Khó nhất, chậm nhất, gay go nguy hiểm nhất

là cuộc đào thải bọn cơ hội. Chúng nó là con tắc kè thay màu mau chóng, khó lòng biết đâu là người thiện chí đâu là tên cơ hội.

Ông giáo càng nghe Huệ nói càng dao động. Ông không ngờ Huệ đã lớn mau như vậy. Một cảm giác kiêng nể, sợ hãi xâm chiếm hồn ông. Ông liếc mắt nhìn Huệ, bắt gặp đôi mắt cười giễu cợt quen thuộc của học trò. Ông muốn hỏi Huệ: "Tôi thuộc vào hạng nào trong quá trình thanh lọc của anh?" nhưng thật nực cười, ông đâm sợ người học trò ấy. Thật ra ông sợ chính sự lạc lõng của mình, sự yếu đuối chậm chân không theo kịp đà lịch sử nên trở thành cố chấp. Đã có nhiều dấu hiệu đáng sợ báo trước giờ đào thải của ông: tâm hồn hoang mang, xúc động thái quá đến độ bi quan trước cái tổn thất, những đêm không chợp mắt vì

lo âu vu vơ, thái độ lạnh nhạt của Nhật, của Chỉ, của trại chủ, những câu hỏi khó hiểu của Thọ Hương... Ông giáo sợ hãi nhìn chính mình! Ông muốn vào phòng riêng để tự do suy nghĩ, nên bảo Huệ:

– Con An nó mong gặp anh lắm. Hai chị em nói gì với nhau mà suốt đêm qua không chịu ngủ. An ơi!

*

Chỉ có An và Huệ ở phòng trước. Bên ngoài trời tối. Ánh sáng ngọn đèn dầu thu hẹp không gian cho thêm ấm cúng. Và như sợ làm động đến bầu ánh sáng huyền hoặc mong manh đang mơn trớn ôm ấp hai người, cả An lẫn Huệ đều nói nhỏ, gần như thì thào. An run run thú nhận:

– Bấy lâu nay em sợ quá!

Huệ cố hiểu sai ý An, cười nhẹ nói:

– Lãng ở với tôi, An còn sợ gì nữa.

An vội bảo:

– Không phải thế. Em định bảo... định bảo. Nhưng thôi, có nói anh cũng không hiểu đâu!

– An chê tôi chậm hiểu à?

– Anh cứ quen thói ưa bắt bẻ!Được rồi, anh chậm hiểu lắm. Anh nhanh trí cái gì không biết, nhưng có chuyện anh rất chậm hiểu. Anh chỉ biết có anh.

Huệ hơi ngỡ ngàng, thích thú trước câu trách móc bất ngờ, cười nhẹ, rồi hỏi:

– Chẳng hạn An thấy tôi chậm hiểu việc gì nào?

An ấp úng, rồi đáp bừa:

– Như chuyện anh không thư từ liên lạc gì cả. Báo hại bên gia đình anh, ai cũng sốt ruột. Con bé Thọ Hương ngày nào cũng lo không biết chú Tám ra thế nào. Phần cha em thì lo cho thằng Lãng.

Huệ cảm động, ngược lên nhìn An. Cây đèn dầu chiếu một bên mặt An, viền đậm hàng mi dài, cái mũi thanh tú và đôi môi mím, môi dưới hơi trề ra trông đáng hờn dỗi. Lòng Huệ rộn rã. Anh muốn tìm câu chuyện nào vui vui để chuyển đề tài, cho An mỉm cười đôn hậu, mắt lóng lánh dưới ánh đèn. Biết bao lần anh mơ tưởng đến khuôn mặt này, đến mái tóc phủ lên chiếc cổ trắng, đến chiếc mũi thanh tú, đến vẻ hờn dỗi hay hân hoan thay đổi tùy theo cách mím môi, đến... đến tất cả kỷ niệm về một đoạn đường chung. Huệ lấy giọng nghiêm chỉnh hỏi:

– Mới đây mà An dời xuống đây hơn một năm rồi, phải không?

An nhỏ nhẹ đáp:

– Dạ. Hơn một năm rồi.

– Lâu nay An có trở về An Thái không?

– Không. Anh biết chuyện cậu Hai Nhiều rồi chứ!

– Biết. Bây giờ bà Hai sống với ai? ở đâu?

– Thế anh chưa biết gì à?

– Biết cái gì?

– Mẹ Hai không thể ở lại nhà viên chánh tổng được, dời về nhà cũ. Thế mới khổ. Tức cười lắm, anh biết không, tại anh mà em bị mẹ Hai rầy rà mấy ngày!

– Tại sao? Sao vậy?

– Hôm anh cho lính đến sửa khuôn cửa nhà cậu Hai, anh nhớ không? Anh có bảo họ là xem nhà vô chủ nào đó có khuôn cửa tốt cứ tháo gỡ ra, đem lắp nhà cậu mợ. Em nhất định không chịu, lấy tre và đất sét cho họ trám tạm. Mợ Hai về trông thấy vách nhà tèm lem, nổi cơn lên.

– Như vậy đâu phải lỗi tại tôi! Tại An gàn dở đấy chứ!

An bĩu môi:

– Gàn dở! Nếu anh chịu khó hơn, tìm đâu sẵn khuôn cửa rồi sai mang tới lắp, thì đâu có sinh chuyện. Em khỏi sợ mang tiếng đạo tặc!

Huê cười to, rồi nói:

– An lẩn quẩn trong vòng đạo đức giả mất rồi! An không dính dấp vào, nhưng sẵn lòng thụ hưởng. Tội nặng hơn nhiều nghe!

Cả hai cùng bật cười. Huệ lại hỏi:

– Sao bà Hai Nhiều về nhà cũ thì An phải đi?

– Ở sao nổi. Mợ ấy day nghiêng, tìm cơ sanh sự hoài. Bất đắc dĩ em với chị vợ anh Kiên phải đi. – Vợ anh Kiên? À, anh có nghe chuyện đó, nhưng tưởng tụi nó nói đùa cho vui chứ!

– Cha em buồn về việc đó lắm. Ảnh biến thành ông chủ quán rượu, chuyên bán cho bọn mã phu. Thôi, đừng nhắc đến nữa!

– An về đây là phải. Gia đình đã đi xa cả, chẳng lẽ An ở một mình tại An Thái!

– Em không muốn xa mẹ. Trước hôm đi, em ra khóc với mẹ cả buổi chiều. Em... nói... với mẹ...

Xúc động khiến An không nói được nữa. Cô nhớ nổi tuyệt vọng chua chát của cô chiều hôm ấy, hơn một năm qua vẫn còn mùi lòng. An thút thít khóc, rồi đưa ống tay áo lên gạt khô nước mắt. Huệ ngồi bàng hoàng không hiểu sao đột nhiên An khóc, không dám thốt lời nào. An khóc một lúc, gượng cười chữa thẹn:

– Em con nít quá. Cười đó rồi khóc đó! Chẳng ra làm sao cả! Anh biết không (An lại thút thít, và cười gượng) vòng về em có ghé lại Gò Miếu.

Huệ tò mò hỏi:

– An ghé chi vậy?

An hơi giận, đáp cộc lốc:

– Tại đi theo đường đó về nhà gần hơn!

Huệ biết mình lỡ lời, cố lấy giọng âu yếm hỏi:

– An có đến chỗ trước kia chúng tôi đóng trại không? Có tìm thấy thứ gì còn bỏ sót lại không?

An bữu môi nói:

– Bỏ sót. Các anh vô ý thì dân An Thái đã nhờ! Chỉ còn mấy cái hố chôn cột trại trên đám cỏ ấy. Em nhìn, thấy buồn chi lạ!

Huệ cảm động trở nên lúng túng. Anh không thể tìm được câu nào ý nghĩa hơn, sâu sắc hơn câu vừa rồi của An, để trình bày nỗi lòng mình. Anh nhìn

An, rồi liếc nhìn lần nữa, không tìm ra ý cần. Huệ đành phải hoãn binh bằng cách cầm chén nước lên uống. Cái chén đồ sứ Giang Tây chỉ có thể mua được ở các thuyền buôn Hội An thôi. Huệ tò mò hỏi:

– Bộ chén trà ở đâu đẹp quá?

An đỏ mặt, lí nhí đáp:

– Của người ta biếu cha em. Anh xoi thêm nước!

Huệ lắc đầu:

– Thôi. Cảm ơn An.

Trong khi lòng đau nhói vì nhớ chuyện người ta kháo nhau rằng lâu nay Lợi lấy của kho mang tới cho An không thiếu thứ gì, từ đồ sứ Tàu cho đến hạt tiêu, cây tăm. Trước khi đến đây, Huệ đã

nghe chị dâu nói mãi nói mãi về chuyện đó. Có đúng thế không? Tại sao nàng nhận của hắn? Của hắn? Có phải của hắn đâu? Hắn lấy của làng làm ơn cho xã, nàng không biết sao? An không nhận ra biến chuyển trên nét mặt Huệ, vui vẻ nói:

– À quên, em cảm ơn anh. Quyển sách đẹp lắm. Anh biết không, Thọ Hương hỏi em nếu đổi thì đổi được mấy bát gạo.

Huệ hỏi hơi xãng:

– Rồi cô trả lời sao?

An cười đáp:

– Em bảo chẳng được bát nào cả.

– An nói đúng. Quý giá gì đâu. Gửi An làm kỷ niệm cho vui thôi.

– Không phải thế. Em quý nó lắm chứ. Em đọc mà cứ sợ bụi bám vào, giờ hé rồi cất đi. Anh sao thế?

*

Buổi sáng, An đưa Lãng về Cù Mông xong mới xách rổ đi chợ. Hôm nay là chợ phiên chính, nhưng cô ngạc nhiên thấy chợ vắng vẻ như vừa trải qua một cơn bão. Hàng hóa đã hiếm, mà kẻ bán người mua dường như không chú ý mấy đến công việc của mình. Từng tùm nham tùm ba châu đầu vào nhau xì xầm bàn tán, nét mặt người nào cũng dáo dác, hốt hải. Lều bán tôm cá vắng hoe vì biển động. Điều đó dễ hiểu. Ngay cả hàng rau và hàng gạo cũng lơ thơ. An ghé lại bà cụ thường bán nếp mua về nấu xôi sáng cho ông giáo. Thúng nếp còn đầy, nhưng bà giáo lắc đầu bảo:

– Cô ra trễ quá. Đã có người mua hết rồi cô ơi.

An nài nỉ:

– Cụ để cho con một ít cũng được. Chùng hai bát thôi.

– Người ta đã đưa tiền rồi, cô cảm phiền. Bạn hàng quen tôi không nói dối với cô đâu. Tôi lỡ nhận tiền trước, chứ nếu không, tôi đã mang về ăn không dám bán nữa. Thời buổi này, cô tính...

An vội hỏi:

– Có chuyện gì mà chợ vắng thế cụ?

Bà cụ hàng gạo nhìn trước nhìn sau, rồi ghé sát tai An thì thào:

– Cô chưa biết gì sao?

– Biết chuyện gì cơ?

– Lại sắp chạy giấc rồi.

– Ai bảo cụ thế?

– Ấy, cô đừng nói lớn, lỡ tai vách mạch rừng. Thì tôi nghe người ta đồn thế. Không biết hư thực thế nào, nhưng thiên hạ đổ đồn đi mua gạo. Nghe nói ở phía bắc... Thôi, tôi chắc họ lại đồn nhảm như mọi khi.

– Cụ nghe thế nào, cho con biết với.

– Tôi nói, cô đừng cho ai biết là do tôi kể nhé. Sáng nay có ông trưởng tuần đi loa khắp chợ là sẽ bắt đóng gông những ai loan tin đồn nhảm. Cô không kín miệng, tội nghiệp thân già này.

– Không. Cụ cứ yên tâm. Con không mách lẻo với ai đâu.

Bà hàng gạo nói thật nhỏ, mắt vẫn lăm lét nhìn quanh:

– Giặc đã vào tới Quảng Ngãi rồi đấy, cô biết chưa. Quân của mình bị thua nặng, chạy tan tác cả. Nghe nói lớp chết, lớp bị bắt. Mấy bà vợ lính trong phủ khóc như ri. Nhiều người chạy bộ ra tìm xác chồng. Kiếp lắm! Thảm lắm! Suyt, cô xem kìa! Ấy, đừng quay lại. Mình làm như không thấy để khỏi sinh chuyện. Cô liếc nhìn về đầu phố kìa.

An kín đáo nhìn về phía bà hàng chỉ. Hai người lính An nhận ra ngay là thuộc đạo quân Tàu ô của Lý Tài, đầu thắt bím, đi chân đất, mình khoác một cái áo bần thiu rách rưới đang thất thểu bước trước dãy quán ăn. Nhiều cửa hiệu gần đây vội đóng cửa lại. Hai người lính có vẻ do dự một lát, đứng lại nói với nhau điều gì không rõ. Rồi cả hai tiến về phía một

quán cơm chưa kịp đóng cửa. Bà cụ thở dài bảo:

– Kể cũng tội nghiệp. Nhưng cho họ ăn, thì cụt vốn mất. Không cho cũng không được. Ngay sáng nay, có một chú lính ngang ngược cầm đuốc dọa đốt cái quán tranh của chị hàng cháo, nếu không đưa cho hắn nguyên cả con gà luộc. Cô coi, buôn bán như thế thì còn ai dám mang hàng ra đây nữa. Chợ vắng vì thế. Lạ quá, sao cái chị mua nếp không trở lại! Tôi nóng ruột quá, phải về xem lũ nhỏ nó lo gạo thóc như thế nào! May tôi đã giữ kỹ mấy cái ruột tượng, không thì...

– Ruột tượng? Để làm gì thế cụ?

– Cô này như người trên trăng ấy! Cô không thấy người ta vét sạch gạo đem về cho vào ruột tượng lo chạy giặc ư?

An cười bảo bà cụ:

– Chỉ lo hão! Năm ngoái giặc cũng vào tận Bích Khê nhưng chúng có làm nên cơm nên cháo gì đâu!

Bà hàng cãi lại:

– Năm ngoái khác, năm nay khác. Năm nay là giặc tận ngoài bắc vào, chúng nó mạnh lắm! Kinh đô chúng nó còn lấy được, hưởng chi... Này này, cô xem. Lại bọn lính đói. Tốp này đông quá. Những sáu thằng. Không bảy thằng chứ không phải sáu. Coi cách chúng nó ăn mặc kìa! Chúng nó dùng chõ quán rượu. Thôi xong rồi, gia tài lão Chín. Cô ngồi dịch lại đây che giùm cái thúng nếp cho già chút!

An tức bực hỏi:

– Bọn lính tuần đầu mà để chúng phá phách phổ xá thế?

Bà cụ cười đáp:

– Thôi, cô ơi! Ông vua cũng thua thằng liêu. Chúng nó vừa thoát chết về, hỏi còn gì nữa mà sợ! Cô không ra đây sớm để nhìn bọn lính tuần. Thấy bọn lính đói, chúng nó biến nhanh như là ma vậy! Chả bù với ngày thường, lỗ già này ngồi lẩn ra lòng đường một chút, phải biết! May quá, chị mua nếp trở lại rồi. Dữ ác! Tao tưởng mày đi luôn chứ. Cô này xin nhường lại hai bát, mày có chịu không?

Chị đàn bà mua nếp nhất định không chịu bán lại nếp cho An. Mà thực ra, An cũng không còn thiết gì nữa. Lòng cô rồi bởi. An đến hàng mắm mua vội một tí mắm cơm, và một ít ớt tỏi, rồi tất cả về phủ.

Cô hoảng sợ đến lạnh người khi thấy trong phủ Qui Nhơn cũng bắt đầu cảnh đảo đảo hoảng loạn. Từ những chức việc quen chậm chạp cho đến quân lính, gai đình vợ con họ, ai nấy đều tất bật chạy đi chạy lại, gương mặt lo âu.

Trước cổng khu quân lương, nhiều người đàn bà và con nít lóng ngóng chờ đợi, nách ôm những bọc nhỏ có lẽ đựng vài thứ cần thiết như quần áo, thức ăn đường. Lính quân lương đi ra đi vào, mặt mày lạnh lùng để từ chối những lời thăm hỏi hay gửi gắm. Đám đông trước trại ngày càng ồn ào, tiếng con nít khóc chen lẫn tiếng mẹ chúng chửi mắng, quát tháo. An gặp Nganh đang cố thoát ra khỏi đám đông để lên phủ, níu lại hỏi:

– Chuyện gì mà ồn thế anh?

Ngạnh trố mắt nhìn An, giọng giận dữ:

– Đến cô mà cũng đến đây à?

– Ô hay! Sao anh hỏi vậy? Tôi đi chợ về thấy người ta bu quanh đây. Có chuyện gì vậy?

Ngạnh hiểu không phải An đến để nhờ vả mình, nên kéo An ra phía đường, vừa thở vừa nói:

– Cô coi thiên hạ có điên không? Tự nhiên nghe đồn là giặc sắp đến nơi, nên hoảng lên.

– Nhưng họ chạy đến đây làm gì?

– Họ nghe chúng tôi cho chuyển kho lên Tây Sơn thượng, nên nghĩ có lẽ trên đó an toàn, ùn ùn kéo nhau đến xin quá giang. Cô coi, bỗng bế dắt díu nhau như thế kia, trông có thảm không. Mỗi lần

chúng tôi có việc phải ra cổng, họ bu vào làm tình làm tội như là hổ vồ mồi. Quần áo, trông mà khiếp!

An lo âu hỏi:

– Nhưng tại sao lại cho lệnh chuyển kho trong lúc này?

Ngành giờ hai tay lên trời than:

– Thế mới lạ! Ngoài phố đã thế, trong này không giữ được trật tự thì còn gì nữa! Không biết chuyện chuyển kho đã dự tính từ lâu, hay mới quyết định đây?

– Anh Lợi đâu rồi?

– Tôi cũng chẳng hiểu. Chắc lên trên phủ. Cô đi đâu về thế?

– Tôi vừa bảo với anh là vừa đi chợ về. Ngoài phố sắp loạn lên đấy, anh có biết không?

– Tội du thủ du thực của Lý Tài chứ gì!

– Vâng. Họ chạy về đây lúc nào thế?

– Sau khi bị vỡ ở trận Cẩm Sa. Bọn theo Tập Đình trốn đi, khiến bọn theo Lý Tài hoang mang, một số bỏ trốn về đây, một số Lý Tài tập trung lại được, hiện còn đóng ngoài Tam Quan.

An nhớ đến Chinh, lo lắng hỏi Ngạnh:

– Anh nghe tin ấy ở đâu thế?

– Anh Lợi nói.

– Sao hôm qua anh Lợi không nói gì với tôi cả.

Ngạnh cười:

– Cô quên ư? Hôm qua ông Huệ

chưa về Cù Mông, anh ấy như con gián sợ mặt trời...

An đỏ mặt đưa mắt lườm Ngạnh. Anh ta tự thấy đã đùa quá lỗ, nghiêm mặt lại. An bảo:

– Thôi tôi phải về. Chắc cha tôi biết nhiều tin tức mới. Anh vào làm việc đi. Tôi về nhé!

✱

An chờ cha về ăn cơm trưa, nhưng ông giáo bận họp trên phủ không thấy về. Cô còn đang bồn chồn, không hiểu cha có việc gì không, thì Thọ Hương tới.

Nét mặt kinh hoàng của Thọ Hương khiến An lo lắng thêm. Cô tưởng người bạn gái bé nhỏ mang tin buồn đến cho cô. An thảng thốt hỏi:

– Việc gì thế Hương, chị sợ quá! Hương chỉ chờ có thế. Cô gái ôm chầm lấy An mà khóc nức nở. An hoang mang không dám hỏi thẳng Hương về tin tức Chinh, hay hỏi lý do vì sao ông giáo không về trưa nay. Diễn biến của tình thế nhanh quá, đã vượt ra ngoài tầm tay An. Cô chơi với không biết hỏi ai để biết rõ ràng hiện nay chúng ta đang ở đâu, sắp tới điều gì sẽ xảy ra. An tin rằng Thọ Hương biết hết, và nét mặt kinh hoàng của Hương là một điềm báo dữ. Chờ cho Hương bớt nức nở, An mới gỡ tay cô gái ra, dỗ dành:

– Em đừng khóc nữa. Em thương chị, chị cảm ơn lắm. Chị đã quen với những rủi ro mất mát rồi. Em đừng lo chị buồn. Cứ nói cho chị biết đi. Gia đình chị đã gặp chuyện rủi ro gì?

Thọ Hương ngạc nhiên nhìn An,

không hiểu. Thọ Hương hỏi:

- Chị nói gì vậy?
- Thế tại sao em khóc?
- Em lo quá chị An ơi!

An làm mặt đàn chị, an ủi:

– Không việc gì phải lo, Thọ Hương. Thắng bại là chuyện thường. Hương nhớ không, năm ngoái quân ta rút về tận Bích Khê, mà có sao đâu.

Một lần nữa, Thọ Hương lại ngỡ ngàng hỏi:

- Chị nói gì, em không hiểu gì cả.

An trở mắt nhìn Thọ Hương, giọng đã hơi bức.

– Không phải em khóc vì lo giặc sắp đến ư?

Thọ Hương bật cười, tuy nước mắt còn đầm đìa trên má:

– Không. Em lo chuyện của em.

– Chuyện của em là chuyện gì?

Thọ Hương đã bắt đầu bình tĩnh, vừa thút thít vừa ngập ngừng nói:

– Sáng nay, cha mẹ gọi em lên bảo em phải lấy chồng.

An thích thú reo lên:

– Đi lấy chồng mà khóc như đi đưa ma! Đừng con nít thế! Em đã lớn, đã đến tuổi lập gia đình rồi, em biết không. Nhưng cha mẹ gả em cho ai thế?

Thọ Hương càng do dự hơn trước, gương mặt pha lẫn thảng thốt và vui mừng khiến An thêm tò mò. An dục:

– Em lấy ai thế? Chỉ có một mình chị, việc gì mà ngượng.

Thọ Hương mím môi để lấy thêm can đảm, rồi liều lĩnh nói nhanh:

– Cha muốn gả em cho Đông Cung.

An không tin tai mình, vội hỏi lại:

– Em nói sao? Gả cho Đông Cung à?

Thọ Hương đỏ mặt không dám nhìn An, cũng không dám lên tiếng xác nhận. Cô chỉ gật đầu, răng trên cắn chặt lấy môi dưới để không bật khóc vì xấu hổ. An mừng rỡ ôm chầm lấy bạn:

– Thế mà khóc! Chị không hiểu nổi em nữa, Hương ơi!

Chị mừng cho em. Lấy Đông Cung, em có thấy hết tầm quan trọng của chuyện đó không? Lấy Đông Cung! MAi

sau Đông Cung lên ngôi, em sẽ thành...

Thọ Hương sợ hãi cắt lời An:

– Chị đừng nói nữa. Chính điều đó làm em lạnh đến tận xương sống. Em ngọt thờ, như đột ngột bị một trái núi đổ sập lên người. Nghe cha em nói xong, em chết điếng, rồi mếu máo khóc. Cha em giận quá quát lên. Em vội chạy ra đây tìm chị. Làm sao đây chị An?

An cười, bảo:

– Làm sao? Chẳng lẽ đây là một tai họa nên chị phải cứu em thoát nạn! Đừng trẻ con thế Hương! Em sợ cái gì? Em không xứng đáng để làm hoàng hậu sao? Em không xấu thua ai. Cha em đang có quyền thế. Đông Cung hiện đang ở đây, cái ăn cái uống cũng nhờ một tay cha em bảo bọc. Cả đến hai viên đại thần theo hầu

Đông Cung cũng nem nép khúm núm khi thấy cha em đến. Hơn nữa, không có cha em thì liệu Đông Cung có còn giữ được mạng sống hay không, chứ đừng nói hy vọng mai sau sẽ lên nối ngôi chúa. Nghĩa là Đông Cung có thể lên ngôi hay không lên ngôi, là do cha em định đoạt. Cái ngôi vua Đông Cung sắp ngôi là do cha em dựng cho, Thọ Hương thấy chưa, có gì đáng sợ đến nỗi phải mếu máo?

Thọ Hương thấy An nói có lý, phần nào đã yên tâm. Cô bớt hốt hoảng. Nhưng nỗi lo ngại vẫn lớn vồn, mơ hồ. Thọ Hương rụt rè nói:

– Nghe chị thì em...thì em thấy bớt sợ. Nhưng... nhưng em cứ lo lắng.

– Em lo điều gì nữa?

Thọ Hương đột ngột hỏi:

– Lấy chồng là sao hở chị?

An lúng túng không biết trả lời thế nào. Chính cô cũng chưa hiểu hết ý nghĩa của việc vợ chồng. An chỉ mới hiểu mơ hồ rằng một người đàn ông và một người đàn bà cùng chung sống trong một mái nhà, thương yêu nhau, lo lắng cho nhau, xa nhau thì nhớ, mất nhau như cha An mất mẹ thì đau đớn như đứt từng khúc ruột, cùng nhau chia ngọt sẻ bùi trước mọi may rủi trên đường đời. Vợ chồng sống với nhau tất có con cái, mừng rỡ khi con mạnh khỏe, khổ sở trần trọc khi con đau ốm... Chắc hẳn còn có nhiều điều nữa An chưa hiểu hết. Nhiều điều bất thường, lạ lùng, như cảnh vợ chồng giữa anh Kiên và người vợ góa viên cai cơ, như chuyện người vợ đào hát của anh kép Mịch lấy viên khâm sai lạng, như chuyện gấu ó chửi mắng nhau thậm

tệ giữa những cặp vợ chồng lính phủ...
Thế nào là vợ chồng? Thế nào là một cuộc hôn nhân đáng mơ ước? Thọ Hương chờ mãi chưa thấy An trả lời, nên giục:

– Chị, lấy chồng là thế nào? Em lo vì chưa hiểu gì cả!

An đành thú thực:

– Chị cũng chưa hiểu, làm sao trả lời em được.

Thọ Hương bật cười:

– Em đã đui lại tìm hỏi đường chị mù. Nhưng em không tin chị đâu. Chị giả vờ không biết để khỏi trả lời em đó thôi. Chị lớn tuổi hơn em, chị phải hiểu.

An vội nói:

– Chị nói thật mà! Chị chưa hiểu gì đâu.

Thọ Hương tin An thành thực, quay lại giọng tâm sự:

– Em thấy trước khi trở thành vợ chồng, hai bên phải biết nhau, phải thương nhau đã. Cũng như chị với...với chú Tám. Chị cứ để em nói, vì em hiểu chị, em thương chị. Chú Tám lúc nào về cũng tìm em để hỏi về chị. Chú ấy tức cười lắm. Muốn hỏi chuyện chị mà cứ loay quanh. Nào những là: Thọ Hương đã học được đến đâu rồi? Thọ Hương thêu đẹp hơn kỳ trước chú về đây nhé! Thọ Hương có thường đi chơi với ai không? Em biết tận tim đen của chú, nên cứ trùng trùng không dả động gì đến chị cả. Cuối cùng chú Tám phải đỏ mặt lên, lí nhí hỏi thẳng chuyện của chị. Đấy, em nghĩ nếu mái sau thành vợ thành chồng, thì người chồng phải là kẻ luôn luôn nhớ tưởng đến vợ như chú Tám với chị, và

người vợ cũng nhớ tưởng lo lắng cho chồng như...như.

An cắt lời Thọ Hương:

– Thôi, em chỉ nói nhảm.

– Không, chị để em nói. Mà thôi, em chưa nói chị đã hiểu rồi. Em nghĩ đó là tình thương yêu phải có giữa vợ chồng. Nhưng chị An ơi, chị nghĩ xem, nếu em lấy Đông Cung, thì đâu có những lo lắng cho nhau, nhớ tưởng đến nhau như trường hợp chị với...với chú Tám. Em chưa bao giờ được nói một câu với... với ông ấy. Ông ấy cũng chưa từng nhìn thẳng vào mặt em. Ông ấy chưa tính em thế nào, thích cái gì, không thích cái gì. Em cũng vậy. Em chỉ thấy được một lần ông ấy đi ra ang tự múc nước rửa mặt. Như vậy đã đủ để thành vợ chồng chưa?

An không biết trả lời thế nào, chỉ đáp bừa:

– Nhiều khi trước khi lấy nhau, hai đảng chưa hề gặp mặt nhau. Người dân dã thì có thể đã gặp nhau trên đường đi làm đồng, hay trên đường đi củi, còn dân quyền quý sống cấm cung thì không bao giờ con cái được ra khỏi nhà. Đến ngày cưới, chú rể mới biết mặt cô dâu. Thế mà sau ngày cưới, vợ chồng vẫn thương yêu nhau thắm thiết.

Thọ Hương không thỏa mãn, thắc mắc:

– Nhưng hôm đám cưới, cô dâu chú rể nói gì với nhau đây? Nhất là khi nhà gái đã ra về?

An cười:

– Lúc đó cô dâu không nói gì cả. Cô chỉ khóc.

– Vậy thì đáng sợ quá.

– Không sao đâu Hương. Nhờ cô dâu khóc mà chú rể mới có dịp dỗ dành. Từ đó họ làm quen nhau.

Hai cô gái cùng cười to. Cười xong, Thọ Hương vẫn bồn chồn thất thần:

– Nhưng em vẫn sợ! Chị An, làm sao đây?

✱

Xế chiều, trong vòng thành phủ không khí hốt hải xao xác chẳng khác nào không khí một thành phố bị bao vây. Mọi người, nhất là những người đàn bà, cứ thắc thỏm đứng ngồi không

yên, hết chạy quanh hỏi thăm tin tức lại về nhà thúc giục con cái thu vén quần áo, lương thực, cất giấu đồ quý giá, cột gói sẵn những thứ cần thiết chuẩn bị chạy giặc. Thuyền chở gạo của kho quân lương ngoài bến sông bị những kẻ liều lĩnh ủa xuống chiếm chỗ để tản cư. Rào trại kho bị phá. Từng toán những đàn bà con nít nheo nhóc ôm xách đủ thứ linh kiện thất tha thất thểu trên những con đường trong phủ, tuyệt vọng ra về sau khi không tìm được chỗ quá giang lên Tây Sơn Thượng.

Không thể để cho tâm trạng sợ hãi bao trùm khắp phủ như một màu tang tóc! Hồn loạn đã bắt đầu rồi! Không có biện pháp quyết liệt, chắc chắn phủ Qui Nhơn sẽ tự tan rã đổ vỡ trước khi quân Trịnh vượt quá Châu Ổ, và quân Nguyễn tiến tới sông Cầu. Đó là nhận định chung

của tất cả mọi người trong buổi họp trưa hôm đó, do Nhạc chủ tọa.

Một số những biện pháp khẩn cấp được ban hành.

Nghiêm lệnh loan đo khắp phủ dọa chém tại chỗ những lính đào ngũ hay lang thang khắp nơi để cướp phá. Ban đầu lính truyền hiệu còn dè dặt, chọn những nơi nào không có bọn tàng quân của Lý Tài tụ họp để loan tin. Nhưng rồi chúng cũng nghe được. Chúng cười hô hố, cho đó là chuyện đùa bỡn, nên từ chuyện đi săn rượu cũng chuyển sang đi săn những tên truyền hiệu. Chúng bắt một anh lính rủi ro nhập bọn, đẩy ra đi phía trước, ẩn mũi gươm sau lưng để buộc anh ta cầm loa loan báo cho khắp hai phố phủ biết theo lệnh trên, những nhà nào còn cất giấu rượu thịt phải mau mau đem nộp cho “các Ngài Hòa Nghĩa quân”, bất tuân

sẽ bị đốt nhà bêu đầu ngay lập tức. Thật táo tợn đến độ không còn có thể nương tay được nữa. Nhạc đích thân dẫn một toán quân đông đảo ra bao vây phố phủ, bắt hết bọn tàng quân du thủ du thực. Một vài tên vì sợ mà tỉnh rượu hoặc vừa tỉnh rượu nên biết sợ, trốn vào nhà dân trú. Nhưng với cái bím trên đầu, với hơi men nồng nặc và cách ăn bận xốc xếch, chúng trốn đi đâu! Nhạc bắt gọn tất cả bọn cướp bóc làm náo loạn phố phủ và trước khi trời sụp tối, trong ánh sáng u ám của bầu trời chạng vạng và tiếng trống tùng-bi-li thê thiết, 28 cái đầu lần lượt rơi trên bãi đất trống trước cổng thành.

Việc dời kho, do quyết định hấp tấp của Nhạc, cũng được hoãn lại. Lương thực gạo mẩm đã lỡ đem xuống thuyền hoặc đóng lên yên ngựa thô, thay vì đem

lên phía tây, được lệnh chuyển ra phía bắt tiếp tế cho các toán quân đóng dọc hai bên quan lộ, hoặc ứng trước cho quân dịch trạm. Một số nữa tăng cường cho quân lương mặt nam. Chuyện dòi kho bị xem như tin đồn nhảm do bọn xấu loan truyền, hòng lừa gạt những kẻ nhẹ dạ để kiểm chác. Trật tự mau chóng được tái lập, những bà nội trợ thở phào nhìn đồng quần áo cột gói vất bừa bãi giữa gian nhà trống như dấu tích sự nhẹ dạ. Con nít được mở cơm dĩa ra chia nhau mà ăn, lại cười nói bi bô, chỉ hơi tiếc không được dự một cuộc đi xa nhọc nhằn nhưng hào hứng.

– Ngay đêm ấy, gánh hát bội của Mịch trình diễn vở tuồng Phụng Nghi Đình trên cái rạp lộ thiên cho dân chúng xem. Tiếng trống châu, tiếng kèn, tiếng sanh, tiếng hát, tiếng cười nói chen nhau, mau

chóng xua đi những ám ảnh của buổi sáng xao xác. May mắn là con người mau quên, nhất là những người thời loạn!

Chương 31

Tiếng trống hát đêm đêm giục già, cái bụng phệ của Đồng Trác, cơn ghen của Lã Bố, giọng hồn dỗi, cơn trốn của Diêu Thuyền trở thành đề tài bàn tán hào hứng cho dân, lính khắp phủ. Nhất là tài nghệ diễn xuất của Mịch trong vai Lã Bố. Gần như hơi thở dồn dập của ghen tuông và phần nộ trong tuồng tích cũng là hơi thở của cuộc đời thực, nên Mịch đóng vai Lã Bố trong trạng thái xuất thần. Không còn là tuồng, chính là đời Mịch. Chính anh đau xót, tuyệt vọng; chính anh phần nộ đến

nghe ngào trước mắt mát to lớn của cuộc đời mình; giọng hát Mịch vừa lâm ly vừa trầm thống, thốn thức giữa cảm giận, gào thét mà yếu đuối trước trắc trở bất công trùng điệp, và khi Mịch phạm tội sát nhân, đâm phập lưỡi gươm gỗ vào nách anh kếp đóng vai Đồng Trát, động tác ấy chẳng những đã thuần thục trên sân khấu biết bao năm mà còn được thực hiện ngay trong đời sống. Khán giả say sưa theo dõi cách diễn xuất và giọng hát của Mịch, quên dần các tin đồn.

Gánh hát của Mịch diễn liên tiếp sáu buổi tối, hôm nào người xem cũng kéo đến chật ních khu đất trống gần thành. Đến hôm thứ bảy thì dân phủ lại được tận mắt chứng kiến lần đầu trong đời một loại tuồng lạ: đám cưới của Thọ Hương.

Chưa bao giờ phủ Qui Nhơn có một biến cố quan trọng và kỳ lạ như vậy: một

vị Đông cung lưu lạc vào chỗ xó núi hiu quạnh hoang dã lấy con gái yêu của một trại chủ quyền thế đang lên. Mũ áo, cờ xí, chiêng trống, nghi lễ đều rực rỡ, xa xỉ, náo nhiệt, trang trọng, đồ sộ chưa từng có. Cả phủ thực sự vào hội. Mọi người không còn kiên nhẫn ngồi nán trong khuôn cửa lấy một khắc, kể cả những người già nua lão nhược. Người ta đổ hết ra đường, mắt mở to thu hết màu sắc rực rỡ, tai thu hết mọi tiếng động giục giã, mời chào. Do nhu cầu chính trị. Nhạc đốc hết của kho ra đãi đằng tất cả mọi người, phân phát vải vóc cho người già và trẻ con để chia sẻ khắp thiên hạ tin mừng tân hôn. Ai nấy đều hả hê, no bụng, no tai, no mắt. Chỉ có một thoáng mây mờ: ai ai cũng thấy nét mặt chú rể trong đám cưới buồn hiu, gần như sợ hãi. Những kẻ lạc quan bảo nhau:

– Trông Đông cung tội nghiệp chưa! Ông ta chưa quen với phong tục náo nhiệt của bọn dân núi chúng ta. Có lẽ trong cung phủ ngoài kinh đô, các ông hoàng bà chúa quen nói nhỏ nhẹ, cười mỉm và bước lổm thổm như thỏ. Không sao! Nhập gia tùy tục, vài hôm rồi Đông cung sẽ quen đi!

★

Sau ngày cưới ba hôm, buổi chiều, Thọ Hương tìm đến thăm An. Tự nhiên giữa hai người có một bức tường ngăn cách vô hình, khiến cách chào hỏi, nói năng của họ vào giây phút đầu có vẻ gượng gạo lạnh lẽo.

Không phải vì An có mặc cảm trước địa vị mới của Thọ Hương mà tự buộc

mình sửa đổi cách tiếp xử. Không. An chưa bao giờ nghĩ đến chuyện ấy. Cô chưa phải vào đời để thấy hệ lụy của nghi thức xã hội, sự cần thiết của giả dối. Cái khiến An e dè, nhìn Thọ Hương như một khách thể biệt lập xa lạ, là lòng tò mò muốn quan sát sự biến đổi trên gương mặt, trong cách đi đứng, kể cả trong giọng nói của một người con gái vừa đi lấy chồng. Lấy chồng? Biết bao lần An thắc mắc về hai tiếng đáng sợ ấy! Thiếu nữ ngây thơ và quen thân này vừa lấy chồng được mấy hôm. Có gì biến đổi giữa Thọ Hương những ngày cũ và Thọ Hương hôm nay? An dăm dăm nhìn vào mắt Thọ Hương: nước da có hơi tái đi, đôi mắt sâu uơn ướn như sẵn sàng tuôn lệ, đôi vai xuôi, và khi Thọ Hương nói, An ghi nhận thêm cái giọng khao khao xa lạ.

Phần Thọ Hương, khi thấy An thay đổi thái độ, cô xấu hổ nghĩ rằng người chị thông minh hiểu biết hết mọi sự này chắc hẳn đã biết nỗi xót xa tủi nhục của mình. Thọ Hương hốt hoảng bảo An:

– Chị đừng nhìn em thế!

An lo lắng hỏi:

– Sao em xanh thế Thọ Hương? Em đau phải không?

Thọ Hương chỉ chờ có thế. Cô ôm chầm lấy An, khóc tức tưởi mãi không thôi. Tiếng khóc khác hẳn hôm trước. An không dám hỏi gì, lặng lẽ ôm bạn, nước mắt cứ từ từ chảy trên má. Cô hiểu Thọ Hương đang đau khổ cùng cực, một nỗi khổ tâm không thể chia sẻ cho ai khác ngoài An. Đôi vai Thọ Hương rung lên từng hồi theo nhịp thổn thức, nước mắt

Thọ Hương bắt đầu thấm qua vai áo An, truyền cảm giác nóng ẩm lẫn tê dại. Chờ thật lâu cho Hương bớt thốn thức, An mới hỏi:

– Em có đem khăn theo không?

Thọ Hương vừa thút thít vừa gạt đầu, tay chỉ vào bọc trái của chiếc áo lụa màu vàng nhạt. An rút cái khăn tay vải sa mỏng thơm nức, đưa lên lau mặt cho bạn. Thọ Hương để mặc cho An sờn sóc mình với vẻ nũng nịu tin cẩn của một đứa bé. An hỏi:

– Em không dôi phấn ư?

Thọ Hương thút thít, lắc đầu.

– Cũng không tô son nữa. Như thế không được đâu, Hương ạ. Mình đã lấy chồng, không thể cầu thả ăn mặc thế nào cũng được, trang điểm qua quít cho xong

như thời con gái! Đông cung con nhà vương giả quen thấy những người đẹp son phấn tô điểm đẹp để cẩn thận. Lại thêm bây giờ mọi người nhìn em khác hẳn trước kia. Em tô điểm không phải chỉ cho riêng em, mà còn vì nhiều người, vì danh giá của Đông cung. Nhiều khi đàn ông họ dễ chán khi thấy vợ mình tóc tai đã dươi, mặt mũi nhợt nhạt... Đột nhiên Thọ Hương thút thít nhiều hơn rồi khóc òa. An sợ hãi lay vai Hương hỏi:

– Chuyện gì thế Hương? Chị có nói điều gì làm em buồn không? Nói cho chị biết để chị khỏi lo lắng, nói đi.

Thọ Hương cố dần cơn nức nở nói:

– Không. Em khóc vì... chuyện riêng của em. Chị yên tâm. Chị An ơi, em khổ lắm!

– Nhưng vì sao em khổ, nói cho chị biết đi. Chị có thể giúp gì cho em không?

Thọ Hương lắc đầu:

– Chị không thể làm gì được đâu. Em cũng chẳng biết làm sao nữa. Chẳng biết oán trách ai!

An cố cười vui để an ủi bạn:

– Coi kìa! Hương nói như một bà già chán đời sắp cắt tóc vào chùa! Có việc gì trên đời là hoàn toàn bế tắc đâu! Em kể cho chị nghe đi!

Thọ Hương bớt khóc, nhưng vẫn thút thít lắc đầu. An phải gợi ý để tìm ra manh mối:

– Đông cung có nói điều gì nặng lời với em không?

Thọ Hương lắc đầu.

– Em có làm điều gì phật ý Đông cung không?

Lại lắc đầu.

– Từ hôm cưới, cha em có tranh cãi gì với Đông cung không?

Thọ Hương suy nghĩ một lúc, rồi lắc đầu.

– Hay mẹ trách mắng em vì không chịu trang điểm?

Thọ Hương bật cười nói:

– Không, không phải thế đâu.

Giọng An có vẻ gắt gỏng:

– Thế thì chuyện gì nào?

Thọ Hương nhìn An, bắt đầu lo ngại An giận. Cô lấy chiếc khăn trong tay An tự chùi nước mắt, hỉ mũi, rồi nói:

– Em khổ... vì... vì hình như Đông cung không thương yêu em chút nào hết, chị An.

An vội vàng hỏi:

– Do đâu mà em dám nói liều thế?

Thọ Hương thở dài, ngần ngừ, một lúc, rồi nói:

– Mấy hôm nay em ngủ một mình.

An hốt hoảng hỏi:

– Thực thế sao? Đông cung ngủ ở đâu?

Thọ Hương cười gượng, cố làm ra vẻ bất cần:

– Ông ấy muốn ngủ ở đâu chẳng được. Em cũng chẳng để ý. Ông ấy sai lính hầu vào mang chăn nệm đi, chăn nệm cũ trước kia của ông ấy đó chị.

An tức giận hỏi:

– Nhưng phải có cơ gì chứ? Đêm tân hôn em có làm gì khiến Đông cung phật ý không?

– Không. Sau khi lễ tất, em chờ mà sợ hãi, hồi hộp. Chờ mãi không thấy gì. Em mệt quá, về sau ngủ vùi. Hôm sau ông ấy bảo do say rượu. Rồi buổi tối lại sai lính hầu đến mang chăn nệm.

– Cha em biết chuyện này chưa?

Thọ Hương hoang mang hỏi lại:

– Có nên cho cha em biết không? Chuyện xấu hổ giữa vợ chồng, cho cha em biết làm gì. Chẳng lẽ em nói cho người ta biết em ham chuyện vợ chồng. Nhưng chị An ơi, có phải vợ chồng người ta khi mới lấy nhau đều như thế cả không?

An thành thật đáp:

– Chị cũng không biết nữa. Nhưng có lẽ... có lẽ không giống hẳn như vợ chồng em.

Thọ Hương trở lại thút thít, run run bảo An:

– Em biết thế này thì ở vậy đừng đi lấy chồng. Không hiểu thành vợ chồng có gì vui đâu mà làm lẽ lạc rộn rịp, chúc tụng ồn ào, giăng màn treo trướng... Em khổ quá. Em sợ căn phòng lạnh lẽo đó, không muốn về nữa.

An tìm cách an ủi bạn:

– Đừng nói đại thế. Chỉ mới có mấy ngày. Chị nghe chuyện nhiều cặp vợ chồng lấy nhau cả năm mới bắt đầu nói chuyện với nhau, cười đùa, thương yêu nhau. Có thể trong hoàn cảnh bơ vơ, xa

quê hương, xa thân thích, Đông cung lo buồn nên hơi khác thường. Vả lại chỉ mới có mấy ngày, Hương thấy không? Vui lên đi, đừng chán nản. Mọi sự đâu sẽ vào đấy. Chờ ít hôm nữa xem sao. Có gì khác, em đến cho chị biết. Còn đối với cha em, thì... thì em nên dè dặt. Đừng nói gì vội. Sợ có nhiều hiểu lầm nguy hiểm, em hiểu không? Thọ Hương cảm động gật đầu. Cô nhìn An với đôi mắt trù mến, và nói:

– Lúc nào đến đây, nghe chị nói, em cũng thấy yên lòng. Nhưng không có chị thì mọi sự lại ngổn ngang như cũ. Em vẫn sợ căn phòng lạnh lẽo đó quá, chị An ơ!

*

Thọ Hương về rồi, chính An lại sa vào vũng bùn khoản! Đã hai mươi hai tuổi đầu, An không quá ngây thơ để tin những lời an ủi của mình. Cô chắc chắn rằng Đông cung đã nhất quyết không chịu chung chăn gối với Thọ Hương, như một phản ứng trước cuộc cưỡng hôn do nhu cầu chính trị. An thương hại Thọ Hương, thương hại lây cho thân phận đàn bà. Cô thút thít khóc một mình, tưởng tượng nỗi hiu quạnh của một cuộc đời cô độc, không có ai để chia sẻ những niềm vui nhỏ, những nỗi buồn vô cớ, không có ai để hàn huyên những chuyện tầm phào vô vị, nhưng cần thiết để ý thức thêm sự phức tạp của đời sống. Rồi lan man nhảy từ chuyện này sang chuyện khác, cuối cùng An quay trở lại chuyện chăn gối. Cô nghĩ:

– Thật tình mà nói, đến tuổi này

mình cũng chưa rõ chuyên chăn gối như thế nào. Nhưng nhất định đã là vợ chồng, thì phải ăn cùng mâm với nhau, tối ngủ chung một giường, quần quít ôm ấp nhau, cười cợt âu yếm nhau. Tóc hai người xòa trên cùng mặt gối, hơi thở tìm hơi thở. Thế nào người chồng cũng áp mặt vào mái tóc dày của vợ để hít hương thơm thoang thoảng, rồi lần tìm hương thơm của gò má, hương thơm của chiếc cổ trắng, cả đến hương thơm của mồ hôi.

An đỏ mặt nhớ lại lần bắt gặp Lợi áp mặt lên chiếc áo lót của mình, xấu hổ vì cảm giác ngây ngất bất chợt không biết từ đâu đến. Cô đưa tay vuốt ve cổ, rồi áp lên ngực trái. Tim cô đập mạnh, máu nóng chạy rần rật trong người. Đầu vú cô cứng lại, cảm giác tê dại khác thường lan từ ngực tỏa khắp thân thể An. Có thể nào nằm gọn trong vòng tay chồng mà

không có những cảm giác khác thường như ta đang cảm thấy không? Chuyện chăn gối là gì? Ôm ấp hôn hít nhau, xấu hổ tê dại trong vòng tay nhau đã phải là tình chăn gối chưa? An nhớ đến những lời chửi rửa tục tĩu giữa những người vợ lính, nhớ đến sự thô bỉ của các tù nữ mỗi bên dùng để tạt vào mặt đối phương như một chất nước dơ bẩn nhớp nháp, rồi bản khoăn tự hỏi có thật đó là phần chính yếu của tình vợ chồng. Trời hỡi! Nếu thế thì ghê tởm quá. Khủng khiếp quá! Sao cha mẹ nữ đẩy đứa con gái trong trắng yếu đuối vào những chuyện dơ bẩn ấy! Càng nghĩ An càng hoang mang, càng xấu hổ cho thú xúc cảm vụng trộm tội lỗi của mình vừa trải qua. Cô nghĩ:

– Phải rồi, tình vợ chồng phải có gì thanh cao hơn kia! Tìm hơi ấm trên thân thể nhau, hít mùi tóc trên mặt gối,

ve vuốt ôm ấp trong bóng tối, chẳng qua chỉ là những điều tầm thường dung tục chẳng khác nào con đực đến mùa đi tìm con cái. Loài người phải khác với loài vật. Phải như anh ấy. Nhớ thương ta mà cố giấu trong trầm tĩnh điềm nhiên. Biểu lộ của tình cảm đẹp và nhã như việc gửi biểu một tập thơ Đường. Ta tìm ra rồi. Nhất định đó là tình yêu đúng nghĩa, và nếu ta lấy được anh ấy, những gì sẽ xảy ra sau đêm tân hôn ta chưa biết, nhưng chắc chắn đó cũng là tình chăn gối đúng nghĩa. Những gì đã xảy ra cho các cặp vợ chồng khác như giữa vợ chồng những người lính quanh An, giữa Đông cung và Thọ Hương, đều là bất thường, bệnh hoạn, tục tĩu, dơ dáy, đáng xấu hổ. Hôn nhân của bọn họ chỉ là một cuộc đày ải, một nỗi bất hạnh. Chỉ có mối tình của mình với anh ấy mới đúng với lý tưởng, và nhờ ơn trời, nhờ sự phù hộ của mẹ,

mà mình lấy được anh ấy, thì tình vợ chồng của mình mới thật là vợ chồng. Không phải là “cái nợ đời” của nhau như trong lời ca dao. An cảm thấy hy vọng tràn trề, niềm hân hoan vô bờ khiến cô yêu thương tất cả mọi người, vì tất cả mọi người đều đáng thương do không may mắn như An. Trước mắt có một cô bé đáng thương là Thọ Hương. An nói nhỏ một mình:

– Em cứ yên tâm đi Thọ Hương. Em trong trắng ngây thơ như vậy, Trời không bao giờ nỡ làm khổ em đâu. Cứ tin chị đi. Em phải tìm được tình yêu thực sự như chị đã tìm được, và sẽ hạnh phúc!

✱

Sau đám cưới của Thọ Hương, Nhạc đưa Đông cung cùng với Nguyễn Phúc Tịnh đi khắp hai phủ Qui Nhơn Quảng Ngãi để trấn an dân chúng, ổn định trật tự sau tình trạng rời rã đảo lộn do hậu quả trận Cẩm Sa. Công việc chưa xong thì Huệ đã cho người báo tin không vui ở mặt trận phía nam: Châu Văn Tiếp đã ra mặt về hản với Tống Phúc Hợp, và đang chuẩn bị gấp rút để tiến chiếm phủ Phú Yên.

Lòng Nhạc rối bời. Bất chấp những dao động tai hại có thể gây ra trong dân chúng, ông sai Lợi thổ hết của cải quý giá trong phủ lên Tây Sơn thượng. Nhờ rút kinh nghiệm lần trước, lần này việc dời kho kín đáo và mau chóng hơn. Mặt bắc quân Trịnh vẫn vẫn tiếp tục tiến. Tây Sơn ở vào thế bị hai gọng kìm nam bắc siết dần lại. Nếu không tìm nhanh giải

pháp, chắc chắn chỉ có một con đường chết!

Lòng ông giáo cũng rối như trại chủ. Ông lo cho Chinh ở mặt trận phía bắc, lo cho Lãng ở mặt nam. Ông coi đời mình như bỏ đi. Nhưng nếu cả hai mặt trận đều vỡ, thì An ở đây sẽ thế nào? Cho nên chính ông cũng bồn chồn như một người có trách nhiệm, như một người trong cuộc. Mà tại sao không? Lâu nay tuy Nhạc đối với ông lúc thì vồn vã ân cần, lúc thì ghẻ lạnh xa cách, nhưng vào những lúc tình thế căng thẳng, bao giờ Nhạc cũng tìm hỏi ý kiến ông. Vì vậy, ngay khi biết tin Nhạc vừa từ Hà Liêu về, ông giáo vội tìm gặp Nhạc. Nét mặt Nhạc vẫn còn nguyên vẻ phẫn nộ và lo lắng lúc ông giáo vào. Không úp mở giấu diếm, Nhạc nói:

– Hắn một mực lắc đầu không chịu

lên ngôi. Chắc lại nghe lời ton hót của hai lão Nguyễn Phúc Chất và Nguyễn Phúc Tịnh. Hắn không biết phận cá chậu chim lồng hay sao chứ? Chẳng lẽ hắn không sợ chết? Hay hắn tưởng không bao giờ cha vợ dám giết chàng rể?

Ông giáo chờ cơn giận của Nhạc hạ bớt, mới hỏi cho biết tình hình thực sự ở mặt nam. Lại có dịp cho Nhạc nổi giận lần nữa:

– Lão Tiếp lại đầu hàng Tống Phúc Hợp. Quân phản bội! Đồ chó má! Chúng nó toàn là một lũ chuột nhắt lúc yên thì bu đến hũ gạo, lúc có biến dáo dác tán loạn, vội quì gối đầu hàng địch, không biết đến nhục nhã, liêm sỉ. Cháy nhà mới ra mặt chuột, người xưa thực hiểu hết tâm địa con người. Nhưng chúng nó tưởng nhà sắp cháy rồi sao? Thầy giáo, thầy có tin là nhà sắp cháy hay không?

Ông giáo chậm rãi đáp:

– Nhất định không thể cháy được. Không ai để cho nó cháy đâu. Có lửa lớn thì cũng có tài lớn để trị hỏa. Tôi có chút ý này, ông cả có muốn nghe không?

Nhạc cảm động khâm phục vẻ tin tưởng trầm tĩnh của ông giáo, mừng rỡ nói:

– Thầy cứ tự nhiên. Lúc nào ý kiến thầy cũng đáng nghe cả. Tình thế hiện nay nguy hiểm hơn các lần trước, chắc thầy đã biết. Bọn chết nhát đã trốn, cứ để chúng trốn. Những người còn lại trong phút gian nan này mới thực sự là anh em thân tín của ta. Số đó còn nhiều. Và rất tự tin. Thầy yên tâm, không ai để cho nhà cháy đâu. Dĩ nhiên còn tùy ở cách đề phòng chữa cháy. Thầy có kế sách gì không?

– Tôi nghĩ ta không thể một mình cùng một lúc chống lại hai lực lượng phía bắc và phía nam được, Hoàng Ngũ Phúc và Tống Phúc Hợp không phải là những tướng tồi. Quân của họ đông, khí giới nhiều. Trong hai đạo quân địch, ta phải lựa chọn để hòa một bên, rồi dồn sức đánh bên kia. Ông cả muốn chọn bên nào để cầu hòa?

Nhạc không ngờ bị ông giáo chất vấn, bối rối, hỏi lại:

– Xin thầy cho ý kiến trước. Thầy nghĩ ta nên chọn bên nào để cầu hòa?

– Nên chọn bên Chúa Nguyễn.

Nhạc đang ngồi dựa lưng biếng nhác buông thả trên trường kỷ, đột ngột bật dậy, chồm tới phía thầy giáo hỏi:

– Thầy nói sao? Chọn Nguyễn à?

Ông giáo đoán trước được phản ứng của Nhạc nên vẫn điềm tĩnh trả lời:

– Phải. Tôi thấy ta nên cầu hòa với Tổng Phúc Hợp.

Giọng Nhạc gay gắt giận dữ:

– Bấy lâu nay ta đánh cho Phú Xuân thất điên bát đảo, bây giờ mở miệng cầu hòa thì ai tin? Mà nếu ta thực tâm cầu hòa thì có khác nào tự đóng gông để nộp mình cho quân ngũ dinh? Tôi thà chết chứ không đời nào chịu nhục!

Ông giáo nói:

– Tôi nghĩ mọi sự không đơn giản vậy! Ông nghĩ mà xem, cho dù ta cầu hòa Trịnh hay Nguyễn, thì chẳng bên nào dám tưởng ta đã quá yếu đến nỗi cứ việc kéo quân đến đây để đóng gông tất cả phủ Qui Nhơn. Chúng vẫn gườm chúng

ta, không dám động binh đâu. Chúng sẽ làm gì nếu ta cầu hòa? Dĩ nhiên chúng chưa tin chúng ta thành thực nên vẫn ra sức cảnh giác ở ranh giới giữa hai lực lượng. Mặt khác, để vỗ về chúng ta, Tổng Phúc Hợp hay Hoàng Ngũ Phúc không thể làm gì khác ngoài việc cấp báo về Gia Định hay Thăng Long để xin phong cho ông một chức gì đó, chẳng hạn chức tiên phong tướng quân hay là Tây Sơn trại trưởng. Một chức vụ chẳng làm mất gì cho chúng mà cũng chẳng thêm gì cho ta, vì dù không được sắc phong thì ông đã là Tây Sơn trại chủ, và đánh vào nam hay ra bắc thì ông cũng là tiên phong rồi! Cầu hòa không phải là tự nộp mình, chỉ là tạm liên minh với bên này để diệt bên kia.

Càng nghe ông giáo giải thích, Nhạc càng thấy đề nghị của ông có lý. Cơn giận

đã hạ. Nhạc rót nước trà ân cần mời ông giáo rồi hỏi:

– Do đâu thầy bảo ta nên cầu hòa với Tổng Phúc Hợp?

Ông giáo hỏi lại:

– Ông thấy hiện nay so lực lượng quân Bắc Hà và quân ngũ dinh, thì bên nào nguy hiểm cho ta hơn?

Nhạc suy nghĩ một lúc rồi đáp:

– Quân Bắc hà. Trận Cẩm Sa ta thua nặng vì không thiện chiến bằng quân Hoàng Ngũ Phúc.

– Thế thì ta nên cầu hòa với quân ngũ dinh. Cầu hòa với kẻ đang mạnh thì chắc chắn không bao giờ được. Tổng Phúc Hợp nhất định cũng chưa tin ta cầu hòa thành thực, nhưng hiện Đông cung

còn ở đây, quân ngũ dinh còn yếu, nhận lời cầu hòa để chờ thời cơ chỉ có lợi chứ không có hại.

Nhạc vội hỏi:

– Thầy định đưa Đông cung đi cầu hòa à?

– Không. Tôi không có ý đó. Nhưng ở đây còn có Nguyễn Phúc Chất và Nguyễn Phúc Tịnh. Ta cử một trong hai người đó!

Nhạc gật gù rồi nói:

– Thầy nói đúng. Tôi quên nghĩ đến hai lão ấy. Nhưng có tin được họ không?

– Họ đi mà một chân của họ còn bị giữ lại đây! Số phận họ đã gắn chặt với Đông cung nên cho dù bị bỏ lại Quảng Nam họ đâu dám rời Đông cung một

bước. Chúa đã bỏ họ lại cho Đông cung tức là không còn tin ở họ. Ngoài việc theo sát Đông cung, họ còn chỗ nào dung thân nữa đâu.

– Thôi được. Ta giữ lão Tịnh lại. Nhờ thầy đi gặp Nguyễn Phúc Chất ngay hôm nay để sáng mai ta đưa lão xuống Cù Mông. Thư cầu hòa thầy cũng thảo giùm cho. Tôi tin hoàn toàn vào thầy đấy!

✱

Đoàn cầu hòa của Nguyễn Phúc Chất đi rồi, ông giáo mới bắt đầu cảm thấy sợ hãi. Ông đã đem hết tính mệnh của gia đình để đặt vào một nước cờ liều cuối cùng!

Thật vậy, ông hiểu rõ hơn ai hết cái thế nguy hiểm của mình. Nếu Nhạc

không quá hoang mang để bớt phần nào sáng suốt, tất trại chủ đã thấy lập luận của ông giáo có nhiều phần chủ quan thiên lệch. Suốt đời, ông giáo vẫn không quên được chữ trung. Giải pháp hoàng tôn ông có công thúc đẩy Nhạc thực hiện đã bất thành. Hoàng tôn nhất định không chịu lên ngôi, khiến Nhạc ở vào thế khó xử. Phía bắc Nhạc phải đối phó với đạo quân hùng mạnh của Hoàng Ngũ Phúc. Phía nam, quân Tống Phúc Hợp có Châu Văn Tiếp giúp sức, thế nào cũng chiếm được Phú Yên. Giá hoàng tôn chịu lên ngôi vương, ông giáo sẽ hoàn toàn yên tâm, mạnh dạn khuyên Nhạc nên cầu hòa với quân Trịnh để củng cố lực lượng tiến về nam quét sạch tàn dư của các đạo quân trung thành với Duệ Tôn. Nhưng tình thế không như ý ông giáo. Không tôn phù được hoàng tôn, lại xui Nhạc bắt tay với quân xâm lăng Bắc Hà để

chống Duệ Tôn, ông giáo sẽ mang tiếng hai lần bất trung. Sĩ phu nam bắc sẽ phỉ nhổ ông, học trò sẽ xé Tú thư trước mặt ông. Cho nên ông đã cố hết sức thuyết phục Nguyễn Phúc Chất để Chất bằng lòng cầm đầu phái bộ cầu hòa. Ông cũng dành trọn cả buổi chiều để thảo đi thảo lại lá thư gửi Tiết chế Tổng Phúc Hợp. Lá thư khá dài. Đại khái ông biện minh rằng trước sau Tây Sơn vẫn một lòng trung với nhà Chúa. Phải dấy loạn chỉ vì Trương Phúc Loan tham tàn ỷ quyền lấn át cả mình quân khiến nhân dân ta oán. Chúa hiểu lầm mới đem quân vào chinh phạt, và bao nhiêu cuộc giao chiến đổ máu chẳng qua chỉ vì hiểu lầm nhau, và Tây Sơn ở cái thế tự vệ chẳng đáng dừng. Cho đến lúc nghe quân Bắc Hà xâm phạm kinh đô, Tây Sơn muốn đem quân ra giúp để bảo vệ xã tắc, vừa đến Quảng Nam đang cơn nguy khốn vì Hoàng Ngũ

Phúc lăm le cho quân vượt Hải Vân, nên Tây Sơn phải rước Đông cung về Qui Nhơn để bảo vệ. Hiện giờ giặc Bắc Hà đã ngạo mạn tiến vào tận Châu Ổ. Xã tắc lâm nguy. Tây Sơn trại chủ cùng tất cả thuộc hạ nhận thấy rằng nếu không nhân dịp này đứng ra báo đền ơn Chúa thì tiếng oan bất trung sẽ mang đời đời. Vì vậy, trại chủ mới nhờ Chuồng cơ Nguyễn Phúc Chất vốn là cựu thần của nhà Chúa mang thư xin hòa hiếu và xin được lập công chuộc tội v.v...

Có lẽ chưa bao giờ ông giáo viết một lá thư với tất cả nhiệt tình và hứng thú như vậy. Ông viết thay cho Nhạc, thực ra là viết cho ông. Sức mạnh của nhiệt thành che lấp được những dụng tâm riêng tư của ông. Nhạc đọc lá thư, không thể chữa được một chữ nào. Chính Nhạc cũng bị những điều giả dối trong

thư thuyết phục, thấy đâu là cơ hội cuối cùng để cứu vãn tình thế, xóa tan các ngộ nhận. Để thêm thế giá cho Nguyễn Phúc Chất, Nhạc ra lệnh cho Nghĩa, một đội trưởng xông xáo lanh lẹ đem năm mươi cấm binh theo hộ tống Nguyễn Phúc Chất. Đoàn cầu hòa ra đi khi trời vừa sáng, vó ngựa tung một dải bụi mờ trên đường quan lộ, tạo nên một cảnh bi tráng hiếm có.

Buổi sáng hôm ấy, ông giáo không vào phủ. Ông muốn được một mình nghĩ lại tất cả những điều vừa làm, tiên đoán những gì sẽ xảy ra, đo lường hậu quả. Càng nghĩ ông càng sợ. Mồ hôi toát ra ướt đầm lưng áo mặc dù trời hơi rét. Tất cả tùy thuộc vào Tổng Phúc Hợp. Viên Tiết chế lớn tuổi nhiều kinh nghiệm này đâu phải là một người cả tin vào lá thư ông giáo viết. Có thể hấn ngại chạm trán với

quân Hoàng Ngũ Phúc nên không muốn lẫn ra phía bắc đèo Cù Mông, kiên nhẫn chờ quân Trịnh quét sạch quân Tây Sơn rồi mới bắt đầu nhập cuộc. Nhưng phủ Phú Yên ở sông Cầu thì chắc chắn hẳn phải chiếm cho bằng được. Mà đã chiếm phủ Phú Yên, thì cần gì phải nhận cầu hòa? Tổng Phúc Hợp sẽ trả lời thế nào? Hẳn có dám sai một tên tri huyện khác cầm đầu một phái đoàn lèo tèo vài ba tên lính ồm ra Qui Nhơn đòi Đông cung lẫn nữa để gián tiếp trả lời Nhạc, làm nhục Tây Sơn hay không? Hoặc trong cơn say sưa thắng thế, hẳn còn nghĩ ra được nhiều trò hạ nhục kẻ thù độc địa, quái ác hơn? Ông giáo bản khoản bốn chôn như thế suốt hai ngày, ngay ngáy chờ đợi những điều bất thường.

Những điều bất thường chờ mãi không thấy tới!

Ông chờ ba, rồi bốn ngày. Cuối cùng ông buồn cho trí óc lảm cẩm già nua của mình. Có gì mà sợ hãi đến phát hoảng lên thế? Xưa nay trong lịch sử, được mất, hơn kém, may rủi có không, là chuyện thường tình! Hiệp nhận lời cầu hòa hay không, chưa phải là chuyện quyết định được vận mạng của Tây Sơn. Đó chỉ là một nước cờ, cả Nhạc lẫn Hiệp đều hiểu thế, một nước cờ tạm trên bàn cờ đang chuyển thế rối rắm. Ý tưởng đó trấn an ông giáo được một ngày. Đến ngày thứ sáu, ông thực sự lo ngại, không hiểu vì sao Nhạc không mời mình lên hỏi han việc gì cả suốt sáu ngày qua. Chính điều bất thường này mới là điềm báo xấu!

✱

Quá khuya, ông giáo nghe có tiếng đập cửa vội vã và một giọng đàn bà kêu tên An nhiều lần. Mấy đêm nay ông lo lắng không thể chợp mắt nên không lâu sau ông giáo đã thắp được cây đèn dầu, và ra phía cửa lớn. Tuy sợ hãi, nhưng ông cũng cố lấy giọng bình tĩnh hỏi lớn:

– Ai đó?

Bên ngoài giọng đàn bà mừng rỡ đáp:

– Dạ con đây bác. Mở cửa cho con vào.

Ông giáo chưa nhận ra giọng nói của ai, tuy nghe quen quen. Ông hỏi:

– Con là ai? Khuya rồi có việc gì gấp không?

Giọng đàn bà trả lời:

– Dạ con là Thọ Hương. Có chị An ở nhà không bác?

Ông giáo giật mình, tay bắt đầu run. Ông đặt cây đèn dầu xuống nền nhà, lật bật vừa mở then cửa vừa gọi:

– An ơi, An. Dậy đi. Có cô Thọ Hương tìm.

An choàng thức dậy, nghe cha gọi vội vàng chạy ra nhà ngoài. Cửa vừa mở, Thọ Hương đã chạy vào nhà rồi tự tay khép cánh cửa lại, sợ có người nào khác trông thấy mình. An chưa hết hoang mang, hỏi Thọ Hương:

– Có việc gì thế em? Nói mau cho chị nghe đi!

Thọ Hương như người vừa trải qua cơn mộng dữ, mặt xanh ngắt, môi run

lập cập không nói được. Ông giáo chen vào hỏi:

– Cháu đừng sợ. Có chuyện gì gấp lắm không?

Bấy giờ Thọ Hương mới vừa mếu máo vừa nói:

– Ông Nhật đem lính đến bắt Đông cung đi rồi!

An hoảng hốt hỏi:

– Thật vậy sao?

Thọ Hương run run nói:

– Dạ thật. Họ vừa dẫn Đông cung đi khỏi, em sợ quá, chạy ngay lại đây!

Ông giáo lo sợ hỏi:

– Có ai thấy cháu đến đây không?

– Dạ chắc không. Cháu chọn cái áo đen khoác ra ngoài, chắc không ai trông thấy. Hồi tối cháu thấy ông Tịnh lên gặp Đông cung xì xào to nhỏ lâu lắm, cháu đoán thế nào cũng có biến.

Ông giáo vội hỏi:

– Thế ông Tịnh có bị bắt không?

– Cháu không hiểu.

Rồi quay sang phía An, Thọ Hương kêu cứu:

– Làm sao đây chị An ơi! Em sợ quá. Cả một tòa nhà lớn chỉ còn một mình em. Về đằng mẹ thì lại sợ bị mắng. Làm sao đây chị?

An ôm choàng lên vai Thọ Hương, dẫn vào phòng trong:

– Em vào đây ngủ với chị. Chờ sáng mai hãy hay. Cha đóng giùm con cái cửa.

Ông giáo chưa kịp cài cái then trong thì bên ngoài lại có tiếng chân người. Tiếng nặng của bước chân nhiều người đàn ông. Tiếng đập cửa. Ông giáo nghĩ: ‘Có lẽ đến phiên mình’. Ông xốc lại cổ áo, cột lại lưng quần cho tề chỉnh trước khi mở cửa. Bùi Văn Nhật và một nhóm bốn, năm người lính cầm đuốc và gươm chờ trước ngạch cửa. Nhật hỏi:

– Khuya quá rồi, thầy giáo chưa ngủ sao?

Ông giáo cố cười gượng và đáp:

– Quý hóa quá. Anh có việc đi đâu ghé vào thăm tôi hử! Tuổi già đêm cứ trần trở không chợp mắt được.

Nhật hỏi:

– Thầy biết tin gì chưa?

Ông giáo hồi hộp hỏi:

– Tin gì ạ?

Nhật mỉm cười, nhìn chăm chăm vào mặt ông giáo, chậm rãi dần từng tiếng:

– Nguyễn Phúc Chất trốn luôn rồi. Cả thằng Nghĩa cũng vậy. Không biết chúng nó có liên lạc âm mưu từ trước hay không?

Rồi không chờ cho ông giáo nói gì, Nhật bảo:

– Thôi, chúc thầy ngủ ngon. Chà, gió lạnh dữ. Chào thầy!

✱

Sáng hôm sau, ông giáo được mời

đi dự lễ tế vong linh đội trưởng Lễ, anh ruột của Nghĩa - kẻ phản bội. Ông nghe người ta xì xầm bàn tán về cái chết anh dũng này: Không hiểu do đâu, Lễ biết em có ý làm phản (nhân dịp hộ tống Nguyễn Phúc Chất vào Phú Yên cầu hòa với quân ngũ dinh bỏ trốn theo Tổng Phúc Hợp). Dù đang bận chỉ huy một toán quân đóng ở cung Bình Điền, Lễ cũng cố đuổi theo em để thuyết phục, lấy tình cốt nhục khuyên em trở về. Tên phản bội chẳng không nghe lời anh khuyên, mà còn rút gươm đâm chết anh để lấy lòng tin của Nguyễn Phúc Chất. Nhưng thiên bất dung gian. Nghĩa vào đầu hàng Tổng Phúc Hợp hôm trước, hôm sau Hiệp đã đem Nghĩa ra chém.

Câu chuyện luân lý “ở hiền gặp lành ở ác gặp dữ” thích hợp với tâm hồn đám đông nên lan truyền nhanh chóng khắp

phủ , đi đâu cũng nghe thiên hạ bàn tán sôi nổi. Nhờ vậy, ông giáo mới biết đoàn cầu hòa do ông khởi xướng đã trở thành một đám phản bội. Từ đó, ông hiểu hết. Ông hiểu vì sao phải cho lính phủ đến bắt Đông cung đưa đi quản thúc nơi khác giữa khuya, vì sao Nguyễn Phúc Tịnh lo sợ tìm đến Đông cung xì xầm tối hôm trước theo lời thuật của Thọ Hương, vì sao Nhật đích thân đến “thăm hỏi” mình.

Ông thấy cúng Chỉ đứng ra làm chủ tế. Cuộc lễ kéo dài gần đến trưa, hết sức trang trọng vì hầu hết những nhân vật quan trọng đều đến tham dự. Gặp ai, ông cũng có cảm tưởng họ tránh không muốn nhìn ông, không muốn bắt chuyện với ông. Chỉ có Bùi Văn Nhật là vẫn tự nhiên như trước, có lẽ còn vốn vĩa hơn trước. Gần cuối buổi tế, Nhật đến gần ông giáo nói nhỏ:

– Trại chủ muốn gặp thầy sau cuộc lễ này. Thầy khỏi phải về nhà. Chúng ta dùng cơm trưa ngay tại dinh phủ!

*

Chỉ có Nhạc, ông giáo và Nhật trong phòng. Cả ba đều có những gương mặt ngái ngủ. Họ đã thức trắng suốt đêm qua, mỗi người vì một lý do khác nhau.

Nhạc ngáp thật dài trước mặt ông giáo mà không cần đưa tay che miệng như mọi khi, hất đầu mời ông giáo ngồi xuống chiếc ghế trước mặt. Nhạc than:

– Cái lão thầy cúng bày vẽ dài dòng quá. Tôi tưởng chỉ một chốc là xong, ai ngờ kéo dài gần đúng bóng. Anh Nhật đã bảo chúng nó sửa soạn dọn cơm chưa?

Nhật đáp:

– Dạ xong rồi. Khi có lệnh, chúng nó sẽ bùng lên.

Nhạc lại hỏi Nhật:

– Ta làm việc trước khi ăn trưa chứ?

– Dạ vâng.

Nhạc ngồi ngay ngắn trở lại, hướng về phía ông giáo nói:

– Những gì xảy ra mấy hôm nay, chắc thầy đoán biết rồi. Tôi nói gọn cho thầy rõ: Nguyễn Phúc Chất đã trốn vào với Tổng Phúc Hợp, kéo theo hai thằng chó má Lễ, Nghĩa và mấy chục tên cấm quân. Không, tôi không lầm lẫn đâu. Kể cả thằng Lễ. Không may cho nó, vì chậm chân nó bị ta bắt lại. Một mình thằng Nghĩa bỏ đi đã quá đủ rồi! Tôi phải ra

lệnh giết Lễ đi, rồi làm cho nó một buổi tế quan trọng. Thằng em cũng chẳng may mắn gì hơn. Nó chết nhục như một con chó ghẻ chứ đâu được cả phủ ca tụng như thằng anh vì Tổng Phúc Hợp đã ra lệnh chém thằng em phản bội cách đây mấy hôm. Lão chưởng cơ Nguyễn Phúc Chất ở đây khá lâu, thực lực nội tình của chúng ta thế nào, chắc chắn lão đã kể tuốt cho Hiệp biết. Sau khi Châu Văn Tiếp qui hàng, bây giờ đến lượt Nguyễn Phúc Chất cung cấp đầy đủ tình hình Qui Nhơn, chắc chắn Hiệp sung sướng mở cờ như rồng gặp mây. Nhất định hẳn sẽ dẫn đại quân tấn công ta trước. Hồi hôm, tôi đã cho chém lão Tả ngoại Nguyễn Phúc Tịnh để trừ hậu hoạn, và dời Đông cung lên quản thúc ở An Thái. Thằng Bốn Chiêu trên đó là người tin cậy được. Thấy thấy không, bao nhiêu chuyện quan trọng nhất tôi đều kể vanh

vách cho thầy nghe, từ chuyện thằng Lễ khốn nạn cho đến chỗ tôi giấu Đông cung. Tôi đã lấy lòng thực mà đãi thầy, thì xin thầy cũng lấy lòng thực để giải đáp các thắc mắc của tôi với anh Nhật. Anh Nhật, anh hỏi đi.

Nhật tăng hàng lấy giọng, rồi nói:

– Nguyễn Phúc Chất bị điệu về đây với Đông cung chẳng khác nào cá chậu chim lồng. Hắn đi đâu, nói với ai điều gì, người của tôi đều biết. Đội trưởng Nghĩa chưa từng gặp mặt Chất. Lễ ở tận cung Bình Điện càng khó lòng gặp Chất hơn. Thế mà tại sao chúng liên lạc được với nhau để cùng đi trốn một lượt. Ngoài chúng ra, còn có ai khác xếp đặt, tổ chức, liên lạc giúp cho bọn chúng để việc qui hàng Tổng Phúc Hợp được trót lọt. Thầy có biết kẻ đó không?

Ông giáo ngồi chết trân trên ghế. Lần đầu tiên trong đời ông biết thế nào là sự sợ hãi tột độ. Hàm ông cứng lại, hai thái dương tê tê như vừa thoa dầu nóng. Ông hiểu qua rõ là hai con người cầm quyền sinh sát này đang nghi ngờ ông, đúng hơn là đang hỏi cung ông. Ông đang đứng trước một mối hiểm nguy lớn lao, chẳng những liên quan đến mạng sống của ông mà còn liên quan đến sự sống chết của các con. Ông tê dại cả người vì sợ hãi, đồng thời cũng biết nếu giữ im lặng lâu hơn, tức là đã mặc nhiên nhận tội. Với một cố gắng phi thường có lẽ do ý chí sinh tồn, ông giáo lấy được đủ bình tĩnh. Ông nói thật chậm, thật đĩnh đạc để giấu sự cảm động:

– Các ông đã lấy lòng thành đãi tôi, thì tôi cũng phải lấy tất cả chân thực, danh dự của nhà nho để đáp lại. Tôi biết

ông cả và anh Nhật nghi tôi là kẻ xếp đặt từ đầu chí cuối cho vụ đào thoát phản trắc. Mới thoát nhìn thì điều nghi ngờ có vẻ hợp lý. Chính tôi gợi ý cho trại chủ là nên cầu hòa với Tổng Phúc Hợp. Chính tôi đến thuyết phục Chất. Chính tôi thảo lá thư. Nhưng xin các ông nghĩ sâu hơn nữa. Đây là lần đầu tôi nói chuyện với tên Chuồng cơ theo lệnh của trại chủ. Điều này chắc anh Nhật biết rõ. Tôi đã nói gì? Chắc anh Nhật đã biết, tôi xin thuật lại đại khái tôi lấy chữ trung để thuyết phục hấn, vì chẳng những hấn là người hoàng tộc mà còn là một nhà nho. Hấn đã nói hy vọng sau chuyến cầu hòa này, Đông cung và Chúa sẽ hiểu nhau hơn, và trại chủ với công phạt bắc sẽ trở thành bậc bề tôi lương đồng của triều đình sau này. Hấn nhận ra đi vì tin như vậy. Hấn chưa bao giờ gặp hai ông Lễ, Nghĩa. Phải. Mà cả đến tôi cũng chưa từng gặp hai người

đó. Tôi nhớ không lầm thì họ không xuất thân từ Tây Sơn thượng. Họ thuộc đạo quân Tuy Viễn thì phải. Không phải chính tôi đã cất nhắc họ lên chức đội trưởng, hoặc giao phó nhiệm vụ lớn cho họ. Tôi không biết chút gì về họ.

Nếu trại chủ kết tôi cái tội cả tin giao lầm việc lớn cho kẻ phản trắc, thì tôi xin nhận. Nhưng biết ai phản trắc ai không phản trắc, có lẽ anh Nhật đây giỏi dang hơn tôi. Còn nếu kết cho tôi cái tội liên lạc mưu phản, thì xin các ông cho tôi một chén thuốc độc ngay bây giờ thay cho bữa cơm trưa. Tôi thà chết chứ không thể nhận một cái tội không phải của mình.

Ông giáo dừng lại, nhìn thẳng vào mặt Nhạc chờ câu trả lời. Nhạc bối rối quay mặt đi. Ông giáo mừng rỡ. Như vậy là lời biện hộ của ông đã cảm động được

trại chủ. Ông có cơ may thoát nạn! Quả nhiên giọng nói của Nhạc dịu lại:

– Thầy đừng hiểu lầm! Chúng tôi không bao giờ dám nghi oan thầy đâu. Giữa chúng ta với nhau, vào những lúc gay go như lúc này, không thể để bọn một chút nghi kỵ nào. Có gì không hiểu nhau, ta cứ nói thẳng, hỏi thẳng như vừa rồi, còn hơn giữ canh cánh trong lòng. Thôi, ta bỏ qua chuyện ấy đi. Lão Chắt trốn, ta càng dễ rảnh tay để đối phó với tình thế. Anh Nhật, đã gọi Phạm Văn Thế chưa?

– Thưa chưa!

– Sao vậy?

– Bên kho chưa lo xong vàng lụa. Phải chọn thứ thật tốt. Người Bắc Hà họ sành ăn mặc và quý kim hơn ta nhiều.

Nhạc có vẽ bất bình:

– Nước đến chân rồi mà các anh cứ tròng trình chưa chịu nhảy. Anh bảo thằng Lũ lo gấp, chiều nay phải xong. Còn thằng Tuế thì chuẩn bị sẵn sàng để ngày mốt lên đường. Ăn cơm xong anh tìm nó cho tôi. Anh xem cơm đã có chưa?

Trong khi Nhật ra khỏi phòng để truyền lính hầu dọn ăn, Nhạc nói với ông giáo:

– Mấy lúc gần đây thấy sức khỏe thầy sa sút, tôi áy náy lắm. Có lẽ thầy nên tĩnh dưỡng một thời gian, gác hết mọi lo nghĩ. Thiếu thầy chắc mọi chuyện ở đây sẽ rối như tơ, nhưng quấy nhiễu thầy thế này, thật là bất nhẫn. Hay là thầy về An Thái an dưỡng vài tuần?

Ông giáo buồn rầu đáp:

– Cảm ơn ông cả. Tôi biết sức mình đã kiệt. Trí óc bắt đầu mông muội, lảm cẩm – Tôi giúp các ông thì ít mà quấy các ông thì nhiều. Vâng. Để tôi về tính lại với cháu An xem có thể dời lên An Thái không. May ra xa cảnh tấp nập chen chúc, bệnh già của tôi có chậm phát tác hơn.

Vừa lúc đó, Nhật vào phòng mời ông giáo và Nhạc dùng cơm trưa. Nhạc cầm một hộp giấy cột giây chỉ đỏ rất tinh xảo trên bàn, đưa cho ông giáo:

– Thầy lấy tạm hộp nhân sâm này về dùng. Loại sâm quý của Tàu đấy. Thầy đừng ngại, tôi còn một hộp nữa. Vả lại, sức tôi còn tráng kiện. Ha ha, tôi còn đủ gân cốt để đẩy lui Tống Phúc Hợp đến tận Gia Định. Để thầy xem, tôi nói được là làm được.

Mấy hôm sau, ông giáo mới hay tin Phan Văn Tuế đã cầm đầu một phái bộ mang vàng lụa ra Quảng Ngãi dâng cho Hoàng Ngũ Phúc, thay Nhạc xin dâng ba phủ Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Phú Yên cho chúa Trịnh, đồng thời xin làm tiên phong để chinh phạt quân Gia Định. Đúng như lời ông giáo đã nói trước với Nhạc, Hoàng Ngũ Phúc chấp thuận ngay và phong cho Nhạc chức hàm: “Tây Sơn trại trưởng hiệu Tráng tiết Tướng quân”. Giải pháp hoàng tôn đã hoàn toàn thất bại!

Ông giáo không được mời lên hỏi han gì nữa. Ông hoàn toàn rảnh rỗi, nên đem mở sách cũ ra đọc lại. Ông ngại ngùng không dám giở đến mấy bộ Tứ Thư, Ngũ Kinh. Ông chỉ đọc được vài trang thơ Đường, thích thú nhất là đọc

Đỗ Phủ và Tô Đông Pha. Ông cũng bắt đầu đọc sách Phật, loại trước đây ông ghét cay ghét đắng. Điều đó nhắc nhở ông thấy rằng tận chiều sâu của cuộc đời ông, đã có một khúc quanh quan trọng trùng hợp với khúc quanh của lịch sử đất nước. Với đôi chút tiếc nuối và ngỡ ngàng, ông bắt đầu một cảm thức mới!

Chương 32

 háng 7 năm Ất Mùi (1775).
Tổng Phúc Hợp chiếm được phủ Phú Yên. Huệ phải rút về phía bên này đèo Cù Mông. Lại một lần nữa, quân Tây Sơn chịu thất bại nặng nề! Và một lần nữa, hàng ngũ quân lính rối loạn, nhân tâm xao xuyến, tình trạng xã hội xáo trộn, hoang mang.

Thực là nguy biến nếu bảo rằng hai trận thất bại ở Cẩm Sa và Phú Yên là hai bước tiến quan trọng của phong trào Tây Sơn. Chính Nhạc cũng ú ớ không dám

nói như vậy, vì sợ ngượng với mình, và nói như vậy vô ích, vì không ai tin. Hàng loạt những đạo quân lâu nay làm nòng cốt của phong trào tan rã, nhiều nhân vật quan trọng bỏ trốn hoặc làm việc cầm chừng để chờ thời. Nhân tâm ly tán. Lệnh lạc chuệch choạc, các chủ trương chính sách mạnh bạo quyết liệt để ổn định trật tự thường vá vúi tạm thời, nên bộ mặt của làng xóm thường tùy thuộc vào phong cách của viên xã trưởng. Những người này không tin tưởng mấy vào sự vững bền của chế độ, thường dùng chính sách hòa hoãn, xuể xòa cho vui vẻ cả làng. Vì thế, từ đèo Cù Mông cho đến châu Ổ, vùng kiểm soát của Tây Sơn đã ra thành từng mảng bập bênh như những đê bèo dạt trên mặt nước lũ.

Chỉ có Huệ là người độc nhất lạc quan trầm tĩnh trước các hiện tượng tan

rã nguy hiểm ấy. Lạc quan trầm tĩnh nhờ vững tin vào một điều gần giống như qui luật của lịch sử. Huệ nghĩ dù thế nào chẳng nữa, qua bao nhiêu cơn bão và giông tố, qua bao nhiêu trần trở, bất trắc, mất mát, may rủi, phản trắc, dao động, cuối cùng cái tốt cái đẹp cũng thắng. Đó là qui luật của tạo hóa. Nếu cuộc sống không mỗi ngày mỗi đẹp thêm lên, cuộc đời không mỗi ngày thêm đáng yêu, thì cần gì tạo hóa phải xếp đặt bốn mùa xuân hạ thu đông cho cây cối tăng trưởng tiếp nối, trẻ thơ oe oe chào đời thay chỗ cho kẻ khuất, cần gì mặt trời lên cho người thức dậy ăn uống, cày bừa, khổ sướng, yêu ghét và mặt trời lặn cho giấc ngủ yên nghỉ. Sự hòa điệu của vạn vật vũ trụ, cuộc xếp đặt vĩ đại mà hòa hợp tinh tế ấy tự nó đã là cái đẹp tuyệt đối, cái thiện tuyệt đối. Tạo hóa mất công xếp đặt guồng máy vĩ đại toàn hảo này để cuộc nhân

sinh phải thụt lùi từng khắc, để cái xấu đục khoét cây đời như loài bọ độc hay sao? Không! Không! Nhất định không! Cuộc sống là cuộc vận hành phức tạp khó hiểu, nhưng bắt buộc phải xê dịch đến cái đích tối thiện.

Trên căn bản suy tưởng đó, Huệ nghĩ ra cái luật thanh lọc mà một lần anh có đánh bạo đem trình bày với thầy. Nhờ vậy, suốt năm Ất Mùi chịu hết thất bại này đến thất bại khác, tai nghe không biết bao lời than van buồn chán, mắt trông thấy những vụ đào thoát phản trắc, hay những hỗn loạn xao xác, Huệ vẫn giữ được lòng lạc quan. Tập Đình bỏ đi mang theo quá nửa số chiến thuyền ở mặt bắc, không khí thường trực dao động của khắp phủ Qui Nhơn sau trận Cẩm Sa, sự đầu hàng của Châu Văn Tiếp, cuộc đào thoát của hai anh em Lễ Nghĩa

theo phái bộ Nguyễn Phúc Chất, tất cả những điều đau lòng ấy, qua mắt Huệ, đều ở trong tiến trình đào thải để tinh lọc.

Anh càng tin tưởng ở nhận định của mình hơn, khi thấy do nhiều nguyên nhân, từ nhiều cơ hội (trong đó có những cơ hội hoàn toàn bất ngờ và ra ngoài ý muốn của Huệ) dần dà mặt trận phía nam do anh phụ trách qui tụ được những tướng lãnh trẻ tuổi và thuần khiết nhất của phong trào. Huệ không cần nói một tiếng phản đối, chối từ, mà lần lượt bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn du thủ du thực, bọn say mê bạo hành lặn lẽ lánh xa anh, lánh xa phong trào. Những tên vong mạng còn lại phải tự sửa lỗi sống do bản năng thích nghi để tồn tại. Châu Văn Tiếp bỏ theo Tống Phúc Hợp kéo theo bọn đầu óc hẹp hòi cố chấp hoặc

bọn chuyên sống quì đến nỗi run sợ ở thế đứng thẳng. Khoảng cuối tháng 6 năm Ất Mùi (1775), cùng chung với Huệ ở mặt trận Cù Mông đã có Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Văn Tuyết, Ngô Văn Sở, Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng và Đặng Văn Chân. Ngoài Lộc, Tuyết, Chân xuất thân từ Tây Sơn thượng, ba tướng trẻ lớp sau là Sở, Diệu và Dũng. Sở và Diệu cùng quê làng Xuân Huê với Lợi, còn Dũng người thôn Phú Mỹ ở tả ngạn sông Côn. Đặc biệt Dũng và Diệu rất được người Ba na ở các buôn cao nguyên thương mến, và rất thạo lối đánh theo đường nguồn. Họ cùng một lứa tuổi xấp xỉ trên hai mươi, vững tin ở đạo trời và lòng người, say mê công bằng và lẽ phải, khao khát xây dựng một thứ trật tự mới từ bàn những người dân nghèo chân đất. Dĩ nhiên nhờ là em ruột của trại chủ, lại am tường tình hình chiến trường phía nam, nhất là nhờ ánh

mắt lạc quan tin tưởng dễ nổi bật giữa giai đoạn xáo trộn u ám, Huệ được mọi người mặc nhiên công nhận như một vị chỉ huy trẻ tuổi.

Sắc phong “Tiên phong Tướng quân” Nhạc xin Hoàng Ngũ Phúc chấp thuận cho Huệ sau này chỉ làm cái việc cuối cùng là hợp thức hóa vai trò lịch sử của “Chú Tám Thơm” mà thôi!

✱

Bản doanh của Huệ đóng ngay trên đỉnh đèo. Dãy núi Cù Mông chạy dài từ cao nguyên xuống đến biển chợ Giã, đến đoạn này lõm xuống một vòng cung tròn như chiếc vồng. Màu rừng già in đậm trên bầu trời thanh thiên, cho nên mỗi lần Lãng đi lấy nước từ con suối nhỏ

trở về, ngắm bóng những trại lính hình chóp nằm đều trên cái vũng êm ái ấy, anh có ý nghĩ đó là hình ảnh hai bàn tay rừng trần trọng dâng trọn những phẩm chất thuần khiết nhất của trần gian cho khuôn thiên. Và lần nào cũng vậy, Lãng hãnh diện sung sướng đến độ mê!

Chiều nay vừa về đến bản doanh thì ngựa trạm cũng leo lên tới đỉnh đèo. Được Huệ giao cho nhiệm vụ coi sóc giấy tờ trước khi chuyển cho Huệ giải quyết, Lãng mau chóng phân loại các thư từ, báo cáo, thông lệnh từ nhiều nguồn đem đến. Anh chú ý ngay đến thư của trại chủ báo cho Huệ biết Hoàng Ngũ Phúc đã thuận phong cho Nhạc “Tây Sơn trại trưởng, Tráng tiết Tướng quân” và các đơn khẩn báo ở các làng thuộc Tuy Viễn dọc theo mặt bắc ngọn Cù Mông. Những loại giấy tờ khác kém quan trọng hơn, gồm vài lá

đơn của dân khiếu nại lính Tây Sơn thả ngựa ăn lúa, như một tổ cáo trộm cướp, và đơn của một bà mẹ xin cho con trai về dự đám cưới của em gái. Lãng lấy viên đá chặn loại giấy tờ không quan trọng lên cái bàn bằng liếp nửa, rồi mang loại giấy tờ khẩn sang cho Huệ giải quyết.

Huệ đọc thư của anh cả, đầu gật gù, miệng cười nửa sung sướng nửa điều cợt. Huệ ngược lên nhìn Lãng nói:

– “Tráng tiết Tướng quân Tây Sơn trại trưởng”, “Tráng tiết Tướng quân Tây Sơn trại trưởng”. Oai đấy chứ! Phải không Lãng!

Lãng cười đáp lại:

– Vâng, oai lắm. Như vậy là anh cũng trở thành bề tôi lương đồng của nhà Trịnh rồi đấy! Bề tôi quan trọng, vì một

mình trấn giữ ở biên thùi heo hút nhất. Giá anh làm thơ được, chắc sẽ trở thành “võ tướng kiêm thi sĩ biên tái”!

Hai người trẻ tuổi cười to. Huệ hỏi:

– Làm sao Lãng biết tôi không làm nổi thơ biên tái?

– Thế anh làm được bài thơ nào, cho em xem thử.

– Chưa làm không có nghĩa là không làm. Mà không làm cũng chưa hẳn là không làm nổi. Cái gì chứ thơ biên tái hả, dễ ợt!

– Thì anh làm đi.

– Khó gì! Một mảnh thành trơ trọi mất hút giữa núi rừng trùng điệp. Đêm đêm tiếng vượn hú thay cho mõ canh. Người lính thú trấn trở suốt đêm

trong bộ giáp sắt, nhớ đến lời nỉ non của cảnh dương liễu. Sáng ra sương lạnh làm mờ vọng canh, đâu đây nghe có tiếng quạ lạnh lẽo.

– Đây là ý, không phải là thơ biên tái.

Huệ cười cãi lại:

– Quan trọng là ở chỗ tìm ra ý. Còn lựa lời sắp vần là công việc mọn của bọn thợ.

Lãng tức quá, to tiếng:

– Anh nói vậy sao được! Chính do ở cái tài tìm được cái vần chính xác cho cảnh tình, tạo ra được nhạc điệu mà một kẻ phàm phu trở thành thi sĩ. Công việc đó không phải là chuyện tay chân quen thuộc của thợ chữ.

– Nếu vậy, thì đây, Lãng lắng nghe

nhé. Tôi làm thơ biên tái đây. Bài thơ không có nhan đề. Chỉ có bốn câu thôi. Tôi đọc xong, hai ta cùng tìm đề sau cũng không muộn. Bốn câu như sau:

Phú Yên nhật mộ loạn phi nha

Cực mục tiêu điều tam lưỡng gia

Đình thụ bất tri nhân khứ tận

Xuân lai hoàn phát cữu thời hoa

(Nghĩa là: Tại Phú Yên lúc chiều tà, chim quạ bay hỗn độn xao xác. Nhìn ra mãi tận phía xa, chỉ trông thấy vài ba nóc nhà tiêu điều. Cây cối trước sân không biết rằng người trong nhà đã đi hết rồi nên khi mùa xuân tới lại nở lại những bông hoa mùa cũ).

– Lãng ngơ ngợ đã nghe bài thơ này ở đâu rồi, đã nghe đã đọc nhiều lần. Chắc chắn không phải là sáng tác của Huệ.

Nhưng của ai? Nếu của ai khác, như của một nhà thơ biên tái Trung hoa thì tại sao lại có hai tiếng Phú Yên ở đầu bài. Đột nhiên, Lãng nhớ ra hết. Lãng reo lên:

– A ha! Anh gian lận. Lãng nhớ ra rồi. Đây là bài Sơn phòng xuân sự của Sầm Tham. Anh chỉ đổi hai chữ đầu “Lương viên nhật mộ loạn phi nha” thành “Phú Yên nhật mộ”... Anh lém lẩn.

Huệ cười ha hả vì thích thú. Lãng tò mò hỏi:

– Anh tìm đọc ở đâu thế?

Huệ hãnh diện đáp:

– Cả một tủ sách của Tuần Vũ Bình Khang tôi mang về đây. Cái lão tuần vũ ấy trấn nhậm nơi đèo heo hút gió, chắc ít việc, cả ngày chỉ lo đọc thơ vượn hú.

Lăng đưa ra nhận xét:

– Như vậy càng đỡ khổ cho dân. Quan càng ít làm phiền dân bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Cả ngày đọc thơ biên tái rồi nhớ vợ con, dân được yên tâm vỡ rẫy khai hoang.

Rồi nhớ tới một việc quan trọng khác cần báo với Huệ, Lăng trở mấy tờ giấy còn lại báo:

– Nói chuyện thơ thần mãi, tí nữa em quên chuyện khẩn cấp này: Một số khá đông các thầy đồ và ký học ở các làng thuộc huyện Tuy Viễn lâu nay vẫn giúp ta việc dạy dỗ trẻ em, tính toán thuế khóa, lục tục kéo nhau bỏ trốn. Tình thế đáng phải báo động về phủ.

Huệ cầm lấy xấp báo cáo, uể oải xem qua như đã biết trước những sự kiện này,

không có gì phải kinh ngạc hoặc đáng quan tâm. Huệ chờ Lãng nói nhưng Lãng dừng lại vì thái độ hờ hững của Huệ. Huệ hỏi:

– Theo Lãng thì việc một số nhà nho ở các thôn xóm bỏ đi có tầm quan trọng nào không?

– Dĩ nhiên là quan trọng lắm. Họ là cái óc của các địa phương, là tiêu biểu của đạo đức và truyền thống. Dân tôn kính họ, xem họ là mẫu mực trong tất cả mọi vấn đề.

Huệ tò mò hỏi thêm:

– Thế theo Lãng, vì sao họ trốn đi?

Lãng đáp khỏi cần suy nghĩ:

– Vì chúng ta đã phá sập cái nền lâu nay họ đứng.

– Cái nền gì vậy?

– Cái nền đạo đức. Lâu nay họ chưa trốn đi, vì còn tưởng chúng ta sẽ tôn phù Hoàng Tôn Dương lên ngôi Chúa, làm cái việc lâu nay sách nho vẫn ca tụng là “diệt loạn thần tôn minh chúa”. Nay ta dứt khoát làm quan nhà Trịnh, nên các nhà nho ngơ ngác, cảm thấy không còn đất đứng, ảm ức như bị phản bội.

Huê cãi lại:

– Nhưng cả họ Trịnh lẫn họ Nguyễn đều chỉ là công thần của hoàng triều. Nếu trung là trung với họ Lê, chứ việc gì phải trung với Trịnh hay Nguyễn?

– Từ thời chúa Tiên, miền nam mặc nhiên được xem như cương vực riêng của họ Nguyễn Gia Miêu. Điều đó anh biết rồi. Cho nên các nhà nho nam hà chỉ có thể nhìn chữ trung trong khoảng

hẹp hai trăm năm thôi. Xa hơn nữa, họ xem là nguy hiểm.

Huệ đột ngột hỏi Lãng:

– Nhưng ý này rất giống với ý thầy. Có phải Lãng thường nghe thầy nói như vậy không?

Lãng thành thực nói:

– Cha em chê em con nít, ít khi nói đến điều gì quan trọng. Hôm trước về thăm nhà thấy cha ủ dột cau có, em hỏi chị An. Chị bảo nguyên do sâu xa là như vậy.

Huệ chợt nhớ điều gì, ánh mắt sáng lên, hạ giọng hỏi:

– Tối hôm ấy, nghĩa là đêm trước ngày chúng ta về đây đây, An có nói gì với Lãng không?

Lãng đáp:

– Thì kể chuyện em vừa nói. Chuyện vì sao cha buồn rầu.

– Còn chuyện khác.

– Chuyện anh Kiên. Cha hết sức buồn. Anh ấy đi làm đàng kho xong, xuống thẳng chợ phủ mua cá mua mắm về rồi lo nấu ăn, giặt dĩa, y như một bà nội trợ. Chị An bảo có lẽ ảnh bị trời hành mới không dung chen vào làm thân đầy tớ cho một gia đình lạ hoắc.

– Ngoài chuyện anh Kiên, còn nói gì nữa không?

– Hình như hết rồi. Hai chị em nói chuyện tới khuya. Chị An hỏi ở trong này em làm những gì, anh Huệ đối đãi ra sao.

– Rồi Lãng đáp thế nào?

Lãng cười đáp:

– Em bảo anh trở thành “vú em” rồi.

– Nghe Lãng nói vậy, An trả lời thế nào?

– Chị ấy cười. Chị ấy bảo có lẽ vừa bận đánh giặc vừa bận làm vú em, anh ít thì giờ viết thư về nhà.

Huệ tự nhiên dầu dầu nét mặt, nói chậm với Lãng:

– Có gì mà viết. Viết cũng không ai thềm đọc.

Lãng chưa hiểu vội hỏi:

– Anh nói gì thế?

Huệ hỏi lại:

– À, có phải mai Lợi tiếp lương cho ta không?

✱

Đây là lần thứ hai Lợi đích thân tiếp lương cho mặt trận phía nam. Và chỉ qua một lần đầu, Lợi đã quen biết khắp mọi người. Cho nên lần này Lợi lên Cù Mông chẳng khác nào một ông trạng vinh qui. Anh chào hỏi người này, bông đùa với người kia, mang thư nhà đến cho người nọ. Những người lần trước nhờ Lợi mua sắm thứ gì, lần này Lợi mang lên đủ, ngay cả đến một cuốn chỉ để vá quần áo anh cũng không quên.

Để mặc cho thuộc hạ lo việc tiếp lương, Lợi chịu khó leo núi đi một vòng thăm khắp các đội trưởng đồn trú đèo Cù Mông. Đến đâu anh cũng mang đến

không khí xởi lởi thân mật, tiếng cười đùa huyền ảo, và những chuyện gửi gắm mua bán lặt vặt. Anh xưng mày tao với những người nhỏ tuổi, xưng mày tao đối với những người lớn tuổi hơn Lợi đôi chút, điều đó dễ thôi. Cái khó là anh xưng “ông, tôi” một cách dễ dàng tự nhiên với các cụ già khó tính, dăm chiêu, buộc họ phải nhập vào không khí vui vẻ chung. Những món quà nhỏ gia đình gửi Lợi đem lên Cù Mông, cộng thêm những thứ cần thiết cho đời sống đồn trú hiu quạnh như trà, thuốc lá, cau khô, trầu không, đường, kẹo v.v... do Lợi mang theo đủ để họp một cái chợ nhỏ. Và cái chợ đó đã hình thành. Kẻ mua người bán tấp nập, trại lính bị xáo trộn, quấy động vì cảnh đi lại xô bồ mất trật tự. Ngô Văn Sở và Trần Quang Diệu bức quá phải nhờ Huệ can thiệp. Mỗi ác cảm giữa Lợi và Sở một lần nữa lại gia tăng.

Ngô Văn Sở là cháu của Ngô Mạnh, từng làm Đô thống ở kinh đô, vì nạn Trương Phúc Loan phải dấu gốc tích về ẩn nấu trong nhà họ Bùi ở Xuân Huê, giả dạng một người lao động xiêu giạt đi tha phương cầu thực. Ngô Mạnh dạy võ cho con gái chủ nhà là cô Bùi Thị Xuân và cháu của mình là Ngô Văn Sở. Khi Tây Sơn mới khởi nghĩa, Ngô Mạnh còn dè dặt chưa hiểu phong trào có chính nghĩa thực sự hay chỉ là manh động của bọn trộm cướp. Tây Sơn chiếm được Kiên Thành và một dọc các làng từ núi Một xuống An Thái, trong đó làng Xuân Huê, Ngô Mạnh vẫn còn ngần ngừ. Trước mắt ông, cuộc khởi nghĩa dấy quá lớn không còn là một hành động cướp bóc tảo tợn, mà rõ ràng đã lôi cuốn được đa số các tầng lớp dân nghèo. Chủ trương đốt sổ thuế, phá kho thóc cứu đói, lấy của nhà giàu đem phân phát cho dân nghèo,

thực sự đã thu phục được tin tưởng của quần chúng. Ngô Mạnh tìm gặp Nhạc, khéo léo tìm hiểu chí hướng của trại chủ Kiên Thành. Sau cuộc gặp gỡ đó, viên đô thống họ Ngô mạnh dạn quyết định: phần ông đã quá già để trực tiếp cầm gươm cầm giáo. Ông khuyến khích các học trò của ông như Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân tham gia phong trào. Ông cũng gửi Ngô Văn Sở cháu ông đi đầu quân. Tuy tham gia vào cuộc khởi nghĩa vào đợt sau, nhưng các học trò của Ngô Mạnh nổi bật lên nhờ tuổi trẻ trong sáng, thiện chí và khả năng võ nghệ. Họ tham dự các trận đánh ra phía bắc như những cấp chỉ huy nhỏ. Dần dần, họ được Nhạc và Nguyễn Thung tin cậy. Cho đến lúc Huệ nắm vai chỉ huy mặt trận phía nam, Sở, Diệu, Dũng đã trở thành những cánh tay đắc lực của Huệ.

Ngô Văn Sở ở trong nhà Bùi Thị Xuân từ nhỏ, nên không lạ gì Lợi. Trong gia đình họ Bùi, cha Bùi Thị Xuân thuộc dòng chính, còn mẹ Lợi thuộc dòng thứ. Tương truyền hình như cách đây vài mươi năm có một vụ tranh tụng ruộng hương hỏa gay gắt sao đó, đến nỗi đã có đổ máu và cả hai bên mất gần sạch gia tài để lo đút lót bọn tham quan hòng giành phần thắng về mình. Cuối cùng cả hai bên cùng nghèo xác, và không ai thắng, ngoài lòng hiểm thù. Gia đình Lợi và gia đình Bùi Thị Xuân tuy gần gũi nhưng rất ít đi lại với nhau. Khi gia đình Lợi bị thăm sát, rồi Lợi được dịp trả thù, gia đình Bùi Thị Xuân vẫn e ngại có thể nhân cơ hội này Lợi thanh toán luôn bao mối hận cũ. Ông thầy võ Ngô Mạnh đã chuẩn bị cách phòng vệ, nếu đám em út của Lợi kéo đến đòi rượu thịt. Nhưng không. Lợi không nói xa nói gần gì đến gia đình họ Bùi cả.

Tuy thế, những gì Lợi làm trong buổi đặc thể họ đều biết cả. Lợi cũng hiểu như vậy. Thành thử khi bọn Sở, Diêu, Dũng được trọng dụng, Lợi cảm thấy khó chịu. Trừ trường hợp bất đắc dĩ, Lợi tránh không muốn gặp họ, hoặc động chạm đến họ. Đường ai nấy đi, thế thôi. Thế không có nghĩa là nếu thuận tiện và kín đáo, Lợi không đưa ra các nhận xét nửa đùa nửa thật bất lợi cho Sở, Diêu, Dũng, ảnh hưởng lớn lao đến Nhạc hay Lữ. Lợi có quá nhiều dịp để gần gũi trại chủ, nên bọn học trò Ngô Mạnh đôi khi ngỡ ngàng không hiểu sao mình đột ngột bị chuyển đến chỗ này, hoặc nhận một nhiệm vụ khác. Lợi không muốn gặp những người đồng hương nguy hiểm trên đường đời. Nhưng tại sao họ lại cứ muốn phá bĩnh. Việc gì đến họ? Lợi tức giận tìm hỏi Huệ:

– Anh cho lệnh tập trung quân đấy chứ?

Huệ đành nét mặt đáp:

– Phải. Anh muốn gì?

Lợi bật cười, ra vẻ mừng rỡ, nói:

– Thế mà tôi lại cứ tưởng chúng nó phao lệnh giả để quịt tiền nhau. Ôi thôi các ông tướng quá trời! Bao nhiêu quà cáp nhà gửi đem ra đổi chác cho nhau, thậm chí mua đi bán lại như đây là cái chợ xổm. Phải, anh đẹp là phải!

Huệ vẫn nghiêm nét mặt hỏi:

– Chùng nào anh về?

– Tôi ấy à! Có lẽ sáng mai. Tôi còn phải tiếp lương một chuyến nữa ở chợ Giã. Anh cần gửi thư từ gì cho trại chủ không?

Huệ ghét cay ghét đắng bộ mặt ấy.
Anh đáp cụt lủn:

– Không.

Trước khi Lợi tiu ngủ quay đi, Huệ nói thêm:

– Lần sau anh nhớ đừng đem chuyện buôn bán lên đây. Nhớ nhé!

✱

Trong thư An nhờ Lợi mang lên cho Lãng chỉ kể sơ lược cảnh sống cô lập của hai cha con vì mặc dù đã niêm phong kỹ lưỡng, cô vẫn còn sợ có một người ngoài gia đình như Lợi hoặc Huệ đọc được. Vị trí ông giáo ở phủ Qui Nhơn thật tế nhị và nguy hiểm, điều đó ai cũng cảm biết, nhưng không ai dám nói ra, vì nói thế nào cũng không hoàn toàn đúng.

Ngay cả nhân vật am tường việc nội bộ nhất là Bùi Văn Nhật cũng không dám công khai xếp chỗ cho ông giáo. Nhật ngó chừng thái độ của trại chủ để điều chỉnh thái độ của mình. Trước những vấn đề quan trọng, Nhạc đều có ý kiến dứt khoát, từ việc dứt khoát chọn cầu hòa với Hoàng Ngũ Phúc cho đến quyết định quân thúc Đông cung, giết Nguyễn Phúc Tịnh. Chỉ riêng đối với ông giáo, Nhạc tỏ ra e ngại, lập lờ. Nhật tưởng khi Nhạc sai Nhật đi mời ông giáo dùng cơm trưa, thì bữa tiệc ấy coi như bữa tiệc đoạn tình. Uống với nhau một chén rượu cuối, rồi thôi, từ đây về sau gặp lại chỉ nói với nhau bằng mũi kiếm. Ban đầu giọng nói của trại chủ có vẻ nghiêm khắc, lạnh lẽo thật. Nhật cũng nường theo đó công khai kết ông giáo cái tội âm mưu tạo phản. Nhưng sau khi ông giáo biện minh thể thốt, Nhạc lại quay ra hòa dịu, thân ái.

Nhật chẳng hiểu phải làm cái gì, phải cư xử với ông giáo ra sao. Từ đó về sau Nhạc lại không nhắc đến chuyện cũ, nên Nhật phải rút số lính đã gửi đến canh phòng nhà ông giáo đêm hôm trước. Nhưng rõ ràng ai cũng biết từ nay vai trò của giáo Hiến đã hết!

Họ điều chỉnh lại thái độ cho phù hợp với nhu cầu mới. Trong các cuộc hội họp, bàn bạc, giữa lúc trà dư tửu hậu, họ tránh không nhắc tới ông giáo. Không ai muốn người khác nhắc lại có thời họ đã làm việc chung với ông giáo, hoặc có đi chung một đoạn đường, có cười nói vài câu xã giao với ông. Ông giáo đột nhiên vắng mặt, còn đó nhưng không hiện diện. Sự thay đổi thái độ của người ngoài quá lộ liễu nên ông giáo nhận ra ngay. Lòng tự ái của ông bị xúc phạm nặng nề. Ông

phản ứng bằng thái độ tự cô lập khắc kỷ, sự khinh miệt cố ý tỏ ra quá đáng. Ông sai con gái khóa cửa trước, đóng kín cửa sổ quay ra phía đường. Có đêm Thọ Hương lén tìm An tâm sự, gõ cửa giữa khuya khoắt, khẩn khoản gọi An mở cửa, ông giáo giả vờ ngủ say không dậy. An chạy ra mở then, ông lừ mắt ngăn lại. An sợ hãi ánh mắt hung dữ khác thường ấy không biết bao nhiêu!

Thọ Hương không dám đến nữa. Cô Trúc, em gái Bùi Văn Nhứt từ lâu đã thôi học. An đi chợ phủ mỗi sáng sớm, thấy vẻ lạnh nhạt xa lánh của người quen, tủi thân nghĩ mình trở thành tai họa cho kẻ khác, tự nhiên đi về lấm lét thui thủi như người phạm tội. Trong căn nhà kín cửa tối tăm đó, một già một trẻ âm thầm lắng nghe tiếng thở dài của nhau, rồi cùng hãi

hùng nghĩ tấn bi kịch này còn kéo dài thật dài về sau, không biết đến lúc nào mới chấm dứt.

Đúng như An đã viết thư cho Lãng, may mắn họ tìm được nguồn an ủi trong thi ca và kinh Phật.

Ông giáo đọc lại thơ của thời Thịnh Đường, đọc bất chợt tùy hứng chứ không theo thứ tự hoặc hệ thống phân loại. Ông muốn bắt gặp tâm hồn người xưa mà không bị định kiến chi phối, để hưởng trọn cái sáng khoái của thông cảm cởi mở. Ông với tay rút ra một tập thơ, lật một trang nào đó. Ông đọc chậm, cho từng chữ ngấm sâu vào tim vào óc mình. Đọc xong một lượt, ông gấp sách, nhắm mắt và ôn lại toàn thể ấn tượng tích lũy được suốt câu đầu đến câu chót. Ấn tượng ấy thường lan man mơ hồ, vui vui

hoặc buồn buồn, lâng lâng nhẹ nhàng hoặc hào sảng náo nhiệt. Ông chưa vội tin ở ấn tượng ban đầu đó. Ông đọc to lần nữa, lần nữa, xong một lần lại chiêu một ngụm trà đặc quánh, đọc cho đến lúc ông có cái khoái cảm mừng rỡ như chính mình sáng tác được bài thơ ấy, thích thú thấy nó lớn dậy để bắt đầu một số phận riêng.

Vì thường thức thơ theo cách đó nên ông giáo đọc lẫn lộn nào Lý Thương Ẩn, Vương Xương Linh, Mạnh Hạo Nhiên, Lý Bạch, Tô Thức, Đào Tiềm... Ông dừng lại lâu nhất với Đỗ Phủ. Với Đỗ Phủ. Chỉ vì một lý do: trong kệ thơ của ông, chỉ riêng Đỗ Phủ là có một tuyển tập riêng biệt, và quyển thơ đó đóng bìa đẹp để công phu quá. Nội dung và hình thức quyển thơ có sức nam châm hút bàn tay lựa chọn đang ngần ngừ do dự

của ông: Đó là quyển thơ Huệ gửi biếu An do Thọ Hương mang lại!

*

Ông giáo đau nhói cả lòng khi nhớ lần đầu bắt gặp quyển thơ ấy trên kệ sách. Từ lâu đầu tắt mặt tối với công việc trên phủ, ông ít có thì giờ nói chuyện thân mật tâm tình với con. Văn chương thi phú thì đã gác hẳn sang một góc tưởng niệm đầy bụi bặm, từ thời Tây Sơn thượng.

Cho đến hôm ấy ông cảm thấy lạc loài giữa mọi người, boăn khoăn tự hỏi ý nghĩa của bao nhiêu cuống quít xông xáo, thôi thúc hò hét, toan tính, kế hoạch... đang dồn dập diễn ra quanh ông. Đó là hôm ông chủ định tìm lại Thơ. Ông bắt gặp tập thơ Đỗ Phủ với cái bìa nhiều sang trọng. Giở trang đầu, ông đọc được triện son của Tuần Vũ Bình Khang. Ông

giáo hiểu liền. Một niềm hân hoan pha chút hãnh diện tràn ngập lòng ông. Có thể chứ! Những buổi say mê giảng sách ở nhà học, những đêm thức khuya canh lúa trên gò Miếu, hy vọng ở đôi mắt thông minh chiếu rọi được thấu bản chất của sự vật với tất cả tự tin, cái bóng lớn lao tự trưởng thành của đời ông! Sau phút hân hoan, lòng ông bắt đầu se thắt. Ông ái ngại liếc nhìn con gái, lúc đó đang ngồi lặng lẽ lượm thóc gần cửa sổ hồng. Ông hỏi An:

– Gần đây con có giở đến mấy cuốn thơ không?

An hơi ngạc nhiên khi nghe cha hỏi vậy, đỏ mặt lúng túng đáp:

– Dạ thỉnh thoảng buồn quá con có xem!

– Con thích ai nhất?

– An càng lúng túng hơn, ấp úng đáp:

– Con cũng chẳng biết nữa. Lúc thích người này, lúc thích người khác.

– Nhưng con phải đọc của ông này nhiều hơn ông kia chứ!

– Dạ.

– Như vậy con thích họ rồi. Con thường đọc ai?

– Nhiều nhất là Lý Thương Ẩn, cha ạ!

Ông giáo cười nhẹ, tỏ vẻ hiểu con. An cảm thấy sung sướng, muốn chia sẻ niềm vinh dự cho em, nên thêm:

– Lã nó cũng thích Lý Thương Ẩn lắm.

– Còn Lý Bạch, Đỗ Phủ.

– Hai vị đó cao quá đối với chúng con. Nhất là Lý Bạch. Còn Đỗ Phủ thì...

Ông giáo vội hỏi:

– Con đọc hết tập thơ Đỗ Phủ rồi chứ?

An xấu hổ cúi mặt xuống, hai tai nóng bừng. Lúc An ngược lên, ông giáo thấy gương mặt con thật khác thường, môi An run run muốn nói gì đó mà không nói được, hai mắt sáng xúc động vì một nỗi hốt hải; khuôn mặt của một người phân vân sắp hét lên đau đớn hay khóc òa vì một hoan lạc bất ngờ. Ông lo sợ hỏi:

– Con sao thế?

An trấn tĩnh, nói nhỏ:

– Con hơi bị xâm xoàng.

Rồi đột nhiên giọng An vui vẻ hẳn lên:

– Hôm qua con mua được mẻ gạo ngon quá. Từng hạt đều riêng như hạt ngà. Để chiều nay con nấu thử cho cha xơi. Chắc chắn sẽ thơm và dẻo lắm.

Ông giáo không tìm được lời nào để nói với con. Giọng vui giả tạo còn thấm hơn cả tiếng khóc. Ông hiểu nỗi tuyệt vọng của con gái, ông xót xa vì đó cũng là nỗi tuyệt vọng của đời ông. Bao năm nay ông rộn rã cả lòng khi nghĩ đến cuộc hôn nhân lý tưởng, giữa con gái yêu và người học trò thông minh của ông. Không bao giờ thổ lộ niềm vui đó với ai, ngay cả với An, nhưng được ôm ấp trọn vẹn nó cho mình như một giấc mơ đẹp, như một ý nghĩa thuần khiết, như chút còn lại của

cuộc đời bập bênh, ông thấy an tâm, tự tin hơn. Bây giờ tất cả đều mất, mất, mất hết.

Tối hôm ấy, thức giấc giữa khuya, ông nghe hình như có tiếng khó ẩm úc. Ông nín thở lắng tai để nghe cho rõ hơn. Nhưng ngoài tiếng muỗi vo ve, tiếng một gặm kèo gỗ, tiếng chuột lâu lâu khua động xó tủ, ông không nghe được gì khác. Ông tự nhủ có lẽ mình quá bi thảm hóa sự đau khổ của con gái!

Chương 33

Từ khi Nhạc cho lệnh rút đạo Hòa nghĩa quân của Lý Tài về Qui Nhơn để dễ kiểm soát, chấm dứt tình trạng cướp bóc do đám quân vong mạng thất trận ấy gây ra khắp các vùng trú đóng, Chinh được sống với gia đình một thời gian.

Có thể nói trong hoàn cảnh sống heo hắt cô độc, gia đình đã mở rộng đôi tay đón chào đứa con trở về như một thiên sứ. Cả ông giáo lẫn An đều hơn hở! Chinh đem sự náo hoát, ồn ào rộn

rã lại cho gia đình. Ông giáo cho mở ngay khóa cửa trước, xô tung hai cánh cửa khép lâu ngày làm mấy chú nhện hoảng sợ. Gió và ánh sáng lại được dịp ủa vào căn nhà lạnh ẩm mốc. Không cần hỏi han ai, nhất là không thắc mắc tình trạng tài chính của gia đình, ngay hôm sau, Chinh mời bốn người bạn hảo hớn về nhà đãi đằng.

Một người khoảng trên bốn mươi tuổi, da đen, có râu hàm rậm, nói tiếng Nam lơ lơ chưa thạo, được cả bọn kính nể, luôn miệng gọi là “đại huynh”. Một người gầy ốm đôi mắt như hai lá rau răm, môi chỉ cười mím, má trái có một vết sẹo dài thâm tím và lóm sâu xuống, khiến bộ mặt đã choắt lại thêm mất cân đối. Người thứ ba tuổi đời mới ngoài hai mươi, bộ điệu chậm chạp cọc cằn, ít nói, lâu lâu có thói đưa ngón tay út lên xoáy

vào lỗ tai. Người cuối cùng An đã gặp, vì Chinh có nhờ đưa thư về mượn một trăm quan trả nợ cho anh ta. Chinh lo về trước để chuẩn bị đón khách, gặp lúc ông giáo đang ngồi trầm ngâm trên phản gỗ, tay chống vào chông gối xếp. Thấy con nhìn quanh như muốn tìm kiếm thứ gì, ông giáo dịu giọng hỏi:

– Con tìm gì vậy?

Chinh đáp:

– Con dọn mâm rượu lên cái phản này được không cha?

Ông giáo trố mắt nhìn Chinh hỏi:

– Rượu à? Cha có uống được đâu!

Chinh vội nói:

– Con đã mời bốn người bạn “đồng sinh đồng tử” chiều nay đến thăm nhà

mình. Lâu nay họ đều biết tiếng cha, nhưng không biết có thời cha đã làm việc với quan Nội hữu Ý đức hầu ngoài kinh. Nghe con nói, họ không tin. Họ bảo nếu thật như vậy, cha đúng là ‘trang hảo hớn’, gặp thời làm quan trong triều, thất thời mai danh ẩn tích làm mưu sĩ cho khách anh hùng. Cả bọn đều muốn được hầu chuyện với cha. Cha giúp họ con khiêng cái phản này ra chỗ sáng một chút. Trong này tối quá.

Ông giáo không có cách nào khác là cùng với Chinh bày biện tiệc rượu cho các ‘trang hảo hớn’. Ông kinh dị trước vẻ buông tuồng, lời nói kiêu cách của Chinh. Nào những là đồng sinh đồng tử, khách anh hùng, trang hảo hớn. Kinh dị nhất là cái thói xem thường đời sống người khác, chỉ chăm chăm nghĩ đến cái vui trước mắt của mình. Chinh không

báo trước khiến An phải vất vả cả buổi trưa chạy khắp nơi xoay sở mua sắm mới tiệm tiệm đủ cho cuộc rượu. Khổ nhất cho An là phải qua Kiên để vay một ít rượu và đồ nhắm. Kiên thấy em gái đến, vừa ngạc nhiên vừa giận dỗi, hỏi mát:

– Quý hóa quá. Có việc gì mà em phải thân hành đến đây?

An lúng túng không biết đứng ngồi thế nào, vì Kiên vẫn tiếp tục xoay trần ra cột lại cái chân gãy của quây rượu, mặt mày dăm dăm. An muốn khóc òa rồi bỏ về, nhưng cố nhịn, thưa với anh:

– Có anh Chinh về đằng nhà, anh biết chưa?

Giọng Kiên dăm dăm:

– Có ai thèm đến thăm tôi đâu mà biết!

An bậm môi nói một mạch:

– Anh ấy dẫn về một lô bạn bè, rồi bảo dọn rượu. Em không biết xoay xử làm sao vì gấp quá. Anh chị cho em mượn đỡ một ít đồ nhắm, và vài chai rượu trắng.

Kiên ngưng việc ngược lên nhìn em. Có lẽ anh đâm thương hại em gái, không nỡ dẫn vật nó nữa. Kiên lẳng lẳng đi tìm cái giỏ bát, xếp vào đó hai chai rượu nếp, một ít bánh và chả. Anh không quên gói thêm mấy củ tỏi và tiêu. An cảm ơn anh rồi rít. Hai anh em ra đến bến tắm ngựa Kiên mới hỏi:

– Sao độ này anh ít khi gặp cha trên phủ?

An kinh ngạc hỏi lại:

– Anh chưa biết gì ư?

- Việc gì?
- Anh vẫn còn đi làm ở kho chứ?
- Vẫn còn.
- Thế anh không nghe thiên hạ xì xầm điều gì à?

Giọng Kiên chán nản:

- Hơi đâu mà nghe. Làm xong việc về đây lo việc nhà, thú hơn.

An nhìn anh thương hại:

- Thôi lúc khác em sang chơi sẽ nói chuyện nhiều. Hay anh rảnh thì chiều qua nhà uống rượu với bạn anh Chinh.

Kiên dừng lại, bực dọc bảo em:

- Không. Chiều nay anh bận. Thừa với cha là anh gửi lời hầu thăm.

Tuy vậy tiệc rượu cũng khá thịnh soạn. Ông giáo ngồi với bọn trẻ một lúc, vì không chịu được cách ăn nói ồn ào thô lỗ nên lấy cớ nhức đầu vào nằm ở buồng sau. Chủ, khách chỉ chờ có thế. Họ cười nói ồn ào hơn. Kẻ say bắt đầu những lời chửi rửa tục tằn làm An ngượng đỏ mặt. Có người nôn thốc ra cả mâm rượu, mặt phản nhớp nháp. Ông giáo giận quá, kêu Chinh vào mắng cho một chập. Chinh lí nhí xin lỗi, rồi ra nhà ngoài lựa lời nói khích để các “trang hảo hớn” chịu về nhà đại ca tiếp tục một cuộc rượu khác.

✱

Sáng hôm sau, Chinh lại cười cười bảo em:

– An có tiền không, cho anh mượn hai mươi quan.

An trợn mắt nhìn anh, tức tối nói:

– Em mượn của anh Lợi hai mươi quan chưa trả được, tiền đâu đưa thêm cho anh!

Chinh ngời chồm hồm trước mặt An, nằn nì:

– Cho anh mượn thêm hai mươi quan nữa, vị chi bốn mươi quan. Anh bán thuốc được, sẽ trả cả vốn lẫn lời cho em ngay.

An tò mò hỏi:

– Thuốc gì thế?

Tưởng em đã bắt đầu ham lợi, Chinh khoe:

– An có nhớ kỳ trước anh kể chuyện xin thuốc tên cổ đạo người Tây dương không? Không à? Anh có gửi về cho em

hai gói thuốc trắng mà! Như vậy là anh say rượu quên gửi rồi đấy! Hoài của! Về sau anh có uống thử thấy công hiệu lắm. Anh đem nhờ thầy thuốc bắc ở Cửa Hội gửi xem thử thuốc Tây dương gồm những vị gì. Ông ta đoán được một số vị chính. Anh có nhờ ông ta hốt một thang đem tán nhỏ rồi gửi thử, quả nhiên mùi cũng hơi giống mùi thuốc Tây dương. Chỉ khác bột của mình màu nâu, còn của họ màu trắng. Từ đó khi nào túng tiền, anh làm thuốc bán cho dân quanh vùng, kiếm được khối tiền. Hiện anh còn một gói lớn. Bán ra ít nhất cũng được vài chục quan.

– Vẫn chưa đủ trả nợ cho anh Lợi.

Chinh nhăn mặt hỏi:

– Nợ anh nào?

– Anh Lợi. Chính anh nhờ em vay của anh Lợi để trả cho ông bạn hôm qua đến đây nôn ọe đầy phẩn đầy.

Chinh bữu môi bảo:

– Tưởng nợ của ai! Nợ thằng Lợi thì khỏi trả.

An tức giận hỏi:

– Anh muốn quịt của người ta à?

– Không quịt. Nhưng anh làm theo lẽ công bằng. Thử hỏi thằng Lợi làm gì để có khối tiền, nếu không nhờ đóng dầu mà dính chút ít trên tay. Nói trắng ra là vì nó lo tiếp lương nên kiếm chác được. Mà không có bọn anh đánh đầu này đầu kia, thì làm sao nó có cơ hội bỏ túi bớt của thiên hạ được. Cho nên em thì anh gắng trả nợ, nhưng nếu là của thằng Lợi,

thì anh khỏi phải trả. Chẳng những thế, anh còn đòi thêm nữa...

An hô hoán lên:

– Trời đất ơi! Anh nói y như một tên ăn quịt. Cha mà nghe được thì...

Chinh cắt lời An:

– Anh không nói đùa đâu. Lợi nó còn mắc nợ bọn anh. Bao nhiêu của cải bọn anh thu được chất sẵn lên thuyền, nó ton hót với trên để chở đi mất. Chuyển đó nếu nó không về đây sớm, chắc chắn mỗi người trong Hòa nghĩa quân đã xin nó một tí huyết.

An chống chế giùm cho người vắng mặt:

– Anh ấy chở về đây nhập kho, có sổ sách đàng hoàng. Không cướp bóc làm

của riêng như bọn trộm cướp các anh.

Chinh nhìn chăm chăm vào mặt An, rồi cười hỏi:

– Sao em bệnh nó chăm chặp thế?

An tức giận nói:

– Vì em là con nợ của người ta. Xưa nay em chưa bao giờ phải ngửa tay vay mượn ai một đồng kẽm. Em nhục nhã ngửa tay van xin người ta, là vì ai? Vì anh đó.

Chinh đầu dụ:

– Anh biết thế, biết chỉ có em là còn thương anh nên mới viết thư cầu cứu. Anh không bao giờ quên ơn em. Nhưng đã làm ơn thì làm cho trót. Ráng cho anh vay thêm hai mươi quan. Chỉ hai mươi quan thôi.

An bậm môi, rồi lắc đầu:

– Em đã bảo là không có.

Chinh nằn nì:

– Anh biết em có.

– Không có.

– Có.

– Không có.

– Có.

An giận quá, đưa cả cái bọc tiền cho Chinh xem:

– Đây, anh soát đi. Hôm qua dọn tiệc rượu cho anh, em phải chạy qua anh Kiên vay đồ nhắm và hai chai rượu. Phải dốc tiền thuốc của cha luôn vào đó mới đủ. Chỉ còn mấy đồng kẽm, anh đã tin chưa.

Chinh buồn rầu, thất vọng. Bóp trán suy nghĩ một lúc, Chinh e dè hỏi An:

– Hay em mượn thằng Lợi giùm anh.

An quả quyết đáp:

– Không!

Chinh biết không thể lay chuyển An nổi, đứng dậy nói:

– Thôi. Để anh đi tìm nó vậy. Anh lỡ khoe nhà mình giàu, chuyến này không có hai mươi quan, chắc không ngừng mặt lên nổi!

✱

Chinh đi đâu cả buổi sáng. Người bạn rượu từng mang thư giúp Chinh đến nhà tìm Chinh nhiều lần. Lần nào Chinh

cũng chưa về. Anh ta có vẻ sốt ruột. Chỉ có một mình An ở nhà nên câu chuyện giữa chủ và khách gượng gạo, rời rã. Nếu cố gắng, An có thể tìm cách gợi chuyện cho không khí bớt tẻ nhạt. Nhưng cô ghét bọn bạn bè cộc cằn thô lỗ của anh. Cô để mặc anh ta ngồi lúng túng, im lặng ngồi lưa nhộng để xào nghệ cho cha.

Người bạn Chinh nóng ruột, hỏi An:

– Chinh nó có nói đi đâu không, cô em!

An ngược lên, bậm môi tức giận vì cách xưng hô sàm sỡ, đả cộc lốc:

– Không.

– Vậy mà nó hẹn sáng nay đến là có liền.

An càng giận hơn, nói với khách:

– Các anh tưởng đây là nhà kho chắc!

Bạn Chinh vội hỏi:

– Cô em nói gì thế?

An dần từng tiếng:

– Tôi nói: Các anh tưởng đây là cái kho tiền bạc, rượu thịt hay sao? Kỳ trước chính anh đã cầm thư về đòi hai mươi quan, bây giờ lại đến lấy thêm hai mươi quan nữa.

Khách cũng không vừa. Anh ta không kiêng nể gì cả, cãi lại:

– Cô em nói như vậy, chẳng hóa ra tôi là thằng chuyên moi tiền nhà cô hay sao! Cô phải biết, nó nợ thì phải trả. Còn hai mươi quan kỳ này, chính nó tự đứng ra lãnh chứ không ai ép. Tối hôm ấy kéo qua nhà “đại ca” thì rượu hết. Chính nó

tự nguyện ứng ra hai mươi quan để đại ca tổ chức một bữa thật linh đình, mừng ngày anh em thoát chết trở về. Nó bảo nhìn quanh chỉ nhà nó là có đủ khả năng, anh em đừng lo. Cô em đã rõ chưa? Tôi chỉ là người đến nhận tiền để lo chuẩn bị sắm sửa.

Càng nghe nói, An càng giận anh. Cô thấy mình có lỗi khi đối xử nhạt nhẽo vô phép với khách. Giọng cô dịu dàng hơn:

– Bây giờ tôi mới vỡ lẽ. Anh ấy tưởng gia đình giàu có lắm hay sao! Anh coi, đồ đạc toàn những thứ rẻ tiền, lúc túng bán không ai thèm mua. Cha tôi già rồi, đào đâu ra tiền cho anh ấy phung phí. Anh ấy không biết nghĩ!

Bạn Chinh bớt giận, bảo An:

– Tôi chơi với Chinh lâu ngày còn lạ

gì tính nó. Cười nói bi bô đó rồi quên đó. Nhưng được cái chơi với anh em rất chí tình. Lâu lâu cũng có phá quấy đấy, nhưng để đùa cợt chút thôi. Bản tâm không muốn làm hại ai, không muốn làm ai buồn.

An thở dài:

– Đã hai mươi lăm tuổi đầu mà tính vô tư như trẻ con, ham chơi quên mất tình cảnh gia đình. Anh thấy không, nhà chỉ còn hai cha con. Tôi đàn bà con gái, cha tôi ho hen luôn, không biết còn ở với con cái đến ngày nào. Hôm nào tôi quên không mua nhộng về xào nghệ thì y như rằng...

Người bạn Chinh trở đĩa nhộng hỏi:

– Thứ sâu này ăn được à?

An ngơ ngác hỏi lại:

– Anh nói sâu gì?

– Loại này này.

An cười giải thích:

– Nhộng kén mà anh bảo sâu. Anh chưa ăn thử bao giờ ư? Béo lắm. Ở phía bên kia sông người ta chuyên nuôi tằm lấy tơ, nên nhộng còn rẻ hơn cả thịt cá.

Bạn Chinh hỏi:

– Thế Chinh nó có thích thú này không?

– Thích. Anh ấy hốt cả nắm bỏ vào miệng nhai như ăn bắp. Người bạn Chinh cười, như vừa tìm được điều gì thích thú. Anh ta nói:

– Thảo nào! Thảo nào nó thạo cái trò nuốt sâu!

An giật mình hỏi:

– Anh vừa nói gì thế?

Người khách cười cười nhìn An, rồi nói:

– Cô biết cái tính cắc cớ của anh cô rồi. Cái trò nuốt sâu đó.

– Vâng, nhưng hồi nhỏ anh...

– Lớn lên vẫn thế thôi. Chính nó thích nhìn các bà các cô chết ngất vì hãi hùng. Cô biết không, mỗi lần đánh đến đâu, nó thường tìm đến nhà các cô gái trẻ đẹp để lân la nói chuyện. Tâm lý ai cũng sợ dân đeo gươm vác giáo, nên lúc nào các cô cũng ráng tỏ ra vui vẻ, lễ phép, ngoan ngoãn. Chờ lúc thuận tiện nhất, Chính nó bắt đầu giở trò. Nó tìm bắt một con sâu nào đó, ở vườn thì thiếu gì. Nó cho con sâu bò trong lòng bàn tay.

Nội bấy nhiêu cũng đủ cho các cô xanh mặt vì sợ hãi. Nhưng chưa hết. Nó bảo ở quê nó, người ta ăn loại sâu này để chữa bệnh sốt ngã nước. Rồi trong lúc các cô chưa kịp hoàn hồn, nó hất con sâu vào mồm nhai ngấu nghiến. Không có cô nào không ngã ra chết giấc.

An đã biết tính Chinh mà nghe kể, vẫn còn muốn nôn ọe vì kinh tởm. Mặt cô nhăn nhó vì cố ghìm cơn nôn. Người bạn Chinh cười to hơn, bảo An:

– Cô đừng sợ. Lần đầu biểu diễn cho chúng tôi xem thì nó nhai sâu thật. Nhưng các lần sau nó chỉ giả vờ. Nó ngậm sẵn một cọng trấu để nhai ra nước xanh, còn con sâu đã thả rơi xuống đất dẫm chân lên giấu, lúc hất mạnh tay vào miệng. Nó thích chơi trò đó, cô thấy có lạ lùng không?

An lo lắng hỏi:

– Nhưng anh ấy có xâm phạm đến họ không?

– Không bao giờ. Tội này đặt hẳn là “nhà nho nuốt sâu” mà!

✱

Vừa lúc đó Chinh và Lợi cùng vào nhà. Thấy bạn, Chinh cười nói rộn ràng:

– A ha! Chờ lâu không? Tìm cho được cái kho biết đi này đâu phải là chuyện đùa. Mà yên tâm. Về thừa với “đại ca” thế nào chiều nay cũng chu tất. Đã có anh Lợi giúp vào một tay, khỏi phải lo lắng nữa!

Người bạn vẫn còn lo ngại, rụt rè nhìn Lợi, rồi nói với Chinh:

– Nhưng tội nó đòi kéo đến chúc thọ đại ca. Sợ đông quá!

Chinh phất mạnh tay ra vẻ hào phóng:

– Đông bao nhiêu cũng được. Càng đông càng vui. Phải không Lợi! Chiều nay kéo bọn bên kho qua chung vui, gọi là kết nghĩa giữa “hậu tập” với “tiền phương”. Nhất định kéo bọn nó qua nhé! Bao nhiêu tất cả nào?

Lợi lúng túng gỡ bàn tay Chinh (lúc đó Chinh cứ nắm chặt lấy cánh tay Lợi mà hỏi han, mời mọc), chối từ:

– Chiều nay không tiện, anh ạ. Chúng tôi bận lắm!

Chinh trề môi chế giễu:

– Lại bận! Tiếp lương mà càng bận

bị bao nhiêu, kho càng mau rỗng bấy nhiêu. Cửa kho phải khóa chặt, thủ kho đi câu cá, thì mới mong nước giàu được.

Nói xong, Chinh cười hô hố một mình. Người bạn Chinh hỏi Lợi:

– Chiều nay chúng tôi đợi anh nhé!

Lợi giật mình, hỏi:

– Vâng. Nhưng, nhưng liệu có đông lắm không? Tôi sợ...

Chinh cười xòe hai bàn tay ra:

– Nhiều nhất là khoảng bốn lần thế này. Bốn chục con sâu rọu! “Ông” tính sao cho đủ thì thôi. Khoảng giờ dần nhé!

Lợi do dự, giữa lắc đầu và gật đầu. Chinh ôm vai người bạn nói:

– Thôi xong rồi. Về nói với anh em

khoảng giờ dần phải có đủ mặt, cho dọn sẵn mâm chiếu. Rượu thịt anh Lợi sẽ cho mang tới sau. Cần gì nữa không? À quên, tao phải cùng với mày đi báo cho anh em chú. Mượn ngựa đi cho nhanh. Lợi ở chơi nhé. Tụi này đi trước.

Chinh và người bạn đi rồi, An mới hỏi Lợi:

– Thế mà anh cũng nhận à?

Lợi đỏ mặt, xấu hổ vì sự yếu đuối thụ động của mình trước mặt An, lắc đầu chậm chậm ra vẻ chịu đựng vì khoan dung:

– An thấy không, anh ấy có cho tôi kịp nói được tiếng nào đâu. Mà từ chối làm sao được! Tôi chỉ sợ anh ấy mất mặt với bạn bè. Chứ ai khác, thì... Tính anh ấy tức cười nhỉ! Đúng là cha mẹ sinh

con, nhưng trời sinh tính. Anh ấy không được đảm như An với Lãng.

An nhớ ra vội hỏi:

– Hôm vào Cù Mông, Lãng có nhắn gì cho em không?

Lợi nhớ lại cuộc đi không vui, nhớ vẻ mặt lạnh lùng của Huệ, sa sầm nét mặt. Nhưng anh mau chóng giấu ngay được xúc động riêng. Lấy giọng vui vẻ, Lợi hỏi:

– Lãng bảo gấp quá không viết kịp. Nhận được quà An, Lãng mừng lắm. Lãng bảo bà chị cứ bày vẽ!

An chớp chớp mắt vì cảm động. Trước mắt cô, Lợi có vẻ hiền lành tốt bụng, hình như cả đời chỉ bận lo công việc giúp đỡ kẻ khác. Nhất là ân cần giúp

đỡ gia đình An. Trong cảnh sống bị cô lập, nếu không có Lợi, An chưa biết hai cha con sẽ như thế nào? Chẳng lẽ suốt ngày nằm nghe tiếng thở dài của nhau, cắt đứt mọi liên hệ với đời sống bên kia vách. Lợi mang đến lương thực, tin tức, mang đến cả những lời bông đùa. An ngược nhìn Lợi lần nữa, thấy thương hại anh. Cô âu yếm nhắc:

– Anh không đi lo rượu ngay cho họ, sợ không kịp đâu!

Lợi sung sướng vì lời nhắc nhở đầy âu yếm, cười đáp:

– Không kịp thì cũng phải vắt giò lên cổ mà chạy cho kịp. Chỉ vì anh Chinh tôi mới phải vậy, chứ ai khác thì...

An hiểu ý Lợi, lí nhí bảo:

– Vâng, em cảm ơn anh lắm. Anh lo giúp cho anh Chinh đi! Có cần em nấu nướng gì không?

Lợi vội nói:

– Không đâu. Tôi chỉ sai tụi nó xuống phố một chốc là xong hết. An đừng lo. Tôi về nhé!

Chương 34

Khoảng cuối tháng Bảy năm Ất Mùi (1775), sau khi được Hoàng Ngũ Phúc phong cho chức hàm Tây Sơn trại trưởng hiệu Tráng tiết Tướng quân, Nhạc đã khá yên tâm về mặt bắc. Bùi Văn Nhật thu được những nguồn tin đáng mừng: Quân Trịnh vẫn đóng ở Châu Ổ Quảng Ngãi, không có dấu hiệu chuẩn bị để tiến sâu về nam. Chẳng những thế, có nhiều dấu hiệu Hoàng Ngũ Phúc muốn rút quân về phía bắc. Quảng Nam đang có bệnh dịch, chiến sĩ có quá nhiều người bị ốm, tinh thần

quân lính rời rã, bải hoải. Đã thế đường như có bất đồng ý kiến giữa Việp quận công với những cộng sự viên như hiệp tán đại tư đồ Xuân quận công Nguyễn Nghiễm, Tùỵ sai Nguyễn Lệnh Tân, Đinh võ hầu Nguyễn Đình Đống. Phái trẻ thì muốn đóng quân, lập cơ sở chính quyền trên các phần đất chiếm được, nghĩa là nhất định không rút khỏi Châu Ổ. Phái trung dung muốn lui về củng cố Quảng Nam. Ý kiến tối hậu vẫn là của Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc. Như một con ngựa chiến già chồn chân muốn yên nghỉ trong tàu ngựa cũ, Hoàng Ngũ Phúc chỉ muốn được cỡi giáp, tháo yên cương mà về ngắm hoa. Ông có cảm giác xao xuyến của người sắp bỏ cuộc, dùng dằng giữa núi việc bề bộn trước mắt chưa biết tin ai để giao phó, và ý định buông thả hết mà về dưỡng già. Dẫn một đạo quân đông đảo đến giữa nơi tranh chấp, xa lạ,

hoang dã, bệnh tật, bỏ mặc bao nhiêu số phận cho may rủi để tìm chỗ an nghỉ, viên tướng già cảm thấy bất nhẫn. Ít ra phải đưa họ về chỗ an toàn, trước khi từ nhiệm. Như thế thì lương tâm yên ổn hơn! Cho nên từ tháng Bảy Ất Mùi (1775) đã có nhiều lời đồn đãi ở Châu Ô là thế nào quân Trịnh cũng rút về bên kia đèo Hải Vân. Lòng quân nôn nao, chỉ chờ được trở về quê nên tin mừng loan truyền mau chóng, đi đâu cũng nghe bàn luận sôi nổi. Bùi Văn Nhật lấy được tin dễ dàng nhờ thế! Khởi phải dồn lực lượng để ứng chiến với quân Trịnh, Nhạc bắt đầu tính kế đánh phủ Phú Yên của Tổng Phúc Hợp. Ông đích thân xuống Cù Mông thảo luận kế hoạch với em.

Nhạc phải vui mừng kinh ngạc trước một đội ngũ hăng hái và trật tự như vậy. Quá quen với những đạo quân liều mạng

hỗn độn của Tập Đình, Lý Tài, Nhạc ngỡ ngàng khi thấy cách tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh, phong thái tự tin và trầm tĩnh của hầu hết tướng sĩ dưới quyền Huệ. Nhạc hỏi em đã giao vai trò mũi xung kích cho toán quân nào? Huệ chỉ toán quân của Sở, lúc ấy đang tập sử dụng hỏa hổ trước bản doanh. Nhạc thấy họ trẻ tuổi và hiền lành quá, lo lắng hỏi:

– Liệu có kham nổi không? Trước đây bao giờ anh cũng giao mũi này cho quân hai ông Tập Đình, Lý Tài. Lần này nếu em cần, có thể dùng số Hòa nghĩa quân còn lại trên phủ. Họ được rồi lâu quá rồi, suốt ngày chỉ uống rượu.

Huệ vội từ chối:

– Em không cần đến bọn ấy. Em tin tưởng hoàn toàn vào toán xung kích của anh Sở. Kế hoạch của em thế này, anh

xem thử có được không.

Hai anh em bàn thật kỹ về từng điểm nhỏ, và sự hăng hái có cơ sở, sự liễu lĩnh có tính toán của Huệ cuối cùng thuyết phục được Nhạc. Nhạc vỗ vai em bảo:

– Thôi, tùy ý “chú” (lần này Nhạc cố dùng chữ chú để thay cho chữ em, vì nghĩ vai trò mới của Huệ bắt buộc phải vậy). Nên nhớ trận này cũng quan hệ đến chúng ta như trận Bích Khê. Nếu thua nữa, ta còn mặt mũi nào mà nhìn tướng sĩ! Gần suốt một năm nay chỉ thua! Chú nhớ nhé! Phần anh sẽ cho thảo ngay bức thư trá hàng. Gần đây có ông đồ nào không?

Huệ lắc đầu. Nhạc nói:

– Thôi được. Cần gì văn hoa. Mình dùng lời lẽ càn nôm na bao nhiêu, hấn

càng cả tin bấy nhiêu. Chú cứ thảo đi, anh đọc lại, cho chép cẩn thận rồi sai người đem xuống sông Cầu. Ngày mai anh về lại Qui Nhơn.

Huệ giao việc thảo thư cho Lãng. Lần đầu được góp phần vào việc tạo dựng một biến cố lịch sử, Lãng hãnh diện đến ngây ngất. Anh soạn lá thư quá dài. Huệ góp ý cắt bớt những phần thừa và rườm. Bức thư thu gọn một trang giấy, lời lẽ khiêm nhường mà không hèn nhát, hòa hoãn mà vẫn tự chủ, kết hợp đầy đủ lý và tình. Khi Nhạc lên ngựa xuống đèo Cù Mông trở về phủ Qui Nhơn, tất cả mọi việc chuẩn bị đánh phủ Phú Yên đã hoàn tất.

✱

Từ triền núi phía nam của dãy Cù Mông thả tầm mắt nhìn xuống đã thấy đồng bằng Đồng Xuân trải dài giữa những ngọn núi trọc và vũng Xuân Đài. Dinh phủ Phú Yên đóng tại sông Cầu, sát ngay bên bờ biển. Từ Cù Mông đến phủ chỉ cách nửa ngày đường. Cho nên Huệ cho toán xung kích giả dạng làm người bán củi, hoặc người buôn quế xuống sông Cầu trước, hẹn nhau sẽ tập trung lại ở một điểm tập kích gần dinh.

Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng dẫn hai đạo quân người Thượng theo đường rừng ém sẵn ở các dãy núi trọc phía tây. Cả hai cánh quân đều không dàn trận theo hàng ngang, mà dồn hết lực lượng làm mũi chủ công, khi có lệnh thì đánh thẳng đến mục tiêu, bỏ qua những đồn trại quân Nguyễn ở hai bên sườn.

Huệ chủ động đánh thật mau thật mạnh để chiếm dinh Phú Yên, và khi phủ đã mất, các đồn trại của địch còn lại đang hoang mang, thì mới cho quân tỏa ra để thanh toán nốt. Huệ thấy trận Cẩm Sa vừa rồi ở Quảng Nam sở dĩ thua là vì Nhạc đã cho dàn lực lượng đối mặt với quân Hoàng Ngũ Phúc, lại kéo dài chiến trận quá lâu, nên quân địch tận dụng được sở trường về ưu thế vũ khí và chiến thuật của một quân đội chính qui, trong khi nghĩa quân bỏ mất sở trường là lối yểm kích. Những điều này Huệ có đem ra thảo luận với anh, và Nhạc phải nhận em nghĩ đúng.

Kể về số lượng và trang bị thì đội quân Tống Phúc Hợp ở Phú Yên không kém thua đội quân Hoàng Ngũ Phúc bao nhiêu. Tin tức thu lượm được cho biết Tống Phúc Hợp có hai vạn quân (Trinh

Hoài Đức, Gia Định thành thông chí). Huệ không tin ở con số phóng đại ấy, vì cả phủ Phú Yên dân số khoảng trên mười bốn nghìn, trừ các xã thuộc nội phủ không phải lính trên mười nghìn, dân bản phủ thực phải chịu lính không hơn bốn nghìn. Dù Hiệp có đem quân ngũ dinh ra tăng cường cho Phú Yên thì cũng không thể vượt quá số dân đinh toàn phủ. Vả lại binh nhiều chưa chắc đã mạnh. Vấn đề còn tùy thuộc vào cách bố trí phòng thủ. Tổng Phúc Hợp đóng bản doanh tại sông Cầu, lập hai cứ điểm bảo vệ cho phủ, một ở Xuân Đài do bộ binh đóng giữ, một ở vũng Lắm do thủy binh đồn trú. Như vậy Tổng Phúc Hợp tin rằng mặt phía tây đã có các dãy núi làm bức thành vững chắc, chỉ cần lo ứng phó mặt bắc áp sát Cù Mông và mặt đông.

Lá thư trá hàng của Nhạc đã phần nào khiến Hiệp kiêu hãnh, việc canh phòng có trễ tràng. Toán xung kích lần đến gần thành, họp nhau ở điểm hẹn mà quân canh phòng vẫn chưa thấy điều gì thất thường. Nhìn về phía Cù Mông, họ vẫn thấy quân Tây Sơn án binh bất động. Tổng Phúc Hợp an tâm. Cho đến lúc đột ngột quân Tây Sơn xông vào thành thì Hiệp không còn có thì giờ trở tay nữa. Quân Nguyễn kinh hãi vừa kéo ra ứng chiến đã hoảng hốt, tan rã nhanh chóng. Tướng Nguyễn là Nguyễn Văn Hiến bị tử trận. Cai cơ Nguyễn Khoa Kiên bị bắt sống. Tổng Phúc Hợp chỉ có đủ thì giờ cùng một vài người thân tín liều lĩnh mở đường máu rút chạy vào nam.

Nghe tin Phú Yên thất thủ, trấn thủ Bình Khang là Bùi Công Kế đem quân theo đường núi ra tiếp cứu cho Phú

Yên. Huệ cho quân tiến đánh, bắt sống được Kế. Tổng Văn Khôi lại đem quân từ Khánh Hòa tiến ra. Huệ đánh bại toán quân cứu viện này ở Ba Ngòi, Tổng Văn Khôi chết trận (Đại Nam liệt truyện tiền biên). Trong vòng không đầy mười ngày, Huệ đã chiếm lại toàn phủ Phú Yên. Chiến công lẫy lừng đó lần đầu tiên làm chấn động trong nam ngoài bắc, xác nhận tài năng của một viên tướng Tây Sơn trẻ tuổi vừa mới hai mươi ba. Những viên tướng Tây Sơn từng vào sinh ra tử ở mặt trận phía bắc như Tập Đình, Lý Tài, Nguyễn Thung, Phong, Hãn chỉ còn là những bóng mờ. Ngôi sao Nguyễn Huệ bắt đầu chói sáng suốt chiều dài lịch sử từ năm Ất Mùi cho đến lúc Huệ lìa đời.

★

Mấy ngày nay cả phủ Qui Nhơn lên cơn sốt. Cây cối, chim chóc, nhà cửa, sông núi như bùng dậy, xốc áo đứng lên hòa nhập vào cái rộn rã chung. Nắng cuối hạ không còn màu sắc chói chang, đầm thắm mát dịu mời gọi mọi người ra đường. Từ ông già bà lão cho đến trẻ nít, người nào cũng xôn xao tỏ mở, chạy khắp đầu làng cuối xóm nghe tin chiến thắng. Những người lính được về phép quần áo còn nhàu nát, tóc tai bù xù, mắt trộm vì mất ngủ, trở thành những nhân vật thần thoại được mời mọc, săn đón, thăm hỏi, ái mộ khắp nơi. Họ đi đến đâu cũng có người bu quanh để bắt kể chuyện chiến thắng. Được dịp cho họ thêu dệt trận yểm kích Phú Yên thành một lô chuyện ly kỳ, gần như thần thoại. Người nghe há hốc miệng thán phục, rồi câu chuyện kể chuyển khắp nơi, qua một chặng lại thêm một mức ly kỳ. Cuộc

chiến đấu giữa nghĩa quân Tây Sơn và quân Tổng Phúc Hợp dần dần trở nên một cuộc thử thách gay go giữa cái thiện và cái ác, giữa tuổi trẻ và già nua, giữa kẻ bị chèn ép và bọn tham quan, giữa đẹp và xấu, giữa tất cả những gì thuộc về ánh sáng chống lại bóng tối ảm đạm. Những lời thêu dệt ấy, lạ thay, vẫn cuốn hút được người trong cuộc như ông giáo. Ông còn lạ gì đứa học trò thông minh của ông. Nhưng nghe thiên hạ tô điểm Nguyễn Huệ thành một thứ Thạch Sanh chém chàng, ông vẫn thích thú.

Ông quên đang phải sống trong cảnh cô lập. Ông chạy khắp nơi để nghe ngóng tin tức, thu thập các mẫu chuyện ly kỳ. Những người quen biết từng e ngại xa lánh ông cũng quên hết mọi dè dặt. Lòng người trở nên độ lượng rộng rãi. Người ta chào nhau bằng nụ cười không

hậu ý, vô vậ nhau như những bạn cố tri cùng tìm được một thứ hạnh phúc trọn vẹn. Mỗi khi nghe thêm được một tin vui, ông tìm cho được một người nào đó để kể lại. Thường thì ông về nhà tìm con gái. Chưa có thời kỳ nào An hạnh phúc như vậy. Cô thấy cha trẻ hẳn, hai má đỏ hồng khi phấn khởi, ánh mắt rạng rỡ. Bệnh ho tự nhiên dứt hẳn dù ông giáo nói luôn miệng. Đôi lúc An phải can cha:

– Ngoài đường người ta đi lại tấp nập, bụi bay mù mịt, cha thấy không. Đã thế cha lại không mang nón. Khi hôm con chờ cửa, quá giờ cơm tối cha vẫn chưa về. Xin cha lo cho sức khỏe.

Ông giáo cười, âu yếm nhìn con gái, nói:

– Không sao đâu. Làm sao có thể ru rú trong nhà giữa lúc này. Con biết

không, người ta đồn rằng đích thân Huệ cũng giả làm anh buôn quế, vào tận dinh Tổng Phúc Hợp để bán thứ quế tốt nhất. Tổng Phúc Hợp tiếp Huệ mà không e dè gì cả, còn dặn chuyển sau nhớ mang nhiều hơn nữa, giá bao nhiêu cũng mua. A ha! Con biết không...

Cứ như vậy, sau ba tiếng “Con biết không”, ông giáo lại vui vẻ kể cho con gái nghe một tin đồn ly kỳ về Huệ. An lắng nghe những chuyện huyền hoặc, uống từng lời như mật ngọt. Đôi lúc An chen vào hỏi:

– Nhưng cha có nghe chừng nào họ về đây không cha?

Ông giáo liền lấy giọng nghiêm khắc gạt đi:

– Về sao được! Lấy xong phủ còn

khối chuyện phải làm. Chiếm được phủ Phú Yên đã khó, mà ổn định được phủ để chúng nó không dám trở lại càng khó hơn. Con biết không, người ta đồn rằng...

An không vừa, cắt lời cha:

– Con nghe nói trại chủ đã cử Lý tiên sinh vào trấn giữ Phú Yên rồi mà. Hôm qua chính anh Chinh cũng nói thế. Anh ấy đang lo chuẩn bị để vào Phú Yên.

Ông giáo cương quyết giữ ý kiến của mình:

– Dù đạo quân của Lý Tài có vào giữ sông Cầu công việc vẫn chưa xong. Cha nghe nói Việp quận công đã phong cho Huệ tước Tiên phong Tướng quân và chuẩn bị rút quân về Phú Xuân. Nếu thực sự như vậy, nhiệm vụ của Huệ nặng

lắm. Không thể đóng yên một chỗ như lâu nay đóng ở Cù Mông đâu.

An quên cả dè dặt, mắt mơ màng, thì thầm:

– Ước gì anh ấy về đây vài hôm, để nghe chính anh ấy kể chuyện. Con nghe thiên hạ nói về anh ấy như kể chuyện đời xưa.

Ông giáo quay lại nhìn con, bắt gặp khuôn mặt mơ màng, say đắm, như không còn liên hệ gì đến cuộc sống thực. Tự nhiên lòng ông đau nhói. Ông e ngại liếc nhìn con lần nữa, thầm nghĩ: “Không biết nó có thấy trước tình cảnh tuyệt vọng hay không? An ơi, chắc con sẽ đau khổ lắm, nhưng cha không nỡ lay tỉnh con. Hãy cứ mơ mộng, hãy cứ hy vọng, làm như không còn gì trắc trở rủi ro trên đời, hồi An yêu dấu của cha”.

Càng nghĩ ngợi, ông giáo càng thấy lòng nặng trĩu.

Trong cơn say kiêu hãnh vì chiến công hiển hách đầu tiên của đứa học trò yêu, ông giáo đã quên nhiều điều.

Ông hãnh diện vì Huệ đã lĩnh tước phong của Hoàng Ngũ Phúc, quên mất rằng đấy chính là điều ông lo âu nhất. Ông từng mơ ước một Đàng Trong giàu có, thịnh trị, trên có vua sáng, dưới có tôi hiền. Một trong những tôi hiền dĩ nhiên là ông. Và các đấng minh quân chắc chắn không ai khác hơn là những ông hoàng trong họ Nguyễn Gia Miêu. Thời thế có đổi thay, đôi lúc bọn tham quan cỡ Trương Phúc Loan có khuynh loát triều

chính, nhưng ông giáo không thể chấp nhận một ai khác ngoài họ Nguyễn Gia Miêu có đủ chính nghĩa và thiên mệnh để lên ngôi vua. Ông căm ghét Trương Phúc Loan, xem thường Duệ Tôn, nhưng đặt hết hy vọng vào hoàng tôn Dương.

Đến khi quân Trịnh chiếm được Phú Xuân, ông lại nghĩ đến cái thế liên hiệp giữa ba lực lượng Đảng Trong là quân ngũ dinh, Tây Sơn và Đông cung Dương để chống quân xâm lược Bắc Hà. Nguyễn Phúc Chất trốn đi làm đồ vỡ tất cả hy vọng của ông. Ông bị đẩy ra ngoài guồng máy hành động, ông bị cô lập, bị nghi ngờ. Ông còn ráng chịu đựng được cuộc sống hiu quạnh lạc lõng, chỉ vì còn hãnh diện rằng cho đến phút chót, tự mình xét mình, ông vẫn hoàn toàn trung thành với Chúa Nguyễn. Ông đã sai quấy, mừng rỡ khi nghe tin Huệ trở thành viên tướng

biên phòng của nhà Trịnh. Ông tự trách mình hời hợt, nhẹ dạ, để cho tình cảm riêng tư lôi cuốn đi xa con đường chính.

Ông giáo lại liếc mắt nhìn con, An vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, mắt nhắm lại, miệng mỉm cười, khuôn mặt bằng bạc một vẻ ngây ngất say dại. Ông vội quay mặt đi không dám nhìn con, vì thấy rõ tất cả cái mong manh phù phiếm của nỗi ngây ngất ấy. Ông nghĩ:

– Tại sao con không thấy: Huệ càng trở nên nhân vật quan trọng, trở nên linh hồn, cột trụ của phong trào Tây Sơn thì hy vọng hạnh phúc của con càng mong manh, hở An. Không phải là lỗi của con đâu! Cha biết khắp phủ Qui Nhơn này không có người con gái nào xứng đáng với Huệ bằng con. Không ai đẹp dễ thông minh, nhất là đam mê thương yêu Huệ bằng con gái của cha. Nhưng

trở ngại lớn nhất cho mối tình của con là cha. Phải, chính cha đã không cho con toại ước. Con nghĩ mà xem, trước đôi mắt mọi người, cha là một người cương quyết trung thành với nhà Nguyễn, từ trước đến sau hăng hái hô hào tôn phù hoàng tôn. Bây giờ chiều hướng lịch sử đã thay đổi. Trại chủ đã cương quyết quản thúc Đông cung, và sẵn sàng lãnh ấn tiên phong của nhà Trịnh để tiêu diệt nhà Nguyễn. Cha trở thành một kẻ khả nghi. Nếu trại chủ chưa mạnh tay như đã mạnh tay với Nguyễn Phúc Tĩnh, có lẽ chỉ vì ông còn nghĩ đến tình nghĩa sâu đậm của thời khởi dấy, còn nghĩ đến những ngày An Thái. Huệ trở thành cột trụ của Nhạc, đã lãnh ấn tiên phong tướng quân để vào nam chinh phạt. Làm sao trại chủ có thể cho phép Huệ làm hại thanh danh của mình vì cuộc hôn nhân với con gái một lão đồ già, một kẻ khả nghi đang bị

quản thúc nghiêm ngặt và kín đáo. Con nghĩ mà xem, có thể còn chút hy vọng nào không? Phải là một kẻ phi thường mới có thể vượt khỏi những ràng buộc khắc nghiệt của hoàn cảnh! Huệ có đủ can đảm dứt bỏ hết, đập lên trên thị phi để đến với con không, hử An? Cha không dám tin ở điều phi thường. Vả lại nếu Huệ thực sự can đảm hy sinh cho điều phi thường, thì có lẽ đó là cái gì cao hơn, xa hơn chuyện vợ chồng. Cha nhìn vào ánh mắt điệu cột khinh bạc của Huệ để đoán như vậy. Con có bao giờ khám phá điều đau lòng ấy không, hử An?

✱

Chinh theo Lý Tài vào Phú Yên thì cảnh nhà ông giáo trở lại quanh hiu như trước. Sau thời gian say men chiến

thắng, mọi người trở về với thực tế của đời sống, và bắt đầu xa lánh ông giáo. Cửa trước lại đóng, hai cha con lại rình nghe tiếng thở dài của nhau.

Cho đến một hôm Nhạc đột ngột mời ông giáo lên dinh có việc. Nhờ đã chuẩn bị chờ đón mọi bất ngờ, nên ông giáo không lo sợ. Ông chỉ tò mò.

Nhạc tươi cười vốn vã tiếp ông trong căn phòng rộng trang hoàng màn trướng sang trọng, xa xỉ. Những bức trướng không đúng kích thước cửa sổ đã được thay thế. Cả bức màn gấm giăng ngang sau lưng Nhạc cũng được đổi mới. Mầu sắc của bàn ghế, màn trướng hòa hợp tinh vi, tỏa ra không khí mát dịu, đẹp mắt. Nhạc ra tận cửa để đón ông, cười hỏi hớn hờ:

– Lâu ngày quá không được gặp thầy.

Vẫn mạnh chứ ạ? Thế nào, hộp nhân sâm thầy dùng thử có công hiệu không?

Ông giáo hơi ngỡ ngàng, ấp úng đáp:

– Vâng, công hiệu lắm.

Nhạc cười ha hả, nói đùa:

– Công hiệu lắm thì dễ sinh điều nguy hiểm. Nhất là các ông góa vợ. Nhưng cái bệnh ho đã dứt tuyệt rồi chứ?

Ông giáo thấy ngứa cổ, ho một tiếng rồi đáp:

– Lâu lâu vẫn vậy. Bệnh già mà ông cả!

Chờ cho ông giáo ngồi xuống cái ghế bọc gấm, Nhạc hỏi:

– Mấy hôm nay thấy “đóng cửa tạ khách” có nổi không?

Ông giáo e dè nhìn Nhạc, sợ câu hỏi có giấu những cái lưới sẵn sàng chụp lên đời ông. Ông giáo suy nghĩ một lúc mới đáp:

– Bên ngoài rộn ràng quá, tôi không ngồi yên được. Gần như cả phủ bước vào mùa hội.

Nhạc cười thỏa mãn:

– Đúng lắm. Cả phủ đang mở hội. Có thể chứ! Sau mấy trận thất bại vì bọn lưu manh hèn nhát, phải đến lúc chúng nó giật mình thấy rõ thực lực của Tây Sơn. Đâu cần chờ đến tuổi chín chắn. Kẻ địch là một lão tướng dày dặn kinh nghiệm, am hiểu chiến trường. Bên phía chúng ta, một thằng con nít hai mươi ba tuổi! Ha ha! Chúng nó đã sáng mắt ra chưa. Ngay cả lão Lý Tài cũng chờ tin thất trận để cười vào mặt tôi. Thầy chưa thấy nét

mặt lão khi lính trạm về báo tin đã lấy được Phú Yên. Lão cười không ra cười, mếu không ra mếu. Tôi được dịp càng trêu già.

Ông giáo hỏi:

– Rồi trại chủ định giao Phú Yên cho ai đây?

Nhạc định trả lời, nhưng chợt nhớ điều gì, kịp ngưng lại. Nhạc chỉ bảo:

– Tôi chưa tính. Tạm thời cứ để cho các đội trưởng phân vùng mà kiểm soát, đáng ngại nhất là những vùng trước đây do tay chân Châu Văn Tiếp cai quản. Thế nào cũng tìm được người thích hợp cho Phú Yên. Tôi muốn thử thách một lần cuối, cho dễ về sau.

Thấy Nhạc nói quanh, ông giáo biết trại chủ không muốn thông báo cho

mình biết mọi dự định như trước kia. Ông cảm thấy đắng ở đầu lưỡi, mặt nóng bừng. Nhạc lại nói:

– Gần đây tôi bận việc quá, nên ít gặp thầy. Nghe Lợi nó bảo sức khỏe thầy vẫn thường, tôi mừng lắm. Ho hen qua quít không đáng kể. Về già ai chẳng thế. Miễn là ăn được cơm. Tối ngủ đầy giấc. Hình như thầy mập hơn kỳ trước, phải không?

Ông giáo đáp:

– Cảm ơn ông, tôi vẫn thường. Cũng may có con An bên cạnh, cơm nước không đến nỗi gì.

Nhạc mau mắn nói:

– Phải, tôi cũng có nghe thằng Lợi bảo vậy. Con Thọ Hương nhà tôi nó mê An còn hơn cha mẹ, chồng con nữa. Nói

gì cũng nhắc đến chị An. Bà vợ tôi phát bực, đâm ghen với cô gái của thầy đấy. An được mấy tuổi, thừa thầy?

– Nó lên hai mươi hai. Tuổi tị.

Nhạc gặt gù, rồi chậm rãi nói:

– Hai mươi hai. Cũng khá lớn rồi đấy. Ngày xưa tôi lấy nhà tôi lúc bà ấy mới 16 tuổi. Hai mươi hai! Đã hai mươi hai! Kể cũng phải. Gia đình thầy từ kinh đô lạc vào sống giữa bọn dân núi chúng tôi, con trai thì không sao, còn con gái thì khó kén được tấm chồng xứng đáng. Kể ra theo lẽ thường tình thì hai mươi hai cũng hơi muộn. Nhưng thằng Lợi thì cứ quả quyết là khuôn mặt cô An mới trông tưởng như gái mười sáu, mười bảy. Nghe giọng nói nghiêm trang, lý lẽ chín chắn mới biết người đã trưởng thành. Lợi nó vẫn thường lui tới đàng thầy chứ ạ?

Ông giáo đáp trong hoang mang:

– Vâng. Lâu lâu cậu ấy có đến thăm tôi.

Nhạc mỉm cười, nói băng quơ:

– Chưa hẳn như thế đâu!

Ông giáo hơi nóng ruột, hỏi lại:

– Ông nói gì ạ?

Nhạc lúng túng xoay câu chuyện sang hướng khác:

– Ôi chao! Tính cái thằng đó ai không biết. Không bao giờ để cho cặp chân và cái lưỡi được yên. Đi chỗ này chỗ vào vài câu, người ta chưa kịp trả lời đã đi sang chỗ khác. Nhưng ai hiểu thì thương nó lắm, vì nó tốt bụng.

Ông giáo nói vuốt đuôi cho xong:

– Vâng, tốt bụng!

Nhạc chớp lấy câu nói của ông giáo, hấp tấp hỏi:

– Thầy cũng thấy thế à?

Ông giáo thành thực đáp:

– Vâng. Gần đây nếu không có cậu ấy lui tới thăm nom, tôi chẳng khác nào người mù, câm, điếc.

Rồi với giọng phẫn kích, ông giáo nhìn thẳng vào Nhạc nói:

– Không hiểu vì sao tự nhiên mọi người đều sợ phải nói chuyện hay gặp mặt tôi. Mọi người xa lánh gia đình tôi như gia đình hủi. Ông có biết tại sao không?

Nhạc cười lớn, xua tay nói:

– Thầy buồn không có bạn già hàn huyên nên quần trí thể thôi. Thầy đừng nói thế, anh em nghe được họ buồn lắm. Không phải ai ai cũng mau mắn miệng lưỡi được như thằng Lợi. Cái gì nó cũng pha trò được. Chuyện gì cũng bàn vào! Nhưng thầy ạ, có một chuyện nó mở miệng không nổi, phải nhờ đến tôi. Chắc thầy đoán ra được rồi chứ?

Ông giáo chỉ ngỡ ngàng một chút, rồi hiểu ngay. Lòng ông lại đau nhói. Cố nuốt nước bọt cho bớt xúc động, ông hỏi:

– Chuyện gì thế, thưa trại chủ?

Nhạc cười, bắt bẻ:

– Thầy giáo gọi tôi khách sáo như vậy, chắc là gặp khó đa! Nhưng lỡ phóng lao rồi, tôi phải nói cho xong: Thằng Lợi

hiện cô út không cha mẹ, anh em, lâu nay gần như nương tựa vào chú bác trong trại, lấy trại làm nhà, bà con cô bác lớn tuổi làm chú bác. Thầy đã biết là từ lâu, Lợi nó đem lòng thương cô An. Tôi thấy cả hai đều ngoan ngoãn, lo làm lo ăn, lại biết hết sức lo việc chung. Nếu thầy gặt đầu, có lẽ chưa bao giờ trại Tây Sơn có được một cuộc hôn nhân tốt đẹp như vậy. Ý thầy thế nào? Chắc không nỡ làm cho thằng Lợi buồn rầu thất vọng chứ?

Ông giáo ngồi im lặng một lúc lâu, không biết trả lời thế nào. Lời đề nghị của Nhạc không làm ông ngạc nhiên. Nhiều đêm ông cũng có nghĩ tới khả dĩ có trường hợp An phải lấy Lợi. Nhưng chính Nhạc đứng ra làm ông mai, thì vấn đề trở nên trầm trọng hơn. Điều đó có nghĩa con gái ông đã thực sự tuyệt vọng! Không còn nghi ngờ gì nữa! Chắc

chấn đã có những cuộc bàn luận sôi nổi chung quanh mối tình của con gái ông, và khi Nhạc đã đích thân đứng ra làm ông mai cho một thuộc cấp trung, tất nhiên bộ máy quyền lực của Tây Sơn đã đồng thanh lựa chọn một giải pháp dứt khoát. Đứa con gái ốm yếu của ông có thể làm gì được trước quyết định xót xa ấy? Đôi vai xuôi của An có gánh nổi sức nặng đè nén của số phận?

Thấy ông giáo giữ im lặng quá lâu, Nhạc bực bội nói:

– Tôi biết thầy khó có thể trả lời ngay, vì còn phải hỏi cô An. Tôi hiểu nỗi khổ tâm của thầy. Tôi cũng có con gái, nên đã trải qua nhiều nỗi khổ tâm vì chuyện tình duyên của chúng. Nhưng dù sao chẳng nữa, chúng chỉ là những đứa con nít. Chúng ưa vớ cao mà không thấy chân mình ngắn. Không dui dặt chúng, chỉ lối

chỉ đường cho chúng, thế nào cũng sa vào hầm hố, chông gai. Thầy có thấy thế không?

Ông giáo mím môi vì giận, đáp cộc lốc:

– Vâng, ông nói đúng lắm.

– Thế nào thầy cũng ráng khuyên răn cô ấy, thầy nhé. Chừng nào tôi báo tin mừng cho chú Lợi được?

– Vâng, tôi sẽ gặp khuyên nó. Cũng dễ thôi. Lâu nay gia đình chúng tôi vẫn luôn luôn biết mình chân thấp. Chỗ nào cao chúng tôi không dám đưa tay với đầu, trại chủ ạ!

Nhạc cười trách:

– Lại trại chủ. Cứ gọi tôi là “ông mai” đi, còn nếu muốn gọi cho đủ lễ nghi thì

phiên phúc lắm. Nào những là “Tây Sơn trại trưởng, hiệu Tráng tiết Tướng quân”. Hay thật. Mà cũng lém thật. Dem chữ nghĩa ra buộc ràng người ta là nghề của các nhà nho. Phải không thầy giáo?

✱

Không cần nghe hết những lời áp úng của cha, An đã hiểu. Cô sững sờ, lơ láo nhìn quanh. Ông giáo tránh cặp mắt của con, với một quyển thơ trên kệ sách lật ra giả vờ đọc. Ông gấp lại Đồ Phủ. An lặng lẽ vào phòng mình nằm vật xuống chiếu.

Cô cảm thấy tiếc nuối, như vừa đánh mất thứ gì quý báu mà không bao giờ, phải, không bao giờ có thể tìm lại được. Mọi vật quanh An tự nhiên thay đổi: cái

giường gỗ trải chiếu trắng, mặt gối có thêu đôi chim đang rìa lông cho nhau, chai đựng nước lọc, cái gương nhỏ đã rạn ở một góc, rổ đồ may đan bằng mây nhuộm màu điều, đôi guốc mộc, cái ng-hiên đã khô mục từ dạo cô em gái Bùi Văn Nhật bỏ học, hộp son phấn Thọ Hương biếu... Mùi tươi, dáng nhỏ nhắn, sự ấm cúng thân mật biến mất, tất cả trở thành tro trọi, choen hoén. Lớp vỏ hòa nhoáng tươi mát hy vọng không còn, chỉ còn lại vẻ cũ kỹ, và mùi ẩm mốc.

Cảm giác ngùi ngùi dần dần loang ra thành một thứ tâm trạng vô định, trôi nổi. An thấy mình trôi dạt bập bênh trên một mặt sóng dữ, đầu óc quay cuồng, choáng váng. Tự nhiên nước mắt ứa ra, chảy xuống thái dương, lạnh lạnh. An khóc lặng lẽ như thế không biết bao lâu, càng khóc càng thấy lòng xót xa. Cho

đến trí óc cô tìm được một chỗ định. Cô bắt đầu nghĩ ngợi: Thôi, thế cũng xong. Từ lâu ta lo lắng mà không bao giờ dám nhìn thật thẳng vào thực tại. Ta chạy quanh, mắt nhắm như một đứa trẻ rúc đầu vào mặt gối để trốn sợ hãi. Tại sao sự thực sờ sờ ra đó mà ta còn dại dột nuôi hy vọng? Thôi, thế cũng xong! Hết: Hết cả rồi! Hết những lo lắng ưu phiền, hết những mơ ước vụng dại! Hết những vật vã nghi ngờ, khắc khoải thương nhớ! Hết ôm ấp kỷ niệm như những củ bấu để tự làm khổ mình như một tên trọc phú keo kiệt. Hết trăn trở thâu đêm, vì những lời thì thầm mình nói cho mình nghe, tưởng tượng có thể nhờ gió mang tận đến đỉnh đèo xa hút!

Mình thật ngớ ngẩn, tội nghiệp. Anh ấy có bao giờ tỏ rõ lòng thương yêu đối với mình đâu! Phải rồi, ôn lại từ những

ngày đầu, những ngày An Thái, quả thật anh ấy chỉ lấp lửng, lượn lờ như con bướm tham lam lạc vào một rừng hoa. Không phải anh ấy nhút nhát! Trời hỡi! Tại sao lại nghĩ vì nhút nhát mà anh ấy không dám nói thẳng lòng mình! Một người như anh ấy có thừa can đảm để nói một câu thật rõ ràng với một cô gái quen thân nhỏ tuổi. Tất cả lầm lẫn chỉ do mình! Tự nhiên tưởng tượng ra một điều không thực, rồi quàng cho anh ấy những tình cảm, những xúc động chưa bao giờ anh ấy có, để lừa dối mình. Rồi nhớ thương, mơ ước, lo âu, bồn chồn, hy vọng, bao nhiêu lầm lẫn chồng chất trên mây khói huyền hoặc! Không thể tự dưng trại chủ đứng ra làm ông mai, nếu anh ấy không nói thẳng với anh sự thật dửng dưng của lòng mình. Chẳng thế mà quyển thơ nhặt được trong thư viện người khác, gửi về không có lấy

một chữ đề tặng, về sau gặp nhau nhắc nhở qua loa như một việc đại dột, và im lặng nối tiếp im lặng, quên lãng chồng chất lên quên lãng! Ta lầm lẫn một cách ngu ngốc! Đại khờ! Sự thật hiển nhiên lộ lộ trước mắt mà ta giả vờ mù lòa! Thật đáng kiếp, mà cũng thật tội nghiệp phải không An!

An tủi thân, bắt đầu thút thít khóc.

Hôm sau cơn đau xót tuyệt vọng qua đi, để lại tình trạng hoang vắng, ngây ngô. Suốt cả ngày, An nằm lì trong phòng, đến bữa ngồi dậy đi nấu cơm cho cha, dáng bước trầm lặng, thui thui như cái bóng. Ông giáo không dám nhìn vào đôi mắt ngây dại của con, đến bữa chỉ cầm củi ăn. Ông nuốt không nổi chén cơm, phải chan canh vào cho nó xong đi. Mỗi lần ông đang hăng định nói gì thì An ngược lên nhìn ông, đôi mắt lơ lảo như người

mất hồn. Môi run run, dường như luôn luôn phải cố gắng phi thường để cố khỏi bật khóc.

Ông không dám thốt lời nào, lẳng lặng chứng kiến nỗi đau khổ của con, bất lực không thể làm gì để xoa dịu đôi chút nỗi đau khổ ấy. Ông dở hết cuốn sách này đến cuốn sách khác mà không đọc được lấy một câu nguyên vẹn. Chữ nghĩa nhảy múa trước mắt ông. Đôi lúc nét ngang nét mác nhòe đi, ông mới biết mình khóc. Không có nhà thơ nào an ủi được ông. Lời dạy của các bậc hiền triết trở nên lạnh lẽo, trầm tĩnh quá, chẳng khác tiếng nói đáng ghét của người ngoại cuộc bằng nhằng. Hai cha con sống trong trạng thái đặc biệt ấy suốt ba ngày đêm, lẳng lẽ thui thủi trong bốn bức vách như những bóng ma. Không ai tới thăm họ. Không có tiếng chân dừng lại trước cửa,

và tiếng gọi. Họ hoàn toàn cách ly với cuộc sống bên ngoài, và mỗi cha con lại cách ly nhau.

Cho đến ngày thứ tư mới có lính hầu đến mời ông giáo lên gặp trại chủ. Cả hai cha con đều hoảng hốt như sắp bị đưa đi hành hình. Ông giáo đưa mắt nhìn con. Đến lúc đó, An mới bật lên khóc nức nở. Cô nói giữa những tiếng nấc xót xa:

– “Con khổ quá, cha ơi. Nhưng còn cách nào nữa đâu! Con xấu hổ quá. Con cứ tưởng anh ấy...”

An chỉ nói được đến đấy. Cô ghen lời, nước mắt ràn rụa, bỏ chạy vào buồng trước đôi mắt ngơ ngác của người lính hầu.

Chương 35

Ông giáo lên gặp trại chủ buổi sáng, buổi chiều, Lợi đã mạnh dạn đến thăm An với tất cả tự tin. Anh bước chậm hơn thường lệ, đầu ngừng cao, gặp ai chỉ khẽ mỉm cười chứ không vỗ vập bá vai choàng cổ như trước. Lợi tự nhủ phải tỏ ra điềm tĩnh hơn, vì dù sao cũng là kẻ sắp hoàn toàn làm chủ một gia đình. Gặp một thanh niên cùng một trang lứa, Lợi nghiêng đầu nhìn anh ta, soi mói quan sát từ chân tơ kẽ tóc. Người thì hàng lông mày rậm quá, đúng là kẻ cục súc. Người có hàm răng

vầu thô kệch. Người lưỡng quyền cao trông như dân Thượng. Người ăn mặc dơ dáy. Không ai xứng đáng được chạm đến chân nàng, chứ đừng nói cưới nàng làm vợ. Họ đáng thương đấy chứ? Hình hài con người cha mẹ sinh ra đã vậy, giàu nghèo vẫn được xem như do số phận, họ đâu có cái may mắn như mình. Trông họ lắm lỗi, gặp ai không dám ngẩng mặt lên nhìn. Kia rồi, các cô gái. Nước da đen quá! Coi bàn tay kia: từng ngón nứt nẻ, da nhăn như những chiếc rế cây xù xì vừa nhổ từ lòng đất. Mái tóc đã rối lại vàng hoe vì cháy nắng. Không ai bì được với nàng! Họ có biết ta đã xin cưới nàng không? Chắc không biết đâu! Họ không thể ngờ trên đời lại có một cuộc hôn nhân đẹp đẽ như vậy. Họ không dám mơ tưởng nên không thể tin điều đó có thực, ngay bên cạnh họ. Ta là con người sung sướng, con người đáng hãnh diện về đời

sống của mình. Họ có biết ta đang sung sướng không? Họ cười nói rúc rích ư? Chắc chỉ là một câu chuyện dí dỏm tầm thường cho đời sống bớt quạnh. Làm sao họ có được niềm hạnh phúc lớn lao cho bằng ta. Hồi các cô em đáng thương, ta cầu phúc cho các cô may mắn gặp được một thằng chồng không mê xóc đĩa và say rượu. Hãy cười to hơn, vui đùa thỏa thích lên! Trời, ta yêu cuộc đời, ta thương mọi người! Lợi đến nhà ông giáo may mắn chỉ gặp một mình An.

Tự nhiên anh sượng sùng, lúng túng khác thường. Dù biết chắc An sắp trở thành vợ mình, Lợi vẫn thấy An xa cách hơn trước. Anh đâm ngờ cả lời báo tin của Nhạc. An ngồi đó, tóc cột gọn sau ót để lộ khuôn mặt trái xoan thanh nhã và chiếc cổ trắng, hai tay xếp hiên hòa trên vế, mấy ngón tay bối rối tìm cách

nường tựa an ủi lẫn nhau. An cúi nhìn xuống chân, thật lâu không dám ngừng lên, chiếc áo lụa trắng ôm ấp đôi vai nhỏ và xuôi, khiến An trở nên nhỏ yếu khác thường. Lợi cảm thấy thương cô gái yếu đuối ấy dào dạt, cảm thấy có lỗi nếu từ đây về sau cho đến lúc đầu bạc răng long, Lợi làm điều gì khiến đôi mắt hiền hòa ấy rướm lệ, đôi vai nhỏ ấy run lên vì nức nở, đôi bàn tay trắng mịn kia phải chai sạn vì lao碌. Không. Không bao giờ ta để cho An khổ. Ta nguyện suốt đời yêu thương nàng, quì xuống chân cung phụng nàng như một nàng tiên lỡ sa xuống cõi trần gian này, không thể để cho nàng thở dài hoặc nhíu mày khó chịu. An sinh ra là để hưởng hạnh phúc. Thân thể ấy, thân thể mảnh dẻ yếu đuối ấy không thể chịu được những đày đọa của nghèo đói, đau khổ, buồn bực.

Lợi ngồi chết dí trên phản ngắm An, không biết phải làm gì để nói hết các cảm tưởng sôi nổi. An lại có vẻ ngượng ngịu, dè dặt, không cười nói tự nhiên như mọi khi. Lợi hạ giọng hỏi An:

– Chắc thầy vừa lên trên phủ, phải không An?

An ngược lên nhìn Lợi, ánh mắt hơi sắc và dữ:

– Anh hỏi gì ạ?

Lợi hơi ngạc nhiên vì giọng nói câu kính ấy, nhắc lại:

– Thầy lên gặp ông Nhạc phải không?

An tự thấy mình giận dữ vô lý, nên đáp:

– Dạ. Lại vừa có lính hầu mời lên. Trước đây không ai thềm bước chân đến

đây cả. Bây giờ thì...

Lợi hấp tấp hỏi:

– Em chưa biết chuyện gì ư? Cha phải lên trên ấy để bàn cho kỹ việc chúng ta. An, sao em không vui?

Nghe Lợi hỏi thế, đột nhiên An nức lên khóc. Sau một lúc ngờ ngàng, lính quỳnh chưa biết phải làm gì, Lợi cứ xử mạnh dạn như một người chồng chưa cưới. Anh đứng bật dậy, chạy đến ôm An vào lòng. An khóc mùi mẫn, không còn biết làm gì nữa, để mặc cho Lợi ôm lấy hai vai, vuốt ve mái tóc đổ dành, an ủi, năn nỉ như dỗ dành vỗ về một đứa bé bất hạnh. Lợi ôm ghì đầu An vào ngực mình, vừa xoa nhẹ bàn tay phải lên lưng áo An vừa thì thào:

– Đừng khóc nữa, An! Anh đã bảo.

Đừng khóc nữa. An có nghe anh nói không? Hãy tin anh đi, từ đây về sau cả cha lẫn em không gặp điều gì buồn khổ nguy hiểm nữa đâu. Anh dám hứa với em như vậy. Hết rồi. Người ta hết xa lánh cha như xa một mối nguy hiểm, như sợ bị vạ lây. Lâu nay anh lui tới đây, trông thấy cha với em sống thui thủi hiu quạnh, anh xót xa lắm chứ. Có người hỏi anh không biết sợ ư? Anh cười. Dù em ở tận chân trời góc biển, giữa chốn đầy chông gai, hùm sói, anh cũng dám mạo hiểm tìm đến, chứ đừng nói là em ở ngay đây. Vả lại, em biết không, trại chủ thật là người tốt bụng đáng kính. Làm gì trại chủ không biết cả bọn về hòa với nhau để quyết hại cha, nhất là sau vụ chương cơ Chất bỏ trốn vào với Tống Phúc Hợp. Họ phao tin rằng chính cha đã tổ chức xếp đặt mọi sự, sau khi bàn luận kỹ càng với Đông cung và Nguyễn Phúc Tĩnh.

Họ nói thế, em xem, có ai còn dám bén mảng đến gần nhà này nữa. Họ còn đòi đưa cha về lại An Thái. Nhưng trại chủ cương quyết bênh vực cha. Trại chủ gạt phăng các lời dèm pha độc địa, nhất định bảo cha vô tội. Họ định làm áp lực, sợ sẽ có lúc trại chủ trở lại tin cần cha thì họ sẽ gặp khốn đốn. Nhưng có gì qua mắt được trại chủ đâu. Cả đến những chuyện vặt như anh đem giúp đỡ em thứ này thứ nọ, ông đều biết. Trại chủ gọi anh lên, khuyến khích anh, bảo hãy thay ông lo lắng giùm cho đời sống gia đình cha. Ông không thể ra mặt đi lại giúp đỡ, vì chưa tiện. Họ còn chăm hằm chờ xem trại chủ cư xử với cha thế nào để mưu tính kế khác. Anh không tiện nói, nhưng An biết không, mấy gói đường và cân bún tàu kỳ trước anh mang đến cho em là quà của trại chủ. Em thấy không, mỗi hiểm nguy đã qua rồi. Đừng lo lắng nữa.

Lau nước mắt đi. Đã bảo. Lau nước mắt đi, hãy tin lời anh!

Những điều Lợi kể vượt quá tầm tưởng tượng của An. Cô hồi hộp lắng nghe những gì vừa diễn ra chung quanh gia đình cô mấy tháng qua, không ngờ mình vừa thoát được một mối nguy hiểm ghê gớm. Cô hồi hộp sợ hãi chờ nghe Lợi nói, quên hẳn rằng mình đang ngả đầu úp mặt trong lòng Lợi, yếu đuối giao phó cho Lợi ôm ấp, ve vuốt, dỗ dành. Lợi nói xong, An mới dần dần ý thức được thực tại. Cô xấu hổ thấy mình ngã gọn vào ngực Lợi, tay đang mân mê cái cúc áo của Lợi. Cô bắt đầu ngửi mùi mồ hôi gây gây của Lợi, bắt đầu hồi hộp, lo sợ theo dõi bàn tay phải của Lợi đang mơn man vuốt ve trên cổ, trên vai, trên lưng mình. An hoảng hốt bật đứng dậy, định

xô Lợi ra để ngồi xa cách như lúc mới gặp. Nhưng Lợi đã bạo dạn hơn trước. Anh cứ xử theo quyền năng của một vị hôn phu. Lợi ôm chầm lấy An, siết chặt thân thể mềm yếu nhỏ nhắn trong đôi tay, áp mũi hít lấy hương bồ kết trên mái tóc mượt mà của người vợ chưa cưới. Lợi thấy An run rẩy trong tay mình, mắt lảo liên sợ hãi như van xin cầu khẩn. Anh chột dạ, thương hại An, bắt đầu nói lỏng vòng tay. An vội vã xô nhẹ Lợi để thoát ra xa, mặt đỏ rần vì xúc động và xấu hổ. Cô lo ngại liếc ra phía cửa, sợ cha về bất chợt bắt gặp mình đang nép đầu vào ngực Lợi. Cô yên tâm khi thấy cửa vẫn kín đáo. An đưa hai tay lên vuốt lại tóc, sửa lại xống áo. Lợi nhìn nách áo còn ướm mồ hôi của An, hỏi nhỏ:

– Sao em lại nhổ đi? Anh thích em để

nguyên. Như thế trông lạ hơn, có thể nói là đẹp hơn. Anh thích em để lông nách, An nhớ nhé!

An quay lại nhìn Lợi, không ngờ mọi sự tiến nhanh như vậy. Và cô thấy hổ thẹn cho chính mình.

✱

Chiều hôm ấy Nhạc mời ông giáo lên để tiếp tục công việc của ông mai dong. Nhạc hăng hái với nhiệm vụ một cách khác thường. Buổi sáng ông đã gặp ông giáo. Buổi chiều ông lại cho lính mời ông giáo lên gặp lần nữa. Không phải Nhạc quá rảnh rỗi. Ngoài nhà khách, mấy chục người đang lóng ngóng chờ gặp ông, người nào cũng thắc thỏm ngồi đứng không yên. Nhưng Nhạc cứ mặc cho họ

đội. Ông chậm rãi, ề ề, nói đủ thứ chuyện với thầy giáo. Mãi về sau, hai người mới bàn gán đến việc tổ chức cưới xin. Nhạc vui vẻ xích ghế lại gần ông giáo nói:

– Việp Quận công sắp cho người đem sắc phong và ấn kiếm vào đây đây. Tôi đã tin cho chú Huệ, bảo sắp xếp gấp công việc để về đây trước mồng mười. Thế là cả hai anh em đều nhận sắc của Việp Quận công. Chú Huệ đã được phong “Tiên phong Tướng quân” như thầy đã biết. Điều khó xử là làm thế nào lễ nhậm sắc vừa long trọng vừa giản dị. Long trọng quá thì họ xem nhẹ mình. Ba cái chữ hão nào trại trưởng nào tráng tiết, nào tiên phong lừa dối được ai kia, chú mà mắt chúng ta sao được. Tiếp rước linh đình quá, họ sẽ cười mình là một lũ ngu. Mà làm sơ sài đơn giản quá, họ lại bảo mình khinh thường họ. Cho nên

tôi nghĩ thế này, thầy xét xem có được không! Ta định ngày rước sắc trùng với ngày cưới của đôi trẻ. Như thế có cơ lợi cho cả đôi phía. Về cuộc rước sắc, ta làm đơn giản, nhưng nhờ tiệc cưới mà sứ giả Trịnh không cảm thấy đạm bạc thô sơ quá. Vì sau khi nhận ấn kiếm, ta mời họ qua dự tiệc cưới. Ngược lại, tiệc cưới của đôi trẻ thêm phần rôm rả nhờ có nhiều nhân vật tai mắt tham dự. Tôi là ông mai, đồng thời cũng thay mặt nhà trai đứng xin rước dâu. Như vậy công tư hai bên đều vẹn, được việc nước mà cũng được việc nhà. Ý thầy thế nào ạ?

Ông giáo sợ hãi, khâm phục cho óc tính toán của trại chủ. Ông không có lời nào để thêm vào kế hoạch toàn hảo ấy, tuy trong thâm tâm, ông giáo có cảm thấy chán ngán. Ông không muốn đem chuyện cưới xin của con gái ra làm đòn

phép chính trị. Đó là chưa kể một nỗi lo khác: ông giáo quá hiểu con gái ông. Đám cưới càng linh đình, nỗi đau khổ của An càng lớn lao, chẳng khác nào phải đem bày vết thương xấu hổ của mình ra giữa chợ cho người qua kẻ lại xoi mói quan sát. Thấy Nhạc kiên nhẫn chờ đợi ý kiến mình, ông giáo phải đáp:

– Trại chủ tính vậy, thêm vinh hạnh cho gia đình tôi. Tôi rất cảm kích. Nhưng có điều chúng tôi phải áy náy, là chuyện vợ chồng riêng tư của gia đình mình có đáng phải hao tổn công quỹ hay không. Sau này chúng nó biết lấy gì đền đáp cái ân sâu nặng đó. Ý tôi chỉ cần một mâm cơm để lập bàn thờ cho đôi trẻ ra mắt tổ tiên, các chú bác xa gần, như là báo cho láng giềng tin mừng nhỏ nhoi của mình. Bày vẽ lắm, chúng tôi áy náy. Xin trại chủ nghĩ lại cho!

Nhạc cười gạt đi:

– Ô, chuyện vặt ấy hao tổn bao nhiêu! Cũng giống như tôi nhờ thầy đãi khách hộ cho tôi thôi. Có gì đâu mà nói đến ân huệ. Thầy yên lòng. Việc gì cần tốn thì phải tốn. Tôi đã kêu thằng Lũ, vâng, đã kêu chú Lũ lên bảo xuất kho chuẩn bị mua sắm ngay từ hôm nay. Lợi là thuộc hạ của Lũ, chú ấy phải đứng chủ chốt. Chỉ còn một điều tôi hơi lo, là việc tiếp sứ giả của nhà Trịnh. Việc này quan trọng lắm, ảnh hưởng đến an nguy về sau ở phía bắc.

Ông giáo vội hỏi:

– Trại chủ đã biết sứ giả ấy là ai chưa?

– Ông Nhật bảo là tay lo việc tử hãm cho Việp Quận công, con nhà phong lưu giàu có, có tài đối đáp ứng biến. Hẳn

đang được Việp Quận công nể vì lắm. Lại thêm điểm này nữa: hấn rất có tài làm thơ phú quốc âm, không khéo hấn vào đây giao ấn kiếm xong, trở về rêu rao chúng ta toàn là một lũ dốt.

– Hấn tên gì ạ?

Nhạc đến chỗ bàn giấy lục tìm một lúc, cuối cùng bảo:

– Đây rồi. Hấn tên Nguyễn Hữu Chinh người Nghệ An, đỗ hương cống từ năm 16 tuổi. Người ta thường gọi hấn là Cống Chinh.

Ông giáo lắc đầu nói:

– Hấn người xứ Nghệ, tôi chưa từng nghe tên. Chắc là lớp trẻ mới lập danh sau này.

Nhạc bảo:

– Tôi giao hẳn cho thầy đấy. Việc đối đáp, xướng họa sau khi tiếp ấn, hoàn toàn do thầy. Miễn sao cho hẳn biết ta không yếu ớt đến nỗi run sợ trước quân Trịnh, nhưng ta cũng không tự cao tự đại đến mức khinh nhờn họ. Ta biết của, biết người. Về mấy cái chữ tráng tiết, tiên phong, trại trưởng, tướng quân, ta trân trọng biết ơn mà tiếp nhận, nhưng phải khéo léo cho hẳn biết nhận xong, ta cũng chẳng thơm chẳng sang hơn chút nào. Khó là ở chỗ đó.

Ông giáo thấy được tin cậy, nhưng chưa quên những bạc bẽo lâu nay phải chịu. Ông hứa với Nhạc:

– Ông cả đã nhờ, tất nhiên tôi phải cố sức. Ông cứ yên tâm. Tôi sẽ tùy nghi mà đối đáp với hẳn.

✱

Huệ và Sở bỏ đoàn tùy tùng ở chân đồi Cánh Tiên, phóng ngựa thật nhanh để thi nhau về phủ trước. Huệ cười một con ngựa ô cao lớn đen mượt, lông kỳ óng ánh như một mái tóc vừa gội bồ kết. Chiếc yên da mầu vàng in vết mồ hôi ở hai bên hông, ôm cứng lấy thân ngựa khỏe. Sở thì cười con ngựa hời cao lớn không kém, da xám loang lổ những mảng đen ở mặt và bụng. Hai con ngựa hiểu ý chủ nên gắng hết sức tung vó, không con nào chịu kém con nào. Chạy một đoạn dài thì con ngựa hời bắt đầu đuối sức. Nó thở phì phì, mồ hôi rướm ướt khắp thân thể. Con ngựa ô vượt được một cái đầu, rồi dần dần bỏ bạn xa phía sau. Huệ quay lại la lớn cho Sở nghe:

– Bỏ cuộc hả? Thúc nó tiến lên chứ.

Sở thúc gót giầy vào hông ngựa, nhưng con ngựa hời đã mỗi gối. Nó vùng vằng, mõm cắn lấy ngànm cương tức giận. Sở giơ tay lên ra dấu thua cuộc, nói lớn với Huệ:

– Nó sắp khuyụ rồi. Chậm lại.

Huệ cười khanh khách bảo:

– Thua rồi nhé! Tối nay chịu phạt đúng như giao hẹn. Không được trốn nghe!

Anh ghìm bớt cương lại. Hai người bạn trẻ bắt đầu cho ngựa bước thong thả, vì đã gần tới cửa thành. Sở hỏi:

– Mình ở đây chờ đoàn hay vào thành trước?

Huệ quay nhìn phía sau, thấy một khóm bụi mờ bốc lên xa thật xa. Anh nói:

– Tôi phải vào trước. Anh chờ ở đây dẫn anh em tìm chỗ ăn và chỗ trú đêm. Cứ liên lạc với trạm gác. Chúng nó sẽ thu xếp cho chu tất.

Sở gật đầu đáp:

– Vâng, anh cứ vào trước.

Huệ cầm tấm thẻ bài giơ lên cho người lính gác thành thấy, ngồi yên trên ngựa chờ anh ta tiến tới. Nét mặt người lính có vẻ bức dọc, có lẽ vì tưởng người khách lạ vô lễ không thềm xuống ngựa đến trình diện ở trạm canh. Mặt hầm hầm, anh ta tiến đến gần. Khi nhận ra Huệ, anh ta sung sướng la to:

– Ủa, chú... Ông Tám Huệ đây mà! Trời ơi. Ông về lúc nào không báo trước: Anh em ơi, Ông Tám đã về đây rồi. Mau mở cửa thành ra cho Ông vào. Cái lũ chết

tiết ở đâu mà không chịu mở ngay. Ông cảm phiền, chúng nó tưởng đến giờ này không còn ai vào ra nữa.

Một, rồi hai ba người lính nghe bạn hô hoán tò mò thò đầu ra khỏi vọng gác. Họ nhận ra Huệ, người hùng “thần thoại”. Không ai bảo ai, bọn lính kéo đến mỗi lúc một đông, vây Huệ vào giữa. Mạnh ai nấy hỏi, hỏi xong cũng chẳng cần im lặng để chờ nghe Huệ trả lời. Họ chỉ muốn xác nhận xem Huệ có đúng là một thực thể biết cười, nói, thở, sống như họ, dù trong các lời đồn đãi, Huệ trở thành một nhân vật phi thường. Một người lính già ngược lên hỏi:

– Ông Tám có mang đầu Tổng Phúc Hợp về đây không?

Nhiều câu hỏi khác chen lẫn tiếng cười nói:

– Có thực ông giả làm anh bán quế không đấy?

– Chúng nó bị một mẻ sợ xanh mặt nhỉ?

– “Con gái Phú Yên một tiền ba đũa” phải không ông?

– Suyt. Để cho ông ấy về nghỉ. Đường xa thế kia. Các chú có tránh lối ra không. Hãy về trạm gác hết đi!

Người này chen ra thì người khác chen vào. Cho đến lúc cửa thành mở và Huệ bắt đầu thúc chân vào hông con ngựa ô, một đám rước nhỏ đã thành hình. Bọn lính cười nói hăng hái, vung tay múa chân, vừa bàn luận vừa chạy lúp xúp cho kịp với đà vó ngựa. Sắp đến chính dinh thì họ bị toán cấm quân chặn lại. Huệ xoay lưng vẫy chào họ, nín dây

cương cho ngựa xoay đầu rẽ trái, về tư dinh của anh chị. Cả hai vợ chồng Nhạc đều vắng nhà. Thọ Hương thấy chú về, mừng quá phát khóc. Trong các cô chú, Thọ Hương thấy mình gần gũi, quyến luyến với chú Tám Thơm nhất. Cô kéo Huệ ra xa đám lính hầu, hỏi nhỏ:

– Chú về để mừng cưới chị ấy à?

Huệ trố mắt nhìn cháu, thương hại Thọ Hương vì thấy cháu xanh xao, hai mắt sâu và buồn. Huệ hỏi:

– Thọ Hương vừa bị bệnh phải không. Sao xanh mướt thế?

Hương tủi thân, run run đáp:

– Thôi, chú. Đời cháu coi như bỏ đi. Cháu tự hỏi sao không chết quách đi cho rảnh nợ.

Huệ cười to để xua bớt vẻ buồn rầu:

– Ô kìa! Nói gì như bà già vậy? Đời còn dài và đẹp chán! Cười thật tươi lên cho chú coi nào. Thế, thế. Giờ đủ cả răng lẫn lợi xem. Phải cười hở lợi mới đúng là cười. Thế, thế. Được rồi.

Thọ Hương nghe Huệ nhắc đến tiếng Lợi, vội nhìn chú đăm đăm. Dò xét rồi rụt rè nói:

– Chú về thật may. Thế nào cô dâu chú rể cũng mừng lắm.

Đến lần này Huệ mới nhận ra ý nghĩa bí hiểm trong câu nói của cháu. Anh ngơ ngác hỏi:

– Cô dâu chú rể nào thế? Đám cưới ai vậy?

Đến lượt Thọ Hương kinh ngạc. Cô hỏi:

– Thế cha cháu không tin cho chú biết à?

– Có chứ. Cha cháu gọi chú về để tiếp án của quân Trịnh. Những “Tiên phong Tướng quân” kia đấy. Hương thấy chú oai ghê chưa. Mà này, cháu vừa nói sắp có đám cưới. Ai lấy ai vậy?

Thọ Hương hoang mang hỏi:

– Chẳng lẽ cha cháu không cho chú biết. Hay là chú giấu.

Huệ bực tức nói:

– Chú giấu làm gì?

Thọ Hương không muốn kéo dài nhì nhằng, nhìn thẳng vào mắt chú để đo lường phản ứng rồi mới nói thật chậm, thật rõ:

– Chị An sắp lấy chồng đấy chú. Chị ấy lấy anh Lợi.

Hương chỉ thấy Huệ nháy mắt vài cái rồi thôi, gương mặt không biến đổi dữ dội như cô đoán trước. Hơi thất vọng, Hương hỏi:

– Sao chú nghe tin mà mặt đờng đờng vậy?

Huệ mím môi nhìn cháu, cười nhỏ một tiếng, rồi hỏi Hương:

– Thế Hương muốn chú phải khóc òa lên à?

– Không đến nỗi vậy, nhưng chú phải tỏ ra kinh ngạc, đau khổ mới đúng lẽ thường. Hay là chú hết thương chị ấy từ lâu rồi?

Huệ im lặng, cúi nhìn đôi giày lấm

bùn của mình, không trả lời cháu. Hương chán nản đến nỗi mắt rơm rớm lệ, lòng ngao ngán cho sự bạc bẽo hời hợt của bọn đàn ông. Cô tức nghẹn không nói gì được nữa. Huệ im lặng một lúc, ngược lên hỏi cháu:

– Chùng nào đám cưới, Hương biết không?

– Cháu nghe cha cháu bảo sẽ làm cùng ngày với ngày tiếp ấn. Làm lễ rước sắc và nhận ấn kiểm xong, sẽ kéo qua dự tiệc cưới. Nghe nói sẽ linh đình lắm.

Huệ đưa tay trái lên lau mồ hôi trán, nói với Thọ Hương:

– Gớm. Đường bụi quá đi mất. Cháu bảo tụi nó đi múc cho chú thau nước rửa mặt. Lấy thêm cho chú cái khăn nữa nhé!

Thọ Hương không muốn sai bảo

ai, đích thân đi múc nước lấy khăn cho Huệ. Lúc trở lại, cô bắt gặp Huệ ngồi y chỗ cũ, mặt gục vào hai đầu gối như một pho tượng lính thú nhớ nhà...

✱

Vừa lúc ấy Nhạc về tới nhà. Thấy em đang ngồi mệt mỏi, ủ rũ, như một bại tướng. Nhạc lo âu gọi lớn:

– Chú Tám! Mới về hả?

Huệ vội đứng dậy trả lời anh:

– Dạ. Em nhận được thư, xếp đặt xong mới về đây được. Còn sớm được ba ngày để bàn nhiều việc với anh.

Nhạc thấy Thọ Hương và bọn lính hầu lảng vảng nghe ngóng câu chuyện của hai người, kéo em vào phòng mình:

– Chú vào đây, tôi hỏi chút việc.

Thọ Hương không hiểu cha và chú nói với nhau điều gì, bên ngoài chỉ loáng thoáng biết là họ to tiếng với nhau, thậm chí cãi vã nhau. Một lần Hương nghe cha quát:

– Chú từng ấy tuổi đầu mà không biết nghĩ. Tôi làm thế là cho chú, vì chú. Chú nhớ chưa.

Giọng Huệ trầm, nhịp nói chậm nên Thọ Hương không thể nghe được chú Huệ trả lời cha thế nào. Một lúc sau, cửa phòng xích mở, Huệ bước ra, mặt hầm hầm giận dữ. Trông thấy Hương, Huệ ngượng ngịu, sửa khuôn mặt cho trầm tĩnh như trước. Không muốn phải nói chuyện lúc này với cháu, Huệ quay gót đi về căn phòng vẫn dành riêng cho anh trong tư dinh của trại chủ.

Lính hầu bưng cái mâm đồng đựng cơm và thức ăn thịnh soạn lên cho Huệ lúc nào, anh cũng không hay biết. Đến lúc bác lính già rón rén vào phòng dọn mâm, thấy Huệ chưa cầm tới đĩa, cơm nước nguội lạnh, bác ta chỉ ái ngại nhìn Huệ rồi lui ra, không dám lên tiếng nhắc nhở. Huệ ngồi như vậy thật lâu, mắt nhìn vào cái bắc đèn chăm chú, đến nỗi cái bắc sáng nhòe ra thành hai thành ba cái bắc khác. Lần đầu tiên trong đời anh không tin ở mình. Anh thấy mình ngờ nghệch, đại dốt, quá tin ở sự đơn giản của tình cảm, ở sức mạnh của ý chí. Anh lẩm bẩm: Tại sao lại thế được? Hắn có đáng gì, cái tên băng nhăng! Thà rằng nàng lấy được một người chồng xứng đáng thì còn đỡ tức! Chẳng lẽ nàng không đủ thông minh để thấy hết bản chất con người hắn! Nàng lăm lăm về hắn, hay ta lăm lăm về nàng? Làm sao trả lời câu hỏi

ấy? Làm sao đây? Không thể chịu đựng được cơn hoang mang dày vò, Huệ bỏ cơm tối tìm thăm ông giáo.

Anh thấy cửa trước nhà ông giáo đóng kín, nhưng cửa sổ mở. Bên trong có ánh đèn leo lét. Huệ đi qua cửa trước nhà thầy, không dám vào thẳng để gõ cửa. Anh nghĩ; Phải đi quá một chút nữa để liếc qua cửa sổ xem thầy có nhà không rồi hãy vào. Nếu chỉ có một mình nàng ở nhà, ta vào bất tiện lắm. Huệ đi xa về phía bắc để nhìn nhanh vào cửa sổ. Ngoài ánh đèn leo lét, anh không thấy được gì rõ ràng. Anh đi qua đi lại hai ba vòng, cuối cùng mới thấy đột nhiên ánh đèn trong nhà tối lại, hình như đang bị thứ gì che khuất. Một cánh tay thò qua chấn song kéo cánh cửa sổ đóng lại. Anh vội quay mặt đi, nhưng cũng đủ nhận ra chính ông giáo vừa đóng cửa sổ. Anh

mạnh dạn quay lại đường cũ. Nhưng đến ngã rẽ vào nhà thầy, anh lại nghĩ: “Thầy đã khép cửa sổ, tức là sắp đi ngủ. Vào quấy rầy thầy lúc này có tiện không? Và lại, giữa đêm hôm khuya khoắt đến đánh thức thầy giáo dậy, tất phải có nhiều điều quan trọng lắm. Ta đến đây làm gì? Để nói gì với thầy? Với nàng? Ta có điên chưa mà toan tính rõ đại vậy? Gặp họ để trách móc ư? Mình lấy quyền gì để cật vấn nàng? Trời ơi mà y quần trí hóa rõ rồi Huệ! Mà đến đây làm gì? Lỡ có ai trông thấy mà đứng lồm thồm ở giữa đường vắng này lăm lét nhìn vào nhà nàng, người ta nghĩ thế nào? Người ta sẽ đồn âm lên rằng mà y thất tình cóm róm đứng chực trước cửa nhà nàng để van xin, cầu khẩn nàng thương hại. Cả phủ sẽ cười vào mặt mà y, thằng thất tình hóa đại!”

Càng nghĩ Huệ càng sợ. Anh đi thẳng về nhà không dám ngoái đầu nhìn lại nữa. Qua một ngã tư, khá xa nhà ông giáo, Huệ gặp một toán cấm binh cầm đuốc đi tuần đêm. Huệ lánh không cho họ thấy mặt, nép vào một dãy thành cao theo lối tắt về phòng. Bên ngoài trăng non đã lên từ lâu. Ánh trăng mờ chiếu vào cửa sổ, mang theo gió se lạnh của thu đầu. Tự nhiên Huệ cảm thấy lạnh lẽo. Bàn tay cóng lại. Anh cho tay vào túi áo tìm hơi ấm. Tay phải anh chạm một tờ giấy nhỏ. Anh nhớ bức thư ngắn Lãng nhờ anh chuyển cho chị. Đột nhiên Huệ run lên vì ý nghĩ: Lãng có biết trước chuyện này không? Nếu biết trước vụ đám cưới sao Lãng không nói gì với mình cả? Hay họ đã thu xếp từ trước mà vẫn giấu ta. Huệ vội tìm lửa đốt đèn. Lá thư Lãng viết cho An như sau: (chữ Hán dịch Nôm)

Chị,

Anh Huệ về gấp nên em chỉ đủ thì giờ nguyệt ngoạc cho chị vài chữ. Chị rán đọc, đừng rửa thẳng em cầu thả và lười biếng nhỏ. Em đã nhận đủ mấy lần quà chị gửi. Cảm ơn chị lắm. Nhưng em dặn chị mấy điều này:

Thứ nhất: chị đừng bày đặt gửi quà cho em nữa. Em biết nhà mình đang túng, chị nên dành tiền lo cơm nước thuốc thang cho cha. Ở đây em không thiếu thứ gì hết, nhất là từ khi mình đã chiếm lại được Phú Yên.

Thứ nhì: Chị đừng gửi quà cho anh Lợi đem lên. Có nhiều bất tiện lắm. Anh ấy cho thuộc hạ đem đủ thứ lên trên này để bán cho anh em lính đồn, bày hăn ra cảnh mua bán công khai rất chuồng mắt. Nhận đồ từ anh Lợi chẳng khác nào dính

dáng đến chuyện trực lợi (tuy thực sự là đồ của chị gửi cho em).

Đời sống của em trên này ra sao, chị hỏi anh Huệ thì rõ. Anh ấy về chuyến này, chẳng khác một dũng tướng khải hoàn. Em nghĩ dưới chân các khải hoàn môn, chắc có chị của em.

Em trêu chút thôi, đừng giận, tội nghiệp.

Lãng.

Huệ đọc đi đọc lại lá thư, lòng buồn rười rượi. Đọc xong, anh ngồi thừ bên đèn, mắt nhìn thẳng tới trước mà không trông rõ được gì. Cuối cùng, Huệ đưa lá thư gần ngọn bắc, chờ cho tờ giấy bản cháy hết mới thả cho mảnh tro rơi lả tả xuống nền. Ngón tay cái và ngón trỏ bị bỏng: Huệ cảm thấy, đậm đà hơn bao giờ

hết, điều mà sách vở vẫn thường nói là vị cay đắng của tình yêu.

✱

Đúng như Lợi nói, cuộc hôn nhân đã giải tỏa được, ít ra là trong lúc này, cái vòng vây vô hình lâu nay cách ly gia đình ông giáo với xã hội bên ngoài. Ông giáo không còn có thể “bế môn tạ khách” được nữa, vì hầu như lúc nào cũng có khách. Hết Lữ đến hỏi ý kiến ông giáo và An về việc chuẩn bị tiệc cưới, lại đến các bạn bè của ông giáo, của Chinh, của Kiên, của Lợi đến chia vui. Người ta đánh hơi được rằng chính trại chủ đứng ra gây dựng cho cuộc hôn nhân này, nên người nào đến thăm cũng mang đủ thứ quà cáp quý giá.

Hai cha con ông giáo, sau thời gian sống thui thủi, còn lạ gì chuyện thể thái nhân tình. Nhưng thấy thiên hạ vốn vã, sẵn đón, mừng rỡ, hân hoan quá, cả ông giáo lẫn An đều bắt đầu hoang mang. Có lẽ mình xét lầm người chăng? Ai mà không sợ bị liên lụy vào chỗ hiểm nguy. Lâu nay họ xa lánh ta, chỉ vì nghĩ đến vợ con, gia đình, chứ trong thâm tâm họ vẫn thương mến quý trọng ta. Không thương mến quý trọng mà họ mang bấy nhiêu lễ vật đến đây à? Ông giáo tiếp khách đến mệt nhoài mà lòng vẫn vui. Còn An, lòng cô quỳnh lên giữa đồng quà cáp gói giấy hoa hoặc giấy kiếng ngổn ngang khắp căn phòng nhỏ.

Mấy ngày trước đám cưới An bớt cô đơn, nhờ cô Thọ Hương và cô em gái Nhật đến giúp đỡ. Họ không giải thích vì sao lâu nay họ vắng mặt, mà cũng không

giải thích tại sao bây giờ lại đến. Mọi sự xảy ra như chuyện bình thường. Hai người quần quýt bên An như xưa, hỏi hết chuyện này đến chuyện khác. Khách khứa ở nhà trước lâu lâu phải ngưng câu chuyện vì tiếng cười đùa vui vẻ của “cái bộ ba” náo nhiệt đó.

An mong ngóng chờ cơ hội chỉ có một mình mình với Thọ Hương để hỏi tin Huệ, nhưng suốt ngày đầu tiên, cơ hội ấy không đến. Lòng cô nóng như lửa đốt. Huệ về xế chiều hôm qua, đám rước nhỏ anh em lính gác tự động tổ chức đã thành đề tài bàn tán của cả phủ, góp thêm một nét vào kho thần thoại, làm sao An không biết! Tuy lo sợ, có thể nói là hãi hùng khi nghĩ phải gặp Huệ, nhưng An vẫn thắc thỏm chờ đợi. Ngày đầu tiên Huệ không đến. Lòng An ray rứt, gần muốn phát điên lên. Cô ăn nói

giận đối với cả các bạn thân. Người em gái Bùi Văn Nhật phát khóc vì bị phiên trách oan ức do những cái lật vạt không đầu. Cô bé vùng vằng bỏ về, không kết cho xong cái khăn vành nhiều vàng của cô dâu. An đã không xin lỗi, còn để mặc cho cô bé về.

Không chờ lâu hơn được nữa, An hỏi Thọ Hương:

– Mấy ngày nay chú Tám bận lắm nhỉ?

Hương ngược nhìn bạn, ánh mắt đầy xót xa và ái ngại. Hương cố lấy giọng điềm tĩnh nói:

– Dạ, chú ấy bận lắm.

An rụt rè nhìn Thọ Hương, do dự nhiều lần trước khi hỏi:

– Chú Tám có biết Hương đến đây không?

Hương nói thực:

– Dạ biết.

An đau nhói cả lòng, giả vờ cười cợt bảo bạn:

– Bây giờ chú là “Tiên phong Tướng quân” nên quên hết mọi người. Không chừng chú ấy quên luôn cả chị nữa. Không tin Hương cứ hỏi chú Tám: “Chú này, ngày mai là đám cưới của chị An đấy!”, chú sẽ hỏi lại em: “Chị An nào vậy kìa? Có phải An là cô Yên đó không?” Nói xong, An cười ha hả, một mình.

Thọ Hương muốn khóc khi thấy An cười, Hương nói:

– Chị đừng nói thế. Ngay buổi chiều

mới về, em đã báo cho chú Tám biết chị sắp lấy chồng.

An mừng rỡ, hấp tấp hỏi:

– Rồi chú ấy bảo sao?

Thọ Hương ái ngại, dè dặt lựa từng tiếng, từng lời:

– Bảo sao ư? Em khó nói quá. Chú ấy có vẻ kinh ngạc, vì về đến đây chú mới biết chị sắp lấy chồng.

An trố mắt hỏi:

– Thật thế à?

– Vâng. Hình như cha em không báo cho chú ấy biết, chỉ bảo về để dự lễ tiếpấn.

– Rồi chú ấy không hỏi Hương gì khác ư?

Thọ Hương muốn tìm điều gì không có thực nhưng vui lòng An, đúng với sự mong đợi. Hương không đủ óc sáng tạo nhạy bén. Cô đành thú thực:

– Chú ấy không hỏi gì nữa. Chú ấy than đường xá bụi bặm quá, nhờ em đi múc nước rửa mặt.

An hựt hắng vì thất vọng. Chỉ có thể thôi sao! Một việc trọng đại như vậy, mà chỉ hỏi có mấy câu, rồi thôi! Thảo nào! Ta lằm, lằm, lằm. Lằm quá chừng. Mọi sự trở nên sáng tỏ trước mắt An: Bây giờ An hiểu vì sao Huệ không thềm đến đây, cũng không cho lính mang đến một chút quà nào. Anh ấy lạnh lẽo dừng dừng đến thế là cùng! Trời ơi! Ta đáng thương biết bao nhiêu. Ta đại dột biết bao nhiêu!

An mím môi lại. Cô bảo Thọ Hương:

– Thôi được. Em đưa hộp phấn cho chị.

Thọ Hương reo lên:

– Chị chịu dôi phấn rồi phỏng? Tô son nữa nhé? Có thể chứ. Ai đời cô dâu mà không chịu trang điểm. Người ta sẽ nghĩ anh Lợi cho cai tù đến còng chị đấy vê!

An bơ thờ nói:

– Tụi đàn bà chúng ta đều thua thiệt như vậy cả, Hương ơi! Ngồi kiệu hoa hay là leo đẹo đi bộ theo sau chàng rể, cũng là tù phạm như nhau. Mai sau chị quyết không sinh con gái, cho nó khỏi phải khổ như chị.

Thọ Hương thấy ý An ngộ nghĩnh, cười to rồi nói:

– Trai hay gái là Trời cho chứ chị chọn được sao mà quyết với không quyết. Chị lú lẫn mất rồi, chị An!

Chương 36

Buổi lễ tiếp ấn diễn ra đúng như ông giáo dự kiến. Nguyễn Hữu Chinh hơi thất vọng vì sự đơn giản của cuộc lễ. Không định được phương hướng nên Chinh cứ ngỡ rằng bệ rồng quay về hướng bắc. Điều đó khiến Chinh đỡ phải bối rối. Ít ra ông đã có bằng chứng cụ thể để báo lên Việp Quận công là anh em Tây Sơn thực sự muốn làm tướng biên khu của nhà Trịnh. Dĩ nhiên Chinh sẽ phải giấu không cho Hoàng Ngũ Phúc biết là: lúc Chinh đọc sắc, Nhạc và Huệ giả vờ không hiểu nghi lễ không chịu quì, và

lúc nhận ấn kiếm khôi giáp, cả hai chỉ hơi ngả mình về trước để đón mà thôi.

Cách trưng bày ở dinh chính, giá trị của bàn ghế, màn trướng, hình khắc trên cột kèo v.v... tất cả không làm cho Chỉnh ngạc nhiên. Là một người từng trải và giàu có, Chỉnh thấy nhìn chung cách xây cất bày biện ở Qui Nhơn có vẻ thô kệch, hơi quê mùa. Nghiêm, dũng thì có, nhưng không được nhã. Có lẽ họ không hiểu gì nhiều về nghệ thuật, văn học, Chỉnh nghĩ vậy.

Với một vẻ trầm tĩnh tự tin, Chỉnh theo Nhạc bước qua phòng hội. Ông đi song song với cậu thanh niên có đôi mắt sáng và mái tóc quăn, miệng lúc nào cũng cười; cậu thanh niên vừa lãnh ấn Tiên phong Tướng quân của nhà Trịnh. Tự nhiên Chỉnh có cảm tình với Huệ, tuy gặp Huệ lần này là lần đầu. Ông mỉm

cười cảm ơn Phan Văn Tuế (gặp Chỉnh lúc Tuế cầm đầu phái đoàn cầu hòa ra gặp Việp Quận công mấy tháng trước), từ chối lời mời đến ngồi gần, để đến ngồi sát cạnh Huệ. Với đôi mắt sành sỏi của một người mấy đời giàu có nhờ buôn bán, Chỉnh biết ngay lúc này, Huệ là nhân vật đang lên của Tây Sơn.

Huệ nhớ lúc nãy đi rước sứ bộ ngoài chùa Thập Tháp có lóa mắt vì con ngựa bạch tốt giống của Chỉnh nên hỏi Chỉnh trước:

– Ông mua đâu được con ngựa tốt quá?

Chỉnh cười, bảo Huệ:

– Tướng quân nói thế cho vui lòng tôi đấy thôi. Con ngựa này đâu có ra gì. Chỉ được cái sắc bạch huê dạng, còn thì

chẳng ra sao. Tướng quân nghĩ xem...

Huệ cắt lời Chinh:

– Xin ông cứ gọi tôi bình thường, đừng gọi “tướng quân” nghe chướng lẩm. Chúng tôi toàn dân núi, gọi nhau là tướng quân chẳng khác nào mặc áo gấm đi hái củi.

Chinh mau mắn điều chỉnh:

– Vâng, anh... anh nghĩ xem, con ngựa bạch đó chỉ được một điều là tránh khỏi tam luy (ba cái ốm) và ngũ nô (năm cái tội). Còn lại thấy đều thường thường bậc trung, không có gì tốt.

Huệ thành thực hỏi:

– Tam luy, ngũ nô là gì ạ?

Chinh giải thích chậm rãi, như giọng thầy giảng bài:

– Phàm xem tướng ngựa, trước hết phải tránh tam luy ngũ nô rồi mới xem tướng những bộ phận còn lại.

Cổ to đầu nhỏ là nhất luy

Xương sống yếu bụng to là nhị luy

Đùi nhỏ hông to là tam luy

Ngũ nô gồm có:

Đầu to tai chậm là nhất nô

Cổ dài không gãy là nhị nô

Chân trước ngắn chân sau dài là tam nô

Đầu gối to xương sườn ngắn là tứ nô

Hông cạn vể mỏng là ngũ nô

Sau khi xét kỹ xem ngựa có phạm tám điều xấu trên kia không, mới xem

xét đến các tướng tốt của ngựa. Theo ông Bá Lạc chuyên xem tướng ngựa bên Tàu thì: “Ngựa tốt đầu mong được vuông, mắt sáng, xương sống mạnh, bụng trương lên, bốn chân dài, khuôn mặt cao, lỗ mũi to, đầu mũi có chữ vương, trong miệng đỏ, xương đầu gối tròn mà dài, hai tai được gần nhau mà tướng hướng tới trước, thụ nhỏ mà đầy.

Huệ thành thực thán phục sự hiểu biết của Chính, vui vẻ khen:

– Ông thật sành về ngựa. Không biết có sành về người không?

Chính quay hẳn lại nhìn Huệ một cách tò mò, ha hả cười:

– Anh hỏi thế khác nào đánh đồng ngựa với người! Xem tướng ngựa chẳng qua như lựa một cái xe sao cho tốt. Còn

con người hỏ, biết được trọn vẹn và chính xác là một điều thiên nan vạn nan. Có những người bên trong vui buồn hờn giận thế nào hiện hết ra nét mặt, nhất là trong ánh mắt. Cũng có người kín đáo không cho ai đoán được. Thậm chí có hạng bên ngoài nói cười thơn thớt, nhưng bên trong chứa cả bồ gươm giáo. Đoán ngựa thì tôi còn võ vẽ, còn xem tướng người, tôi chịu thôi.

Huệ mỉm cười, nhìn thẳng vào Chỉnh chậm rãi hỏi:

– Nhưng dĩ nhiên mỗi người phải hiểu rõ mình. Ông xếp ông vào loại nào, khó đoán hay dễ đoán, hay là...

Chỉnh đang lúng túng chưa biết trả lời thế nào, thì vừa may trại chủ dẫn ông giáo đến chỗ Nguyễn Hữu Chỉnh. Chỉnh

vội đứng dậy vái chào hai người. Nhạc nói:

– Giới thiệu với Ngài Gia cát chương thư ký, đây là thầy giáo Hiến, thầy dạy của các chú em tôi. Cũng như Ngài, thầy giáo ở đây với chúng tôi để giúp việc từ hàm.

Chỉnh cung kính cúi chào ông giáo lần nữa, lễ phép nói:

– Thật hân hạnh cho tôi quá. Từ lâu tôi đã được nghe danh thầy, hôm nay mới được vinh dự diện kiến.

Ông giáo ghét sự giả dối khách sáo, liền bảo:

– Tôi chẳng qua là một thầy đồ ngèo ở chốn hang núi, làm gì có danh để vang đến tận tai ông. Ông dạy quá lời!

Nguyễn Hữu Chỉnh vội nói:

– Thưa thầy, thầy hiểu lầm tôi rồi. Chỉ vì thầy quá nhún đẩy thôi, chứ hiện nay ai không biết thầy là quân sư của Tây Sơn trại chủ Tráng tiết Tướng quân, và là thầy học của Tiên phong Tướng quân đây. Hơn nữa, thầy ở kinh đô Thuận Hóa lâu ngày trước khi qui ẩn về đây. Lâu nay thầy được tin của Ái Trúc tiên sinh không ạ?

Ông giáo kinh ngạc vội hỏi:

– Ông muốn nói đến Ngô Thế Lân người Vu Lai phải không?

Chỉnh đắc chí cười nhẹ, rồi đáp:

– Vâng. Lúc Việp Quận công nhập Thuận Hóa, tôi có nghe danh Ái Trúc trai, dật sĩ số một đất Thuận Hóa nên vội tìm đến phố Hà Thanh để gặp. Dật sĩ có

nhắc đến thầy!

Ông giáo xúc động quá, chỉ có thể hỏi một câu ngớ ngẩn:

– Thật thế ư?

Rồi nghẹn lời. Chính nói tiếp:

– Tôi có hỏi sao tiên sinh không nhân cơ hội này giúp nước lập công. Trước kia thầy có làm hàng trăm bài biểu như bài luận về tiền tệ gửi Duệ Tôn cũng chẳng khác nào đem nước đổ lá khoai. Bây giờ thế cuộc xoay vần, đã đến lúc tiên sinh có đất sở dụng để thi thố sở tài rồi. Dật sĩ bảo người quân tử lấy sự xu thời cầu cạnh làm hổ thẹn. Kể cũng đáng tiếc.

Ông giáo xúc động, ngậm ngùi nói:

– Thế là phải. Ái Trúc trai còn may mắn hơn tôi. Thế là phải.

Chỉnh hỏi:

– Thầy đã được đọc Phong Trúc tập của Ái Trúc tiên sinh chưa?

Ông giáo đáp:

– Chưa. Lúc tôi phải lánh nạn, bạn tôi chưa làm nhiều thơ.

Chỉnh lim dim cặp mắt đọc:

– “Gió là cái vật không có chất mà có hơi, trúc là cái vật có chất mà không có ruột, nên trúc nhờ gió mà có tiếng, gió nhờ trúc mà thành vết; cho nên gió đến thì trúc kêu, gió qua thì trúc lặng, gió to thì kêu to, gió nhỏ thì kêu nhỏ. Thế kêu là tại gió chứ không tại trúc. Trúc vẫn là hư không vậy.”

Ông giáo thích chí quá, reo lên:

– Bài từ này tôi có được Ngô Ái

Trúc đọc cho nghe. Đoạn sau phải thế này không: “Đến như tiếng cao như hạc rít, tiếng trong như rỗng ngâm, nhanh chóng như sóng dồn, thông thả như rước tượng. Đến như tính âm u có thể luyện được tục, tính thanh bạch có thể rửa được phiền, càng ra càng lạ, càng kêu mà càng chẳng hết cũng là do chỗ vô tâm mà diệu ứng với gió vậy. Tuy thế nhưng sở dĩ xưng phát thiên cơ, du dương chân vận, thì cũng là ở chỗ người nghe nhận lấy thôi, chứ nhả nhận hay tục tằn, xấu xa hay lành tốt thì có dự gì đến trúc. Ôi! Trúc ơi! Trúc ơi! Ta có sở đắc ở trúc đấy”.

Nhạc ngẩn người khi thấy hai nhà nho đua nhau đọc thơ đọc phú, cười lớn bảo:

– Tri âm tri kỷ gặp nhau rồi nhá! Ông Cống Chính, còn dám chê thẩm bọn này là một lũ ngu phu dốt nát nữa thôi?

Nguyễn Hữu Chỉnh giả vờ sợ hãi đáp:

– Trại chủ muốn giết sứ hay sao mà đổ cho tôi cái tội tày trời ấy! Có thầy giáo đây làm chứng.

Nhạc cười xòa, quay bảo mọi người:

– Thôi, xin mời quý vị ngồi vào bàn. Ta làm việc nhanh để còn dự tiệc cưới. Sẵn dịp ông Cống vào đây, chúng tôi kính mời ông dự tiệc cưới con gái thầy giáo cho biết phong vị của đất núi thế nào. Ông Cống đừng từ chối nhé!

★

Vì Lợi gửi rể nên đám cưới khá đơn giản về nghi tiết. Đã thế, đám cưới trở thành một phần của nhu cầu chính trị

cho nên cũng được sửa đổi theo chương trình lễ tiếp án. Thành thử phần quan trọng nhất của lễ cưới là cô dâu chú rể trình diện với quan khách, và lạy tạ ơn bà con hai họ tại một gian nhà rộng phía trái của chính dinh.

Vì muốn làm lóa mắt sứ bộ quân Trịnh nên Nhạc không tiếc công tiếc của trang hoàng cho tiệc cưới linh đình, lộng lẫy chẳng kém gì tiệc cưới của Đông Cung trước đây.

Nhưng màu sắc, hương thơm, tiếng đàn tiếng hát, thức ăn, những câu xã giao mỹ miều hoặc những lời pha trò thông minh đều không có chút quan trọng nào đối với Huệ. Huệ thắc thỏm chờ cô dâu xuất hiện, ruột rối mà cố giấu xúc động bằng nụ cười thản nhiên, ngạo mạn, kẻ cả.

Rồi giây phút Huệ chờ đợi xuất hiện. Cả phòng tiệc đột nhiên im lặng. Chỉ thay mặt trại chủ đóng vai chủ hôn, khăn đóng áo thụng xanh chỉnh tề, đang cùng với ông giáo dẫn cô dâu và chú rể lạy mừng quan khách.

Huệ cúi mặt xuống, nghe quanh mình tiếng xôn xao trầm trồ. Mặt anh nóng bừng. Anh trách thầm anh cả đã vô tình chơi trò oái ăm, bắt anh chứng kiến giây phút khốn khổ này. Tiếng trầm trồ ngày càng huyền não hơn. Không thể dần được nữa, Huệ ngược lên tìm An.

Huệ bị chấn động đến nỗi như có ai vừa đánh một võ thật mạnh vào sau ót anh. Anh hoa mắt, sự vật hơi nhòe và pha sắc đỏ. Phải cố định thần một lúc, anh mới nhìn rõ cô dâu hơn: Lần đầu tiên An trang điểm son phấn, đầu lại đội cái khăn vành vải vàng, áo cưới nhiều

xanh, trông An đẹp rực rỡ lạ thường.

Lúc An bắt gặp Huệ nhìn mình, đôi mắt cô dâu hình như phảng phất vẻ hốt hoảng cầu khẩn, nửa xấu hổ muốn tránh nửa vương vấn bịn rịn cam chịu. Nhưng chỉ một lúc sau, hình như An tự chủ được mình. Cô mím môi, ánh mắt đánh lại. Hơi nghech mặt lên để nhìn thẳng phía Huệ, cô dâu có thái độ thách đố bất cần. Huệ không hiểu vì sao tự nhiên An nhìn mình với đôi mắt căm hận ấy. Anh hoang mang, chẳng hiểu mình có lỗi gì. Và đến lúc đó, cảm giác tiếc nuối mới dần dần loang ra, xâm chiếm hồn anh. Nhiều chữ “nếu” đặt ra đầu những câu giả thiết, và câu nào cũng gây thêm cho anh sự tiếc nuối. Anh xoi mói nhìn chú rể, thấy cái gì của Lợi cũng là dấu hiệu sự tầm thường. Từ cách đưa hai bàn tay chắp lại vái chào, cách cười rụt hai vai

lên cho thêm đậm đà, cách lâu lâu ghé miệng thì thăm gì đó với cô dâu để cổ chúng tỏ chủ quyền trước mọi người...

Tại sao nàng lại có thể yêu thương một người như thế được? Nàng có lấm lẩn không? Nàng lấm lẩn về hấn hay ta lấm lẩn về nàng? Câu hỏi oái ăm đó lại quấy rầy Huệ. Anh lại cảm thấy choáng váng, phải đưa tay lên chống trán.

✱

Như đã xếp đặt trước, sau tiệc cưới, có một cuộc chuyện phiếm thưởng trà ở văn phòng ấm cúng của Nhạc. Người tham dự có Nhạc, Huệ, Chinh, ông giáo và Nhật. Nhạc hy vọng cuộc chuyện phiếm thoải mái này sẽ ghi đậm lên trí óc sứ giả, và tạo hậu quả tốt đối với cuộc

giao thiệp với Bắc Hà. Dĩ nhiên cái đỉnh của buổi hội kiến thu hẹp là Nguyễn Hữu Chinh, và người có trách nhiệm lèo lái câu chuyện đến kết quả tốt nhất, lợi nhất, là ông giáo.

Mọi người vừa an tọa, Chinh đã nhanh nhẩu nhìn quanh hỏi:

– Ở kia, cô dâu chú rể đâu rồi?

Ông giáo đỡ lời:

– Các cháu còn bận tiễn đưa bà con hai họ ra về, và lo thu xếp công việc.

Chinh bảo:

– Tiếc nhỉ. Tôi muốn hát mừng tân lang và tân giai nhân mà không có dịp.

Nhạc cười, nói:

– Ông Cống đa tài thế kia à. Nếu cần, chúng tôi xin cho gọi các cháu nó đến.

Chỉnh vội xua tay:

– Thôi, tôi nói đùa chứ hát hỏng ra gì đâu.

Ông giáo nói:

– Nhưng cái tài làm thơ quốc âm của ông thì ông không giấu được đâu. Xin được cho chúng tôi nghe một bài quốc âm.

Chỉnh hãnh diện vì có người biết tài mình. Không khách sáo, nhìn khắp mọi người rồi bảo:

– Vâng, về quốc âm thì tôi thông hơn âm nhạc. Để tôi đọc bài thơ quốc âm mới làm cho chư vị thưởng lãm. Nhan đề bài thơ là Than Thân.

Tóc chen hai thứ chứa danh chi.

Thân hỡi là thân! Thì hỡi thì!

Chửa trả chửa đền ân đệ tử.

Thêm ngừng thêm tủi chí nam nhi

Kẻ yêu nên ít bề cao hạ

Người ghét càng nhiều tiếng thị phi

Tay bé khôn bưng vừa miệng thế

Giải lòng ngay thảo cậ thiên tri

Cả phòng vỗ tay tán thưởng bài thơ hay. Nhạc hỏi:

– Sao ông Cống có cái giọng phần đời thế? Nào “Thân hỡi là thân thì hỡi thì”, nào “Tay bé”... tay bé... cái gì “miệng thế” nữa đấy?

Chỉnh nhắc lại:

– Thưa “Tay bé khôn bưng vừa miệng thế!”

Nhạc cười, nhìn Chỉnh nói:

– Việc gì phải lo bùng miệng thế? Cứ để mặc cho họ nói nhăng nói cuội, việc ta ta cứ làm. Phải thế không ông Cố?

Chỉnh đáp:

– Không phải ai cũng có cái đảm lược để gác ngoài tai tiếng thị phi. Tôi từng này tuổi đầu, tóc đã bạc, mà đôi lúc còn chưa chịu đựng nổi miệng thế. Những con mắt phàm tục đâu có thấy được giá thực của con người. Chúng nhìn chức tước mà định phẩm cách. Suốt mười mấy năm tôi ở dưới cửa Việc Quận công, có ai xem tôi ra gì đâu!

Ông giáo hỏi:

– Trước khi giúp việc từ hàm cho quận công, ông Cố giữ chức vụ gì suốt

bao nhiêu năm mà thiên hạ dám khinh nhờn?

Chỉnh cười ha hả ra vẻ xem khinh thiên hạ, đáp:

– Tôi chỉ coi đội Thiện tiểu mà thôi.

Nhạc ngạc nhiên hỏi:

– Sao lại nhỏ vậy?

Chỉnh nhìn Nhạc, rồi quay lại nhìn ông giáo đáp:

– “Chớ chê điều thiện nhỏ mà không làm”

Cả phòng ồ lên cười. Riêng ông giáo thì khâm phục sự nhanh trí và học vấn uyên bác của Chỉnh, vì Chỉnh không tự ứng khẩu mà dùng ngay câu nói của vua Chiêu Liệt trong cổ thư để trả lời Nhạc. Ông giáo nói:

– Bậc thiên tử như vua Chiêu Liệt thì nói gì mà chẳng được thiên hạ tán thưởng. Đã là điều thiện thì lớn hay nhỏ cũng đáng phải làm.

Nhạc chen vào nói:

– Nhưng làm được điều thiện lớn thì vẫn tốt hơn điều thiện nhỏ chứ. Việc lật vạc tũn mủn thì chỉ nên dành cho hạng tiểu tài. Chứ người như ông Cống, không phải tôi nói cho vừa lòng khách đâu nhé, hạng người như ông mà suốt đời chăm chăm mấy cái thiện lật vạc, phí đi!

Bây giờ Huệ mới hỏi Chính:

– Nhưng thế nào mới gọi là điều thiện? Chúng tôi xin được nghe ý kiến của ông Cống.

Chính nhìn quanh để xem có phải mọi người đều chờ nghe mình nói khô-

ng. Câu hỏi của Huệ đặt vấn đề đến tận căn bản nên ai cũng muốn nghe lối giải đáp của Chinh. Chinh cười mỉm, lừ mắt nhìn Huệ giả vờ trách móc, rồi chậm rãi nói:

– Vị tướng công trẻ tuổi này không nể tuổi tác, cứ bắt tôi trả lời toàn câu hỏi khó. Ở đây còn có trại chủ, tôi lên tiếng về một điều trọng đại như vậy chẳng khác nào múa rìu qua mắt thợ. Có phải không chư vị?

Nhạc cả cười bảo Chinh:

– Ông chạy trời không khỏi nắng đâu. Chúng tôi là một đám dân núi, học hành võ vẽ chưa hết một trang sách, tầm mắt chưa qua khỏi đọt tre làng, làm thế nào đủ kiến văn giải đáp được các điều lớn trùm thiên hạ. Vì không trả lời được mà lòng cứ thắc mắc, chờ ngóng người

uyên bác để hỏi thăm, để học hỏi. May có ông Cống từ Thăng Long lạc bước vào đây, chú Huệ lợi dụng cơ may, đem thắc mắc ra hỏi. Xin cho biết tôn ý, ông cống Chỉnh ạ!

Chỉnh biết không thể từ chối được, bèn ngồi ngay ngắn, lấy mặt nghiêm trước khi nói:

– Thì tôi xin trả lời cho tướng công vậy. Thế nào mới là điều thiện? Theo tôi, đơn giản lắm. Điều thiện là sự thành công. Thế thôi!

Cả phòng chung hửng vì câu trả lời bất ngờ ấy. Nhạc thắc mắc:

– Ông Cống nói gọn quá tôi chưa kịp hiểu! Chẳng lẽ vấn đề đơn giản như vậy sao? Và nếu nói như ông Cống, thì cái ác là sự thất bại ư?

Vì đón trước phản ứng của cử tọa, nên Chinh mỉm cười nhìn khắp mọi người. Ông bắt gặp nụ cười khinh bạc của Huệ, và vẻ mặt khó chịu của ông giáo.

Còn Nhạc và Nhật thì thích thú vì bất ngờ, lạ lùng. Chinh chậm rãi giải thích:

– Trước hết tôi xin nói ngay phân biệt thiện ác là điều không hợp với luật tự nhiên. Trời đất, sông núi, hoa quả, cây cỏ, muôn thú, côn trùng, không từng phân chia thiện ác, mà chỉ tuân theo một qui luật: Luật sống. Phải sống trước đã. Mà đã sống thì phải cạnh tranh nhau để giành lấy miếng mồi, chỗ núp trước hiểm họa, chỗ ngủ qua đêm. Mọi vật đều chịu sự cạnh tranh để tồn tại, mạnh thì được, yếu phải thua. Quý vị đừng vội bĩu môi chê tôi là thằng nhà nho vô hạnh. Xin

ráng nghe tôi nói. Vâng, không có điều gì cao cả thiêng liêng cho bằng sự sống. Thiên địa chi đại đức viết sinh. Thánh nhân đã nói vậy. Ai cũng muốn sống, nói rộng ra là vật gì cũng chứa trong nó một thứ sức mạnh để sống và bảo tồn sự sống. Con người là một sinh vật khôn ngon nhất của trời đất nên chẳng những muốn tồn tại mà còn muốn được hiện diện đời đời, ai ai cũng nhớ tưởng đến mình ngay cả sau khi nhắm mắt. Tôi có thể để quý vị thấy ngay các bậc thánh hiền xem thường bon chen, danh lợi, đời sống cơm áo tầm thường dung tục như chúng ta, thực chất chỉ là những kẻ tham sống tham danh hơn ai hết. Sống. Sống, sống cao hơn mọi người, sống lâu hơn mọi người, đó là ước muốn tự nhiên của tất cả chúng ta.

Khốn nổi danh lợi thì ít mà tất cả mọi

người đều cố cạnh tranh để tìm một chỗ đứng tốt. Người khỏe mạnh mưu trí thì muốn một mình chiếm lấy vai thủ lãnh, kẻ kém hơn thì tìm người hợp thành tập đoàn để cùng chiếm ưu thế, chiếm xong lại phải xảy ra một cuộc tranh giành khác để kẻ bạo nhất, lạnh nhất, xảo trá nhất thanh toán được đối thủ lên ngôi thủ lãnh. Những người kém thế, chậm chạp, nhút nhát còn lại thì suốt đời vâng vâng dạ dạ. Cuộc bon chen cạnh tranh đó là luật sống của tự nhiên, không thể xếp cái gì là thiện cái gì là ác. Nhưng sở dĩ có sự phân biệt thiện ác lâu nay là vì kẻ mạnh ở chỗ ưu thế không muốn mình kém mạnh hoặc suy yếu đi để bị kẻ khác thay thế. Hẳn thành công hơn kẻ khác, nên lo sợ tất cả những người không thành công bằng hẳn. Hẳn ngồi trên chỗ cao mà không lúc nào an tâm. Cho nên hẳn phải tìm ra một lý thuyết để buộc tất cả

mọi người tin rằng hắc ở trên cao là do ý trời, vì những lý do cao cả, siêu linh, điều hắc làm là thiện, ai không nghe theo hắc là kẻ ác. Có thể tên chủ lãnh vực về ăn nói, suy nghĩ nông cạn, giỏi bạo hành và âm mưu hơn là lập thuyết. Nhưng ở đời không bao giờ thiếu bọn lưu manh giỏi tài miệng lưỡi. Chúng đoán được ý của thủ lãnh, và với óc thông minh và tài lợi khẩu, chúng có thể đẻ ra hàng nghìn hàng vạn lý thuyết biện biệt phân chia thế nào là thiện, thế nào là ác. Xem thế thì thiện là gì? Ác là gì? Tôi mạnh bạo trả lời cho quý vị rằng: Thiện là thành, ác là bại. Hễ thành công thì tự nhiên thiện. Cho nên điều quan trọng là phải thành công. Quý vị nghĩ xem. Nếu Hàn Tín không thành công, thì ai không chê cười cái thằng hèn hạ đến nỗi chịu lòn tròn tên vô lại giữa chợ, và trên đời có ai biết đến bát cơm Phiếu Mẫu. Cái đẹp của tính nhẫn nhục

và lòng nhân hậu của Phiếu Mẫu sở dĩ còn lưu truyền là nhờ sự thành công của Hoài Âm hầu. Do đó tôi mới dám bảo “Thiện là sự thành công”

Nhạc cười ha hả thích thú, nói lớn:

– Hay lắm! Ông Cống nói thật hợp ý tôi. Phải, thành công thì điều thiện tìm đến, thất bại thì điều thiện bỏ đi. Được làm vua thua làm giặc, tục ngữ đã nôm na thế từ lâu rồi. Phải không ông Cống? Nhưng này, theo ý ông thì anh em chúng tôi có thể thành công được không? Hay nói theo ông, có thể trở nên “người lương thiện” được không?

Chỉnh bối rồi một chút, nhưng kịp trấn tĩnh ngay, Chỉ cười bảo Nhạc:

– Tại sao Tráng tiết Tướng quân lại hỏi tôi câu ấy? Tướng quân đã nhận khời

giáp của hoàng triều, tất nhiên là chịu vâng theo điều thiện rồi. Xin chúc mừng điều thiện lớn tướng công đã đạt được, là trở thành bề tôi của hoàng triều.

Chỉnh nâng chung rượu lên mời mọi người. Nhạc cười ha hả lần nữa, mạnh dạn đưa cao chung rượu nốc cạn. Nhật bắt chước Nhạc, ngửa cổ uống hết rượu trong chung bạc. Ông giáo do dự, mãi đến lúc gặp Chỉnh xoi mói nhìn mình, ông mới đưa rượu lên nhấp vài ngụm cho có lệ. Chỉ một mình Huệ thân nhiên không cầm đến chung rượu. Chỉnh mỉm cười hỏi:

– Tiên phong Tướng công suy nghĩ gì thế?

Huệ nhìn thẳng vào mặt Chỉnh đáp:

– Cảm ơn ông Cống. Hình như ngài

vẫn chưa tìm ra điều thiện lớn cho riêng mình, nên tạm uống rượu mừng cái thiện có sẵn của kẻ khác. Chung rượu hôm nay chưa được uống là vì vậy...

Nhạc sợ em làm mất lòng khách quý, vội cắt lời Huệ:

– Chú em tôi hay thắc mắc chuyện dưới đất trên trời. Nhưng phải nhận hôm nay chú ấy khá lắm. Đáng thưởng một chung rượu. Chú Huệ, chú chưa uống vì chưa tìm ra lẽ thiện, thì bây giờ phải uống cạn chung rượu thưởng của anh. Không được chối từ đâu!

Huệ vâng lời Nhạc, nhưng lúc ngược cổ nốc cạn chung rượu đắng, anh nhìn trại chủ với đôi mắt trách móc, gần như hờn giận bi thiết. Không ai nhận ra ánh mắt bi phẫn ấy, ngoài ông giáo.

Cả Huệ lẫn ông giáo đều muốn nói chuyện riêng với nhau. Không nói không được! Nhất là phải nói ngay hôm nay!

Nhưng lúc chỉ còn hai thầy trò trước thềm dinh phủ, chung quanh là đêm trăng non và gió se lạnh, họ đâm ra lúng túng không biết phải nói với nhau điều gì. Lòng cả hai thầy trò đều nôn nao, khốn khổ. Họ bứt rứt, áy náy nhìn nhau, ái ngại cho nhau, thương hại lẫn nhau. Mãi một lúc lâu, ông giáo mới tìm được một đề tài không động chạm đến nỗi đau chung. Ông hỏi Huệ:

– Anh có thấy ông ta nhai lại giọng phần kích của Tử Trường hay không? Anh còn nhớ bài Tựa truyện Du Hiệp

trong Sử Ký chứ? Người nhà quê có câu rằng: Biết đâu nhân nghĩa, làm lợi cho ta kẻ có ơn. Cho nên Bá Di cho nhà Chu là xấu, chịu chết đói ở núi Thú Dương; vậy mà Văn, Vũ chẳng vì có đó kém vẻ vang. Chích Cước ngang ngược mà đồ đệ nhớ nghĩa vô cùng. Do đó mà coi: “Ăn trộm lừa câu thì chết chém. Ăn trộm nước người thì phong hầu. Cửa nhà hầu, nhân nghĩa thiếu gì đâu”.

Huệ trầm ngâm lắng nghe lời thầy, bùi ngùi nhớ lại những ngày An Thái. Tự nhiên nước mắt rơm rớm, và cổ anh nghẹn. Ông giáo chờ mãi không thấy Huệ trả lời, hỏi lại:

– Anh nhớ đoạn đó chứ?

Huệ nuốt nước miếng trả lời được mấy tiếng:

– Dạ nhớ.

– Ông ta cũng nói cùng một ý đó, nhưng tại sao tôi tự nhiên ác cảm với lập luận của ông ta, trong khi vẫn thông cảm với Tử Trường? Anh có thấy được điều khác biệt không?

Huệ cảm động, vì hiểu ý nghĩa lời ân cần sẵn đón của thầy, hiểu chủ đích của ông giáo khi kiểm chuyện bàn luận đông dài với anh. Huệ ngược lên nhìn ông giáo chớp chớp đôi mắt và đáp:

– Con cũng cảm nhận điều đó. Cái khác nhau giữa Tư Mã Thiên và ông cố Chỉnh là ở tâm trạng phát ngôn: Tư Mã Thiên phát biểu trong lúc tuyệt vọng phần chí, nghĩa là vẫn tin ở điều tối thiện nhưng đau đớn vì chưa đạt tới được. Ngược lại, ông cố Chỉnh xem tất cả chỉ là phương tiện để tư lợi, và phủ

lên sự thấp hèn ích kỷ ấy lớp lớp khói thuyết lý.

Ông giáo vui mừng tìm được người hiểu mình, reo lên:

– Anh nói đúng lắm. Tôi cũng nghĩ như vậy. Cách nguy biện này còn nguy hiểm hơn cả chính sự xác nhận đời là sự cạnh tranh sinh tồn, mạnh được yếu thua. Nó hợp lý hóa một điều bất đắc dĩ, như đem chuyện buồn the ra kể trước công chúng.

Huệ nói:

– Con nhớ có lần đã thừa với thầy là trước sau gì bọn cơ hội tứ phương cũng đánh hơi thấy mùi mật ngọt mà bu đến đây như một đàn ruồi. Chúng còn đông hơn, nguy hiểm hơn bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn du thủ du thực lâu nay nhan

nhân quanh chúng ta. Nguy hiểm hơn vì chúng thông minh hơn bọn trộm cướp, được việc hơn bọn vong mạng dốt nát, ngoan ngoãn giỏi nịnh hơn bọn cố chấp hẹp hòi. Khó phân biệt được người thiện chí và kẻ xu thời cạnh tranh. Con nghe hẳn lý thuyết đông dài, nhìn đôi mắt hẳn lão liên, tự nhiên rờn rợn. Không hiểu tại sao con đâm ghét cay ghét đắng hẳn ta. Rồi nhìn cái cười đắc chí của anh con, con ghét lây cả...

Huệ chợt nhớ đến giới hạn, vội ngưng lại. Dù sao đi nữa, anh không có quyền nói xấu anh mình. Ông giáo cảm động vì sự tin cậy của Huệ, ngầm hiểu nguyên do của sự phản kích, sự quá đáng trong cách xét đời xét người. Ông an ủi:

– Rồi mọi sự không đến nỗi bi quan như anh nghĩ đâu. Trên đời lẽ thiện vẫn sáng, và phải thắng. Những gì buồn khổ,

bất như ý rồi cũng qua đi. Thời gian cuốn hết những thống khổ. Ông trời thật hay: vừa cho người ta trí nhớ, nhưng cũng cho người ta sự quên lãng. Ngày mai thức dậy, tối hôm nay đã thành một kỷ niệm. Mà kỷ niệm nào rồi cũng phải mờ, như một cái gương cũ.

Huệ đột ngột nắm tay ông giáo, giọng nói run run:

– Con cảm ơn thầy nhiều. Vâng, con hiểu lòng tốt của thầy. Ngày mai con đi xa rồi, không biết có mau được dịp trở lại thăm thầy hay không. Tuy nhiên dù ở đâu, xa xôi cách mấy, con vẫn không quên ơn thầy. Có điều này con thành thực thưa với thầy, là hiện nay vị thế của thầy bấp bênh lắm. Nguy hiểm là khác. Con nói chuyện qua với Bùi Văn Nhật và ông Chỉ, là hiểu hết. Cũng may anh con vẫn còn xem trọng những ý kiến của

con. Nhưng con sợ... con vẫn sợ...

Ông giáo ôm lấy hai vai Huệ. Ông muốn khóc vì xúc động. Không ai hiểu ông bằng Huệ, không ai thấy rõ cuộc đời ông, tâm tình ông, cả sự nguy hiểm trắc trở về sau của ông bằng người học trò đang giữ vai trò lịch sử quan trọng này. Ông vỗ nhẹ vào lưng Huệ, cố dẫn xúc động, lấm bầm:

– Cảm ơn anh. Tôi hiểu... Chúng ta quá hiểu nhau. Như vậy là quý lắm rồi, may lắm rồi. Ráng giữ gìn sức khỏe, và niềm yêu đời, Huệ nhé!

Hai thầy trò chia tay nhau dưới vòm sương khuya và ánh trăng thượng tuần lơ mờ. Huệ quay về dinh phủ, mắt còn xốn xang vì hình ảnh hai cái lồng đèn vẽ hình loan phượng treo trước cửa nhà ông giáo. Anh bước gấp như chạy trốn, lưng

nhột nhật vì ý nghĩ hai ánh sáng lay lắt ấy giống y hai con mắt tinh ranh đùa cợt trên nỗi đau khổ đầu đời của anh. Tới lúc vào hẳn trong dinh, nghe tiếng đàn tiếng hát Nhạc chiêu đãi sứ bộ, Huệ mới bớt ám ảnh ray rứt. Sau khi Mịch biểu diễn xong một đoạn ghen tuông trích trong vở Phụng Nghi Đình, Chinh ca hứng hát một bài quan họ Bắc Ninh để đáp lễ. Lời ca bài Trèo lên cây gạo như sau:

Trèo lên cây gạo cao cao

Bước xuống vườn đào thấy áo người phơi

Thấy áo sao chẳng thấy người

*Như đứng nhà giột như ngồi chuồng
chim*

Thấy chuồng sao chẳng thấy chim

Để tôi chỉ quyết đi tìm một đôi

Tưởng rằng chim lẻ bắt chơi

Không ngờ chim đã đủ đôi cả rồi.

Huệ ngồi phía sau sân hát, nên lúc anh bỏ về, không có ai trong cuộc vui hay biết gì!

Chương 37

Có lẽ suốt cuộc đời dài, không bao giờ An có những kỷ niệm xót xa và đáng chán cho bằng kỷ niệm ngày cưới.

Từng đọc khá nhiều bài thơ ca tụng đêm hợp cẩn, niềm vui vu qui, An so sánh những gì đã đọc với những gì mình trải qua, thấy buồn cười cho tài vẽ vời của thi sĩ. An đã ráng nghĩ tất cả mọi người đều hân hoan hạnh phúc trong ngày vu qui, chỉ riêng có mình là bất hạnh. Nhưng qua kinh nghiệm của Thọ Hương, và suy

luyện khách quan từ kinh nghiệm mình, An cương quyết nghĩ rằng các thi sĩ cổ kim đã lừa dối những người đọc nhẹ dạ. Nhất là những cô gái tuổi cập kê! Sau tiệc cưới An trở về phòng tân hôn như một cái xác biết đi và biết giả bộ cười. Những gì cô phải đảm đương gánh vác từ sáng tới giờ vượt quá sức chịu đựng của thân thể yếu đuối. Nhiều đêm trước cô không ngủ được. Ngày đám cưới cô phải phụ giúp việc nấu nướng, tiếp chuyện với những bạn bè và người đến mừng. Cô phải cố làm ra vẻ vui tươi, liến thoắng, hoạt bát, thông minh, e thẹn, ngúng nguẩy... nghĩa là làm đủ thứ kịch cớm theo đúng đòi hỏi của vai cô dâu hạnh phúc. Nhưng có hai công việc nặng nề nhất đối với An là: chiều theo các nghi thức phức tạp và dài dằng dặc do ông thầy cúng đưa ra, và phải gặp Huệ.

Hình như để an ủi cho ông thầy cúng (không được Nhạc giao tổ chức lễ tiếp án) trại chủ đã ủy nhiệm cho ông đứng ra thay mặt nhà trai lo liệu tất cả nghi thức lễ lạc của đám cưới. Chỉ sung sướng ra mặt vì sự tín nhiệm lý thú này. Lâu nay Chỉ vẫn có ác cảm với thầy giáo. Nay được tự tay xếp đặt chuyện cưới xin ngay trong nhà đối thủ, tự bày vẽ cách thức cúng bái cho đối thủ và con gái tuân hành, có khác nào được đi săn ngay trên đất cấm. Có lẽ vì thế mà Chỉ đã bày vẽ quá mức đòi hỏi. An và Lợi quì đến ê cả đầu gối, lạy hết bàn thờ này đến bàn thờ khác, dâng rượu và lạy tạ gần như khắp mọi người có tuổi.

Cuộc gặp gỡ Huệ trong tiệc cưới cũng tạo ra những xúc động mạnh mẽ trong tâm hồn An. Cô sợ nhất là gặp Huệ, cô sợ bị Huệ nhìn với đôi mắt kh-

inh bỉ, thù ghét. An tưởng tượng những gì Huệ sẽ nghĩ về mình, nên trước khi phải gặp Huệ, cô đã cố tập trung tất cả những định kiến, hiểm nghi, ngộ nhận tai hại nhất về Huệ để làm tấm khiên chống đỡ. Cô nhắc đi nhắc lại mãi cho nhập tâm: Anh ấy xem thường ta nghèo, anh ấy lạnh nhạt với ta. Từ trước đến nay anh ấy chưa bao giờ nhớ tưởng đến ta. Vậy thì việc gì mà ta sợ gặp anh ấy. Mà giả sử anh ấy có yêu thương ta thực nhưng bị trại chủ ngăn cản không dám cùng ta nên vợ chồng, thì anh ấy chỉ là con người tầm thường, con người hèn nhát. Ta càng phải trang điểm thật đẹp để anh ấy phải tiếc nuối, hối hận. Chính ý nghĩ phải làm cho Huệ tiếc nuối là liều thuốc an thần giúp An giữ được khá đủ bình tĩnh khi bước vào tiệc cưới. Thiên hạ trầm trồ khen An đẹp, An sung sướng, và nhìn về phía Huệ xem đôi mắt ấy có

biểu lộ sự khâm phục, và sự tiếc nuối hay chưa. Lúc đó Huệ quay mặt về phía cổng Chính nên An không nhìn được gì. Cô tiến gần, tiến gần Huệ hơn. Cô đã có thể nhìn sâu vào mắt Huệ. Lúc anh đưa tay nhận chung rượu từ tay An, và bàn tay run run chạm nhẹ vào ngón tay út của An, cô đọc thấy trong ánh mắt ấy không phải sự khâm phục, cũng không phải sự hối hận nuối tiếc, mà là sự thương xót ái ngại, sự tuyệt vọng đến bi phẫn. An lạnh cả người, bàng hoàng tự hỏi: “Thế là thế nào? Đôi mắt ấy, vẻ mặt ấy, bàn tay run run ấy, lời nói ấy, tất cả không có chút kiêu ngạo hờ hững nào, Huệ giấu được tình cảm với ai khác, nhưng không thể giấu được An. Cô suýt bật khóc vì xúc động. Khi giọt nước mắt đọng trên khóe và chực lăn xuống má, cô phải tránh nhìn về phía mọi người, giả vờ đưa tay lên gạt mồ hôi trán để che giấu sự đau

đón. Cơn bão ấy qua đi, để lại những dư ba bùi ngùi. Lòng An bồn thần, hoang mang.

Trở về phòng tân hôn, An bài hoải, chán nản như vừa chạy qua khỏi một vùng tha ma đầy bóng tối. Hai vai An mỏi rần, người hâm hấp sốt. Mỗi lần bước đi bấp chân nhức nhối. Và điều bất ngờ nhất, là An bị ra kinh nguyệt sớm hơn thường lệ.

✱

Lợi bước nhẹ vào phòng với nụ cười nửa bên lên nửa lém lỉnh. Mặt anh còn đỏ rần vì bị bạn bè ép rượu không thể từ chối được. Anh nhìn An, thấy vợ ngồi ở mép giường, tay mân mê mép chiếu hoa, mặt cúi xuống như ngượng nghịu.

Lợi khép nhẹ cửa phòng lại. Cánh cửa xoay êm, nhưng lúc ập vào khuôn gỗ, lại kêu một tiếng két khá lớn. Lợi hơi lo người ngoài biết dụng ý của mình, dùng hai tay nâng cánh cửa lên một chút để dễ cài then hơn. Xong đâu đó, Lợi bước nhẹ về phía vợ. An vẫn không ngước đầu lên. Lợi tưởng An giận, cười nhỏ rồi bào chữa:

– Tụi nó ép quá, anh không thể từ chối được. Nhưng anh cũng có cách riêng để khỏi phải gục tại chỗ. Anh giả vờ đưa cao ly rượu nốc cạn, thực sự là đổ hắt ra phía sau. Tụi nó say, đèn lại mờ, nên không nhận ra anh ăn gian. Ủa, sao em chưa thay áo?

An hiểu cái lúc mình lo lắng nhất đã đến, lúng túng đưa tay lên hàng cúc áo để giữ chặt lại. Lợi tưởng vợ vâng lời mình, hấp tấp hỏi:

– Em muốn thay cái áo nào? Cái áo lụa nhé? Hay là cái áo nhiều vàng?

An ngược lên nhìn Lợi, hơi chạnh lòng thương hại chồng vì vẻ sốt sáng của anh. An lễ phép đáp:

– Cảm ơn anh. Em tự đi thay lấy cũng được.

Lợi rụt rè đề nghị:

– Nhưng anh thích em mặc cái áo nhiều vàng. Để anh đi khép cửa sổ bắc lại. Khiếp, đêm nay gió lạnh quá.

An bước về phía sau tấm màn thay quần áo. Sự hồi hộp lo sợ khiến mồ hôi cô vã ra ướt đầm cái yếm trắng. Điều cô lo sợ nhất là mỗi lúc kinh nguyệt ra càng nhiều hơn. Bên ngoài tấm màn, Lợi đang đóng lại hai cánh cửa sổ. An cảm thấy nhớp nháp khó chịu, nhưng không dám

xuống phía bếp để rửa ráy, vì ngại ngừng. Cô lo sợ liếc ra phía ngoài, thấy Lợi đi đi lại lại giữa khoảng cửa sổ và cửa lớn, như đang nôn nao chờ đợi điều gì. An lau qua thân thể, rồi mặc cái quần đen và cái áo nhiều vàng như Lợi dặn. Cô vừa bước ra khỏi màn thì Lợi đã hấp tấp bước nhanh đến ôm chầm lấy An, siết thân thể mềm yếu của vợ trong hai cánh tay. Lợi áp má lên tóc An, rồi áp mũi hít say sữa hương tóc. An trăn người vì sượng sùng và vì sợ hãi. Cô hoang mang không biết phải làm gì để gỡ hai cánh tay tham lam của chồng. Mà quả thực Lợi quá tham lam. Hình như anh chưa dám tin An đã thực sự thuộc về mình, vẫn còn tưởng tất cả chỉ là mơ ước, người con gái hiện đang thu người khấp nép trong lòng mình còn là một ảo ảnh. Cho nên Lợi dùng bàn tay phải mân mê, sờ soạng khắp mặt mũi, thân thể vợ, làn da mịn màng, hương

thơm ấm áp, cái cổ tròn, đôi vú nhỏ và mềm, trái tim đập gấp, đôi tai xinh xắn nép sau làn tóc mượt, hơi thở dồn dập, và cả đến mùi mồ hôi toát ra từ nách áo, anh muốn căn cứ vào tất cả những thực hữu cụ thể ấy để trọn vẹn tận hưởng niềm hân diện. Lợi vừa áp mặt vào ngực, vào nách vợ vừa lăm bầm như người say:

– Em là của anh. Từ nay em là của anh. Có thực sự như vậy không An. Em đã là của anh phải không? Trời ơi. Anh sung sướng quá. Em đã là vợ anh. Tất cả tấm thân này là của anh sao?

An muốn ngộp thở vì sợ hãi, không nói được lời nào. Cả người cô tê dại, một thứ cảm giác xa lạ lan ra khắp người An, nhất là lúc Lợi áp mặt vào ngực cô – An cũng không biết Lợi đã tháo hàng cúc chiếc áo nhiều vàng từ lúc nào. Lúc lấy được đôi chút ý thức, An mới

nhận ra hoàn cảnh đáng bẽ bàng của mình. Chiếc áo nhiễu đã rơi xuống đất, trên thân thể An chỉ còn cái quần đen và chiếc yếm trắng. Da thịt An lộ lộ từ khuôn mặt phấn sáp, chiếc cổ cao, đôi vú nhỏ, và phần trên của bụng. Lợi vẫn ôm riết lấy An, mặt dụi vào cặp vú trần. Mỗi lần Lợi chạm vào đầu vú, An lại thấy buốt ở ngực, rồi cảm giác nhức buốt dần dần tan loãng ra, thành một niềm tê dại, thành một khoái cảm lẫn lẫn truyền từ chân tóc đến mấy đầu ngón chân. Mắt An nhắm lại, như sợ thấy tất cả những gì đang diễn ra. Sợ thấy mình say dại, lơ trên trước ánh đèn!

Lợi dìu An đến chỗ giường, hai tay vẫn mơn man khắp phần trên của thân thể vợ. An sợ hãi không biết điều gì sẽ xảy ra nữa. Thấy Lợi đưa tay lần giải lưng quần. An chợt nhớ đến những lời chửi

rửa tục tũ giữa những người vợ lính. Cô hoang mang tự hỏi: Hóa ra tất cả những điều ghê gớm ấy đều có thực hay sao? Vợ chồng nào rồi cũng phải bắt buộc ân ái với nhau như vậy, giao hợp với nhau chẳng khác nào tất cả giống đực và giống cái trên đời giao hợp để sinh đẻ, truyền giống mà tồn tại. Cùng với sự sợ hãi, An cảm thấy thân thể mình nhớp nháp hơn. Cô nắm lấy bàn tay Lợi. Lợi khựng lại, ngơ ngác hỏi:

– Em sợ đèn sáng hả?

An vừa thở vừa nói:

– Đừng anh! Em sợ lắm.

Lợi cố cười gượng, bảo vợ:

– Có gì mà sợ. Vợ chồng ai cũng phải thế cả!

An nhất định nắm lấy tay Lợi, giọng van nài:

– Để hôm khác đi anh. Hôm nay em không được khỏe.

Lợi nhất định không tin lời An, bảo vợ:

– Em, đừng nói dại. Đêm nay là đêm hợp cần mà!

An vội nói mau:

– Nhưng em có kinh.

Lợi giật mình khựng lại, dăm dăm nhìn An. An giận đến run cả người vì cái nhìn hoài nghi ấy. An gắt gỏng hỏi:

– Anh không tin em ư?

Đôi tay Lợi dần dần rời lỏng. Giọng Lợi có vẻ thất vọng, chán nản, Lợi nói:

– Không. Anh tin em chứ. Khiếp. Sao anh cảm thấy ngọt quá. Ta mở cửa cho thoáng khí một chút nhé.

Lợi không chờ An bằng lòng, tiến về phía cửa sổ. An phải vội vợ chiếc áo nhiều khoác lên người. Trong sự thay đổi của Lợi, An cảm thấy có gì hơi tàn bạo và thô lỗ. An chưa dám tin ở cảm tưởng ấy, vì từ trước đến sau, lời lẽ của chồng vẫn ôn tồn nhã nhặn. Tuy thế, An vẫn cảm thấy có một vết thương nào đó trên tình vợ chồng, vết thương nhỏ và kín đáo như một vết rạn. Đêm đó, đêm tân hôn, hai vợ chồng nằm xoay lưng vào nhau, và cũng thao thức chờ gà mau gáy sáng.

*

Liên tiếp mấy hôm sau An được dịp chứng kiến khả năng thích ứng nhạy bén của chồng để hòa nhịp với cuộc sống bình thường. Đối với người khác, làm điều gì không đúng với sự thực tự nhiên người ta dễ ngượng ngịu, vấp vấp, ăn nói ú ớ, bào chữa vụng về. Nhưng với Lợi thì sự thực chính là điều phải làm. Anh hết sức tự nhiên khi đỏ mặt lúng túng trước các lời bông đùa của bạn bè. Người thì bảo:

– Trông cặp mắt mắt ngủ của nó kìa. Phải điều độ nghe bạn!

Người thì bảo:

– Sao mới có mấy hôm mà nó gầy xọp thế.

Lợi không cãi chính, còn cố ý khiến bạn bè hiểu lầm rằng mình đã quá

say duyên mới quên cả giữ gìn sức khỏe. Được dịp cho mọi người cười hô hố, và lúc nào cũng vậy, Lợi cười dòn hơn, to hơn các bạn.

Khi chỉ còn hai vợ chồng, thì Lợi cư xử khác hẳn. Anh cau có, cáu gắt. An không biết phải nói gì để Lợi hiểu rằng biểu lộ sự cau có trong trường hợp như vậy là thiếu tế nhị. An tin rằng Lợi không có kiên nhẫn để suy nghĩ cho thấu những ràng buộc phức tạp ấy. Vì thế, An nuôi tiếc, rồi lại hối hận vì đã nuôi tiếc.

Cuộc sống chung với một người đàn ông, chia sẻ với nhau những điều vụn vặt, tầm thường, và riêng tư, cuộc sống đó mới đầu không khỏi có những vấp vấp, bất tiện. An không quen ngủ chung giường với người khác. Không quen nghe tiếng ngáy, và đôi khi tiếng ú ớ mê sảng giữa đêm khuya. Không quen

để cho người nào choàng tay lên ngực mình, gác chân lên vế mình. Những va chạm, ràng buộc mới mẻ ấy, An cảm thấy khó chịu, mà không thể nào tránh được.

Liên tiếp mấy đêm cô không chợp mắt, hết trăn trở lại nằm yên đếm thầm để dễ giấc ngủ. Lợi vô tâm hơn, sau đêm tân hôn thất vọng, bắt đầu sang đêm thứ hai hể đặt lưng xuống chiếu là ngáy. An tò mò nhìn chồng ngủ, ngắm kỹ cái trán hẹp, đôi mắt sâu, cái mũi thanh, đôi môi mỏng, khuôn mặt xương xương, mái tóc thưa và dài: phải công nhận chồng không đến nỗi xấu trai. Ngược lại là khác. Đôi lúc An đưa tay vuốt nhẹ lên má Lợi lúc Lợi ngủ say, An cảm thấy da mặt chồng hơi ứt mỗ hơi dẫu. Những điều cụ thể ấy thuộc thành phần của tình vợ chồng, cũng như những bất tiện An phải làm quen mấy hôm nay. An tự nhủ mọi sự

rồi sẽ quen đi, như mọi người đã quen. Kể cả làm quen với sự thất vọng và nỗi xót xa.

Phải chờ đến đêm hai vợ chồng thực sự giao hợp với nhau An mới hiểu hết ý nghĩa của cuộc sống mới. Sự vô vậ tham lam của Lợi khiến An sững sờ. Cô dọn mình chờ đợi điều ấy xảy ra, nhưng khi nó đến, cô sững sờ kinh ngạc. Như vậy là “ân ái”, “gối chăn” đấy ư? Sự đau đớn đến tận cùng thân xác, nỗi khó khăn của cả hai vợ chồng để hoàn tất một hành động gần như thô鄙, cuồng bạo, để rồi cuối cùng, cả hai nhể nhại mồ hôi và rời rã chân tay, chán nản nhìn nhau như hai chiếc lá úa, tất cả những cái đó là tình vợ chồng đấy ư? Là niềm mơ ước của tất cả các thiếu nữ, là ý nguyện của tất cả trai tráng hiền lành lãng mạn, là điều bậc cha mẹ muốn con gái con trai nên vợ

nên chống trước khi yên tâm nhắm mắt
đấy ư? An thao thức suy nghĩ mãi, trong
khi Lợi nằm xoải chân tay ra ngủ, nét
mặt thỏa mãn. Vết buốt vẫn còn đỏ trên
thân thể An, và sự xót xa trong tâm hồn
vẫn còn đó. An không thể hiểu được loài
người, khi so sánh niềm e ấp hân hoan
của tình yêu và cảm giác đau buốt nhớp
nháp của cuộc ân ái. Tình yêu nào cũng
phải trả giá ấy sao? Hay đó là cái giá trả
trước để được vinh dự làm mẹ? Tại sao
không ai nói trước cho ta biết những
cảnh huống này, để một mình ta lần mò,
dò dẫm, quờ quạng đi tìm sự thực? Bao
nhiều câu hỏi hiện ra trong đầu An. Lợi
vẫn ngủ say. Ngọn đèn dầu leo lét gần cái
kệ gỗ. An đối diện với đêm dài và niềm
khắc khoải. Những đêm tân hôn của An
chậm chạp trôi qua, trong nỗi thao thức,
nỗi xót xa, trong mớ bòng bong của
những câu hỏi không có giải đáp.

Phải chờ khá lâu, khoảng mười hôm sau ngày cưới, khi An bắt đầu cảm được những khoái lạc của chăn gối, cô mới dần dần ý thức rằng: không có nỗi đau nào không có đền bù, và không có hạnh phúc nào không phải trả giá. Dần dần An cũng quen đi, và hòa nhịp trở lại với cuộc sống đều đặn quanh mình.

*

Khi qua khỏi được cơn khủng hoảng của đời sống vợ chồng, An mới thấy rõ trạng thái tâm hồn của cha. Ông giáo rút đứng ngồi không yên, gần như đánh mất hẳn sự trầm tĩnh cổ hữu. Những ngày chuẩn bị đám cưới con gái và tiếp sứ giả nhà Trịnh đã khiến ông lầm tưởng rằng mình lại được tin cần, ân cần mời chào ở khắp nơi, không còn bị cô lập như

trước nữa. Ông giáo đã lầm lẫn tai hại!

Sau khi sứ bộ ra về, và hai người lính đến gỡ hai cái lồng đèn loan phượng đem nhập kho, ông giáo mở cửa chờ mãi không thấy ai lui tới. Chờ khách không được, ông mặc áo đội khăn đến thăm viếng bạn bè. Cách tiếp đãi lạnh lẽo, những câu nói nhát gừng, cùng vẻ mặt láo liên e dè của chủ nhà chẳng khác nào gáo nước lạnh dội lên sự hăm hở nhiệt tình của ông. Chưa tin ở cảm giác bề bàng ban đầu, ông đi thăm thêm vài người nữa. Đâu đâu ông cũng gặp những khuôn mặt sợ sệt lấm lét ấy. Ông bắt đầu hiểu. Giận quá, ông tìm đến Bùi Văn Nhật. Nhật nại có bận việc cho lính ra bảo mình chưa có thì giờ tiếp chuyện thầy giáo được. Ông thui thủi ra về, lòng ngao ngán náo nề!

Ông giáo không chịu ngồi yên. Ông

dò la tìm hiểu nguyên do sự lạnh nhạt của mọi người đối với ông. Dĩ nhiên ông chỉ nghe được những tin đồn, hoặc những lời thiên hạ xôn xao bàn tán ở các quán rượu, góc chợ, bến đò. Ông nghe tin quân Trịnh đã bắt đầu triệt thoái khỏi Châu ố, và rút về đóng ở dinh Chàm. Rồi ngay đạo quân lâu nay vẫn trấn giữ Quảng Nam cũng rút bớt về Thuận Hóa. Ông đoán; “Phải rồi. Nay áp lực ở phía bắc không còn nữa, Tây Sơn sẽ dồn tất cả lực lượng tấn công vào nam.

Trong cuộc cờ mới, Nhạc đã dứt khoát tuyệt tình với nhà Nguyễn. Đông cung hết bị quản thúc ở An Thái, lại bị đưa đi Hà Liêu, rồi Bồng Giang. Thọ Hương xin theo chồng cho đủ nghĩa nhưng Nhạc cương quyết không cho. Nếu ông cả chưa giết đi, chỉ vì chưa thấy cần. Cái gai trước mắt chính là Gia Định.

Không chóng thì chầy, thế nào Huệ cũng đưa quân vượt đèo Cả để vào chiếm Bình Khang, hoặc bằng đường thủy tấn công thẳng vào Gia Định. Mọi sự không thể khác được, nên rõ ràng ta không còn chỗ đứng nào ở cái phủ này. Trời ơi! Ta lầm lẫn, nhẹ dạ quá chừng. Ta cứ tưởng mọi sự đã thay đổi!”

Cách suy đoán ấy dù sao cũng an ủi được ông giáo. Ông hết ngạc nhiên về thái độ của mọi người. Cả đến tin buồn ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống gia đình ông là Lợi đã bị huyền chức, không được trông coi quân lương như trước, cũng không khiến ông ngạc nhiên. Ông nghĩ điều đó tất nhiên phải đến, cũng như không trước thì sau, toàn thể lực lượng Tây Sơn sẽ đổ vào Phú Yên để đánh tan vành đai phòng ngự của Tổng Phúc Hợp ở hòn Khôi. Về điểm này, ông

giáo đoán sai! Khoảng tháng Chín, ông thấy lác đác có những toán quân nhỏ rút khỏi Phú Yên trở ra bắc. Càng về sau, số quân di chuyển ấy càng nhiều, và trông cách ăn mặc, đi đứng, tổ chức đội ngũ, ông ngờ ngợ nghĩ rằng các toán quân đó phải rút lui trong hỗn loạn và bất ngờ. Rồi thêm các lời thì thào truyền miệng ở góc phố đầu chợ rằng đạo quân của Lý Tài ở Phú Yên đã làm phản, trở mặt liên kết với Tổng Phúc Hợp.

Ông giáo lạnh toát mồ hôi vì sợ hãi. Nếu tin này đúng sự thực, thì một lần nữa ông bị liên lụy. Con trai ông đi theo Lý Tài, và ông biết tính tình Chinh hơn ai hết, chắc chắn Chinh sẽ chọn con đường phản trắc đầy phiêu lưu hơn là trở lại nương nấu dưới mái gia đình.

Ông giáo chưa kịp đi xác minh hư thực thì Bùi Văn Nhật đã cho lính đến

mời ông lên gặp. Hai tên lính có mang giáo căn dặn kỹ là gặp ông Nhật, chứ không phải gặp ông Nhạc, trại chủ.

Nhật hăm hăm nhìn ông giáo tiến vào phòng như nhìn một kẻ thù chưa từng quen biết. Anh ta bắt đầu ra hiệu cho ông giáo ngồi trước bàn mình, rồi hỏi ngay:

– Ông đã nhận được tin mừng chưa?

Ông giáo ngơ ngác hỏi lại:

– Tin mừng gì hở anh?

Nhật dần từng tiếng:

– Tin quân ngũ dinh của ông đã lấy lại được toàn phủ Phú Yên mà không tốn một mũi tên chứ tin gì!

Ông giáo nổi giận, gay gắt bảo:

– Anh phải ăn nói lễ độ và dàng hoàng với người lớn tuổi. Tại sao anh bảo: “quân ngũ dinh của tôi”?

Nhật cười nhạt không có chút bối rối nào, đáp lại:

– Không của thầy giáo thì của ai? Vì cậu con trai yêu quý của thầy giáo đã đầu hàng quân ngũ dinh rồi. Chẳng lẽ thầy chưa biết gì cả!

Ông giáo chột dạ, thành thực đáp:

– Tôi chưa hay tin đó. Có chắc chắn không?

Nhật tức giận nói:

– Không chắc ư? Cả bọn Lý tài ở Phú Yên liên lạc với Tổng Phúc Hợp để xin dâng trọn cả phủ cho hắn, trong bọn tất nhiên có con trai ông giáo. Công lao khó

nhọc của Tiên phong Tướng quân một sớm một chiều bị bọn phản trắc đổ cả xuống biển. Chiếm được Phú Yên rồi lại mất Phú Yên. Nghĩ giận quá! Lần trước thầy đề nghị Nguyễn Phúc Chất đi, Chất trốn. Lần này con thầy đi, con thầy trốn. Sao có sự trùng hợp lạ lùng vậy? Thầy giáo giải thích được không?

Ông giáo nói chậm và lớn tiếng:

– Tôi không cần giải thích với anh.

Nhật quát to:

– Thầy phải giải thích với tôi. Với tôi, thầy nghe rõ chưa? Trại chủ không có thì giờ tiếp thầy, đã ra lệnh cho tôi gọi thầy lên để buộc thầy giải thích cho rõ. Đây là lệnh, không phải là lời cầu khẩn, van xin.

Ông giáo đành mặt lại, đáp gọn:

– Nếu thế thì được. Ông cứ hỏi.

Nhật ngồi ngay ngắn trên ghế, chăm chăm nhìn ông giáo thật lâu mới hỏi câu đầu:

– Tháng nay thầy có viết thư cho tên Chinh không?

– Không.

– Tên Chinh có viết thư về nhà không?

– Không.

– Trước khi vào phủ Phú Yên với Lý Tài, tên Chinh có bàn luận điều gì với thầy không?

– Không.

Nhật tức giận nói:

– Vô lý quá. Sau một trận đánh thập

tử nhất sinh, đưa con trở về nhà gặp cha. Rồi trước khi vào trận nguy hiểm khác, đưa con không nói năng, thổ lộ, tâm sự gì với cha cả. Nếu ở vào địa vị tôi, thấy có tin ba chữ KHÔNG ấy không?

Ông giáo dùng giọng thách đố liều lĩnh đáp:

– Tin được chứ! Và nếu tôi ngồi vào chỗ của anh, tôi sẽ tùy người mà đặt câu hỏi.

Nhật đỏ mặt vì giận, nhưng trấn tĩnh được ngay. Anh cười nhẹ một tiếng, rồi nói:

– Thôi được. Có lẽ tôi vụng về thật. Tôi có hỏi thầy cũng bằng thừa, vì nhất định thầy không chịu nói. Tính tôi thích nói thẳng cho đơn giản gọn ghẽ. Chúng tôi không còn tin ở thầy nữa. Thầy trở

thành người đáng nghi. Tôi nghĩ thái độ mọi người đối với thầy gần đây đã đủ cho thầy hiểu điều đó. Mọi người ai cũng lo bảo toàn thân mình, gia đình mình, không muốn liên lụy đến kẻ đáng ngờ. Thầy càng ở đây càng không có lợi. Tốt hơn hết, thầy nên đem gia đình về lại An Thái, chú Bốn Chiêu sẽ lo tìm nhà cho thầy ở. Càng sớm càng hay cho thầy!

Ông giáo mím môi suy nghĩ, thấy không còn gì để nói nữa. Tất cả đã được quyết định. Ông hỏi Nhật:

– Tôi về được chưa?

Nhật thoải mái hơn vì nghĩ là làm xong một việc phức tạp và khó khăn, tươi cười nói:

– Được. Thầy có thể về. Tôi mong thầy không giận tôi, vì tôi chỉ là người

chấp hành lệnh. Chừng nào thầy đi xin báo cho tôi biết, để tôi giúp đỡ phương tiện vận chuyển cho. Gửi lời thăm hai vợ chồng An Lợi, thầy nhé! Gớm, hôm đám cưới linh đình thật. Tôi say một bữa chưa từng có trên đời!

✱

Ông giáo chờ bữa cơm tối có đầy đủ con gái và con rể mới báo tin gia đình bị cưỡng bách cư trú. Lúc đó họ đang ăn cơm dưới ánh đèn dầu lạc. Ông nói gọn và đột ngột quá, An chưa hiểu tầm quan trọng của vấn đề, hỏi lại:

– Cha bảo gì ạ?

Ông giáo nói thật chậm, thật rõ lần nữa:

– Bùi Văn Nhật vừa gọi cha lên, bảo phải đem gia đình về An Thái càng sớm càng tốt.

An trở mắt nhìn cha, hỏi:

– Chuyện đó có thật sao? Anh ta có quyền gì ra cái lệnh ngu xuẩn như vậy?

Ông giáo giải thích cặn kẽ hơn:

– Không phải anh ta ra lệnh mà chính trại chủ bảo anh ta ra lệnh. Vì sao ư? Vì thằng Chinh đã theo Lý Tài, và Lý Tài đã đầu hàng Tổng Phúc Hợp.

An hải hùng không nuốt nổi miếng cơm đang nhai dở. Cô há hốc nhìn cha, rồi lại nhìn chồng. Lợi lắc đầu, chán ngán nói:

– Con đã nghe phong thanh chuyện đó từ mấy hôm nay. Họ huyền chức con

cũng vì vậy. Ông Nhật nghi gia đình này bàn tính chuyện phản trắc, lần lượt sẽ cho con cái trốn vào nam.

An tức quá cãi lại:

– Ai mà chẳng bị anh ta nghi! Anh ta nghi cả chính anh ta, không dám tự tin nữa! Cha nhớ không, mỗi lần muốn cười, muốn nói, muốn ngồi xuống hay đứng lên, anh ta phải liếc nhìn trại chủ rồi mới bắt chước. Một người như thế...

Ông giáo cắt lời An:

– Con không nên nói nhiều. Không có lợi đâu. Gia đình ta hiện ở trong cảnh ngộ khốn đốn, nguy hiểm hơn bao giờ hết. Các con tính thế nào?

An run run hỏi:

– Còn anh Kiên với em Lãng nữa, thừa cha. Có tin gì của Lãng không?

Lợi buồn rầu nói:

– Hồi chiều con gặp anh Kiên đi làm bên kho lương. Con còn nghe người ta đồn hình như lực lượng ở Cù Mông sẽ được điều ra Quảng Nam dẹp loạn ngoài đó. Nếu thật như vậy, thế nào nay mai họ cũng kéo qua đây.

Rồi giọng Lợi trở nên than van, hối tiếc:

– Tự nhiên đang vui vẻ bình yên thì tai họa ập tới. Nếu anh Chinh không mê theo lũ trộm cướp, rượu chè...

An giận dỗi cướp lời chồng:

– Anh đừng nói vậy. Không phải chỉ vì anh Chinh mà ông Nhật muốn hại gia đình ta đâu. Đây chỉ là cái cố thôi!

Lợi cãi lại:

– Nhưng hôm đám cưới linh đình vui vẻ thế!

An nhìn Lợi, thương hại sự hời hợt của chồng. Nhưng An không dám nói hết những điều An nghĩ. Cô mũi lòng, thương cha, thương mình, thương luôn cả anh chồng nông cạn. Ông giáo ái ngại nhìn An, rồi quay sang bảo Lợi:

– Ăn cơm xong, anh lại nhà thằng Kiên bảo nó qua đây tôi bàn tí việc.

Lợi đáp:

– Dạ. Hay con đi ngay bây giờ?

– Hãy ăn xong đã.

Lợi và vôi lưng bát cơm ăn dở, rồi thưa:

– Con no rồi. Mời cha xơi tiếp đi. Con chạy một chốc là về ngay. Em cho anh cây tăm!

An đứng dậy tìm tăm cho chồng. Lúc Lợi bước đến cửa nhà, đột nhiên An lo sợ, gọi lại hỏi:

– Anh Lợi. Đi bây giờ có tiện không?

Lợi cảm động vì đôi mắt lo âu của vợ, vuốt má An nói:

– Không việc gì đâu. Anh đi một chút, về liền.

Lòng An tự nhiên lâng lâng buồn. Lúc bụng mâm bát xuống nhà bếp, cô mũi lòng, bắt đầu thút thít khóc.

✱

Kiên ngăn ngừa không muốn bỏ cái quán rượu đang đông khách để theo cha về An Thái, nên ông giáo quyết định chỉ về đó với vợ chồng An Lợi. Ông không còn tha thiết gì cái phủ Qui Nhơn nữa. Bùi Văn Nhật bảo ông đi sớm chừng nào tốt chừng nấy. Ông sẽ đi sớm hơn Nhật tưởng. Trong thâm tâm, ông xem đó là một phản ứng can đảm cần thiết của người có liêm sỉ. Ở lại thêm một ngày, Nhật lại tưởng ông đang tìm cách trì hoãn để chạy chọt, van nài, cầu khẩn được ở lại. Ông mà làm cái việc đáng hổ thẹn ấy ư? Không! Thà chết còn hơn hạ mình năn nỉ Nhật!

Ông thúc giục An và Lợi thu xếp hành lý thật nhanh để lên đường.

Không hiểu do nguồn gốc nào, cái tin gia đình ông giáo bị buộc phải rời khỏi phủ lan truyền mau chóng khắp

nơi. Bình thường thì tin ấy dễ chìm trong không khí sôi động dồn dập biến cố của Qui Nhơn thời đó. Nhưng sở dĩ nhiều người bàn tán chuyện gia đình ông giáo, là vì họ vừa mới chứng kiến một lễ cưới linh đình rộn rịp với sự tham dự của đầy đủ nhân vật tai mắt. Sự thất thế mau chóng của ông giáo thật đáng bàn tán, nó giống như trò ảo thuật lật ngược lật sắp bàn tay. Các người quen biết cũ của gia đình ông dù muốn cũng chưa dám công khai đến an ủi, chia buồn. Chỉ có bọn con buôn và những bà nội trợ tham của rẻ là mạnh dạn xông đến. Họ biết căn nhà của ông giáo có một số đồ gỗ và đồ sứ khá đắt giá. Ông giáo phải đi vội, nên bán đồ bán tháo với giá hạ. Các bà nội trợ lảng giềng thậm thò thậm thụt trước cửa để hỏi An, xin trước cái rổ chén bát, ống cắm đũa, mấy cái nồi niêu, cái chổi tàu cau...

Tự nhiên kẻ ra người vào tấp nập hẳn lên. An phải hứa bữa với các bà nội trợ để họ yên tâm ra về, tuy vậy lúc chia tay, họ vẫn ân cần căn dặn cho An khỏi quên.

Lợi lo việc thương lượng cò kè giá cả các loại bàn ghế và đồ gia dụng. Chủ nhà quẩn luyến với những đồ đạc quen thuộc thường đánh giá cao, trong khi người mua cậy sự thất thế cấp bách của chủ nhà lại trả giá quá thấp. Lợi quen việc mua bán mà suốt hai ngày chưa bán được thứ gì. Ông giáo đi ra đi vào đụng người, nhiều lúc đang nằm trên phản lơ mơ chờ giấc ngủ trưa phải bật dậy vào buồng trong để tránh một khách hàng đến mua cái phản gỗ. Ông thầm nhủ không thể chịu đựng được nữa cảnh sống quẩn bách kỳ quái này. Ông muốn bỏ hết lại cho thiên hạ, chỉ mang theo

cái bọc vải đựng vài bộ quần áo, vài tập thơ và lương thực ăn đường như lần ông chạy nạn khỏi Thuận Hóa. Nhưng gia đình ông đã có thêm một người rể mới, và ông giáo phải để cho Lợi gánh vác một phần trách nhiệm.

Trong lúc gia cảnh bối rối như vậy thì Lãng về!

Cậu nôn nóng đến nỗi xin phép Huệ được mượn ngựa, bỏ đoàn đi sau để một mình về nhà, trong đầu sôi sục ý định nên thơ là tìm gặp chị để trách móc, nếu cần mắng nhiếc cho một trận. Cậu không thể chịu đựng được “sự phản bội”. Phải, cậu quan niệm giữa mình, An và Huệ đã có với nhau một thứ mặc ước bất thành văn nào đó, mặc ước sẽ suốt đời trung thành với nhau, thương yêu đùm bọc lẫn nhau bằng một thứ tình yêu cao cả, siêu việt, thuần khiết, thơm như hương

hoa và nhẹ như mây. Có thể mỗi người có một sở phận riêng, một ý thích riêng. Lãng không thích mấy sự đam mê tham dự vào lịch sử của Huệ, cậu cũng không thích khuynh hướng thực tiễn khi suy xét đời sống của chị. Nhưng điểm chung của cả ba là khao khát được trung thực, căm ghét sự giả dối và mơ ước được sống một cuộc sống phong phú và cao khiết nhất. Cậu nghĩ như vậy, nên hãy tưởng tượng nỗi tuyệt vọng của Lãng khi được Huệ báo tin An đã lấy chồng. Mà lấy ai kia chứ? Lấy cái anh băng nhắng. Một trời u ám đổ sập lên hồn Lãng. Cậu không thể tin được. Người chị thân yêu của cậu, người chị từng mê thơ như cậu, từng say sưa bàn tính tương lai với cậu, từng sáng mắt khi cậu nhắc đến Huệ, có thể nào người chị ấy lại lầm lạc đến nỗi đột nhiên chộp áo một anh băng nhắng níu về làm chồng. Lãng nhất định không

chịu hỏi Huệ thêm chi tiết nào nữa về vụ đám cưới. Cậu sợ sự thật. Cậu cũng ngại làm khổ Huệ.

Rồi những tin buồn cứ dồn dập đến. Tin Lý Tài phản trắc. Tin Chinh cũng bỏ theo Lý Tài đầu hàng Tổng Phúc Hợp. Tin mấy người bạn trẻ của Lãng bị bọn phản bội giết đi vì không chịu về hòa với chúng... Sự trở mặt của Lý Tài đã làm rối loạn cái thế phòng thủ của đạo quân Cù Mông, nên Huệ lại phải nhọc công thanh lọc, củng cố, xếp đặt lại từ đầu. Phủ Phú Yên lại về tay kẻ thù, ỨC NHẤT là mất cả phủ vì sự phản trắc từ bên trong chứ không phải sau một cuộc chiến đấu xứng đáng.

Lãng bốn chồn khổ sở như người ngồi trên lửa. Rõ ràng cậu đã, hoặc đang ở vào một khúc quanh tâm lý quan trọng, khúc quanh mà cậu đoán ở phía trước

chưa ở tầm mắt, có nhiều đau xót, tuyệt vọng nào nề chờ đợi mình. Cái tuyệt vọng trước tiên là chuyện An lấy Lợi.

Con ngựa khỏe đưa Lãng về gần cửa thành, thì Lãng càng lo lắng. Cậu càng gần đến lúc phải chạm mặt với sự phũ phàng. Tại sao lại có thể như vậy được? Sao chị ấy lại chịu lấy hắn? Ai ép uống chị? Cho dù có ép uống, sao chị ấy lại bằng lòng? Còn cha ở đấy làm gì? Sao cha không lên tiếng?

Lãng xông xộc vào nhà trong lúc Lợi cò kè bớt một thêm hai với một bác buôn đồ gỗ. Ông giáo và An ở phía nhà sau, Lợi không ngờ có Lãng về, mà cũng không nhận ra Lãng, nên mau mắn hỏi:

– Anh định đến mua gì ạ?

Lãng cúi kính đáp:

– Không mua gì cả. Cha tôi đâu rồi?
Chị An đâu?

Lợi nhận ra Lãng. Anh ta hét to lên:

– Em ơi, có Lãng về. Cha ơi, Lãng về rồi. Sao em biết tin mà về hờ Lãng? Hay là người ta trả em về để cùng với gia đình...

Lãng chường tai vì giọng thân mật của Lợi, hỏi cộc lốc:

– Chị tôi đâu?

Lợi không đủ tế nhị để đoán nỗi bức dọc của Lãng, vẫn vui vẻ đáp:

– Chị An hả? Sắp ra thôi! Em ơi, có Lãng về kìa.

An chạy ra nhà trước, tay còn cầm cái khăn lau mặt. An chạy nhanh đến định nắm lấy hai tay em nhưng Lãng rút

tay về, mắt hằm hằm nhìn An. An hiểu ngay tâm trạng Lãng. Tim cô đau nhói, e dè liếc về phía Lợi. Thấy chồng lại tiếp tục nói chuyện với bác lái buôn, An kéo Lãng ra hiên trước, run run hỏi:

– Em mới về hở Lãng? Ai cho em biết tin?

Lãng nói giữa kẽ răng:

– Chị còn hỏi như vậy được à? Chị lấy được tấm chồng, mời đủ trong nam ngoài bắc đến khoe, ai mà không biết?

An ngổ ngàng nhìn em, khi hiểu hết, cô vừa sung sướng vừa đau xót. Cô hiểu Lãng phản ánh được một phần tâm hồn Huệ, nên thì thào trước em:

– Lãng nỡ đay nghiến chị nặng lời thế sao? Tội nghiệp chị mà em!

Lãng muốn bật khóc khi hỏi:

– Thế sao chị bằng lòng?

An lắc đầu chậm chậm, không thể trả lời em trong vài câu được. Cô đưa tay áo lên chùi nước mắt. Lãng tò mò nhìn kỹ khuôn mặt chị, sau đó nhìn khắp thân thể chị như muốn tìm những dấu tích dơ dáy xấu hổ. Cậu chỉ thấy đôi mắt chị buồn, và thân thể hơi đầy ra. An không muốn em khơi sâu chuyện cũ, hỏi Lãng:

– Gia đình mình bị bắt buộc phải rời đây ngay, em biết chưa?

Lãng giật mình hỏi:

– Chị nói gì? Ai bắt buộc?

– Còn ai nữa. Sau khi anh Chinh theo Lý Tài đầu hàng, Tiết chế Hiệp, gia đình mình bị ngờ là phản trắc. Họ cũng

trả em về à? Thôi, như vậy gia đình đoàn tụ để dựa nhau mà sống cũng hay!

Lãng vội cái chính:

– Không, không em về đây với đoàn tùy tùng anh Huệ. Không biết anh ấy biết việc này chưa?

An bản khoản, nhưng cũng cố bi thảm hóa để đỡ thất vọng:

– Có lẽ trại chủ đã báo cho anh ấy biết trước rồi!

Lãng giận quá, cãi lại:

– Không thể như thế được. Em biết anh ấy không hay biết gì. Nhất định anh ấy chưa biết việc này. Chị vào đi. Thừa giùm với cha là em quay trở lại tìm anh Huệ rồi về đây ngay. Vô lý lắm. Không thể như thế được.

Không chờ An nói gì. Lãng hấp tấp chạy ra đường. Cậu quyết trở lại con đường cũ để gặp Huệ.

*

Khi nghe An báo tin có lẽ Lãng sẽ dẫn Huệ đến thăm, cả ông giáo lẫn Lợi đều mừng rỡ. Nhất là ông giáo. Còn Lợi thì... cười mà như bị ép buộc, ngồi đứng thắc thỏm không yên. Lợi nói với An:

– Anh quên là có chút việc phải nói với người bạn. Em và cha ở nhà tiếp khách nhé!

An nhìn về mặt Lợi, tự nhiên đâm thương hại chồng, An nín tay Lợi, bảo:

– Em muốn anh có mặt ở đây. Muốn hai vợ chồng ta ở đây.

Lợi gỡ tay vợ ra, bảo An:

– Không. Anh có chuyện gấp thật mà. Anh đi một chút về liền. Anh không nói dối đâu.

Ông giáo hiểu ý Lợi, không nói câu nào để giữ rể lại. Vì thế, khi Lãng và Huệ đến thăm, chỉ có hai cha con ông giáo ở nhà.

Bộ áo giáp Huệ mặc trên người bám đầy bụi bặm, mái tóc dày bù rối vì gió thổi. Gương mặt rám nắng, còn nhể nhại mồ hôi và giữ nguyên nét lo âu.

Vừa bước vào nhà thầy, Huệ đã lơ lảo nhìn quanh như muốn tìm ai. An e thẹn cúi mặt xuống không dám nhìn Huệ. Ông giáo hiểu ý học trò liền bảo:

– Anh ấy vừa có việc phải đi. Anh vừa về đã đến ngay đây sao?

Huệ yên tâm, vừa ngồi xuống mép phản trước mặt thầy vừa đáp nhỏ:

– Vâng ạ. Con gặp Lãng ở trước cửa thành.

Rồi quay sang phía Lãng, Huệ nói:

– Em trở ra bảo anh em liên lạc để xếp đặt chỗ ăn chỗ ngủ đêm nay cho đoàn. Không biết chừng mai ta lại đi sớm.

Lãng vâng lời bước ra cửa. Ông giáo vội hỏi:

– Anh về gấp thế kia à?

– Dạ. Bọn con cháu nhà Nguyễn ngoài Quảng Nam lại mưu toan nổi dậy. Có lẽ chúng thấy Việc Quận công đã rút quân về bên kia đèo Hải Vân, tưởng thời cơ đã tới rồi. Nghe đâu có nhiều nhóm

lắm, mạnh nhất là nhóm Nguyễn Phúc Quyền và Nguyễn Phúc Xuân. Thầy và gia quyến lâu nay vẫn khỏe ạ?

An ngược lên nhìn Huệ, khi nghe Huệ dùng hai chữ “gia quyến” để tránh nói đến mình. Cô bắt gặp Huệ đang nhìn mình. Trong một thoáng ngẩn ngui, Huệ đọc được trong đôi mắt An nỗi hốt hải cầu khẩn. Ánh đèn chiếu nghiêng vào gương mặt An, đôi mắt loang loáng nước mắt như muốn báo cho Huệ biết An hết có thể chịu đựng nổi cuộc đời An nếu không có ai giúp đỡ. Huệ cảm thấy thương xót người bạn gái, tò mò nhìn kỹ khắp người An. Anh cũng thấy An hơi đầy, như sức nặng của cuộc sống mới đè lên hai vai nên phần thân thể phải trầm xuống một chút, nở ra một chút để vững chân để mà chịu đựng. Anh cũng thoáng nghĩ đó là sự biến đổi nơi tất cả những

người con gái vừa lấy chồng, nhưng ý nghĩ đó làm anh đau buốt, nên cố hết sức xua đi. Anh vội tiếp câu chuyện với thầy để trí khỏi nghĩ vớ vẩn. Huệ hỏi:

– Con nghe Lãng vừa cho biết ông Nhật...

Ông giáo vội đáp:

– Phải. Chúng tôi phải rời đây càng sớm càng tốt. Ông Nhật bảo đó là lệnh. Nguyên do chỉ vì thằng Chinh đã bỏ theo Lý Tài. Chuyện đó anh biết rồi.

Huệ nói:

– Vâng, con biết. Con biết rõ hơn cả ông Nhật.

Ông giáo chợt tìm ra một nguồn hy vọng. Ông hấp tấp hỏi:

– Anh làm ơn cho tôi biết đi. Nó có phải là một tên phản trắc nguy hiểm đến nỗi người ta nghi ngờ luôn cả gia đình không?

Huệ nhìn thầy giáo, rồi nhìn An. Hai người nhìn Huệ với ánh mắt cầu khẩn thông cảm. Anh không dám nhìn An lâu, vội nói với thầy:

– Không phải điều gì cũng đơn giản cả. Thầy yên tâm. Anh Chinh không phải là một người xấu. Chốc nữa con sẽ thuật hết mọi điều với anh con. Về việc ra đi, con tin anh con sẽ hiểu thầy. Chậm nhất là sáng mai con sẽ...

Ông giáo cắt lời Huệ:

– Nhưng mai anh đi rồi.

Huệ đáp:

– Có thể mai con với Lãng đi sớm. Cho nên mọi sự sẽ giải quyết ngay đêm nay. Con sẽ cố gắng.

Lòng An tràn ngập vui mừng. Đến lúc đó, không dần được nữa, An bật lên khóc. Huệ sợ phải chứng kiến cảnh người bạn gái khóc nức trước mặt mình, vội đứng dậy cúi chào thầy:

– Con xin phép lên phủ gặp anh con.

Và dùng tất cả cố gắng, Huệ mới nói tiếp được phần sau câu:

– ... Xin thầy và An đừng lo ngại thái quá. An, đừng khóc nữa!

Ông giáo không biết nói gì để cảm ơn học trò. Cổ họng ông nghẹn, ông chỉ biết cầm tay Huệ lắc nhẹ. An thì ngồi yên chỗ cũ, cúi mặt tẩm tức khóc. Cô nghe tiếng chân Huệ bước ra cửa, nhịp mạnh

và chậm. Cô khóc thật lâu, càng khóc càng thấy nỗi khổ lênh láng mênh mông thêm, thấy cuộc ly cách vĩnh viễn, trùng trùng.

An nghe tiếng ông giáo chúc Huệ khỏe và may mắn trong trận mới, gửi gắm Lãng cho Huệ. Nghe tiếng toán lính hộ vệ vâng dạ sau khi Huệ dặn dò họ gì đó với một giọng trầm khó nghe. Rồi tiếng gươm giáo chạm vào giáp sắt, tiếng lục lạc, tiếng ngựa hí. Toán tùy tùng này giờ vẫn chờ Huệ trước cửa nhà An đã theo chủ tướng lên ngựa, chạy về phía đóng bản doanh.

✱

Đúng như Huệ báo trước, sáng hôm sau, đạo quân của Huệ xuất quân ra phía

bắc để dẹp loạn Nguyễn Phúc Quyền và Nguyễn Phúc Xuân. Tối hôm ấy, ba anh em Nhạc, Huệ, Lũ đã đóng cửa phòng tranh luận suốt đêm về đủ mọi vấn đề, trong đó có chuyện ông giáo. Với uy tín đang lên trước toàn thể quân sĩ, cộng với sự am tường diễn biến vụ phản trắc Lý Tài và tấm nhiệt tình bênh vực thầy cũ, Huệ đã thuyết phục được Nhạc. Anh chứng minh cho anh cả thấy vụ Lý Tài phản bội là khâu cuối của một đoạn thanh lọc đáng mừng, chứ chưa hẳn là một thất bại đau xót. Anh cũng nêu rõ: hơn lúc nào hết, không nên để cho họ Trịnh ở Thuận Hóa và họ Nguyễn ở bên kia Cù Mông tưởng rằng hàng ngũ lãnh đạo của Tây Sơn bắt đầu phân hóa. Trại chủ nghe em nói, lòng còn bất quyết. Đến khi Bùi Văn Nhật vào báo tin Nguyễn Khoa Kiên đã tự tử để khỏi phải ra Quảng Nam chống lại các toán nghĩa binh của hai vị tôn

thất, Nhạc mới mạnh dạn quyết định.

Nhạc ra lệnh cho em xuất hành ngay sáng mai, và hứa xét lại trường hợp ông giáo. Dĩ nhiên hai anh em đều biết vai trò chính trị của ông giáo đã hết. Điều quan trọng là làm sao sau khi ông giáo rút lui, không có một tác hại nào cho vận mệnh chung. Nhạc suy nghĩ, và cuối cùng bằng lòng thu hồi lệnh trục xuất, tiếp tục cho Lợi làm việc với Lữ, nhưng toàn gia đình phải dời ra ở ngoài thành, trong khuôn viên cây cối rậm rạp u nhã của một tên duệ lại cũ từ thời Nguyễn Khắc Tuyên. Nhạc sẽ chu cấp để ông giáo đủ sống an nhàn, suốt tuổi già còn lại.

Giải pháp đó, Huệ thông báo cho Lãng để Lãng báo ngay cho ông giáo khuya hôm ấy. Lần đầu tiên trong đời ông giáo ôm chầm lấy Lãng mà khóc, như ôm lấy cái bóng của đứa học trò

cũ. An cũng nắm lấy tay em, căn dặn giữ gìn sức khỏe khi vào trận mới. Lãng khá kinh ngạc khi nghe cái giọng âu yếm khác thường của chị. Quá khuya, không thấy Lợi về, Lãng hỏi An:

– Anh ấy đi cả đêm à?

An ngượng nghịu bảo em:

– Chắc anh ấy thấy ở lại bất tiện. Chắc anh ấy... anh ấy cũng nghĩ chỉ còn hy vọng vào sự can thiệp của... của...

An không dám nhắc đến Huệ trước mặt em. Lãng chăm chăm nhìn chị, một lần nữa cố xoi mói tìm những dấu vết biến đổi sau khi chị lấy chồng. Và một lần nữa, Lãng chỉ thấy chị hơi đầy, mắt buồn rầu cam chịu, ngoài ra không có gì khác. Lãng buồn ngủ ngủ, hỏi An:

– Hôm đám cưới chị có nhận được thư em không?

An ngạc nhiên hỏi:

– Thư nào?

Lãng vô ý đáp:

– Thư em gửi anh Huệ đem về cho chị mà. Nhưng... nhưng...

Lãng nhớ nội dung lá thư, không nói gì nữa. An cũng thẹn thùng liếc nhìn em. Lãng ngồi nói chuyện vắn vơ quanh co với chị một lúc nữa, rồi tạm biệt cha và An để về trại.

*

Lịch sử ghi rằng tháng Ba năm Bính Thân (1776) Nhạc xưng vương, đặt Lũ

làm Thiếu phó, Huệ làm Phụ chính, Nguyễn Thung làm Nguyên nhung, Diệm làm Sĩ sử, giáo Hiến làm Quân sử, Tân làm Lại bộ, Bạc làm Hộ bộ, Chỉ làm Lễ bộ, Vĩnh làm Binh bộ, Bùi Văn Nhật làm Hình bộ, Phạm Ngạn làm Nội hầu, Bùi Đắc Tuyên làm Thái úy, Đặng Văn Châm làm Ngự úy, Diệu làm Điều khiển, Nghĩa làm Đốc vụ, Vân làm Tổng nhung, Uy làm Đô đốc, Chấn làm Chỉ huy, Đá, Tiếp, Hồng đều làm Đô úy (Chính biên liệt truyện, q.30, 14a).

Vai trò nòng cốt thực sự của vương triều mới kiểm soát suốt một dải đất rộng từ đèo Hải Vân đến đèo Cù Mông gồm có Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc, Thiếu phó Nguyễn Lữ (với cánh tay phải là Lợi), Phụ chính Nguyễn Huệ, Bùi Văn Nhật, Chỉ, Năm Ngạn, Bùi Đắc Tuyên và Đặng Văn Châm.

Các chức vụ khác đều là chức hàm, như tẩm sắc đốt trước mộ phần các liệt sĩ để thanh toán cho xong một món nợ ân nghĩa. Riêng chức quân sư của ông giáo thì giống như cái dấu mốc chấm hết một sinh mệnh chính trị. Từ đó về sau, sử sách không nhắc gì đến ông giáo nữa. Ông đã chịu dạt sang lề, thui thủi lặng lẽ dưới ngôi nhà lá mái nằm khuất sau vườn cây ăn quả rậm rạp ở Bằng Châu. Các con ông, học trò ông sẽ tiếp tục gặp các vinh nhục, rủi may, thiện ác, mà ông đã trải qua, mỗi đứa theo mỗi cách, như những nhánh sông sau khi tiếp được đầu nguồn, rẽ ra nhiều ngả, nhánh lặng lẽ róc rách, nhánh êm ả hiền hòa giữa hai bờ lúa rộng, nhánh cuồn cuộn gào thét qua bao thác ghềnh, nhánh uốn khúc quanh co nhưng thu được tất cả phù sa của các dòng bè bạn để mang nhập vào bể cả...

Nhưng những gì xảy ra sau năm Bính Thân đều ở ngoài tầm tay của thầy giáo Hiến, thuộc hẳn vào một cương vực khác, không khí khác, giai đoạn lịch sử khác: giai đoạn của những nhánh sông phân rẽ sau khi tiếp được cả phù sa lẫn xác lá mục của đầu nguồn.

